BAOVIET

2015 ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU KIẾN TẠO GIÁ TRỊ BỀN VỮNG

BÁO CÁO TÍCH HỢP

BAOVIET

2015

BÁO CÁO TÍCH HỢP

2015
BÁO CÁO TÍCH HỢP
TRÊN NỀN TẢNG KỸ THUẬT SỐ

HIỆN ĐẠI

THUẬN TIỆN

GIAO DIỆN PHÙ HỢP

TƯƠNG TÁC

THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG

ANDROID APP ON Google play

Download on the App Store

Truy cập vào website: baoviet.com.vn/baocaotichhop2015
hoặc quét mã QR code

Tải ứng dụng Báo cáo tích hợp tại:

* IOS: Nhập từ khóa "BaoViet Integrated Report 2015" hoặc "Báo cáo tích hợp Bảo Việt 2015"

*Android: Nhập từ khóa: "BaoViet Integrated Report 2015" hoặc "Báo cáo tích hợp Bảo Việt 2015"

MỤC LỤC

1 KIẾN TẠO GIÁ TRỊ

TỔNG QUAN

22 ▪ Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị
26 ▪ Thông điệp Tổng Giám đốc
34 ▪ Tổng quan doanh nghiệp
44 ▪ Các sự kiện tiêu biểu
48 ▪ Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản

2 KẾT NỐI GIÁ TRỊ

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

56 ▪ Lĩnh vực và địa bàn kinh doanh
58 ▪ Mô hình hoạt động kinh doanh và kiến tạo các giá trị bền vững
64 ▪ Xác định các vấn đề trọng yếu
70 ▪ Chiến lược phát triển và phân bổ nguồn lực
74 ▪ Chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020

3 HỘI TỤ GIÁ TRỊ

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

92 ▪ Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành
144 ▪ Báo cáo và đánh giá của Hội đồng Quản trị
152 ▪ Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông
156 ▪ Báo cáo hoạt động theo các đơn vị thành viên

4 CỘNG HƯỞNG GIÁ TRỊ

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

190 ▪ Tổng quan về quản trị công ty
194 ▪ Giới thiệu Ban Lãnh đạo
202 ▪ Hội đồng Quản trị
212 ▪ Các ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị
224 ▪ Phân tích quản trị công ty của Tập đoàn Bảo Việt dựa trên thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN
246 ▪ Ban Kiểm soát
250 ▪ Kiểm soát nội bộ và Kiểm toán nội bộ
262 ▪ Quản lý rủi ro
282 ▪ Pháp chế và tuân thủ

5 LAN TỎA GIÁ TRỊ

THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

290 ▪ Các ảnh hưởng từ xu hướng phát triển bền vững tới Bảo Việt
292 ▪ Con số và sự kiện
298 ▪ Thực hiện trách nhiệm xã hội
310 ▪ Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động
314 ▪ Báo cáo đảm bảo độc lập của PwC

6 GIA TĂNG GIÁ TRỊ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

320 ▪ Báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS)
424 ▪ Báo cáo tài chính riêng theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) (tóm tắt)
434 ▪ Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS) (tóm tắt)

BAOVIET

TẦM NHÌN

Giữ vững vị thế là Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, tiềm lực tài chính mạnh, tăng trưởng bền vững, hiệu quả.

SỨ MỆNH

Bảo đảm sự bình an, thịnh vượng và lợi ích lâu dài cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng.

ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU
KIẾN TẠO GIÁ TRỊ BỀN VỮNG

2015 là năm bản lề trong chiến lược kinh doanh của Bảo Việt, là dấu mốc đánh dấu chặng đường nửa thế kỷ hình thành và phát triển tại thị trường Việt Nam. Đây là cơ hội để Bảo Việt phát triển vươn lên, tạo sự thay đổi mang tính đột phá, mạnh mẽ hơn thông qua việc khơi thông các nguồn lực trong toàn hệ thống.

Khởi đầu một hành trình mới, trước thách thức về cạnh tranh trong thời kỳ hội nhập, Bảo Việt thực hiện các mục tiêu tăng trưởng bền vững thông qua việc đảm bảo tăng trưởng hiệu quả, tạo cơ sở xây dựng tiềm lực tài chính vững mạnh và từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế.

2016
ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2017
SẴN SÀNG CẤT CÁNH

2018
KHẲNG ĐỊNH THƯƠNG HIỆU VIỆT

2019
ĐẲNG CẤP QUỐC TẾ

2020
KHẲNG ĐỊNH VỊ TRÍ SỐ 1

ĐIỂM NHẤN CỦA BÁO CÁO

Báo cáo tích hợp theo chuẩn mực quốc tế International Integrated Reporting Council ('the IIRC') lần đầu tiên được Bảo Việt thực hiện dựa trên các tiêu chuẩn sau:

BÁO CÁO TÍCH HỢP NĂM 2015 CỦA BẢO VIỆT ĐƯỢC ĐẢM BẢO BỞI BÊN THỨ BA VỚI CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH VÀ PHI TÀI CHÍNH

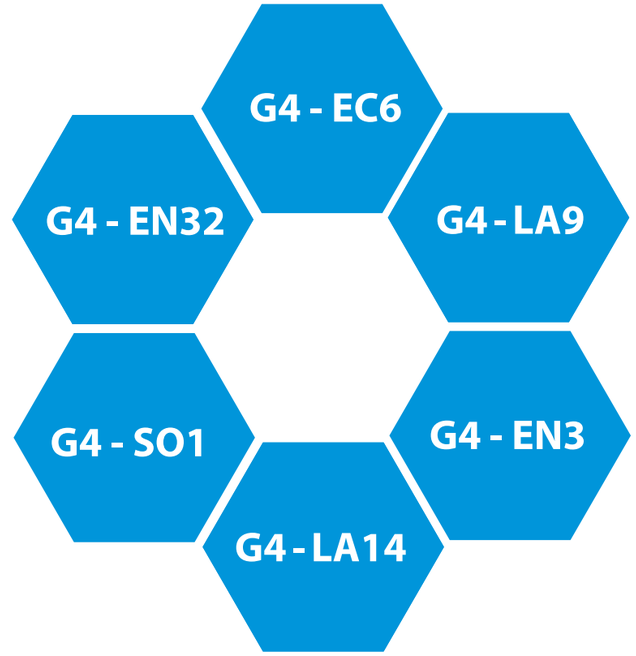

BÁO CÁO ĐƯỢC ĐẢM BẢO BỞI PwC VIỆT NAM

Năm 2015, Bảo Việt lần đầu tiên triển khai dịch vụ bảo đảm cho các chỉ tiêu nằm trong các lĩnh vực trọng yếu Tập đoàn Bảo Việt ưu tiên thực hiện trong năm 2015 đó là đóng góp gián tiếp về kinh tế (G4-EC6), trách nhiệm của nhà cung cấp (G4-EN32; G4-LA14), nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (G4-LA9),đầu tư cho hoạt động cộng đồng(G4-SO1) và các kiểm soát về tiêu thụ năng lượng (G4-EN3).

Thông tin chi tiết về Báo cáo đảm bảo độc lập của PwC xem tại trang 314

BÁO CÁO TÍCH HỢP CỦA BẢO VIỆT

Báo cáo tích hợp là báo cáo cho phép tích hợp thông tin được lượng hóa đến các chỉ tiêu cụ thể một cách đầy đủ trên các khía cạnh tài chính, quản trị, trách nhiệm môi trường và xã hội nhằm đưa ra góc nhìn toàn diện về hoạt động của doanh nghiệp trong ngắn, trung và dài hạn.

Với Báo cáo tích hợp, Bảo Việt sử dụng như một công cụ gắn kết và trao đổi với các bên liên quan một cách rõ ràng về chiến lược, kế hoạch và cách thức sử dụng nguồn lực và tạo ra các giá trị.

Các cấu phần theo mô hình báo cáo tích hợp bao gồm: chiến lược và phân bổ nguồn lực, tổng quan về tổ chức và môi trường bên ngoài, mô hình kinh doanh, quản trị, cơ hội và rủi ro, triển vọng, hiệu quả hoạt động.

XÁC ĐỊNH MÔ HÌNH KINH DOANH → **ĐÁNH GIÁ CƠ HỘI VÀ RỦI RO TRONG THỰC TẾ HOẠT ĐỘNG** → **MÔ PHỎNG CÁC QUÁ TRÌNH** → **THIẾT LẬP CÁC BÁO CÁO TÍCH HỢP**

Tập đoàn Bảo Việt tiên phong trong triển khai thực hiện xây dựng báo cáo tích hợp từ năm 2014, từng bước áp dụng chuẩn mực thông lệ quốc tế theo khuôn khổ báo cáo tích hợp.

Bảo Việt đã phân tích cơ hội, thách thức và xác định lộ trình phát triển phù hợp trên cơ sở phân bổ và khai thác các nguồn lực hiệu quả đảm bảo cân đối các mục tiêu kinh tế - xã hội và môi trường.

Mô hình hoạt động, quản trị và các kết quả hoạt động kinh doanh được phân tích theo các biến động tình hình kinh tế vĩ mô, xu hướng thị trường và các yếu tố ảnh hưởng giúp đưa ra bức tranh toàn cảnh để các bên có thể đánh giá về giá trị và hiệu quả hoạt động của Bảo Việt.

Với việc thực hiện báo cáo toàn diện các vấn đề theo định hướng tích hợp đã giúp Tập đoàn kiểm soát tốt các rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường tính minh bạch, giúp thu hút thêm các nguồn vốn đầu tư và góp phần đảm bảo phát triển trong dài hạn.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, Bảo Việt đã, đang và sẽ nghiên cứu xem xét áp dụng và triển khai báo cáo tích hợp, giúp định hình lại mục tiêu và xây dựng lộ trình phù hợp cho báo cáo tạo ra giá trị dài hạn và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao từ các bên liên quan.

ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU
KIẾN TẠO GIÁ TRỊ BỀN VỮNG

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TINH THẦN TRÁCH NHIỆM
Có tinh thần trách nhiệm với khách hàng, cộng đồng, đồng nghiệp và trung thực trong công việc.

TINH THẦN HỢP TÁC
Thể hiện tinh thần hợp tác và tôn trọng đồng nghiệp.

NĂNG ĐỘNG
Luôn năng động và sẵn sàng tiếp nhận các ý tưởng, cơ hội mới.

CHẤT LƯỢNG
Tăng cường chất lượng hiệu quả công việc và hướng tới chuẩn mực cao hơn.

DỄ TIẾP CẬN
Tạo phong cách làm việc gần gũi, dễ tiếp cận và phục vụ khách hàng chu đáo như phục vụ chính mình.

01

KIẾN TẠO GIÁ TRỊ

TỔNG QUAN

- THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- THÔNG ĐIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC
- TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP
- CÁC SỰ KIỆN TIÊU BIỂU
- CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN

KIẾN TẠO GIÁ TRỊ

Trong hơn nửa thế kỷ hình thành và phát triển tại Việt Nam,
với sứ mệnh bảo đảm sự bình an, thịnh vượng và lợi ích lâu dài cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng,
Bảo Việt mong muốn kiến tạo nên những giá trị bền vững trong dài hạn cho các bên liên quan.

THÔNG ĐIỆP
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC KINH DOANH KIẾN TẠO GIÁ TRỊ BỀN VỮNG

"Với tầm nhìn đến năm 2025 là *Giữ vững vị thế là Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, tiềm lực tài chính mạnh, tăng trưởng bền vững, hiệu quả*, Bảo Việt đặt mục tiêu giữ vững vị trí số 01 thị trường trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm phi nhân thọ; là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực quản lý quỹ, cung cấp các dịch vụ tài chính trong nước; có nền tảng, hạ tầng công nghệ thông tin đạt chuẩn quốc tế, đáp ứng tốt yêu cầu quản trị, kinh doanh trên toàn hệ thống."

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi các quý cổ đông, khách hàng và đồng nghiệp,

Bảo Việt nửa thế kỷ – Kiến tạo giá trị bền vững

Năm 2015 khép lại đánh dấu chặng đường nửa thế kỷ xây dựng, trưởng thành và phát triển của Bảo Việt tại Việt Nam, và mở ra một hành trình mới kiến tạo những giá trị bền vững, đưa thương hiệu Bảo Việt vươn ra khu vực.

Đánh giá kết quả thực hiện chiến lược giai đoạn 2011 - 2015, về cơ bản, Bảo Việt đã thành công trong việc đổi mới toàn diện trên mọi lĩnh vực, khẳng định và duy trì các lợi thế cạnh tranh trên thị trường Việt Nam với đội ngũ cán bộ, đại lý và tư vấn viên chuyên nghiệp, thương hiệu uy tín hàng đầu trên thị trường tài chính Việt Nam, cơ sở khách hàng lớn, mạng lưới phân phối rộng khắp với hơn 168 chi nhánh và 700 điểm phục vụ bảo hiểm, cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính về bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán và quản lý quỹ.

Bảo Việt đã thành công trong việc xây dựng "Một Bảo Việt, Một nền tảng mới": bước đầu xây dựng được mô hình quản trị doanh nghiệp tiên tiến theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con; hệ thống công nghệ thông tin từng bước được tập trung hóa, hiện đại hóa; hệ thống quản trị nguồn nhân lực được xây dựng theo thông lệ quốc tế; hệ thống thương hiệu được đổi mới theo hướng năng động hơn, hiện đại hơn.

Các đơn vị thành viên của Bảo Việt đã tập trung đẩy mạnh và thành công bước đầu trong đổi mới mô hình kinh doanh theo định hướng tập trung, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, phát triển đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, bước đầu phát triển sản phẩm dịch vụ tài chính trọn gói, tận dụng cơ hội mới trên thị trường tài chính. Năm 2015, Tập đoàn Bảo Việt cùng các đơn vị thành viên đẩy mạnh hợp lực trong toàn Tập đoàn nhằm khơi thông nguồn lực, phát huy sức mạnh tổng thể từ đó tạo nên sức mạnh mới cho Bảo Việt bước vào giai đoạn chiến lược 2016 - 2020.

Chiến lược 2016 – 2020: Doanh nghiệp tỷ USD cất cánh thương hiệu Việt

Sự kiện Việt Nam tham gia Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương TPP, Khối cộng đồng kinh tế ASEAN, Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (EVFTA), tự do thương mại với Hàn Quốc đã mở ra cơ hội mới cho các doanh nghiệp khi mở rộng mục tiêu hoạt động ra thị trường nước ngoài nhưng cũng đặt ra thách thức hội nhập không nhỏ cho doanh nghiệp khi phải cạnh tranh trực tiếp với các tập đoàn kinh tế đa quốc gia với nhiều năm kinh nghiệm trên thị trường trong nước. Nắm bắt được những cơ hội và thách thức này, Bảo Việt đã chủ động xây dựng chiến lược giai đoạn 2016 – 2020 đầy tham vọng và quyết tâm, theo đó, năm 2016 Bảo Việt sẽ tập trung đầu tư chiều sâu, kiến tạo các giá trị bền vững trên toàn hệ thống để làm tiền đề phát triển, khẳng định đẳng cấp quốc tế và vị trí số 01 của Bảo Việt trên thị trường tài chính – bảo hiểm tại Việt Nam đến năm 2020.

Với tầm nhìn đến năm 2025 là ***Giữ vững vị thế là Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, tiềm lực tài chính mạnh, tăng trưởng bền vững, hiệu quả***. Bảo Việt đặt mục tiêu đến năm 2020 là doanh nghiệp giữ vị trí số 01 thị trường trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm phi nhân thọ; là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực quản lý quỹ, cung cấp các dịch vụ tài chính trong nước; có nền tảng, hạ tầng công nghệ thông tin đạt chuẩn quốc tế, đáp ứng tốt yêu cầu quản trị, kinh doanh trên toàn hệ thống.

Chúng tôi tự tin đặt **mục tiêu trở thành Tập đoàn tỷ USD vào năm 2016** với tổng doanh thu hợp nhất trên 1 tỷ USD, và kỳ vọng sẽ đạt tổng doanh thu hợp nhất khoảng 33.000 tỷ đồng đến 35.000 tỷ đồng năm 2020; Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ của Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt bình quân giai đoạn 2015-2020 đạt khoảng 15%.

Để đạt được những tham vọng này, chúng tôi đã xây dựng chiến lược cụ thể cho từng giai đoạn, để chuẩn bị hành trang sẵn sàng cất cánh vươn xa giai đoạn 2019 - 2020. Vai trò của Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt trong quá trình thực hiện chiến lược 2016 – 2020 sẽ được phát huy mạnh mẽ thông qua: (i) Quản trị tập trung, điều phối nguồn lực trong toàn Tập đoàn về tài chính, nhân sự - đào tạo, công nghệ thông tin, thương hiệu, đầu tư, xây dựng cơ bản; (ii) Đẩy mạnh hợp lực Tập đoàn nhằm tối ưu hóa nguồn lực, phát huy sức mạnh tổng thể; (iii) Tăng cường năng lực tài chính của Công ty Mẹ để thực hiện tốt chức năng đầu tư vốn vào vào các công ty con trong lĩnh vực kinh doanh truyền thống và các ngành nghề kinh doanh mới tiềm năng.

Bảo Việt đã sẵn sàng cho những thay đổi mang tính đột phá, chuẩn bị đầy đủ nguồn lực cho kế hoạch đầu tư chiều sâu trên toàn hệ thống về vốn, nguồn nhân lực, công nghệ thông tin và thương hiệu để các giá trị Bảo Việt sẽ được lan tỏa và gia tăng trong dài hạn. Hãy cùng chúng tôi vững bước trên chặng đường phát triển mới với những thành công nối tiếp thành công!

Trân trọng cảm ơn.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Đào Đình Thi

THÔNG ĐIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC

VỊ THẾ DOANH NGHIỆP 1 TỶ USD
ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU KIẾN TẠO GIÁ TRỊ BỀN VỮNG

"Năm 2016, Bảo Việt sẽ tập trung nguồn lực lớn để đầu tư chiều sâu với trọng tâm là tăng cường năng lực tài chính các đơn vị thành viên, chuyển đổi mô hình đầu tư, chuyển đổi cách tiếp cận về quản trị chiến lược, thương hiệu và đặc biệt là đầu tư công nghệ thông tin để tạo bứt phá trên mọi mặt hoạt động. Bên cạnh mục tiêu tăng trưởng về lợi nhuận và tối đa hóa các giá trị đem lại cho cổ đông và các bên liên quan, chúng tôi hiểu cần phải thực hiện các đóng góp cho môi trường và xã hội để kiến tạo nên những giá trị bền vững trong dài hạn."

Kính gửi các quý cổ đông, khách hàng và đồng nghiệp,

Năm 2015, nền kinh tế vĩ mô đã có nhiều khởi sắc, GDP đạt 6,68%, mức tăng trưởng cao nhất trong 5 năm qua. Lạm phát duy trì ở mức thấp, tăng 0,63% - mức thấp nhất trong 14 năm qua. Những kết quả đạt được của nền kinh tế trong năm 2015 được kỳ vọng sẽ tạo đà phục hồi mạnh mẽ và là nền tảng cho sự phát triển của năm năm tiếp theo 2016-2020.

Đối với Tập đoàn Bảo Việt, năm 2015 đánh dấu chặng đường nửa thế kỷ phát triển vẻ vang và rất đáng tự hào của toàn hệ thống, là năm then chốt trong việc thực hiện chiến lược phát triển 05 năm giai đoạn 2011-2015 và Đề án tái cơ cấu Tập đoàn (2013-2015). Với phương châm ***"Khơi thông mọi nguồn lực cho phát triển"***, Tập đoàn Bảo Việt có những bước chuyển mình mạnh mẽ bằng việc quyết liệt thực hiện những giải pháp chiến lược có tính đột phá như nâng cao hiệu quả của các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi; hoàn thiện tổ chức bộ máy quản trị, điều hành và cơ chế quản trị tập trung xuyên suốt từ Tập đoàn tới các đơn vị thành viên, trong đó Công ty Mẹ đóng vai trò điều phối, là hạt nhân của cả hệ thống trong các lĩnh vực then chốt như nhân sự, tài chính, đầu tư, xây dựng trụ sở, thương hiệu, công nghệ thông tin; triển khai Đề án Hợp lực Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt nhằm khơi thông nguồn lực và các tiềm năng sẵn có của Bảo Việt về con người, mạng lưới hệ thống, phát triển các sản phẩm tích hợp hội tụ đặc trưng riêng có của Bảo Việt, đẩy mạnh bán chéo giữa các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn.

TỔNG DOANH THU HỢP NHẤT
20.789
TỶ ĐỒNG

Bằng sự nỗ lực và quyết tâm của toàn hệ thống, Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2015 mà Đại hội đồng cổ đông giao, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển nhanh trong giai đoạn 05 năm tới (2016-2020) và hướng tới mang lại những giá trị bền vững cho khách hàng, cổ đông và các bên liên quan.

LNTT HỢP NHẤT
1.469
TỶ ĐỒNG

PHÁT TRIỂN ỔN ĐỊNH VÀ BỀN VỮNG, KHÔNG NGỪNG GIA TĂNG GIÁ TRỊ

Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn năm 2015 đạt 20.789 tỷ đồng, vượt 10% kế hoạch, tăng trưởng 9,1% so với năm 2014. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 1.469 tỷ đồng, bằng 102% kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 1.175 tỷ đồng, bằng 103% kế hoạch.

Công ty Mẹ đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2015 do Đại hội đồng cổ đông giao với tổng doanh thu đạt 1.317 tỷ đồng, hoàn thành 100% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 1.021 tỷ đồng, hoàn thành 103,6% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế đạt 1.002 tỷ đồng, hoàn thành 102,3% kế hoạch. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ đạt 14,7%.

Tăng trưởng mạnh mẽ trong lĩnh vực kinh doanh nòng cốt

TỔNG DOANH THU BẢO VIỆT NHÂN THỌ
13.072
TỶ ĐỒNG

Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ tăng trưởng ấn tượng 21,4% với tổng doanh thu đạt 13.072 tỷ đồng, trong đó doanh thu khai thác mới đạt 2.309 tỷ đồng, tăng trưởng 23,3% so với năm 2014. Lợi nhuận sau thuế đạt 638 tỷ đồng, tăng trưởng 8,2% so với năm 2014. Đặc biệt, trong năm 2015, Bảo Việt Nhân thọ đã cho ra mắt sản phẩm Hưu trí vững nghiệp - giải pháp bảo hiểm hưu trí tự nguyện nhóm dành cho doanh nghiệp, tổ chức, giúp các doanh nghiệp, tổ chức xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp cùng một chế độ phúc lợi hấp dẫn và dài hạn nhằm gia tăng sự gắn kết của nhân viên, là chiến lược trọng tâm của nhiều doanh nghiệp hiện nay, hướng đến sự phát triển lâu dài và bền vững.

Lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ khởi sắc, tổng doanh thu đạt 6.832 tỷ đồng tăng trưởng 4,9%, trong đó doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 5.829 tỷ đồng, tăng trưởng 3,1%. Lợi nhuận sau thuế đạt 290 tỷ đồng, tăng trưởng 15,9% so với năm 2014. Bảo hiểm Bảo Việt là doanh nghiệp nhiều năm liền dẫn đầu về thị phần doanh thu phí bảo hiểm giữ lại trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ với 5.098 tỷ đồng trong năm 2015.

TỔNG DOANH THU BẢO HIỂM BẢO VIỆT
6.832
TỶ ĐỒNG

Cùng với vai trò là tấm lá chắn cho nền kinh tế trước những rủi ro, Bảo Việt đã đóng góp cho nền kinh tế thông qua việc tái đầu tư trở lại nền kinh tế, góp phần thiết thực vào sự phát triển kinh tế - xã hội. Lũy kế đến cuối năm 2015, tổng nguồn vốn của các đơn vị trong Tập đoàn đầu tư trở lại nền kinh tế đạt khoảng 47.000 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng khoảng 30% trên 157.266 tỷ đồng tổng nguồn vốn đầu tư trở lại nền kinh tế của toàn ngành bảo hiểm Việt Nam.

Giữ vững đà phát triển trong hoạt động dịch vụ tài chính

Lĩnh vực chứng khoán: trong bối cảnh thị trường chứng khoán không đạt kỳ vọng như dự báo từ đầu năm, giá trị giao dịch sụt giảm khá mạnh trên cả hai sàn, Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) đã bám sát kế hoạch kinh doanh với doanh thu đạt 288 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 116 tỷ đồng. Nắm bắt những cơ hội của thị trường và chủ trương của Chính phủ về đẩy mạnh hoạt động cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp, BVSC đã đẩy mạnh hoạt động tư vấn phát hành, M&A, cổ phần hóa và thoái vốn. Năm 2015, BVSC được bình chọn là Công ty chứng khoán tiêu biểu nhất - hạng mục tư vấn cổ phần hóa/ thoái vốn doanh nghiệp nhà nước.

TỔNG DOANH THU BVSC
288 TỶ ĐỒNG

Lĩnh vực quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt đã vượt kế hoạch kinh doanh năm 2015 với tổng doanh thu đạt 59 tỷ đồng, tăng trưởng 14,5% so với năm 2014; lợi nhuận sau thuế đạt 15 tỷ đồng, tăng trưởng 22% so với năm 2014. Bên cạnh đó, điểm nhấn trong hoạt động năm 2015 là Công ty đã ra mắt Quỹ đầu tư Giá trị Bảo Việt (BVIF) với quy mô vốn đầu tư ban đầu 1.000 tỷ đồng, là một trong những quỹ nội có vốn lớn nhất thị trường hiện nay.

Lĩnh vực quản lý và kinh doanh bất động sản: Công ty CP Đầu tư Bảo Việt cũng đã nỗ lực hoàn thành kế hoạch kinh doanh được giao với tổng doanh thu năm 2015 đạt 303 tỷ đồng, góp phần vào việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh hợp nhất toàn Tập đoàn.

Tích cực triển khai công tác an sinh đảm bảo kiến tạo giá trị bền vững

Bên cạnh việc triển khai các mục tiêu kinh doanh, thực hiện Nghị quyết 30A của Chính phủ về chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người nghèo, thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng, địa bàn và giữa các dân tộc, nhóm dân cư, Tập đoàn Bảo Việt là một trong những doanh nghiệp thực hiện tích cực các hoạt động an sinh xã hội. Tính đến nay, Quỹ An sinh xã hội Tập đoàn Bảo Việt đã đầu tư gần 150 tỷ đồng cho các hoạt động vì cộng đồng, với 04 trọng tâm chính bao gồm: xóa đói giảm nghèo; đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ; tri ân gia đình liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng và khắc phục hậu quả thiên tai.

TỔNG DOANH THU BVF
59 TỶ ĐỒNG

THÔNG ĐIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN

NĂM 2016 - ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU KIẾN TẠO GIÁ TRỊ BỀN VỮNG, ĐẢM BẢO THỰC HIỆN MỤC TIÊU 1 TỶ USD

Năm 2016, Việt Nam sẽ hội nhập sâu rộng vào Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), TPP, thực thi các hiệp định thương mại tự do với Hàn Quốc, EU... Điều này vừa mở ra những cơ hội lớn nhưng cũng mang lại thách thức không nhỏ đối với kinh tế đất nước nói chung và sự phát triển của các doanh nghiệp trong nước nói riêng, trong đó có Tập đoàn Bảo Việt. Trong bối cảnh đó, nhận thức rõ những khó khăn, thách thức, đánh giá đúng điểm mạnh yếu, tiềm năng phát triển của Bảo Việt, Tập đoàn Bảo Việt đã và đang hoàn thiện chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020 với mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.

Bảo Việt sẽ tăng cường phát huy hơn nữa vai trò chỉ đạo, định hướng từ Công ty Mẹ để cải thiện chức năng quản trị rủi ro, tuân thủ, thúc đẩy công tác bán chéo, hợp tác nội bộ giữa các đơn vị thành viên, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nhằm mang lại tính đồng nhất cao và tăng cường sức mạnh hệ thống, từ đó tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển nhanh hơn, năng động hơn trong giai đoạn 05 năm tới (2016-2020), nâng cao hiệu quả hoạt động, gia tăng giá trị thương hiệu, đảm bảo tăng trưởng bền vững.

2016 là năm tiền đề thực hiện chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020, với mục tiêu cán đích **doanh thu 1 tỷ USD**, Tập đoàn Bảo Việt sẽ tập trung **đầu tư chiều sâu kiến tạo giá trị bền vững** cho khách hàng, cổ đông và các bên liên quan thông qua việc thực hiện các giải pháp:

- Tăng cường năng lực tài chính cho Tập đoàn và các đơn vị thành viên để chuẩn bị nguồn lực cho giai đoạn phát triển mạnh mẽ sau này.
- Tập trung đầu tư xây dựng hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại, đi tắt đón đầu; đẩy nhanh tiến độ các dự án công nghệ thông tin trọng điểm để đáp ứng tốt hơn nhu cầu kinh doanh của toàn hệ thống cũng như yêu cầu quản trị điều hành tập trung trong thời đại kinh doanh công nghệ số.
- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án Hợp lực Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt, đặc biệt là hoạt động bán chéo sản phẩm giữa các đơn vị thành viên nhằm tối ưu hóa nguồn lực, phát huy sức mạnh tổng thể, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng nhanh và bền vững trong tương lai.
- Đầu tư nghiên cứu, phát triển sản phẩm, ưu tiên phát triển các sản phẩm trọn gói, tích hợp mang lại lợi ích tối đa cho khách hàng; phát triển kênh phân phối và mở rộng quy mô mạng lưới kinh doanh, trong đó tập trung vào các địa bàn trọng điểm;
- Đầu tư mạnh cho công tác đào tạo gắn với công tác quản trị nguồn nhân lực trong toàn hệ thống.

Những thành quả chúng ta đã đạt trong năm 2015 cũng như trong suốt chặng đường hơn nửa thế kỷ qua là nhờ công sức và tâm huyết của bao thế hệ cán bộ, đại lý, tư vấn viên đã gắn bó và sát cánh cùng Bảo Việt. Tôi tin tưởng rằng với những nỗ lực cao nhất của tất cả chúng ta, Bảo Việt sẽ hoàn thành xuất sắc các mục tiêu 2016, tạo tiền đề thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020.

Thay mặt Ban Lãnh đạo Tập đoàn Bảo Việt, tôi xin trân trọng cảm ơn các Quý cổ đông, Quý khách hàng, đối tác, các cơ quan quản lý Nhà nước cùng toàn thể cán bộ nhân viên, tư vấn viên trong toàn hệ thống đã luôn đồng hành và hỗ trợ Bảo Việt trong suốt thời gian qua và rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ trong thời gian tới để đưa Bảo Việt phát triển vững mạnh và vươn xa.

Kính chúc toàn thể Quý vị mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng cảm ơn.

TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Nguyễn Quang Phi

HÀNH TRÌNH **KIẾN TẠO GIÁ TRỊ BỀN VỮNG**

1965
Công ty Bảo hiểm Việt Nam chính thức đi vào hoạt động ngày 15/01/1965

1989
Công ty Bảo hiểm Việt Nam chuyển đổi thành Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam

1996
Triển khai bảo hiểm nhân thọ, tiên phong khai mở thị trường bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam

1999
Thành lập Công ty Chứng khoán Bảo Việt, là công ty chứng khoán đầu tiên trên thị trường

2005
Thành lập Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt

2007
IPO và thành lập Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt.

HSBC Insurance mua 10% cổ phần tại Bảo Việt

2008
Thành lập Ngân hàng TMCP Bảo Việt

2009
Cổ phiếu BVH được niêm yết trên HOSE.
Thành lập Công ty Đầu tư Bảo Việt.
HSBC Insurance tăng vốn góp tại Bảo Việt lên 18%

2010
Ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới

2011
Tập đoàn Bảo Việt tăng vốn điều lệ lên 6.805 tỷ đồng thông qua phát hành riêng lẻ cho các cổ đông hiện hữu

2012
Sumitomo Life trở thành cổ đông chiến lược của Bảo Việt.
Ngân hàng Bảo Việt hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng

2013
Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng

2014
Tiên phong thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, góp phần ổn định môi trường đầu tư, đảm bảo an sinh xã hội

2015
Kỷ niệm 50 năm thành lập Bảo Việt và triển khai sâu rộng đề án hợp lực toàn Tập đoàn

2016
Đầu tư chiều sâu vì sự phát triển bền vững

TỔNG QUAN VỀ BẢO VIỆT

Thành lập ngày 15/01/1965

SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN (31/12/2015)

5.467
CÁN BỘ TOÀN HỆ THỐNG BẢO VIỆT

TRÊN
90.930
ĐẠI LÝ VÀ TƯ VẤN VIÊN

DANH MỤC SẢN PHẨM

SẢN PHẨM BẢO HIỂM
(PHI NHÂN THỌ, NHÂN THỌ)

SẢN PHẨM ĐẦU TƯ

SẢN PHẨM
DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

MẠNG LƯỚI

168
CHI NHÁNH

700
PHÒNG GIAO DỊCH

63 TỈNH THÀNH
TRONG CẢ NƯỚC

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

VAI TRÒ TẠO LẬP VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

Bảo Việt tích cực tham gia tạo lập thị trường bảo hiểm và thị trường vốn trên thị trường tài chính Việt Nam.

Bảo Việt là mắt xích quan trọng và thành công điển hình trong tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, đã gặt hái nhiều thành quả đổi mới toàn diện và đang tiếp tục đẩy mạnh bước tiếp theo của quá trình cổ phần hóa thông qua giảm tỷ lệ sở hữu nhà nước, tìm kiếm thêm cổ đông nước ngoài mới nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Bảo Việt luôn đi đầu trong các chương trình bảo hiểm mang tính xã hội, chương trình bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm rủi ro thiên tai, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, bảo hiểm khai thác thủy sản…

VỊ THẾ KHÁC BIỆT VÀ VƯỢT TRỘI

Là Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, Bảo Việt có lịch sử lâu đời với hơn nửa thế kỷ phát triển, thương hiệu uy tín hàng đầu thị trường, đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm nhất trên thị trường tài chính bảo hiểm với hơn 70.000 cán bộ, đại lý, tư vấn viên.

Mạng lưới phân phối quy mô lớn, gồm 168 chi nhánh, hơn 700 phòng giao dịch bảo hiểm bao phủ rộng khắp các tỉnh thành của Việt Nam mà không một tập đoàn tài chính - bảo hiểm nào tại Việt Nam có thể so sánh được.

Là Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hỗn hợp dẫn đầu các lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, nhân thọ, quản lý quỹ, chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác với doanh thu phí gốc bảo hiểm phi nhân thọ đạt 6.429 tỷ đồng và tổng doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ đạt 10.116 tỷ đồng năm 2015.

TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG LỚN

Bảo Việt đã xây dựng nền tảng tạo đà cho sự tăng trưởng bền vững trong tương lai và chuẩn bị sẵn sàng khai thác các cơ hội to lớn trên thị trường tài chính bảo hiểm Việt Nam.

KẾT QUẢ KINH DOANH TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG, HIỆU QUẢ

Bảo Việt đạt kết quả tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ổn định vững chắc qua các năm trên các mảng Bảo hiểm – Đầu tư – Dịch vụ tài chính.

Luôn thuộc nhóm dẫn đầu các tổ chức tài chính có tỷ lệ sinh lời ROE, ROA cao nhất.

CỔ PHIẾU BVH HẤP DẪN NHÀ ĐẦU TƯ

Tập đoàn Bảo Việt là công ty niêm yết có vốn hóa thị trường lớn, cổ phiếu BVH đóng vai trò dẫn dắt trong nhóm ngành tài chính bảo hiểm, thanh khoản cao và luôn nằm trong danh mục sở hữu của các quỹ ETFs nước ngoài tại Việt Nam.

Là doanh nghiệp nhà nước đầu tiên thành công trong việc tìm kiếm cổ đông chiến lược nước ngoài.

Thuộc nhóm dẫn đầu trong các tổ chức tài chính có tỷ lệ cổ tức cao nhất giai đoạn 2012-2015.

CƠ CẤU QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

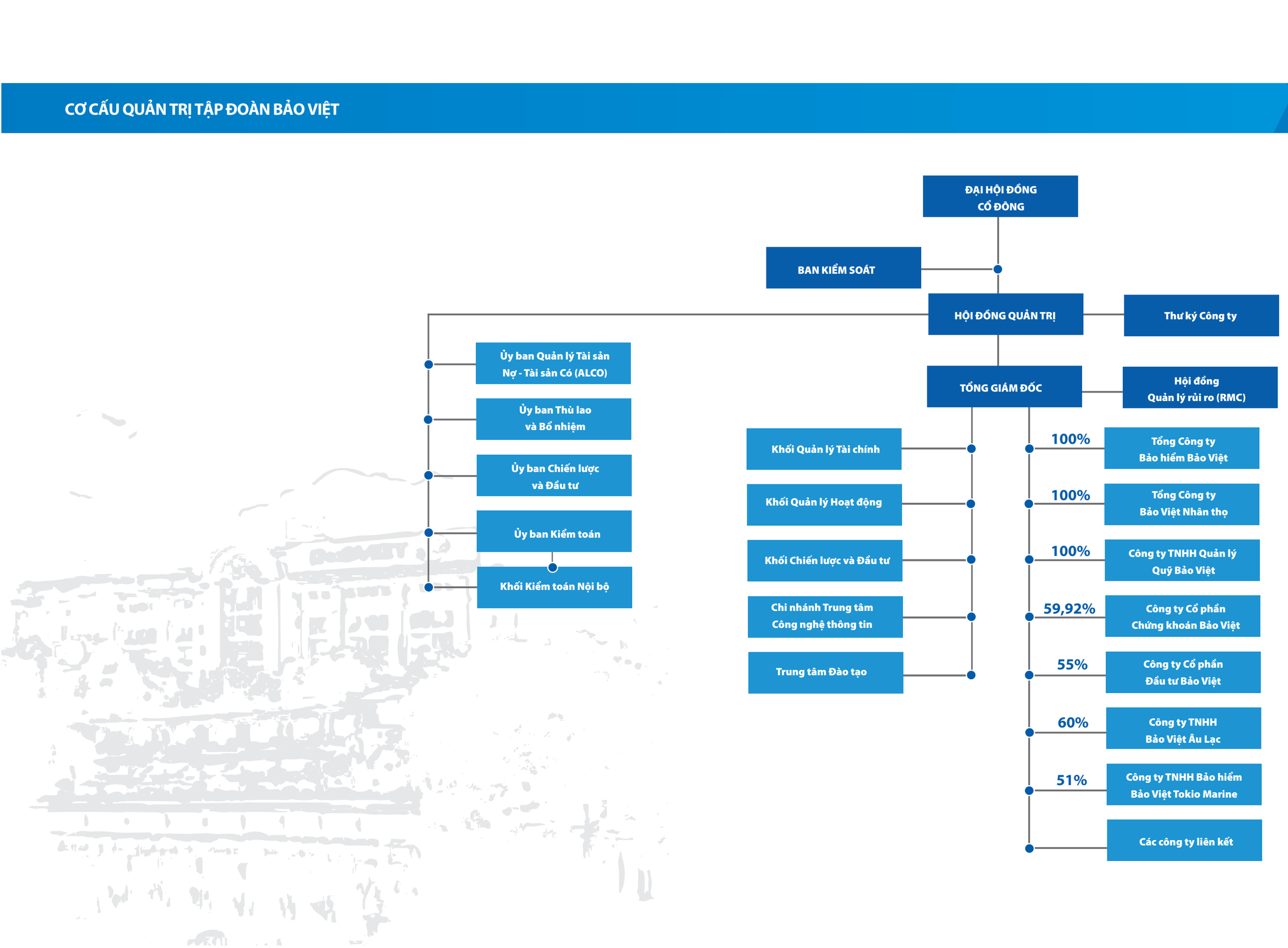

1. Ông Đào Đình Thi: Chủ tịch HĐQT
2. Ông Nguyễn Quang Phi: Thành viên HĐQT
3. Ông Phan Kim Bằng : Thành viên HĐQT
4. Ông Nguyễn Đức Tuấn: Thành viên HĐQT
5. Bà Thân Hiển Anh: Thành viên HĐQT
6. Ông Đậu Minh Lâm : Thành viên HĐQT
7. Ông Yukihira Yoshiharu: Thành viên HĐQT
8. Ông Muneo Sasagawa: Thành viên HĐQT
9. Ông Nguyễn Quốc Huy: Thành viên HĐQT

** Tính tới thời điểm 31/12/2015*

06 02 03 04 07 01 05 08 09

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

1. Ông Nguyễn Quang Phi: Tổng Giám đốc
2. Ông Đỗ Trường Minh: Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động
3. Ông Nguyễn Minh Hoàng: Giám đốc Khối Chiến lược và Đầu tư
4. Ông Phạm Ngọc Tú: Phó Giám đốc phụ trách Khối Quản lý Tài chính
5. Ông Nguyễn Xuân Hòa: Kế toán trưởng
6. Ông Trịnh Minh Hoàng: Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Công nghệ Thông tin
7. Ông Nguyễn Thanh Hải: Giám đốc Trung tâm đào tạo

** Tính tới thời điểm 31/12/2015*

06 02 03 05 01 04 07

1. Ông Nguyễn Ngọc Thụy – Trưởng Ban Kiểm soát
2. Ông Ông Tiến Hùng – Kiểm soát viên
3. Ông Đặng Thái Quý – Kiểm soát viên
4. Bà Phí Thị Quỳnh Nga – Kiểm soát viên

** Tính tới thời điểm 31/12/2015*

02 04 01 03

10 SỰ KIỆN TIÊU BIỂU 2015

1

Bảo Việt vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất và tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 50 năm thành lập

2

Tổ chức thành công Đại hội Đại biểu Đảng bộ lần thứ III và Đại hội Đảng bộ các cấp

3

Triển khai Đề án Hợp lực Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt nhằm khơi thông mọi nguồn lực và đẩy mạnh hợp tác nội bộ

4

Ra mắt sản phẩm Bảo hiểm Hưu trí Vững nghiệp

5

Hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh năm 2015 và cơ bản hoàn thành đề án tái cơ cấu Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt giai đoạn 2013-2015

6

Triển khai thành công mô hình quản lý tập trung trên cơ sở ứng dụng chương trình quản lý nghiệp vụ Bảo hiểm Phi nhân thọ InsureJ

7

Ra mắt Quỹ đầu tư Giá trị Bảo Việt (BVIF)

8

Đổi mới hình ảnh thương hiệu hướng năng động - chuyên nghiệp - hiện đại; Thương hiệu Bảo Việt được Brand Finance định giá 79 triệu USD

9

Trao tặng tàu CQ trị giá 3,5 tỷ đồng tới chiến sỹ đảo Trường Sa và triển khai các hoạt động cộng đồng ý nghĩa

10

Tiên phong trong thực hiện kiểm toán độc lập báo cáo phát triển bền vững

10 GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP
HẠNG NHÌ

GIẢI NHẤT BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TOP 10 DOANH NGHIỆP
NHÀ NƯỚC CỔ PHẦN HÓA
TIÊU BIỂU

NHÀ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN
TỐT NHẤT VIỆT NAM 2015

TOP 50 CÔNG TY NIÊM YẾT
TỐT NHẤT VIỆT NAM

TOP 50 DOANH NGHIỆP
THỰC HIỆN TỐT
TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

TOP 10 BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN TỐT NHẤT

DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM NHÂN THỌ
TỐT NHẤT VIỆT NAM 2015

TOP 10 "THƯƠNG HIỆU PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG VÀ SẢN PHẨM
CHẤT LƯỢNG CAO VIỆT NAM"

TOP 1.000 DOANH NGHIỆP
NỘP THUẾ TNDN LỚN NHẤT
VIỆT NAM 2014

THƯƠNG HIỆU, NHÃN HIỆU
NỔI TIẾNG VIỆT NAM

"CÔNG TY TƯ VẤN M&A TIÊU BIỂU 2013 – 2014"
"TỔ CHỨC TƯ VẤN CỔ PHẦN HÓA
TIÊU BIỂU NHẤT"

CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN (KPIs)

HỢP NHẤT GIAI ĐOẠN 2010-2015

Đơn vị : Tỷ đồng

Tổng doanh thu

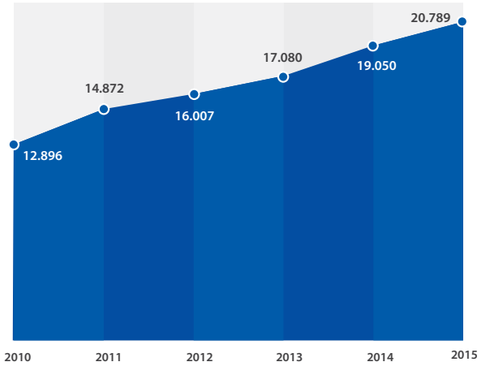

Lợi nhuận

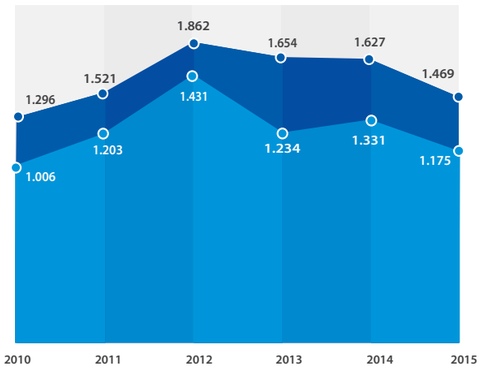

Tổng tài sản

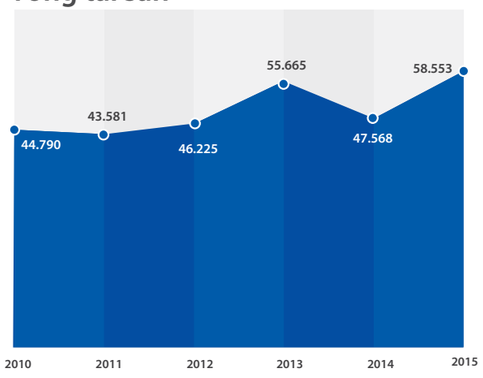

Vốn chủ sở hữu

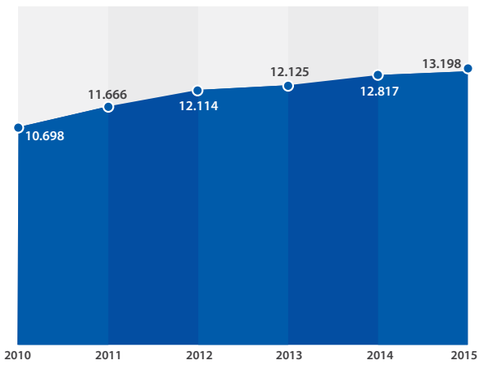

Tổng tài sản tại 31/12/2015

Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2015

CÔNG TY MẸ NĂM 2015

Đơn vị : Tỷ đồng

1.317
TỔNG DOANH THU

12.156
TỔNG TÀI SẢN

1.021
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

1.002
TỔNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ

11.759
VỐN CHỦ SỞ HỮU

1.473
EPS (ĐỒNG)

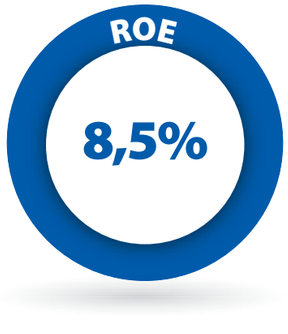

Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu

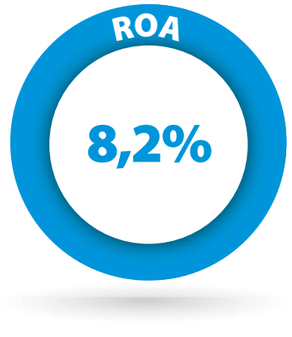

Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản

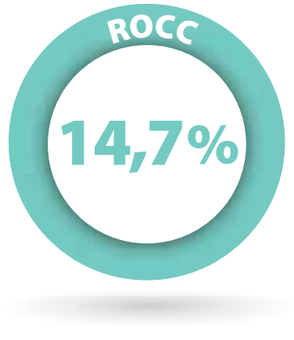

Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ

CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN (KPIs)
GIAI ĐOẠN 2010-2015

BẢO HIỂM BẢO VIỆT

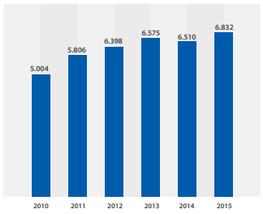

Tổng doanh thu

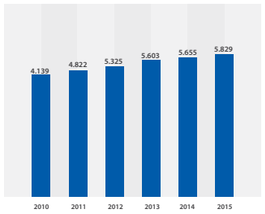

Doanh thu phí BH gốc

369 LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

290 LỢI NHUẬN SAU THUẾ

BẢO VIỆT NHÂN THỌ

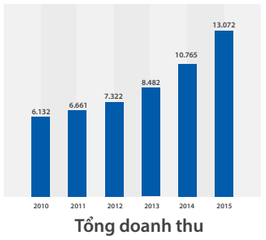

Tổng doanh thu

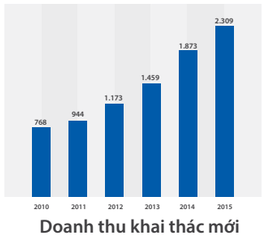

Doanh thu khai thác mới

818 LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

638 LỢI NHUẬN SAU THUẾ

QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

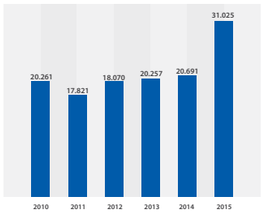

Tổng tài sản quản lý

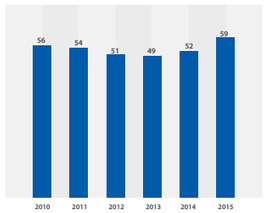

Tổng doanh thu

19 LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

15,1 LỢI NHUẬN SAU THUẾ

CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

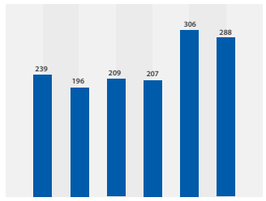

Tổng doanh thu

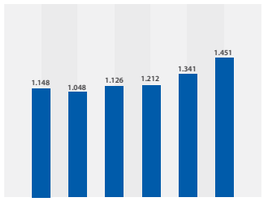

Vốn chủ sở hữu

120 LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

116 LỢI NHUẬN SAU THUẾ

ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

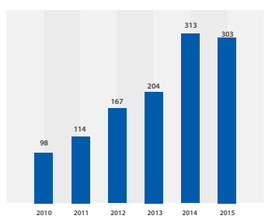

Tổng doanh thu

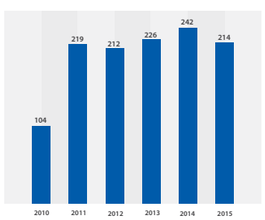

Vốn chủ sở hữu

4,0 LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

0,3 LỢI NHUẬN SAU THUẾ

BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN/ TỶ LỆ AN TOÀN VỐN NĂM 2015

02

KẾT NỐI GIÁ TRỊ

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

- LĨNH VỰC VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
- MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ KIẾN TẠO CÁC GIÁ TRỊ BỀN VỮNG
- XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU
- CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỔ NGUỒN LỰC
- CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2016 – 2020

BAOVIET

KẾT NỐI GIÁ TRỊ

Với mô hình kinh doanh phù hợp và chiến lược phát triển đúng đắn, Bảo Việt đã kết nối nên những giá trị vật chất và tinh thần quý giá. Việc kết nối và phát huy các giá trị truyền thống sẽ tạo cho Bảo Việt thế và lực để tạo ra các giá trị mới, lớn hơn và bền vững hơn cho sự phát triển hoạt động trên các lĩnh vực trụ cột bảo hiểm – đầu tư và dịch vụ tài chính.

LĨNH VỰC VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

LĨNH VỰC KINH DOANH

Tập đoàn Bảo Việt hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0100111761, đăng ký lần đầu ngày 15/10/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 12/8/2015.

Tập đoàn Bảo Việt cung cấp các dịch vụ tài chính - bảo hiểm toàn diện, trọn gói, bao gồm: bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ, quản lý quỹ, chứng khoán, đầu tư…

BẢO HIỂM	ĐẦU TƯ	DỊCH VỤ TÀI CHÍNH
• Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ: Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại; Bảo hiểm hàng không; Bảo hiểm xe cơ giới; Giám định tổn thất • Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ: Bảo hiểm trọn đời; Bảo hiểm sinh kỳ; Bảo hiểm tử kỳ; Bảo hiểm hỗn hợp; Bảo hiểm liên kết chung… • Kinh doanh tái bảo hiểm	• Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết, kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật • Đầu tư, kinh doanh bất động sản	• Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán • Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán • Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán • Kinh doanh ngân hàng

TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH - BẢO HIỂM HÀNG ĐẦU VIỆT NAM

BAOVIET

BẢO HIỂM • ĐẦU TƯ • DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

Mạng lưới

- Hệ thống mạng lưới chi nhánh tại các vị trí đắc địa và trải dài khắp cả nước, cam kết cung cấp dịch vụ chất lượng hàng đầu trên thị trường
- Năng lực phân phối vượt trội trong lĩnh vực bảo hiểm với 127 công ty thành viên tại 63 tỉnh thành, 700 phòng giao dịch bảo hiểm trên toàn quốc và 41 chi nhánh, phòng giao dịch cung cấp dịch vụ chứng khoán, quản lý quỹ và các dịch vụ tài chính khác.

Sản phẩm dịch vụ

- Dẫn đầu thị trường về danh mục sản phẩm đa dạng với 80 sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ; 40 sản phẩm bảo hiểm nhân thọ; cung cấp đầy đủ các dịch vụ quản lý quỹ, chứng khoán, ngân hàng
- Đi đầu trong phát triển các sản phẩm tài chính, bảo hiểm có tính liên kết giữa bảo vệ, tiết kiệm và đầu tư
- Tích cực nghiên cứu phát triển các sản phẩm đón đầu nhu cầu tiềm năng về y tế, chăm sóc sức khỏe, hưu trí…
- Tiên phong trong triển khai các chương trình bảo hiểm của Chính phủ: Bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, bảo hiểm rủi ro thiên tai, bảo hiểm khai thác thủy sản, bảo hiểm y tế, chính sách hưu trí bổ sung.

BAOVIET

Khách hàng

- Cơ sở khách hàng lớn trên khắp các tỉnh/ thành trong cả nước
- Phân khúc khách hàng đa dạng
- Vị thế đặc biệt trong khai thác tiềm năng phân khúc khách hàng trung lưu và khách hàng khu vực nông thôn.

Địa bàn trọng điểm

Các đơn vị thành viên đóng trụ sở tại các địa bàn Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Nghệ An, Hải Phòng, Bình Dương luôn khẳng định là các đơn vị kinh doanh quan trọng đóng góp vào sự tăng trưởng doanh thu hàng năm của Bảo Việt (mỗi địa bàn chiếm trên 10% tổng doanh thu của Bảo Việt)

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ KIẾN TẠO CÁC GIÁ TRỊ BỀN VỮNG

Là doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho hàng triệu người dân Việt Nam, Bảo Việt xác định doanh nghiệp chỉ có thể thực hiện chiến lược phát triển bền vững khi thực hiện kết hợp mục tiêu tăng trưởng, lợi nhuận kinh tế với thực hiện phát triển xã hội, bảo vệ môi trường.

Mô hình kiến tạo các giá trị bền vững của Bảo Việt

Trên cơ sở đó, Bảo Việt đã xây dựng mô hình kinh doanh nhằm khai thác tối đa hiệu quả của các nguồn lực đầu vào – bao gồm các nguồn lực hiện hữu và các nguồn lực tiềm ẩn trong hệ thống, các yếu tố về vốn, nguồn nhân lực, công nghệ, các yếu tố môi trường và xã hội nhằm tạo ra các giá trị đầu ra bao gồm các sản phẩm dịch vụ, các giá trị kinh tế (doanh thu, lợi nhuận, cổ tức) nhằm mang lại giá trị gia tăng cho các bên liên quan. Các nội dung này được khái quát hóa theo mô hình dưới đây:

XÁC ĐỊNH CÁC YẾU TỐ TẠO ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG

Trên cơ sở Mô hình kiến tạo các giá trị bền vững, Bảo Việt xác định 7 yếu tố chính ảnh hưởng đến hoạt động của Bảo Việt bao gồm

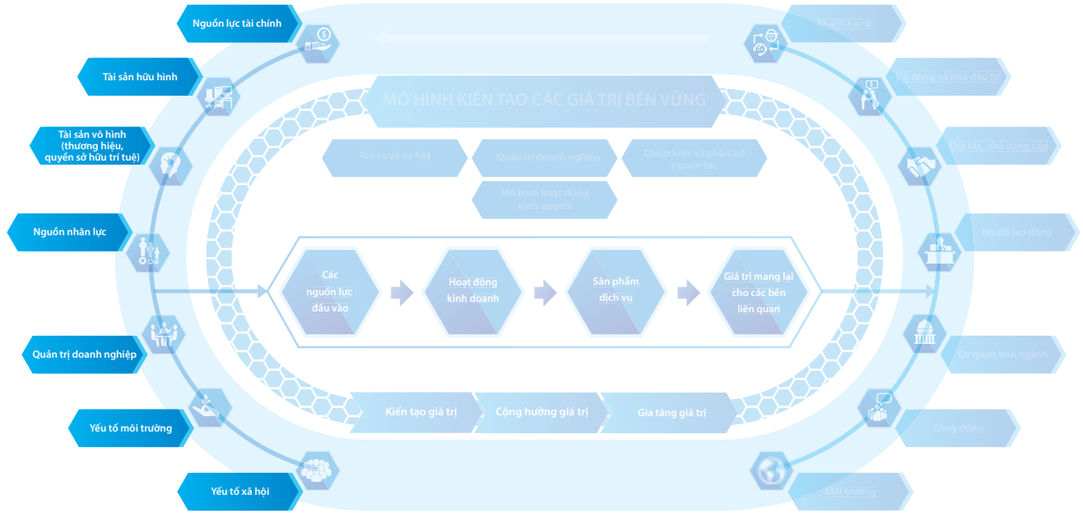

7 YẾU TỐ ĐẦU VÀO	GIÁ TRỊ MANG LẠI
Nguồn lực tài chính (vốn)	Giá trị kinh tế (tăng trưởng vững chắc về doanh thu và lợi nhuận, cổ tức cho cổ đông)
Nguồn nhân lực	Giá trị vật chất và tinh thần cho Người lao động (phúc lợi, môi trường làm việc, thu nhập)
Tài sản vô hình và các nguồn lực sản xuất	Giá trị gia tăng cho khách hàng (sản phẩm và dịch vụ vượt trội)
Tài sản vô hình và Sở hữu trí tuệ	Giá trị thương hiệu được nâng cao, năng lực phát triển sản phẩm có nhiều tính năng ưu việt, phân miềm nghiệp vụ theo tiêu chuẩn quốc tế, hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, giám sát tuân thủ được chuẩn hóa
Quản trị doanh nghiệp	Năng lực quản trị doanh nghiệp được nâng cao theo chuẩn mực quản trị quốc tế
Các yếu tố môi trường và xã hội	Lợi ích cho các bên liên quan khác (xã hội, môi trường…)

Việc xác định các yếu tố tạo động lực tăng trưởng đối với doanh nghiệp là vô cùng quan trọng, điều này sẽ giúp doanh nghiệp đưa ra quyết định phù hợp liên quan đến phân bổ hoặc tập trung nguồn lực vào phát triển những yếu tố nào để thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp. Đối với Bảo Việt, chúng tôi xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của Doanh nghiệp bao gồm các yếu tố nội lực (nguồn nhân lực, vốn, sở hữu trí tuệ, uy tín thương hiệu...) đã được Bảo Việt xây dựng và củng cố trong nửa thế kỷ qua, cùng với việc nắm bắt và tận dụng các yếu tố bên ngoài như xu hướng phát triển bền vững, nhân khẩu học, trách nhiệm xã hội sẽ thúc đẩy sự tăng trưởng mạnh mẽ và bền vững của Bảo Việt trong tương lai.

Yếu tố đầu vào		Yếu tố tạo động lực tăng trưởng của Bảo Việt
YẾU TỐ NỘI LỰC	Nguồn lực tài chính	• Vốn đầu tư của chủ sở hữu (cổ đông) • Vốn từ nguồn dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm (chủ hợp đồng bảo hiểm)
	Nguồn nhân lực	• Nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp và đầy nhiệt huyết • Lực lượng đại lý, tư vấn viên lớn, giàu kinh nghiệm, gắn bó • Văn hóa doanh nghiệp vững mạnh
	Nguồn lực sản xuất và tài sản hữu hình	• Nền tảng công nghệ thông tin hiện đại • Hệ thống phân phối quy mô lớn • Hệ thống call-center 24/7 • Hệ thống bảo lãnh viện phí lớn nhất Việt Nam • Sở hữu quỹ đất lớn tại các vị trí đắc địa
	Tài sản vô hình và sở hữu trí tuệ	• Dẫn đầu thị trường về năng lực phát triển sản phẩm • Giá trị thương hiệu được Brand Finance UK định giá 79 triệu USD • Hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực từ các cổ đông chiến lược nước ngoài
	Quản trị doanh nghiệp	• Mô hình quản trị doanh nghiệp theo thông lệ quốc tế • Hệ thống quy trình quản trị nội bộ thống nhất, xuyên suốt toàn Tập đoàn • Hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, giám sát tuân thủ được chuẩn hóa • Năng lực quản trị được nâng cao theo chuẩn mực quản trị quốc tế (chuẩn mực quản trị công ty của OECD, IFC, Thẻ điểm quản trị ASEAN)
YẾU TỐ BÊN NGOÀI	Yếu tố xã hội	• Các mối quan hệ xã hội • Các yếu tố nhân khẩu học • Xu hướng phát triển bền vững • Trách nhiệm xã hội
	Yếu tố môi trường	• Biến đổi khí hậu • Giảm phát thải và hiệu ứng nhà kính

XÁC ĐỊNH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bảo Việt xác định các bên liên quan dựa trên những ảnh hưởng có thể có từ hoạt động của Bảo Việt đến họ hoặc những người có mối quan tâm, sức ảnh hưởng đến hoạt động hiện tại của Bảo Việt. Qua những lần trao đổi, tiếp xúc, chúng tôi đã rút ra được các vấn đề được các bên quan tâm và tính trọng yếu của các vấn đề này đối với hoạt động của Bảo Việt.

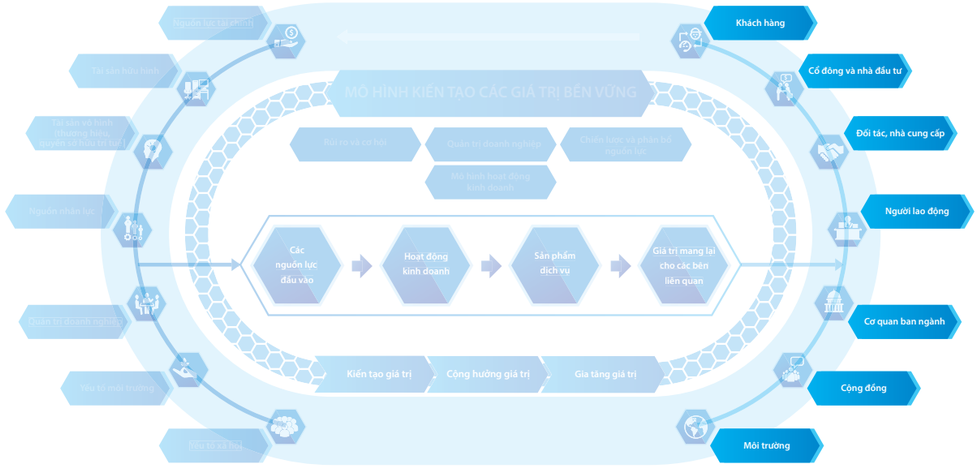

Xác định các bên liên quan trọng yếu đối với Bảo Việt

Chúng tôi tiếp cận với các bên liên quan thông qua nhiều nguồn kênh thông tin khác nhau một cách phù hợp nhằm lắng nghe ý kiến và mối quan tâm của từng bên đối với hoạt động của Bảo Việt, đặc biệt là các vấn đề quản trị công ty, tăng trưởng kinh tế, đóng góp cho xã hội và môi trường.

Các bên liên quan của Bảo Việt bao gồm 7 bên như sau:

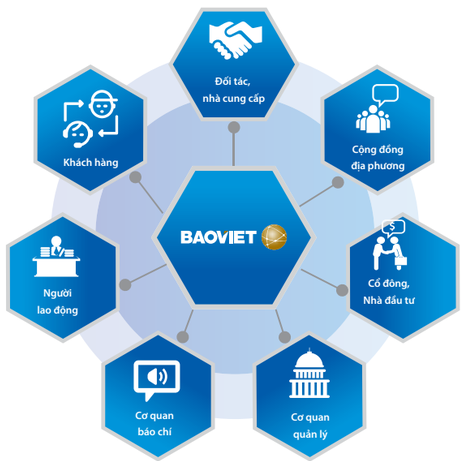

Quá trình trao đổi với các bên cũng giúp Bảo Việt chủ động nhận diện được các vấn đề mang xu hướng, thời sự cũng như giúp Bảo Việt nhìn nhận một cách khách quan về những chính sách, báo cáo và công bố thông tin ra bên ngoài mà chúng tôi thực hiện.

Các bên liên quan trọng yếu

Bảo Việt xác định các bên liên quan dựa vào vai trò và mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan đối với Bảo Việt.

GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm 2015, Bảo Việt tiếp tục gắn kết các bên liên quan thông qua các kênh thông tin đa chiều. Ở đó các vấn đề phát triển bền vững được Bảo Việt đề cập sâu hơn nhằm lắng nghe ý kiến của các bên đối với hoạt động của doanh nghiệp liên quan đến kinh tế - xã hội – môi trường. Chúng tôi cũng tiến hành lấy ý kiến rộng rãi trên mạng xã hội và website của Bảo Việt thông qua phiếu khảo sát về phát triển bền vững của Bảo Việt cho năm 2015 tại chuyên mục Phát triển bền vững/Khảo sát các bên liên quan.

Thông qua các chương trình khảo sát và ghi nhận ý kiến từ các bên liên quan giúp Bảo Việt hiểu được mối quan tâm và kì vọng của họ. Các ý kiến phản hồi của các bên liên quan được ghi nhận, tổng hợp và xác định số điểm tính theo trọng số mức độ quan trọng của từng bên với Bảo Việt.

Với mỗi nhóm đối tượng, Bảo Việt sử dụng cách thức tiếp cận thông tin khác nhau. Phản hồi từ các bên được chúng tôi thận trọng xem xét, nghiên cứu và nỗ lực để đưa các phản hồi này vào các chính sách và các hoạt động của công ty.

Phương thức tiếp cận và ghi nhận ý kiến phản hồi của các bên liên quan

Cổ đông/Nhà đầu tư

- Gặp gỡ trực tiếp nhà đầu tư
- Đại hội đồng cổ đông
- Bản tin IR newletters
- Website Bảo Việt
- Các chương trình giao lưu, hợp tác, giới thiệu nhà đầu tư

Khách hàng

- Đội ngũ đại lý, tư vấn viên tiếp xúc trực tiếp với khách hàng
- Trung tâm chăm sóc khách hàng và số hotline hoạt động 24/7
- Kênh giải đáp khách hàng tích hợp trên hệ thống website

Người lao động

- Hội nghị người lao động thường niên
- Ấn phẩm nội bộ: Enewsletter, Intranet, Bản tin Bảo Việt, Tạp chí Tài chính - Bảo Việt
- Các chương trình đào tạo

Cơ quan Quản lý

- Tham gia các Hội nghị, Hội thảo do Chính Phủ, Bộ tổ chức
- Tham gia các tổ chức, Hiệp hội: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam; Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững; Diễn đàn kinh tế thế giới;…

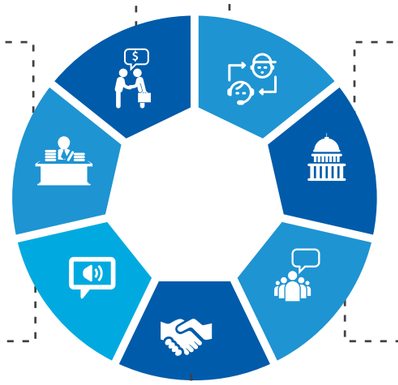

Cơ quan báo chí

- Tổ chức các cuộc gặp gỡ báo chí
- Thông cáo báo chí/Báo cáo kết quả hoạt động định kỳ

Cộng đồng địa phương

- Phối hợp với chính quyền địa phương tiếp xúc, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của người dân địa phương

Đối tác, nhà cung cấp

- Gặp gỡ trao đổi trực tiếp: bổ sung trong quy chế đấu thầu, hợp đồng hợp tác với nhà cung cấp

XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

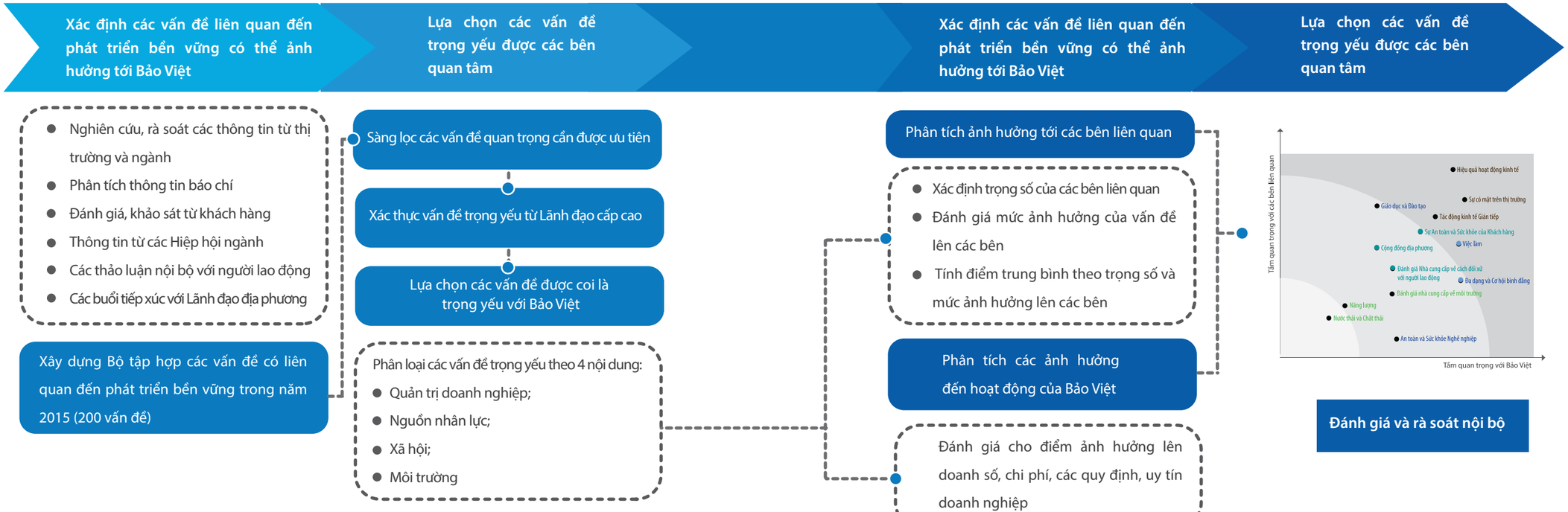

Bảo Việt thực hiện tham khảo ý kiến của những chuyên gia trong lĩnh vực phát triển bền vững đối với các lĩnh vực được coi là trọng yếu mà Bảo Việt cần phải xem xét và cân nhắc tại thời điểm hiện tại. Đồng thời, chúng tôi cũng cân nhắc đến ý kiến của người lao động thông qua việc rà soát các đề xuất, các bình luận được nêu ra thông qua các kênh tương tác nội bộ.

Việc đánh giá các lĩnh vực trọng yếu đối với doanh nghiệp được căn cứ trên các phân tích chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp, các phân tích thông tin báo chí và môi trường kinh doanh ngành. Từ đó chúng tôi lựa chọn các lĩnh vực và vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm. Mức độ quan trọng và phạm vi thực hiện của các vấn đề tiếp tục được sàng lọc, phân tích và làm rõ trong các buổi họp thảo luận với các Khối/Ban liên quan và trình lên Lãnh đạo cấp cao để xác định những vấn đề ưu tiên thực hiện trong năm 2015.

Các vấn đề trọng yếu

Bảo Việt tương tác với các bên liên quan nhằm chủ động nắm bắt những quan tâm của họ và dành nỗ lực để triển khai hành động đối với các vấn đề được xác định là trọng yếu. Mức độ quan trọng và phạm vi thực hiện của các vấn đề tiếp tục được sàng lọc, phân tích và làm rõ trong các buổi họp thảo luận với các Khối/Ban liên quan và trình lên Lãnh đạo cấp cao để xác định những vấn đề ưu tiên thực hiện trong từng năm.

Việc đánh giá các vấn đề trọng yếu đối với Bảo Việt được căn cứ trên các phân tích chiến lược kinh doanh, các phân tích thông tin báo chí và môi trường kinh doanh ngành, từ đó chúng tôi lựa chọn các vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm bao gồm 3 nhóm: Kinh tế (3 lĩnh vực); Xã hội (7 lĩnh vực); Môi trường (3 lĩnh vực);

KINH TẾ

Hiệu quả hoạt động kinh tế
Sự có mặt trên thị trường
Tác động kinh tế Gián tiếp

MÔI TRƯỜNG

Năng lượng
Nước thải và Chất thải
Đánh giá nhà cung cấp về môi trường

XÃ HỘI

Nguồn nhân lực

Việc làm
An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp
Giáo dục và Đào tạo
Đa dạng và Cơ hội bình đẳng

Cộng đồng

Cộng đồng địa phương
Sự An toàn và Sức khỏe của Khách hàng
Đánh giá Nhà cung cấp về cách đối xử với người lao động

GIÁ TRỊ MANG LẠI CHO CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trên cơ sở nhận diện các vấn đề trọng yếu và mối quan tâm của các bên liên quan, Bảo Việt đã triển khai các giải pháp và hành động nhằm khai thác tối đa hiệu quả của các nguồn lực đầu vào – bao gồm các nguồn lực hiện hữu và các nguồn lực tiềm ẩn trong hệ thống, các yếu tố về vốn, nguồn nhân lực, công nghệ, các yếu tố môi trường và xã hội nhằm tạo ra các giá trị đầu ra bao gồm các sản phẩm dịch vụ, các giá trị kinh tế (doanh thu, lợi nhuận, cổ tức) và mang lại giá trị gia tăng cho các bên liên quan.

CÁC BÊN LIÊN QUAN	NỘI DUNG CÁC BÊN QUAN TÂM/ CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU	HÀNH ĐỘNG CỦA BẢO VIỆT	GIÁ TRỊ MANG LẠI CHO CÁC BÊN
CỔ ĐÔNG/NHÀ ĐẦU TƯ	• Hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp (vốn đầu tư của cổ đông) • Minh bạch thông tin, Đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư • Năng lực quản trị doanh nghiệp, giá trị thị trường của cổ phiếu và giá trị doanh nghiệp được nâng cao	• Đầu tư vào các tài sản an toàn (tỷ trọng trái phiếu chính phủ và tiền gửi luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng danh mục đầu tư tài chính) • Tìm kiếm các kênh đầu tư mới, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư • Tăng cường tiếp đón nhà đầu tư trong và ngoài nước; Thực hiện chính sách công bố thông tin minh bạch và đối xử bình đẳng với các cổ đông và nhà đầu tư. • Hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp, hoàn thiện hệ thống quy định về cơ chế quản trị xuyên suốt toàn Tập đoàn; Triển khai hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, giám sát tuân thủ, nâng cao hiệu quả hoạt động	• Đạt được tốc độ tăng trưởng ổn định và vững chắc về doanh thu, lợi nhuận và các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh cốt lõi; Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ đạt 14,7%. • Tập đoàn Bảo Việt thuộc nhóm tập đoàn tài chính chi trả cổ tức cao nhất thị trường. • Giá trị thị trường của cổ phiếu Tập đoàn Bảo Việt năm 2015 tăng trưởng 64,08% so với thời điểm cuối năm 2014 với giá trị vốn hóa đạt gần 36.750 tỷ đồng (tương đương 1,64 tỷ USD)
KHÁCH HÀNG	Uy tín thương hiệu của doanh nghiệp • Sản phẩm đa dạng với nhiều tính năng và quyền lợi vượt trội, đáp ứng nhu cầu của khách hàng • Chất lượng dịch vụ khách hàng được nâng cao • Địa điểm giao dịch thuận tiện	• Nâng cao uy tín thương hiệu Bảo Việt thông qua các giải thưởng uy tín, củng cố lòng tin của khách hàng • Nghiên cứu ra mắt nhiều sản phẩm tích hợp các tính năng bảo hiểm, đầu tư, dịch vụ tài chính • Vận hành hệ thống call-center hoạt động ổn định 24/7 • Nâng cao chất lượng của đội ngũ tư vấn viên/đại lý bảo hiểm • Đầu tư xây dựng tòa nhà theo mô hình siêu thị tài chính tại các vị trí thuận lợi, thống nhất quy chuẩn thương hiệu hiện đại và hướng tới khách hàng	• Uy tín thương hiệu được nâng cao (thương hiệu Bảo Việt được Brand Finance định giá 79 triệu USD, thuộc Top 20 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam) • Chi trả quyền lợi cho khách hàng theo mức lãi suất công bố năm 2015 là 7% • Cung cấp giỏ sản phẩm đa dạng với 80 sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và 50 sản phẩm bảo hiểm nhân thọ • Tiếp cận khách hàng thông qua hệ thống phân phối đa kênh • Chất lượng dịch vụ khách hàng vượt trội nhờ hệ thống call-center giúp giải quyết yêu cầu của khách hàng nhanh chóng, chính xác • Thống nhất quy chuẩn thương hiệu tại các điểm giao dịch, tạo cho khách hàng cảm giác tin cậy, gần gũi, thân thiện, chuyên nghiệp.
NGƯỜI LAO ĐỘNG	• Cơ hội đào tạo và thăng tiến • Chính sách phúc lợi ưu việt, gia tăng lợi ích cho người lao động • Môi trường làm việc tốt, tăng cường sự gắn kết của người lao động • Những đóng góp của người lao động được ghi nhận	• Xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, có thái độ, động cơ làm việc tích cực, hoàn thành sứ mệnh và giá trị của Bảo Việt • Mở rộng các gói sản phẩm bảo hiểm nhân thọ dành cho cán bộ • Triển khai các chương trình đào tạo theo Bản đồ học tập và các chương trình đào tạo chuyên môn dành riêng cho cán bộ; • Kêu gọi cán bộ tham gia trong các dự án cộng đồng	• Bổ sung nhiều chương trình phúc lợi mới cho người lao động: Bảo hiểm hưu trí, An phát trọn đời… • Tổ chức được 122.223 giờ đào tạo với 141.691 lượt đào tạo theo bản đồ học tập và chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ • Thu hút 865 lượt cán bộ tham gia hoạt động cộng đồng với tổng số giờ đóng góp là 257.500

CÁC BÊN LIÊN QUAN	NỘI DUNG CÁC BÊN QUAN TÂM/ CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU	HÀNH ĐỘNG CỦA BẢO VIỆT	GIÁ TRỊ MANG LẠI CHO CÁC BÊN
CƠ QUAN QUẢN LÝ	• Thực hiện các chủ trương của chính phủ • Tuân thủ các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước • Thực hiện đầu tư có trách nhiệm, nghiên cứu phát triển các sản phẩm xanh • Các giải pháp của doanh nghiệp nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu	• Triển khai đầy đủ và nghiêm túc các chủ trương của chính phủ: Chương trình xóa đói giảm nghèo, chương trình 30A, chương trình hỗ trợ ngư dân bám biển • Tiên phong trong việc triển khai các chủ trương lớn của chính phủ và nhà nước: Phát triển sản phẩm đa dạng, phù hợp với nhu cầu dân sinh, giúp giảm bớt áp lực cho hệ thống phúc lợi xã hội nhà nước • Quản trị doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững	• Đóng góp gần 9.000 tỷ đồng vào ngân sách nhà nước kể từ khi niêm yết • Cung cấp các sản phẩm hưu trí tự nguyện kết hợp các lợi ích bảo vệ, tích lũy, đảm bảo sự an tâm cho người lao động khi về già • Phát triển các sản phẩm y tế, chăm sóc sức khỏe phục vụ nhu cầu ngày càng gia tăng của xã hội • Xanh hóa hoạt động kinh doanh: sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên; Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững
CƠ QUAN BÁO CHÍ	• Minh bạch thông tin tài chính, quản trị, điều hành • Tăng cường các thông tin trao đổi với báo chí về hoạt động của doanh nghiệp	• Kết nối chặt chẽ với cơ quan báo chí, đảm bảo tin tức hoạt động của Bảo Việt được cập nhật kịp thời và phản ánh một cách chân thực, khách quan tới các bên liên quan. • Tăng cường số lượng thông tin gửi tới báo chí thông qua các thông cáo báo chí, các bài viết phân tích chuyên sâu tới các cơ quan báo chí mục tiêu	• Tăng cường trao đổi và chia sẻ thông tin với báo chí thông qua việc mời nhà báo tham dự một số chương trình do Bảo Việt tổ chức hoặc Bảo Việt tham gia. • Năm 2015 đã có hơn 300 bài viết có nội dung liên quan đến hoạt động của Bảo Việt, trong đó có hơn 100 bài viết về PTBV được đăng tải trên 100 đầu báo tại Việt Nam
CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG	• Hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất cho địa phương; • Hỗ trợ người dân các điều kiện sống cơ bản • Đầu tư cho giáo dục, xây dựng các chương trình trao tặng học bổng,	• Thực hiện trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động: Đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ; Phát triển cộng đồng địa phương; tri ân người có công, xóa đói giảm nghèo • Hỗ trợ cộng đồng thông qua đóng góp xây dựng các điều kiện sống căn bản, giúp người dân tập trung lao động sản xuất, đảm bảo kinh tế gia đình, qua đó thúc đẩy kinh tế địa phương, tạo ra các cơ hội phát triển kinh doanh cho Bảo Việt. • Chú trọng đầu tư cho công tác giáo dục thông qua công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức người dân hướng đến lợi ích lâu dài thông qua việc tạo điều kiện con em nghèo có cơ hội cắp sách tới trường.	• Đầu tư 28 tỷ đồng cho hoạt động cộng đồng trong đó hoạt động xóa đói giảm nghèo và đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ chiếm 81% tổng ngân sách hoạt động (tương ứng với 22,5 tỷ đồng). • Xây dựng cơ sở hạ tầng tại 02 huyện kinh tế đặc biệt khó khăn (tại Pác Nặm và Quế Phong) tập trung vào các công trình xây dựng trường học, trạm y tế theo Nghị quyết 30A với tổng vốn đầu tư là 14 tỷ đồng trong năm 2015 • Trao tặng các suất học bổng với tổng trị giá 492 triệu đồng cho các em học sinh có thành tích xuất sắc tại kỳ tuyển sinh đại học niên học 2015 tại hai trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Học viện Tài chính. • Đẩy mạnh các chương trình đến với bà con vùng cao bao gồm khám chữa bệnh, tặng quà cho bà con vùng núi; tặng sách vở và quần áo cho các em học sinh.
ĐỐI TÁC/ NHÀ CUNG CẤP	• Các yêu cầu cụ thể đối với dự án đầu tư đối với vấn đề môi trường xã hội • Các tiêu chí đối với đơn vị cung cấp về trách nhiệm môi trường, xã hội.	• Đưa yêu cầu về trách nhiệm với môi trường và xã hội trong điều khoản hợp đồng thương thảo với nhà thầu chính. • Bổ sung các tiêu chí đánh giá về Quản trị - môi trường và xã hội trong quy trình dự án đầu tư và góp vốn và các hoạt động khác của Bảo Việt. • Ưu tiên lựa chọn các nhà cung cấp đáp ứng yêu cầu quản lý, tuân thủ pháp luật và quá trình hoạt động không gây tổn hại đến môi trường và xã hội	• Thực hiện rà soát 13/19 nhà cung cấp về thực hành lao động và môi trường. • Bổ sung các đánh giá về môi trường, xã hội trong 02 Quy trình đầu tư góp vốn cổ phần và Quy trình đầu tư dự án. • Đưa điều khoản về môi trường và xã hội trong hợp đồng với 02 nhà thầu lớn.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỔ NGUỒN LỰC

Để xây dựng chiến lược và phân bổ nguồn lực hợp lý trong giai đoạn phát triển tiếp theo, Bảo Việt xác định các bên liên quan là các đối tác quan trọng, phản hồi từ các đối tác này là nguồn thông tin quý giá để Bảo Việt củng cố hoạt động của doanh nghiệp.

Thông qua việc tiếp xúc, trao đổi với các bên liên quan, chúng tôi đã tổng hợp các vấn đề được các bên quan tâm và đánh giá tính trọng yếu của các vấn đề này đối với hoạt động của Bảo Việt, từ đó chúng tôi thực hiện đầu tư, phân bổ nguồn lực nhằm đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

CƠ HỘI, THÁCH THỨC TRONG NGẮN, TRUNG VÀ DÀI HẠN

Trong bối cảnh Kinh tế và thị trường tài chính toàn cầu biến động khó lường, khiến môi trường kinh doanh ở Việt Nam diễn biến phức tạp, Bảo Việt luôn chủ động thực hiện công tác dự báo, phân tích để kịp thời ứng phó với những thay đổi trong môi trường kinh doanh nhằm xác định các cơ hội và thách thức trong trung và dài hạn đối với Bảo Việt.

YẾU TỐ TÁC ĐỘNG CHÍNH	CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG	LĨNH VỰC BẢO HIỂM		LĨNH VỰC ĐẦU TƯ	LĨNH VỰC DỊCH VỤ TÀI CHÍNH
		BHPNT	BHNT		
Triển vọng kinh tế vĩ mô 2016-2020	Kinh tế vĩ mô phục hồi và bước vào chu kỳ tăng trưởng mới;	C	C	C	C
	Dòng vốn FDI gia tăng	C	C	C	C
	Thu nhập bình quân đầu người cải thiện	C	C	C	C
	Kinh tế và thị trường tài chính toàn cầu biến động khó lường	T	T	T	T
	Nợ công và thâm hụt ngân sách gia tăng			T	T
	Nợ xấu tiếp tục ở mức cao				T
Hội nhập quốc tế	Thúc đẩy hoạt động thương mại	C			C
	Gia tăng dòng vốn FDI, ODA	C		C	C
	Quy mô thị trường được mở rộng	C	C	C	C
	Gia tăng cạnh tranh	T	T	T	T
	Yêu cầu xây dựng hệ thống quản lý rủi ro toàn diện	T	T	T	T
Tái cơ cấu thị trường tài chính - bảo hiểm	Thị trường phát triển ổn định lành mạnh và bền vững	C	C	C	C
	Khuôn khổ pháp lý ngày càng hoàn thiện tiếp cận với thông lệ quốc tế			C	C
	Yêu cầu chuẩn hóa và tuân thủ các yêu cầu pháp lý	T	T	T	T
Yếu tố dân số-xã hội	Tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm/GDP thấp	C	C		
	Cơ cấu dân số vàng, tầng lớp trung lưu gia tăng nhanh chóng	C	C	C	C
	Nhận thức và hiểu biết của người dân về tài chính - bảo hiểm ngày càng tăng	C	C	C	C
	Áp lực nghiên cứu để nắm bắt nhu cầu thị trường	T	T	T	T
Tốc độ phát triển công nghệ	Công nghệ phát triển mạnh mẽ	C	C	C	C
	Cạnh tranh phát triển sản phẩm sáng tạo	T	T	T	T
Biến đổi khí hậu	Xu thế chuyển giao rủi ro	C	C		
	Phát triển các sản phẩm tài chính vi mô	C	C	C	C
	Ảnh hưởng đến môi trường sống, gia tăng bệnh tật	T	T		

Ghi chú: Các thách thức và cơ hội nêu trên được phân tích cụ thể trong mục Chiến lược phát triển và phân bổ nguồn lực tại Báo cáo tích hợp 2015.

C ***Cơ hội***

T ***Thách thức***

CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU

RỦI RO TRỌNG YẾU TRONG NGẮN HẠN			
RỦI RO	**NHẬN DIỆN**	**ĐÁNH GIÁ**	**THEO DÕI & XỬ LÝ**
Rủi ro Bảo hiểm	Các rủi ro liên quan đến tổn thất mà công ty bảo hiểm có thể phải gánh chịu do mức phí bảo hiểm không đủ để chi trả cho các sự kiện được bảo hiểm.	⟷	• Áp dụng đầy đủ các biện pháp đánh giá rủi ro trong thiết kế sản phẩm bảo hiểm mới, khai thác, giám định và trả tiền hoặc bồi thường bảo hiểm; • Thường xuyên rà soát các giả định quan trọng (bản tỷ lệ tử vong, lãi suất kỹ thuật, các thông số về tổn thất), rà soát các rủi ro nhận bảo hiểm và đối tượng bảo hiểm hợp lý; • Theo dõi, đánh giá sản phẩm bảo hiểm (về lợi nhuận, doanh số) và phân tích kịch bản để kịp thời hoàn thiện sản phẩm, xác định phí bảo hiểm khi phát hiện thực tế khác với giả định.
Rủi ro hoạt động *Rủi ro Công nghệ thông tin*	Các rủi ro có thể phát sinh khi vận hành tập trung hệ thống CNTT gây gián đoạn hoạt động kinh doanh, ảnh hưởng lớn đến năng lực cạnh tranh và danh tiếng của Tập đoàn.	↓	• Thực hiện quản lý tập trung CNTT; • Theo dõi thường xuyên các phần mềm mới đưa vào sử dụng để xử lý kịp thời các rủi ro có thể phát sinh.
Rủi ro pháp lý, tuân thủ	Tập đoàn Bảo Việt là công ty niêm yết, do đó các rủi ro phát sinh trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, các nghĩa vụ đối với nhà đầu tư, cổ đông và khách hàng cần được chú trọng quản lý, giám sát.	↓	• Ban hành quy định nội bộ: Quy chế tuân thủ, quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp; • Rà soát, cập nhật các quy định mới ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh để đưa ra các biện pháp điều chỉnh phù hợp.
Rủi ro thanh khoản	Rủi ro do mất cân đối về kỳ hạn của dòng tiền để đáp ứng nghĩa vụ thanh toán dẫn đến rủi ro về mất thanh khoản sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến trạng thái cân đối thanh khoản của toàn Tập đoàn.	↑	• Xây dựng và áp dụng các biện pháp, cách thức phòng ngừa và ứng phó với các trường hợp rủi ro thanh khoản; • Duy trì một mức thanh khoản hợp lý để bảo đảm thực hiện được đầy đủ các cam kết tài chính của trong điều kiện kinh doanh bình thường.
Rủi ro tín dụng	Đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, cho vay margin hoặc gửi tiền tại các ngân hàng/định chế tài chính phi ngân hàng sẽ gặp phải rủi ro tín dụng, tuy nhiên ảnh hưởng của rủi ro này không lớn.	⟷	• Xây dựng và triển khai mô hình đánh giá nội bộ, phân loại các tổ chức tín dụng dựa trên bảng điểm phân tích tín dụng chi tiết; • Tuân thủ các hạn mức đầu tư
Rủi ro thị trường	Rủi ro do biến động của tỷ giá, giá cổ phiếu, lãi suất gây ảnh hưởng bất lợi đến thu nhập đầu tư.	⟷	• Đa dạng hóa danh mục đầu tư; • Thường xuyên rà soát và lựa chọn kỳ hạn tái đầu tư hợp lý để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất; • Sử dụng thước đo Giá trị rủi ro ("VaR") để giám sát và giới hạn rủi ro cổ phiếu niêm yết.
Rủi ro danh tiếng	Rủi ro danh tiếng của Bảo Việt phát sinh khi các phương tiện thông tin đại chúng đưa ra các thông tin bất lợi cho Tập đoàn hoặc các sản phẩm dịch vụ của Bảo Việt chưa đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng, nhà đầu tư...	⟷	• Rủi ro này trong năm 2015 đã được kiểm soát tốt tuy nhiên cần được tiếp tục giám sát, quản lý thường xuyên; • Đào tạo nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết về tầm quan trọng của quản trị danh tiếng.

Cùng với những cơ hội và thách thức của hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là diễn biến phức tạp và hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, vấn đề nâng cao khả năng quản lý rủi ro, hạn chế đến mức thấp nhất có thể những rủi ro tiềm ẩn của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính như Bảo Việt đang ngày càng trở nên cấp thiết…trong xu thế đó, Tập đoàn Bảo Việt đã tăng cường hệ thống quản lý rủi ro doanh nghiệp tại Tập đoàn và các Công ty con, xác định, phân loại và đánh giá các rủi ro một cách hệ thống, đảm bảo tất cả các rủi ro được quản lý kịp thời, hiệu quả.

RỦI RO TRỌNG YẾU TRONG DÀI HẠN			
RỦI RO	**NHẬN DIỆN**	**ĐÁNH GIÁ**	**THEO DÕI & XỬ LÝ**
Rủi ro chiến lược	Rủi ro không đạt được mục tiêu chiến lược: rủi ro chủ yếu do kế hoạch kinh doanh xây dựng hàng năm có thể chưa gắn kết với các mục tiêu chiến lược đã đặt ra. Rủi ro chiến lược không phù hợp: Khi xây dựng chiến lược chưa dự báo hết được các yếu tố chủ quan, khách quan hoặc chiến lược không được rà soát thường xuyên để điều chỉnh thích ứng các thay đổi của môi trường kinh doanh.	⟷	• Giám sát, đánh giá định kỳ việc thực hiện các mục tiêu chiến lược; • Tăng cường công tác nghiên cứu chiến lược, rà soát và cập nhật thường xuyên các yếu tố vĩ mô tác động đến việc thực hiện chiến lược phát triển của Tập đoàn và kịp thời đề xuất điều chỉnh phù hợp.
Rủi ro phát triển bền vững	Các rủi ro tác động đến sự phát triển bền vững trong hệ thống Bảo Việt; Các rủi ro của môi trường, xã hội tác động đến Bảo Việt; Các rủi ro từ hoạt động kinh doanh của Bảo Việt tác động đến môi trường, xã hội;	↑	• Xây dựng và tích hợp tầm nhìn về phát triển bền vững của Tập đoàn vào chiến lược kinh doanh; • Đánh giá rủi ro về việc tuân thủ các quy định liên quan đến phát triển bền vững trong toàn hệ thống; • Xác định các tác động (trực tiếp và gián tiếp) từ hoạt động kinh doanh của Bảo Việt đến môi trường, xã hội và đưa ra các giải pháp giảm thiểu các rủi ro có thể phát sinh từ 2 hai yếu tố này.

Chú thích:

- Đỏ: mức độ rủi ro cao
- Vàng: mức độ rủi ro trung bình
- Xanh: mức độ rủi ro thấp

- ↑ Xu hướng rủi ro tăng lên
- ⟷ Xu hướng rủi ro ổn định
- ↓ Xu hướng rủi ro giảm

Ghi chú: Các biện pháp quản lý rủi ro cụ thể được trình bày tại mục Quản lý rủi ro thuộc Chương IV – Quản trị doanh nghiệp (từ trang 262-281) Báo cáo tích hợp 2015

BAOVIET BAOVIET BAOVIET BAOVIET

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2016-2020

Thông qua việc đánh giá tầm quan trọng của các vấn đề xét trong mối tương quan giữa mức độ quan tâm của các bên và mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp, Bảo Việt đã xác định mức độ ưu tiên của từng nhóm vấn đề để hoạch định chiến lược và phân bổ nguồn lực phù hợp để nắm bắt cơ hội, ứng phó với các thách thức và giảm thiểu rủi ro nhằm gia tăng giá trị doanh nghiệp cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Năm 2015 là năm hoạch định cho Chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020 với định hướng phát triển bền vững. Ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho phát triển bền vững của Bảo Việt trong giai đoạn này là tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Việc thực hiện mục tiêu kinh tế nhằm đạt sự tăng trưởng bền vững về doanh thu và lợi nhuận, đóng góp vào ngân sách quốc gia qua nộp thuế, đảm bảo quyền lợi của cổ đông được kết hợp với việc thực hiện các mục tiêu khác về mặt xã hội và môi trường nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan.

Trên cơ sở rà soát, đánh giá các kết quả đã đạt được trong Chiến lược phát triển giai đoạn 2011-2015, Bảo Việt đã hoạch định Chiến lược phát triển 5 năm tiếp theo 2016-2020 cụ thể như sau:

HOẠCH ĐỊNH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

- Đánh giá môi trường kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020
- Định hướng chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020
- Các trọng tâm chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020
- Gắn kết phát triển bền vững trong Chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020

BAOVIET BAOVIET BAOVIET

ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG VĨ MÔ 2016 – 2020

Giai đoạn 2016-2020, trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, kinh tế Việt Nam được định hướng tiếp tục tái cơ cấu mô hình tăng trưởng để đạt mục tiêu phát triển nhanh hơn, bền vững hơn giai đoạn trước, đặc biệt chú trọng chất lượng tăng trưởng. Trong bối cảnh thị trường toàn cầu có nhiều biến động, môi trường kinh doanh ở Việt Nam được dự báo ngày càng diễn biến phức tạp. Các xu hướng lớn như hội nhập khu vực và quốc tế, tái cơ cấu toàn diện nền kinh tế, đô thị hóa diễn ra nhanh chóng, công nghệ số ngày càng phát triển, biến đổi khí hậu, thiếu hụt nguồn lực vốn, tài nguyên và nguồn nhân lực sẽ làm thay đổi cục diện cạnh tranh trên thị trường tài chính – bảo hiểm.

Trong trung và dài hạn, Việt Nam vẫn được đánh giá là thị trường đang phát triển có nhiều tiềm năng với quy mô dân số lớn, lực lượng lao động dồi dào, tầng lớp trung lưu gia tăng, nhận thức của người dân về vai trò bảo hiểm và các công cụ bảo vệ, quản lý tài chính cá nhân ngày càng cải thiện.

Triển vọng kinh tế vĩ mô và môi trường kinh doanh giai đoạn 2016-2020 mang đến không chỉ cơ hội mà cả thách thức đối với các doanh nghiệp, trong đó có Tập đoàn Bảo Việt. Trên cơ sở đánh giá 2016-2020 là giai đoạn quan trọng trong lộ trình hội nhập của Việt Nam vào thị trường khu vực và thế giới, tạo tiền đề bền vững cho giai đoạn phát triển sau năm 2020, Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện các nghiên cứu, đánh giá tổng thể kinh tế vĩ mô và thị trường ngành giai đoạn 2016-2020 và xác định các cơ hội và thách thức trong trung và dài hạn đối với Bảo Việt như sau:

Nhân tố	Cơ hội - thách thức
Triển vọng kinh tế vĩ mô *Tăng trưởng GDP (%)* 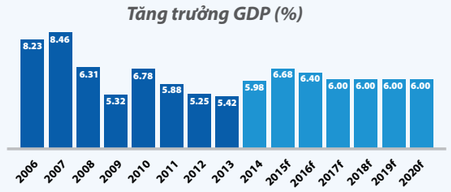 *Nguồn: GSO (Việt Nam), IMF*	**Cơ hội** - Kinh tế Việt Nam giai đoạn 2016-2020 dự báo phục hồi và bước vào chu kỳ tăng trưởng mới, chú trọng chất lượng tăng trưởng. - Môi trường vĩ mô được kỳ vọng ổn định, lạm phát được kiểm soát, hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục hồi phục, dòng vốn FDI gia tăng, tạo điều kiện cho các thị trường ngành tăng trưởng. - Thu nhập bình quân đầu người cải thiện, dự báo đạt trên 3.000 USD/người vào năm 2020, nhu cầu đầu tư, tiêu dùng gia tăng, nhờ đó thúc đẩy nhu cầu bảo hiểm và dịch vụ tài chính.
GDP/người (USD) 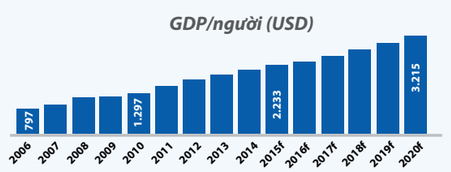 *Nguồn: IMF*	**Thách thức** - Kinh tế và thị trường tài chính toàn cầu biến động khó lường, môi trường kinh doanh ở Việt Nam được dự báo ngày càng diễn biến phức tạp. - Nợ công, thâm hụt ngân sách gia tăng, hiệu quả đầu tư thấp, nợ xấu vẫn là những thách thức lớn của nền kinh tế.

Nhân tố	Cơ hội - thách thức
Hội nhập quốc tế	**Cơ hội** - Hội nhập quốc tế sâu rộng giúp xóa bỏ rào cản thương mại và đầu tư, đem lại cơ hội to lớn cho nền kinh tế Việt Nam trong trung và dài hạn (đẩy mạnh thu hút FDI, ODA, tăng cường xuất nhập khẩu…). - Doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận thị trường mới rộng lớn hơn, phạm vi hoạt động không chỉ ở trong nước mà ngày càng mở rộng ra phạm vi khu vực và quốc tế. **Thách thức** - Hội nhập làm gia tăng cạnh tranh và thúc đẩy làn sóng gia nhập mới, các doanh nghiệp đối mặt với sức ép đổi mới, cải cách, nâng cao năng lực tài chính, quản trị, điều hành... - Hội nhập làm gia tăng rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro danh tiếng và các rủi ro mang tính hiện hữu (thiên tai, dịch bệnh…), đặt ra yêu cầu phải xây dựng hệ thống quản lý rủi ro toàn diện để chủ động ứng phó với môi trường kinh doanh biến động.
Tái cơ cấu thị trường tài chính- bảo hiểm	**Cơ hội** - Thị trường tài chính – bảo hiểm ngày càng phát triển ổn định, lành mạnh và bền vững. - Khuôn khổ pháp lý cho sự phát triển của thị trường tài chính ngày càng được hoàn thiện trên cơ sở tiếp cận gần với thông lệ quốc tế. **Thách thức** - Thách thức từ chuẩn hóa và tuân thủ các yêu cầu pháp lý về vốn (theo RBC, Basel II), quản trị, minh bạch thông tin… ngày càng tăng; - Sức ép cạnh tranh gia tăng: Không chỉ cạnh tranh với các Tập đoàn tài chính lớn trong nước, các doanh nghiệp bảo hiểm mới gia nhập thị trường và các tổ chức cung cấp các sản phẩm thay thế như ngân hàng, công ty tài chính cá nhân, quỹ đầu tư… mà còn cạnh tranh khốc liệt hơn với các tổ chức tài chính nước ngoài. - Sức ép cạnh tranh về nguồn nhân lực cấp cao, vốn, quản trị, thách thức duy trì đà tăng trưởng bền vững và tìm kiếm động lực tăng trưởng mới.

Nhân tố	Cơ hội - thách thức
Yếu tố dân số - xã hội *Tầng lớp trung lưu dự báo đạt >30 triệu người vào năm 2020* *Nguồn: HSBC 2015*	**Cơ hội** - Tỷ lệ thâm nhập GDP của thị trường bảo hiểm Việt Nam thấp, khoảng 1,5% GDP, so với mức trung bình của khu vực Châu Á là khoảng 5,2% GDP (Swiss Re 2014). - Các yếu tố nhân khẩu học với dân số trẻ, lực lượng lao động lớn, cơ cấu dân số vàng, tỷ lệ đô thị hóa và tầng lớp trung lưu gia tăng nhanh chóng, dự báo sẽ đem lại cơ hội rất lớn cho lĩnh vực dịch vụ tài chính bán lẻ, đặc biệt là ngành bảo hiểm. Đây sẽ là cơ hội dành cho các tổ chức tài chính quy mô lớn như Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt với khả năng cung cấp nhiều sản phẩm, dịch vụ tích hợp - Nhận thức và hiểu biết của người dân về bảo hiểm và rủi ro ngày càng tăng, đặc biệt là tầng lớp khách hàng trung lưu. Đây là phân khúc quan trọng nhất, đem lại cơ hội phát triển các sản phẩm mới, mở rộng kinh doanh, do đó cần tập trung nguồn lực khai thác tối đa nhóm khách hàng này. **Thách thức** - Thách thức đối với doanh nghiệp trong việc nghiên cứu kỹ thị trường, tạo ra các sản phẩm tích hợp để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của tầng lớp dân cư đặc biệt là tầng lớp trung lưu.
Tốc độ phát triển công nghệ 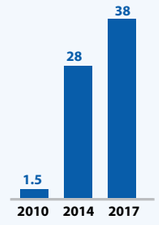 *Số người sử dụng smartphone tăng mạnh*	**Cơ hội** - Công nghệ phát triển mạnh mẽ mang đến nhiều cơ hội mới, thay đổi toàn diện phương thức kinh doanh, tạo cơ hội cho những doanh nghiệp áp dụng hiệu quả công nghệ vào hoạt động kinh doanh, đem lại lợi thế cạnh tranh khác biệt. **Thách thức** - Áp lực cạnh tranh về phát triển sản phẩm sáng tạo, thay đổi nhận thức và trải nghiệm của khách hàng - Ứng dụng công nghệ vào quá trình cung cấp dịch vụ khách hàng thông qua việc phát triển kênh phân phối mới trên cơ sở ứng dụng công nghệ.
Biến đổi khí hậu	**Cơ hội** - Biến đổi khí hậu tạo ra nhiều thách thức và tác động sâu rộng, tuy nhiên cũng đem lại nhiều cơ hội cho ngành bảo hiểm - Xu thế chuyển giao rủi ro thông qua thúc đẩy sự tham gia của thị trường bảo hiểm, thị trường vốn nhằm ứng phó với rủi ro thiên tai. - Cơ hội phát triển sản phẩm tài chính vi mô, bảo hiểm vi mô **Thách thức** - Tác động lớn đến khu vực nông nghiệp nông thôn và mục tiêu xóa đói giảm nghèo ở các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam. - Ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường sống, gia tăng bệnh tật của con người và làm trầm trọng việc thiếu hụt các nguồn lực cho phát triển.

MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2016-2020

Là Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm hàng đầu thị trường, Bảo Việt có lợi thế về thương hiệu uy tín, mạng lưới rộng khắp, cơ sở khách hàng lớn, sản phẩm đa dạng, tuy nhiên để tiếp tục củng cố những lợi thế cạnh tranh này trong dài hạn, Tập đoàn Bảo Việt cần có chiến lược đúng đắn để phân bổ và khai thác các nguồn lực một cách hiệu quả. Trên cơ sở phân tích cơ hội, thách thức đối với Bảo Việt trong giai đoạn 2016-2020, Bảo Việt xác định các trọng tâm chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn 2025 và các mục tiêu chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020.

Trong bối cảnh hội nhập khu vực và toàn cầu, trên cơ sở đánh giá thuận lợi, khó khăn của nền kinh tế, thị trường ngành và các lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp, Bảo Việt hướng đến tầm nhìn 2025 là ***"Giữ vững vị thế là Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, tiềm lực tài chính mạnh, tăng trưởng bền vững, hiệu quả".***

Các mục tiêu định tính đến năm 2020

Phấn đấu vị trí số 1 thị trường trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm phi nhân thọ.

Doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực quản lý quỹ, cung cấp các dịch vụ tài chính trong nước.

Có nền tảng, hạ tầng công nghệ thông tin đạt chuẩn quốc tế, đáp ứng tốt yêu cầu quản trị, kinh doanh trong toàn hệ thống.

Các mục tiêu định lượng

Hợp nhất	*Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt*
Tổng tài sản hợp nhất đến năm 2020 đạt khoảng 80.000 tỷ đồng – 85.000 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015-2020 đạt khoảng 8%-10%;	Tổng doanh thu năm 2020 đạt khoảng 2.300 tỷ đồng với tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015-2020 đạt khoảng 11,5%/năm;
Tổng doanh thu hợp nhất đến năm 2020 đạt khoảng 33.000 tỷ đồng – 35.000 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015-2020 đạt khoảng 10%-11%;	Lợi nhuận sau thuế năm 2020 đạt khoảng 1.300 tỷ đồng - 1.500 tỷ đồng với tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015-2020 đạt khoảng 6%-9%/năm;
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đến năm 2020 đạt khoảng 1.500 tỷ đồng-1.600 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015-2020 đạt khoảng 5%-6%.	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế /Vốn điều lệ bình quân giai đoạn 2015-2020 đạt khoảng 15%;
	Tỷ lệ chi trả cổ tức ở mức hợp lý, tối thiểu bằng 50% lợi nhuận sau thuế, phân bổ lợi nhuận nhiều hơn cho tái đầu tư phát triển doanh nghiệp.

CÁC TRỌNG TÂM CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2016-2020

Nền tảng hoạt động được Bảo Việt xây dựng trong hơn 50 năm qua là một trong những yếu tố cơ bản giúp Bảo Việt duy trì sự phát triển bền vững của mình. Để đạt được các mục tiêu chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020, Bảo Việt sẽ tiếp tục phát triển nền tảng Một Bảo Việt đã được xây dựng trong giai đoạn 2011-2015 nhằm củng cố và tạo lợi thế cạnh tranh mới để khai thác các cơ hội thị trường, song song với tăng cường năng lực tài chính và củng cố năng lực quản trị để đáp ứng các yêu cầu hội nhập và cạnh tranh trong bối cảnh kinh doanh mới. Những trọng tâm chiến lược này được xác định trên cơ sở phân tích toàn diện về các cơ hội và rủi ro đối với Bảo Việt cũng như tiềm năng tăng trưởng và phát triển của Bảo Việt trong giai đoạn 2016-2020.

Các nhân tố đầu vào cơ bản

Các xu thế vĩ mô chính

Bối cảnh xây dựng chiến lược của Tập đoàn Bảo Việt

Nhu cầu của các bên liên quan

Các yếu tố trọng yếu

Kinh tế vĩ mô bước vào chu kỳ tăng trưởng mới với tốc độ tăng trưởng thấp hơn song theo hướng ổn định và bền vững hơn

Hội nhập quốc tế sâu rộng đem đến cơ hội lớn trong phát triển kinh tế dài hạn song thách thức từ hội nhập cũng rất lớn

Tái cơ cấu thị trường tài chính - bảo hiểm tạo khuôn khổ pháp lý hoàn thiện cho sự phát triển của thị trường, đồng thời tạo sức ép tuân thủ lớn đối với các doanh nghiệp

Yếu tố dân số - xã hội tạo cơ hội lớn cho thị trường tài chính – bảo hiểm

Tốc độ phát triển công nghệ gia tăng mạnh mẽ

Biến đổi khí hậu đặt ra không chỉ thách thức mà cả cơ hội cho ngành bảo hiểm phát triển

Các trọng tâm chiến lược của Bảo Việt

Tăng trưởng bền vững, hiệu quả, củng cố nền tảng một Bảo Việt

Tăng cường tiềm lực tài chính

Củng cố năng lực quản trị và quản lý kinh doanh

Tăng trưởng bền vững và hiệu quả, củng cố nền tảng Một Bảo Việt

Ưu tiên nguồn lực để tạo bứt phá về hiệu quả hoạt động, củng cố lợi thế cạnh tranh và vị trí hàng đầu của lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, tận dụng cơ hội tăng trưởng của các lĩnh vực đơn vị thành viên khác.

Tăng cường tiềm lực tài chính thông qua đa dạng hóa các phương thức huy động vốn, trong đó chính sách chi trả cổ tức theo hướng dành một phần nguồn lực bổ sung cho quỹ đầu tư phát triển, kiểm soát chặt chẽ hiệu quả sử dụng vốn, gia tăng giá trị doanh nghiệp, đảm bảo lợi ích lâu dài cho các cổ đông.

Củng cố năng lực quản trị và quản lý kinh doanh trên nền tảng Một Bảo Việt, áp dụng thông lệ và chuẩn mực quốc tế, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin.

CÁC ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CƠ BẢN THỰC HIỆN MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Định hướng đối với Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt

- Phát huy vai trò quản trị tập trung, điều phối nguồn lực của Công ty mẹ trong toàn Tập đoàn về tài chính, nhân sự - đào tạo, công nghệ thông tin, thương hiệu, đầu tư, xây dựng cơ bản; nâng cao năng lực quản trị theo thông lệ quốc tế, tăng cường công tác quản trị rủi ro, kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ; đẩy mạnh hợp lực Tập đoàn;
- Tăng cường năng lực tài chính cho Công ty Mẹ để thực hiện tốt chức năng của Công ty mẹ là đầu tư vốn vào các công ty con trong lĩnh vực kinh doanh truyền thống và các ngành nghề kinh doanh mới tiềm năng thông qua nghiên cứu triển khai các phương án tăng cường năng lực tài chính như tài trợ vốn thông qua nguồn lợi nhuận để lại; huy động vốn thông qua phát hành vốn cổ phần (riêng lẻ/rộng rãi) cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP), vay vốn ngân hàng, phát hành trái phiếu doanh nghiệp, v.v.

Định hướng chiến lược kinh doanh đối với các đơn vị thành viên

- Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ và Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt: là các đơn vị nòng cốt, tiếp tục thực hiện sứ mệnh là trụ cột phát triển các lĩnh vực kinh doanh truyền thống của Tập đoàn;
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt, Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt: tiếp tục khai thác các cơ hội mới trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, đầu tư;
- Hoàn thiện mô hình kinh doanh theo định hướng quản lý tập trung, đẩy mạnh hoạt động bán hàng và dịch vụ khách hàng;
- Phát triển và khai thác các sản phẩm có tính cạnh tranh cao, đem lại giá trị dài hạn cho khách hàng, đáp ứng nhu cầu đa dạng về sản phẩm dịch vụ tài chính, bảo hiểm trong từng giai đoạn khác nhau trong vòng đời của khách hàng;
- Nâng cao năng lực các kênh phân phối sản phẩm, dịch vụ truyền thống song song với việc đẩy mạnh nghiên cứu, áp dụng các kênh, mô hình phân phối, khai thác mới tiên tiến, phát huy tối đa sức mạnh hợp lực hệ thống.

Các giải pháp xây dựng nền tảng phát triển hoạt động kinh doanh

- **Công nghệ thông tin:** hoàn thiện xây dựng nền tảng công nghệ thông tin hiện đại, triển khai thành công các phần mềm nghiệp vụ, phần mềm quản lý nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh.
- **Thương hiệu:** hiện đại hóa hình ảnh thương hiệu Bảo Việt là một Tập đoàn tài chính – bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, đảm bảo sự nhất quán, chuyên nghiệp và năng động.
- **Nguồn nhân lực**: xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và có tính kế thừa bền vững.
- **Quản lý rủi ro:** xây dựng mô hình, hệ thống quản lý rủi ro theo chuẩn mực quốc tế nhằm quản lý toàn diện và phòng ngừa hiệu quả các rủi ro trong toàn Tập đoàn.

Giải pháp đảm bảo phát triển bền vững gắn kết với các mục tiêu xã hội và môi trường

Bảo Việt tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững trong định hướng chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2016-2020 của doanh nghiệp bao gồm:

- Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, hiệu quả và dài hạn; tạo công ăn việc làm và nâng cao năng suất lao động cho mọi người
- Xoá nghèo dưới mọi hình thức, ở mọi nơi
- Đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và nâng cao phúc lợi cho mọi lứa tuổi
- Đảm bảo giáo dục chất lượng một cách công bằng và có hiệu quả, đồng thời nâng cao cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người
- Đảm bảo các hình mẫu sản xuất và tiêu dùng bền vững
- Hành động ứng phó với biến đổi khí hậu

Để thực hiện các mục tiêu trên, Bảo Việt sẽ thực hiện các giải pháp trọng tâm sau:

- Đầu tư cho các hoạt động cộng đồng như công tác xóa đói giảm nghèo, đầu tư cho thế hệ trẻ, khắc phục hậu quả thiên tai và tri ân anh hùng liệt sỹ
- Triển khai đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ tài chính, phù hợp với nhu cầu người dân
- Triển khai các chương trình hỗ trợ và cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân các vùng khó khăn
- Tạo việc làm và phát triển kinh tế địa phương
- Giảm phát khí thải nhà kính thông qua giảm tiêu thụ năng lượng các tòa nhà văn phòng; Tiết kiệm văn phòng phẩm, giảm thiểu rác thải trong văn phòng làm việc
- Tăng tỷ lệ rà soát và thỏa thuận về môi trường xã hội với nhà cung cấp và dự án đầu tư
- Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững

GẮN KẾT CÁC MỤC TIÊU THIÊN NIÊN KỶ TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2016-2020

> ***"Hướng tới một thế giới bền vững – Doanh nghiệp được nhận định là nhân tố quan trọng trong việc hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững giai đoạn 2015-2030"***

Hội nghị Thượng đỉnh Liên Hợp quốc về Phát triển bền vững được tổ chức từ ngày 25 đến ngày 27/9/2015 tại thành phố New York, Hoa Kỳ với mục đích thông qua Chương trình nghị sự 2030 với trọng tâm là các Mục tiêu phát triển bền vững cho giai đoạn 2015 – 2030. Nói về vai trò của khối doanh nghiệp đối với việc thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững, Tổng Thư ký Liên Hợp quốc ông Ban Ki-moon nhấn mạnh: ***"Doanh nghiệp là một đối tác quan trọng trong việc hiện thực hoá các mục tiêu phát triển bền vững. Các công ty có thể đóng góp vào quá trình này thông qua những hoạt động cốt lõi của họ và Liên Hợp quốc kêu gọi các công ty trên toàn thế giới đánh giá tác động của mình, đặt ra những mục tiêu tham vọng với quyết tâm mạnh mẽ và công bố kết quả thực hiện một cách minh bạch".***

HƯỚNG TỚI MỘT THẾ GIỚI BỀN VỮNG, LIÊN HỢP QUỐC ĐÃ ĐƯA RA 17 MỤC TIÊU THIÊN NIÊN KỶ

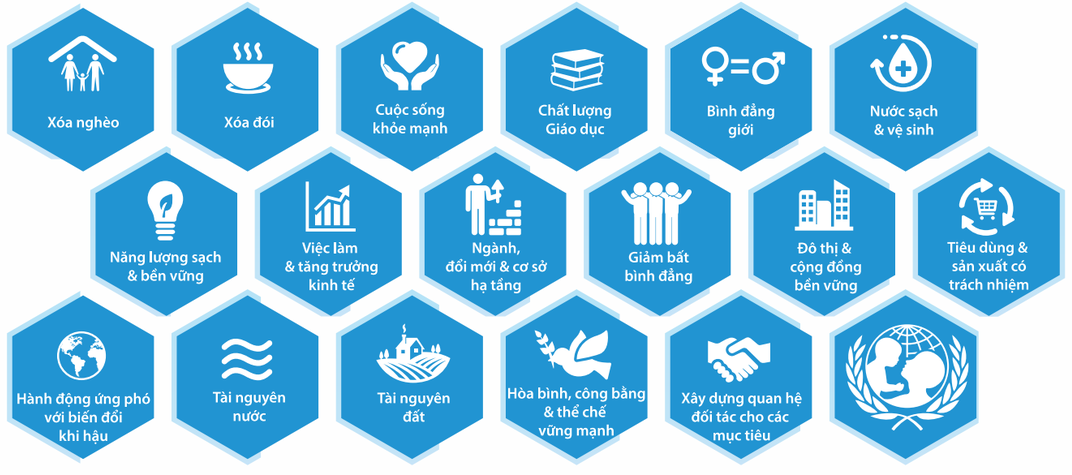

Định hướng với lộ trình cụ thể được Bảo Việt xây dựng căn cứ trên việc đánh giá các hoạt động đã triển khai trong giai đoạn 2011-2015; phân tích các tác động của Bảo Việt, ảnh hưởng và cơ hội từ xu hướng phát triển bền vững từ đó xây dựng tầm nhìn và định hướng phát triển cho giai đoạn 2016-2020.

Bảo Việt hiểu rằng để xây dựng nên một tương lai tốt đẹp, cần sự nỗ lực của tất cả chúng ta từ ngày hôm nay, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò như một nhân tố tích cực trong việc hiện thực hóa tương lai này. Và để làm được, chúng tôi cũng cần xây dựng lộ trình cụ thể nhằm bù đắp lại những thiếu hụt về nguồn lực tài nguyên mà con người đã khai thác quá mức trong quá khứ và trong hiện tại.

GẮN KẾT PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2016-2020

Là một Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, Bảo Việt nhận thức rõ vai trò không chỉ là đầu tàu kinh tế mà còn là doanh nghiệp tiên phong trong việc tuyên bố và hiện thực hóa Chiến lược Phát triển bền vững bằng các hành động cụ thể trong việc ra quyết định kinh doanh, đảm bảo tăng trưởng hiệu quả về kinh tế, bảo vệ môi trường, bảo đảm sự bình an và phát triển cộng đồng.

Mục tiêu chung

Bảo Việt luôn gắn liền tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội - ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho thành công lâu dài của Bảo Việt. Trong đó, mục tiêu kinh tế là mục tiêu quan trọng nhất của Bảo Việt vì việc thực hiện mục tiêu này là điều kiện cần để thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường.

Việc thực hiện mục tiêu kinh tế được kết hợp với thực hiện các mục tiêu khác về mặt xã hội và môi trường nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan tới hoạt động trong hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển dài hạn và bền vững của Bảo Việt.

Mô hình phát triển bền vững của Bảo Việt

Quá trình trao đổi, tiếp xúc với các bên liên quan giúp chúng tôi nhận thức được rằng cùng với việc đảm bảo mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo các lợi ích của xã hội và cộng đồng thì "Quản trị doanh nghiệp" và "Phát triển nguồn nhân lực" cũng là hai yếu tố quan trọng, đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Bảo Việt. Chính vì vậy, chúng tôi đã bổ sung thêm 2 yếu tố này trong mô hình phát triển bền vững của năm nay. Chúng tôi tin rằng những giá trị cốt lõi của Bảo Việt vẫn luôn được bảo tồn, phát huy; và các yếu tố góp phần tạo nên giá trị cốt lõi có thể thay đổi, đảm bảo sự thích ứng theo từng thời điểm.

Mục tiêu và giải pháp triển khai định hướng chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2016 – 2020

Căn cứ theo nội dung cụ thể của 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp Quốc, Bảo Việt đã lựa chọn và tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững trong định hướng chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2016-2020 của doanh nghiệp bao gồm:

1. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, hiệu quả và dài hạn; tạo công ăn việc làm và nâng cao năng suất lao động cho mọi người (SD8)
2. Xoá nghèo dưới mọi hình thức, ở mọi nơi (SD1)
3. Đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và nâng cao phúc lợi cho mọi lứa tuổi (SD3)
4. Đảm bảo giáo dục chất lượng một cách công bằng và có hiệu quả, đồng thời nâng cao cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người (SD4)
5. Đảm bảo các hình mẫu sản xuất và tiêu dùng bền vững (SD12)
6. Hành động Ứng phó với biến đổi khí hậu (SD13)

TĂNG TRƯỞNG HIỆU QUẢ VÀ BỀN VỮNG

MỤC TIÊU 1 (SD8)

Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, hiệu quả và dài hạn; tạo việc làm và nâng cao năng suất lao động cho mọi người

Củng cố nền tảng Một Bảo Việt: Đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, củng cố hạ tầng CNTT, đẩy mạnh hoạt động truyền thông – thương hiệu, đẩy mạnh vai trò tư vấn chiến lược và quản lý chức năng ngành dọc xuyên suốt toàn Tập đoàn nhằm nâng cao hiệu quả hỗ trợ kinh doanh và đem lại giá trị gia tăng cho Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

Ưu tiên nguồn lực để tạo bứt phá về hiệu quả hoạt động, củng cố lợi thế cạnh tranh và vị trí hàng đầu của lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, tận dụng cơ hội tăng trưởng của các lĩnh vực đơn vị khác.

Chiến lược đầu tư thận trọng đảm bảo an toàn tài sản trên nguyên tắc vốn đầu tư phân bổ theo hiệu quả và khả năng sinh lời của các đơn vị.

Triển khai nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm trong các dự án đầu tư, tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh, đóng góp cho kinh tế địa phương, tạo việc làm cho người dân địa phương tại các địa bàn Bảo Việt đang hoạt động.

ĐÓNG GÓP CHO SỰ PHÁT TRIỂN CHUNG CỦA XÃ HỘI

MỤC TIÊU 2 (SD1)

Xoá nghèo dưới mọi hình thức, ở mọi nơi

MỤC TIÊU 3 (SD3)

Đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và nâng cao phúc lợi cho mọi lứa tuổi

MỤC TIÊU 4 (SD4)

Đảm bảo giáo dục chất lượng một cách công bằng và có hiệu quả, đồng thời nâng cao cơ hội học tập cho tất cả mọi người

Thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn thông qua việc đầu tư tại các địa bàn khó khăn, tập trung cho các huyện nghèo vùng cao.

Tập trung hỗ trợ các điều kiện sống cơ bản cho người dân vùng khó khăn nhằm giúp họ tập trung lao động sản xuất để nuôi sống bản thân và gia đình tốt hơn.

Đầu tư phát triển các gói sản phẩm bảo hiểm đáp ứng các nhu cầu bảo vệ cho khách hàng thông qua gói sản phẩm đa dạng với tính năng ưu việt, linh hoạt.

Xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, hợp lý về cơ cấu, có khả năng tiếp cận với các phương pháp, kỹ năng quản lý hiện đại, tiên tiến.

Đầu tư cho công tác giáo dục, phát triển thế hệ trẻ, góp phần xây dựng thế hệ tri thức tương lai của đất nước.

CHUNG TAY BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

MỤC TIÊU 5 (SD12)

Đảm bảo các hình mẫu sản xuất và tiêu dùng bền vững

MỤC TIÊU 6 (SD13)

Hành động Ứng phó với biến đổi khí hậu

Tạo sự chuyển biến từ ý thức bảo vệ môi trường đến việc đồng hành cùng Bảo Việt trong các hoạt động vì môi trường đối với khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên.

Thực hiện đánh giá và lựa chọn nhà nhà cung cấp căn cứ trên các cam kết trách nhiệm đối với xã hội và môi trường.

Áp dụng các nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm trong các dự án đầu tư, nhằm đảm bảo thực hiện chuỗi giá trị bền vững của Bảo Việt.

Sử dụng năng lượng hiệu quả tại các tòa nhà văn phòng thông qua việc sử dụng hợp lý, có ý thức các nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên.

Tăng cường sử dụng các sản phẩm tái chế và sử dụng các thiết bị được dán nhãn "xanh".

Giảm thiểu các hoạt động gây phát sinh chất thải và ô nhiễm môi trường, góp phần cải tạo môi trường và sức khỏe của con người.

03

HỘI TỤ GIÁ TRỊ

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
- BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG
- BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

BAOVIET

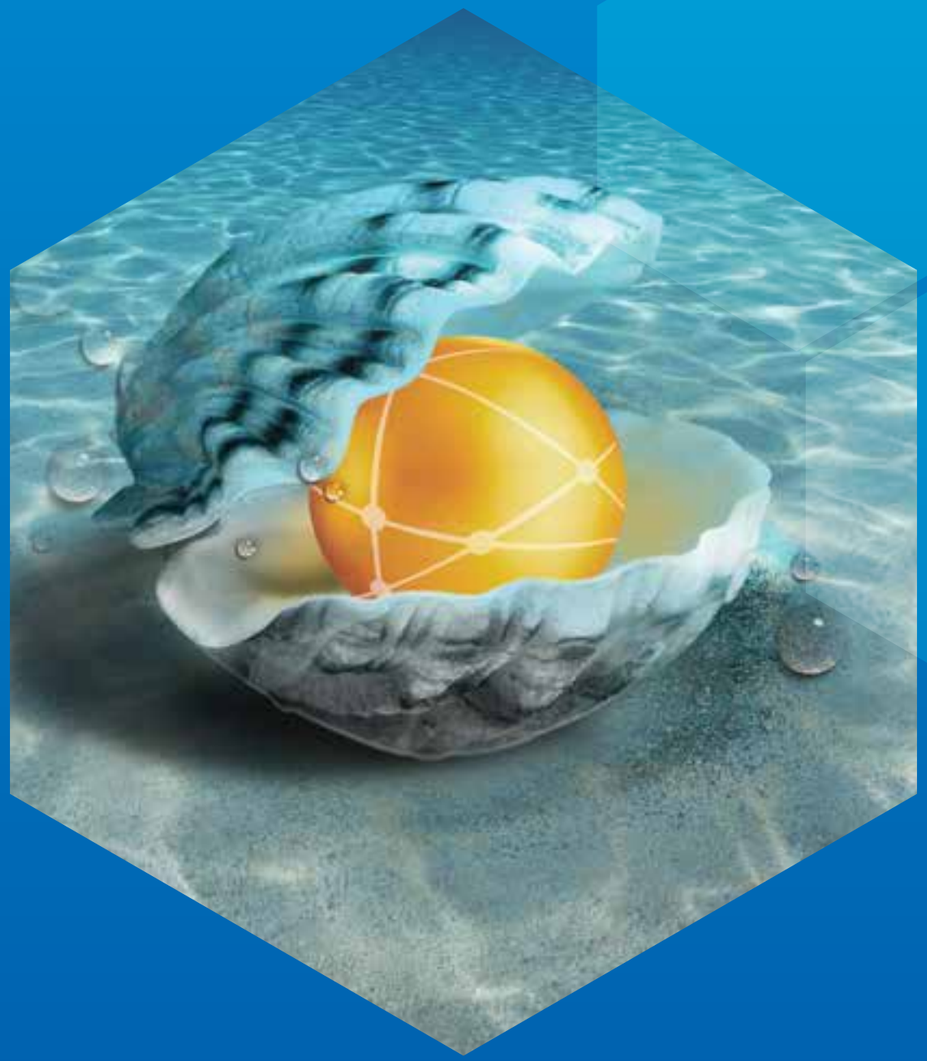

HỘI TỤ GIÁ TRỊ

Năm 2015 - các giá trị tiềm tàng kết tinh trong nửa thế kỷ Bảo Việt được hội tụ để khơi thông mọi nguồn lực cho phát triển. Các giá trị mới được tạo ra sẽ kết nối thành một chuỗi giá trị để có thể chia sẻ và tương tác với nhau tạo nên những thay đổi bứt phá trên nhiều khía cạnh trong hoạt động, nhằm mang lại giá trị gia tăng cho các bên liên quan, phát huy sức mạnh tổng thể của Bảo Việt trong hành trình mới.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG NĂM 2015

- Khai thác cơ hội từ thị trường
- Điều hành hoạt động kinh doanh về đích vượt kế hoạch, phát huy hiệu quả các nguồn lực
- Phát triển nguồn nhân lực, tạo ra các giá trị lâu dài cho người lao động
- Thực hiện các mục tiêu môi trường và xã hội, tạo ra giá trị gia tăng cho các bên liên quan
- Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án lớn

MỤC TIÊU VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH 2016

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá việc thực hiện chiến lược giai đoạn 2011-2015
- Đánh giá Ban điều hành trong điều hành hoạt động kinh doanh và thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2015
- Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu môi trường và xã hội
- Các kết quả đã đạt được và giá trị mang lại cho các bên liên quan
- Định hướng hoạt động 2016

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Việt
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt

BAOVIET

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Năm 2015, Ban Điều hành đã tập trung thực hiện những nhóm giải pháp mang tính đột phá với trọng tâm là khai thác cơ hội từ thị trường, sử dụng hiệu quả nguồn lực, củng cố các lĩnh vực then chốt như nhân sự, tài chính, đầu tư, thương hiệu, công nghệ thông tin và triển khai Đề án Hợp lực toàn Tập đoàn nhằm khơi dậy các nguồn lực tiềm ẩn sẵn có trong toàn hệ thống về con người, mạng lưới phân phối, đẩy mạnh bán chéo giữa các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn. Bằng sự nỗ lực và quyết tâm của toàn hệ thống, Bảo Việt đã về đích năm 2015 vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao, gia tăng giá trị doanh nghiệp và mang lại lợi ích cho các bên liên quan.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH BAO GỒM CÁC NỘI DUNG:

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG NĂM 2015
- Khai thác cơ hội từ thị trường
- Điều hành hoạt động kinh doanh về đích vượt kế hoạch, phát huy hiệu quả các nguồn lực
- Phát triển nguồn nhân lực, tạo ra các giá trị lâu dài cho người lao động
- Thực hiện các mục tiêu môi trường và xã hội, tạo ra giá trị gia tăng cho các bên liên quan
- Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

MỤC TIÊU VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH 2016

KHAI THÁC CƠ HỘI TỪ THỊ TRƯỜNG

KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2015

Năm 2015, nhờ sự phục hồi của kinh tế thế giới và nỗ lực điều hành của Chính phủ, kinh tế vĩ mô từng bước phục hồi vững chắc. GDP tăng trưởng 6,68%, mức cao nhất kể từ năm 2011 trở lại đây. Khu vực công nghiệp và xây dựng tiếp tục là trụ cột chính của tăng trưởng. Lạm phát bình quân năm 2015 có mức tăng thấp nhất trong vòng 14 năm qua, xuất khẩu và thu hút vốn đầu tư nước ngoài tăng trưởng tốt. Những kết quả đạt được của nền kinh tế trong năm 2015 được kỳ vọng sẽ tạo đà phục hồi mạnh mẽ và là nền tảng cho sự phát triển của giai đoạn năm năm tiếp theo 2016-2020.

Tăng trưởng GDP (yoy)

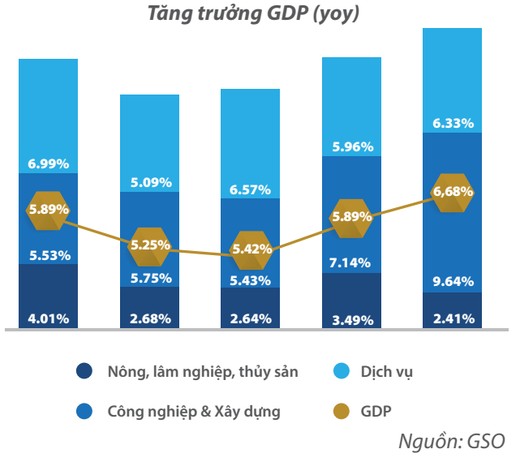

Nguồn: GSO

Tăng trưởng GDP vượt mục tiêu và cao nhất trong vòng 5 năm trở lại đây

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2015 tăng 6,68% so với năm 2014 với đà tăng cao dần theo từng quý, trong đó quý I tăng 6,12%; quý II tăng 6,47%; quý III tăng 6,87%; quý IV tăng 7,01%. Mức tăng này vượt kế hoạch đặt ra từ đầu năm và cũng là mức tăng cao nhất trong vòng 5 năm trở lại đây. Quy mô nền kinh tế đạt 4.192,9 nghìn tỷ đồng; GDP bình quân đầu người tăng lên 45,7 triệu đồng (tương đương 2.109 USD từ mức 2.052 USD năm 2014). Cùng với xu hướng hồi phục nhẹ của hai năm 2013-2014, tín hiệu tăng tốc trong năm 2015 là một trong những cơ sở cho thấy khả năng nền kinh tế đã quay lại chu kỳ tăng trưởng ổn định.

NHỮNG THÀNH TỰU KINH TẾ

Tổng cung phục hồi rõ nét

Sản xuất công nghiệp trong năm 2015 tiếp tục phục hồi rõ nét so với năm 2014. Tính chung cả năm 2015, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 9,8% so với năm trước (cao hơn mức tăng 7,6% trong năm 2014).

Hoạt động sản xuất của Việt Nam (thể hiện qua chỉ số PMI) có sự dao động khá lớn giữa các tháng trong năm 2015 đã ít nhiều gây ra lo ngại về sự giảm tốc của khu vực sản xuất nhưng xét trên bình diện chung cả năm, hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất vẫn cho thấy xu hướng mở rộng cho dù mức độ cải thiện trong từng tháng là khác nhau.

Về tổng thể, tổng cung trong năm 2015 tiếp tục cho thấy sự hồi phục so với năm 2014. Ngành công nghiệp chế biến chế tạo vẫn giữ vai trò đầu tàu, đóng góp quan trọng vào tốc độ tăng trưởng chung. Niềm tin vào triển vọng phục hồi kinh tế dần quay trở lại, cùng với xu hướng giảm giá liên tục của các loại hàng hóa cơ bản trên thị trường thế giới thúc đẩy các doanh nghiệp mạnh dạn mở rộng sản xuất, tích trữ hàng tồn kho.

Chỉ số sản xuất công nghiệp

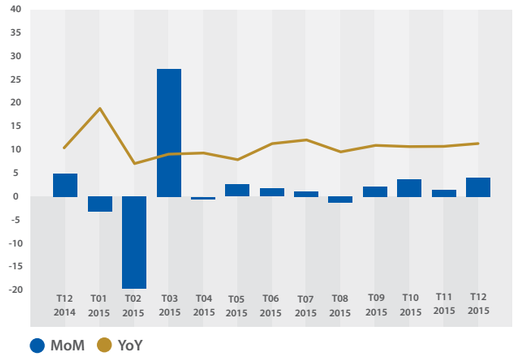

Nguồn: Bloomberg, GSO

Chỉ số PMI (%)

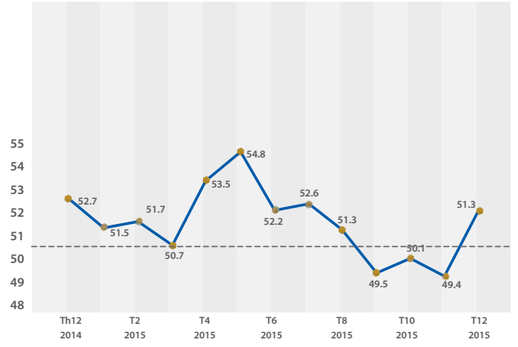

Nguồn: Bloomberg, GSO, HSBC, Nikkei

Doanh số bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng

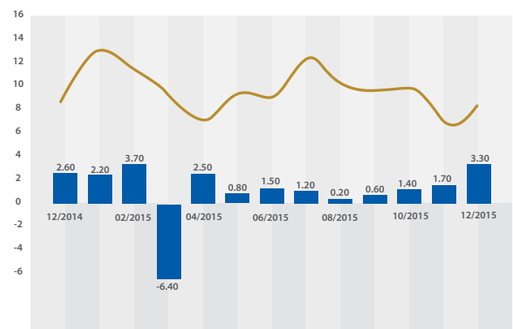

Nguồn: GSO, NHNN

Tổng cầu

Tiêu dùng trong nước tăng so với 2014

Tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2015 tăng 9,5% YoY, nếu loại trừ yếu tố giá thì tăng 8,4%, cao hơn so với mức tăng 8,1% của năm 2014. Về xu hướng, kỳ vọng tiêu dùng hộ gia đình sẽ có mức tăng trưởng cao hơn trong năm tiếp theo nhờ mặt bằng giá cả tiếp tục ổn định và thu nhập của người lao động ngày càng có sự cải thiện.

Đầu tư tư nhân tăng mạnh tập trung vào lĩnh vực sản xuất trực tiếp

Tăng trưởng tín dụng năm 2015 đạt mức 17,29% (cùng kỳ năm 2014 tăng khoảng 14%). Mức tăng này đã vượt 2% so với mục tiêu ban đầu mà NHNN đặt ra cho tăng trưởng tín dụng cho cả năm 2015 (13-15%).

Tăng trưởng tín dụng (%)

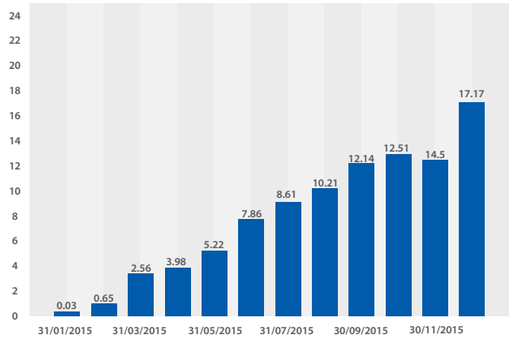

Nguồn: GSO, NHNN

Dòng vốn FDI

ĐVT: tỷ USD

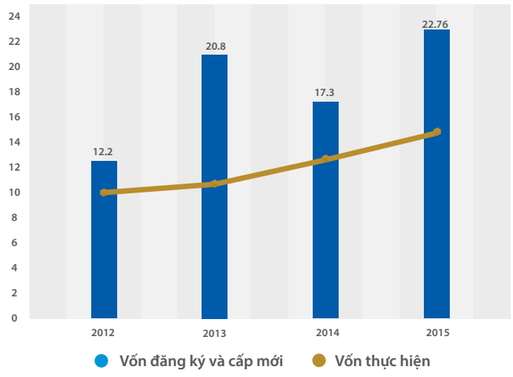

Nguồn: GSO, Bộ KH&ĐT

Cán cân thương mại

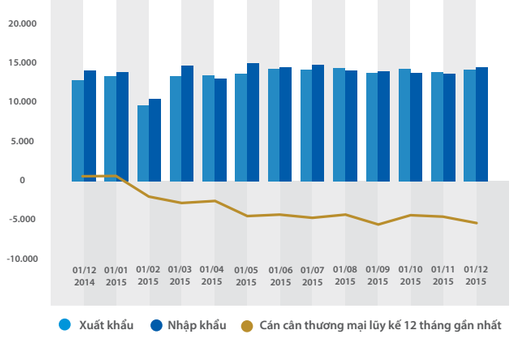

Nguồn: GSO

Về cơ cấu, thay vì chảy vào các lĩnh vực mang tính đầu cơ cao, đa phần tín dụng đã được rót vào các lĩnh vực sản xuất trực tiếp, như cho vay lĩnh vực nông nghiệp nông thôn tăng 11%; tín dụng cho lĩnh vực công nghệ cao tăng đột biến 43%. Đây đều là những lĩnh vực ưu tiên, được các NHTM áp dụng mức lãi suất rất ưu đãi, phổ biến từ 6-7%/năm.

FDI duy trì tốc độ tăng trưởng, góp phần ổn định tỷ giá và tăng dự trữ ngoại hối

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong năm 2015 đạt 22,76 tỷ USD, tăng 12,5% so với năm 2014. Vốn FDI đăng ký tiếp tục cho thấy xu hướng tích cực khi tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với 15,23 tỷ USD, chiếm 67% tổng vốn đăng ký; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 2,8 tỷ USD, chiếm 12,4%; ngành kinh doanh bất động sản đạt 2,4 tỷ USD, chiếm 10,5%; các ngành còn lại chiếm 10,2%. Vốn FDI thực hiện trong năm 2015 đạt 14,5 tỷ USD, tăng 17,4% so với cùng kỳ năm trước.

Hoạt động xuất nhập khẩu tăng trưởng khá nền kinh tế quay lại nhập siêu 3,25 tỷ USD

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm 2015 ước đạt 162,4 tỷ USD - mức cao nhất từ trước tới nay và tăng 8,1% so với năm 2014; kim ngạch nhập khẩu ước đạt 165,6 tỷ USD, tăng 12% so với năm 2014. Nếu loại trừ yếu tố giá (chỉ số giá nhập khẩu giảm 5,8%) thì kim ngạch nhập khẩu hàng hóa năm 2015 tăng 18,9%, cao hơn mức tăng 13,2% của năm 2014.

Việt Nam là một trong số ít các nước ở châu Á có kim ngạch xuất khẩu vẫn tăng mạnh (trong khi hoạt động xuất khẩu của phần nhiều các nước khác suy giảm). Năm 2015, Việt Nam chuyển sang trạng thái nhập siêu (3,25 tỷ USD) chấm dứt chuỗi xuất siêu trong 3 năm liên tiếp vừa qua, do tốc độ tăng trưởng của nhập khẩu vượt xuất khẩu kể từ những tháng cuối quý 2 trong bối cảnh nhu cầu nội địa tăng và hoạt động nhập khẩu phục vụ sản xuất xuất khẩu.

Lạm phát tiếp tục được kiểm soát ở mức thấp

Năm 2015 ghi nhận chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 12 tháng chỉ tăng 0,63% so với năm 2014 - thấp nhất trong vòng 14 năm qua và thấp hơn mức mục tiêu của

Diễn biến chỉ số CPI năm 2014-2015 (%)

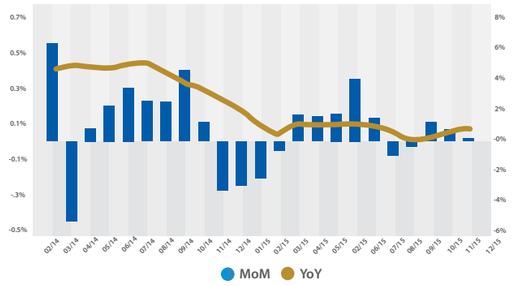

Nguồn: GSO

Tỷ lệ nợ công và nợ chính phủ/GDP (%)

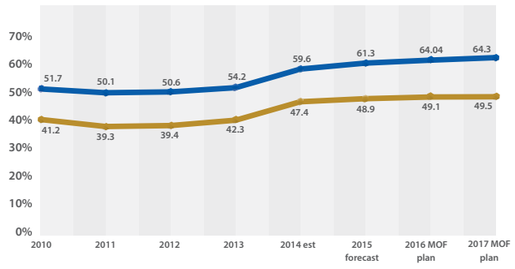

Nguồn: GSO, Bản tin nợ công của Bộ tài Chính

Chính phủ là 5%. Nếu loại trừ biến động của nhóm lương thực – thực phẩm, năng lượng và các mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục, lạm phát cơ bản (CPI lõi) bình quân năm 2015 tăng 2,05% so với năm 2014.

Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng có xu hướng giảm do (i) trong nước nguồn cung lương thực, thực phẩm dồi dào; (ii) giá đầu trên thế giới tiếp tục giảm sâu, góp phần cắt giảm chi phí đầu vào của sản xuất, giảm thiểu tác động đến lạm phát của yếu tố chi phí đẩy.

Lạm phát trong tầm kiểm soát là cơ sở cho việc cắt giảm lãi suất của NHNN. Bên cạnh đó lạm phát giảm còn giúp giảm rủi ro tăng chi phí hoạt động của doanh nghiệp, nhất là chi phí bồi thường bảo hiểm của các doanh nghiệp bảo hiểm.

KHÓ KHĂN VÀ THÁCH THỨC

Bên cạnh những thành tựu đạt được, kinh tế Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều yếu tố chưa thực sự khả quan như tiến trình tái cơ cấu nền kinh tế diễn ra còn chậm và chưa đạt được nhiều chuyển biến thực sự rõ nét, rủi ro thâm hụt ngân sách, nợ công có xu hướng gia tăng ở mức cao và có thể chạm trần mức đặt ra của Chính phủ.

Tái cơ cấu nền kinh tế vẫn còn chậm, rủi ro thâm hụt ngân sách và nợ công gia tăng

Tái cơ cấu nền kinh tế, đặc biệt là tái cơ cấu đầu tư công và tái cơ cấu DNNN nhìn chung triển khai chậm. Giai đoạn 2014-2015, cơ bản việc sắp xếp cổ phần hóa DNNN hoàn thành kế hoạch đề ra. Tuy nhiên tính đến 31/12/2015 các DNNN mới thoái được 9.924 tỷ đồng/22.500 tỷ đồng cần thoái thu về 15.004 tỷ đồng bằng 1,5 lần giá trị sổ sách, con số này thấp hơn nhiều so với mục tiêu cần thoái vốn.

Ngoài ra con số nợ công đang có xu hướng gia tăng. Tỷ lệ nợ công/GDP của Việt Nam có xu hướng tăng liên tục với tốc độ khá nhanh, từ mức 51,7% năm 2010 lên mức 59,6% năm 2014 và ước tính sẽ đạt mức 64,3% trong năm 2017 (áp sát mức trần 65% mà Quốc hội cho phép) sẽ ảnh hưởng tới ngân sách.

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM

Kinh tế vĩ mô dần phục hồi đã thúc đẩy nhu cầu bảo hiểm của doanh nghiệp và người dân. Đồng thời, trong bối cảnh lạm phát thấp, mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp, thị trường chứng khoán còn nhiều rủi ro, cộng với nhận thức về bảo hiểm của người dân cải thiện, nhu cầu bảo hiểm ngày càng tăng. Song song với điều kiện thuận lợi về dân số, xã hội, nỗ lực khai thác và phát triển kinh doanh của các doanh nghiệp BHNT là động lực thúc đẩy thị trường tăng trưởng cao trong năm 2015.

Thị trường bảo hiểm ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao trong năm 2015, cũng là mức cao nhất trong giai đoạn 2011-2015, với tổng doanh thu phí BH ước đạt 68.374 tỷ đồng, tăng 21,9% so với cùng kỳ. Các DNBH đã tích cực đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội với đầu tư tài chính vào nền kinh tế từ dự phòng nghiệp vụ và vốn chủ sở hữu ước đạt 152.543 tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2014. Giá trị tổng tài sản toàn thị trường ước đạt 201.132 tỷ đồng, tăng hơn 17%, cao hơn mức 10,5% của cùng kỳ năm 2014. Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm tăng tới gần 24%, ước đạt 120.000 tỷ đồng.

LĨNH VỰC BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ

Doanh thu phí bảo hiểm gốc năm 2015 tiếp tục đà hồi phục

Tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc

ĐVT: tỷ đồng

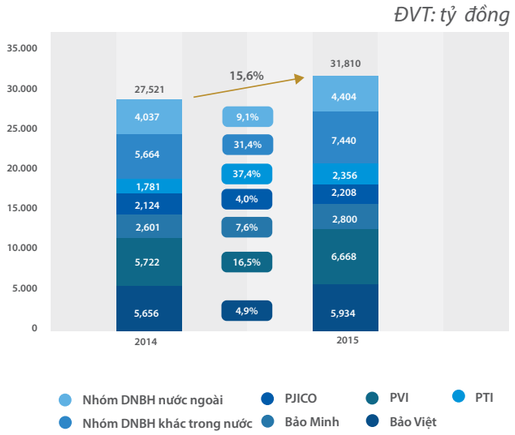

Thị phần tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc (%)

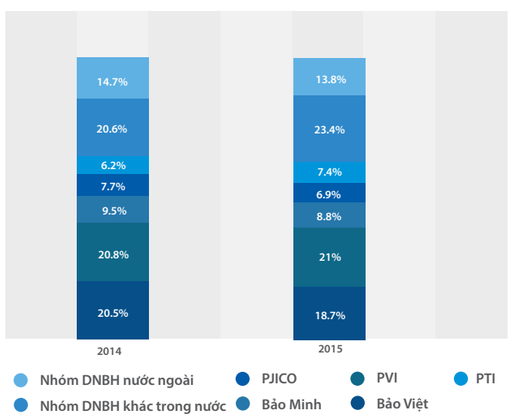

Nguồn: Cục QLGSBH (Bộ Tài Chính)

Theo số liệu ước tính của Cục QLGSBH – Bộ Tài Chính, tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc của thị trường phi nhân thọ năm 2015 ước đạt 31.810 tỷ đồng, tăng trưởng 15,6%, cao hơn mức tăng 10,4% của năm 2014.

Nhóm 5 DNBH dẫn đầu, ngoại trừ PVI và PTI, đều tăng trưởng chậm lại so với năm 2014, do đó thị phần doanh thu phí gốc giảm so với năm 2014. Doanh thu phí bảo hiểm gốc của PVI năm 2015 ước đạt 6.668 tỷ, dẫn đầu thị trường với 21% thị phần, tăng trưởng 16,5%. Bảo hiểm Bảo Việt đứng thứ 2 với doanh thu ước đạt 5.934 tỷ đồng, tương đương 18,7% thị phần, tăng trưởng 4,9%. PTI tiếp tục đạt tốc độ tăng trưởng cao (37,1%) nhờ chiến lược khai thác đa kênh phân phối (kênh đại lý, kênh trực tuyến, hợp tác với VN Post, bancassurance…).

Năm 2015, nhóm DNBH khác trong nước còn lại tận dụng cơ hội tăng trưởng của thị trường để đẩy mạnh phát triển nhóm khách hàng cá nhân và các nghiệp vụ bán lẻ. Trong nhóm này, 2 DNBH có tốc độ tăng trưởng ấn tượng là MIC (với tổng doanh thu phí là 1.402 tỷ đồng) và BIC (tổng doanh thu phí là 1.303 tỷ đồng) với tốc độ tăng trưởng hàng tháng đều trên 30% do 2 DNBH này đều có sự hậu thuẫn lớn của ngân hàng mẹ về nguồn khách hàng và hệ thống phân phối.

Nhóm các DNBH nước ngoài có tốc độ tăng trưởng chậm lại so với 2 năm gần đây do động lực tăng trưởng chính của năm 2015 là từ các nghiệp vụ bán lẻ, song nhóm DNBH nước ngoài hầu như chưa khai thác nhóm nghiệp vụ này.

Bồi thường bảo hiểm gốc tăng cao

Theo ước tính của Cục QLGSBH, tỷ lệ bồi thường bảo hiểm gốc của thị trường phi nhân thọ năm 2015 khoảng 54,5% (cao hơn so với năm 2014 là 45,4%). Nguyên nhân chính là do tỷ lệ bồi thường của nghiệp vụ bảo hiểm tài sản thiệt hại tăng cao. Trong năm 2015 xảy ra nhiều vụ tổn thất lớn thuộc nghiệp vụ BH tài sản và thiệt hại như: tổn thất giếng Cửa Lò 1 thuộc Song Hong Basi (ước bồi thường là 710 tỷ đồng); rò rỉ đường ống dẫn khí của mỏ Chim Sáo (ước số tiền bồi thường là 189 tỷ đồng)… PVI và một số DNBH nước ngoài có cơ cấu nghiệp vụ tài sản thiệt hại cao nên tỷ lệ bồi thường tăng cao trong năm 2015. Ngoài ra, các DNBH có vốn nước ngoài, đặc biệt là các DNBH Đài Loan có tỷ lệ bồi thường ở mức cao như Fubon, MSIG Việt Nam, Cathay… do vẫn phải tiếp tục chi trả bồi thường do thiệt hại của vụ việc gây rối trật tự trong giai đoạn giữa năm 2014 liên quan đến vấn đề biển Đông.

Các DNBH cạnh tranh đa dạng hóa và mở rộng kênh phân phối, phát triển các sản phẩm bán lẻ

Các DNBH phi nhân thọ chú trọng đầu tư vào đa dạng hóa và mở rộng kênh phân phối để tăng cường khai thác phân khúc bán lẻ (kênh bancassurance, kênh online, tele-sales). Các DNBH phi nhân thọ ngày càng quan tâm áp dụng công nghệ số vào việc phát triển sản phẩm, chăm sóc khách hàng và khai thác kênh phân phối mới. Đây được coi là một trong những nhiệm vụ chiến lược của nhiều DNBH phi nhân thọ trong năm 2015 và dự báo sẽ tiếp tục được đẩy mạnh trong những năm tới. Ngoài ra, kênh bán hàng qua kênh telesales cũng thu hút sự quan tâm của các DNBH như PVI, PTI, BIC, MIC...

Song song với đầu tư phát triển kênh phân phối, các DNBH cũng cạnh tranh phát triển sản phẩm bán lẻ, hướng tới thiết kế những gói sản phẩm đơn giản, phù hợp với nhóm khách hàng cá nhân, đặc biệt ở các nghiệp vụ như: bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm nhà, bảo hiểm du lịch…

Ngoài ra, các DNBH tăng cường năng lực tài chính thông qua nhiều hình thức. Một trong số những hình thức phổ biến là tăng vốn thông qua hợp tác với đối tác chiến lược nước ngoài như: PTI đã phát hành 30 triệu cổ phần cho đối tác Dongbu (Hàn Quốc) để nhận về hơn 1.077 tỷ đồng, BIC bán 35% cổ phần cho tập đoàn FairFax (Canada). Một số DNBH trong nước khác tăng vốn như: MIC tăng vốn từ 500 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng, BSH tăng từ 300 tỷ đồng lên 700 tỷ đồng…

LĨNH VỰC BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Tổng doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ tăng trưởng cao

Tổng doanh thu phí thị trường bảo hiểm nhân thọ năm 2015 ước đạt 36.650 tỷ đồng, tăng trưởng 29,5% so với 2014. Mức tăng này cao hơn hẳn mức tăng 17,4,% của năm 2014. Prudential tiếp tục dẫn đầu thị trường với tổng doanh thu phí là 10.945 tỷ đồng, tăng trưởng 20,7%, chiếm 29,9% thị phần. Bảo Việt Nhân Thọ đứng thứ 2 với tổng doanh thu phí là 9.430 tỷ đồng, tăng trưởng 18,3%, chiếm 25,7% thị phần. Với tốc độ tăng trưởng thấp hơn so với bình quân thị trường, thị phần tổng doanh thu phí năm 2015 của Prudential và Bảo Việt giảm so với năm 2014. 3/5 DN còn lại trong Top 5 (Manulife, Dai-i-chi và AIA) đều đạt tốc độ tăng trưởng tổng doanh thu phí trên 30%, nhờ đó thị phần cải thiện so với năm 2014. Tính chung, thị phần của nhóm DN dẫn đầu, giảm từ 89,4% năm 2014 xuống còn 86% năm 2015, phản ánh xu thế cạnh tranh gia tăng từ nhóm DNBH nhỏ.

Nhóm DNBH nhỏ có tốc độ tăng trưởng tổng doanh thu phí ấn tượng lên tới 70,5% nhờ vào sự chuyển dịch cơ cấu sản phẩm sang tăng cường khai thác các sản phẩm chính là hỗn hợp và đầu tư. Thị phần tổng doanh thu phí của nhóm DNBH nhỏ tăng từ 10,6% năm 2014 lên 14% năm 2015. Ngoài ra, đóng góp vào mức tăng chung của nhóm DNBH nhỏ là BIDV Metlife, doanh nghiệp mới gia nhập thị trường cuối năm 2014, với tổng doanh thu phí đạt hơn 170 tỷ đồng.

Tổng doanh thu phí

ĐVT: tỷ đồng

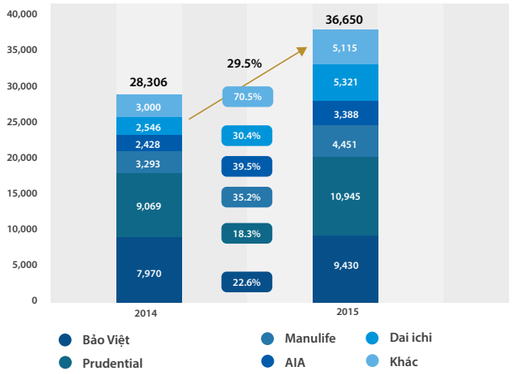

Thị phần tổng doanh thu phí (%)

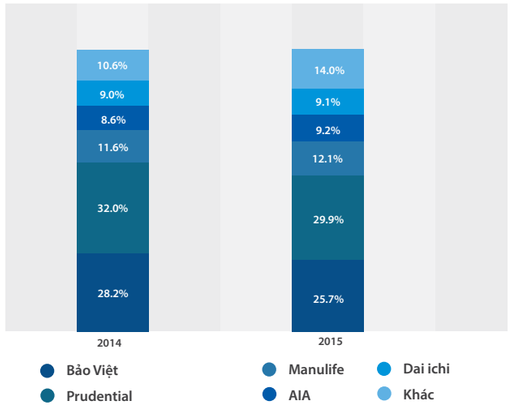

Nguồn: Cục QLGSBH (Bộ Tài Chính)

Doanh thu phí khai thác mới (KTM) tiếp tục tăng trưởng bứt phá

Doanh thu phí khai thác mới

ĐVT: tỷ đồng

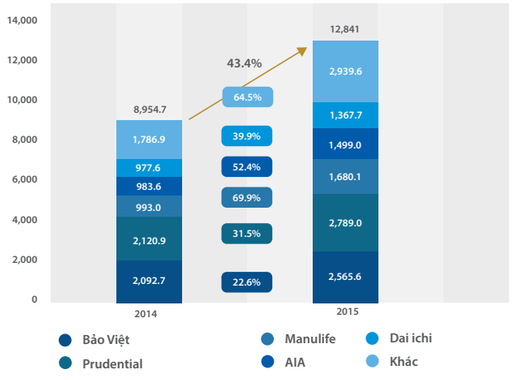

Thị phần doanh thu phí KTM (%)

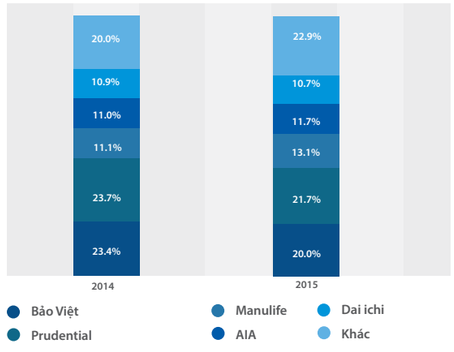

Nguồn: AWG

Theo số liệu của Nhóm chuyên gia Actuary (AWG), doanh thu KTM toàn thị trường năm 2015 ước đạt 12.841 tỷ đồng, tăng 43,4% so với năm 2014, cao hơn hẳn so với mức tăng 26,3% của năm trước đó. Năm 2015 được nhiều chuyên gia đánh giá là năm thành công nhất của thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam trong 10 năm gần đây.

Prudential tiếp tục đứng đầu thị trường với 21,7% thị phần doanh thu KTM. Bảo Việt Nhân Thọ đứng thứ 2 với doanh thu KTM đạt 2.565,6 tỷ đồng, tương đương 20% thị phần, tăng trưởng 22,6% so với năm 2014.

Trong nhóm 5 DNBH dẫn đầu, AIA và Manulife là 2 DNBH có tốc độ tăng trưởng ấn tượng trong năm 2015 nhờ đẩy mạnh phát triển sản phẩm, khai thác sản phẩm đầu tư song song với việc thúc đẩy các hoạt động cạnh tranh thu hút đại lý bằng nhiều ưu đãi. Bên cạnh đó, trong chiến lược phát triển toàn cầu của 2 DNBH này đều có định hướng tập trung vào thị trường Đông Nam Á trong đó có Việt Nam.

Nhóm DNBH nhỏ cũng ghi nhận tăng trưởng khả quan, nhờ đó thị phần tăng mạnh so với năm 2014. Thời gian gần đây, các DNBH nhỏ chuyển sang khai thác kênh đại lý song song với tăng cường khai thác sản phẩm bảo hiểm sức khỏe và nghiệp vụ bảo hiểm hỗn hợp, đầu tư. Điều này phản ánh mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường BHNT trong năm 2015 và trong những năm tới.

Các DNBH tích cực mở rộng mạng lưới, nâng cao năng lực kênh phân phối và tối ưu hoá sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng

Về cạnh tranh kênh phân phối: DNBH nhân thọ vẫn cạnh tranh chủ yếu thông qua kênh truyền thống đại lý, tập trung phát triển và nâng cao chất lượng đại lý qua đào tạo, chính sách thưởng hoa hồng... Trong năm 2015, các DNBH nhân thọ nhỏ đã bắt đầu tập trung khai thác và triển khai mạng lưới đại lý như: VietinAviva, Prevoir… Đồng thời, các DNBH cũng đẩy mạnh kênh phân phối mới như bancasurance và telesales kết hợp với phát triển sản phẩm, dịch vụ, gia tăng quyền lợi khách hàng. Doanh thu phí bảo hiểm của các doanh nghiệp BHNT qua các kênh phân phối mới trong những năm qua liên tục tăng mạnh. Điểm đáng chú ý là xu hướng các DNBHNT phát triển các mô hình bán hàng mới (Nest by AIA, AIA Exchange…) nhằm đa dạng hóa phương thức tiếp cận và chăm sóc khách hàng.

Về phát triển sản phẩm: Xu hướng chung của sản phẩm BHNT vẫn là kết hợp giữa bảo vệ, tích lũy đầu tư và chăm sóc sức khỏe. Sản phẩm bổ trợ được các DNBH tập trung phát triển để kết hợp, bổ sung tính năng cho 2 dòng sản phẩm chính (đầu tư và hỗn hợp). Các DNBH đã kết hợp với các ngân hàng để đưa ra các sản phẩm chuyên biệt dành cho kênh phân phối bancassurance. Trong năm 2015, Bảo Việt Nhân Thọ và Prudential là 2 DNBH cuối cùng trong 6 DNBH đủ điều kiện kinh doanh bảo hiểm hưu trí có giấy phép kinh doanh ra mắt sản phẩm bảo hiểm hưu trí. Hiện nay, tỷ lệ đóng góp vào tổng doanh thu phí của bảo hiểm hưu trí chưa cao song bảo hiểm hưu trí dự báo sẽ là một trong những động lực phát triển của thị trường BHNT trong tương lai.

Thị trường bảo hiểm nhân thọ tiếp tục hấp dẫn dòng vốn ngoại. Trong năm 2015, 7 DNBH nhân thọ thực hiện tăng vốn, trong đó có Manulife, ACE, Fubon, Generali … Năm 2015 cũng chứng kiến sự gia nhập thị trường của liên doanh BHNT mới MB Ageas Life với tổng vốn đầu tư khoảng 50,4 triệu USD. Ngoài ra, những tín hiệu mới về dòng vốn ngoại cũng thể hiện được sức hấp dẫn của thị trường BHNT Việt Nam như Tập đoàn Sunlife (Canada) tăng tỷ lệ vốn trong liên doanh PVI Sunlife từ 49% lên 75%, Samsung Life (Hàn Quốc) và Taiwan Life tìm kiếm cơ hội gia nhập thị trường Việt Nam thông qua việc mua cổ phần của các doanh nghiệp BHNT tại Việt Nam.

THỊ TRƯỜNG NGÂN HÀNG- TÀI CHÍNH-TIỀN TỆ

Thị trường tiền tệ ngân hàng năm 2015 được điều hành chủ động, linh hoạt và ổn định. NHNN duy trì ổn định lãi suất điều hành, trần lãi suất huy động bằng VND, kết hợp với điều chỉnh giảm trần lãi suất USD, đảm bảo duy trì chênh lệch hợp lý giữa lãi suất VND và lãi suất USD. Về cơ bản tái cơ cấu hệ thống TCTD thành công.

Tỷ giá và thị trường ngoại tệ được điều hành linh hoạt, ổn định

Kết quả tích cực của thị trường ngoại hối trong năm 2015 phản ánh các chính sách điều hành chủ động của NHNN: linh hoạt điều chỉnh tăng 3% tỷ giá bình quân liên ngân hàng (LNH) và nới biên độ tỷ giá từ +1% lên + 3% nhằm ứng phó kịp thời với các tác động bất lợi từ thị trường tài chính quốc tế; kết hợp với điều chỉnh lãi suất tiền đồng trên thị trường LNH hợp lý, mua bán ngoại tệ can thiệp thị trường, ban hành các quy định nhằm ngăn chặn tình trạng găm giữ, đầu cơ ngoại tệ.

Ngày 31/12/2015, NHNN đã ban hành QĐ số 2730/QĐ-NHNN về việc công bố tỷ giá trung tâm của VND với USD, tỷ giá tính chéo của VND với một số ngoại tệ khác. Đây được cho là quyết định quan trọng, thể hiện sự linh hoạt trong điều hành chính sách tiền tệ của Chính phủ, gắn sự điều hành sát với diễn biến thực tế trên thị trường.

Cung tiền được điều hành phù hợp, thanh khoản tiền Đồng Việt Nam ổn định

Theo mục tiêu hỗ trợ ổn định tỷ giá và thị trường ngoại hối, kiểm soát lạm phát nhưng vẫn đảm bảo hài hòa với các mục tiêu giảm lãi suất, tăng tín dụng hợp lý, hỗ trợ các TCTD đầu tư TPCP và xử lý nợ xấu. Tổng phương tiện thanh toán đến ngày 31/12/2015 tăng 13,55% so với cuối 2014. Trong năm 2015, thanh khoản của hệ thống ngân hàng tiếp tục được đảm bảo và có dư thừa, sẵn sàng đáp ứng vốn tín dụng cho nền kinh tế. Thị trường tiền tệ ổn định, thông suốt nhờ thực hiện đồng bộ các giải pháp cung ứng tiền, phối hợp công cụ hỗ trợ thanh khoản cho các TCTD. Các TCTD tăng cường xử lý nợ xấu, cơ cấu lại tài sản, chú trọng hơn quản trị rủi ro thanh khoản, đảm bảo an toàn hệ thống .

Lãi suất trên thị trường tiếp tục giảm

Trong năm 2015, NHNN duy trì ổn định lãi suất điều hành, trần lãi suất huy động bằng VND, kết hợp với điều chỉnh giảm trần lãi suất USD, đảm bảo duy trì chênh lệch hợp lý giữa lãi suất VND và lãi suất USD.

Để tạo điều kiện giảm lãi suất, NHNN giữ ổn định trần lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND, các TCTD trên cơ sở nhu cầu vốn của thị trường cân đối điều chỉnh giảm lãi suất cho vay so với trần quy định; điều tiết thanh khoản của các TCTD hợp lý để tạo điều kiện giảm mặt bằng lãi suất; điều chỉnh giảm lãi suất cho vay một số chương trình tín dụng ngành, lĩnh vực xuống mức khoảng 6,5-6,6%/năm.

Mặt bằng lãi suất cho vay giảm khoảng 0,3-0,5%/năm so với cuối năm 2014 (lãi suất ngắn hạn giảm khoảng 0,3%/năm, lãi suất trung và dài hạn giảm khoảng 0,3-0,5%/năm), đưa mặt bằng lãi suất giảm khoảng 50% so với thời điểm cuối năm 2011; Lãi suất huy động giảm khoảng 0,2-0,5%/năm và hiện ở mức tương đối thấp.

Tái cơ cấu hệ thống TCTD thành công

Đề án tái cơ cấu hệ thống TCTD về cơ bản đã đạt được những mục tiêu đề ra. Sự an toàn, ổn định của hệ thống được duy trì và cải thiện cơ bản thông qua việc cơ cấu toàn diện các NHTM yếu kém. Hiện hệ thống NH Việt Nam có một NHTM nhà nước (Agribank), 03 NHTMCP nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (VCB. BIDV, Vietinbank), 34 NHTMCP (bao gồm cả ba NHTM đã bị NHNN mua lại với giá 0 đ trong quá trình thực hiện tái cơ cấu hệ thống TCTD: Oceanbank, VNCB, GPbank), 5 NH 100% vốn nước ngoài, 4 NH liên doanh, 1 NH chính sách và 1 NH hợp tác xã.

Tuy nhiên việc giảm số lượng NH xuống chỉ là giải pháp đơn lẻ, chưa giải quyết được cốt lõi vấn đề. Hệ thống NH Việt Nam hiện nay gặp 2 vướng mắc:

Thứ nhất: Quy mô về vốn nhỏ so với khu vực (VCSH của NH lớn nhất trong nước hiện khoảng 2 tỉ USD trong khi quy mô VCSH của một NH khu vực tối thiểu 4-5 tỉ USD). Để cải thiện vấn đề này cần thời gian để các NH tự tích lũy nâng cao năng lực tài chính và thu hút thêm nguồn lực bên ngoài.

Thứ hai là nợ xấu chưa được xử lý triệt để: Các giải pháp xử lý nợ xấu đã bước đầu phát huy tác dụng (đặc biệt là thông qua VAMC) góp phần quan trọng giảm tỷ lệ nợ xấu.

Đến cuối năm 2015, khoảng 99,6% nợ xấu của các TCTD ước tính tại thời điểm cuối tháng 9/2012 đã được xử lý. Nợ xấu toàn hệ thống đã được đưa về mức 2,72%, hoàn thành mục tiêu đề ra 3%. Tuy nhiên, việc xử lý nợ xấu chưa thực sự triệt để và đi vào bản chất. Tính đến 31/12/2015, quy mô nợ xấu được VAMC xử lý trên tổng dư nợ mua từ các NH mới đạt gần 8%.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU

Năm 2015, thị trường chứng khoán Việt Nam mặc dù trải qua nhiều biến động nhưng vẫn nằm trong xu hướng đi ngang chủ đạo khi chịu tác động bởi cả những thông tin tích cực về mặt chính sách, vĩ mô trong nước, đi kèm với đó là những ảnh hưởng phần nhiều mang tính tiêu cực từ biến động của nền tài chính toàn cầu, mà tâm điểm là Trung Quốc và xu hướng lao dốc của giá dầu thế giới.

Nét đặc trưng của thị trường trong năm 2015 là sự dẫn dắt của từng nhóm cổ phiếu trong từng giai đoạn như nhóm cổ phiếu ngân hàng, nhóm hưởng lợi từ TPP, nhóm cổ phiếu kín room hay nhóm được SCIC thoái vốn. Thị trường sụt giảm khá mạnh về giá trị giao dịch trong khi về mặt điểm số có diễn biến trái chiều trên cả 2 sàn. Đóng cửa phiên giao dịch cuối năm chỉ số VNINDEX tăng 6,1% về điểm số và giảm -9,57% về giá trị giao dịch, HNXINDEX giảm -3,6% về điểm số và -32,3% về giá trị giao dịch so với cuối năm 2014.

Xét về diễn biến các nhóm ngành (theo phân ngành ICB) trong năm 2015, có sự phân hóa mạnh mẽ các ngành ở top đầu đều có mức tăng trưởng trên 50% trong khi những ngành ở top dưới giảm mạnh gần 50% về giá. Trong đó mức tăng trưởng mạnh nhất thuộc về ngành vật liệu xây dựng (+58,22%) với đà tăng diễn ra ở phần đông các mã trong ngành như HT1, BMP, NTP, VCS... nhờ giá đầu vào giảm và quản lý tốt chi phí bán hàng. Nhóm ngành tăng điểm mạnh thứ 2 là bảo hiểm (+57,47%) với đà tăng chủ yếu ở BVH, BMI và PVI nhờ triển vọng tăng trưởng của ngành bảo hiểm trong dài hạn cũng như khả năng được mở room ở mức cao. Nhóm ngành tăng điểm mạnh thứ 3 là thực phẩm (+57,41%) với sự đóng góp chủ yếu là VNM (+60,8%) nhờ tăng trưởng mạnh về hoạt động sản xuất kinh doanh và thông tin doanh nghiệp này sẽ sớm được SCIC thoái vốn.

Các ngành giảm điểm mạnh là Sản xuất & khai thác dầu khí và Dịch vụ dầu khí có mức giảm lần lượt là -44,2% và -45,56% do chịu tác động tiêu cực từ đà giảm sâu của giá dầu thế giới khiến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành gặp nhiều khó khăn.

Diễn biến chỉ số VN-Index năm 2015

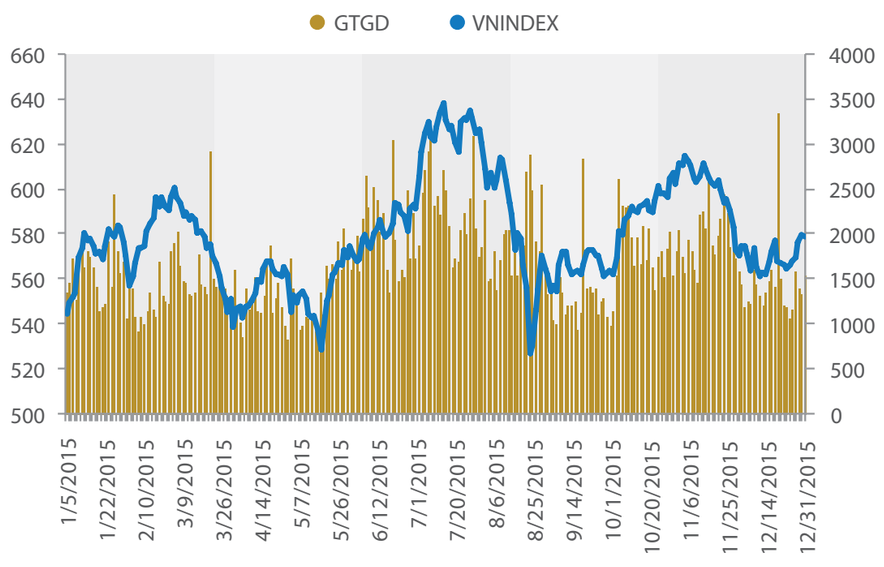

Nguồn: HNX

Khối nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục có năm mua ròng nhưng giá trị giảm mạnh so với các năm gần đây

Giá trị mua ròng của khối ngoại trên cả 2 sàn năm 2015 đạt 3.200 tỷ đồng, giảm 19% so với năm 2014 và 53% so với năm 2013. Trong đó giá trị mua ròng giảm chủ yếu trên sàn HSX trong khi vẫn duy trì ở mức cao trên sàn HNX. Xét riêng trên sàn HSX, khối này bán ròng vào 3 giai đoạn chính. Giai đoạn tháng 3, khối ngoại bán ròng 918 tỷ đồng chủ yếu xuất phát từ tâm lý chốt lời sau khi chỉ số VNINDEX vượt mốc điểm 600 vào đầu tháng, ngoài ra còn có nguyên nhân từ việc nhà đầu tư rút ròng vốn khỏi các quỹ đầu tư cổ phiếu ở các thị trường mới nổi và đổ vào các quỹ thị trường tiền tệ, quỹ đầu tư trái phiếu vốn có tính rủi ro thấp hơn do lo ngại bất ổn chính trị tại Yemen, mối lo về triển vọng tăng trưởng quý 1 ở Mỹ và toàn cầu. Bên cạnh đấy, áp lực tỷ giá trong giai đoạn này cũng là nguyên nhân khiến các quỹ đầu tư trì hoãn thời điểm giải ngân. Giai đoạn tháng 8, tháng 9, khối ngoại bán ròng tổng cộng 1.322 tỷ đồng trước các lo ngại của nhà đầu tư quốc tế về diễn biến tiêu cực của thị trường tài chính toàn cầu, đặc biệt xuất phát từ động thái phá giá đồng Nhân Dân Tệ của Trung Quốc hay lo ngại về việc FED sẽ sớm tăng lãi xuất. Giai đoạn tháng 11, 12 khối ngoại bán ròng 2.491 tỷ đồng xuất phát từ tâm lý đón đầu việc FED sẽ nâng lãi suất trong tháng 12. Bên cạnh đó, giai đoạn căng thẳng tỷ giá diễn ra vào cuối tháng 11 cũng khiến các quỹ có tâm lý thận trọng chờ đợi động thái mới từ NHNN.

Mặc dù giá trị mua ròng của khối ngoại sụt giảm so với các năm trước, tuy nhiên trong bối cảnh TTCK các nước đang phát triển trong khu vực như Indonesia và Thái Lan bị bán ròng mạnh trong xu hướng chung rút vốn khỏi các thị trường mới nổi, điều này vẫn thể hiện mức độ hấp dẫn tương đối của TTCK Việt Nam.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Quy mô thị trường trái phiếu Việt Nam năm 2015 ước đạt 37 tỷ USD, tương đương khoảng 20% GDP, giảm so với mức 23% của năm 2014. Trong đó trái phiếu chính phủ (TPCP), trái phiếu chính phủ bảo lãnh (CPBL), trái phiếu chính quyền địa phương (CQĐP) vẫn chiếm tỷ lệ áp đảo (98%), phần còn lại là TPDN.

NHTM là khách hàng chính của phân khúc TPCP kỳ hạn từ 5 năm trở xuống. Với trái phiếu kỳ hạn dài, đặc biệt là kỳ hạn từ 10 năm trở lên phân khúc khách hàng chính là các Công ty bảo hiểm và các Quỹ đầu tư.

Việc Quốc hội cho phép phát hành lại trái phiếu kỳ hạn 2 - 3 năm từ tháng 11/2015 đã đáp ứng nhu cầu thị trường, giúp nâng cao tỷ lệ huy động TPCH và giảm sức ép thâm hụt ngân sách 2015. Đồng thời phương án phát hành TPCP ra thị trường vốn quốc tế năm 2015 với tất cả các kỳ hạn đã được Chính phủ thông qua.

Năm 2015, tỷ trọng phát hành trái phiếu kỳ hạn ngắn (từ 5 năm trở xuống) vẫn duy trì mức lớn nhất với 83%, còn lại 17% là trái phiếu các kỳ hạn dài: 10 năm, 15 năm, 20 năm. Các tỷ lệ này hầu như không có nhiều thay đổi so với năm 2014. TPCP huy động được nhiều nhất trong năm qua là TP kỳ hạn ngắn 5 năm (giá trị gần 100.000 tỷ đồng) nhưng chỉ đạt hơn 50% kế hoạch. Trong khi đó, kỳ hạn 15 năm phát hành vượt kế hoạch (đạt 149%) với khối lượng xấp xỉ 30.000 tỷ đồng. Lãi suất TPCP dao động với biên độ tương đối mạnh.

Mặt bằng lãi suất TPCP trên thị trường thứ cấp năm 2015

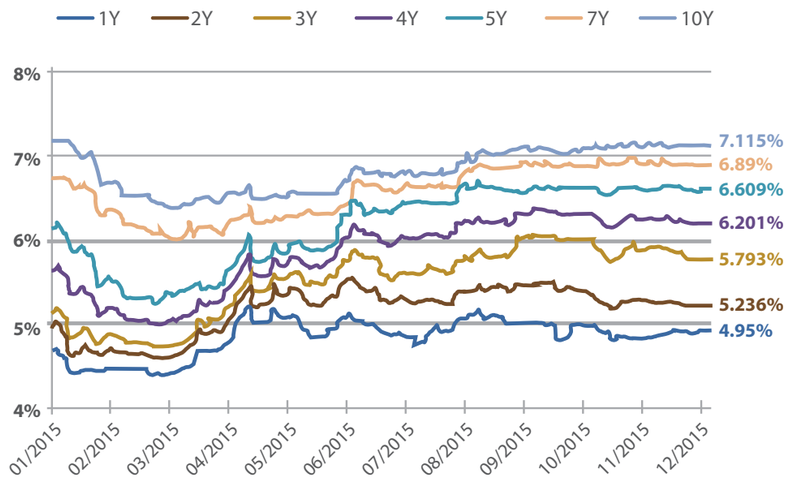

Nguồn: NHNN, HNX

THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Năm 2015 là năm phục hồi sau giai đoạn dài trầm lắng của thị trường bất động sản Việt Nam với nhiều dấu hiệu tích cực về giao dịch, chuyển dịch giữa các phân khúc, giải quyết tồn kho, tốc độ giải ngân gói 30.000 tỷ đồng, tín dụng bất động sản…Cùng với đó, niềm tin vào thị trường tăng trở lại, người tiêu dùng không còn chờ đợi giảm giá và quyết định mua theo nhu cầu sử dụng. Lượng cung – cầu đều tăng, dòng vốn chảy mạnh vào BĐS. Niềm tin của người mua nhà vào thị trường đã dần được khôi phục và được củng cố bởi nền tảng vĩ mô tốt. Nguồn cung tăng, cùng với lượng hàng chào bán tăng nhẹ. Theo số liệu của Cục quản lý nhà và thị trường BĐS, Bộ Xây Dựng lượng giao dịch cả năm 2015 đạt khoảng 37.800 giao dịch, tăng khoảng 70% so với năm 2014. Các dự án xa trung tâm, hạ tầng chưa đầy đủ, dự án đang thực hiện dở dang giá không có nhiều biến động về giá. Các dự án mới triển khai tại các vị trí đẹp, dự án sắp hoàn thành, hoặc tại các dự án nhà ở đã xây xong giá tăng từ 1%-3% so với giá ban đầu. Theo NHNN, tổng dư nợ tín dụng bất động sản năm 2015 lên đến 342.000 tỷ đồng; trong đó phân khúc nhà ở chiếm đến 39%; lượng tồn kho giảm mạnh trên từng phân khúc, đặc biệt tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Theo số liệu của Cục quản lý nhà và thị trường BĐS, Bộ Xây Dựng, tính đến cuối tháng 12, tổng giá trị tồn kho bất động sản trên cả nước còn khoảng 50.889 tỷ đồng (giảm 77.659 tỷ đồng so với quý I/2013; giảm 43.569 tỷ đồng so với tháng 12/2014).

PHÁT HUY HIỆU QUẢ NGUỒN LỰC, VỀ ĐÍCH VƯỢT KẾ HOẠCH

Thông qua việc tập trung thực hiện những nhóm giải pháp để khơi thông, tối ưu hóa nguồn lực trong toàn hệ thống, năm 2015 Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên đã hoàn thành vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển nhanh hơn trong giai đoạn 5 năm tiếp theo (2016-2020) và mang lại những giá trị bền vững cho cổ đông, khách hàng, người lao động, cộng đồng và các bên liên quan.

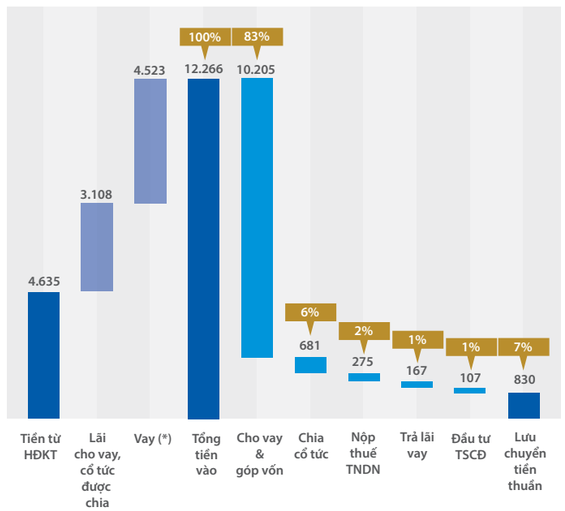

(*): Bao gồm hoạt động repo.

NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH VÀ DÒNG TIỀN NĂM 2015

Nguồn vốn của Bảo Việt được hình thành chủ yếu từ hai nguồn: nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu (cổ đông) và nguồn vốn từ nguồn dự phòng phí bảo hiểm (chủ hợp đồng bảo hiểm) – chiếm 81% tại thời điểm cuối năm 2015. Tổng nguồn vốn của Tập đoàn Bảo Việt tại 31/12/2015 đạt 58.553 tỷ đồng, tăng 10.984 tỷ so với năm 2014 chủ yếu do quy mô của Quỹ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm tăng cũng như hoạt động repo được mở rộng. Với nguồn lực tài chính mạnh mẽ này, trong năm 2015, Tập đoàn Bảo Việt đã dành trên 10.000 tỷ đồng để đầu tư vào các khoản đầu tư tài chính dưới hình thức cho vay, góp vốn, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác; đồng thời các khoản đầu tư này đã góp phần mang lại hơn 3.000 tỷ đồng doanh thu trong năm 2015 dưới hình thức lãi cho vay, cổ tức được chia. Ngoài ra, trong năm 2015, Tập đoàn Bảo Việt đã chi gần 700 tỷ đồng để thanh toán cổ tức, đảm bảo quyền lợi lâu dài cho các cổ đông.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT TOÀN TẬP ĐOÀN

DOANH THU

Doanh thu hợp nhất giai đoạn 2011-2015

Đơn vị: tỷ đồng

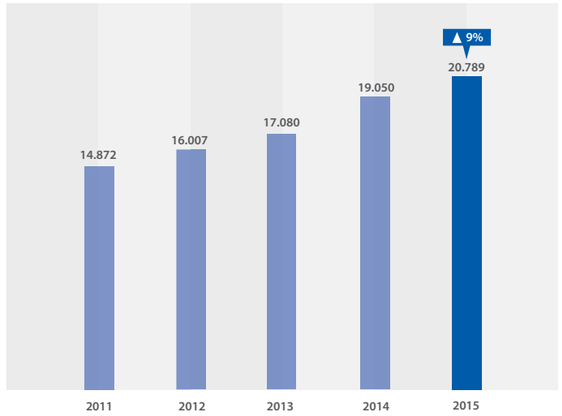

Doanh thu theo các lĩnh vực cốt lõi năm 2014-2015(*)

Đơn vị: tỷ đồng

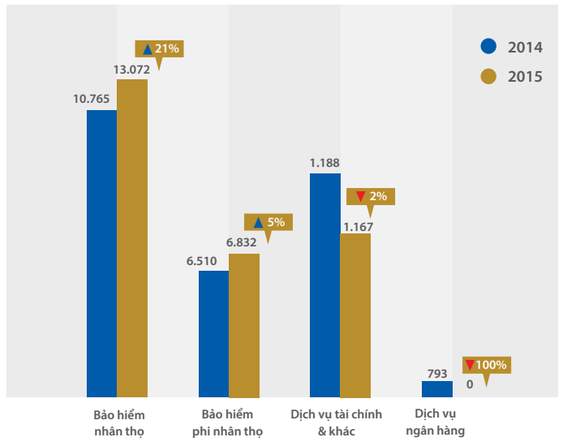

** Năm 2015, do Ngân hàng Bảo Việt không còn là công ty con nên hoạt động ngân hàng được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu áp dụng cho công ty liên kết, thay vì theo từng khoản mục áp dụng cho công ty con như trong năm 2014.*

Doanh thu hợp nhất tăng trưởng mạnh, lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm khởi sắc

Năm 2015, tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn vượt 10% kế hoạch đề ra, đạt 20.789 tỷ đồng, tăng trưởng 9,1% so với cùng kỳ; các lĩnh vực ghi nhận kết quả khả quan, cụ thể:

- Đóng góp lớn nhất là lĩnh vực kinh doanh Bảo hiểm Nhân thọ với tổng doanh thu tăng trưởng 21,4% so với năm 2014, đạt 13.072 tỷ đồng, hoàn thành xuất sắc vượt mức kế hoạch 17%, chiếm 62% doanh thu toàn Tập đoàn. Doanh thu phí bảo hiểm gốc tăng trưởng ấn tượng, đạt 10.116 tỷ đồng, tăng trưởng 27% so với cùng kỳ. Doanh thu khai thác mới thực thu đạt 2.309 tỷ đồng, tăng trưởng 23,3% so với cùng kỳ.
- Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm Phi nhân thọ kết thúc năm 2015 thành công với tổng doanh thu tăng trưởng 5% so với năm 2014, đạt 6.832 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch đề ra, đóng góp 32% vào doanh thu toàn Tập đoàn.
- Trong năm 2015, lĩnh vực dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác đã đóng góp 6% tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn với 1.167 tỷ đồng: trong đó hoạt động kinh doanh chứng khoán đạt 288 tỷ đồng, bám sát kế hoạch năm 2015 trong bối cảnh thị trường Việt Nam chịu nhiều ảnh hưởng từ những biến động bất lợi trên thị trường tài chính thế giới; lĩnh vực quản lý quỹ và bất động sản đạt kết quả khả quan, vượt 20% và 5% so với kế hoạch đề ra, lần lượt đạt 59 tỷ đồng và 303 tỷ đồng.

LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất giai đoạn 2011-2015

Đơn vị: tỷ đồng

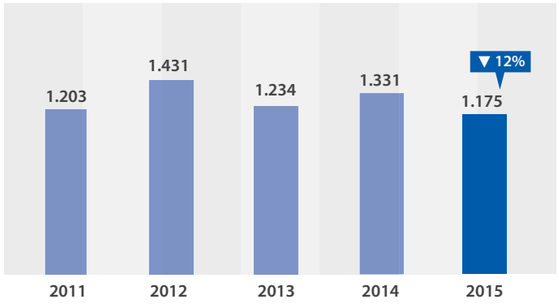

Lợi nhuận sau thuế theo các lĩnh vực cốt lõi năm 2014-2015 (*)

Đơn vị: tỷ đồng

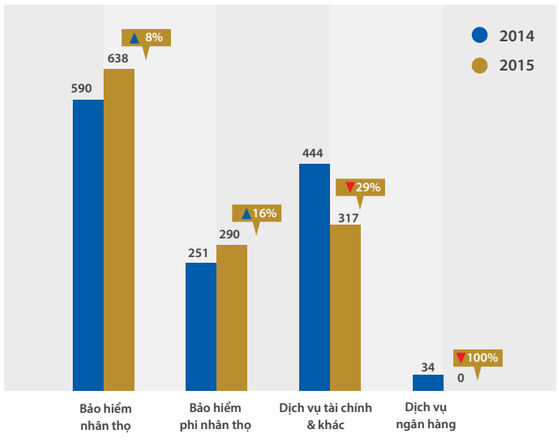

Cơ cấu Lợi nhuận sau thuế hợp nhất theo các lĩnh vực năm 2015

Đơn vị: tỷ đồng

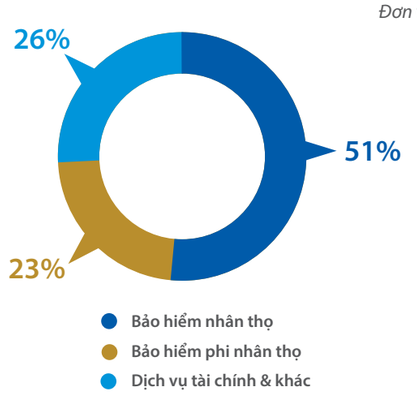

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất vượt kế hoạch đề ra

So với kế hoạch đề ra, Lợi nhuận sau thuế hợp nhất toàn Tập đoàn vượt 35 tỷ đồng, tương ứng 3%, đạt 1.175 tỷ đồng. Tuy có sụt giảm nhẹ so với năm 2014 do lãi suất trên thị trường sụt giảm, giá trị cổ phiếu bị ảnh hưởng từ các biến động bất lợi của thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2015 (đặc biệt từ Quý III/2015) cũng như các giao dịch trên thị trường kém sôi động do tác động chung của thị trường chứng khoán thế giới, nhưng lợi nhuận từ mảng kinh doanh truyền thống là lĩnh vực bảo hiểm hoàn thành vượt mức kế hoạch. Cụ thể từng lĩnh vực như sau:

- Lợi nhuận sau thuế lĩnh vực kinh doanh Bảo hiểm Nhân thọ duy trì mức tăng trưởng 8,2% so với năm 2014, đạt 638 tỷ đồng trong năm 2015.
- Lĩnh vực kinh doanh Bảo hiểm Phi nhân thọ đã thành công trong việc chuyển đổi mô hình quản trị, tái cấu trúc, hoàn thành vượt 12,5% kế hoạch đề ra, đạt 290 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế dù điều kiện kinh doanh vẫn còn khá khó khăn.
- Lợi nhuận sau thuế từ lĩnh vực Dịch vụ tài chính và khác đạt 317 tỷ đồng. Việc tập trung nguồn vốn đầu tư vào những hoạt động cốt lõi, cũng như những diễn biến tiêu cực trên thị trường chứng khoán vào cuối năm, mặt bằng lãi suất giảm so với năm 2014 như đã đề cập ở trên là nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của mảng kinh doanh này trong năm 2015.

Trong cơ cấu lợi nhuận, lĩnh vực kinh doanh Bảo hiểm Nhân thọ luôn duy trì đóng góp tỷ trọng lớn nhất, năm 2015 chiếm 51% lợi nhuận hợp nhất; lĩnh vực kinh doanh Bảo hiểm Phi nhân thọ chiếm 23%; lĩnh vực Dịch vụ tài chính và khác là 26%.

( ) Năm 2015, do Ngân hàng Bảo Việt không còn là công ty con nên hoạt động ngân hàng được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu áp dụng cho công ty liên kết, thay vì theo từng khoản mục áp dụng cho công ty con như trong năm 2014.*

TỔNG TÀI SẢN

Năm 2015 tổng tài sản hợp nhất toàn Tập đoàn tăng trên 10.000 tỷ đồng, chủ yếu là các khoản đầu tư trái phiếu dài hạn. Năng lực tài chính đảm bảo, chất lượng tài sản được nâng cao.

Tổng tài sản hợp nhất giai đoạn 2011 - 2015

Đơn vị: tỷ đồng

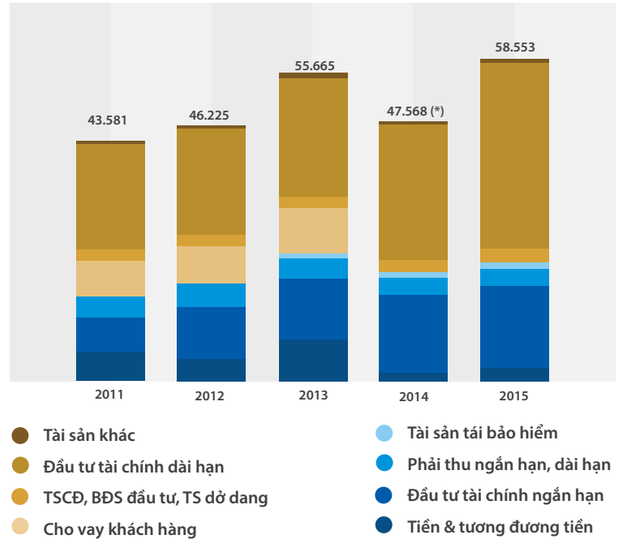

(*): Năm 2014, do sự thay đổi về tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt tại Ngân hàng Bảo Việt nên phương pháp hợp nhất báo cáo tài chính thay đổi, dẫn đến tổng tài sản toàn Tập đoàn giảm.

Quy mô tài sản hợp nhất

Tổng tài sản hợp nhất toàn Tập đoàn tăng 10.984 tỷ đồng tương ứng 23,1% so với cùng kỳ, đạt 58.553 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2015.

Tài sản hợp nhất 2015 theo khoản mục chính

Đơn vị: tỷ đồng

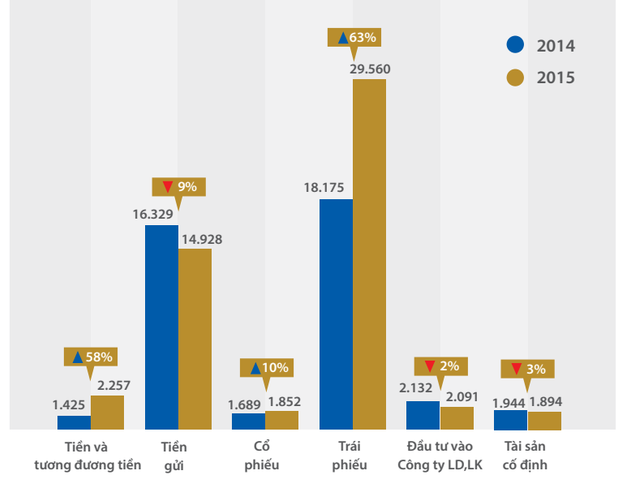

Cơ cấu tài sản hợp nhất 2014 - 2015

Đơn vị: tỷ đồng

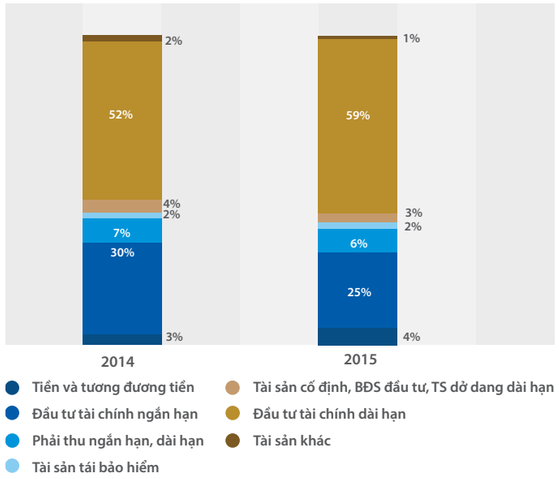

Nguồn vốn hợp nhất giai đoạn 2011 -2015 (*)

Đơn vị: tỷ đồng

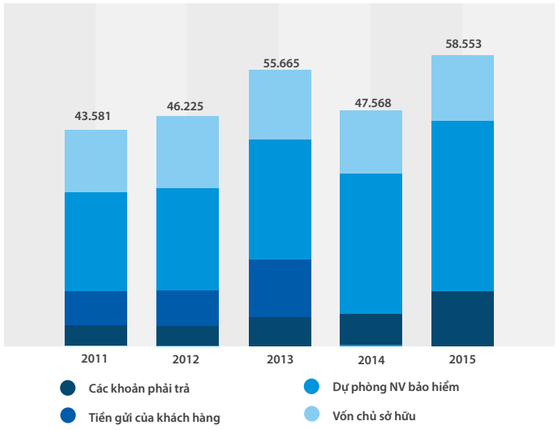

Nguồn vốn hợp nhất 2015 theo các khoản mục chính

Đơn vị: tỷ đồng

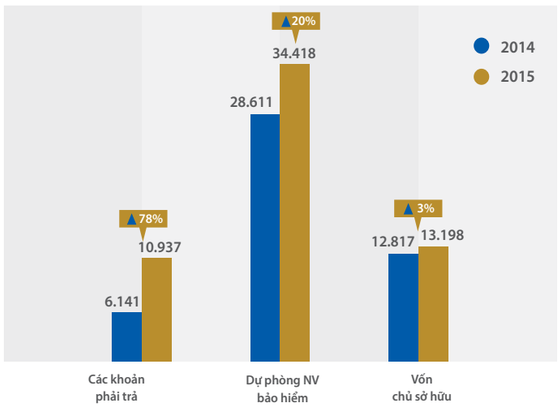

Tài sản tăng thể hiện rõ nét nhất ở các khoản đầu tư trái phiếu tăng 11.385 tỷ đồng (62,6%), tập trung chủ yếu tại BVL (gần 10.000 tỷ đồng), đây là kênh đầu tư an toàn, phù hợp với trách nhiệm của các doanh nghiệp bảo hiểm như Bảo Việt, đảm bảo an toàn cho quyền lợi khách hàng đồng thời cũng có lợi suất đầu tư cao, ổn định. Tiền và tương đương tiền tăng nhẹ 832 tỷ chủ yếu do tăng khoản mục tiền gửi dưới 3 tháng. Đầu tư cổ phiếu tăng nhẹ 163 tỷ đồng (9,7%). Việc ưu tiên vốn đầu tư cho trái phiếu, kết hợp với việc lãi suất tiền gửi kém hấp dẫn cũng là nguyên nhân khiến đầu tư tiền gửi giảm nhẹ 1.401 tỷ trong năm 2015.

Cơ cấu tài sản hợp nhất

Năm 2015, cơ cấu tài sản hợp nhất ổn định với tỷ trọng lớn nhất là đầu tư tài chính dài hạn 59%, đầu tư tài chính ngắn hạn 25%, tiếp đến là các khoản phải thu ngắn hạn 6%. Tỷ trọng của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tăng từ 52% lên 59% do sự tăng mạnh đầu tư trái phiếu dài hạn của toàn Tập đoàn. Đầu tư tài chính ngắn hạn có tăng về giá trị (595 tỷ đồng), song giảm về tỷ trọng (30% xuống 25%) do tổng tài sản toàn Tập đoàn tăng mạnh.

TỔNG NGUỒN VỐN

Quy mô Nguồn vốn

Tương tự, tổng nguồn vốn của Tập đoàn Bảo Việt năm 2015 tăng 23% so với năm 2014, đạt 58.553 tỷ đồng, chủ yếu do tăng quy mô của Quỹ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm (5.807 tỷ) – trong đó dự phòng toán học tại Bảo Việt Nhân thọ tăng 5.710 tỷ; đảm bảo sự chủ động của Tập đoàn Bảo Việt trong việc giảm thiểu các tổn thất tài chính có thể xảy ra trong tương lai; đồng thời cam kết quyền lợi ổn định và lâu dài cho khách hàng.

Các khoản phải trả tăng 4.796 tỷ (78%) trong năm 2015 chủ yếu là do Tập đoàn Bảo Việt tận dụng các hoạt động repo (4.488 tỷ đồng) để gia tăng lợi ích cho doanh nghiệp và cổ đông.

(*) : Năm 2014, do sự thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt tại Ngân hàng Bảo Việt nên phương pháp hợp nhất báo cáo tài chính thay đổi, dẫn đến tổng nguồn vốn toàn Tập đoàn giảm.

Cơ cấu Nguồn vốn

Trong cơ cấu nguồn vốn năm 2015, tỷ trọng của các khoản mục chính duy trì ổn định với: Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm chiếm tỷ trọng cao nhất với 59%-60% tổng cơ cấu; sau đó là Vốn chủ sở hữu và các khoản phải trả. Dự phòng nghiệp vụ cao thể hiện năng lực tài chính vững mạnh cũng như cam kết đảm bảo quyền lợi ổn định, lâu dài cho khách hàng của Bảo Việt. Các khoản phải trả tăng nhẹ từ 13% năm 2014 lên 19% tại cuối năm 2015 chủ yếu là do phải trả các hợp đồng của hoạt động repo.

Cơ cấu Nguồn vốn 2014 - 2015

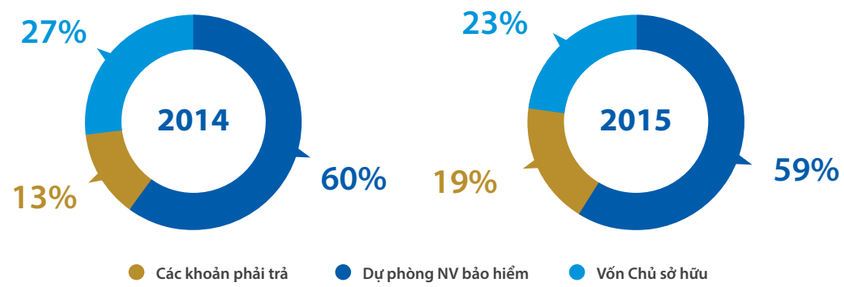

KHẢ NĂNG THANH TOÁN & KHẢ NĂNG SINH LỜI

Biên khả năng thanh toán các đơn vị thành viên trong Tập đoàn luôn đảm bảo

Hệ số an toàn vốn/ tỷ lệ an toàn tài chính của các thành viên trong Tập đoàn luôn đảm bảo an toàn và tuân thủ quy định của Pháp luật

Biên khả năng thanh toán (%)

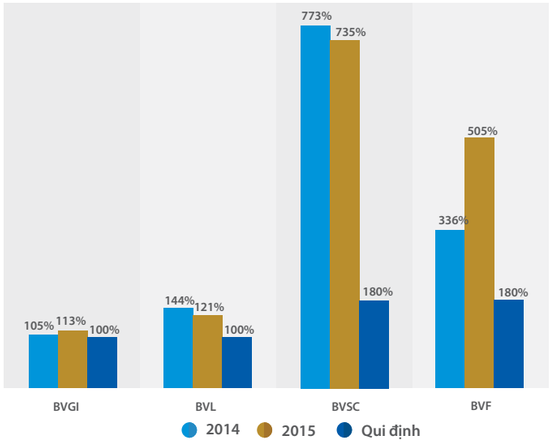

Tại ngày 31/12/2015, tỷ lệ biên khả năng thanh toán của Bảo hiểm Bảo Việt đạt 113%, cao hơn so với mức 105% của năm 2014 cũng như mức quy định của Bộ Tài chính (100%). Trong những năm qua Bảo hiểm Bảo Việt luôn đảm bảo biên khả năng thanh toán theo như quy định.

Biên khả năng thanh toán của Bảo Việt Nhân thọ tại ngày 31/12/2015 là 121% (trên cơ sở dự phòng công bố), tuân thủ quy định của Bộ Tài chính (100%). Nếu tính trên cơ sở dự phòng tối thiểu thì Biên khả năng thanh toán của Bảo Việt Nhân thọ đạt mức 187%.

Công ty Chứng khoán Bảo Việt và Quản lý Quỹ Bảo Việt có hệ số an toàn vốn/ tỷ lệ an toàn tài chính vượt xa so với quy định: Chứng khoán Bảo Việt đạt 735% và Quản lý Quỹ đạt 505% so với mức yêu cầu của Bộ Tài chính là 180%.

Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều thách thức, khả năng sinh lời vẫn duy trì ở mức khả quan

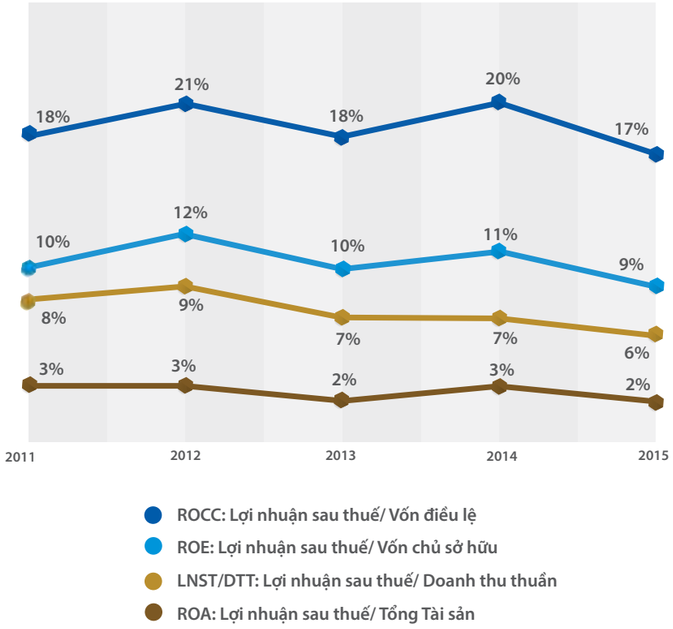

Năm 2015 do các tác động khách quan của thị trường dẫn tới các chỉ số có sự giảm nhẹ so với 2014, Lợi nhuận sau thuế giảm nhẹ trong khi Tổng Tài sản, Vốn chủ sở hữu đều tăng trưởng cũng là nhân tố ảnh hưởng tới chỉ số sinh lời.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY MẸ

LỢI NHUẬN

Hoàn thành vượt kế hoạch Lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận sau thuế Công ty Mẹ giai đoạn 2011-2015

Đơn vị: tỷ đồng

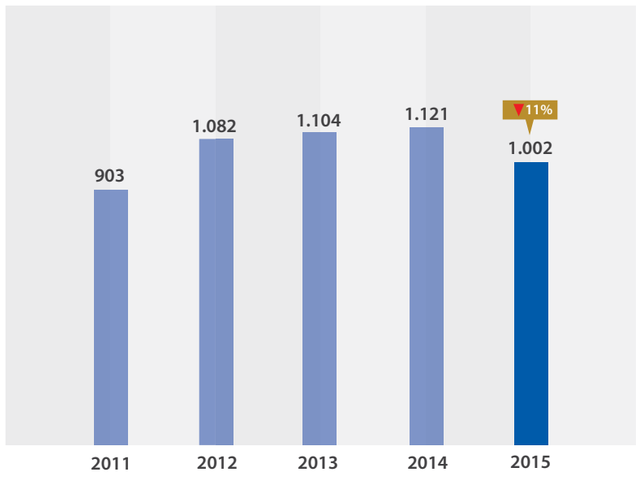

Lợi nhuận sau thuế năm 2015 hoàn thành 102,3% kế hoạch do Đại hội đồng Cổ đông giao, đạt 1.002 tỷ đồng. Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ đạt 14,7%, đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức đã cam kết với cổ đông.

Biến động Lợi nhuận sau thuế 2015 so với 2014

Đơn vị: tỷ đồng

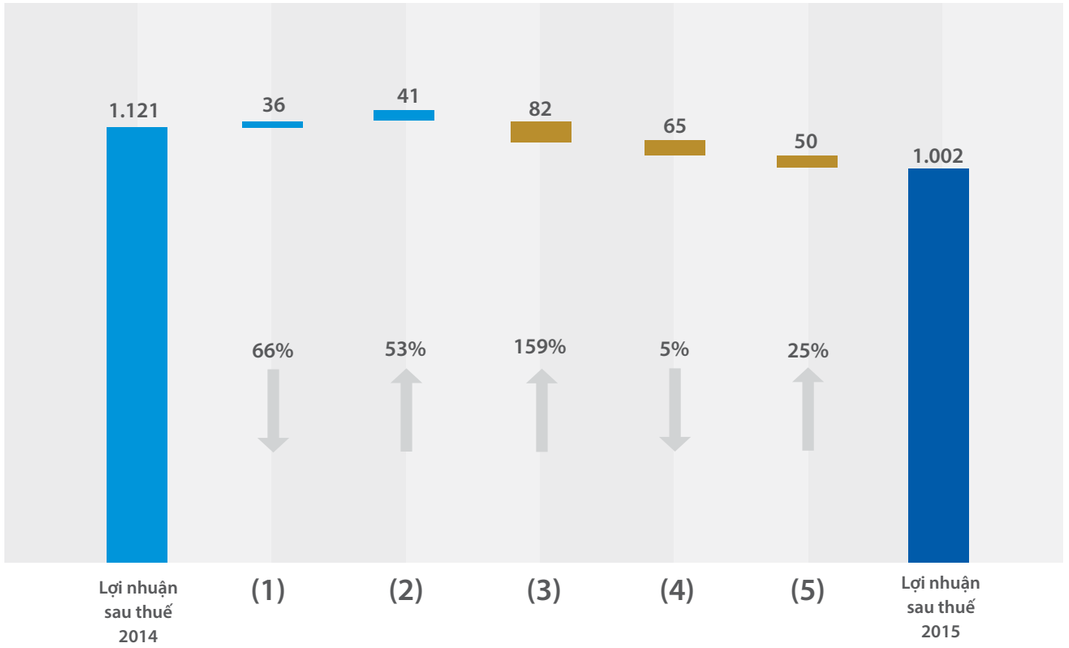

(1): Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
(2): Thu nhập khác (CNTT,...)
(3): Chi phí tài chính
(4): Doanh thu hoạt động tài chính
(5): Chi phí quản lý doanh nghiệp

Đóng góp vào làm tăng lợi nhuận sau thuế là các yếu tố: Năm 2015 Tập đoàn thực hiện đăng ký và tách biệt hoạt động CNTT qua đó mang lại nguồn thu cho doanh nghiệp, ngoài ra định hướng tập trung đầu tư vào hoạt động cốt lõi nhằm thu lợi nhuận từ các hoạt động này của Tập đoàn cũng gián tiếp dẫn tới giảm phần thuế thu nhập doanh nghiệp do các doanh thu này không chịu thuế.

Yếu tố tác động làm lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ giảm so với cùng kỳ: Do tác động lãi suất trên thị trường giảm trong khi nguồn vốn không tăng làm doanh thu từ danh mục lãi suất cố định bị ảnh hưởng dẫn tới doanh thu hoạt động tài chính thấp hơn năm 2014 khoảng 65 tỷ đồng. Chi phí tài chính tăng chủ yếu do dự phòng đầu tư: so với cùng kỳ, năm 2015, để phân bổ rủi ro, Công ty mẹ trích lập khoảng 18 tỷ đồng dự phòng đầu tư, trong khi năm 2014 được hoàn nhập 63 tỷ đồng. Ngoài ra, năm 2015, do tách biệt hoạt động công nghệ thông tin nên chi phí quản lý cho hoạt động này cũng tăng tương ứng.

TỔNG TÀI SẢN

Tổng tài sản Công ty Mẹ tăng nhẹ trong năm 2015. Tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn, tập trung vào các khoản đầu tư an toàn, bền vững, có tính thanh khoản cao: đầu tư vào công ty Con, tiền gửi, trái phiếu.

Tổng tài sản Công ty Mẹ giai đoạn 2011-2015

Đơn vị: tỷ đồng

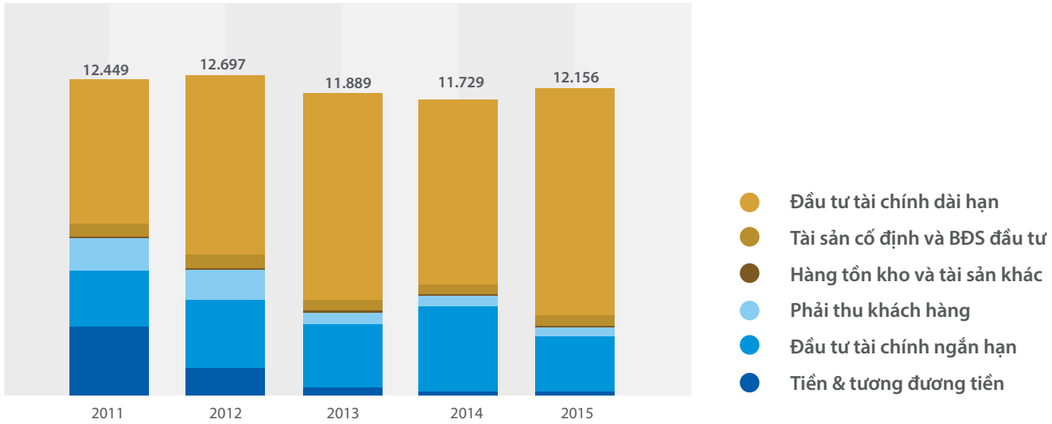

Quy mô tài sản Công ty Mẹ:

Tổng tài sản năm 2015 đạt 12.156 tỷ đồng, tăng 428 tỷ đồng (3,6%) so với năm 2014. Tập đoàn Bảo Việt giảm đầu tư vào tiền gửi để tập trung đầu tư cho các khoản trái phiếu doanh nghiệp dài hạn. Ngoài ra, để thực hiện chiến lược tập trung tăng cường sức mạnh tài chính cho các công ty thành viên đầu tư vào các hoạt động cốt lõi, Tập đoàn Bảo Việt đã đầu tư thêm 420 tỷ vào quỹ BVIF và thêm 50 tỷ vào công ty Quản lý quỹ Bảo Việt, khiến cho khoản mục đầu tư tài chính dài hạn tăng mạnh.

Cơ cấu tài sản Công ty Mẹ:

Việc giảm tiền gửi để tăng cường đầu tư cho trái phiếu dài hạn và góp vốn vào công ty con khiến cơ cấu tài sản Công ty Mẹ chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng tiền gửi (24% xuống 13%), tăng tỷ trọng của đầu tư trái phiếu (7% lên 16%) và đầu tư vào Công ty con, liên doanh liên kết (57% lên 58%); đồng thời giảm mạnh tỷ trọng tài sản ngắn hạn và tăng tỷ trọng tài sản dài hạn (63% lên 75%).

Cơ cấu tài sản Công ty Mẹ 2014 - 2015

Đơn vị: tỷ đồng

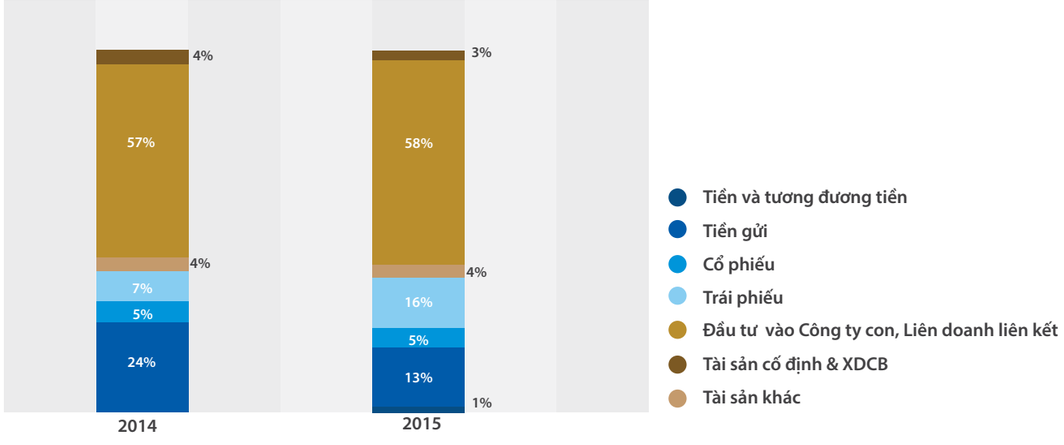

NGUỒN VỐN

Vốn chủ sở hữu ổn định, đảm bảo phát triển bền vững

Cơ cấu nguồn vốn Công ty Mẹ giai đoạn 2011 - 2015 (%)

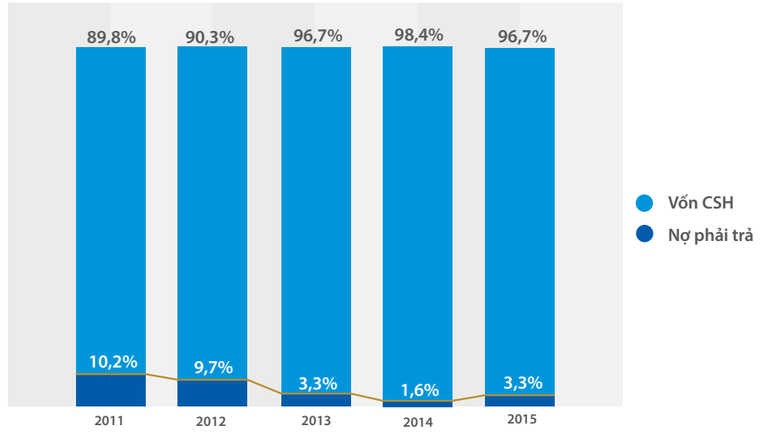

Tổng nguồn vốn Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt được duy trì tương đối ổn định trong nhiều năm qua. Tỷ trọng vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn luôn ở mức cao (hơn 95%) từ năm 2013 và đạt mức 96,7% tại cuối năm 2015.

Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng nguồn vốn của Công ty Mẹ ở mức thấp từ năm 2013, dưới 5%. Tại thời điểm cuối năm 2015 tỷ lệ này là 3,3%, tăng nhẹ so với năm 2014 do số dư các khoản phải trả của hoạt động repo.

Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt không có các khoản nợ ngân hàng và các tổ chức tín dụng bên ngoài.

KHẢ NĂNG THANH TOÁN & KHẢ NĂNG SINH LỜI

Khả năng thanh toán luôn ở mức cao

Khả năng thanh toán của Công ty Mẹ luôn đạt mức cao từ năm 2011 (hơn 4 lần) và tại 31/12/2015, chỉ tiêu này là 6,81 lần. Tuy có sự sụt giảm so với năm 2014 do ảnh hưởng của việc dịch chuyển cơ cấu tài sản từ ngắn hạn sang dài hạn, song, chỉ tiêu thanh toán của Công ty Mẹ luôn ở mức an toàn.

Khả năng sinh lời

Khả năng sinh lời của Công ty Mẹ giai đoạn 2011 - 2015 (%)

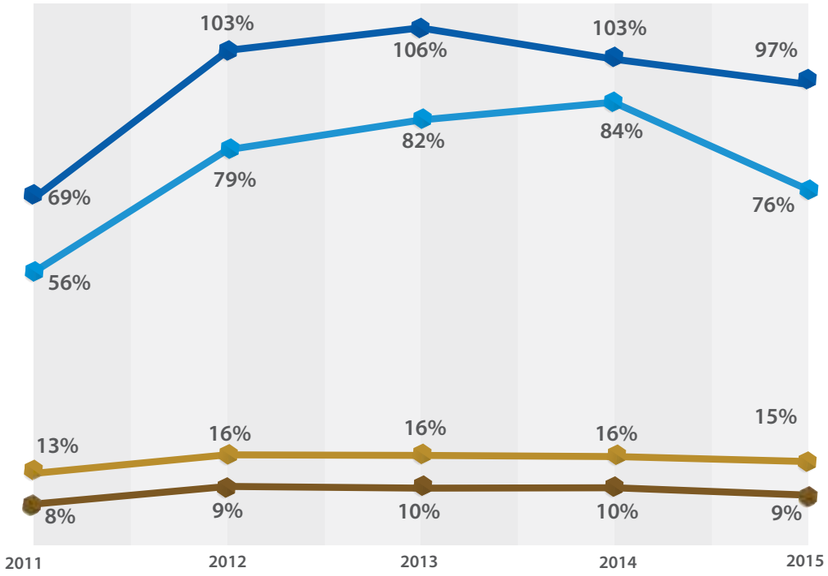

- LNHĐKD/DTT: Lợi nhuận Hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần
  (Lợi nhuận hoạt động kinh doanh là lợi nhuận trước chi phí quản lý)
- LNST/DTT: Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần
- ROCC: Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ
- ROE: Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu

Tại thời điểm cuối năm 2015, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt duy trì ở mức tốt, tỷ suất Lợi nhuận từ Hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần là 97%; Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần là 76%. Các chỉ tiêu này thấp hơn so với năm 2014 do lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ giảm nhẹ từ ảnh hưởng của những biến động bất lợi trên thị trường chứng khoán và thị trường tiền tệ.

Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động của Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt luôn ở mức cao, tỷ lệ LNST/DTT luôn đạt trên 75% kể từ năm 2012 đến nay.

Các tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ và Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu được duy trì tương ứng quanh mức 15% và 9% cho thấy mức sinh lời trên vốn của Công ty Mẹ qua các năm khá hiệu quả và có tính chất ổn định lâu dài.

Năm 2015, đứng trước thách thức chung của nền kinh tế thị trường, Tập đoàn Bảo Việt đã không ngừng phấn đấu, nỗ lực trong hoạt động kinh doanh và công tác quản trị nhằm bảo toàn và phát huy nguồn vốn của doanh nghiệp, tối đa hoá lợi nhuận, duy trì mức sinh lời ổn định, bền vững.

BAOVIET

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

TẠO RA CÁC GIÁ TRỊ LÂU DÀI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Năm 2015, Bảo Việt đã đạt được những kết quả kinh doanh ấn tượng cả về doanh thu và lợi nhuận. Những thành quả đã đạt phải kể đến sự chuyên nghiệp, nỗ lực, tâm huyết của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, nhân viên, tư vấn viên bảo hiểm, môi giới chứng khoán, chứng chỉ quỹ chuyên nghiệp của Bảo Việt. Với tinh thần Đoàn kết - Hợp lực – Chia sẻ - Đổi mới – Tiên phong, đội ngũ này tiếp tục ghi dấu ấn, phát huy tốt vai trò cốt lõi tạo nên những bước tiến thần kỳ của Bảo Việt trong hơn nửa thế kỷ qua.

Chiến lược phát triển nguồn nhân lực

Bảo Việt xác định con người là yếu tố cốt lõi, quyết định đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, vì vậy trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực, các giải pháp tập trung nhằm xây dựng, phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ trong các lĩnh vực then chốt, xây dựng môi trường làm việc hấp dẫn, chuyên nghiệp, thân thiện, đánh giá theo thành tích, đào tạo để hướng đến sự thành công trong nghề nghiệp… được phát triển và liên kết với nhau chặt chẽ, dựa trên tầm nhìn, quy tắc đạo đức ứng xử, đạo đức nghề nghiệp và các đặc trưng văn hóa của Bảo Việt.

Bảo Việt trân trọng những giá trị do các thành viên tạo ra và đóng góp vào thành công chung, không phân biệt vị trí, độ tuổi, giới tính, trình độ, địa vị xã hội, tính cách, phong cách sống, quá trình tư duy, kinh nghiệp làm việc, nguồn gốc dân tộc... mang đến cho các thành viên một môi trường làm việc năng động, công bằng, mỗi cá nhân đều có cơ hội được làm việc, rèn luyện để hướng đến sự thành công và phát triển sự nghiệp tại Bảo Việt

Tổng số Lao động (người)

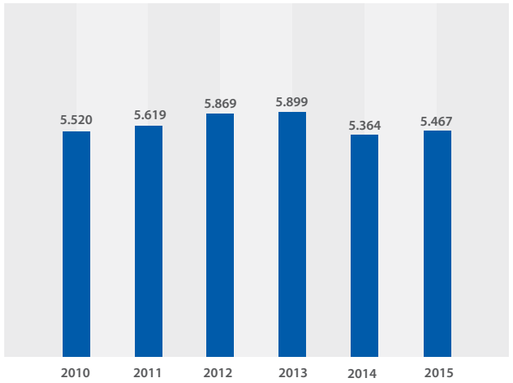

Cơ cấu Lao động theo Cấp quản lý (%)

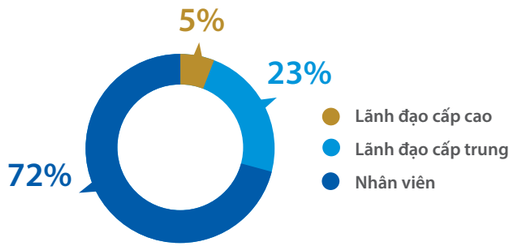

Cơ cấu Lao động theo Trình độ (%)

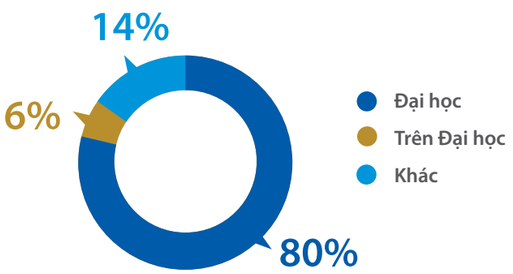

Nguồn nhân lực của Bảo Việt

Trong chiến lược nhân sự của Bảo Việt, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hợp lý về cơ cấu, có thái độ, động cơ làm việc tích cực, có khả năng tiếp cận với các phương pháp, kỹ năng quản lý hiện đại, tiên tiến theo thông lệ quốc tế là một trong những yếu tố quyết định sự phát triển nhanh và bền vững.

Kết thúc giai đoạn thực hiện chiến lược nhân sự 2011-2015, tổng số lao động của Bảo Việt ước đạt 5.467 cán bộ, nhân viên (bằng 102% so với năm 2014) và trên 90.000 đại lý, tư vấn viên bảo hiểm và môi giới chứng khoán, chứng chỉ quỹ (bằng 142% so với năm 2014).

Cơ cấu lao động vẫn duy trì được sự ổn định trên nhiều phương diện. Tỉ lệ lao động có trình độ đại học và trên đại học chiếm tỷ trọng cao trên 84% (tăng 02% so với năm 2014), lao động quản lý chiếm 28% trong tổng số lao động của Bảo Việt. Lực lượng lao động ngày càng được trẻ hóa, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, năng lực và bản lĩnh vững vàng sẽ là nền tảng vững chắc giúp Bảo Việt hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh năm 2016, chiến lược giai đoạn 2016-2020 và sứ mệnh của một Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam.

Trân trọng những đóng góp của người lao động, gia tăng quyền lợi người lao động

Với mong muốn xây dựng một môi trường làm việc năng động, sáng tạo, đoàn kết, gắn bó để phát huy tối đa năng lực người lao động cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, năm 2015, Bảo Việt tiếp tục duy trì và áp dụng thêm các chính sách đãi ngộ đối với người lao động gắn liền với hiệu quả làm việc của mỗi cá nhân, đảm bảo công bằng trong nội bộ, cạnh tranh trên thị trường.

Chính sách tuyển dụng nhân sự

Trong bối cảnh gia nhập cộng đồng kinh tế ASEAN, các doanh nghiệp trong nước trong đó có Bảo Việt không những phải đối mặt với sự cạnh tranh trong lĩnh vực dịch vụ - sản phẩm mà còn đứng trước nguy cơ cạnh tranh nhằm tìm kiếm và giữ chân nhân tài với các doanh nghiệp trong cộng đồng kinh tế ASEAN.

Để thu hút, duy trì đội ngũ nhân sự, các hoạt động tuyển dụng của Bảo Việt được triển khai rõ ràng, minh bạch với quy trình đầy đủ, rõ ràng, đảm bảo sự công bằng, tạo cơ hội thăng tiến cho tất cả mọi người. Bảo Việt luôn mong muốn chào đón những ứng viên năng động, nhiệt huyết và giàu khát vọng, sẵn sàng đón nhận những thách thức đến từ công việc và môi trường kinh doanh của Bảo Việt.

Năm 2015, Bảo Việt tuyển dụng 395 cán bộ mới, bằng 75% so với năm 2014. Trong đó, tỉ lệ cán bộ nam chiếm 57%, tỉ lệ cán bộ nữ chiếm 43%. Số cán bộ trẻ được tuyển dụng, tuổi đời dưới 30 tuổi, có trình độ, được đào tạo cơ bản, năng động, nhiệt huyết và giàu khát vọng chiếm đa số với tỉ lệ 73%, so với 27% số lao động mới có độ tuổi từ trên 30 tuổi.

Việc tuyển dụng lao động năm 2015 của toàn Tập đoàn cụ thể như sau:

Tuyển dụng lao động 2015 (%)

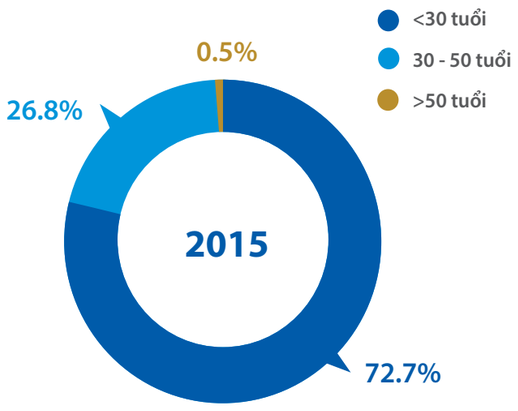

Chính sách đào tạo nhân sự

Trong lĩnh vực hoạt động, Bảo Việt luôn phải đối mặt với những thách thức lớn đến từ đối thủ cạnh tranh, sự biến động kinh tế vĩ mô và những thay đổi của thị trường tài chính trong nước và thế giới. Để nắm bắt và thích ứng nhanh với những thay đổi đó, các thế hệ cán bộ, nhân viên Bảo Việt không ngừng học tập để góp phần phát triển và đạt được nhiều thành quả to lớn trong suốt hơn 50 năm xây dựng và trưởng thành.

Trong năm 2015, Bảo Việt tập trung xây dựng, hoàn thiện chính sách, quy chế, quy trình quản lý đào tạo xuyên suốt từ Công ty mẹ Tập đoàn đến các Công ty con để đảm bảo cơ chế, hệ thống quản lý thống nhất nhằm mục tiêu phát triển nguồn nhân lực một cách đồng bộ và bền vững. Triển khai Đề án Hợp lực trong toàn hệ thống Bảo Việt, năm 2015, Bảo Việt đã triển khai 05 khóa đào tạo nâng cao năng lực quản lý và kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ với sự tham gia chung của gần 200 cán bộ Lãnh đạo, cán bộ nhân viên Công ty mẹ Tập đoàn và Lãnh đạo, cán bộ nhân viên của Trụ sở chính các Công ty con. Các khóa học này nhằm mục đích nâng cao sự hiểu biết, trao đổi, nắm bắt thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, giao lưu, tăng cường tình đoàn kết giữa các cấp lãnh đạo và đội ngũ cán bộ, nhân viên trong toàn hệ thống Bảo Việt.

Năm 2015, Bảo Việt cũng đã đầu tư gần 12 tỷ đồng cho các hoạt động đào tạo, tiến hành đào tạo cho trên 5000 lượt cán bộ nhân viên, tương ứng với trên 120.000 giờ đào tạo theo hai hình thức:

- *Đào tạo cho cán bộ theo bản đồ học tập:* Đào tạo trên 3000 lượt cán bộ, nhân viên được tham gia các chương trình đào tạo kỹ năng mềm, mang tính nền tảng cho cán bộ, giúp cán bộ có cách nhìn nhận và thái độ đối với cuộc sống và công việc tích cực, khoa học hơn cũng như các kĩ năng trong giao tiếp và xử lý tình huống hiệu quả, chuyên nghiệp.
- *Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ:* Đào tạo gần 2000 lượt cán bộ, nhân viên trong các lĩnh vực chuyên sâu về nghiệp vụ.

G4 - LA9

Chỉ tiêu đào tạo và giáo dục cho người lao động được đảm bảo bởi PwC (G4 - LA9)

Năm 2015, số liệu được tổng hợp theo dữ liệu của Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên. Trong đó, các số liệu đào tạo tại Công ty Mẹ Tập đoàn và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ chiếm 53% tổng số giờ đào tạo toàn Tập đoàn đã được rà soát đảm bảo bởi đơn vị kiểm toán độc lập.

Số giờ và lượt đào tạo trung bình tại Bảo Việt

Đơn vị: giờ

	Năm 2014					Năm 2015				
	Theo giới tính		Theo chức danh		Tổng cộng	Theo giới tính (*)		Theo chức danh		Tổng cộng
	Nam	Nữ	Quản lý	Nhân viên		Nam	Nữ	Quản lý	Nhân viên	
Số giờ đào tạo	61.217	51.632	24.003	88.846	112.849	74.654	47.569	40.904	81.319	122.223
Theo bản đồ học tập	32.526	26.021	10.726	47.821	58.547	58.204	37.462	28.686	66.980	95.666
Theo chuyên môn nghiệp vụ	28.691	25.611	13.277	41.025	54.302	16.450	10.107	12.218	14.339	26.557
Số lượt đào tạo	2.768	2.375	1.182	3.961	5.143	2.906	3.496	1.582	4.821	6.402
Theo bản đồ học tập	1.765	1.500	686	2.579	3.265	1.853	1.647	1.051	2.449	3.500
Theo chuyên môn nghiệp vụ	1.003	875	496	1.382	1.878	1.053	1.849	531	2.371	2.902

Đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ kế cận

Tại thời điểm báo cáo, số lượng cán bộ quản lý cấp cao (cán bộ giữ chức vụ Phó Giám đốc Khối trở lên) của Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt là 21/288 người, chiếm tỷ lệ 7% tổng số lượng cán bộ nhân viên*. Để tạo nguồn lực sẵn sàng bổ sung vào các vị trí chủ chốt khi cần thiết, Bảo Việt luôn quan tâm, làm tốt công tác tìm kiếm, tạo dựng, phát triển đội ngũ cán bộ kế cận thông qua công tác quy hoạch cán bộ và tiến hành bồi dưỡng cán bộ qua các chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng lãnh đạo, quản lý.

Năm 2015, Bảo Việt đã bổ nhiệm mới 170 cán bộ quản lý các cấp thuộc Công ty mẹ Tập đoàn và các đơn vị thành viên thuộc Bảo Việt. Bảo Việt cũng tổ chức đào tạo gần 1.000 lượt cán bộ quản lý, tập trung vào các nội dung nâng cao năng lực quản trị điều hành doanh nghiệp, tư duy chiến lược, các kỹ năng chuyên môn liên quan đến bảo hiểm, đầu tư, marketing, phát triển sản phẩm, kênh phân phối mới; quản trị rủi ro, tài chính và công nghệ thông tin.

G4 - EC6

Chỉ tiêu tỷ lệ tham gia vào cấp quản lý từ địa phương được đảm bảo bởi PwC (G4 - EC6)

Với phạm vi hoạt động của Công ty Mẹ tại Hà Nội _ địa bàn hoạt động trọng yếu _ "tỷ lệ người quản lý cấp cao được thuê từ địa phương", "người địa phương" được xác định là người Việt Nam nhằm phân định với lao động là người nước ngoài. Theo đó, chỉ tiêu này tại Công ty Mẹ là 100% và chiếm 7% tổng số cán bộ nhân viên.

Chính sách trả lương theo hiệu quả làm việc

Bảo Việt chủ trương xây dựng chính sách lương thưởng phù hợp nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh về nguồn nhân lực. Trong năm 2015, Bảo Việt tiếp tục triển khai chính sách gắn liền thu nhập với kết quả công việc đồng thời tham gia các khảo sát khảo sát, điều tra tiền lương để xác định tính cạnh tranh trên thị trường lao động để xác định dải lương tương ứng với từng bậc công việc.

Mô hình nền tảng cơ bản hình thành chính sách tiền lương của Bảo Việt

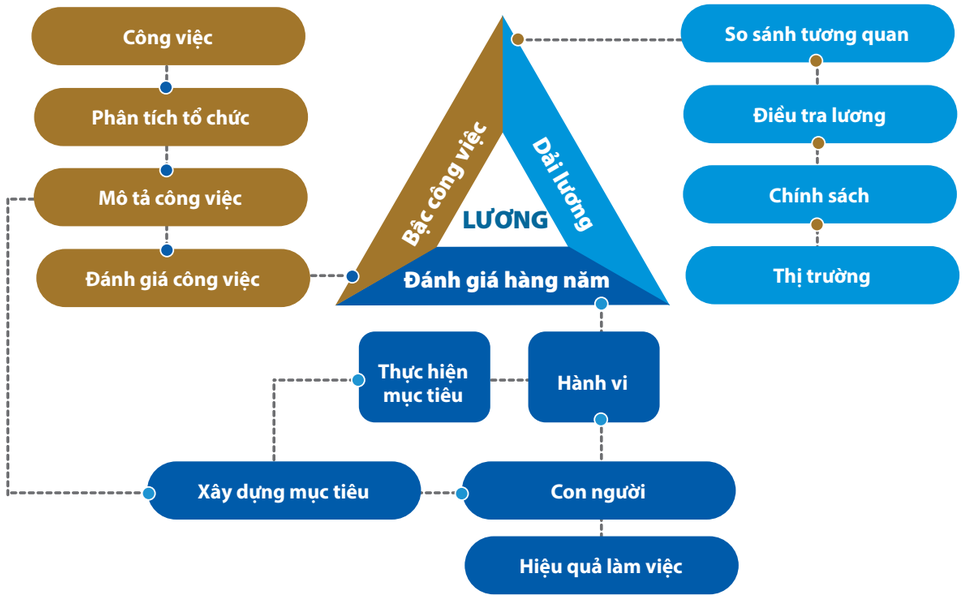

Thu nhập người lao động Bảo Việt trong năm 2015 bao gồm:

► *Tiền lương:*

- Lương cơ bản, lương cố định hàng tháng;
- Lương tháng thứ 13;
- Lương theo hiệu quả làm việc;
- Lương cho các ngày nghỉ hàng năm mà người lao động chưa nghỉ.

► *Các chế độ đãi ngộ khác:*

- Thưởng từ nguồn lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn;
- Phúc lợi nhân dịp ngày thành lập Bảo Việt, thành lập Tập đoàn, nhân ngày Lễ, Tết;
- Các khoản trợ cấp điện thoại, công tác phí nội vùng, chế độ khoán phương tiện đi lại, đồng phục, ăn ca;
- Thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ;
- Mua hiểm sức khỏe toàn diện (Health Care), bảo hiểm sinh mạng (An nghiệp thành công, Kết hợp con người), bảo hiểm niêm kim (An hưởng điền viên), bảo hiểm Hưu trí vững nghiệp, bảo hiểm nhân thọ (An phát trọn đời), đồng thời hỗ trợ thêm cán bộ qua gói bảo hiểm ưu đãi dành cho người thân.

Chính sách đánh giá hiệu quả làm việc

Hệ thống quản lý hiệu quả làm việc vẫn tiếp tục được áp dụng và ngày càng hoàn thiện để nâng cao hiệu quả trong thực tiễn. Kể từ khi triển khai, hệ thống này giúp cho việc gắn kết giữa mục tiêu của Bảo Việt đến từng Khối/Ban và cấp nhân viên, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh, bằng cách trang bị cho mọi cá nhân trong tổ chức năng lực và các công cụ giúp nhận biết rõ ràng về các mong đợi của Bảo Việt, tạo điều kiện để các cá nhân có thể hoạt động hiệu quả, phát huy được mọi khả năng, tiềm năng của họ và đóng góp vào thành công của Bảo Việt.

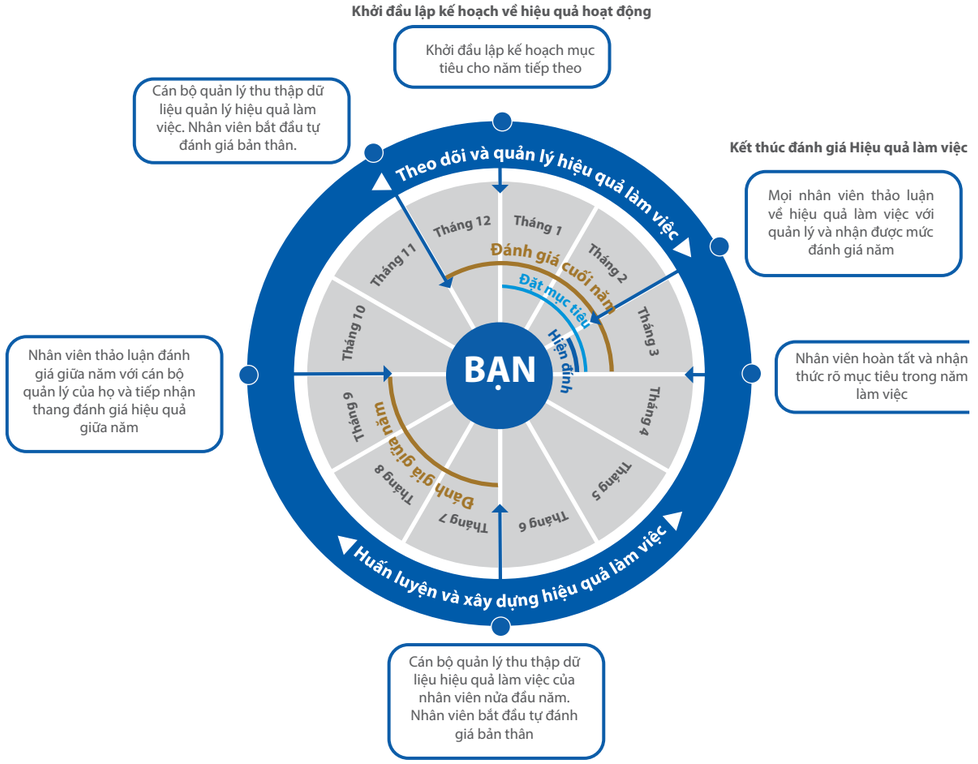

Kết quả đánh giá hiệu quả làm việc hàng năm được Bảo Việt sử dụng làm cơ sở để điều chỉnh lương hàng năm và trả lương hiệu quả làm việc. Chính sách này đảm bảo người lao động được trả lương nhất quán, minh bạch rõ ràng, đúng với tính chất công việc, hiệu quả làm việc và nỗ lực của bản thân, tạo động lực làm việc cho người lao động.

Chính sách chăm sóc sức khỏe người lao động và người thân

Trong năm 2015, Bảo Việt quan tâm, nghiên cứu, bổ sung nhiều chương trình phúc lợi mới, ưu việt nhằm mang lại quyền lợi cao hơn cho người lao động gồm bảo hiểm, tiết kiệm, tích lũy và gia tăng giá trị từ đầu tư tài chính.

Ngoài các chính sách bảo hiểm sức khỏe toàn diện, bảo hiểm tử kỳ nhóm, bảo hiểm kết hợp con người và bảo hiểm cho người nhà đã triển khai từ trước, năm 2015, Bảo Việt bổ sung thêm các hình thức bảo hiểm mới gồm:

- Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho Người quản trị và điều hành Bảo Việt đối với rủi ro về quản trị và kiểm soát phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động hàng ngày gồm Bảo hiểm trách nhiệm quản lý và Bảo hiểm trách nhiệm cá nhân đối với các thiệt hại về tài chính do hành vi sai trái.
- Triển khai áp dụng chính sách Bảo hiểm Hưu trí Vững nghiệp và An phát trọn đời tại Tập đoàn Bảo Việt và một số đơn vị thành viên nhằm thu hút, duy trì, phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn, đảm bảo nguồn nhân lực của Tập đoàn phát triển bền vững, gắn bó lâu dài, yên tâm phát triển sự nghiệp tại Tập đoàn, đồng thời giúp cho Người được bảo hiểm nâng cao đời sống, có thêm thu nhập bổ sung ổn định ngoài phần lương hưu, đảm bảo cuộc sống thư thái, độc lập về tài chính, có khả năng tiếp tục trợ giúp người thân sau khi nghỉ hưu và bảo vệ trước những rủi ro trong cuộc sống và trong quá trình làm việc.

Năm 2015, Bảo Việt tiếp tục thể hiện sự quan tâm đến sức khỏe của người lao động thông qua việc thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, với danh mục khám được mở rộng hơn, gia tăng quyền lợi tối đa cho người lao động.

Với thế mạnh về sản phẩm bảo vệ khách hàng trước các rủi ro về sức khỏe, Bảo Việt thường xuyên tổ chức các chương trình tư vấn với sự tham gia của các chuyên gia và bác sỹ dành cho khách hàng nội bộ và cán bộ nhân viên nhằm tăng cường các kiến thức bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, đặc biệt là đối với lao động nữ.

Bên cạnh đó, các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe của cán bộ được chúng tôi khuyến khích thông qua việc tổ chức các lớp học, các câu lạc bộ như lớp học Yoga, câu lạc bộ bóng bàn, giải thi đấu tennis, giải giao hữu bóng đá. Tại một số đơn vị của Bảo Việt đã xây dựng phòng tập thể dục tạo điều kiện cho cán bộ tập luyện ngoài giờ làm việc.

Đối xử công bằng với người lao động

Việc đối xử công bằng với người lao động có vai trò quan trọng trong việc hình thành một môi trường làm việc tốt, tạo động lực cho nhân viên, phát huy khả năng, gắn bó với Bảo Việt. Các hoạt động trong chính sách nhân sự của Bảo Việt đều hướng tới các mục tiêu chính:

• Không phân biệt đối xử về giới tính, dân tộc, màu da, thành phần xã hội, tình trạng hôn nhân, tín ngưỡng, tôn giáo, tình trạng sức khỏe hoặc vì lý do thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn theo quy định của pháp luật lao động.

• Trả lương công bằng cho nhân viên theo thành tích

• Tôn trọng và lắng nghe ý kiến của người lao động. Mọi nhân viên đều có quyền đóng góp ý kiến vào việc xây dựng và phát triển Bảo Việt.

• Mọi nhân viên có cơ hội như nhau trong hoạt động tuyển dụng, đào tạo và thăng tiến.

Tại Bảo Việt, số lượng cán bộ nữ là 2.519 người, chiếm 46,1% lực lượng lao động. Để đảm bảo sự công bằng trong mọi hoạt động của doanh nghiệp; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cũng như tạo điều kiện để các cán bộ nữ được thực sự tham gia công tác chuyên môn, quy hoạch và bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo. Hoạt động của "Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ" luôn được duy trì thường xuyên.

Cùng với Công đoàn, "Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ" của Bảo Việt giữ vai trò quan trọng trong việc đưa vấn đề Giới vào quá trình xây dựng, thực hiện chính sách trong doanh nghiệp; đảm bảo các cán bộ nữ được hưởng các chế độ chính sách, phúc lợi của Nhà nước như: nghỉ phép, nghỉ theo chế độ và tham gia mua bảo hiểm thân thể, bảo hiểm xã hội, khám sức khỏe định kỳ, tham gia sinh hoạt văn hóa doanh nghiệp.

Bảo Việt khuyến khích các bộ nữ nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học; tạo điều kiện về thời gian, công việc, kinh phí để cán bộ nữ tham gia đầy đủ các khóa đào tạo, bồi dưỡng, học hỏi trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước nhất là các khóa đào tạo theo Bản đồ học tập.

Trong bộ máy quản lý, điều hành của Bảo Việt đều có sự tham gia của nữ cán bộ.

Tỷ lệ cán bộ nữ tại Bảo Việt	46,1%
Tỷ lệ nữ được tuyển dụng năm 2015	43% (169 người)
Tỷ lệ lao động nữ giữ chức vụ quản lý năm 2015	29% (451 người)
Tỷ lệ cán bộ nữ giữ chức vụ quản lý cấp cao so với tổng số cán bộ quản lý cấp cao của Tập đoàn	15%
Tỷ lệ cán bộ nữ giữ chức vụ quản lý cấp trung so với tổng số cán bộ quản lý cấp trung của Tập đoàn	30%

XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG GẮN KẾT VĂN HÓA VỮNG MẠNH

Năm 2015, Bảo Việt đã xây dựng và ban hành Sổ tay văn hóa Bảo Việt nhằm giúp cán bộ hiểu rõ hơn những đặc trưng văn hóa mà Bảo Việt hướng tới, góp phần tạo dựng, củng cố và duy trì những đặc trưng đó.

"Bảo Việt xác định mỗi cán bộ, nhân viên chính là một đại sứ thương hiệu, đại diện cho hình ảnh của Bảo Việt, có trách nhiệm truyền tải nét văn hóa của Bảo Việt tới khách hàng, đối tác, cộng đồng và các bên liên quan, tạo nên MỘT BẢO VIỆT khác biệt"

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp giàu bản sắc: Bảo Việt - Sức mạnh niềm tin

Văn hóa doanh nghiệp Bảo Việt là tài sản vô hình, bao gồm toàn bộ các giá trị văn hóa được xây dựng và hình thành trong suốt quá trình tồn tại và phát triển và trở thành các giá trị tinh thần, quan niệm, tập quán truyền thống, chi phối tình cảm, suy nghĩ và hành vi của mỗi cán bộ nhân viên.

Câu khẩu hiệu "Niềm tin vững chắc, cam kết vững bền" không chỉ là lời cam kết vững bền của Bảo Việt với khách hàng mà còn thể hiện văn hóa đặc trưng của Bảo Việt: văn hóa của niềm tin. Bởi niềm tin vững chắc là chất keo gắn kết mỗi con người Bảo Việt thêm yêu và gắn bó, cống hiến trọn vẹn cho sự phát triển của doanh nghiệp. Niềm tin củng cố và giữ chân hàng triệu khách hàng đã, đang và sẽ sử dụng dịch vụ của chúng tôi. Niềm tin ấy được kết tinh trong hành động của mỗi cá nhân theo tinh thần **ĐOÀN KẾT – CHIA SẺ – HỢP LỰC – ĐỔI MỚI – TIÊN PHONG.**

Việc duy trì nét bản sắc văn hóa riêng giúp Bảo Việt trở nên khác biệt, tạo dấu ấn thương hiệu và góp phần tạo nên lợi thế cạnh tranh cho Bảo Việt. Góp phần tạo dựng và truyền tải nét văn hóa đặc trưng ấy là các Lãnh đạo, cán bộ nhân viên Bảo Việt thông qua hành động, thái độ của mỗi cá nhân trong giao tiếp ứng xử nội bộ và bên ngoài.

ĐOÀN KẾT

Đoàn kết tạo nên sức mạnh

Bất kỳ một tổ chức, một doanh nghiệp nào, để phát triển bền vững lâu dài ngoài các yếu tố khách quan về nhân tài, vật lực và thời cơ thì một yếu tố then chốt khác là tinh thần đoàn kết: đó là sự đồng tâm hiệp lực trong bộ máy lãnh đạo từ trên xuống dưới, từ người làm công tác quản lý đến người lao động trong doanh nghiệp.

Chính vì vậy, Đoàn kết là yếu tố đầu tiên và tiên quyết cho mọi quá trình phát triển và để mở lối đến thành công, bởi nếu không có sự đoàn kết, đồng lòng và nhất trí chung thì sẽ không thể phát triển cũng như không thể nghĩ đến những mục tiêu cao và xa hơn. Tinh thần đoàn kết sẽ tạo nên sức mạnh, giúp Bảo Việt cùng nhau vượt qua mọi gian khó, tạo động lực cho phát triển và củng cố niềm tin, hỗ trợ nhau tiến xa hơn.

Niềm tin củng cố tinh thần đoàn kết và giúp gắn kết mọi người với nhau

HỢP LỰC

Hợp sức để vươn xa

Một cá nhân mạnh sẽ tiến xa hơn trong một tập thể mạnh và một tập thể mạnh sẽ phát triển nhanh hơn trong một cộng đồng mạnh. Hợp lực sẽ giúp chúng tôi phát huy được lợi thế sẵn có cũng như khai thác được sức mạnh của sự đồng lòng, tinh thần đoàn kết và văn hóa sẻ chia để kiến tạo những giá trị bền vững hơn cho doanh nghiệp.

Bảo Việt đang tiếp tục khẳng định vị thế của một Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam thông qua các sản phẩm bảo hiểm – đầu tư và dịch vụ tài chính. Hợp lực sẽ giúp chúng tôi tận dụng và phát huy những ưu thế sẵn có của các đơn vị về mạng lưới, nguồn lực sẽ giúp Bảo Việt tạo nên những sản phẩm chung, ưu việt, có giá trị cạnh tranh tốt hơn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng và khai thác hiệu quả hơn về nguồn lực và chi phí của Bảo Việt để chúng tôi có thể phát huy sức mạnh tổng thể trên một nền tảng bền vững.

Niềm tin tạo giá trị cộng hưởng

Niềm tin từ sự sẻ chia là văn hóa cần có của một tổ chức

CHIA SẺ

Chia sẻ là văn hóa

Chia sẻ là yếu tố cần thiết để gắn kết một tập thể, để hiểu nhau hơn và tạo sự đồng thuận, bền vững, lâu dài. Hơn 70.000 con người cùng chung sống dưới mái nhà Bảo Việt là những cá thể độc lập với những tính cách khác nhau, tư tưởng khác nhau, mục tiêu sự nghiệp và hạnh phúc cuộc sống khác nhau. Chất keo gắn kết chúng tôi với nhau chính là sự chia sẻ và cùng chung một niềm tin rằng Bảo Việt sẽ luôn phát triển và giữ vững vị thế Tập đoàn Tài chính Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam.

Chúng tôi lắng nghe để thấu hiểu suy nghĩ, tâm tư của đồng nghiệp, chúng tôi cần chia sẻ thông tin để nắm bắt những định hướng phát triển chung của doanh nghiệp; và bản thân mỗi cá nhân cũng cởi mở chia sẻ kiến thức và quan điểm để cùng tiếp cận nhanh hơn và chính xác hơn với vấn đề. Khi chia sẻ trở thành văn hóa, Bảo Việt sẽ nắm bắt được tư tưởng chung nhanh chóng hơn, đồng thuận hơn khi thực hiện cùng một mục tiêu.

Khi có sự sẻ chia và sự trao đổi cởi mở, thẳng thắn sẽ tạo ra nhận thức chung và kiến tạo sự đồng thuận bền vững, tinh thần đoàn kết một lòng sẻ được củng cố và cùng đi theo một hướng, cùng xác định một mục tiêu và cùng nỗ lực vì "MỘT BẢO VIỆT".

Niềm tin giúp Bảo Việt đổi thay và lớn mạnh từng ngày

ĐỔI MỚI

Đổi mới để phát triển

Trong bối cảnh đất nước chuyển mình hội nhập, yếu tố đổi mới, sáng tạo trở thành then chốt quyết định sự thắng lợi của doanh nghiệp trên thị trường. Với lịch sử hơn 50 năm phát triển, Bảo Việt cũng trải qua nhiều thời kỳ đổi mới, chuyển đổi mô hình và tiếp cận các tiêu chuẩn quốc tế để trở thành doanh nghiệp dẫn đầu thị trường.

Trong xu thế phát triển mạnh mẽ và dưới áp lực cạnh tranh giữa các doanh nghiệp như hiện nay, đổi mới là yếu tố tiên quyết để Bảo Việt có thể gia tăng năng lực cạnh tranh và đảm bảo sự phát triển lâu dài. Chúng tôi thực hiện đổi mới trong tư duy, theo đuổi tư tưởng "dám nghĩ dám làm".

Lịch sử 50 năm ghi dấu ấn một Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt hàng đầu Việt Nam, chúng tôi cần phát huy tư duy đột phá để tiếp tục ghi dấu cho chặng đường tiếp theo với những dấu ấn mới trong lịch sử phát triển của Bảo Việt.

TIÊN PHONG

Tiên phong dẫn lối

Niềm tin mở lối thành công

Bản lĩnh của Người Tiên phong của Bảo Việt đã được khẳng định trong suốt 50 năm qua tại Việt Nam từ một doanh nghiệp được biết đến trong việc tiên phong khai mở thị trường bảo hiểm phi nhân thọ, nhân thọ và thị trường chứng khoán; một trong những doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa thành công; cũng như tiên phong thực hiện các chương trình bảo hiểm thí điểm của Chính phủ nhằm bảo vệ quyền lợi cho bà con các vùng khó khăn; Bảo Việt cũng tự hào là doanh nghiệp niêm yết tiên phong trong việc thực hiện báo cáo thường niên tích hợp, báo cáo phát triển bền vững theo tiêu chuẩn quốc tế.

Bản lĩnh ấy, tầm vóc ấy giờ vẫn luôn được giữ gìn và trân trọng. Những con người Bảo Việt với nhiệt huyết, đam mê, lòng yêu nghề và những tháng ngày cống hiến không mệt mỏi cho sự phát triển của Bảo Việt nói riêng và tinh thần Việt Nam nói chung, vẫn đang tiếp tục thể hiện tinh thần tiên phong trên những chặng đường mới. "MỘT BẢO VIỆT" và "BẢO VIỆT LÀ SỐ 1", tinh thần ấy cần được thấm vào mỗi trái tim và khối óc của NGƯỜI BẢO VIỆT.

Con đường mới, thành tựu mới và những khát vọng bay cao, vươn xa vẫn luôn hiện hữu trong mỗi con người Bảo Việt. Chúng tôi sẽ cùng nhau tiếp tục phát huy lợi thế cạnh tranh, khai phá các lĩnh vực mới, xây dựng chiến lược kinh doanh dài hạn để phân bổ và khai thác các nguồn lực một cách hiệu quả.

"Cùng với niềm tin, sự quyết tâm, đồng lòng của tập thể lãnh đạo, cán bộ nhân viên, tư vấn viên sẽ tạo nên sức mạnh hợp lực toàn hệ thống, tạo đà phát triển nhanh hơn, bền vững hơn cho Bảo Việt trên những chặng đường sắp tới."

GẮN KẾT NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Gắn kết trong hoạt động kinh doanh – Mỗi cán bộ là một đại sứ thương hiệu

Nhằm giúp cán bộ hiểu rõ hơn về các sản phẩm dịch vụ tài chính – bảo hiểm mà Bảo Việt đang cung cấp trên thị trường, bên cạnh các khóa học tìm hiểu sản phẩm cơ bản theo chương trình đào tạo định kỳ.

Năm 2015, Bảo Việt đã đẩy mạnh các chương trình giới thiệu sản phẩm dịch vụ chéo giữa các đơn vị trong Tập đoàn, triển khai 05 chương trình Hội thảo giới thiệu sản phẩm bảo hiểm của Bảo Việt dành cho cán bộ tại Trụ sở chính của các đơn vị. Hội thảo nhằm giúp cán bộ hiểu rõ hơn về các dòng sản phẩm, giải đáp thắc mắc cũng như tư vấn giới thiệu sản phẩm phù hợp theo nhu cầu. Bảo Việt cũng đưa ra chương trình đặc ưu đãi riêng dành riêng cho khách hàng nội bộ nhằm khuyến khích cán bộ tham gia sử dụng sản phẩm, để trải nghiệm thực tế trong quá trình sử dụng, từ đó đưa ra các khuyến nghị kịp thời, giúp chúng tôi hoàn thiện sản phẩm dịch vụ và đáp ứng yêu cầu của khách hàng tốt hơn.

Với gói sản phẩm tài chính – bảo hiểm đa dạng của Bảo Việt, việc các cán bộ có thể nắm bắt được thông tin sản phẩm bao gồm các lợi ích và giá trị gia tăng khi sử dụng sản phẩm/dịch vụ rất quan trọng. Mỗi cán bộ đóng vai trò là một đại sứ thương hiệu, đại diện cho hình ảnh của Bảo Việt khi tiếp xúc với các bên liên quan, và là cầu nối giữa doanh nghiệp với các khách hàng tiềm năng, góp phần thúc đẩy doanh thu bán hàng.

Gắn kết trong hoạt động cộng đồng – Chung tay vì một xã hội tốt đẹp hơn

Với mong muốn cán bộ có thể cảm nhận rõ hơn về ý nghĩa những hoạt động cộng đồng mà Bảo Việt đang thực hiện, chúng tôi khuyến khích cán bộ tham gia vào các trải nghiệm thực tế khi cùng tham gia các dự án cộng đồng của Bảo Việt (Quan điểm này cũng đã được nêu trong Bộ Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt ban hành tháng 01/2016).

Các chương trình thu hút sự tham gia của đông đảo cán bộ Bảo Việt có thể kể đến như: Chương trình Hướng về Trường Sa thân yêu – với đoàn công tác thăm và tặng quà cho các chiến sỹ công tác tại 11 điểm đảo; Chương trình khăn áo ấm mùa đông tại xã Sơn Vĩ, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang của BVSC, Chương trình chạy bộ Terry Fox...

Ngoài chương trình gây Quỹ, các hoạt động cộng đồng khác của Bảo Việt luôn nhận được sự ủng hộ và tham gia của đông đảo cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống. Năm 2015, tổng số lượt cán bộ tham gia hoạt động cộng đồng của Bảo Việt là: 865 lượt cán bộ tương ứng với 257.500 giờ lao động.

Đóng góp của cán bộ trong hoạt động cộng đồng	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Số lượt cán bộ tham gia	1.000	850	865
Số giờ đóng góp	198.800	234.000	257.500

Gắn kết trong hoạt động môi trường – Góp sức vì mục tiêu chung của doanh nghiệp

Cụm từ "Phát triển bền vững" đang ngày trở nên quen thuộc hơn với cán bộ nhân viên Bảo Việt với các thông điệp được truyền thông liên tục trong bản tin toàn hệ thống. Thông qua chuỗi các bài viết truyền thông, hệ thống chữ ký điện tử, poster kêu gọi sử dụng năng lượng hiệu quả...nhằm nâng cao ý thức của cán bộ đối với vấn đề phát triển bề vững và mục tiêu bảo vệ môi trường.

Năm 2015, Bảo Việt tiếp tục triển khai thành công chương trình 5S - Xây dựng môi trường trong sạch nơi làm việc, bảo đảm hệ thống hồ sơ, tài liệu được "Sàng lọc - Sắp xếp - Sạch sẽ - Săn sóc - Sẵn sàng", lưu trữ một cách khoa học giúp hiệu quả công việc, tránh được những lãng phí không cần thiết về giấy tờ, vật phẩm văn phòng tiêu thụ. Bên cạnh việc duy trì các tiêu chuẩn của năm 2014, chúng tôi đã có những cải tiến đáng kể trong khâu sàng lọc, sắp xếp hồ sơ theo file điện tử, giúp hạn chế tối đa lượng hồ sơ giấy tờ bản cứng, giúp giảm thiểu lượng giấy in, tiết kiệm thời gian tìm kiếm và chia sẻ dễ dàng trong nội bộ, góp phần nâng cao năng suất lao động.

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI NĂM 2015

Năm 2015, Ban điều hành đã bám sát theo chỉ đạo và định hướng của Hội đồng quản trị, tích cực triển khai các hoạt động liên quan đến bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội nhằm đảm bảo thực hiện định hướng chiến lược về phát triển bền vững của Bảo Việt.

Về các hoạt động bảo vệ môi trường: Năm 2015, Bảo Việt tiếp tục đẩy mạnh chủ trương xanh hóa hoạt động kinh doanh thông qua việc lồng ghép các rà soát và đánh giá về môi trường và xã hội trong 02 Quy trình quản lý đầu tư dự án và quy trình đầu tư góp vốn cổ phần. Các yêu cầu trách nhiệm xã hội và môi trường cũng đã được đưa vào thỏa thuận hợp tác với 2 nhà thầu lớn trong năm 2015 nhằm đảm bảo định hướng xây dựng chuỗi giá trị bền vững của Bảo Việt.

Đối với chủ trương giảm phát thải khí nhà kính, Bảo Việt đã bước đầu thực hiện theo dõi, thống kê và thực hiện báo cáo các thống kê về tiêu thụ năng lượng điện, nước, xăng dầu tại Công ty Mẹ. Theo đó, lượng xăng tiêu thụ quy đổi 4.092 GJ và lượng điện tiêu thụ quy đổi là 6.652 GJ. Việc đo lường này này nhằm triển khai các biện pháp cụ thể để giảm thiểu việc tiêu thụ năng lượng trong tòa nhà. Bảo Việt cũng thực hiện đo lường các chất thải từ tòa nhà nhằm kiểm soát và có các biện pháp thích hợp để giảm thiểu các chất thải gây hại tới môi trường.

Về thực hiện trách nhiệm xã hội – Xây dựng xã hội bền vững: Ban điều hành đã chỉ đạo sát sao để thực hiện đầu tư cho hoạt động cộng đồng theo 4 trọng tâm đã đề ra, trong đó chú trọng đến các hoạt động xóa đói giảm nghèo và đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ. Năm 2015, Bảo Việt đã đầu tư 27.825.740.407 tỷ đồng cho hoạt động cộng đồng trong đó hoạt động xóa đói giảm nghèo và đầu tư cho giáo dục chiếm 81 % trong tổng ngân sách thực hiện (tương ứng với 22,5 tỷ đồng).

Thực hiện theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP, ngày 27/12/2008 của Chính phủ về hỗ trợ các huyện nghèo giảm nghèo nhanh và bền vững, Bảo Việt đã tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng cho đồng bào người dân các khu vực còn khó khăn. Năm 2015, Bảo Việt dành hơn 14 tỷ đồng cho các công trình xây dựng các công trình trạm y tế thị trấn Kim Sơn thuộc huyện Quế Phong và trường tiểu học Cao Tân thuộc huyện Pác Nặm.

Năm 2015, Bảo Việt đẩy mạnh cho công tác giáo dục và thế hệ trẻ, thể hiện thông qua việc ký hợp tác với hai trường đại học lớn của Việt Nam là trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Học viện Tài chính với mức cam kết 10 tỷ đồng giai đoạn 2015-2020. Nội dung cam kết bao gồm trao học bổng cho các học sinh có thành tích xuất sắc trong học tập; phối hợp trong công tác nghiên cứu khóa học, các chương trình đào tạo, tuyển dụng nhân sự và cung cấp sản phẩm dịch vụ của Bảo Việt trong trường. Năm 2015, trong khuôn khổ dự án Bảo Việt đã trao tặng các suất học bổng với tổng trị giá 492 triệu đồng cho các em học sinh có thành tích xuất sắc tại kỳ tuyển sinh đại học niên học 2015 tại hai trường.

Các hoạt động tri ân gia đình có công với cách mạng tiếp tục được duy trì. Nhân dịp ngày 27/7, đoàn công tác Tập đoàn dẫn đầu là ông Đào Đình Thi – Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt và ông Nguyễn Quang Phi, Phó Bí thư Đảng ủy - Tổng giám đốc Tập đoàn đã tới thăm và tặng quà cho gia đình thương binh, liệt sỹ của xã Hải Phú , huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

Các hoạt động ý nghĩa khác như: Chương trình hiến máu tình nguyện, Chạy bộ Terry Fox, khăn áo ấm mùa đông thu hút được sự tham gia đông đảo của Lãnh đạo và cán bộ nhân viên trên hệ thống.

Ngoài 4 trọng tâm thực hiện, Bảo Việt cũng đồng thời duy trì và phát triển các sản phẩm vì cộng đồng theo kế hoạch đã đề ra trong năm 2015. Cụ thể: Ra mắt sản phẩm bảo hiểm Hưu trí tự nguyện với tên gọi Hưu trí vững nghiệp vào tháng 11/2015; tiếp tục duy trì gói sản phẩm bảo hiểm dành cho người thu nhập thấp như bảo hiểm học sinh, bảo hiểm nông nghiệp. Đồng hành cùng ngư dân trong Chương trình Bảo hiểm khai thác thủy sản theo Nghị định số 67 của Chính phủ, góp phần phát triển ngành thủy sản của đất nước.

Thực hiện theo chủ trương gắn kết người lao động trong hoạt động cộng đồng, năm 2015, các chương trình cộng đồng của Bảo Việt đã thu hút 865 cán bộ tương ứng với 257.500 giờ tham gia của các cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống, góp phần lan tỏa các giá trị văn hóa về ĐOÀN KẾT – CHIA SẺ – HỢP LỰC – ĐỔI MỚI – TIÊN PHONG theo chủ trương của Hội đồng Quản trị.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Hoạt động đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt tuân thủ nguyên tắc an toàn và hiệu quả nhằm gia tăng lợi ích của cổ đông, khách hàng và đảm bảo việc làm, đời sống cho người lao động. Năm 2015 Tập đoàn Bảo Việt đã bước đầu điều chỉnh cơ cấu danh mục đầu tư theo hướng gia tăng đầu tư vào các tài sản tăng trưởng có tiềm năng mang lại giá trị cao hơn trong tương lai, mang lại hiệu quả cao hơn cho danh mục đầu tư của Tập đoàn.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TOÀN TẬP ĐOÀN 2015

Năm 2015, Tập đoàn Bảo Việt đã tái cơ cấu danh mục lãi suất cố định theo hướng giảm đầu tư tiền gửi, tăng đầu tư trái phiếu (chủ yếu là trái phiếu chính phủ kỳ hạn 5 – 15 năm), đồng thời dịch chuyển một phần danh mục đầu tư lãi suất cố định sang đầu tư vào kênh cổ phần, góp vốn.

Tại 31/12/2015, tổng nguồn vốn đầu tư của toàn Tập đoàn đạt 51.155 tỷ đồng, tăng 28% so với thời điểm 31/12/2014. Trong đó, đầu tư lãi suất cố định (tiền gửi, trái phiếu) đạt 45.950 tỷ đồng, chiếm 90% tổng nguồn vốn đầu tư và tăng 31% so với cùng kỳ. Đầu tư cổ phiếu, góp vốn đạt 4.402 tỷ đồng, chiếm 9% tổng nguồn vốn đầu tư và tăng 2% so với năm 2014.

Cơ cấu danh mục đầu tư toàn Tập đoàn tại 31/12/2015

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2014		Tại 31/12/2015		So sánh 2015/2014
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	
Đầu tư lãi suất cố định	**35.040**	**87%**	**45.950**	**90%**	**31%**
1. Tiền gửi	16.865	42%	16.390	32%	-3%
2. Trái phiếu	18.175	45%	29.560	58%	63%
Đầu tư cổ phiếu, góp vốn	**4.298**	**11%**	**4.402**	**9%**	**2%**
Đầu tư tài chính khác	**715**	**2%**	**803**	**2%**	**12%**
Tổng cộng	**40.053**	**100%**	**51.155**	**100%**	**28%**

Ghi chú: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán 2015

Cơ cấu danh mục đầu tư (%)

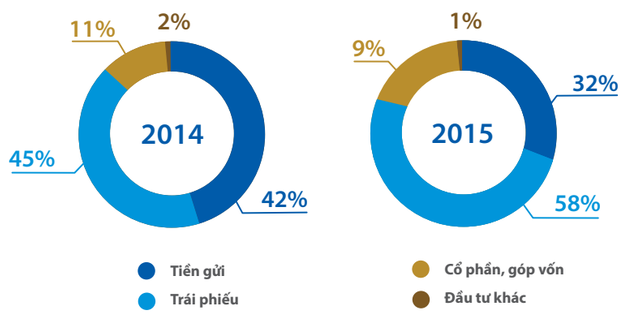

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CÔNG TY MẸ 2015

Cơ cấu danh mục đầu tư Công ty Mẹ tại 31/12/2015

Tại 31/12/2015, tổng nguồn vốn đầu tư của Công ty Mẹ đạt 11.497 tỷ đồng, tăng 4% so với 31/12/2014. Tổng doanh thu hoạt động đầu tư năm 2015 đạt 1.194 tỷ đồng, hoàn thành 99.8% kế hoạch năm 2015.

Cơ cấu danh mục đầu tư Công ty Mẹ

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2014		Tại 31/12/2015		So sánh 2015/2014
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	
Đầu tư lãi suất cố định	**3.560**	**32%**	**3.566**	**31%**	**0%**
Tiền gửi	2.786	25%	1.623	14%	-42%
Trái phiếu	774	7%	1.943	17%	151%
Đầu tư cổ phiếu, góp vốn	**7.478**	**68%**	**7.930**	**69%**	**6%**
Tổng cộng	**11.038**	**100%**	**11.497**	**100%**	**4%**

Ghi chú: Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán 2015

Cơ cấu danh mục đầu tư (%)

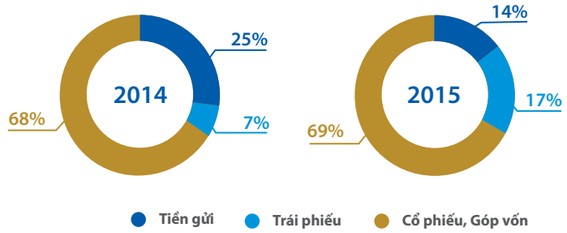

Cơ cấu danh mục theo Ngành (%)

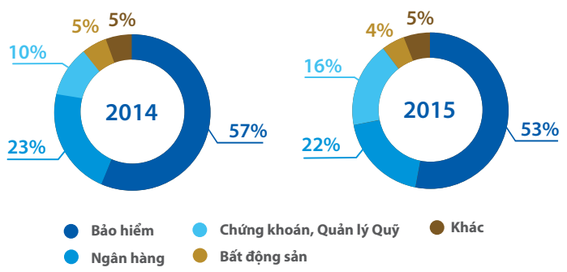

Hoạt động đầu tư lãi suất cố định

Tập đoàn đã bám sát diễn biến lãi suất thị trường, kế hoạch dòng tiền để thực hiện tái đầu tư các khoản tiền nhàn rỗi với kỳ hạn phù hợp và tăng cường đầu tư Trái phiếu doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư;

Doanh thu đầu tư lãi suất cố định 2015 hoàn thành vượt kế hoạch: doanh thu lãi suất cố định cả năm 2015 đạt 253 tỷ đồng, vượt 8,3% kế hoạch năm. Trong đó, doanh thu từ Trái phiếu vượt 41% kế hoạch, góp phần nâng cao hiệu quả danh mục.

Hoạt động đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các doanh nghiệp

Doanh thu từ hoạt động đầu tư cổ phiếu, góp vốn (bao gồm cả việc đầu tư vào các Công ty con) đạt 940 tỷ đồng, bằng 97,7% kế hoạch năm do Tập đoàn chủ động giảm lợi nhuận thu về từ các Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% VĐL để tăng năng lực tài chính, phục vụ hoạt động kinh doanh của các Công ty nói trên. Doanh thu đầu tư từ các công ty con Tập đoàn sở hữu dưới 100% đạt 123 tỷ đồng, chiếm 13,1% doanh thu đầu tư danh mục đầu tư cổ phần, góp vốn và 10,3% tổng doanh thu đầu tư 2015.

Cơ cấu danh mục đầu tư: Tại 31/12/2015, khoảng 90% tỷ trọng danh mục đầu tư cổ phiếu, góp vốn tập trung vào các ngành bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính - đây là những lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Tập đoàn Bảo Việt.

Cơ cấu các dự án góp vốn của Công ty Mẹ tại 31/12/2015

ĐVT: Tỷ đồng

Ngành	Vốn góp		Tỷ trọng	
	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015
Bảo hiểm	4,223	4,223	56%	53%
Ngân hàng	1,739	1,739	23%	22%
Chứng khoán, Quản lý quỹ	770	1,240	10%	16%
Bất động sản	359	359	5%	5%
Khác	388	370	5%	5%
Tổng cộng	**7,478**	**7,930**	**100%**	**100%**

Cơ cấu doanh thu 2015

Đơn vị: tỷ đồng

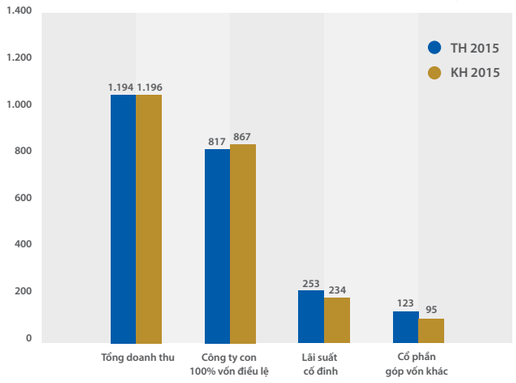

Tỷ suất đầu tư/Vốn đầu tư bình quân (%)

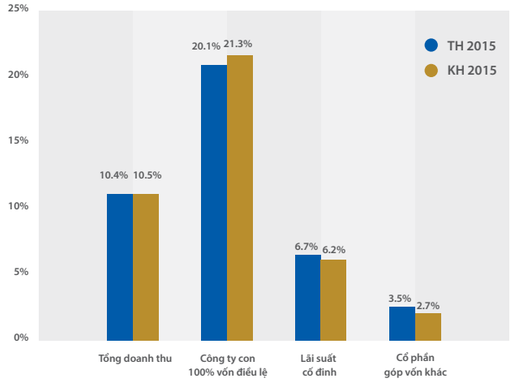

Trong năm 2015, Tập đoàn Bảo Việt với vai trò là Công ty Mẹ đã phát huy vai trò quản lý thông qua các chính sách quản lý rủi ro, xây dựng và triển khai mô hình đánh giá, phân loại các tổ chức tín dụng để xác định hạn mức đầu tư tại các định chế tài chính mà Bảo Việt được phép đầu tư, tiếp tục cải tiến, hoàn thiện các quy trình, quy chế liên quan đến hoạt động đầu tư. Tập đoàn cũng thiết lập các biện pháp giám sát đầu tư nhằm đảm bảo kịp thời hành động khi phía đối tác xuất hiện các biểu hiện suy giảm chất lượng tín dụng. Nhờ vậy mà hoạt động đầu tư của toàn Tập đoàn đảm bảo an toàn, đóng góp quan trọng vào kết quả kinh doanh chung của toàn Tập đoàn và của từng đơn vị.

Danh mục một số dự án góp vốn của Bảo Việt (31/12/2015)

STT	Tên dự án	Năm bắt đầu góp vốn	Vốn góp (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp/ Vốn điều lệ
1	Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ	2004	2.000	100,00%
2	Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	2005	2.000	100,00%
3	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt	2006	100	100,00%
4	Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt	1999	695	59,92%
5	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	2008	1.560	49,52%
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt	2009	110	55,00%
7	Công ty TNHH Bảo Việt Tokio Marine	1996	153	51,00%
8	Công ty Cổ phần ĐT & XD Quốc tế Vigeba	2009	54	30,00%
9	Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia VN	2005	69,9	9,18%

GẮN KẾT YẾU TỐ ESG TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Tại Bảo Việt, phương châm hàng đầu trong chiến lược đầu tư của chúng tôi là đầu tư an toàn, hiệu quả trên cơ sở đảm bảm sự phát triển bền vững của Tập đoàn, qua đó đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, khách hàng và người lao động.

Bảo Việt tập trung vào ngành nghề kinh doanh cốt lõi – lĩnh vực dịch vụ tài chính với 90% danh mục đầu tư cổ phần, góp vốn của chúng tôi tập trung vào các ngành kinh doanh là bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính – những ngành nghề thân thiện với môi trường. Trong thời gian tới, chúng tôi tiếp tục định hướng ưu tiên phát triển ngành nghề kinh doanh cốt lõi – vừa để đảm bảo sự phát triển bền vững của Bảo Việt, vừa góp phần giảm thiểu những tác động gây hại tới môi trường.

Chúng tôi tin rằng các vấn đề về cơ chế quản trị công ty, môi trường và xã hội là một phần quan trọng để đánh giá các giá trị và hiệu quả đầu tư trong trung và dài hạn. Do đó, bên cạnh các chỉ tiêu hiệu quả, chúng tôi cũng luôn chú trọng tới các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp (ESG) trong quá trình thẩm định, lựa chọn phương án đầu tư và tiếp tục duy trì việc áp dụng Nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm khi rà soát các dự án đầu tư vốn lớn.

Năm 2015, Bảo Việt tập trung đầu tư vào danh mục lãi suất cố định và không có dự án góp vốn mới với tư cách cổ đông chiến lược. Tuy nhiên, chúng tôi đã tập trung hoàn thiện Quy trình quản lý dự án đầu tư và Quy trình đầu tư góp vốn cổ phần thông qua việc bổ sung các tiêu chí liên quan đến vấn đề Quản trị - Xã hội – Môi trường.

Nếu trước đây, vấn đề Quản trị được tập trung xem xét trong các dự án đầu tư góp vốn thì theo quy trình mới ban hành của Bảo Việt, các xem xét về vấn đề sử dụng lao động, đóng góp cộng đồng, các ý thức về môi trường cũng trở thành tiêu chí đánh giá và cộng điểm cho dự án.

Là một doanh nghiệp niêm yết với sự tham gia góp vốn của nhiều nhà đầu tư, chúng tôi hiểu phát triển bền vững sẽ tạo ra lợi thế cạnh tranh trong việc hút vốn. Chính vì vậy, Bảo Việt – với tư cách của nhà đầu tư, muốn gắn kết các yếu tố bền vững trong quá trình xem xét các dự án tiềm năng.

Như vậy, việc gắn kết yếu tố bền vững đối với nhà cung cấp cũng như các dự án đầu tư giúp Bảo Việt tiến gần tới mục tiêu xây dựng chuỗi giá trị bền vững, mang lại lợi ích cho Bảo Việt và các đối tác tham gia.

05 Nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm mà Bảo Việt đang áp dụng cho các dự án đầu tư bao gồm:

- **Nguyên tắc 1:** Gắn kết vấn đề ESG trong các quy trình phân tích đầu tư và đưa ra quyết định đầu tư
- **Nguyên tắc 2:** Gắn kết ESG trong các vấn đề liên quan đến quyền lợi của chủ đầu tư
- **Nguyên tắc 3:** Xây dựng quy chế công bố thông tin phù hợp đối với vấn đề ESG tại các doanh nghiệp mà Bảo Việt đầu tư
- **Nguyên tắc 4:** Hợp tác với các tổ chức tài chính khác để đẩy mạnh hiệu quả triển khai
- **Nguyên tắc 5:** Thực hiện báo cáo các hoạt động triển khai

GẮN KẾT TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ CUNG CẤP ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

G4 - EN32

G4 - LA14

Chỉ tiêu đánh giá nhà cung cấp về thực hành lao động và môi trường được đảm bảo bởi PwC (G4 - EN32) , (G4 - LA14)

Năm 2015, Bảo Việt đã đưa yếu tố môi trường và xã hội trong công tác đấu thầu và lựa chọn nhà thầu. Theo đó, các yêu cầu đưa ra trong giai đoạn mời thầu bao gồm các yêu cầu về báo cáo tình hình sử dụng lao động, các hoạt động công ích (nếu có), mô tả về kiểm soát nguyên vật liệu, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, thân thiện với môi trường sử dụng trong dự án.

11/17 Nhà cung cấp đã được Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt rà soát và đánh giá (chiếm 65% số nhà cung cấp) về vấn đề quản trị, môi trường và xã hội (các Nhà cung cấp với giá trị hợp đồng từ 490 triệu đồng trở lên), đồng thời Bảo Việt đã gắn cam kết trách nhiệm xã hội, môi trường trong thỏa thuận hợp tác với các nhà thầu lớn.

Các điều kiện ràng buộc trong thỏa thuận hợp đồng bao gồm các trách nhiệm đảm bảo đối với quyền lợi của người lao động như sử dụng lao động hợp pháp, đảm bảo các vấn đề về nhân quyền và các quy định theo pháp luật; đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị không gây ảnh hưởng đến môi trường. Trường hợp các vi phạm từ nhà thầu trong quá trình hợp tác bị phát hiện, Bảo Việt hoàn toàn có thể tạm ngưng hợp đồng cho đến khi có giải trình cụ thể hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu phía đối tác không giải trình được các vi phạm xảy ra.

BẢO VIỆT XÂY DỰNG BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP TRÊN CƠ SỞ XEM XÉT VỀ:

05 **Bảo Việt đánh giá nhà cung cấp dựa trên các yếu tố sau:**

1. **1.** Chất lượng sản phẩm
2. **2.** Uy tín nhà cung cấp
3. **3.** Mức giá của sản phẩm và hình thức thanh toán
4. **4.** Tính sẵn sàng của đơn vị cung cấp
5. **5. Trách nhiệm xã hội và môi trường**

CÁC NGUYÊN TẮC VÀ TIÊU CHÍ LỰA CHỌN NHÀ CUNG CẤP

BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP

Stt	Các tiêu chí xem xét	Điểm	Cơ sở xem xét
1	**Chất lượng**	**35**	• Nguồn gốc hàng hoá (nếu có) • Bản mẫu sản phẩm test đạt yêu cầu • Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế • Chính sách bảo hành đối hàng hoá cung cấp • Sự phù hợp của sản phẩm cung cấp với nhu cầu của Bảo Việt • Sản phẩm không gây ô nhiễm môi trường
	• Tất cả các chỉ tiêu đều đáp ứng yêu cầu	35	
	• Các chỉ tiêu chính đáp ứng yêu cầu	30	
	• Không đáp ứng	0	
2	**Uy tín**	**25**	• Giấy phép kinh doanh • Thông tin tự tìm hiểu • Giới thiệu của các đơn vị trung gian • Mối quan hệ đã có với Công ty • Bản giới thiệu năng lực từ nhà cung cấp
	• Có uy tín cao	25	
	• Có thể chấp nhận được	15	
	• Không	0	
3	**Giá cả và thanh toán**	**20**	• Báo giá của các đơn vị • Tìm hiểu và so sánh giá trên thị trường • Phương thức thanh toán và thời gian thanh toán
	• Tối ưu	20	
	• Có thể chấp nhận được.	10	
	• Không hợp lý	0	
4	**Khả năng sẵn sàng cung cấp và giao hàng**	**15**	• Cam kết của nhà cung cấp về: thời gian, địa điểm giao hàng, khả năng cung cấp và phương tiện vận chuyển • Các dịch vụ hỗ trợ sau bán hàng • Khả năng xử lý các phát sinh (nếu có)
	• Đáp ứng hoàn toàn	15	
	• Có thể chấp nhận được	10	
	• Không đáp ứng	0	
5	**Trách nhiệm xã hội, môi trường**	**05**	• Các hoạt động cộng đồng (nếu có) mà nhà cung cấp đã và đang thực hiện • Đánh của của nhà cung cấp đối với tác động có thể có từ hoạt động của doanh nghiệp tới môi trường • Cam kết của nhà cung cấp đối với các trách nhiệm về xã hội và môi trường
	• Đáp ứng hoàn toàn	05	
	• Có thể chấp nhận được	03	
	• Không đáp ứng	02	
	TỔNG CỘNG	**100**	

NGUYÊN TẮC LỰA CHỌN NHÀ CUNG CẤP ĐƯỢC CĂN CỨ TRÊN

- Xếp hạng thứ tự ưu tiên lựa chọn theo số điểm đánh giá từ cao xuống thấp.
- Nhà cung cấp được chọn phải có số điểm đạt trên 75 điểm: nếu không đáp ứng thì tiếp tục quy trình tìm nhà cung cấp.
- Trường hợp có hơn hai nhà cung cấp cùng đạt một số điểm như nhau, thì chọn nhà cung cấp đáp ứng có trọng số điểm theo thứ tự ưu tiên cao hơn, tiếp đến là lựa chọn doanh nghiệp đáp ứng được tiêu chí số 5 (đánh giá về môi trường và xã hội).

MỤC TIÊU VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH 2016

DỰ BÁO TRIỂN VỌNG 2016

Triển vọng kinh tế toàn cầu dự báo vẫn còn nhiều khó khăn và tiềm ẩn nhiều rủi ro khó đoán định trong năm 2016. Trong nước, những tín hiệu phục hồi của nền kinh tế được dự báo sẽ rõ nét hơn trong năm 2015. Tuy nhiên, tốc độ hồi phục kinh tế sẽ tiếp tục ở mức khiêm tốn do những khó khăn, thách thức vẫn còn nhiều. Theo dự báo của các tổ chức quốc tế (WB, IMF, ADB...), tăng trưởng GDP Việt Nam trong năm 2016 ở mức từ 6-6,7%.

Trong bối cảnh đó, Tập đoàn Bảo Việt nhận diện các cơ hội và thách thức đối với hoạt động kinh doanh của Bảo Việt như sau:

CƠ HỘI

KINH TẾ VĨ MÔ

Theo mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2016 của Chính phủ, tổng sản phẩm trong nước (GDP) sẽ tăng khoảng 6,7%, tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10%, tỷ lệ nhập siêu so với kim ngạch xuất khẩu dưới 5%, tốc độ tăng giá tiêu dùng dưới 5%, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 31% GDP. Với những mục tiêu này, các chính sách vĩ mô sẽ được thực hiện theo hướng chủ động, linh hoạt, có sự phối hợp chặt chẽ để kiểm soát lạm phát, ổn định vĩ mô song song với tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh và góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Với những kết quả đạt được trong năm 2014-2015 và kỳ vọng Chính phủ tiếp tục có các chính sách điều hành hiệu quả, môi trường vĩ mô năm 2016 dự báo tiếp tục có những chuyển biến tích cực. Lạm phát duy trì ở mức thấp. Giá dầu dự báo duy trì ở mức thấp giúp giảm chi phí đầu vào sản xuất kinh doanh, nhờ đó thúc đẩy tiêu dùng, cải thiện sức mua của nền kinh tế, góp phần làm tăng tổng cầu. Ngoài ra, khả năng thu hút vốn đầu tư nước ngoài cao hơn trong những năm tới nhờ tiến trình hội nhập quốc tế và các hiệp định thương mại tự do đã và sắp được ký kết (AEC, Asean +6, VEFTA, VKFTA, và đặc biệt là TPP).

Dự báo các chỉ tiêu vĩ mô chính năm 2016 (%)

Các chỉ tiêu chính	2015	Dự báo 2016		
		Tiêu cực	Trung bình	Tích cực
Tăng trưởng GDP	6.68	6.2 - 6.4	6.5 - 6.7	6.8 - 7.0
Lạm phát	0.6	6.0 - 7.0	3.0 - 5.0	1.0 - 2.0
Tăng trưởng xuất khẩu	8.1	<9	9 - 12	>12
Tăng trưởng vốn FDI giải ngân	12.5	<10	10 - 12	>12
Tăng trưởng tín dụng	17.0		15 - 20	

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM

Năm 2016, với triển vọng kinh tế vĩ mô tiếp tục cải thiện và nhận thức của người dân về vai trò của bảo hiểm ngày càng tăng, thị trường bảo hiểm được kỳ vọng sẽ duy trì tốc độ tăng trưởng khả quan. Hội nhập quốc tế với triển vọng gia tăng dòng vốn FDI vào Việt Nam cũng như thúc đẩy hoạt động thương mại của Việt Nam với khu vực và quốc tế sẽ thúc đẩy nhu cầu bảo hiểm.

Bộ Tài chính tiếp tục rà soát, triển khai xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách như chuẩn bị các điều kiện cần thiết tiếp tục triển khai hoàn thiện bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe cơ giới, chính sách bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, nghiên cứu triển khai các sản phẩm mới như bảo hiểm xây dựng bắt buộc, bảo hiểm trách nhiệm khám chữa bệnh (từ 1/1/2016), bảo hiểm tài sản công… mở ra nhiều cơ hội cho các DNBH.

Năm 2016 cũng là năm đầu thực hiện Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm giai đoạn 2016- 2020 với trọng tâm tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến bảo hiểm, tiếp tục duy trì đà tăng trưởng an toàn, hiệu quả; nâng cao năng lực cạnh tranh của DNBH hướng tới chuẩn mực quốc tế trước thềm hội nhập.

LĨNH VỰC BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ

Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ dự báo tiếp tục hồi phục theo đà hồi phục của nền kinh tế. Động lực tăng trưởng chính của thị trường tiếp tục là các nghiệp vụ bán lẻ bao gồm bảo hiểm xe cơ giới và SKCN. Năm 2016 triển khai bảo hiểm xây dựng bắt buộc, bảo hiểm trách nhiệm khám chữa bệnh (từ 1/1/2016), tăng phí bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ xe cơ giới… dự báo cũng góp phần gia tăng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường.

Đa dạng hóa kênh phân phối tiếp tục là chiến lược cạnh tranh chính. Bên cạnh kênh đại lý, các doanh nghiệp đa dạng hóa các đối tác hợp tác để mở rộng kênh phân phối, kênh bancasurance và trực tuyến sẽ là 2 kênh phân phối mới ngày càng được chú trọng. Việc phát triển sản phẩm chuyên biệt theo kênh phân phối cũng được các DNBH tập trung phát triển.

Dự báo thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng khoảng 18% trong năm 2016.

LĨNH VỰC BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Thị trường bảo hiểm nhân thọ dự báo duy trì đà tăng trưởng cao nhờ những động lực bền vững về dân số, xã hội, nhận thức về nhu cầu bảo vệ và thu nhập của người dân đang tăng lên. Trong bối cảnh mặt bằng lãi suất thấp, xu hướng khách hàng ngày càng ưa chuộng kênh đầu tư thông qua mua sản phẩm bảo hiểm nhân thọ để thay thế cho các kênh đầu tư khác.

Chiến lược cạnh tranh chính của các doanh nghiệp tiếp tục tập trung vào đa dạng hóa kênh phân phối và phát triển sản phẩm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Các DN dẫn đầu cạnh tranh giành thị phần KTM thông qua chiến lược đại lý, truyền thông, tiếp cận và chăm sóc khách hàng.

Động lực mới cho tăng trưởng của thị trường trong năm 2016 tập trung vào các dịch vụ sau bán hàng, bảo hiểm nhóm đối với doanh nghiệp, phát triển thêm các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe và y tế. Bảo hiểm hưu trí tự nguyện có nhiều tiềm năng tăng trưởng

Năm 2016, dự báo tổng doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ tăng trưởng khoảng 25%.

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ- NGÂN HÀNG

Trong năm 2016, NHNN đưa ra chính sách lãi suất thận trọng phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, lạm phát, thị trường tiền tệ nhằm mục tiêu ổn định thị trường, thanh khoản, tỷ giá, ổn định lãi suất, tăng trưởng tín dụng (mục tiêu là 18-20%). NHNN sẽ cố gắng giảm lãi suất cho vay trung và dài hạn thêm 0,3–0,5%/năm.

Chính sách tỷ giá điều hành theo hướng chủ động hơn thông qua áp dụng cơ chế tỷ giá mới (tỷ giá trung tâm) với mục tiêu xuyên suốt là ổn định thị trường, giảm tình trạng đô la hóa, bổ sung dự trữ ngoại hối và hỗ trợ xuất khẩu.

Năm 2016, tín dụng duy trì đà tăng trưởng nhanh, tiến trình tái cơ cấu và xử lý nợ xấu được đẩy mạnh, các NH tiếp tục phải trích lập dự phòng rủi ro, thanh khoản của hệ thống ngân hàng dự báo không còn dồi dào như 2015.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Kỳ vọng từ các chính sách của Chính phủ để thúc đẩy sự phát triển của TTCK. Theo lộ trình trong quý I/2016, Thông tư hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có đảm bảo sẽ được ký ban hành, đây là một trong những sản phẩm được thị trường chờ đợi do phù hợp với đối tượng là nhà đầu tư cá nhân và mang lại nguồn thu mới cho các CTCK. Thông tư 203/2015/TT-BTC hướng dẫn giao dịch trên TTCK với nội dung nổi bật là tạo khung pháp lý cho hoạt động mua bán T0 và bán cổ phiếu chờ về tài khoản của nhà đầu tư sẽ giúp tăng vòng quay đầu tư và cải thiện thanh khoản cho thị trường.

Bên cạnh đó, danh sách ngành nghề được mở room cũng sẽ sớm được Bộ Kế hoạch & Đầu tư công bố trong năm 2016 kỳ vọng sẽ thu hút mạnh được luồng vốn từ nhà đầu tư nước ngoài nếu các nội dung cụ thể trong danh sách cho thấy Chính phủ thực sự cởi mở trong chính sách thu hút vốn FII.

Ký kết các hiệp định thương mại tự do sẽ mở ra cho tất cả các thành phần của nền kinh tế nói chung và trực tiếp nhất là các doanh nghiệp xuất khẩu như dệt may, da giày, nông sản. Bên cạnh đó, làn sóng chuyển dịch đầu tư, cơ sở sản xuất của các doanh nghiệp FDI sẽ tạo

điều kiện thuận lợi cho các nhóm ngành phụ trợ, logistics và hạ tầng khu công nghiệp.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Nguồn cung dự báo dồi dào trong năm 2016 khi kế hoạch phát hành TPCP năm 2016 là 250.000 tỷ đồng. Kỳ hạn phát hành đa dạng hơn năm 2015. Năm 2016 sẽ ra mắt sản phẩm mới - trái phiếu không trả lãi định kỳ (zero-coupon)- làm đa dạng hóa sản phẩm trên thị trường sơ cấp, giúp nhà đầu tư có thêm lựa chọn để thực hiện đầu tư và giảm thiểu rủi ro.

TPCP kỳ hạn 3Y và 5Y nhiều khả năng tiếp tục nhận được sự quan tâm của thị trường. Cùng với mặt bằng lãi suất hiện đang ở mức đáp ứng được kỳ vọng của thị trường, thị trường sơ cấp dự báo sẽ sôi động hơn trong năm tới. Thị trường TPDN tiếp tục sôi động với nhiều đối tượng và phương thức cấu trúc phát hành mới được triển khai.

THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Năm 2016, kinh tế vĩ mô Việt Nam tiếp tục dự báo ổn định, là tiền đề quan trọng cho tăng nhu cầu có khả năng chi trả về bất động sản của người dân là một yếu tố quan trọng giúp thị trường bất động sản duy trì được đà hồi phục.

Điểm hỗ trợ tiếp theo chính là tác động của các chính sách mới liên quan đến Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Nhà ở sửa đổi đã có hiệu lực từ 1/7/2015. Với chính sách mới này, sở hữu bất động sản của nhà đầu tư nước ngoài, người Việt Nam mang quốc tịch nước ngoài sẽ thông thoáng hơn. Mỗi năm, dòng kiều hối về Việt Nam rất lớn, chính sách mới sẽ mở đường cho sở hữu bất động sản của người nước ngoài tại Việt Nam.

Trong khi đó, việc Việt Nam tham gia và ký kết các hiệp định thương mại tự do sẽ tạo cơ hội thu hút dòng vốn nước ngoài, kéo theo nhu cầu bất động sản, bao gồm bất động sản khu công nghiệp, nhà ở và nghỉ dưỡng tăng cao.

THÁCH THỨC

KINH TẾ VĨ MÔ

Mặc dù bức tranh kinh tế 2016 dự báo có nhiều điểm tích cực hơn năm 2015 song khó khăn, thách thức của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2016 vẫn còn nhiều. Theo World Bank, năm 2016 sự phục hồi mong manh của kinh tế toàn cầu với các xu hướng trái chiều vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro đặc biệt là ảnh hưởng từ nền kinh tế Trung Quốc đang suy yếu, đồng nghĩa với sức cầu thế giới có thể giảm thêm và tác động đến hoạt động xuất khẩu của Việt Nam. Trong nước, sức ép đối với tỷ giá và lãi suất vẫn lớn trong năm 2016 cùng với áp lực nợ công gia tăng hạn chế khả năng giảm thuế cũng như tăng chi đầu tư của NSNN và ảnh hưởng của kinh tế.

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM

Thị trường bảo hiểm năm 2016 sẽ đối mặt không ít thách thức, nhất là những thách thức từ hội nhập. Các DNBH trong nước sẽ phải đối mặt với cạnh tranh ngày càng tăng cao do sự tham gia sâu hơn vào thị trường bảo hiểm Việt Nam của các nhà đầu tư quốc tế, trong đó có các nhà đầu tư từ thị trường ASEAN, đi kèm theo đó là sự chuyên nghiệp hóa trong các kênh phân phối, đa dạng hóa sản phẩm bảo hiểm và dịch vụ khách hàng. Trong khi đó, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin của các DNBH Việt Nam còn thấp, đầu tư phát triển công nghệ hạn chế. Yêu cầu hoàn thiện khung pháp lý cho thị trường bảo hiểm để đáp ứng các cam kết hội nhập đòi hỏi các DN bảo hiểm trong nước phải tự rà soát, điều chỉnh các quy trình kinh doanh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả hoạt động. Bên cạnh đó, tình trạng trục lợi bảo hiểm (đặc biệt trong bảo hiểm phi nhân thọ như bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm sức khỏe), cạnh tranh không lành mạnh giữa các DNBH, hạn chế về nguồn nhân lực chất lượng cao… vẫn là những vấn đề tồn đọng của thị trường, gây khó khăn cho hoạt động của các DNBH. Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô còn nhiều khó khăn và cạnh tranh gia tăng, các DNBH cần tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu, nâng cao năng lực cạnh tranh và năng lực quản lý để đạt được tăng trưởng hiệu quả và bền vững.

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ NGÂN HÀNG

Các yếu tố hỗ trợ cho chính sách điều hành tiền tệ hiện tại của NHNN đang trở nên khó khăn hơn (rủi ro lạm phát tăng, tăng trưởng tín dụng cao hơn, sức ép tỷ giá lớn hơn…).

Dự báo mặt bằng lãi suất trên thị trường LNH trong năm 2016 sẽ chịu nhiều áp lực tăng cho các kỳ hạn. NHNN sẽ vẫn điều tiết chủ động để duy trì mặt bằng lãi suất ổn định. Lãi suất LNH vẫn phụ thuộc vào một số nhân tố chính như biến động tỷ giá, chính sách lãi suất của FED và tăng trưởng tín dụng. Lãi suất huy động nhiều khả năng cũng sẽ tăng trở lại nhưng mức tăng không nhiều.

Thị trường ngoại hối năm 2016 còn tiềm ẩn nhiều rủi ro biến động, áp lực phá giá tiếp tục hiện hữu trong cả năm 2016. Tỷ giá là yếu tố trọng tâm cần theo dõi.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Xét về tổng thể, thị trường chứng khoán 2016 vẫn tiếp tục chịu những tác động từ các rủi ro vĩ mô của kinh tế thế giới và kinh tế trong nước (nợ xấu cao, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phục hồi chậm…). Dòng tiền khối ngoại có thể sẽ bị co hẹp. Mặt bằng lãi suất trong xu hướng tăng gây áp lực suy giảm dòng tiền vào TTCK. Biến động tỷ giá là một trong những yếu tố có ảnh hưởng khá lớn đến diễn biến TTCK Việt Nam trong các năm gần đây. Khối ngoại thường có động thái giao dịch theo chiều hướng tiêu cực khi tỷ giá có xu hướng điều chỉnh.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Lượng trái phiếu đáo hạn trong năm 2016 khoảng 150.000 tỷ đồng. Để tài trợ cho các nhu cầu đầu tư phát triển và trả nợ TP đến hạn, nhu cầu phát hành TPCP của Việt Nam trong năm 2016 dự kiến sẽ tối thiểu mức kế hoạch năm 2015 khoảng 250.000 tỷ đồng/năm. Với nguồn cung trái phiếu lớn như vậy, để phát hành thành công, lãi suất TPCP có thể tăng trở lại. Xu hướng lãi suất này sẽ tác động đến cơ hội đầu tư mới của DNBH.

THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Thị trường bất động sản dự báo chưa thể có sự đột phá trong bối cảnh kinh tế chung năm 2016 vẫn còn tiềm ẩn rủi ro. Nguy cơ xảy ra bong bóng bất động sản vẫn ở mức cao. Mất cân đối nguồn cung khi thị trường đang có sự tăng trưởng nguồn cung rất lớn ở phân khúc bất động sản cao cấp nhưng lại thiếu nguồn cung nhà ở xã hội, nhà ở thương mại quy mô vừa và nhỏ với giá bán hợp túi tiền, căn hộ cho thuê giá rẻ… đáp ứng nhu cầu thật đang rất lớn của những người thu nhập trung bình, thấp ở đô thị.

CHINH PHỤC MỤC TIÊU DOANH THU 1 TỶ USD

Mục tiêu và định hướng kinh doanh toàn Tập đoàn năm 2016

Năm 2016, nền kinh tế Việt Nam được dự báo tiếp tục phục hồi và bắt đầu chu kỳ tăng trưởng mới tuy nhiên vẫn còn tiềm ẩn nhiều khó khăn, thách thức. Trong đó, thách thức lớn với các doanh nghiệp trong nước nói chung và Tập đoàn Bảo Việt nói riêng là sức ép cạnh tranh ngày càng tăng của thị trường về nguồn nhân lực cấp cao, nguồn vốn, năng lực quản trị, thách thức duy trì đà tăng trưởng bền vững và tìm kiếm động lực tăng trưởng mới.

Trong bối cảnh đó, nhận thức rõ những khó khăn, thách thức, đánh giá đúng điểm mạnh yếu, tiềm năng phát triển của Bảo Việt, Tập đoàn đã xây dựng chiến lược phát triển cho giai đoạn 2016-2020 với mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai, hướng tới tầm nhìn năm 2025 của Bảo Việt là "Giữ vững vị thế Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, tiềm lực tài chính mạnh, tăng trưởng bền vững, hiệu quả".

Từng bước thực hiện chiến lược đã đề ra, trong năm 2016, Tập đoàn đặt mục tiêu Doanh thu hợp nhất cán mốc 1 tỷ USD, tăng trưởng 8,2% so với năm 2015. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất ước đạt 1.190 tỷ đồng, tăng 1,3% so với thực hiện năm 2015.

Tổng doanh thu Công ty Mẹ năm 2016 dự kiến đạt xấp xỉ 1.398 tỷ đồng; tăng 6,2% so với thực hiện năm 2015. Lợi nhuận sau thuế phấn đấu đạt mức 1.005 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ Công ty Mẹ dự kiến ở mức 14,8%. Với tỷ suất lợi nhuận này, Tập đoàn Bảo Việt hướng tới đầu tư cho nền tảng nhằm phát triển doanh nghiệp cũng như mang lại lợi ích lâu dài và bền vững cho cổ đông.

Các giải pháp trọng tâm năm 2016

Với phương châm "đầu tư chiều sâu vì sự phát triển bền vững", Bảo Việt đã cụ thể hóa kế hoạch 2016 bằng các giải pháp đầu tư mạnh mẽ vào việc tăng cường năng lực tài chính các đơn vị thành viên, chuyển đổi mô hình đầu tư, chuyển đổi cách tiếp cận về quản trị chiến lược, thương hiệu và đặc biệt là đầu tư công nghệ thông tin để tạo bứt phá trên mọi mặt hoạt động.

Theo đó, Tập đoàn Bảo Việt sẽ tập trung nguồn lực lớn trong năm 2016 để tăng cường đầu tư chiều sâu với trọng tâm bao gồm các lĩnh vực sau:

- Hoàn thành việc xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020 và đề án tái cấu trúc đã được Bộ Tài chính phê duyệt.
- Tăng cường năng lực tài chính cho Tập đoàn và các đơn vị thành viên nhằm nâng cao năng lực kinh doanh của toàn hệ thống.
- Quản trị doanh nghiệp: Hoàn thiện hệ thống quy định về cơ chế quản trị nội bộ trong Tập đoàn; nâng cao hiệu quả các hoạt động kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro, tuân thủ trên toàn hệ thống, củng cố và nâng cao năng lực quản trị của Công ty mẹ xuyên suốt, nhất quán tới các đơn vị thành viên trong toàn hệ thống để đảm bảo sự thống nhất các mục tiêu, định hướng chiến lược của Tập đoàn.
- Đẩy mạnh đầu tư vào hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin theo chuẩn quốc tế, đảm bảo đồng bộ, hiện đại, hiệu quả và an toàn nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu kinh doanh của toàn hệ thống cũng như tăng cường năng lực quản trị điều hành tập trung xuyên suốt từ Tập đoàn tới các đơn vị thành viên trong thời đại kinh doanh công nghệ số.
- Đẩy mạnh thực hiện Đề án Hợp lực Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt nhằm tối ưu hóa nguồn lực, phát huy sức mạnh tổng thể, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng nhanh và bền vững trong tương lai.
- Mở rộng quy mô mạng lưới kinh doanh: Phát triển kênh phân phối, mở rộng hệ thống đại lý, tư vấn viên; nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mới; Phát triển thương hiệu Bảo Việt thống nhất, chuyên nghiệp và hiện đại trong cung cấp dịch vụ, sản phẩm.
- Phát triển nguồn nhân lực: Đầu tư cho công tác đào tạo gắn với công tác quản trị nguồn nhân lực trong toàn hệ thống.
- Thực hiện các mục tiêu xã hội và môi trường, gắn kết trong hoạt động kinh doanh, bao gồm: Thực hiện trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động: Đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ; Phát triển cộng đồng địa phương; tri ân người có công, xóa đói giảm nghèo; Đầu tư có trách nhiệm, nghiên cứu phát triển các sản phẩm xanh; Cung cấp các sản phẩm hưu trí tự nguyện kết hợp các lợi ích bảo vệ, tích lũy, đảm bảo sự an tâm cho người lao động khi về già; Phát triển các sản phẩm y tế, chăm sóc sức khỏe phục vụ nhu cầu ngày càng gia tăng của xã hội.
- Định hướng giảm tỷ trọng đầu tư vào lãi suất cố định, gia tăng đầu tư vào các tài sản tăng trưởng có hiệu quả cao hơn và có tiềm năng mang lại giá trị cao hơn trong tương lai. Trong đó, đối với danh mục lãi suất cố định thì duy trì đầu tư tiền gửi ở mức hợp lý nhằm đảm bảo nhu cầu thanh toán ngắn hạn, cân đối nguồn tiền với nghĩa vụ trả nợ, đẩy mạnh hoạt động đầu tư trái phiếu; đối với danh mục đầu tư cổ phần góp vốn thì tập trung nguồn lực ưu tiên cho lĩnh vực truyền thống của Tập đoàn đồng thời phát triển thêm những lĩnh vực được đánh giá có tiềm năng để tận dụng xu hướng hồi phục của nền kinh tế. Một số điểm chính trong định hướng chiến lược đầu tư của Tập đoàn năm 2016 như sau: Hoạt động đầu tư chuyên nghiệp, quản lý đầu tư thống nhất; Lĩnh vực kinh doanh truyền thống đóng vai trò cốt lõi và Cơ cấu lại danh mục đầu tư

Trong giai đoạn 2011 - 2015, tình hình kinh tế vĩ mô bất ổn, thị trường tài chính có nhiều biến động, vì vậy để đảm bảo an toàn danh mục, đảm bảo hoàn thành nghĩa vụ đối với khách hàng và quyền lợi của cổ đông, Tập đoàn Bảo Việt tập trung đầu tư vào các sản phẩm lãi suất cố định (khoảng 90% tổng danh mục). Hiện nay, các yếu tố vĩ mô đã được cải thiện, nền kinh tế được đánh giá đã bước đầu thoát đáy, Tập đoàn Bảo Việt định hướng dịch chuyển nguồn vốn vào các tài sản có tiềm năng tăng trưởng cao thuộc các lĩnh vực Việt Nam có lợi thế nhưng vẫn đảm bảo yếu tố quản trị rủi ro:

- Duy trì tỷ trọng đầu tư tiền gửi ở mức hợp lý, đảm bảo an toàn nguồn vốn, có dòng thu nhập ổn định, đáp ứng các nghĩa vụ nợ, đảm bảo nhu cầu bổ sung vốn cho các Công ty con và phục vụ các mục tiêu ngắn hạn;
- Gia tăng tỷ trọng đầu tư vào các lĩnh vực Việt Nam có lợi thế và thế mạnh sau khi hội nhập TPP, AEC. Đây sẽ là các khoản đầu tư mang tính chất trung hạn của Tập đoàn Bảo Việt;
- Thanh hoán các khoản đầu tư có hiệu quả thấp, các khoản đầu tư không nằm trong định hướng chiến lược của Tập đoàn và các khoản đầu tư nhỏ lẻ để cải thiện hiệu quả danh mục, tập trung nguồn lực cho các khoản đầu tư chiến lược.

2016 là năm tiền đề thực hiện chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020 của Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt. Do đó, để đạt được các mục tiêu phát triển trong các năm tiếp theo, Tập đoàn và các Đơn vị thành viên cùng đồng lòng, quyết tâm thực hiện thành công những mục tiêu kinh doanh, chuẩn bị các nguồn lực cần thiết để tạo đà phát triển mạnh trong năm 2016 và phát triển bền vững trong tương lai.

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2016

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BỀN VỮNG

Mục tiêu
- Đảm bảo tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận
- Đảm bảo quyền lợi cho cổ đông theo cam kết
- Duy trì vị trí TOP1000 Doanh nghiệp đóng thuế nhiều nhất
- Giảm thiểu 10% chi phí hoạt động

Giải pháp
- Chú trọng đẩy mạnh đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ tài chính, phù hợp với nhu cầu người dân
- Tập trung triển khai đẩy mạnh bán hàng và thúc đẩy tăng trưởng doanh thu
- Đảm bảo lợi nhuận để chi trả cổ tức cho cổ đông
- Tập trung phát triển 3 lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là bảo hiểm - đầu tư - dịch vụ tài chính
- Tăng cường, phát huy sức mạnh tổng lực của Tập đoàn

XÂY DỰNG XÃ HỘI BỀN VỮNG

Mục tiêu
- Phát triển gói sản phẩm dịch vụ tài chính – bảo hiểm mới đảm bảo lợi ích cho nhà đầu tư, khách hàng, cộng đồng
- Dành hơn 30 tỷ đồng đầu tư cho hoạt động cộng đồng nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân các vùng khó khăn
- Đảm bảo lợi ích và môi trường làm việc cho người lao động, đời sống và thu nhập cho tư vấn viên và sự gắn bó lâu dài

Giải pháp
- Triển khai Bảo hiểm hưu trí tự nguyện; đẩy mạnh bảo hiểm thủy sản hỗ trợ ngư dân bám biển
- Ngoài các hoạt động xóa ng-hèo theo NQ30A của Chính phủ, dành ngân sách 1% lợi nhuận sau thuế cho các hoạt động cộng đồng khác như đầu tư cho thế hệ trẻ, khắc phục hậu quả thiên tai và tri ân anh hùng liệt sỹ
- Đầu tư cho công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; Hoàn thiện cơ chế đánh giá và trả lương theo hiệu quả; Đẩy mạnh văn hóa doanh nghiệp, gắn kết người lao động

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG

Mục tiêu
- Giảm 5% lượng xăng và điện tiêu thụ
- Tăng tỷ lệ rà soát và thỏa thuận về môi trường xã hội với nhà cung cấp và dự án đầu tư lên 10%
- Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững: áp dụng 100% chỉ tiêu đo lường năng lượng và nước tiêu thụ trên toàn hệ thống.

Giải pháp
- Giảm phát khí thải nhà kính thông qua giảm tiêu thụ năng lượng các tòa nhà văn phòng
- Tiết kiệm văn phòng phẩm, giảm thiểu rác thải trong văn phòng làm việc
- Triển khai các dự án trồng cây xanh

BAOVIET

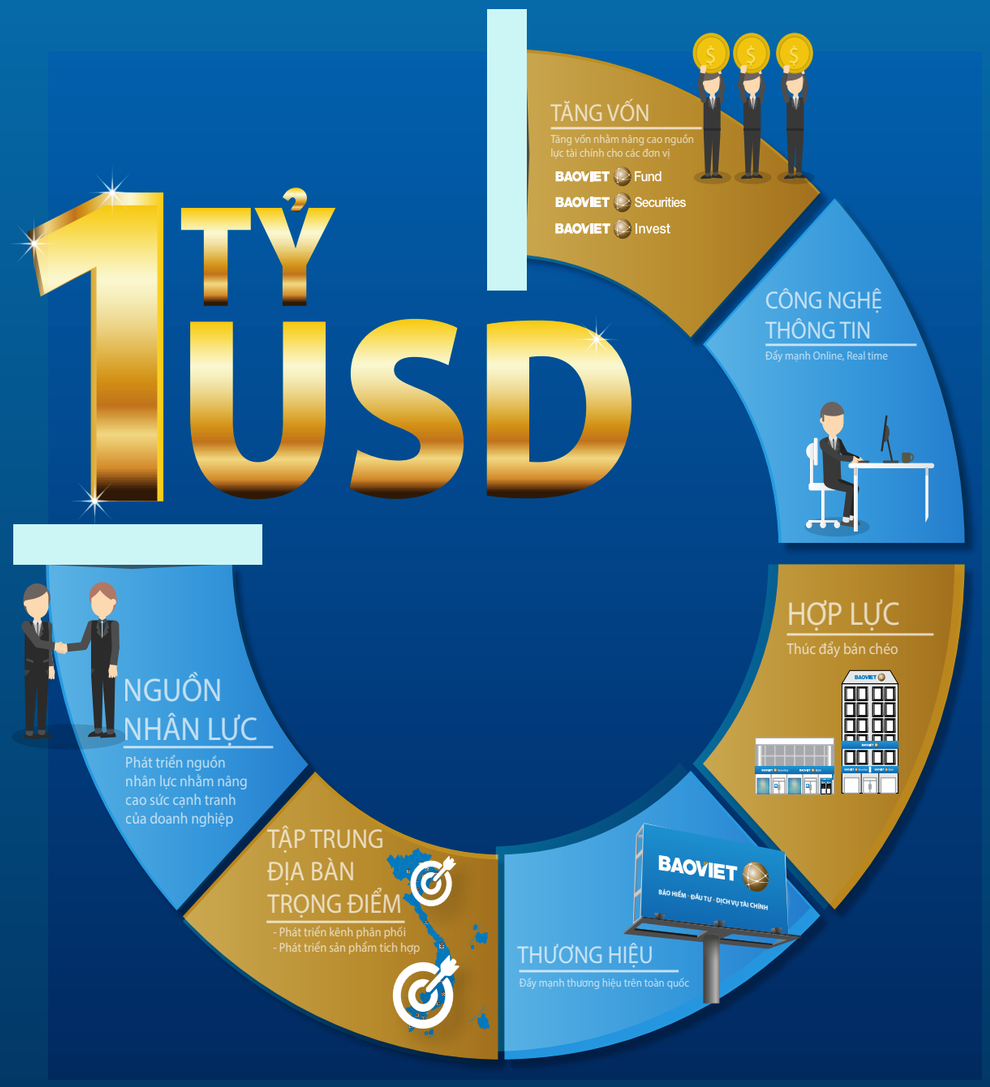

2016 TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT QUYẾT TÂM VƯỢT MỐC DOANH THU 1 TỶ USD

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG

Thông qua việc đánh giá tầm quan trọng của các vấn đề xét trong mối tương quan giữa mức độ quan tâm của các bên và mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp, Bảo Việt đã xác định mức độ ưu tiên của từng nhóm vấn đề để hoạch định chiến lược và phân bổ nguồn lực phù hợp để nắm bắt cơ hội, ứng phó với các thách thức và giảm thiểu rủi ro nhằm gia tăng giá trị doanh nghiệp và đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BAO GỒM CÁC NỘI DUNG:

- Đánh giá việc thực hiện chiến lược giai đoạn 2011-2015
- Đánh giá Ban điều hành trong điều hành hoạt động kinh doanh và thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2015
- Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu môi trường và xã hội
- Các kết quả đã đạt được và giá trị mang lại cho các bên liên quan
- Định hướng hoạt động 2016

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Chiến lược phát triển giai đoạn 2011 – 2015 được Đại hội đồng cổ đông năm 2011 thông qua, theo đó Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt triển khai kế hoạch chiến lược đến 2015 theo 3 giai đoạn:

Giai đoạn 2011-2012
Xây dựng
Một Bảo Việt - Một nền tảng mới

Tập trung xây dựng nền tảng công nghệ thông tin thống nhất, đầu tư phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, đổi mới quản trị doanh nghiệp theo thông lệ quốc tế, hoàn thiện hệ thống thương hiệu thống nhất, phát triển sản phẩm dịch vụ mới, và tăng cường năng lực tài chính.

Giai đoạn 2012-2013
Chuyển đổi
Mô hình kinh doanh

Thực hiện chuyển biến mạnh mẽ trong chất lượng dịch vụ khách hàng, chú trọng khách hàng cá nhân, cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính kết hợp, phát triển lĩnh vực kinh doanh mới, chuyên môn hóa hoạt động kinh doanh nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả và chất lượng dịch vụ khách hàng.

Giai đoạn 2013-2015
Phát huy
Sức mạnh hợp lực toàn Tập đoàn

Tạo sự chuyển biến mạnh trong tăng trưởng doanh thu, tăng cường hiệu quả và sự chuyên nghiệp của đội ngũ nhân lực, hợp tác nội bộ mạnh mẽ, khẳng định thương hiệu và chất lượng dịch vụ hàng đầu Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, mở rộng hoạt động sang thị trường khu vực

Với triển vọng kinh tế kém lạc quan hơn so với dự báo khi xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2011-2015, năm 2013 Tập đoàn Bảo Việt đã rà soát, điều chỉnh lại các mục tiêu chiến lược giai đoạn 2011-2015 cho phù hợp với thực tế thị trường và hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, cụ thể như sau: Tổng tài sản hợp nhất toàn Tập đoàn đến năm 2015 là 50.000 tỷ đồng; Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn đến năm 2015 là 23.000 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế hợp nhất toàn Tập đoàn đến năm 2015 là 1.800 tỷ đồng Bên cạnh đó, cùng với chủ trương tái cơ cấu của Chính phủ, Tập đoàn Bảo Việt đã xây dựng Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt và bắt đầu triển khai từ tháng 7 năm 2013. Các định hướng chính trong Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt giai đoạn 2013-2015

Chiến lược vốn: bám sát chiến lược ngành nghề, tăng cường năng lực tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Bảo Việt - để tài trợ vốn mở rộng hoạt động kinh doanh cho các đơn vị thành viên.

Quản trị doanh nghiệp: hoàn thiện mô hình Tập đoàn (công ty mẹ - công ty con), từng bước nâng cao vai trò của Công ty mẹ trong điều phối hạt nhân, kết nối các đơn vị thành viên trong cả hệ thống Tập đoàn.

Mô hình kinh doanh: định hướng tập trung hóa các hoạt động hỗ trợ kinh doanh và phân tán hoạt động khai thác, bán hàng, dịch vụ khách hàng.

Hợp lực toàn Tập đoàn: tăng cường bán chéo sản phẩm, hợp tác nội bộ, phát triển các Trung tâm giao dịch tài chính của Tập đoàn Bảo Việt tại các địa bàn trọng điểm.

CÁC GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM ĐÃ THỰC HIỆN

Các giai đoạn chiến lược	Giải pháp đã thực hiện
Giai đoạn 1 (2011 – 2012): Xây dựng "Một Bảo Việt, Một nền tảng mới"	Trong giai đoạn xây dựng nền tảng, Bảo Việt đã tập trung thực hiện các giải pháp sau: • Xây dựng được mô hình quản trị doanh nghiệp tiên tiến theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con; • Hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin; • Xây dựng hệ thống quản trị nguồn nhân lực theo thông lệ quốc tế; • Đổi mới thương hiệu theo hướng năng động hơn, hiện đại hơn; • Tăng cường tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật từ cổ đông chiến lược nước ngoài (HSBC Insurance);
Giai đoạn 2 (2012 – 2013): Chuyển đổi mô hình kinh doanh	Trong giai đoạn này, Bảo Việt tập trung đổi mới mô hình kinh doanh; phát triển sản phẩm dịch vụ tài chính trọn gói, tận dụng cơ hội mới trong từng lĩnh vực kinh doanh, bao gồm: ***Lĩnh vực Bảo hiểm*** • Đẩy mạnh quá trình chuyển đổi mô hình từ mô hình kinh doanh phân tán sang tập trung; nâng cao chất lượng kênh phân phối, phát triển các kênh phân phối mới như kênh call center, bancassurance; • Triển khai nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, đón đầu nhu cầu tiềm năng của khách hàng (sản phẩm Bảo hiểm hưu trí tự nguyện). ***Lĩnh vực Đầu tư*** • Đẩy mạnh quản lý rủi ro đối với hoạt động đầu tư ở công ty mẹ và các đơn vị thành viên • Tích cực nghiên cứu triển khai các sản phẩm mới như quỹ mở, quỹ chỉ số, quỹ bất động sản, (quỹ mở BVFED ra mắt thị trường năm 2014) ***Lĩnh vực Dịch vụ tài chính*** • Đầu tư nâng cấp hệ thống CNTT, nâng cao chất lượng đội ngũ môi giới chứng khoán; mở rộng mạng lưới kênh phân phối trong cả nước • Tăng cường quản trị tập trung các nghiệp vụ có tính rủi ro cao, quản lý danh mục đầu tư với ưu tiên tiêu chí an toàn và chủ động điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp với thị trường.
Giai đoạn 3 (2013 – 2015): Phát huy sức mạnh tổng thể	Bảo Việt đã tiến hành rà soát và điều chỉnh chiến lược phát triển đến 2015, tập trung hơn vào lĩnh vực kinh doanh truyền thống cốt lõi bảo hiểm và đẩy mạnh hợp lực Tập đoàn. Các ĐVTV của Tập đoàn Bảo Việt đã đẩy mạnh nâng cao chất lượng DVKH, phát triển đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, bước đầu phát triển sản phẩm DVTC trọn gói, tận dụng cơ hội mới trên thị trường. Năm 2015, Tập đoàn Bảo Việt cùng các ĐVTV đẩy mạnh hợp lực toàn Tập đoàn nhằm khơi thông nguồn lực, phát huy sức mạnh tổng thể, tạo nên sức mạnh mới cho Bảo Việt bước vào giai đoạn 2016 - 2020. Cũng trong giai đoạn này, Bảo Việt thực hiện Đề án tái cơ cấu theo định hướng của Chính phủ: tiếp tục phát triển mô hình Tập đoàn tài chính - bảo hiểm dựa trên 3 trụ cột: Bảo hiểm, Đầu tư, Dịch vụ Tài chính với việc thực hiện các giải pháp chiến lược trọng tâm sau: • Chiến lược ngành nghề: định hướng tiếp tục phát triển dựa trên mô hình Tập đoàn bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính nhằm tận dụng lợi thế về thương hiệu và tối ưu hóa các nguồn lực con người, vốn, công nghệ, phát huy sức mạnh hợp lực Tập đoàn. • Chiến lược vốn: Tăng cường năng lực tài chính, mở rộng hoạt động kinh doanh thông qua các kế hoạch tăng vốn điều lệ cho công ty mẹ và các đơn vị thành viên; Nâng cao hiệu quả đầu tư thông qua việc rà soát và phân bổ lại danh mục đầu tư theo nguyên tắc và điều kiện thị trường. • Quản trị doanh nghiệp: Xây dựng mô hình quản trị theo thông lệ quốc tế của các Tập đoàn tài chính trên thế giới, theo mô hình Công ty Mẹ nắm vốn (holdings) - Công ty con; Tăng cường vai trò của Công ty mẹ, tăng cường hợp lực giữa các ĐVTV; Tăng cường vai trò kiểm soát nội bộ: Ban Kiểm soát, Kiểm toán nội bộ, QLRR, tuân thủ.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Mặc dù môi trường kinh doanh có nhiều khó khăn, đem lại thách thức không nhỏ trong việc triển khai kế hoạch chiến lược, song Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên đã nỗ lực phấn đấu thực hiện các mục tiêu chiến lược trong giai đoạn 2011 – 2015. Kết thúc năm 2015, về cơ bản, Tập đoàn Bảo Việt thành công trong việc đổi mới toàn diện trên mọi lĩnh vực, khẳng định và duy trì các lợi thế cạnh tranh trên thị trường Việt Nam về đội ngũ nhân sự hơn 70.000 nghìn cán bộ, đại lý và tư vấn viên, thương hiệu uy tín hàng đầu Việt Nam, cơ sở khách hàng lớn, mạng lưới phân phối rộng khắp với hơn 160 chi nhánh và 700 điểm phục vụ bảo hiểm, cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính về bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán và quản lý quỹ.

Đối với mục tiêu định lượng

Tổng tài sản hợp nhất Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt thực hiện cuối năm 2015 đạt 58.553 tỷ đồng.

Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn thực hiện cuối năm 2015 đạt 20.789 tỷ đồng.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất toàn Tập đoàn thực hiện cuối năm 2015 đạt 1.175 tỷ đồng.

Đối với mục tiêu định tính

Chiến lược ngành nghề: Tập đoàn Bảo Việt luôn bám sát định hướng chiến lược ngành nghề, củng cố vị trí hàng đầu trong các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, khẳng định vị thế dẫn dắt thị trường bảo hiểm và lợi thế cạnh tranh trong các lĩnh vực dịch vụ tài chính.

Chiến lược vốn: Tập đoàn Bảo Việt đã tập trung tăng cường năng lực tài chính cho lĩnh vực bảo hiểm, và đã bổ sung thêm vốn điều lệ cho Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ và Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt lên mức 2.000 tỷ đồng vào năm 2013 - trở thành hai doanh nghiệp bảo hiểm có mức vốn điều lệ lớn nhất thị trường tại thời điểm đó. Với nguồn vốn tăng thêm, 02 Tổng Công ty đảm bảo biên khả năng thanh toán, mở rộng hoạt động kinh doanh, phát triển sản phẩm mới, đầu tư công nghệ thông tin thúc đẩy hoạt động bán hàng và dịch vụ khách hàng. Năm 2015, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ nhằm đổi mới và nâng cấp phần mềm công nghệ thông tin hiện đại, đạt chuẩn quốc tế, phát huy tối đa vai trò trụ cột trong hoạt động đầu tư toàn Tập đoàn.

Mô hình kinh doanh: trên cơ sở định hướng tập trung hóa các hoạt động hỗ trợ kinh doanh và đẩy mạnh các hoạt động khai thác, bán hàng, dịch vụ khách hàng, Tập đoàn Bảo Việt đã chỉ đạo các Đơn vị thành viên đẩy mạnh triển khai mô hình tập trung hóa. Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ là đơn vị đi đầu, đã triển khai thành công mô hình quản lý tập trung, hoàn thiện hệ thống quy trình, sắp xếp và đào tạo nhân sự, xây dựng tổ chức có khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi, đồng thời ưu tiên nguồn lực phát triển lực lượng bán hàng và dịch vụ khách hàng tại tất cả các công ty thành viên. Các yếu tố nền tảng về công nghệ, con người và thương hiệu tiếp tục được hoàn thiện và củng cố. Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi mô hình theo định hướng tập trung hóa trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại.

Quản trị doanh nghiệp: Trong năm 2013-2015, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp, bổ sung hoàn thiện hệ thống quy định về cơ chế quản trị xuyên suốt toàn Tập đoàn, tăng cường vai trò của Công ty Mẹ, tăng cường phối hợp liên kết giữa các đơn vị thành viên, hoàn thiện bộ máy tổ chức và giảm thiểu chồng chéo trong bộ máy quản trị, quản lý trong toàn hệ thống. Trong năm 2014, Tập đoàn Bảo Việt và các Đơn vị thành viên đã kiện toàn đội ngũ lãnh đạo cấp cao giàu kinh nghiệm, tâm huyết và năng lực chuyên môn cao, là bước tạo đà cho sự phát triển bền vững của Bảo Việt trong tương lai.

Hợp lực toàn Tập đoàn: Kể từ năm 2015, Tập đoàn Bảo Việt cùng các đơn vị thành viên chính thức triển khai Đề án hợp lực xuyên suốt toàn Tập đoàn với 04 trọng tâm hợp lực trong hoạt động Đầu tư, Bán chéo sản phẩm và dịch vụ nội bộ, Hoạt động hỗ trợ và Xây dựng cơ sở dữ liệu khách hàng chung. Mục tiêu của Đề án nhằm khơi thông nguồn lực, phát huy sức mạnh tổng thể từ đó tạo nên sức mạnh mới cho Bảo Việt khi bước vào giai đoạn chiến lược 2016-2020.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG NĂM 2015

Năm 2015, trên cơ sở khơi thông và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, Tập đoàn Bảo Việt đã đạt tăng trưởng ổn định về doanh thu và lợi nhuận, hoàn thành kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.

Từ tháng 4/2015, tổ chức bộ máy điều hành tại Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt đã được tái cơ cấu (từ 08 Khối chức năng và tương đương thành 04 Khối chức năng và 02 Trung tâm) nhằm đảm bảo tính gọn nhẹ, hiệu quả, liên thông, tập trung đầu mối; tăng cường chuyên môn hóa, hợp lý hoá và hiệu quả trong quản trị, rõ ràng trong cơ chế báo cáo, rút ngắn thời gian ra quyết định để phù hợp với đòi hỏi ngày càng cao của thị trường. Song song với việc tái cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự tham gia Ban Điều hành cũng được kiện toàn nhằm nâng cao năng lực quản lý, điều hành trong các lĩnh vực Quản lý Hoạt động, Quản lý Tài chính, Chiến lược và Đầu tư, ...tại Tập đoàn Bảo Việt.

Dưới sự lãnh đạo, điều hành của Tổng Giám đốc, tập thể Ban Điều hành đã thể hiện tinh thần đoàn kết, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, chuyên nghiệp và trách nhiệm cao trong công việc. Với sự nỗ lực của tập thể Ban Điều hành trong việc thực hiện quyết liệt các giải pháp chiến lược, Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch, mục tiêu mà ĐHĐCĐ đề ra.

Ban Điều hành đã hoàn thành suất sắc các nhiệm vụ được giao trong năm 2015, đồng thời tuân thủ chặt chẽ các quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo Điều lệ, quy chế Quản trị nội bộ và các quy định pháp lý hiện hành.

Về kết quả kinh doanh hợp nhất

Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn năm 2015 đạt 20.789 tỷ đồng, vượt kế hoạch 10%, tăng trưởng 9,1% so với cùng kỳ. Trong cơ cấu doanh thu, đóng góp lớn nhất là lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ với tổng doanh thu đạt 13.072 tỷ đồng trong năm 2015, chiếm tỷ trọng 62%; Lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ với tổng doanh thu đạt 6.832 tỷ đồng, đóng góp 32% vào doanh thu hợp nhất; Lĩnh vực dịch vụ tài chính và khác đã đóng góp 6% tổng doanh thu hợp nhất với 1.167 tỷ đồng.

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 1.469 tỷ đồng, bằng 102% kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 1.175 tỷ đồng, bằng 103% kế hoạch kinh doanh năm 2015. So với kế hoạch đề ra, lợi nhuận sau thuế vượt hơn 30 tỷ đồng, trong đó lợi nhuận từ mảng kinh doanh truyền thống là lĩnh vực bảo hiểm hoàn thành xuất sắc kế hoạch.

Tổng tài sản hợp nhất toàn Tập đoàn tăng mạnh, đạt 58.553 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2015, tăng 10.984 tỷ đồng (23,1%) so với thời điểm cuối năm 2014 nhờ các khoản đầu tư trái phiếu tăng đáng kể 11.385 tỷ đồng (62,6%). Đây là kênh đầu tư an toàn, đảm bảo cân đối nguồn tiền dài hạn để thực hiện cam kết với khách hàng, đồng thời cũng là kênh có lợi suất đầu tư khá cao trong năm 2015.

Về kết quả kinh doanh Công ty Mẹ

Năm 2015, Công ty Mẹ đã hoàn thành vượt kế hoạch các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông giao với mức lợi nhuận sau thuế đạt 1.002 tỷ đồng, bằng 102,3% kế hoạch năm. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ của Công ty Mẹ đạt 14,7% đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức đã cam kết với cổ đông.

Đây là kết quả đáng được ghi nhận trong bối cảnh kinh tế vĩ mô và thị trường tài chính – bảo hiểm vẫn còn nhiều thách thức.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐÃ ĐỀ RA TRONG NĂM 2015

Bên cạnh những kết quả khả quan đạt được về các chỉ tiêu kinh doanh, năm 2015, với phương châm "khơi thông mọi nguồn lực cho phát triển", Tập đoàn Bảo Việt đã quyết liệt thực hiện những giải pháp chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả của các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, tăng cường hợp tác nội bộ, nâng cao tính chuyên nghiệpkhẳng định thương hiệu và chất lượng dịch vụ hàng đầu của Bảo Việt. Các kết quả đã đạt được trong việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2015 như sau:

- **Hoàn thành đề án tái cơ cấu Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt:** với trọng tâm là đã hoàn thiện tổ chức bộ máy quản trị, điều hành, hoàn thiện hệ thống quy định về cơ chế quản trị tập trung xuyên suốt từ Tập đoàn tới các đơn vị thành viên.
- **Đã bước đầu triển khai thành công Đề án Hợp lực** Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt, được hưởng ứng sôi nổi trong toàn hệ thống, khơi thông nguồn lực và khơi dậy các tiềm năng sẵn có của Bảo Việt về con người, mạng lưới, khả năng phát triển các sản phẩm tích hợp hội tụ đặc trưng riêng có của Bảo Việt, đẩy mạnh hoạt động bán chéo giữa các đơn vị thành viên, giúp Bảo Việt phát huy sức mạnh tổng thể trên một nền tảng bền vững;
- **Về định hướng phát triển và mô hình hoạt động công nghệ thông tin (CNTT):** Tập đoàn đã hoàn thành chuyển đổi mô hình từ Khối CNTT sang Chi nhánh Trung tâm CNTT và được cấp Giấy chứng nhận hoạt động của Chi nhánh Trung tâm CNTT Tập đoàn Bảo Việt để thực hiện định hướng cung cấp dịch vụ CNTT cho toàn hệ thống Bảo Việt, tiến tới từng bước cung cấp sản phẩm, dịch vụ, giải pháp CNTT cho các khách hàng bên ngoài, qua đó tự chủ về doanh thu, chi phí, hiệu quả hoạt động, giảm dần phụ thuộc vào Công ty mẹ - Tập đoàn Bảo Việt.
- **Tái cơ cấu chiến lược đầu tư tại các đơn vị có vốn đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt:** Tập đoàn đã giảm tỷ lệ sở hữu tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt và thoái vốn tại một số hạng mục đầu tư tài chính kể từ năm 2014 và thực hiện rà soát, tái cơ cấu danh mục đầu tư trong năm 2015.
- **Quản lý rủi ro:** tăng cường quản lý rủi ro đối với hoạt động đầu tư lãi suất cố định và rủi ro nợ phí bảo hiểm; đẩy mạnh hoạt động thu hồi nợ xấu, nợ phí; tiếp tục hoàn thiện khung quản lý rủi ro đối với toàn Tập đoàn;
- **Truyền thông – thương hiệu:** đã triển khai đổi mới hình ảnh thương hiệu trên toàn quốc, mang đến hình ảnh Một Bảo Việt trẻ trung, năng động và hiện đại, gần gũi hơn với khách hàng chuyên nghiệp trong cung cấp dịch vụ, sản phẩm; đẩy mạnh triển khai nhận diện thương hiệu thống nhất trên toàn hệ thống;
- **Hợp tác với đối tác chiến lược:** Trong năm 2015, Tập đoàn Bảo Việt và cổ đông chiến lược Sumitomo Life đã ký Thỏa thuận Hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực (TSCTA) giai đoạn 3 và hiện đang triển khai các đầu mục công việc theo tiến độ;
- **Đối với hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ:** đã thực hiện đẩy mạnh quá trình chuyển đổi sang mô hình quản lý tập trung với việc áp dụng hệ thống công nghệ thông tin, kiện toàn hệ thống phân phối đại lý chuyên nghiệp để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng bền vững;
- **Đối với hoạt động bảo hiểm nhân thọ:** tiếp tục hoàn thiện mô hình quản lý tập trung; đa dạng hóa kênh phân phối; đã triển khai ra mắt sản phẩm bảo hiểm Hưu trí vững nghiệp - giải pháp bảo hiểm hưu trí tự nguyện nhóm dành cho doanh nghiệp, tổ chức giúp các doanh nghiệp, tổ chức xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp cùng một chế độ phúc lợi hấp dẫn và dài hạn nhằm gia tăng sự gắn kết của nhân viên;
- **Đối với mảng dịch vụ tài chính:** tập trung triển khai và nâng cao chất lượng dịch vụ; tích cực tìm kiếm khách hàng và mở rộng hệ thống kênh phân phối trên cơ sở tận dụng lợi thế sẵn có về hệ thống mạng lưới, nhân lực để phát huy tối đa thế mạnh tổng thể của Tập đoàn; đã ra mắt Quỹ đầu tư Giá trị Bảo Việt (BVIF);
- **Về công tác hợp tác, tham mưu chính sách cho các cơ quan, ban ngành Nhà nước:** trên cơ sở nghiên cứu chuyên sâu về thị trường bảo hiểm, tài chính, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục có những tham mưu, đề xuất hiệu quả với Bộ Tài chính trong công tác phát triển và lành mạnh hóa thị trường bảo hiểm, triển khai các sản phẩm, dịch vụ mới như: sản phẩm bảo hiểm y tế, bảo hiểm hưu trí tự nguyện...
- **Về công tác an sinh xã hội:** năm 2015, Bảo Việt đã dành 81% ngân sách cho hoạt động xóa đói giảm nghèo và đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ tập trung xóa nghèo tại hai huyện Pác Nặm (Bắc Kạn) và Quế Phong (Nghệ An) theo cam kết của Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP; đồng thời đẩy mạnh việc hợp tác với các trường đại học như Kinh tế Quốc dân, Học viện tài chính, FPT liên quan đến hoạt động trao học bổng cho học sinh xuất sắc, các chương trình liên kết nghiên cứu, đào tạo; tài trợ cuộc thi toán học dành cho trẻ em...
- **Hoạt động bảo vệ môi trường:** Đưa các quy định liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội trong việc xem xét, rà soát dự án đầu tư thông qua Quy trình đầu tư dự án và Quy trình góp vốn cổ phần; Thực hiện kiểm soát nguồn năng lượng tiêu thụ và đưa ra các sáng kiến tiết kiệm năng lượng tại văn phòng làm việc; Phân tích chất thải văn phòng nhằm hạn chế chất thải gây hại ra môi trường.

GIÁ TRỊ MANG LẠI CHO CÁC BÊN LIÊN QUAN

BÊN LIÊN QUAN	GIÁ TRỊ MANG LẠI CHO CÁC BÊN	CON SỐ NỔI BẬT
Cổ đông/Nhà đầu tư	Đạt tăng trưởng ổn định về doanh thu, lợi nhuận; dành 680 tỷ đồng chi trả cổ tức cho cổ đông (tương đương 60,68% lợi nhuận sau thuế) Giá trị thị trường của cổ phiếu BVH tăng trưởng 64%, góp phần gia tăng lợi suất đầu tư của cổ đông	Tổng doanh thu **20.783** tỷ đồng (▲9.1%) Lãi cơ bản/cổ phiếu (EPS) **1.658** đồng Giá cổ phiếu (tại 31/12/2015) **53.000** đồng (▲64%)
Khách hàng	Cung cấp danh mục sản phẩm đa dạng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, một số sản phẩm mới trong năm 2015 như: Bảo hiểm Hưu trí vững nghiệp, Bảo An Gia Đình Việt; sản phẩm Quỹ đầu tư giá trị (BVIF), Quỹ đầu tư Trái phiếu Bảo Việt (BVBF)	Cung cấp gần **150** sản phẩm sản phẩm với quyền lợi vượt trội, tích hợp bảo hiểm, đầu tư, dịch vụ tài chính
Người lao động	Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, gắn kết. Gia tăng nhiều chương trình phúc lợi cho người lao động: Hưu trí vững nghiệp, An phát trọn đời.	Tổ chức **122.223** giờ đào tạo với 141.691 lượt đào tạo cho cán bộ
Cơ quan quản lý nhà nước	Năm 2015, đóng góp gần 800 tỷ đồng vào ngân sách Nhà nước, nâng tổng số tiền đóng góp vào ngân sách nhà nước trong giai đoạn 2009-2015 lên gần 9.000 tỷ đồng (bao gồm thuế và cổ tức chi trả cho cổ đông Nhà nước)	**9.000** tỷ đồng Đóng góp vào ngân sách nhà nước
Cộng đồng	Phát triển và cung cấp các sản phẩm y tế, chăm sóc sức khỏe vì lợi ích cộng đồng. Dành gần 28 tỷ đồng cho các hoạt động an sinh xã hội với 14 tỷ đồng đầu tư cho hoạt động xóa đói giảm nghèo và 8,6 tỷ đồng đầu tư cho công tác giáo dục và thế hệ trẻ Triển khai các hoạt động cộng đồng với sự tham gia của đông đảo cán bộ nhân viên như chương trình Hiến máu tình nguyện, Khăn áo ấm mùa đông, Chạy bộ Terry Fox...	**28** tỷ đồng cho các hoạt động an sinh xã hội 2015 **150** tỷ đồng cho các hoạt động an sinh xã hội từ 2009 đến nay
Môi trường	Tăng cường trách nhiệm về môi trường và xã hội của các bên liên quan thông qua việc bổ sung các đánh giá rà soát về môi trường xã hội trong Quy trình đầu tư dự án và Quy trình góp vốn cổ phần của Bảo Việt; bổ sung trách nhiệm với môi trường xã hội của đơn vị cung cấp trong thỏa thuận hợp tác.	Rà soát **65%** nhà cung cấp Tiết kiệm nguyên, vật liệu

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2016

Trong năm 2016, HĐQT sẽ tiếp tục duy trì chế độ họp định kỳ hàng Quý theo quy định và tổ chức các phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT để triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2016, thực hiện các vấn đề liên quan đến quản trị công ty và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2016 trên toàn Tập đoàn, cụ thể như sau:

- Triển khai thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016, trong đó tập trung hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2016 và bám sát chiến lược giai đoạn 2016 – 2020.
- Tiếp tục phát huy những nền tảng đã xây dựng trong giai đoạn sau cổ phần hóa với mục tiêu "Đầu tư chiều sâu vì sự phát triển bền vững", trong đó tập trung đến các vấn đề: (i) Đầu tư hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin theo chuẩn quốc tế trên toàn Tập đoàn; (ii) Đầu tư phát triển nguồn nhân lực và quy hoạch nguồn cán bộ cao cấp của Bảo Việt; (iii) Kiện toàn hoạt động kiểm toán nội bộ nhằm nâng cao hiệu lực kiểm toán, kiểm tra kiểm soát nội bộ trong toàn hệ thống; (iv) Thực hiện các dự án hợp lực truyền thông, thương hiệu nhằm hiện đại hóa và nhất quán hình ảnh thương hiệu Bảo Việt trên toàn hệ thống.
- Phát huy mạnh mẽ vai trò của Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt trên toàn hệ thống
- Nâng cao năng lực quản trị công ty trên cơ sở vận dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất để đảm bảo khai thác các nguồn lực hiệu quả, tạo ra các giá trị bền vững trong dài hạn, và thu hút nguồn vốn đầu tư vào doanh nghiệp.
- Phối hợp với các cơ quan quản lý của Nhà nước xây dựng hành lang pháp lý, phát triển thị trường, sản phẩm mới; tiếp tục chú trọng triển khai các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng theo chủ trương của Đảng và Chính phủ, là doanh nghiệp tiên phong trong công tác bảo vệ môi trường, hướng tới thực hiện chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt.

THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Tính đến ngày 31/12/2015

Vốn điều lệ của Công ty : 6.804.714.340.000 đồng

- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 680.471.434 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: Phổ thông
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành: 680.471.434 cổ phiếu
- Cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/1 cổ phiếu

CƠ CẤU SỞ HỮU

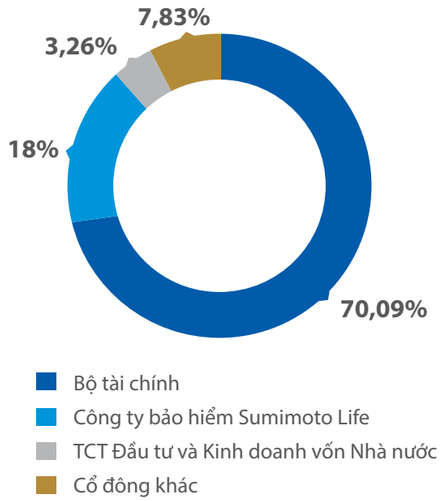

THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH NĂM 2015

Tổng số phiên giao dịch	Khối lượng giao dịch bình quân/ ngày	Tổng khối lượng khớp lệnh	Khối lượng giao dịch cao nhất trong năm
248 phiên	612.544 cổ phiếu	97.460.770 cổ phiếu	2.504.980 cổ phiếu

THÔNG TIN VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2015, Tập đoàn Bảo Việt không thực hiện phát hành tăng vốn do vậy số vốn góp của cổ đông tại thời điểm 31/12/2015 không thay đổi so với thời điểm cuối năm 2014, cụ thể như:

	Cổ phiếu thường VND	Cổ phiếu ưu đãi VND	Tổng số VND
Số vốn góp của cổ đông	6.804.714.340.000	0	6.804.714.340.000
Thặng dư vốn cổ phần	3.184.332.381.197	0	3.184.332.381.197
	9.989.046.721.197	**0**	**9.989.046.721.197**

DIỄN BIẾN CỦA CỔ PHIẾU BVH NĂM 2015

Bên cạnh những giai đoạn có diễn biến khá tương đồng với VNIndex, năm 2015 cũng chứng kiến sự tăng trưởng ấn tượng về giá của cổ phiếu BVH so với thị trường chung. Trong khi VNINDEX chỉ tăng 6,12% về điểm số thì BVH đạt được mức tăng trưởng về thị giá lên tới xấp xỉ 70% so với thời điểm cuối năm 2014.

Một trong những yếu tố thúc đẩy sự tăng trưởng về giá cổ phiếu BVH trong năm 2015 là thông tin về khả năng mở room cho nhà đầu tư nước ngoài lên đến 100% cho ngành bảo hiểm đã tạo nên tâm lý tích cực của thị trường chung, đặc biệt là động thái quay trở lại mua ròng của các nhà đầu tư nước ngoài đã góp phần tạo đà đi lên cho giá cổ phiếu BVH.

Biểu đồ diễn biến BVH và VN-Index năm 2015

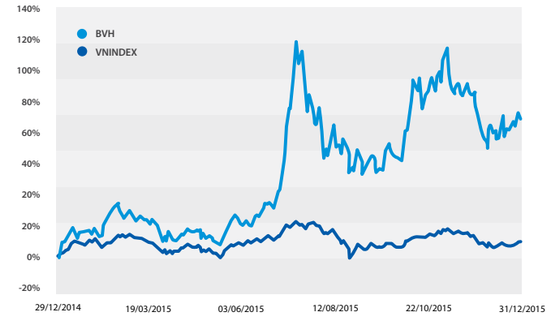

Mặc dù giá cổ phiếu BVH trong năm 2015 cũng bị ảnh hưởng bởi một số yếu tố như áp lực bán ròng của các quỹ ETFs trong kỳ tái cơ cấu danh mục; áp lực điều chỉnh tỷ giá trong những tháng cuối năm cũng khiến các quỹ và nhà đầu tư có tâm lý thận trọng nên trì hoãn thời điểm giải ngân. Tuy nhiên BVH vẫn là một trong những cổ phiếu đạt mức tăng trưởng tốt nhất trong nhóm cổ phiếu ngành bảo hiểm với mức tăng trưởng 70%.

Thống kê giao dịch của Nhà đầu tư nước ngoài năm 2015

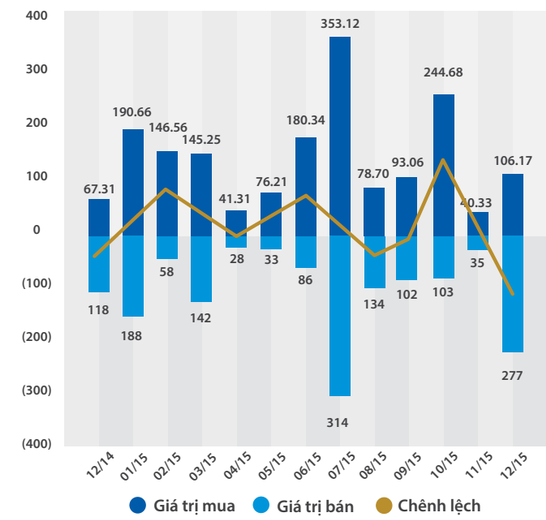

Hiện tại, cổ phiếu BVH nằm trong Top 10 cổ phiếu có sức ảnh hưởng lớn đến thị trường nhờ vào tính thanh khoản cao và giá trị vốn hóa lớn. So với cùng kỳ năm trước, BVH đã tăng 1 bậc lên vị trí thứ 8 trong bảng xếp hạng những cổ phiếu có vốn hóa lớn nhất thị trường. Như vậy có thể thấy, diễn biến tăng trưởng mạnh của giá cổ phiếu đã giúp tỷ trọng vốn hóa của BVH được cải thiện bởi số lượng cổ phiếu lưu hành không thay đổi so với quý trước đó và cùng kỳ năm ngoái. Bên cạnh đó, kết quả kinh doanh khởi sắc đã góp phần duy trì sức hấp dẫn của cổ phiếu BVH đối với quỹ đầu tư quốc tế, quỹ ETF tại thị trường chứng khoán Việt Nam.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỉ lệ Sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
01	Cổ đông Nhà nước	504.664.200	74,16%	02	02	0
02	Cổ đông sáng lập	504.664.200	74,16%	02	02	0
	- Trong nước	504.664.200	74,16%	02	02	0
	- Nước ngoài	0	0%	0	0	0
03	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	605.018.891	88,91%	02	02	0
	- Trong nước	482.509.800	70,91%	01	01	0
	- Nước ngoài	122.509.091	18%	01	01	0
04	Công đoàn Công ty	0	0	0	0	0
05	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0
06	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	0	0	0	0	0
07	Cổ đông khác	53.298.143	7,83%	6.591	137	6.454
	- Trong nước	10.465.098	1,54%	6.206	51	6.155
	- Nước ngoài	42.833.045	6,29%	385	86	299
	TỔNG CỘNG	680.471.434	100%	6.595	141	6.454
	- Trong nước	515.129.298	75,7%	6.209	54	6.155
	- Nước ngoài	165.342.13	24.3%	386	87	299

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 28/03/2016)

Danh sách 15 cổ đông lớn nhất

STT	Cổ đông	Số lượng sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bộ Tài chính	482.509.800	70.9%
2	Sumitomo Life Insurance Company	122.509.091	18.0%
3	Tổng Công Ty Đầu Tư Và Kinh Doanh Vốn Nhà Nước - Công ty TNHH	22.154.400	3.3%
4	Market Vectors Etf Trust-Market Vectors-Vietnam Etf	7.716.616	1.13%
5	Deutsche Bank Ag London	3.824.750	0.56%
6	Target Value Fund	3.776.180	0.55%
7	Seafarer Overseas Growth and Income Fund	3.300.000	0.48%
8	Wasatch Frontier Emerging Small Countries Fund	2.821.700	0.41%
9	Citigroup Global Markets Ltd	2.130.839	0.31%
10	Goldman Sachs International	1.891.200	0.28%
11	Morgan Stanley and Co.International PLC	1.805.580	0.27%
12	Lionglobal Vietnam Fund	1.151.300	0.17%
13	J.P.Morgan Whitefriars Inc.	1.079.920	0.16%
14	Prusik Asia Fund Public Limited Company	1.000.000	0.15%
15	Wasatch Frontier Emerging Small Countries Cit Fund	957.100	0.14%

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 28/03/2016)

CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC

ÔNG MASAHIRO HASHIMOTO

Tổng Giám đốc
Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo

Sau khi được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc của Sumitomo Life, tôi có một suy nghĩ mạnh mẽ rằng sẽ làm cho mối quan hệ đối tác giữa Bảo Việt và Sumitomo Life phải có giá trị hơn nữa và là mối quan hệ không thể thiếu đối với 2 công ty. Kết quả là mối quan hệ hợp tác giữa hai bên ngày càng bền chặt.

Năm 2013 đồng thời với việc mua lại 18% cổ phần của Tập đoàn Bảo Việt, chúng tôi đã tiến hành ký kết thỏa thuận hỗ trợ kỹ thuật cho Bảo Việt. Thông qua thỏa thuận này chúng tôi cung cấp cho Bảo Việt những bí quyết kinh doanh bảo hiểm mà chúng tôi đã tích lũy trong nhiều năm qua tại Nhật Bản.

Empowering your future
SUMITOMO LIFE

Trong năm đầu tiên, chúng tôi tiến hành cử các chuyên gia sang hỗ trợ ở những lĩnh vực quan trọng trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ như tính toán, bán bảo hiểm thông qua ngân hàng, công nghệ thông tin và kênh phân phối qua tư vấn viên. Thêm vào đó chúng tôi cũng cung cấp các thông tin trong lĩnh vực quản lý rủi ro và bảo hiểm y tế. Từ năm thứ 2 chúng tôi mở rộng phạm vi hỗ trợ sang các lĩnh vực mới như kiểm soát nội bộ và tuân thủ, hiện tại chúng tôi đang đón chờ năm thứ 3. Mặc dù tình hình thực hiện ở các lĩnh vực không đồng đều nhưng về tổng thể chúng tôi đang hỗ trợ kỹ thuật ở mức tốt nhất có thể và đóng góp vào việc nâng cao giá trị của Tập đoàn Bảo Việt.

Tập đoàn Bảo Việt đã tổ chức kỷ niệm 50 năm ngày thành lập vào năm ngoái và ngày càng phát triển với đội ngũ lãnh đạo mới. Năm nay chúng ta đã lập kế hoạch trung hạn trong 10 năm, 20 năm tới, chúng ta bắt đầu đẩy mạnh tăng trưởng để hướng tới "Một công ty hàng đầu của Việt Nam với năng lực cạnh tranh Quốc tế". Sumitomo Life chúng tôi có một mong muốn được phát triển đồng hành cùng mối quan hệ bền vững với Tập đoàn Bảo Việt.

Tôi tin chắc rằng cùng với sự tin tưởng lẫn nhau và việc nâng cao giá trị doanh nghiệp thông qua sức mạnh thương hiệu của Bảo Việt và Sumitomo Life, chúng ta sẽ đạt được năm 2016 phát triển vượt bậc với "Tương lai vững mạnh".

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Năm thành lập	Tháng 5 năm 1907
Trụ sở chính	Tokyo/Osaka, Japan
Số lượng nhân viên và đội ngũ bán hàng	11.109 nhân viên, 31.006 đại lý bán hàng
Mạng lưới	**Tại Nhật Bản:** 73 chi nhánh, 1.413 văn phòng giao dịch **Trên toàn cầu:** 1 Công ty con tại Mỹ, 1 công liên kết tại Trung Quốc, 1 Văn phòng Đại diện tại New York, London, Bắc Kinh và Hà Nội
Tổng tài sản	227,6 tỷ USD
Tổng tài sản ròng	15,7 tỷ USD
Tổng doanh thu phí bảo hiểm	21,4 tỷ USD
Số lượng hợp đồng	11,1 triệu hợp đồng
Xếp hạng tín nhiệm Moody's S&P	 A1 A

Tại thời điểm 31/3/2015
(Mạng lưới: Tại thời điểm 18/3/2016)

BAOVIET Life
BẢO VIỆT NHÂN THỌ

TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

BAOVIET Insurance
BẢO HIỂM BẢO VIỆT

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT

BAOVIET Fund
QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

BAOVIET Securities
CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

BAOVIET Invest
ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

BAOVIET

Năm 2015, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh, với mức tăng trưởng cao về doanh thu, lợi nhuận.

Năm 2016, Bảo Việt Nhân thọ sẽ kỷ niệm 20 năm ngày phát hành hợp đồng đầu tiên, đánh dấu một mốc quan trọng trong quá trình phát triển của đơn vị. Với tiềm lực tài chính ổn định và vững chắc, Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục hướng tới mục tiêu tăng trưởng hiệu quả và bền vững, song hành với nâng cao chất lượng hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Bà Thân Hiền Anh

Chủ tịch Hội đồng thành viên
Tổng Giám đốc

GIỚI THIỆU VỀ TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ là Công ty thành viên 100% vốn của Tập đoàn Bảo Việt – Tập đoàn Tài chính Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Bảo Việt Nhân thọ liên tục khẳng định là đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và là doanh nghiệp có tiềm năng tài chính ổn định và vững mạnh. Hiện nay, Bảo Việt Nhân thọ là doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ có quy mô vốn điều lệ lớn trên thị trường và duy trì vị trí hàng đầu thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam với mức tăng trưởng nhanh về tổng doanh thu phí bảo hiểm và doanh thu khai thác mới (tốc độ tăng trưởng trung bình trong cả giai đoạn 2011 - 2015 tương ứng đạt 18,5%-23%); tăng trưởng mạnh về lực lượng cán bộ (gần 1.700 cán bộ) và lực lượng bán hàng (gần 77.000 tư vấn viên); đẩy mạnh chất lượng sản phẩm triển khai với danh mục sản phẩm đa dạng gồm hơn 40 sản phẩm. Bảo Việt Nhân thọ cũng liên tục được các cơ quan Chính phủ ghi nhận là doanh nghiệp bảo hiểm đứng đầu thị trường về đóng thuế thu nhập doanh nghiệp cho ngân sách nhà nước.

Trong năm 2015, ghi nhận những đóng góp của Bảo Việt Nhân thọ cho xã hội và khách hàng, Bảo Việt Nhân thọ vinh dự đón nhận danh hiệu Doanh nghiệp Bảo hiểm nhân thọ tốt nhất Việt Nam 2015 do Tạp chí Tài Chính & Ngân hàng Toàn cầu (Global Banking & Finance) bình chọn.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2015

Năm 2015, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh, với mức tăng trưởng cao về doanh thu, lợi nhuận so với năm 2014 nhờ phát huy sức mạnh tổng thể trong lĩnh vực kinh doanh, tăng cường tập trung hóa các mặt hoạt động, nâng cao năng suất lao động, tập trung đầu tư và phát triển đội ngũ cán bộ đồng thời nâng cao chất lượng của tư vấn viên. Bảo Việt Nhân thọ đã xuất sắc hoàn thành vượt kế hoạch các chỉ tiêu chiến lược giai đoạn 2011 – 2015.

ĐVT: Tỷ đồng

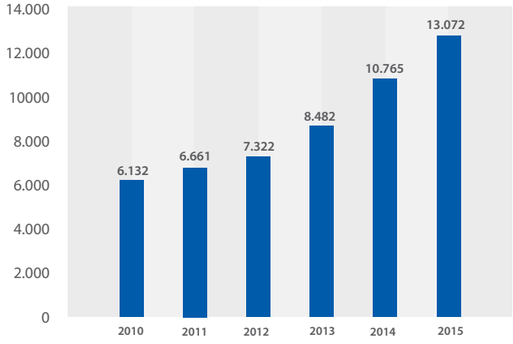

Tổng doanh thu

ĐVT: Tỷ đồng

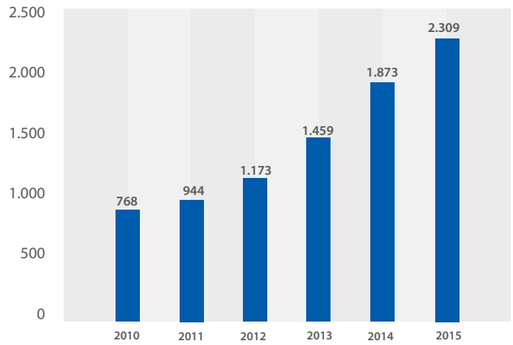

Doanh thu khai thác mới

Tổng số
tư vấn viên
77.000
người

Tổng doanh thu

Tổng doanh thu của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ năm 2015 đạt 13.072 tỷ đồng, hoàn thành 116,7% kế hoạch năm 2015, tăng 21,4% so với năm 2014, trong đó:

Doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 10.116 tỷ đồng, hoàn thành 115% kế hoạch năm 2015, tăng trưởng 27,1% so với năm 2014. Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục là doanh nghiệp chiếm thị phần tổng doanh thu lớn trên thị trường.

Doanh thu tài chính đạt 2.949 tỷ đồng, hoàn thành 122,5% kế hoạch năm 2015, tăng trưởng 5,3% so với năm 2014. Hoạt động đầu tư đảm bảo an toàn, hiệu quả, chất lượng tài sản đầu tư ngày càng được nâng cao.

Doanh thu khai thác mới

Doanh thu khai thác mới là 2.309 tỷ đồng, hoàn thành 110,5% kế hoạch năm 2015, tăng trưởng 23,26% so với năm 2014. Con số tăng trưởng kể trên được tiếp nối đà tăng trưởng từ những năm trước đây với doanh thu khai thác mới luôn tăng trưởng xấp xỉ 23%.

Tổng số lượng tư vấn viên

Tổng số tư vấn viên trong toàn hệ thống tiếp tục tăng đạt gần 77.000 người tại thời điểm 31/12/2015, tăng 48,6% so với thời điểm cuối năm 2014 (51.780 người). Tư vấn viên được tuyển dụng, đào tạo tăng về lượng, mạnh về chất, đảm bảo tư vấn đúng, đủ nhu cầu khách hàng, nâng cao sự hài lòng của khách hàng.

ĐVT: Tỷ đồng

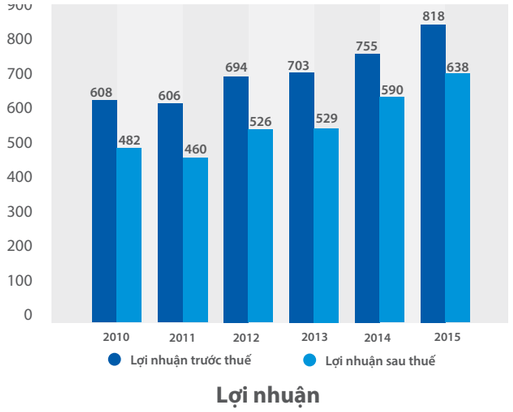

Lợi nhuận

Lợi nhuận

Cùng với doanh thu, lợi nhuận của Bảo Việt Nhân thọ cũng tăng trưởng ổn định qua các năm và đến năm 2015 lợi nhuận trước thuế đạt 818 tỷ đồng, hoàn thành 101% kế hoạch năm 2015, tăng trưởng 8,3% so với năm 2014, tiếp tục đóng góp lớn vào lợi nhuận hợp nhất của Tập đoàn Bảo Việt.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ năm 2015 là: 31,9%, tăng trưởng 8,3% so với năm 2014.

Tiến bộ công ty đã đạt được trong năm 2015

Phát triển kênh phân phối mới, tăng cường hợp tác

Bên cạnh kênh phân phối truyền thống, Bảo Việt Nhân thọ cũng tiếp tục đẩy mạnh triển khai hai kênh phân phối bancassurance và telasales, đa dạng hóa hình thức bán hàng cũng như tăng cường tư vấn cho các khách hàng về các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ. Hợp tác với các ngân hàng uy tín hàng đầu trên thị trường góp phần mang tới nhiều sản phẩm phù hợp và chất lượng dịch vụ cao cho phân khúc khách hàng có thu nhập cao ở các thành phố lớn.

Tiếp tục kiện toàn mô hình quản trị và nhân sự

Tiếp tục kiện toàn mô hình quản trị theo hướng tập trung hóa trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại, công tác quản trị rủi ro, quản lý tài sản… được chú trọng thực hiện nhằm đảm bảo tính ổn định về tài chính, đảm bảo quyền lợi cho các khách hàng và các cổ đông.

Bên cạnh đó, Bảo Việt Nhân thọ cũng thực hiện mạnh mẽ chủ trương luân chuyển điều động, đào tạo cán bộ trẻ, tuyển dụng nhân sự chất lượng cao, kiện toàn nhân sự trong toàn hệ thống.

Hoạt động đầu tư được chú trọng đảm bảo lợi ích của khách hàng và tái đầu tư trở lại nền kinh tế, giúp ích cho cộng đồng

Bảo Việt Nhân thọ luôn chú trọng tới hoạt động đầu tư, đặc biệt là đầu tư vào thị trường trái phiếu chính phủ (TPCP) dài hạn với kỳ hạn hơn 10 năm. Trong năm 2015, TPCP kỳ hạn 20 năm và 30 năm lần đầu tiên được phát hành tại Việt Nam đã được Bảo Việt Nhân thọ tham gia với quy mô đầu tư tương ứng là 1.500 tỷ đồng và 3.000 tỷ đồng. Đặc biệt với TPCP kỳ hạn 30 năm lần đầu tiên được Bộ Tài chính phát hành vào những ngày cuối cùng của năm 2015, Bảo Việt Nhân thọ là đơn vị tham gia tới gần 77% tổng khối lượng phát hành 3.900 tỷ đồng, trở thành đơn vị đầu tư TPCP kỳ hạn 30 năm lớn nhất trong đợt phát hành này.

Đây là một trong những hoạt động mang định hướng chiến lược tăng trưởng hiệu quả và bền vững của Tổng công ty, đảm bảo dòng thu nhập ổn định trong dài hạn để đáp ứng yêu cầu về nghĩa vụ của các hợp đồng bảo hiểm, hỗ trợ tích cực trong việc quản lý rủi ro, đảm bảo an toàn sức mạnh về tài chính, chi trả quyền lợi bảo hiểm đúng hạn cho khách hàng. Bên cạnh đó, đây là khoản đầu tư lớn trở lại nền kinh tế, góp phần cung cấp nguồn tài chính quan trọng để phát triển kinh tế của quốc gia, phục vụ cho đầu tư phát triển các dự án cơ sở hạ tầng, công trình thiết yếu như cầu đường, bệnh viện, trường học…, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân Việt Nam.

Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng

Chất lượng dịch vụ khách hàng được nâng cao và có sự tiến bộ rõ rệt so với năm 2014, được thể hiện rõ thông qua các chỉ tiêu, cụ thể như: tỷ lệ tái tục hợp đồng không ngừng tăng lên. Tổng đài chăm sóc khách hàng thực hiện gần 550,000 cuộc gọi tới khách hàng, tiếp nhận và giải đáp gần 55,000 ý kiến của khách hàng, tư vấn viên với nhiều chương trình đa dạng, phong phú ... đáp ứng tối đa và kịp thời nhu cầu của khách hàng.

Phát triển sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường

Năm 2015, Bảo Việt Nhân thọ đã triển khai bán sản phẩm bảo hiểm Hưu trí tự nguyện, là một sản phẩm mang tính chiến lược lâu dài, phù hợp với định hướng chiến lược chung của Chính phủ và Bộ tài chính trong việc phát triển một hệ thống hưu trí đa trụ cột tại Việt Nam. Sản phẩm bảo hiểm hưu trí của Bảo Việt Nhân thọ đảm bảo là sản phẩm tích hợp nhiều quyền lợi linh hoạt vượt trội, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế song đã được nội địa hóa cho phù hợp với văn hóa Việt Nam, là sản phẩm Việt dành cho người dân Việt. Hiện tại, giỏ sản phẩm của Bảo Việt Nhân thọ cung cấp cho khách hàng lựa chọn phong phú với hơn 40 sản phẩm các loại.

MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH 2016

Với tiềm lực tài chính ổn định và vững chắc, dựa trên nền tảng kết quả kinh doanh liên tục tăng trưởng cao trong những năm qua, Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục hướng tới mục tiêu tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, song hành với gia tăng chất lượng chăm sóc và tư vấn, đảm bảo các quyền lợi cho khách hàng, cụ thể:

Tổng doanh thu đạt **14.550 tỷ đồng**

Tăng trưởng **11,3%** so với năm 2015.

Doanh thu khai thác mới đạt **2.768 tỷ đồng**

Tăng trưởng **20%** so với năm 2015.

Lợi nhuận sau thuế **720 tỷ đồng**

Tăng trưởng **12,8%** so với năm 2015

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ **28,8%**

Vốn điều lệ dự kiến tăng lên 2.500 tỷ đồng năm 2016

Để đạt các mục tiêu trên, Bảo Việt Nhân thọ sẽ thực hiện các giải pháp đồng bộ và xuyên suốt sau:

Mở rộng mạng lưới, phát triển hệ thống phân phối đa kênh

Tuyển dụng mới các tư vấn viên đông về lượng, mạnh về chất cùng các chương trình đào tạo được đổi mới nhằm đáp ứng nhu cầu mang sản phẩm bảo hiểm tới mọi đối tượng khách hàng trên toàn quốc. Việc hợp tác với các ngân hàng, các tổ chức tài chính hàng đầu cũng tiếp tục được đẩy mạnh triển khai.

Phát triển sản phẩm mới

Dựa trên việc đẩy mạnh nghiên cứu thị trường, thiết kế và phát triển các gói sản phẩm đa dạng, đáp ứng nhu cầu thị trường và các phân khúc khách hàng, có tính cạnh tranh cao đồng thời phù hợp với các định hướng chiến lược chung của Chính phủ và Bộ tài chính trong cải cách hệ thống an sinh xã hội. Trong năm 2016, Bảo Việt Nhân thọ sẽ tiếp tục giới thiệu ra thị trường các sản phẩm mới, thuộc các dòng hưu trí tự nguyện và sản phẩm truyền thống, đáp ứng tối đa nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Chiến lược đầu tư hiệu quả

Để mang lại các quyền lợi cao nhất cho các khách hàng, Bảo Việt Nhân thọ sẽ có chiến lược đầu tư linh hoạt, tận dụng hiệu quả các cơ hội đầu tư với các diễn biến của thị trường tài chính đồng thời tiếp tục đóng góp cho sự phát triển của thị trường tài chính Việt Nam bằng việc tích cực đầu tư trở lại cho nền kinh tế và tham gia vào thị trường trái phiếu chính phủ.

Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng

Tiếp tục nâng cao chất lượng chăm sóc và phục vụ khách hàng với việc đa dạng hóa các hình thức chăm sóc khách hàng, tận dụng tối đa ứng dụng của công nghệ thông tin nhằm đáp ứng kịp thời các nhu cầu về tư vấn của các khách hàng, nâng cao sự hài lòng của khách hàng.

Tăng cường giao lưu và hợp tác quốc tế

Trong năm 2016, thỏa thuận chuyển giao năng lực kỹ thuật với Công ty bảo hiểm nhân thọ Sumitomo Nhật bản sẽ tiếp tục được thực hiện. Bên cạnh đó, quan hệ hợp tác, kết nối được tăng cường xây dựng và thắt chặt với các doanh nghiệp, đối tác danh tiếng trong nước và nước ngoài. Việc học tập những kinh nghiệm quý báu trong các lĩnh vực phát triển các sản phẩm nhân thọ mới, triển khai các sản phẩm qua các loại hình kênh phân phối đa dạng, chiến lược quản lý tài sản, quản trị doanh nghiệp tiên tiến, công nghệ thông tin, đào tạo, quản lý rủi ro, quản lý tài sản…cũng đã và sẽ góp phần thúc đẩy quá trình tăng trưởng, phát triển và chiếm lĩnh thị trường trong nước.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**4.880**	**6.174**
Tiền và các khoản tương đương tiền	644	858
Các khoản đầu tư ngắn hạn	2.631	3.995
Các khoản phải thu	1.550	1.269
Hàng tồn kho	25	15
Tài sản ngắn hạn khác	30	37
TÀI SẢN DÀI HẠN	**35.150**	**24.454**
Tài sản cố định	606	598
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	34.486	23.802
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	23	33
Tài sản dài hạn khác	35	21
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**40.030**	**30.628**
NỢ PHẢI TRẢ	**37.539**	**28.260**
Nợ ngắn hạn	7.438	3.950
Nợ dài hạn	104	111
Dự phòng nghiệp vụ	29.997	24.199
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**2.491**	**2.368**
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.000	2.000
Lợi nhuận để lại và các quỹ	491	368
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**40.030**	**30.628**

KẾT QỦA HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TÀI CHÍNH NĂM 2015

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2015	Năm 2014
Tổng doanh thu	**13.072**	**10.765**
Doanh thu từ hoạt động bảo hiểm	10.116	7.959
Doanh thu từ hoạt động tài chính	2.949	2.801
Doanh thu từ hoạt động khác	7	5
Tổng chi phí	**(12.255)**	**(10.009)**
Chi phí từ hoạt động bảo hiểm	(9.780)	(7.784)
Chi phí từ hoạt động tài chính	(793)	(783)
Chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp	(1.679)	(1.442)
Chi phí khác	(3)	(0.0)
Lợi nhuận trước thuế	**817**	**756**
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	(171)	(158)
Quỹ dự phòng bảo đảm cân đối	(8)	(8)
Lợi nhuận sau thuế	**638**	**590**

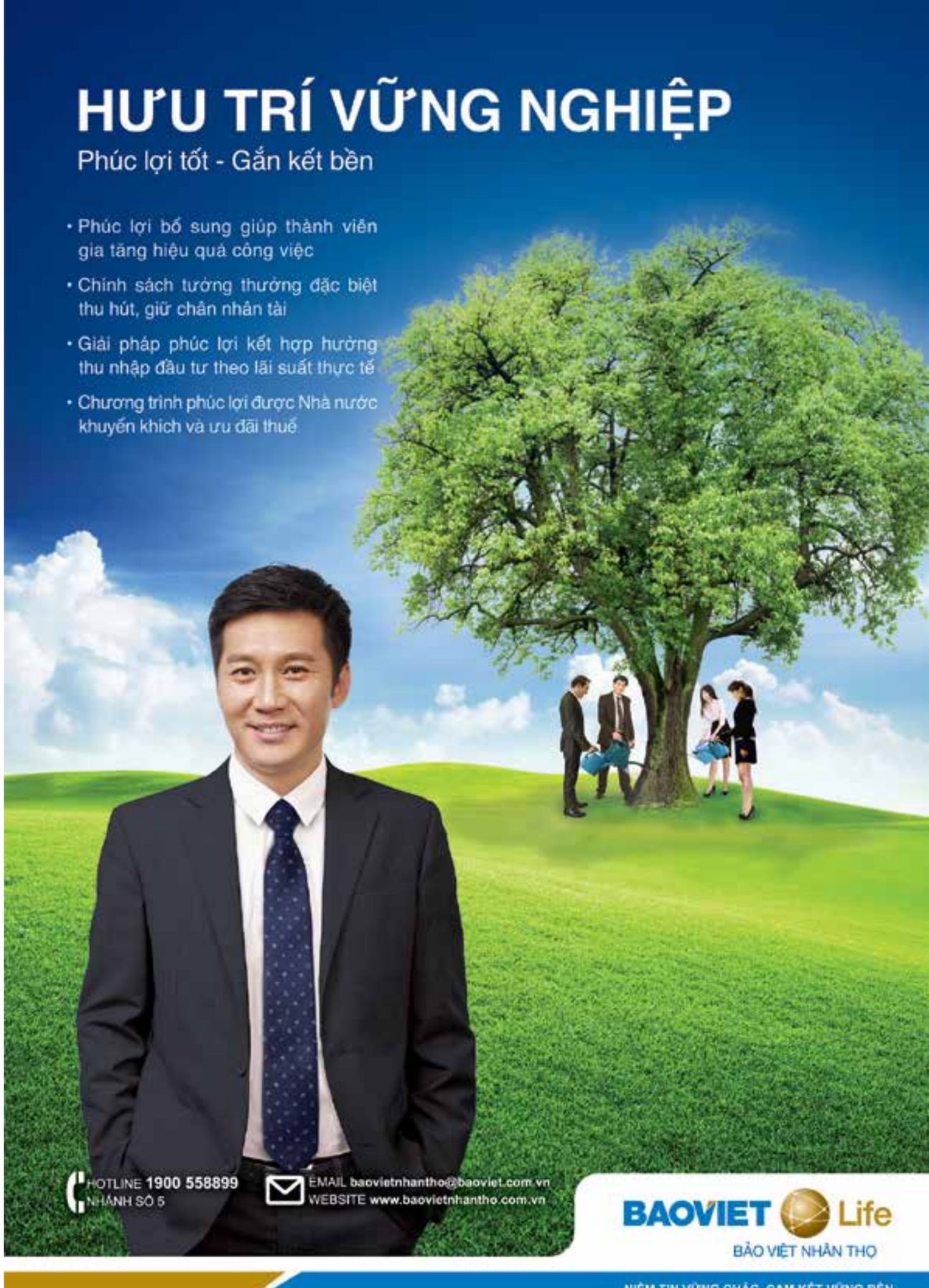

Năm 2015, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt đạt mức tăng trưởng và phát triển ấn tượng so với 2014, đảm bảo hiệu quả trong doanh thu và lợi nhuận đóng góp vào bức tranh chung của Tập đoàn.

Năm 2016 với mục tiêu kinh doanh: "Đổi mới – Hiệu quả - Tăng trưởng", Bảo hiểm Bảo Việt quyết tâm thực hiện mạnh mẽ các giải pháp đổi mới toàn diện trong quản trị, tái cấu trúc doanh nghiệp theo mô hình quản lý tập trung, dựa trên nền tảng áp dụng Công nghệ thông tin và lấy khách hàng làm trọng tâm của mọi hoạt động kinh doanh.

Ông Phan Kim Bằng

Chủ tịch Hội đồng thành viên
Tổng Giám đốc

GIỚI THIỆU VỀ TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT

Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt là đơn vị thành viên được Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100% vốn. Trong suốt chặng đường hơn 50 năm hoạt động, Bảo hiểm Bảo Việt luôn nỗ lực không ngừng để thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của nhà bảo hiểm hàng đầu Việt Nam. Bảo hiểm Bảo Việt hiện là doanh nghiệp bảo hiểm có vốn điều lệ lớn, năng lực tài chính vững mạnh, sản phẩm đa dạng, chất lượng dịch vụ vượt trội và đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao.

Trong năm 2015, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục giữ vững vị trí số 1 trong lĩnh vực bảo hiểm cá nhân và hộ gia đình. Tổng Công ty không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, phát triển các sản phẩm bảo hiểm cá nhân, hộ gia đình và bảo hiểm doanh nghiệp, với thiết kế đa dạng, ưu việt và phù hợp với nhu cầu của mọi đối tượng khách hàng.

Trong những năm gần đây, Bảo hiểm Bảo Việt là một trong những doanh nghiệp tiên phong trong việc triển khai mô hình kinh doanh theo định hướng quản lý tập trung, đa dạng hóa sản phẩm và kênh phân phối.

Định hướng chiến lược của Bảo hiểm Bảo Việt trong thời gian tới là tiếp tục tăng cường công tác quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ và hoàn thành xây dựng hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến, nhằm hướng tới quản trị minh bạch, năng suất và hiệu quả lao động cao trong hoạt động kinh doanh.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2015

Trong năm 2015, nhận định được các yếu tố thuận lợi và những thách thức ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, đặc biệt trong những mảng kinh doanh chính, Tổng Công ty tiếp tục thực hiện có trọng tâm vào quá trình chuyển đổi mô hình quản trị, tái cấu trúc; rà soát ban hành các quy trình, quy chế quản trị nội bộ. Bên cạnh việc chú trọng tới việc nâng cấp, hoàn thiện sản phẩm, Tổng Công ty không ngừng cải thiện chất lượng dịch vụ, tập trung cho công tác phát triển các sản phẩm bán lẻ và củng cố hệ thống đại lý, thực hiện các chương trình hợp lực dưới sự chủ trì và chỉ đạo của Tập đoàn Bảo Việt, góp phần vào kết quả kinh doanh khả quan và tăng trưởng ấn tượng của Bảo hiểm Bảo Việt so với năm trước.

ĐVT: Tỷ đồng

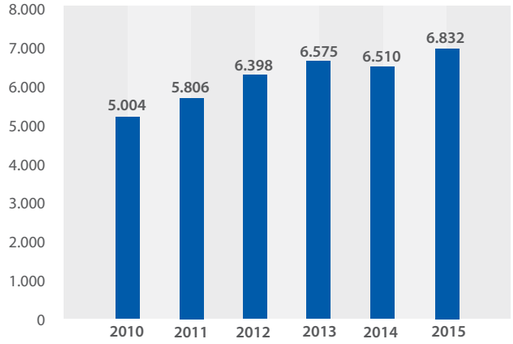

Tổng doanh thu

ĐVT: Tỷ đồng

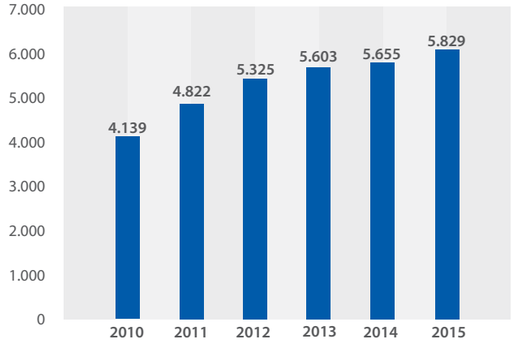

Tổng doanh thu phí Bảo hiểm gốc

Tổng doanh thu

Tổng doanh thu của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt năm 2015 đạt 6.832 tỷ đồng, tăng trưởng 4.9% so với năm 2014.

Tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 5.829 tỷ đồng, tăng trưởng 3.1% so với năm 2014.

Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm

Phần lớn các nghiệp vụ của Bảo hiểm Bảo Việt đều đạt tăng trưởng khả quan, trong đó:

Bảo hiểm y tế và con người: doanh thu đạt gần 2.200 tỷ đồng, tăng trưởng gần 4% so với cùng kỳ năm trước. Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục là doanh nghiệp dẫn đầu thị trường về tổng doanh thu từ bảo hiểm y tế và sức khỏe. Dịch vụ chăm sóc khách hàng và bồi thường của Bảo hiểm Bảo Việt trong lĩnh vực này luôn đảm bảo giải quyết mọi thắc mắc quyền lợi cho khách hàng 24/7 với chất lượng cao về tư vấn/giải đáp.

Bảo hiểm xe cơ giới: đạt mức tăng trưởng 7,3% với doanh thu gần 1.900 tỷ đồng.

Bảo hiểm tài sản: đạt mức tăng trưởng 11,58 % với doanh thu là 550 tỷ đồng.

Năm qua, Bảo hiểm Bảo Việt thực hiện biện pháp kiểm soát rủi ro nghiệp vụ, do vậy tỷ lệ bồi thường giảm đáng kể, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh chung.

ĐVT: Tỷ đồng

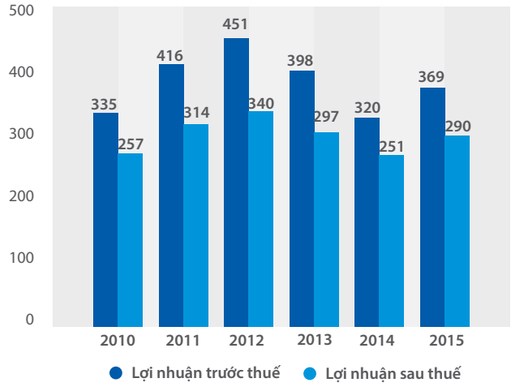

Lợi nhuận

Lợi nhuận trước thuế
369 tỷ đồng

Tổng tài sản tới hết năm 2015
9.270 tỷ đồng

Lợi nhuận

Trong điều kiện kinh doanh năm 2015 gặp nhiều khó khăn, bằng việc thực hiện thành công nhiều giải pháp hiệu quả, lợi nhuận của Bảo hiểm Bảo Việt đã đạt tăng trưởng khá cao so với cùng kỳ năm trước:

Lợi nhuận trước thuế và sau thuế lần lượt đạt 369 tỷ đồng và 290 tỷ đồng, tăng trưởng khoảng 16% so với năm trước; đóng góp không nhỏ vào bức tranh chung lợi nhuận hợp nhất của Tập đoàn Bảo Việt.

Năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện việc kiểm soát chi phí hiệu quả, đặc biệt trong công tác định phí, bồi thường và tái tục bảo hiểm, do đó chi phí từ hoạt động bồi thường giảm đáng kể -5,2%.

Quy mô và cơ cấu tài sản

Tổng tài sản của Bảo hiểm Bảo Việt tính tới hết năm 2015 là 9.270 tỷ đồng, tăng trên 900 tỷ đồng so với năm 2014. Trong đó tài sản ngắn hạn là 5.448 tỷ đồng, tài sản dài hạn là 3.822 tỷ đồng.

Trong bối cảnh thị trường lãi suất đang ở mức khá thấp và ổn định so với những năm trước đó, cơ cấu tài sản của Bảo hiểm Bảo Việt vẫn giữ được ổn định qua các năm. Với mục tiêu ổn định, bền vững, Bảo hiểm Bảo Việt luôn lựa chọn đầu tư vào tài sản dài hạn, có tính an toàn cao, tuân thủ chặt chẽ các quy định của Tập đoàn và nhà nước về hoạt động đầu tư.

Nguồn lực tài chính

Trong suốt quá trình hoạt động và phát triển tới nay, Bảo hiểm Bảo Việt luôn là doanh nghiệp tiên phong trong việc thực hiện đúng, nghiêm túc các quy định của Bộ Tài chính và Nhà nước về trích lập các quỹ dự phòng nghiệp vụ đầy đủ. Bảo hiểm Bảo Việt hiện cũng là doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ có quỹ dự phòng nghiệp vụ lớn nhất trên thị trường (trên 4.420 tỷ đồng) và vốn chủ sở hữu lớn thứ hai trên thị trường, khẳng định năng lực tài chính vững mạnh của Tổng Công ty.

Tại thời điểm ngày 31/12/2015, biên khả năng thanh toán của Bảo hiểm Bảo Việt đạt 112,5%, đáp ứng các nghĩa vụ trong ngắn hạn và dài hạn của doanh nghiệp bảo hiểm.

Tiến bộ Tổng Công ty đã đạt được trong năm 2015

Giữ vững vị trí số 1 trên thị trường ở các mảng nghiệp vụ bảo hiểm cá nhân và hộ gia đình

Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục giữ vững vị thế số 1 về thị phần, doanh thu ở các nghiệp vụ bảo hiểm cá nhân và hộ gia đình như bảo hiểm y tế và tai nạn con người, bảo hiểm xe cơ giới. Chất lượng dịch vụ, giải quyết bồi thường luôn đảm bảo nhanh chóng và triệt để, với quy trình được kiểm soát chặt chẽ và hỗ trợ kịp thời mọi thời điểm, mọi nơi trên hệ thống toàn quốc - khó có doanh nghiệp bảo hiểm nào vượt qua, là một trong những thế mạnh vượt trội tạo nên ưu thế của các sản phẩm cá nhân của Bảo hiểm Bảo Việt.

Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng

Trong năm 2015, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng trước, trong và sau bán hàng, tận tình hỗ trợ khách hàng từ khâu tư vấn sản phẩm cho đến khâu giải quyết, chi trả bồi thường; thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của nhà bảo hiểm hàng đầu Việt Nam trong việc nhanh chóng hỗ trợ, giải quyết và chi trả tiền bồi thường cho các thiệt hại về con người, tài sản của cá nhân, doanh nghiệp, cộng đồng và góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp nhanh chóng ổn định, phát triển sản xuất – kinh doanh.

Đồng hành cùng ngư dân trong Chương trình Bảo hiểm khai thác thủy sản theo Nghị định số 67 của Chính phủ, góp phần phát triển ngành thủy sản của đất nước

Năm 2015 là năm thứ hai Bảo hiểm Bảo Việt cùng bốn doanh nghiệp bảo hiểm được Bộ Tài chính lựa chọn triển khai Chương trình thí điểm bảo hiểm khai thác thủy sản theo Nghị định 67 của Chính phủ. Bảo hiểm Bảo Việt luôn ý thức và nỗ lực để thực hiện tốt nhất vai trò tiên phong và trách nhiệm của mình, góp phần hỗ trợ ngư dân và chủ tàu ổn định cuộc sống, yên tâm bám biển và phát triển hoạt động khai thác thủy sản xa bờ.

Phát triển sản phẩm hợp lực "Bảo an Gia đình Việt" – sản phẩm cho mọi gia đình được ưa chuộng

Triển khai chủ trương Hợp lực của Tập đoàn, tận dụng thế mạnh trong hệ thống, Bảo hiểm Bảo Việt đã hợp tác với Bảo Việt Nhân thọ ra mắt và cung cấp sản phẩm "Bảo an Gia đình Việt" tới khách hàng.

Qua sản phẩm hợp lực này, Bảo hiểm Bảo Việt mong muốn đem lại cho các gia đình gói bảo hiểm tiện ích, với chất lượng cao, nhiều quyền lợi hấp dẫn, chi phí hợp lý, góp phần giảm nhẹ gánh nặng tài chính và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Đẩy mạnh triển khai mô hình kinh doanh theo định hướng Quản lý tập trung dựa trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại

Bảo hiểm Bảo Việt là một trong những doanh nghiệp bảo hiểm tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ công tác quản lý tập trung và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng. Năm 2015, sau khi nâng cấp thành công phiên bản mới cho các phần mềm Quản lý nghiệp vụ InsureJ, Quản lý hồ sơ hình ảnh, Quản lý đại lý, phần mềm Kế toán Sun Account và phần mềm Bancassurance liên kết với HSBC (Smart App), Bảo hiểm Bảo Việt đang tích cực nghiên cứu triển khai các kênh phân phối mới và phần mềm quản lý tập trung tại 67 tỉnh thành trên toàn quốc.

MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH 2016

Năm 2016, với những dự báo thuận lợi về tình hình kinh tế vĩ mô, và thị trường bảo hiểm phi nhân thọ được dự kiến tiếp tục duy trì tăng trưởng ở mức 2 con số vào khoảng 18%, Bảo hiểm Bảo Việt đặt mục tiêu tăng trưởng bền vững, với phương châm kinh doanh: ĐỔI MỚI - HIỆU QUẢ - TĂNG TRƯỞNG, cụ thể như sau:

Tổng doanh thu đạt **7.211 tỷ đồng**

Tăng trưởng **5,6%** so với năm 2015.

Doanh thu bảo hiểm gốc đạt **6.237 tỷ đồng**

Tăng trưởng **7,1%** so với năm 2015.

Lợi nhuận sau thuế đạt **300 tỷ đồng**

Tăng trưởng **3,4%** so với năm 2015.

Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ **13,1%**

Để đạt được những mục tiêu trên, Bảo hiểm Bảo Việt cần thực hiện những nhóm giải pháp trọng tâm sau:

Định vị chiến lược, giữ vững vị thế trên thị trường bảo hiểm

Năm 2016, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục đặt mục tiêu nằm trong số những doanh nghiệp đứng đầu thị trường bảo hiểm phi nhân thọ, giữ vững vị trí số 1 trong lĩnh vực Bảo hiểm cá nhân và Hộ gia đình.

Mô hình kinh doanh hiệu quả bằng việc áp dụng mô hình tập trung hóa

Thành công trong những năm gần đây của mô hình tập trung hóa đã phần nào khẳng định được định hướng đúng đắn và hiệu quả của mô hình đó. Do đó năm 2016, Bảo hiểm Bảo Việt sẽ tiếp tục đẩy nhanh việc chuyển đổi mô hình kinh doanh và áp dụng công nghệ thông tin để tăng cường củng cố mô hình quản lý tập trung, xuyên suốt cho toàn bộ hệ thống Tổng Công ty, từ Trụ sở chính tới 67 đơn vị công ty thành viên.

Nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ khách hàng

Chất lượng sản phẩm và dịch vụ là chìa khóa quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Năm 2016, Bảo hiểm Bảo Việt xây dựng văn hóa kinh doanh của nhân viên tận tâm, chuyên nghiệp, tuân thủ, lấy phục vụ khách hàng và sự hài lòng của khách hàng là tiêu chuẩn đánh giá. Bên cạnh việc tiếp tục rà soát, cải tiến sản phẩm cho phù hợp với nhu cầu thị trường, Bảo hiểm Bảo Việt chú trọng nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng từ tư vấn lựa chọn sản phẩm đến các dịch vụ sau bán hàng, đặc biệt là hoạt động giải quyết bồi thường sẽ được chuẩn hóa quy trình, giảm thời gian và tăng tính minh bạch trong giải quyết.

Nâng cao tính tuân thủ nhằm hướng đến mục tiêu kinh doanh an toàn

Rủi ro tuân thủ là một khái niệm khá mới trên thị trường Việt Nam. Tuy nhiên với sự hỗ trợ của đối tác chiến lược Sumitomo Life cùng với sự quyết tâm của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc Tổng Công ty, Bảo hiểm Bảo Việt sẽ tăng cường củng cố và nâng cao việc đào tạo nhân lực, tăng cường nhận thức về rủi ro tuân thủ trong hệ thống đối với đội ngũ cán bộ nhân viên, tư vấn viên trên toàn hệ thống.

Tăng cường quản lý rủi ro

Bảo hiểm Bảo Việt hiện nay đang áp dụng trong việc kiểm soát rủi ro và cấp đơn bảo hiểm nhằm giảm tỷ lệ bồi thường và trục lợi bảo hiểm. Ngoài ra, việc quản lý các rủi ro đầu tư, rủi ro hoạt động của doanh nghiệp, rủi ro thông tin cũng đã và sẽ được đẩy mạnh hơn nữa trong năm 2016.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**5.448**	**5.044**
Tiền	524	150
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2.549	2.320
Các khoản phải thu	1.027	1.053
Hàng tồn kho	12	15
Tài sản ngắn hạn khác	328	333
Tài sản tái bảo hiểm	1.007	1.173
TÀI SẢN DÀI HẠN	**3.823**	**3.302**
Các khoản phải thu dài hạn	23	24
Tài sản cố định & xây dựng dở dang	811	800
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2.939	2.428
Tài sản dài hạn khác	49	50
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**9,270**	**8.346**
NỢ PHẢI TRẢ	**7.073**	**6.256**
Nợ ngắn hạn	2.646	1.842
Nợ dài hạn	6	1
Dự phòng nghiệp vụ	4.420	4.412
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**2.197**	**2.090**
Vốn đầu tư của công ty mẹ	2.000	2.000
Quỹ dự trữ bắt buộc	105	90
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	93	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**9.270**	**8.346**

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TÀI CHÍNH NĂM 2015

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2015	Năm 2014
Tổng doanh thu	**6.832**	**6.510**
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	6.397	6.111
Doanh thu hoạt động tài chính	430	390
Doanh thu khác	5	8
Phí tái bảo hiểm và các khoản giảm trừ	(1.180)	(1.263)
Doanh thu thuần	5.652	5.247
Tổng chi phí	**(5.283)**	**(4.927)**
Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(4.545)	(4.277)
Chi phí hoạt động tài chính	(125)	(83)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(611)	(565)
Chi phí khác	(2)	(3)
Lợi nhuận trước thuế	**369**	**320**
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	(79)	(69)
Lợi nhuận sau thuế	**290**	**251**

BAOVIET Fund

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

Năm 2015 đánh dấu chặng đường 10 năm hình thành và phát triển của Công ty. Với những thành tựu đã đạt được, Công ty đã đổi mới mạnh mẽ ở nhiều mảng hoạt động, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững trong giai đoạn tới.

Bước sang năm 2016, Công ty đặt ra mục tiêu trọng tâm: tiếp tục phát huy vai trò trụ cột trong hoạt động đầu tư của Tập đoàn và toàn hệ thống, hoàn thành kế hoạch doanh thu và tăng trưởng tài sản quản lý, cung cấp đầy đủ chuỗi sản phẩm và nâng cao hiệu quả đầu tư cho các danh mục, đáp ứng kỳ vọng ngày càng cao của khách hàng.

Ông Đậu Minh Lâm

Chủ tịch Hội đồng thành viên
Tổng Giám đốc

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

Tháng 11/2015, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã kỷ niệm 10 năm thành lập, đánh dấu những bước phát triển vượt bậc, khẳng định được vị thế là nhà đầu tư tài chính chuyên nghiệp hàng đầu trên thị trường tài chính Việt Nam với quy mô tổng tài sản quản lý tăng trưởng 50% so với 31/12/2014. Lĩnh vực hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt bao gồm dịch vụ quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ đầu tư và tư vấn đầu tư chứng khoán. Với kinh nghiệm quản lý nguồn vốn lớn và dài hạn, cùng khả năng cung cấp các dịch vu tài chính đa dạng, trọn gói theo chuẩn mực quốc tế, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt cam kết mang đến lợi ích cao nhất cho các Nhà đầu tư và khách hàng.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2015

Trong năm 2015, với các giải pháp, nỗ lực trong từng mảng hoạt động, hướng tới mục tiêu chuẩn hóa và nâng cao chất lượng hoạt động đầu tư, xác định sự kỳ vọng, yêu cầu và sự hài lòng của khách hàng là kim chỉ nam cho mọi hoạt động, đồng thời luôn luôn vận động, đổi mới và phát huy sáng tạo trên cơ sở tuân thủ việc quản lý rủi ro chặt chẽ, phù hợp với xu thế của thị trường, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã đạt được kết quả kinh doanh đầy khả quan, cụ thể:

ĐVT: Tỷ đồng

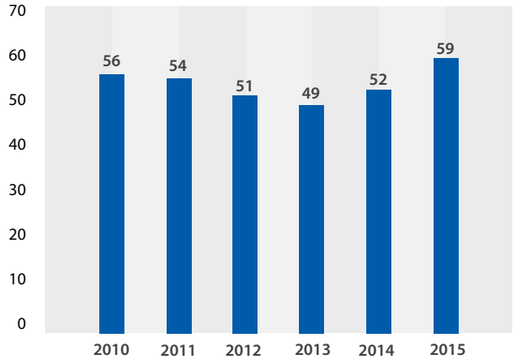

Tổng doanh thu

ĐVT: Tỷ đồng

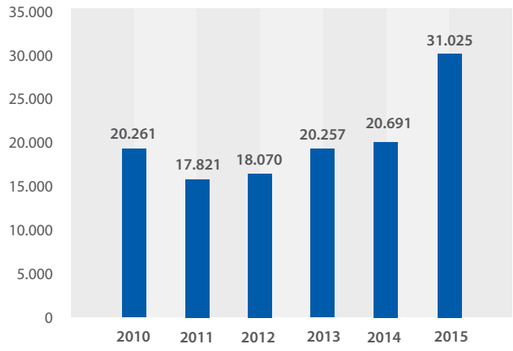

Tổng tài sản quản lý

Tổng doanh thu

Tổng doanh thu đạt 59 tỷ đồng, vượt 20% so với kế hoạch năm 2015, và tăng trưởng 14,5% so với năm 2014.

Lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận sau thuế của Công ty Quản lý Quỹ đạt 15 tỷ đồng, vượt 25% so với kế hoạch năm 2015, và tăng trưởng 22% so với năm 2014.

Chỉ tiêu tài chính

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ đạt 15%.

Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng tại thời điểm 31/12/2015 đạt 505%, gấp ba lần chỉ tiêu do Bộ Tài chính quy định.

Tất cả các danh mục quản lý đầu tư cho khách hàng đều vượt mức kỳ vọng của khách hàng.

Tổng tài sản quản lý

Tại thời điểm 31/12/2015 tổng tài sản quản lý của Công ty Quản lý Quỹ là 31.025 tỷ đồng, đạt mức tăng trưởng cao nhất trong 5 năm trở lại đây.

Tiến bộ mà công ty đã đạt được trong năm 2015

Hoạt động đầu tư được triển khai hiệu quả, đáp ứng kỳ vọng của khách hàng

Hoạt động đầu tư cho các danh mục của khách hàng năm 2015 được Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt triển khai trên nguyên tắc bám sát xu thế của thị trường, cẩn trọng và linh hoạt. Song song với việc kiểm soát tốt các rủi ro đầu tư, Công ty liên tục tìm kiếm và chủ động thực hiện các cơ hội đầu tư mới, triển khai đồng bộ các giải pháp và sản phẩm đầu tư phù hợp, lựa chọn thời điểm thay đổi cơ cấu tài sản đầu tư để mang đến hiệu quả đầu tư tốt nhất cho danh mục. Tất cả các danh mục có điều khoản quy định về thưởng hiệu quả hoạt động

trên cơ sở so sánh lợi nhuận đầu tư thực tế so với tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng, đều đáp ứng yêu cầu và được khách hàng ghi nhận phí thưởng. Tăng trưởng NAV của hầu hết tất cả các danh mục cổ phiếu do công ty quản lý đều có mức tăng trưởng ấn tượng.

Là trụ cột trong dự án Hợp lực đầu tư

Với định hướng hợp lực trong toàn hệ thống Bảo Việt, dự án Hợp lực đầu tư là một trong những dự án được chú trọng triển khai trong năm 2015. Thực hiện định hướng này, Công ty đã đảm nhiệm vai trò là đầu mối, phối hợp với các đơn vị thành viên trong việc đề xuất các chính sách đầu tư, chính sách quản lý rủi ro các danh mục đầu tư, xây dựng các quy chế, quy trình đầu tư, tổ chức thực hiện các báo cáo định kỳ và chuyên đề chuyên sâu về vĩ mô và thị trường tài chính, đầu tư, góp phần mang lại hiệu quả chung cho hoạt động đầu tư của toàn hệ thống.

Công tác quản trị nhân sự, hoạt động được hoàn thiện hóa theo chuẩn mực quốc tế

Việc hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp theo hướng tiếp cận các chuẩn mực quốc tế đối với mô hình hoạt động của các công ty quản lý quỹ chuyên nghiệp, đã mang lại hiệu quả tốt trong vận hành quản lý hoạt động đầu tư, phát triển kinh doanh và quản lý rủi ro hoạt động.

Các quy trình hoạt động được thiết lập theo tiêu chuẩn, quy định pháp luật và phù hợp với sự thay đổi mô hình quản trị doanh nghiệp.

Công tác tuyển dụng, đào tạo cán bộ được đặc biệt chú trọng nhằm mục tiêu nâng cao năng lực canh tranh của đội ngũ nhân sự, đáp ứng tốt nhất yêu cầu phát triển của Công ty.

Phát triển sản phẩm, kênh phân phối và dịch vụ khách hàng

Trong bối cảnh thị trường còn nhiều khó khăn nhưng với nền tảng vững chắc, uy tín và thương hiệu lớn, cùng sự hợp tác chặt chẽ của Tập đoàn, các đơn vị thành viên và nỗ lực của tập thể cán bộ nhân viên, trong năm 2015:

Công ty đã triển khai được hai quỹ mới: Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt (BVIF) với số vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng đã đi vào hoạt động và Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Việt (BVBF) – hiện đang trong quá trình chào bán.

Cơ bản thiết lập các chính sách phát triển kênh phân phối, tạo nền tảng cho việc phát triển kênh bán lẻ.

Công tác cung cấp các dịch vụ hỗ trợ sau đầu tư như hệ thống báo cáo, duy trì kênh thông tin liên tục về danh mục của khách hàng... được chuẩn hóa theo các chuẩn mực quốc tế, đáp ứng tốt các yêu cầu của khách hàng.

MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH 2016

Xét trong dài hạn, các chỉ tiêu của nền kinh tế Việt Nam đều cho thấy những tín hiệu khả quan, tuy nhiên, trong ngắn hạn với các rủi ro về tỷ giá, giá dầu cũng như các khó khăn của nền kinh tế Trung Quốc và một số nền kinh tế lớn sẽ tác động đến nền kinh tế, tài chính Việt Nam. Với các định hướng hợp lực được triển khai mang tính đồng bộ, đồng thời quyết liệt thực hiện các giải pháp trọng tâm trong năm 2016 , Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã đặt ra một số mục tiêu kinh doanh, cụ thể như sau:

Tổng doanh thu đạt	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận trước thuế đạt	Tổng tài sản quản lý tại 31/12/2016 đạt khoảng
78 tỷ đồng	**20 tỷ đồng**	**25 tỷ đồng**	**36.000 tỷ đồng**
Tăng trưởng **31,5%** so với năm 2015.	Tăng trưởng **32%** so với năm 2015.	Tăng trưởng **32%** so với năm 2015.	Tăng trưởng **15%** so với năm 2015.

Trên cơ sở các định các mục tiêu kinh doanh, cùng những đánh giá và phân tích toàn diện các điều kiện khách quan, chủ quan, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đặt ra nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2016 như sau:

Nâng cao chất lượng hoạt động đầu tư, mục tiêu đạt kết quả đầu tư vượt kỳ vọng của khách hàng

Với điều kiện thị trường, xét trong ngắn hạn còn nhiều khó khăn, Công ty sẽ tập trung bám sát diễn biến thị trường, tăng cường công tác dự báo để đưa ra các giải pháp đầu tư, thanh hoán phù hợp, phát huy sáng tạo và linh hoạt với sự thay đổi của thị trường, phấn đấu vượt kế hoạch đã thống nhất với khách hàng. Công ty tiếp tục chú trọng trong công tác quản lý rủi ro, hạn chế tối đa các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình hoạt động của Công ty.

Nghiên cứu triển khai các sản phẩm mới, phát triển các sản phẩm dịch vụ tài chính có tính kết nối cao trong hệ thống

Việc phát triển các sản phẩm đa dạng luôn là định hướng chính trong mọi hoạt động của các công ty quản lý quỹ trên thế giới. Với thế mạnh của Công ty, cùng định hướng của Tập đoàn Bảo Việt, Công ty đặt ra mục tiêu sẽ phát triển các sản phẩm quỹ, phối hợp với các đơn vị thành viên phát triển các sản phẩm dịch vụ tài chính có khả năng cạnh tranh trên thị trường và phù hợp với nhu cầu của nhà đầu tư, có khả năng kết nối trong toàn hệ thống. Dự kiến trong năm 2016, Công ty sẽ phát triển, đưa ra thị trường thêm hai quỹ mới.

Phát triển kênh phân phối bán lẻ

Với định hướng tập trung phát triển các sản phẩm phù hợp yêu cầu, có khả năng kết nối cao trong hệ thống và tạo thành chuỗi sản phẩm đa dạng, Công ty sẽ xây dựng các cơ chế, chính sách để các sản phẩm hướng tới khách hàng bán lẻ của Công ty được đưa vào một cách có hiệu quả các kênh phân phối sẵn có của Bảo Việt. Bên cạnh đó, việc tìm kiếm thiết lập các kênh phân phối phù hợp với từng sản phẩm đặc thù vẫn được Công ty chú trọng thông qua việc xây dựng các tiêu chí và định hướng lựa chọn rõ ràng đối với từng phân khúc khách hàng.

Tập trung đầu tư vào công nghệ và nguồn nhân lực

Nâng cao năng lực cạnh tranh, kinh nghiệm đầu tư, nâng cao uy tín thương hiệu bằng cách tiếp tục đầu tư nền tảng để phát triển lâu dài thông qua việc đầu tư hoàn hiện hệ thống Công nghệ thông tin hiện đại, tăng cường công tác đào tạo, chú trọng phát triển đa dạng nguồn nhân sự chất lượng cao đáp ứng yêu cầu hội nhập. Hoàn thành việc triển khai Dự án đầu tư phần mềm quản lý quỹ (IMS) theo đúng tiến độ.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	**106,5**	**63,3**
Tiền và các khoản tương đương tiền	2,8	0,6
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	87,8	54,6
Các khoản phải thu ngắn hạn	15,4	7,6
Tài sản lưu động khác	0,5	0,5
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	**14,3**	**1,5**
Tài sản cố định	1,1	1,4
Đầu tư dài hạn	13	-
Tài sản dài hạn khác	0,2	0,1
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**120,8**	**64,8**
NỢ PHẢI TRẢ	**10,6**	**11,5**
Nợ ngắn hạn	10,6	11,5
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**110,2**	**53,3**
Vốn điều lệ	100	50,0
Các quỹ	2,7	1,3
Lợi nhuận chưa phân phối	7,5	2,0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**120,8**	**64,8**

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TÀI CHÍNH NĂM 2015

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	54,1	46,1
Chi phí hoạt động kinh doanh	0	0
Doanh thu hoạt động tài chính	4,9	5,5
Chi phí tài chính	0,4	(0,4)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(40,5)	(35,8)
Thu nhập khác	0	-
Chi phí khác	(0,1)	0
Lợi nhuận trước thuế	**18,9**	**15,4**
Lợi nhuận sau thuế	**15,1**	**12,4**

BAOVIET Securities
CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Năm 2015, trong bối cảnh thị trường chứng khoán có những diễn biến không thuận lợi, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) đã không ngừng nỗ lực, thực hiện đồng bộ các giải pháp kinh doanh để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đề ra.

Năm 2016, với phương châm "Vững vàng đổi mới – Vươn tới thành công", Công ty sẽ tiếp tục tập trung mở rộng mạng lưới kinh doanh, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển của công ty, khách hàng và cổ đông.

Ông Nhữ Đình Hoà

Tổng Giám đốc

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) là công ty chuyên cung cấp các dịch vụ tài chính và đầu tư cho tất cả các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, các quỹ và ngân hàng đầu tư danh tiếng trong nước và nước ngoài. Được thành lập từ năm 1999 với cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt), trực thuộc Bộ Tài chính, BVSC kế thừa thương hiệu uy tín và thế mạnh tài chính của một Tập đoàn tài chính bảo hiểm hùng mạnh.

Trải qua 16 năm hình thành và phát triển, với vai trò Công ty chứng khoán đầu tiên được thành lập và tiên phong trên thị trường chứng khoán, BVSC đã liên tục nâng cao năng lực tài chính, củng cố hoạt động, phát triển hệ thống công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng dịch vụ và trở thành công ty chứng khoán uy tín trên thị trường. BVSC liên tiếp được đón nhận các giải thưởng và bình chọn đánh giá của các tổ chức lớn có uy tín trong và ngoài nước. Về lĩnh vực tư vấn, BVSC đã được vinh danh với giải thưởng "Công ty tư vấn tốt nhất" do tạp chí Finance Asia bình chọn, giải thưởng "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất 2009 - 2013", "Tổ chức tư vấn Cổ phần hóa tiêu biểu nhất 2014" và "Công ty chứng khoán tiêu biểu nhất – Hạng mục tư vấn CPH/Thoái vốn DNNN" tại diễn đàn M&A thường niên do báo Đầu tư Chứng khoán và Bộ Kế hoạch Đầu tư tổ chức. Các thương vụ M&A do BVSC tư vấn cũng được bình chọn là những thương vụ tiêu biểu nhất trên thị trường. Về lĩnh vực môi giới, BVSC luôn giữ vững vị trí trong TOP 10 công ty chứng khoán có thị phần giao dịch lớn nhất trên 2 sàn HSX và HNX. Đặc biệt, BVSC cũng liên tục được vinh danh nằm trong TOP 30 Doanh nghiệp niêm yết minh bạch nhất và thành viên tiêu biểu nhất của HNX trong nhiều năm liên tiếp. Năm 2015, BVSC cũng đã được Tạp chí Global banking and finance review của Vương quốc Anh vinh danh là "Best brokerage house Vietnam 2015".

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2015

Năm 2015, mặc dù có sự tăng trưởng nhẹ về điểm số nhưng TTCK Việt Nam chứng kiến sự sụt giảm khá mạnh về giá trị giao dịch. Trong một vài giai đoạn, thị trường vẫn bộc lộ "tính dễ tổn thương" do chịu tác động từ các yếu tố ngoại biên như động thái tăng lãi suất của FED, giá dầu giảm và suy giảm tăng trưởng kinh tế ở Trung Quốc, ... Những nguyên nhân này đã gây ra tác động tiêu cực tới toàn ngành chứng khoán Việt Nam nói chung và BVSC nói riêng.

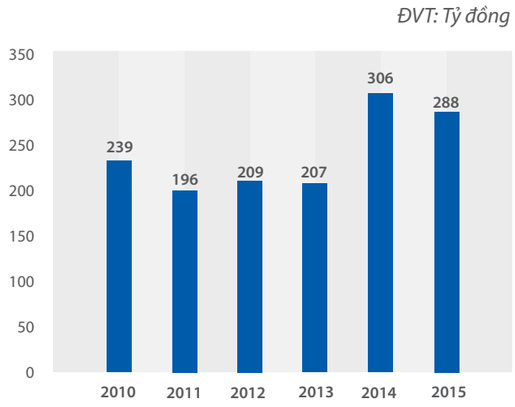

Tổng doanh thu

Tổng doanh thu đạt **288 tỷ đồng**

Hoàn thành **96%** so với kế hoạch

Lợi nhuận trước thuế **120 tỷ đồng**

Hoàn thành **100,3%** so với với kế hoạch

Trong năm 2015, BVSC đã cơ bản hoàn thành kế hoạch với những chỉ tiêu sau:

Tổng doanh thu

Tổng doanh thu đạt 288 tỷ đồng hoàn thành 96% so với kế hoạch năm 2015.

Lợi nhuận sau thuế đạt 116 tỷ đồng, hoàn thành 103% so với kế hoạch năm 2015.

Sự giảm sút doanh thu chủ yếu từ hoạt động môi giới: do ảnh hưởng mạnh từ những yếu tố bất lợi trên thị trường chứng khoán như thị trường giảm mạnh về thanh khoản, giá trị giao dịch bình quân phiên giảm 14,53% so với 2014, bên cạnh đó cạnh tranh gay gắt giữa các công ty chứng khoán cũng tác động không nhỏ tới doanh thu và thị phần môi giới của Công ty. Doanh thu hoạt động môi giới năm 2015 đạt 84,02 tỷ đồng, giảm 31,69% so với kế hoạch và 22,7% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, BVSC vẫn duy trì vị thế trong Top 10 trên sàn HSX.

Tất các các mảng hoạt động của BVSC đều cơ bản hoàn thành vượt mức kế hoạch, tăng trưởng và đạt kết quả tốt, cụ thể:

- Đối với hoạt động tự doanh, doanh thu đạt 53,2 tỷ đồng, hoàn thành vượt mức kế hoạch 12,77%.
- Đối với hoạt động tư vấn, năm 2015 là một năm thành công của BVSC. Là công ty tư vấn hàng đầu trên thị trường chứng khoán với nhiều giải thưởng về M&A, tư vấn CPH và thoái vốn DNNN, trong năm 2015, Công ty đã phát huy lợi thế về kinh nghiệm và thương hiệu, tận dụng mọi cơ hội thị trường để đẩy mạnh hoạt động tư vấn phát hành, M&A, cổ phần hóa và thoái vốn. Doanh thu hoạt động tư vấn năm 2015 đạt 9,5 tỷ đồng, hoàn thành vượt mức 27,4 % so với kế hoạch và tăng 71,4 % so với cùng kỳ năm 2014.

- Doanh thu hoạt động lưu ký đạt 3,7 tỷ đồng, hoàn thành vượt mức 29,2% so với kế hoạch và tăng 12,7% so với cùng kỳ năm trước.

- Doanh thu khác trong đó chiếm tỷ trọng chủ yếu là lãi từ hoạt động cho vay margin, ứng trước, lãi đầu tư tiền gửi đã tăng mạnh mẽ, đạt 135,7 tỷ đồng, hoàn thành vượt mức 15% so với kế hoạch và bằng 107,1% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù gặp phải sự cạnh tranh từ các công ty chứng khoán khác về lãi suất cũng như nhu cầu vay vốn biến động của khách hàng qua từng thời điểm nhưng BVSC vẫn kiểm soát tốt nguồn vốn, bảo toàn và hoạt động hiệu quả, đóng góp không nhỏ vào kết quả kinh doanh năm 2015 của Công ty.

Tiến bộ công ty đã đạt được trong năm 2015

Duy trì kết quả hoạt động kinh doanh tốt trong bối cảnh thị trường chứng khoán còn nhiều khó khăn:

Trong năm 2015, mặc dù thị trường chứng khoán có nhiều biến động do ảnh hưởng từ các yếu tố bên ngoài như giá dầu giảm, biến động của TTCK Trung Quốc… và ảnh hưởng bởi chính sách dẫn tới sự sụt giảm mạnh giá trị giao dịch của thị trường, BVSC đã nỗ lực phát huy mọi nguồn lực, triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh đạt được kết quả bám sát các mục tiêu đã được ĐHCĐ thông qua.

Chính thức xóa lỗ lũy kế

Với kết quả kinh doanh khả quan, ngay khi kết thúc quý I/2015 BVSC đã chính thức xóa lỗ lũy kế. Và với kết quả lợi nhuận sau thuế đạt 116,1 tỷ đồng, tương đương 103,4% kế hoạch, Công ty đã hoàn thành tốt trách nhiệm và cam kết với cổ đông, bảo toàn và tăng trưởng nguồn vốn, đem lại giá trị thặng dư cho cổ đông.

Thương hiệu được tôn vinh với những giải thưởng uy tín

Với những nỗ lực trong hoạt động kinh doanh và những đóng góp nhất định cho sự phát triển của TTCK, năm 2015 BVSC được tôn vinh với những giải thưởng uy tín như:

- Best brokerage house Vietnam 2015 – Do tạp chí Global banking & finance review vinh danh

- Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất 2015 – ARA 2015

- Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt 2015

- CTCK thành viên tiêu biểu giai đoạn 2005 – 2015 do HNX trao tặng

- Công ty CK tiêu biểu nhất hạng mục Cổ phần hóa/ Thoái vốn DNNN tại diễn đàn M&A thường niên 2015

- Công ty chứng khoán có dịch vụ tư vấn tốt nhất giai đoạn 2005- 2015 do HNX trao tặng

- Top 30 Doanh nghiệp niêm yết minh bạch HNX 2014-2015 do HNX trao tặng

- Thương hiệu mạnh Việt Nam 2015.

MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH 2016

Năm 2016, triển vọng kinh tế vĩ mô được dự báo sẽ khởi sắc hơn, lộ trình Việt Nam đang hội nhập sâu rộng vào Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), TPP, ký kết các hiệp định thương mại tự do giúp tạo động lực tái cơ cấu nền kinh tế, mang lại nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp. Đối với thị trường chứng khoán, các chính sách của Chính phủ được kỳ vọng sẽ thúc đẩy sự phát triển của thị trường chứng khoán như Cho phép giao dịch T0 đối với cổ phiếu nằm trong danh mục ký quỹ của UBCK sẽ tạo hiệu ứng tích cực cho diễn biến thị trường, đặc biệt ở khía cạnh thanh khoản, Câu chuyện mở room ngoại được kỳ vọng sẽ thu hút mạnh được luồng vốn từ nhà đầu tư nước ngoài

Dựa trên những triển vọng về tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán Việt Nam, BVSC đặt ra mục tiêu kinh doanh năm 2016 với tổng doanh thu đạt 314 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 122 tỷ đồng.

Để thực hiện mục tiêu kinh doanh này, BVSC sẽ tập trung triển khai các giải pháp như:

Đối với hoạt động Môi giới

Tiếp tục cơ chế khoán doanh thu linh hoạt, bám sát các điều kiện thị trường, đảm bảo công bằng lợi ích Công ty và của cán bộ môi giới; tăng cường tuyển dụng & đào tạo nhân viên, đẩy mạnh công tác chăm sóc khách hàng, phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ và đảm bảo nguồn vốn ổn định.

Đối với hoạt động Tự doanh

Đẩy mạnh hơn nữa hoạt động trading CCQ ETF cũng như thực hiện dịch vụ mua, bán, hoán đổi CCQ cho nhà đầu tư có nhu cầu, qua đó cũng đẩy mạnh vai trò làm AP trên thị trường. Hoạt động tự doanh tiếp tục tuân thủ hạn mức đã được HĐQT phê duyệt và quản trị rủi ro chặt chẽ.

Đẩy mạnh triển khai hoạt động Tư vấn

Đẩy mạnh triển khai các mảng tư vấn vốn là thế mạnh của BVSC như: tư vấn cổ phần hóa, hợp nhất, sáp nhập, tái cấu trúc doanh nghiệp, tăng cường tìm kiếm các khách hàng nhằm tư vấn niêm yết, phát hành huy động vốn

Nâng cao chất lượng của hoạt động nghiên cứu phân tích

Hoạt động nghiên cứu phân tích tiếp tục được xác định là hoạt động mũi nhọn nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng. Trong năm 2016, BVSC sẽ tập trung nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động phân tích bằng cách: Duy trì các hạng mục báo cáo định kỳ theo kế hoạch đồng thời dần nâng cao chất lượng từng loại báo cáo; Tăng tần suất các báo cáo chuyên đề chuyên sâu, tập trung vào các chủ đề đang được thị trường quan tâm; Tăng cường khuyến nghị cơ hội đầu tư theo phân tích cơ bản hoặc tín hiệu kỹ thuật, bám sát tín hiệu thị trường.

Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin

BVSC theo đuổi mô hình song song trong việc vận hành và phát triển, đảm bảo việc vận hành luôn ổn định, trong khi việc sáng tạo ra các sản phẩm được tập trung để có thể đưa sản phẩm ra thị trường nhanh hơn. Trong năm 2016, BVSC sẽ tiến hành nâng cấp và thay mới hệ thống máy chủ để đảm bảo tính liên tục hoạt động và sử dụng chi phí đầu tư một cách hiệu quả và tiết kiệm.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
TÀI SẢN NGẮN HẠN VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	**1.829**	**1.688**
Tiền và các khoản tương đương tiền	765	711
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	311	333
Các khoản phải thu ngắn hạn	752	640
Tài sản ngắn hạn khác	1	4
TÀI SẢN DÀI HẠN	**279**	**196**
Tài sản cố định	3	4
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	246	169
Tài sản dài hạn khác	30	23
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**2.108**	**1.884**
NỢ PHẢI TRẢ	**657**	**543**
Nợ ngắn hạn	657	543
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**1.451**	**1.341**
Vốn điều lệ đã góp	722	722
Thặng dư vốn cổ phần	610	610
Lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ	119	9
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**2.108**	**1.884**

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TÀI CHÍNH NĂM 2015

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2015	Năm 2014
Tổng doanh thu	**288**	**306**
Chi phí hoạt động kinh doanh	(106)	(114)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(61)	(59)
Chi phí khác	(0,4)	(0,6)
Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	**120**	**132**
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**116**	**132**

BAOVIET Invest
ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

Năm 2015, Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt đã phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế, góp phần vào thành công chung của Tập đoàn trong năm kỉ niệm 50 năm thành lập Bảo Việt.

Bước sang năm 2016, Công ty đặt mục tiêu cung cấp các giải pháp toàn diện về đầu tư, xây lắp và quản lý bất động sản cho Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên để khai thác có hiệu quả các tài sản là Bất động sản trong hệ thống Bảo Việt.

Ông Đinh Tiến Dũng

Tổng Giám đốc

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

Là một đơn vị thành viên của Tập đoàn Tài chính Bảo hiểm – Bảo Việt, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt được thành lập vào tháng 1/2009 trên cơ sở tổng hợp các nguồn lực tài chính, con người, chức năng, nhiệm vụ và những thành tựu to lớn trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng của Tập đoàn Bảo Việt, nhằm chuyên nghiệp hóa hoạt động đầu tư, xây dựng để phát huy hơn nữa vị thế, vai trò của một Tập đoàn Nhà nước trong nền kinh tế quốc gia.

Sau 7 năm hoạt động, Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt đã xây dựng được bộ máy hoạt động chính trong 3 lĩnh vực: kinh doanh đầu tư bất động sản; thi công xây lắp các công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông; dịch vụ quản lý bất động sản và kinh doanh thương mại.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2015

Năm 2015 là một năm với nhiều khó khăn và biến động nhưng với sự định hướng của Hội đồng Quản trị và sự chỉ đạo sát sao của Ban điều hành, Công ty đã nỗ lực hoàn thành kế hoạch kinh doanh với tổng doanh thu đạt khoảng 303 tỷ đồng, hoàn thành 104,9% kế hoạch năm, tổng tài sản đạt 459 tỷ đồng.

Tổng doanh thu đạt **303 tỷ đồng**

Hoàn thành **104,9%** so với kế hoạch

Tổng tài sản đạt **459 tỷ đồng**

tại 31/12/2015

Quy mô và cơ cấu tài sản

Tổng tài sản của Công ty Đầu tư Bảo Việt đạt 459 tỷ đồng tại 31/12/2015.

Trong bối cảnh thị trường bất động sản phục hồi yếu, cơ cấu tài sản của Đầu tư Bảo Việt vẫn giữ được độ ổn định qua các năm. Với mục tiêu ổn định, bền vững, Đầu tư Bảo Việt định hướng sẽ chú trọng đến chất lượng dịch vụ trong lĩnh vực quản lý tòa nhà và xây lắp, thi công công trình.

Tiến bộ Công ty đã đạt được trong năm 2015

Lĩnh vực đầu tư Bất động sản

Tính đến 31/12/2015, BVInvest đã thực hiện việc đầu tư và triển khai kinh doanh các căn hộ tại dự án:

- Dự án TT1,2,3 – Khu đô thị thành phố Giao lưu: Lợi nhuận năm 2015 ước đạt khoảng 11 tỷ đồng.
- Dự án Green Star (CT2): Lợi nhuận năm 2015 ước đạt hơn 5 tỷ đồng.
- Dự án N03-T1 và dự án N04A-CC – Khu Ngoại giao đoàn, Hà Nội: Lợi nhuận năm 2015 ước tính 3 tỷ đồng.
- Dự án The Legend – 109 Nguyễn Tuân, Hà Nội: đã tổ chức đánh giá, phân tích và lựa chọn đầu tư vào dự án.

Lĩnh vực thi công xây lắp

Trong năm 2015, hoạt động xây lắp của Công ty tập trung chủ yếu vào các đối tác truyền thống như Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Các công trình tại dự án Khu đô thi Thành phố Giao Lưu. Ngoài ra, một số đối tác mới khai thác như Ban quản lý các dự án giao thông tỉnh Thái Nguyên, Ban quản lý nhà ở và công sở -Sở Xây dựng HN…Trong quá trình triển khai thực hiện các dự án thi phần lớn các công trình đều đạt được yêu cầu về tiến độ, chất lượng, đảm bảo an toàn trong thi công.

Nâng cao chất lượng dịch vụ Quản lý tòa nhà

Công ty đã và đang khai thác, quản lý hiệu quả các tòa nhà thuộc Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên trên cả nước như: Tòa nhà Bảo Việt tại số 8 Lê Thái Tổ và 71 Ngô Sỹ Liên; Trung tâm tài chính Bảo Việt số 233 Đồng Khởi; Tòa nhà Bảo Việt Nhân thọ Bắc Giang, Long An; Tòa nhà Bảo Việt tại Thái Nguyên. Bên cạnh đó, Công ty cũng không ngừng hoàn thiện, đổi mới và nâng cao chất lượng dịch vụ quản lý tòa nhà để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Kiện toàn tổ chức bộ máy, tăng cường công tác quản trị

Để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh được vận hành một cách hiệu quả, BVInvest đã tiến hành rà soát, phân công chức năng nhiệm vụ của từng nhân sự trong Công ty; chuẩn hóa các qui trình hoạt động của Công ty; Quản lý tốt cơ sở vật chất, tài sản phục vụ cho các hoạt động kinh doanh.

Nâng cao chất lượng công tác Quản lý tài chính

Trong năm 2015, công ty thực hiện quản lý tài chính theo hướng an toàn nhưng vẫn đảm bảo linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn chế đầu tư vốn vào các hoạt động, giao dịch có rủi ro cao như các hợp đồng thương mại không có bảo đảm thanh toán, không giao dịch với các đối tác có tín nhiệm thấp.

MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH 2016

Năm 2016, kinh tế Việt Nam được nhận định đang bước vào chu kỳ tăng trưởng mới với những tín hiệu khả quan. Thị trường Bất động sản hiện nay đang ở giai đoạn phát triển mạnh mẽ, không chỉ dòng vốn ngoại mà cả dòng vốn nội cũng chảy mạnh vào lĩnh vực này. Đồng thời nhu cầu của khách hàng ở tất cả các phân khúc đều tăng mạnh. Nhờ yếu tố vĩ mô thuận lợi đó, thị trường BĐS tiếp tục đà tăng trưởng, xu hướng mua bán và sát nhập (M&A) ở lĩnh vực này có khả năng bùng nổ trong giai đoạn 2016-2017.

BVInvest sẽ tập trung quản lý các tài sản là trụ sở của Tập đoàn và các Công ty con, là kênh tư vấn đầu tư dài hạn cho Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên.

Với định hướng đó, BVInvest đặt mục tiêu phát triển bền vững với việc tập trung đầu tư nguồn lực vào ngành nghề cốt lõi là kinh doanh, đầu tư dự án BĐS, quản lý BĐS và cung cấp dịch vụ thi công xây lắp, với các chỉ tiêu tài chính trong năm 2016 như sau:

Tổng doanh thu đạt **339 tỷ đồng**

Lợi nhuận trước thuế đạt **18 tỷ đồng**

Để đạt được những mục tiêu tài chính nêu trên, Công ty Đầu tư Bảo Việt sẽ tập trung thực hiện các nhóm giải pháp trọng tâm sau:

Giải pháp đối với Khách hàng chiến lược

Đối với Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên của Bảo Việt, BVInvest tiếp tục thực hiện cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác vận hành các tòa nhà thuộc Bảo Việt trên toàn quốc; thực hiện thi công xây lắp, cải tạo sửa chữa các công trình của Bảo Việt; thực hiện đầu tư tạo lập, khai thác các Tòa nhà văn phòng, siêu thị tài chính bảo hiểm tại các địa bàn trọng điểm

Đối với khách hàng bên ngoài Tập đoàn Bảo Việt tranh thủ mọi cơ hội tìm kiếm, cung cấp dịch vụ quản lý tòa nhà; thi công xây lắp công trình có quy mô và yêu cầu công nghệ phù hợp với năng lực; tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án BĐS tiềm năng; chủ động mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác tiềm năng trong các lĩnh vực thi công xây lắp, quản lý tòa nhà, kinh doanh thiết bị…; Nghiên cứu tham gia một số dự án có nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, vốn đầu tư nước ngoài...

Giải pháp về Sản phẩm chiến lược

- Đầu tư dự án: tập trung đầu tư những dự án tiềm năng lớn như Tòa nhà chung cư tại Thanh Trì - Hà Nội, Resort Mũi Né, dự án đầu tư thứ cấp lô đất CT3-KĐT Thành phố Giao lưu, lô đất D27 – khu đô thị Cầu Giấy – Hà Nội…
- Dịch vụ kinh doanh BĐS: Nghiên cứu tham gia đầu tư, kinh doanh thứ cấp các dự án có tiềm năng, hiệu quả kinh tế cao, mang lại doanh thu lợi nhuận trong thời gian ngắn và trung hạn cho Công ty.
- Dịch vụ Quản lý tòa nhà: BVInvest sẽ tiếp tục xây dựng và phát triển dịch vụ quản lý tòa nhà, nâng cao chất lượng dịch vụ để cung cấp cho các tòa nhà thuộc Tập đoàn và các đơn vị thành viên. Bên cạnh đó, BVInvest từng bước mở rộng thị trường, phát triển cung cấp dịch vụ cho các đối tác ngoài Tập đoàn.
- Thi công xây lắp: Tiếp tục cung cấp dịch vụ thi công xây lắp đối với các công trình cải tạo, sửa chữa, xây mới trụ sở làm việc của các đơn vị thành viên trong Tập đoàn.Đối với thị trường ngoài Tập đoàn, Công ty đặt mục tiêu phát triển thi công các công trình hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật, các Công trình dân dụng với các đối tác lớn như Tổng Công ty phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC), Tổng Công ty phát triển hạ tầng và đầu tư tài chính Việt Nam (VIDIFI)….

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**290,1**	**459,7**
Tiền và các khoản tương đương tiền	86,6	76,5
Các khoản phải thu ngắn hạn	133,7	237,4
Hàng tồn kho	66,6	145,5
Tài sản ngắn hạn khác	3,2	0,3
TÀI SẢN DÀI HẠN	**169,3**	**1,8**
Tài sản cố định	1,9	1,3
Tài sản dài hạn khác	167,4	0,5
TỔNG TÀI SẢN	**459,4**	**461,5**
NỢ PHẢI TRẢ	**245,4**	**219,6**
Nợ ngắn hạn	245,4	219,6
Nợ dài hạn	0	0
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**214**	**241,9**
Vốn điều lệ đã góp	200	200
Lợi nhuận chưa phân phối và các Quỹ	14	41,9
TỔNG NGUỒN VỐN	**459,4**	**461,5**

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TÀI CHÍNH NĂM 2015

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu bán hàng	299,2	306,6
Giá vốn hàng bán	(267,3)	(278,6)
Doanh thu hoạt động tài chính	3,5	4,3
Chi phí tài chính	(0,5)	(0,5)
Chi phí bán hàng	(0,3)	(0,9)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(30,0)	(9,3)
Thu nhập khác	0	0,9
Chi phí khác	(0,5)	(0,5)
Lợi nhuận trước thuế	**4**	**22,0**
Lợi nhuận sau thuế	**0,3**	**17,2**

04

CỘNG HƯỞNG GIÁ TRỊ

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO
- TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ NĂM 2015
- PHÂN TÍCH QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN
- CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
- KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ
- QUẢN LÝ RỦI RO
- PHÁP CHẾ VÀ TUÂN THỦ

BAOVIET

CỘNG HƯỞNG GIÁ TRỊ

Giá trị được tạo ra khi doanh nghiệp khai thác và quản trị hiệu quả các nguồn lực trong hệ thống, giúp các nguồn lực bổ sung sức mạnh cho nhau, qua đó giúp nâng cao năng lực hoạt động, nâng cao thu nhập trên những tài sản và nguồn lực hiện có của doanh nghiệp nhằm mang lại những giá trị lớn hơn cho cổ đông và các bên liên quan.

TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Tại Tập đoàn Bảo Việt, Quản trị Công ty được xác định là yếu tố cốt lõi để đảm bảo tăng trưởng hiệu quả, phát triển bền vững trong dài hạn. Để tối đa hóa giá trị doanh nghiệp, Lãnh đạo Tập đoàn Bảo Việt không chỉ quan tâm đến mục tiêu thúc đẩy hoạt động kinh doanh nhằm tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong ngắn hạn, mà đã từng bước tập trung nâng cao năng lực quản trị theo thông lệ quốc tế, đảm bảo khai thác hiệu quả các nguồn lực, tạo ra giá trị bền vững trong dài hạn, và đặc biệt là thu hút nguồn vốn đầu tư vào doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, việc xây dựng hệ thống quản trị vững mạnh để kiểm soát, giám sát các hoạt động của doanh nghiệp một cách có trách nhiệm, minh bạch và hiệu quả là một nội dung quan trọng trong định hướng chiến lược phát triển của Bảo Việt, là nền tảng để tạo nên sức mạnh cộng hưởng trong doanh nghiệp. Sức mạnh cộng hưởng được tạo ra khi kết hợp nhiều nguồn lực trong hệ thống và quản trị các nguồn lực đó, giúp các nguồn lực bổ sung sức mạnh cho nhau nhằm kiến tạo nên những giá trị cộng hưởng.

Giá trị cộng hưởng là giá trị tăng thêm được tạo ra khi kết hợp các nguồn lực trong doanh nghiệp, qua đó doanh nghiệp sẽ có khả năng quản lý chi phí hiệu quả hơn, nâng cao thu nhập trên những tài sản và nguồn lực hiện có, tạo ra lợi nhuận và giá trị lớn hơn cho cổ đông và các bên liên quan.

Hiện tại, Tập đoàn Bảo Việt tuân thủ khung quản trị công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014 có hiệu lực từ ngày 01/7/2015, các quy định cụ thể hướng dẫn về Quản trị Công ty tại Thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính, quy định về niêm yết và giám sát niêm yết của Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, Tập đoàn Bảo Việt đã chủ động nghiên cứu, áp dụng các chuẩn mực và thông lệ quản trị công ty tốt trong khu vực và trên thế giới thông qua Dự án hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực giữa Tập đoàn Bảo Việt và cổ đông chiến lược - Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo của Nhật Bản, sử dụng công cụ Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN để nâng cao chuẩn mực và thực tiễn thực hành quản trị doanh nghiệp.

Mô hình quản trị doanh nghiệp của Bảo Việt được thực hiện dựa trên 5 giá trị cốt lõi sau:

CÔNG BẰNG

Bảo vệ quyền lợi của cổ đông và đảm bảo sự đối xử công bằng đối với mọi cổ đông, kể cả các cổ đông nhỏ lẻ và các cổ đông nước ngoài.

MINH BẠCH

Đảm bảo việc công khai thông tin về các vấn đề quan trọng liên quan tới doanh nghiệp bao gồm tình hình tài chính, kết quả hoạt động, quyền sở hữu, cơ cấu kiểm soát luôn được thực hiện một cách kịp thời và chính xác

TRÁCH NHIỆM

Công nhận quyền lợi của các Bên có quyền lợi liên quan theo quy định của pháp luật và khuyến khích sự hợp tác tích cực giữa các Bên trong việc tạo ra của cải, công ăn việc làm và đảm bảo tính bền vững về mặt tài chính của Bảo Việt

TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH

Đảm bảo việc cung cấp định hướng chiến lược cho công ty, đảm bảo việc giám sát có hiệu lực từ HĐQT, đảm bảo trách nhiệm giải trình của HĐQT trước công ty và các cổ đông

BỀN VỮNG

Đảm bảo mang lại lợi ích lâu dài và bền vững cho cổ đông và đảm bảo hài hòa các yếu tố quản trị liên quan đến phát triển kinh tế-xã hội và môi trường

CÁC NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ TẠI TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Để vận hành hiệu quả mô hình quản trị, Tập đoàn Bảo Việt đã xây dựng và ban hành hệ thống các quy chế quản lý nội bộ nhằm tạo ra cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự hài hòa với lợi ích của các bên liên quan bao gồm khách hàng, người lao động và cộng đồng.

Quản trị doanh nghiệp tại Tập đoàn Bảo Việt được thực hiện dựa trên các nguyên tắc sau:

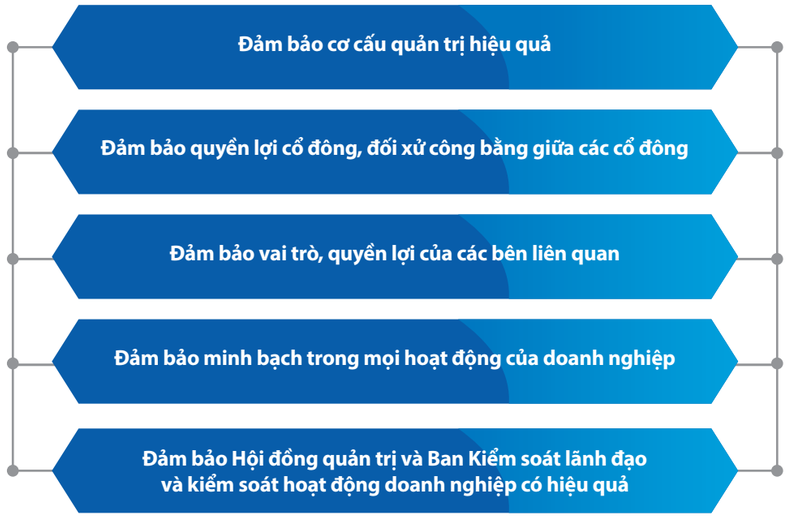

Mô hình Quản trị công ty Bền vững của Bảo Việt được thực hiện dựa trên các sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố sau:

Nền tảng cơ cấu quản trị công ty vững chắc

Cơ cấu quản trị của Bảo Việt có đầy đủ các chủ thể quản trị của một công ty niêm yết (Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ủy ban trực thuộc HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành…)

Chuẩn mực quản trị quốc tế

Tuân thủ các khuôn khổ và thông lệ quốc tế về Quản trị công ty của OECD, IFC, thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN, và mô hình quản trị tiên tiến trên cơ sở vận dụng mô hình của các đối tác chiến lược nước ngoài

Phù hợp thông lệ và pháp luật Việt Nam

Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, khuôn khổ pháp lý của Việt Nam và các quy chế quản trị cho công ty niêm yết tại Việt Nam, điều chỉnh, rà soát thay đổi thích nghi với điều kiện tại Việt Nam

Áp dụng thống nhất trên toàn Tập đoàn

Xây dựng và phát triển mô hình quản trị xuyên suốt toàn Tập đoàn nhằm đảm bảo tính thống nhất và nhất quán trong mọi hoạt động.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Từ ngày 01/7/2008, Tập đoàn Bảo Việt bắt đầu triển khai áp dụng mô hình quản trị doanh nghiệp mới được xây dựng dựa trên những thông lệ và chuẩn mực quốc tế tốt nhất, với đầy đủ các chủ thể quản trị của công ty niêm yết, bao gồm ĐHĐCĐ, HĐQT, các Ủy ban giúp việc cho HĐQT và Thư ký công ty, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành.

Trong quá trình triển khai áp dụng mô hình quản trị doanh nghiệp mới, Tập đoàn Bảo Việt đã thường xuyên rà soát tính hiệu quả trong việc vận hành mô hình quản trị doanh ng-hiệp nhằm đưa ra những điều chỉnh phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên.

Mô hình Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (tại ngày 31.12.2015)

Năm 2015, theo Đề án Tái cơ cấu Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt, Tập đoàn Bảo Việt đã tiến hành nghiên cứu và cơ cấu lại tổ chức Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt theo hướng: gọn nhẹ, hiệu quả, liên thông, tập trung đầu mối; tăng cường chuyên môn hóa, hợp lý hoá và hiệu quả trong quản trị, rõ ràng trong cơ chế báo cáo, rút ngắn thời gian ra quyết định để phù hợp với đòi hỏi ngày càng cao của thị trường. Theo đó, Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt bao gồm 03 Khối chức năng, 01 Trung tâm và 01 Chi nhánh trực thuộc.

Nhìn chung, cơ cấu quản trị doanh nghiệp hiện tại đã quy định rõ chức năng, hướng tới các thông lệ tốt nhất trong quản lý kinh doanh, xác định rõ nhiệm vụ và mối quan hệ giữa Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên.

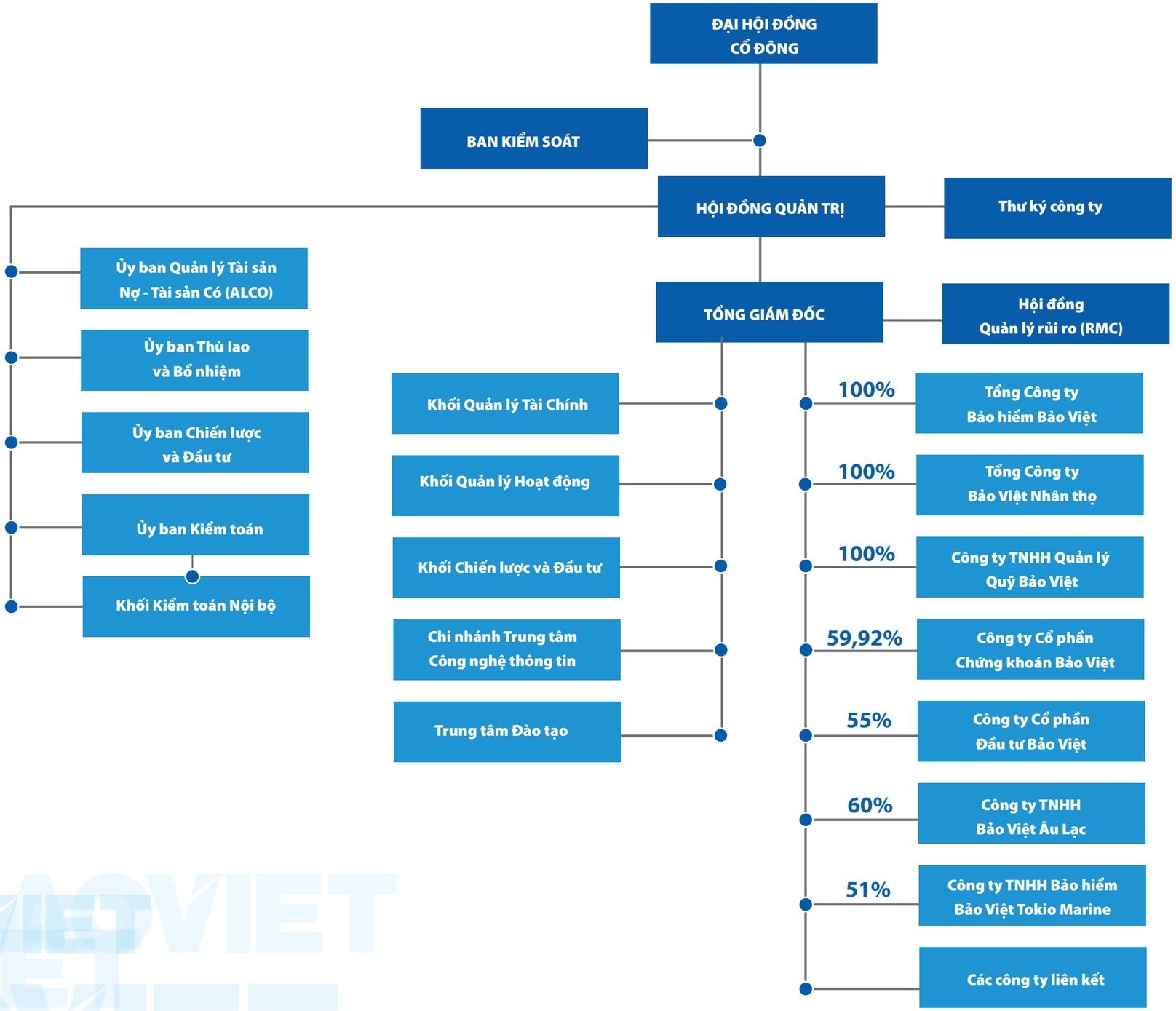

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Ông Đào Đình Thi

Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh;
Cử nhân kinh tế .

Chức vụ đang đảm nhiệm:

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tập đoàn Bảo Việt

Kinh nghiệm:

Trên 19 năm trong lĩnh vực tài chính

Chức vụ công tác đã qua:

- Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam;
- Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Viglacera kiêm Giám đốc Ban Tài chính kế toán Tổng Công ty Viglacera;
- Kế toán trưởng Tổng Công ty Viglacera kiêm Giám đốc Ban Tài chính đầu tư Tổng Công ty kiêm Giám đốc Công ty Kinh doanh Bất động sản Viglacera.

Quốc tịch: Việt Nam

Ông Nguyễn Quang Phi

Thành viên HĐQT,
Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh;
Cử nhân kinh tế bảo hiểm.

Chức vụ đang đảm nhiệm:

Thành viên Hội đồng Quản trị,
Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt

Kinh nghiệm:

Trên 20 năm trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm

Chức vụ công tác đã qua:

- Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- Phó Trưởng phòng, Quyền Trưởng phòng, Trưởng phòng Bảo hiểm Tàu thủy, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- Phó Trưởng phòng Marketing, Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam;
- Trưởng phòng Bảo hiểm Tài sản kỹ thuật, Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện;
- Phó trưởng phòng, phụ trách phòng Thị trường, Công ty cổ phần Bảo hiểm PJICO.

Quốc tịch: Việt Nam

Ông Nguyễn Đức Tuấn

Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1957

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh;
Cử nhân Kinh tế.

Chức vụ đang đảm nhiệm:

Thành viên Hội đồng Quản trị
Tập đoàn Bảo Việt.

Kinh nghiệm:

Trên 30 năm trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm

Chức vụ công tác đã qua:

- Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ;
- Tổng Giám đốc Bảo hiểm Nhân thọ Việt Nam;
- Phó Tổng Giám đốc Bảo hiểm Nhân thọ Việt Nam;
- Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Ông Phan Kim Bằng

Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1965

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh kế

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt;
Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

Kinh nghiệm:

Trên 28 năm trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm

Chức vụ công tác đã qua:

- Trưởng ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt;
- Phó Giám đốc Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt;
- Trưởng ban Kiểm toán hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ Tập đoàn Bảo Việt;
- Phó Trưởng phòng Bảo hiểm Con người, Trưởng Phòng Quản lý Đại lý, Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam;
- Trưởng phòng Bảo hiểm khu vực, Trưởng phòng Tài chính kế toán, Công ty Bảo hiểm Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam

Ông Đậu Minh Lâm

Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng,
Cử nhân kinh tế.

Chức vụ đang đảm nhiệm:

Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt; Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt.

Kinh nghiệm:

Trên15 năm trong lĩnh vực đầu tư tài chính

Chức vụ công tác đã qua:

- Giám đốc Khối Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt;
- Giám đốc Đầu tư, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt;
- Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Đầu tư, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt;
- Trưởng phòng Đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt;
- Phó phòng phụ trách phòng Kế toán tổng hợp, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt;
- Phó phòng Đầu tư trực tiếp, Trung tâm Đầu tư, Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam.

Quốc tịch: Việt Nam

Bà Thân Hiền Anh

Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh,
Cử nhân ngân hàng, Cử nhân bảo hiểm.

Chức vụ đang đảm nhiệm:

Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt; Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.

Kinh nghiệm:

Trên 19 năm trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm

Chức vụ công tác đã qua:

- Giám đốc Khối Chiến lược và Quản lý rủi ro;
- Giám đốc Khối Xây dựng chiến lược;
- Giám đốc Dự án Tái cấu trúc Tập đoàn Bảo Việt;
- Giám đốc điều hành kiêm Giám đốc Dự án chuyển đổi chiến lược; Giám đốc Khối Truyền thông kiêm Giám đốc dự án chuyển đổi thương hiệu; Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM), Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) ;
- Trưởng phòng Phát triển và hỗ trợ Kinh doanh, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (BVFMC).

Quốc tịch: Việt Nam

Ông Nguyễn Quốc Huy

Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh,
Cử nhân kế toán.

Chức vụ đang đảm nhiệm:

Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt; Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

Kinh nghiệm:

Trên 24 năm trong lĩnh vực tài chính, đầu tư

Chức vụ công tác đã qua:

- Ủy viên Hội đồng thành viên, Trưởng ban Kiểm soát Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước;
- Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng, Phó Giám đốc Công ty Kiểm toán Việt Nam;

Quốc tịch: Việt Nam

Ông Yoshiharu Yukihira

Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1962

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh,
Cử nhân Kinh tế.

Chức vụ:

Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt; Thành viên HĐTV Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ đến ngày 27/03/2016.

Kinh nghiệm:

Trên 30 năm trong lĩnh vực bảo hiểm, đầu tư

Chức vụ công tác đã qua:

- Trưởng Văn phòng Đại diện Sumitomo Life tại Hà Nội;
- Phó Giám Đốc, Phòng Quan hệ Khách hàng Tổ chức Tài chính Sumitomo Life;
- Trưởng phòng, Phòng Xúc tiến bán hàng các Chương trình hưu trí đóng góp xác định Sumitomo Life;
- Phó Chủ tịch điều hành, Sumitomo Life Insurance Agency America;
- Trợ lý Giám Đốc Sumitomo Life, Chi Nhánh Sapporo, Nhật Bản.

Quốc tịch: Nhật Bản

Ông Sasagawa Muneo

Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1964

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Luật,
Cử nhân Luật.

Chức vụ đang đảm nhiệm:

Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (từ 7/2015);
Giám đốc Kinh doanh Quốc tế Sumitomo Life, Nhật Bản.

Kinh nghiệm:

Trên 20 năm trong lĩnh vực bảo hiểm

Chức vụ công tác đã qua:

-Giám đốc Kinh doanh quốc tế Sumitomo Life;
- Giám đốc, Văn phòng chi nhánh Shiga;
- Phó Giám đốc - Phòng hỗ trợ phát triển;
- Phó Giám đốc - Phòng marketing;
- Nhân thọ PICC (Công ty liên doanh tại Trung Quốc;)
- Trưởng bộ phận Kế hoạch;
- Quản lý nhân viên đặc biệt, Bộ phận Kế hoạch;
- Phó Phòng - bộ phận Phát triển kinh doanh cá nhân;
- Sumitomo Life America Công ty thành viên Sumitomo Life tại Mỹ;

Quốc tịch: Nhật Bản

BAN ĐIỀU HÀNH TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Ông Nguyễn Quang Phi
Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1973
Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh;
Cử nhân kinh tế bảo hiểm.
Chức vụ đang đảm nhiệm:
Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt
Kinh nghiệm:
Trên 20 năm trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm
Chức vụ công tác đã qua:
- Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- Phó Trưởng phòng, Quyền Trưởng phòng, Trưởng phòng Bảo hiểm Tàu thủy, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- Phó Trưởng phòng Marketing, Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam;
- Trưởng phòng Bảo hiểm Tài sản kỹ thuật, Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện;
- Phó trưởng phòng, phụ trách phòng Thị trường, Công ty cổ phần Bảo hiểm PJICO.

Quốc tịch: Việt Nam

Đỗ Trường Minh
Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động

Năm sinh: 1971
Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ An toàn Hàng hải;
Kỹ sư Hàng hải
Chức vụ đang đảm nhiệm:
Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt, Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
Kinh nghiệm:
Trên 15 năm trong lĩnh vực bảo hiểm
Chức vụ công tác đã qua:
- Phó Giám đốc Ban Bảo hiểm Hàng hải, Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (PTI);
- Trưởng phòng Pháp chế, Trưởng phòng Kế hoạch đầu tư, Giám đốc chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ hàng hải, Phó Giám đốc công ty TNHH MTV Vận tải tàu cao tốc Bắc Nam thuộc Công ty Vận tải Viễn dương Vinashin (Vinashinlines).

Quốc tịch: Việt Nam

Nguyễn Minh Hoàng
Giám đốc Khối Chiến lược và Đầu tư

Năm sinh: 1975
Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Cử nhân ngân hàng
Chức vụ đang đảm nhiệm:
Giám đốc Khối Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt; Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ BVIF.
Kinh nghiệm:
Trên 18 năm trong lĩnh vực tài chính.
Chức vụ công tác đã qua:
- Tổng Giám đốc Công ty Tài chính Công nghiệp tàu thủy
- Giám đốc Công ty Cho thuê tài chính Vinashin, Công ty cho thuê tài chính Công nghiệp tàu thủy;
- Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng, Công ty Tài chính Công nghiệp tàu thủy;
- Giám đốc, Công ty Chứng khoán Vinashin.

Quốc tịch: Việt Nam

Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc phụ trách Khối Quản lý tài chính

Năm sinh: 1979
Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Kinh tế,
Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán, cử nhân Luật.
Chức vụ đang đảm nhiệm:
Phó Giám đốc phụ trách Khối Quản lý Tài chính Tập đoàn Bảo Việt; Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.
Kinh nghiệm:
Trên 15 năm trong lĩnh vực tài chính
Chức vụ công tác đã qua:
- Phó Giám đốc phụ trách Khối Kiểm toán Nội bộ Tập đoàn Bảo Việt
- Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam (VIWASEEN);
- Kế toán trưởng Tổng Công ty VIWASEEN
- Kiểm soát viên trưởng Tổng Công ty VIWASEEN
- Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty VIWASEEN
- Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch Tổng Công ty VIWASEEN

Quốc tịch: Việt Nam

Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán trưởng

Năm sinh: 1977
Trình độ chuyên môn:
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Cử nhân Quản trị kinh doanh
Chức vụ đang đảm nhiệm:
Kế toán trưởng Tập đoàn Bảo Việt, Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC).
Kinh nghiệm:
Trên 17 năm trong lĩnh vực tài chính kế toán
Chức vụ công tác đã qua:
- Phó Giám đốc Khối Quản lý Tài chính Tập đoàn Bảo Việt;
- Trưởng Ban Tài chính, Kế hoạch – Tài chính Tập đoàn Bảo Việt;
- Phó Trưởng ban Kế hoạch – Tài chính Tập đoàn Bảo Việt;
- Phó trưởng phòng Kế toán Hội sở - Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt;

Quốc tịch: Việt Nam

Trịnh Minh Hoàng
Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Trung tâm CNTT

Năm sinh: 1973
Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân công nghệ thông tin.
Chức vụ đang đảm nhiệm:
Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Trung tâm Công nghệ thông tin, Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.
Kinh nghiệm:
Trên 20 năm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin
Chức vụ công tác đã qua:
- Phó Giám đốc Phụ trách Trung tâm Công nghệ thông tin Tập đoàn Bảo Việt.
- Phó Giám đốc Khối Công nghệ thông tin Tập đoàn Bảo Việt
- Trưởng ban Phát triển ứng dụng Tập đoàn Bảo Việt
- Giám đốc Trung tâm thông tin Bảo Việt Nhân thọ
- Phó Giám đốc Trung tâm thông tin Bảo Việt Nhân thọ
- Trưởng phòng Phát triển ứng dụng, Trung tâm tin học, Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam

Quốc tịch: Việt Nam

Nguyễn Thanh Hải
Giám đốc
Trung tâm đào tạo

Năm sinh: 1972
Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kinh tế.
Chức vụ đang đảm nhiệm: Giám đốc Trung tâm Đào tạo Bảo Việt.
Kinh nghiệm:
Trên 20 năm trong lĩnh vực tài chính kế toán
Chức vụ công tác đã qua:
- Kế toán trưởng Tập đoàn Bảo Việt ;
- Phó Trưởng ban, Trưởng ban Kế hoạch Tài chính Tập đoàn Bảo Việt;
- Phó Giám đốc, Quyền Giám đốc, Giám đốc Bảo Việt Nhân thọ Quảng Ninh;
- Trưởng phòng Tài chính kế toán, Bảo Việt Nhân thọ Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam

BAN KIỂM SOÁT TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Ông Nguyễn Ngọc Thụy
Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1964
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế.
Chức vụ đang đảm nhiệm:
Trưởng ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt.
Kinh nghiệm:
Trên 30 năm trong lĩnh vực tài chính, kế toán
Chức vụ công tác đã qua:
- Thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam;
- Trợ lý tín dụng văn phòng Cộng đồng Châu Âu vùng phía Bắc tại Hải Phòng;
- Chuyên viên tín dụng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn TP. Hải Phòng.

Quốc tịch: Việt Nam

Ông Ông Tiến Hùng
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1964
Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh;
Cử nhân kinh tế.
Chức vụ đang đảm nhiệm:
Thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt; Giám đốc Ban Kiểm tra nội bộ và quản lý rủi ro, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
Kinh nghiệm:
Trên 26 năm trong lĩnh vực tài chính, kế toán
Chức vụ công tác đã qua:
- Trưởng phòng Kiểm tra nội bộ và Quản lý rủi ro, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- Phó Trưởng phòng Thanh tra nội bộ ngành; Thanh tra viên chính, Thanh tra Bộ Tài chính.

Quốc tịch: Việt Nam

Ông Đặng Thái Quý
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1976
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân kinh tế.
Chức vụ đang đảm nhiệm:
Thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt; Trưởng phòng Quản lý Tài chính doanh nghiệp giao thông – xây dựng, Cục Tài chính doanh nghiệp, Bộ Tài chính.
Kinh nghiệm:
Trên 17 năm trong lĩnh vực tài chính, kế toán
Chức vụ công tác đã qua:
- Chuyên viên Cục Tài chính doanh nghiệp, Bộ Tài chính;
- Chuyên viên Vụ Giao thông Bưu điện – Tổng cục Quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp.

Quốc tịch: Việt Nam

Bà Phí Thị Quỳnh Nga
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1979
Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Luật học, Luật sư
Chức vụ đang đảm nhiệm:
Thành viên Ban Kiểm soát viên Tập đoàn Bảo Việt, Trưởng phòng Pháp chế và Tuân thủ, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.
Kinh nghiệm:
Trên 15 năm trong lĩnh vực pháp chế, kiểm toán
Chức vụ công tác đã qua:
- Phó Trưởng phòng Tổng hợp phụ trách bộ phận pháp chế, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.

Quốc tịch: Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị đã phát huy tốt vai trò dẫn dắt trong việc chỉ đạo xây dựng các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh năm 2015 với trọng tâm là thực hiện chiến lược tăng trưởng và phát triển bền vững, đẩy mạnh các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong quản trị, điều hành doanh nghiệp, tăng cường hợp tác nội bộ nhằm phát huy sức mạnh tổng thể của toàn Tập đoàn.

CƠ CẤU THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2015, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt, đã phát huy tốt vai trò và trách nhiệm, cụ thể như sau:

- Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 ngày 17/4/2015 đã thông qua việc bầu thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt với các Ông/Bà Đào Đình Thi, Phan Kim Bằng, Đậu Minh Lâm, và Thân Hiền Anh đã được HĐQT bổ nhiệm vào ngày 23/12/2014.

- Tháng 07/2015, Hội đồng Quản trị bổ nhiệm ông Muneo Sasagawa là thành viên HĐQT thay thế ông Kono Shinzo có đơn từ nhiệm. Theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan, việc bổ nhiệm này sẽ được HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 của Tập đoàn Bảo Việt chấp thuận theo hình thức bầu, thay thế thành viên HĐQT.

Việc kiện toàn Hội đồng Quản trị đã tăng cường năng lực quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, góp phần quan trọng triển khai đồng bộ, thống nhất các nhiệm vụ trọng tâm trên toàn hệ thống Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt trong năm 2015 và giai đoạn 2016 – 2020.

Như vậy, danh sách HĐQT Tập đoàn Bảo Việt tại thời điểm ngày 31/12/2015 gồm các ông/bà có tên sau:

Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2012 – 2017 (tại thời điểm 31/12/2015)

STT	Họ và tên	Chức danh	Thành viên HĐQT	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Tập đoàn Bảo Việt	Chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác tại Việt Nam
1	Ông **Đào Đình Thi**	Chủ tịch HĐQT	Chuyên trách	25,82% (Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 175.707.452 cổ phần)	Không có
2	Ông **Nguyễn Quang Phi**	Thành viên HĐQT	Điều hành	16,27% (• Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 111.410.384 cổ phần • Sở hữu cá nhân: 1.194 cổ phần)	Không có
3	Ông **Phan Kim Bằng**	Thành viên HĐQT	Không điều hành	7,18% (• Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 48.848.000 cổ phần • Sở hữu cá nhân: 500 cổ phần)	1. Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt. 2. Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty CP Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam.
4	Ông **Nguyễn Đức Tuấn**	Thành viên HĐQT	Chuyên trách	7,18% (• Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 48.848.000 cổ phần • Sở hữu cá nhân: 3.200 cổ phần)	Không có
5	Bà **Thân Hiền Anh**	Thành viên HĐQT	Không điều hành	7,18% (Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 48.848.000 cổ phần)	Không có

STT	Họ và tên	Chức danh	Thành viên HĐQT	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Tập đoàn Bảo Việt	Chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác tại Việt Nam
6	Ông **Đậu Minh Lâm**	Thành viên HĐQT	Không điều hành	7,18% (Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 48.848.000 cổ phần)	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bảo Việt
7	Ông **Yukihira Yoshiharu**	Thành viên HĐQT	Không điều hành	18% (Đại diện sở hữu phần vốn SML: 122.509.091 cổ phần)	Không có
8	Ông **Muneo Sasagawa**	Thành viên HĐQT	Không điều hành	0%	Không có
9	Ông **Nguyễn Quốc Huy**	Thành viên HĐQT	Độc lập	3,26% (Đại diện sở hữu phần vốn SCIC: 22.154.400 cổ phần)	1. Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên 2. Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Điện tử tin học Việt Nam (VEIC) 3. Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần liên hiệp vận chuyển (Gemadept)

Hiện tại, số lượng thành viên HĐQT chuyên trách và không điều hành của Tập đoàn Bảo Việt đang là 08 thành viên trên tổng số 09 thành viên HĐQT. Điều này giúp đảm bảo tính độc lập của Hội đồng Quản trị trong việc xem xét, phê chuẩn và ra quyết định đối với các vấn đề Ban Điều hành đề xuất.

Tuy nhiên, hiện tại Tập đoàn Bảo Việt chỉ có 01 thành viên HĐQT độc lập là ông Nguyễn Quốc Huy và chưa đảm bảo quy định một phần ba số lượng thành viên HĐQT phải là thành viên HĐQT độc lập theo quy định tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng. Thực tế này xuất phát từ việc Tập đoàn Bảo Việt là Doanh nghiệp niêm yết hiện Nhà nước đang nắm giữ cổ phần chi phối đến 74,16%. Tập đoàn Bảo Việt đã báo cáo cổ đông lớn – Bộ Tài chính về việc triển khai thực hiện theo đúng quy định này, đồng thời xây dựng lộ trình và giải pháp cụ thể để đáp ứng tiêu chuẩn về cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị độc lập theo luật định.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2015

HĐQT họp định kỳ nhằm đánh giá tình hình hoạt động và đưa ra các định hướng phát triển của Bảo Việt

Thực hiện quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt, trong năm 2015, HĐQT Tập đoàn Bảo Việt duy trì việc họp định kỳ hàng quý nhằm bàn bạc, trao đổi, thống nhất và kịp thời đưa ra các chỉ đạo trong điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. HĐQT đã tổ chức 05 (năm) cuộc họp trong đó có 04 (bốn) cuộc họp định kỳ hàng quý và 01 (một) cuộc họp mở rộng để thực hiện việc tạm giao Kế hoạch kinh doanh năm 2016 cho Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con Tập đoàn đầu tư 100% vốn điều lệ.

Việc tổ chức các cuộc họp của HĐQT đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt và Luật Doanh nghiệp. Các thành viên HĐQT đã tham dự trực tiếp các cuộc họp HĐQT hoặc ủy quyền cho các thành viên HĐQT dự họp và biểu quyết theo đúng quy định tại Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt và Quy chế hoạt động của HĐQT, cụ thể như sau:

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị Hội đồng quản trị trong năm 2015

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Đào Đình Thi	Chủ tịch HĐQT	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT 23/12/2014	05/05	100%	
2	Ông Nguyễn Quang Phi	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT 25/6/2014	05/05	100%	
3	Ông Phan Kim Bằng	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT 23/12/2014	05/05	100%	
4	Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT 04/10/2007	05/05	100%	
5	Ông Đậu Minh Lâm	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT 23/12/2014	05/05	100%	
6	Bà Thân Hiển Anh	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT 23/12/2014	05/05	100%	

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT) trong năm 2015

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
7	Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT 23/9/2009	05/05 (3 buổi tham dự trực tiếp, 2 buổi tham dự thông qua ủy quyền)	100%	Do bận công tác và đã cử người đại diện theo ủy quyền dự họp
8	Ông Muneo Sasagawa	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT 02/7/2015	05/05	100%	
9	Ông Yukihira Yoshiharu	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT 24/4/2013 Ngày không còn là thành viên HĐQT 28/3/2016	05/05	100%	
10	Ông Kono Shinzo	Thành viên HĐQT	Ngày không còn là thành viên HĐQT 01/7/2015	02/02	100%	

Các cuộc họp HĐQT đã tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2015, rà soát thực hiện chiến lược 2011 – 2015 và chỉ đạo triển khai xây dựng chiến lược kinh doanh giai đoạn 2016 – 2020; chỉ đạo tổ chức ĐHĐCĐ bất thường và thường niên năm 2015 theo đúng thời hạn và trình tự quy định; chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2015; kiện toàn nhân sự lãnh đạo cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt; triển khai các hoạt động chào mừng 50 năm thành lập Tập đoàn; chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án Tái cơ cấu Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt,... Các Nghị quyết được HĐQT thống nhất đưa ra tại các cuộc họp là những định hướng quan trọng giúp Ban Điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của Tập đoàn hiệu quả.

Các Nghị quyết HĐQT ban hành trong năm 2015

Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung
01/2015/NQ-HĐQT	23/01/2015	Phê duyệt Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường 2015 và ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 của Tập đoàn Bảo Việt
02/2015/NQ-HĐQT	05/02/2015	• Thông qua kết quả công tác của HĐQT Quý IV/2014 và kế hoạch công tác Quý I/2015; • Ghi nhận Ước thực hiện kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên; • Định hướng xây dựng kế hoạch năm 2015 và các nhiệm vụ trọng tâm năm 2015 của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên; • Báo cáo tình hình thực hiện Đề án Tái cơ cấu Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt; • Kết quả thực hiện chức năng nhiệm vụ năm 2014 và Kế hoạch công tác năm 2015 của Ủy ban Kiểm toán và Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt.
03/2015/NQ-HĐQT	02/4/2015	Báo cáo kết quả kinh doanh năm tài chính 2014 của Tập đoàn Bảo Việt theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam; • Kế hoạch kinh doanh năm 2015 trình ĐHĐCĐ thông qua; • Phương án sử dụng LNST năm 2014 và kế hoạch sử dụng LNST năm 2015 trình ĐHĐCĐ thông qua.
04/2015/NQ-HĐQT	02/4/2015	Tái cơ cấu tổ chức bộ máy Tập đoàn Bảo Việt; • Kiện toàn nhân sự cấp cao tại Tập đoàn Bảo Việt; • Kiện toàn những Người đại diện vốn của Tập đoàn Bảo Việt tại Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt và Công ty CP Đầu tư Bảo Việt.
05/2015/NQ-HĐQT	02/4/2015	Kiện toàn nhân sự cấp cao tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
06/2015/NQ-HĐQT	02/4/2015	• Thông qua kết quả công tác của HĐQT Quý I/2015 và kế hoạch công tác Quý II/2015; • Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 và Kế hoạch kinh doanh năm 2015 của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên; • Tiến độ thực hiện Dự án tăng vốn điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt; • Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2015 và ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 của Tập đoàn Bảo Việt. • Báo cáo hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và Kiểm toán nội bộ Quý I/2015 và Kế hoạch Quý II/2015; Kiện toàn tổ chức bộ máy của Kiểm toán nội bộ.

Các Nghị quyết HĐQT ban hành trong năm 2015

Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung
07/2015/NQ-HĐQT	17/4/2015	Bầu Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Bảo Việt.
08/2015/NQ-HĐQT	16/6/2015	Bầu Chi trả cổ tức năm tài chính 2014 của Tập đoàn Bảo Việt. tịch HĐQT Tập đoàn Bảo Việt.
09/2015/NQ-HĐQT	01/7/2015	Bổ nhiệm ông Muneo Sasagawa là thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt.
10/2015/NQ-HĐQT	28/7/2015	Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt.
11/2015/NQ-HĐQT	13/8/2015	Thông qua kết quả công tác của HĐQT Quý II/2015 và kế hoạch công tác Quý III/2015; • Kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2015 và Ước thực hiện Kế hoạch kinh doanh năm 2015 của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên; • Báo cáo tình hình thực hiện Đề án Tái cơ cấu Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt; • Báo cáo hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và Kiểm toán nội bộ 6 tháng đầu năm 2015 và Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2015
12/2015/NQ-HĐQT	30/10/2015	• Thông qua kết quả công tác của HĐQT Quý III/2015 và kế hoạch công tác Quý IV/2015; • Kết quả hoạt động kinh doanh 9 tháng đầu năm 2015 và Ước thực hiện Kế hoạch kinh doanh năm 2015 của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên; • Các nhiệm vụ trọng tâm năm 2016 của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên; • Báo cáo tình hình thực hiện Đề án Tái cơ cấu Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt; • Hoàn thiện chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020 của Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt; • Báo cáo hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và Kiểm toán nội bộ 9 tháng đầu năm 2015 và Kế hoạch công tác 3 tháng cuối năm 2015.
13/2015/NQ-HĐQT	18/12/2015	• Ghi nhận ước thực hiện kế hoạch kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt năm 2015; • Kế hoạch kinh doanh năm 2016 của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên; • Hoàn thiện chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020 của Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt trình ĐHĐCĐ thông qua.

Chỉ đạo công tác Quản trị doanh nghiệp và nhân sự cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt

Tái cơ cấu tổ chức bộ máy: Theo Đề án Tái cơ cấu Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt, Tập đoàn Bảo Việt đã tiến hành nghiên cứu và cơ cấu lại tổ chức Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt theo hướng: gọn nhẹ, hiệu quả, liên thông, tập trung đầu mối; tăng cường chuyên môn hóa, hợp lý hoá và hiệu quả trong quản trị, rõ ràng trong cơ chế báo cáo, rút ngắn thời gian ra quyết định để phù hợp với đòi hỏi ngày càng cao của thị trường. Song song với việc tái cơ cấu tổ chức bộ máy, Tập đoàn Bảo Việt đã tiến hành kiện toàn lãnh đạo cấp cao và cấp trung nhằm nâng cao năng lực quản lý, điều hành trong các lĩnh vực Quản lý Hoạt động, Quản lý Tài chính, Chiến lược và Đầu tư, ...tại Tập đoàn Bảo Việt.

Tái cơ cấu cơ chế quản trị: Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện rà soát và hoàn thiện các Quy chế liên quan tới hoạt động của HĐQT, hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT; hoàn thiện và ban hành các Quy chế quản trị nội bộ quan trọng như: Quy chế Người đại diện vốn tại doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tập đoàn, Quy chế Đầu tư, Quy chế Quản lý rủi ro, Quy chế luân chuyển, điều động cán bộ, ...; tiến hành rà soát, sửa đổi Điều lệ, Quy chế Quản trị Tập đoàn Bảo Việt và Điều lệ các công ty con Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ trên cơ sở phù hợp với Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/7/2015.

Chỉ đạo công tác xây dựng, phê duyệt kế hoạch kinh doanh và chiến lược kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt

Trên cơ sở phân tích, dự báo tình hình kinh tế và đánh giá thực trạng các ngành bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán trong năm 2015, HĐQT đã tập trung chỉ đạo Ban Điều hành xây dựng các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh năm 2015 trong đó tiếp tục tập trung thực hiện chiến lược tăng trưởng và phát triển bền vững, cụ thể là: đẩy mạnh các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong quản trị, điều hành doanh nghiệp, tăng cường hợp tác nội bộ nhằm phát huy sức mạnh tổng thể của toàn Tập đoàn Tài chính Bảo hiểm Bảo Việt thông qua triển khai Đề án Hợp lực, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư tài chính, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các chương trình an sinh xã hội, hướng tới cộng đồng, khẳng định vị thế của một Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam.

HĐQT cũng chỉ đạo rà soát việc thực hiện chiến lược giai đoạn 2011 – 2015 và xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020 với tầm nhìn đến năm 2025 là Giữ vững vị thế Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, tiềm lực tài chính mạnh, tăng trưởng hiệu quả và bền vững.

Tổ chức họp ĐHĐCĐ và báo cáo xin ý kiến ĐHĐCĐ về các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ

Năm 2015, HĐQT Tập đoàn Bảo Việt đã triệu tập 02 cuộc họp ĐHĐCĐ, cụ thể:

01 cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường ngày 17/4/2015 để trình ĐHĐCĐ chấp thuận việc Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt bổ nhiệm các Thành viên HĐQT trong năm 2014 qua phương thức bầu dồn phiếu.

01 cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên ngày 17/4/2015 thảo luận và thông qua các vấn đề:

- Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2014 và Kế hoạch hoạt động năm 2015;
- Báo cáo về kết quả kinh doanh năm 2014 và Kế hoạch kinh doanh năm 2015 của Tập đoàn Bảo Việt;
- Thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát cho năm tài chính 2014 và mức thù lao của HĐQT và BKS cho năm tài chính 2015;
- Phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2014 và kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015;
- Bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Bảo Việt;
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt;
- Báo cáo của Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2014 – 2015 và chương trình hoạt động của Ban Kiểm soát giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2015 – 2016.

ĐHĐCĐ bất thường năm 2015 và ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 của Tập đoàn Bảo Việt đã diễn ra theo đúng trình tự các bước quy định trong Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt cũng như các quy định khác đối với công ty niêm yết. Trước khi tổ chức Đại hội, Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện việc thông báo chốt danh sách cổ đông; thông báo mời họp; công bố các tài liệu sẽ trình tại Đại hội và thực hiện công bố Báo cáo tài chính theo đúng quy định.

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2015, HĐQT đã triển khai thực hiện các vấn đề được ĐHĐCĐ thông qua.

Chỉ đạo giải quyết các công việc và đưa ra các quyết định quan trọng thuộc thẩm quyền theo đề xuất của Tổng Giám đốc để kịp thời triển khai các hoạt động kinh doanh hàng ngày của doanh nghiệp

Ngoài các phiên họp trực tiếp của HĐQT, HĐQT đã thông qua các quyết định theo phương thức lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo giải quyết các sự vụ cụ thể thuộc thẩm quyền của HĐQT theo đề xuất của Tổng Giám đốc Tập đoàn và các Ủy ban thuộc HĐQT. Trong năm 2015, HĐQT đã giải quyết hơn 100 vấn đề có liên quan đến các định hướng lớn về quản trị doanh nghiệp, hoàn thiện và ban hành các quy chế quản trị nội bộ, đầu tư phát triển nguồn nhân lực, kiện toàn bộ máy lãnh đạo, định hướng hoạt động đầu tư tập trung trên toàn hệ thống v.v...; chỉ đạo điều chỉnh cơ cấu tổ chức quản trị, giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Điều hành trong việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị được ban hành dựa trên tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên Hội đồng Quản trị vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển bền vững của Tập đoàn.

HĐQT thực hiện tốt việc giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn

Trong năm 2015, thông qua: (i) các báo cáo và đề xuất của Tổng Giám đốc/Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt (BĐH) tại cuộc họp của HĐQT và (ii) thông qua các nghị quyết, quyết định, thông báo của HĐQT đến Tổng Giám đốc/BĐH, BĐH đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, quyết liệt các giải pháp kinh doanh trên tinh thần chủ động, sáng tạo, khắc phục khó khăn, thực hành tiết kiệm, quyết tâm thực hiện các mục tiêu kinh doanh đã đề ra. Trong quá trình điều hành, BĐH đã tuân thủ theo đúng phân cấp quản trị, chỉ đạo của HĐQT tại Điều lệ, Quy chế Quản trị, các quy chế nội bộ của Tập đoàn cũng như các Nghị quyết, Thông báo, chỉ đạo của HĐQT để hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo đúng các định hướng, chỉ đạo của HĐQT, cụ thể:

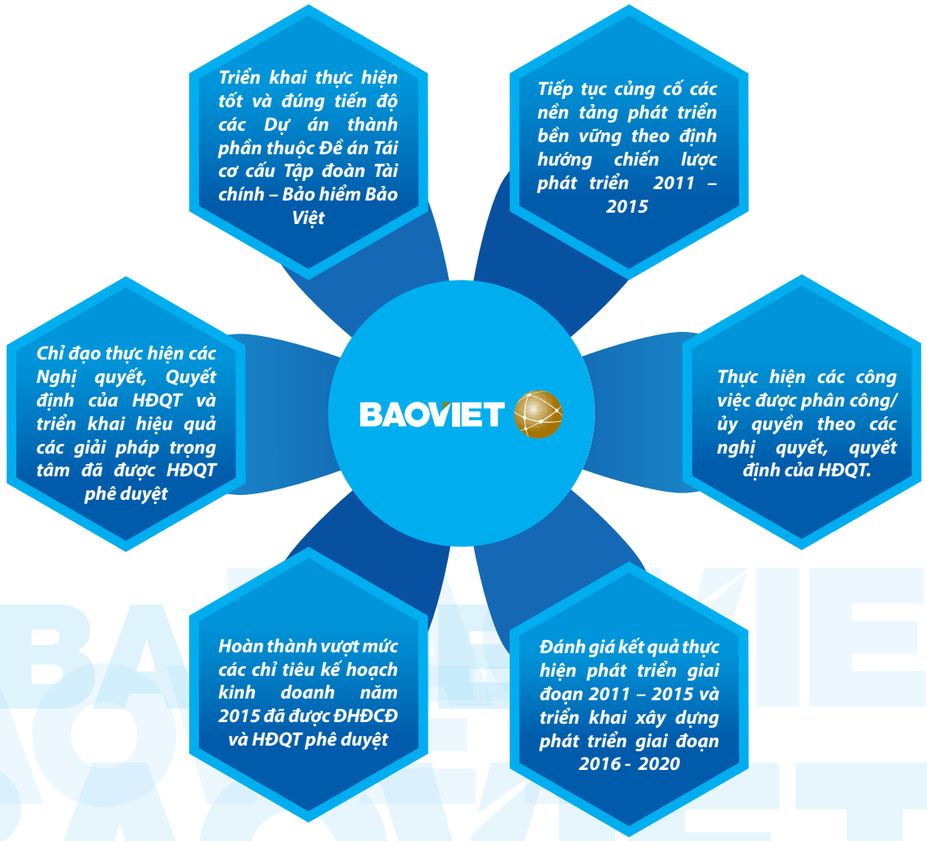

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

Năm 2016 là năm khởi đầu thực hiện kế hoạch phát triển giai đoạn 2016 - 2020. Trên tinh thần quyết tâm vượt qua những khó khăn chung của nền kinh tế để hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh, HĐQT định hướng các nhiệm vụ trọng tâm Ban Điều hành cần tích cực triển khai thực hiện trong năm 2016 như sau:

Tăng cường năng lực tài chính cho Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt để thực hiện chức năng đầu tư vốn vào các công ty con trong lĩnh vực kinh doanh truyền thống và các ngành nghề kinh doanh mới tiềm năng.

Phát huy vai trò quản trị tập trung, xuyên suốt của Tập đoàn Bảo Việt đối với các đơn vị thành viên về tài chính, nhân sự - đào tạo, công nghệ thông tin, thương hiệu, đầu tư, xây dựng cơ bản trong toàn Tập đoàn;

Hoàn thiện hệ thống quy định về cơ chế quản trị nội bộ xuyên suốt toàn Tập đoàn theo hướng tăng cường vai trò điều phối của Công ty Mẹ, tạo ra sự kết nối bền chặt và phát huy tối đa nguồn lực của các đơn vị trong Tập đoàn; tập trung triển khai nâng cao hiệu quả các hoạt động kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro, tuân thủ trên toàn hệ thống;

Đẩy mạnh áp dụng Công nghệ thông tin (CNTT)

Đầu tư hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin theo chuẩn quốc tế, đảm bảo hệ thống CNTT đồng bộ, hiện đại, hiệu quả và an toàn để đáp ứng tốt hơn nhu cầu kinh doanh của toàn hệ thống và tăng năng lực quản trị xuyên suốt từ Tập đoàn tới các đơn vị thành viên thông qua ứng dụng CNTT trong quản trị.

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án Hợp lực Tập đoàn nhằm tối ưu hóa nguồn lực, phát huy sức mạnh tổng thể, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng nhanh và bền vững trong tương lai, trong đó nâng cao vai trò của Công ty mẹ - Tập đoàn Bảo Việt trong việc điều phối, kết nối các đơn vị thành viên trong Tập đoàn nhằm tăng cường sức cạnh tranh của các đơn vị thành viên, khơi thông các nguồn lực trong toàn hệ thống.

Đẩy mạnh triển khai chiến lược nghiên cứu, phát triển các sản phẩm ngành nghề mới có liên quan đến sản phẩm ngành nghề kinh doanh truyền thống để tăng cường khả năng cạnh tranh.

Chủ động liên kết, hợp tác và tận dụng kinh nghiệm của cổ đông chiến lược Sumitomo Life qua việc triển khai Thỏa thuận Hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực để nâng cao hiệu quả kinh doanh và năng lực cạnh tranh của Tập đoàn.

Bên cạnh đó, trong năm 2016, HĐQT tiếp tục quan tâm, chỉ đạo Ban Điều hành chú trọng triển khai các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng và thực hiện xây dựng văn hóa doanh nghiệp theo các giá trị thương hiệu, thực hiện chủ trương chung của Đảng và Chính phủ.

Nhìn lại một năm qua, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò của mình trong việc chỉ đạo thực hiện các mục tiêu chiến lược của Tập đoàn Bảo Việt, xây dựng và củng cố những nền tảng quan trọng để hoàn thành các mục tiêu chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2011 – 2015 của Tập đoàn Bảo Việt, tạo đà phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn 2016 – 2020.

CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Để nâng cao hiệu quả quản trị công ty theo chuẩn mực quốc tế, Hội đồng quản trị đã thành lập các Ủy ban chức năng giúp việc bao gồm: Ủy ban Kiểm toán, Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm, Ủy ban Chiến lược và Đầu tư, Ủy ban Quản lý Tài sản nợ - Tài sản có (ALCO), Các uỷ ban, Hội đồng Quản lý rủi ro (RMC) để nâng cao hiệu quả trong công tác chỉ đạo chiến lược, kiểm toán, quản lý tài chính, rủi ro, nhân sự cao cấp và đầu tư.

ỦY BAN KIỂM TOÁN

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Ủy ban Kiểm toán (UBKT) là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, do Hội đồng Quản trị (HĐQT) quyết định thành lập. Sau hơn 05 năm hoạt động, năm 2015, Quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của UBKT được sửa đổi nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động. UBKT có chức năng tư vấn và giúp việc cho HĐQT trong việc:

• Đảm bảo có được hệ thống kiểm soát nội bộ và tuân thủ pháp luật một cách hiệu quả thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ;

• Đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về báo cáo tài chính ra bên ngoài (gồm các yêu cầu áp dụng cho việc niêm yết trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tập đoàn) thông qua việc đánh giá các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (hoặc soát xét).

UBKT có các nhiệm vụ chính là:

• Quản lý về mặt chuyên môn, nghiệp vụ đối với hoạt động của Khối Kiểm toán nội bộ (KTNB), bao gồm: Việc xây dựng Kế hoạch kiểm toán chiến lược và Kế hoạch kiểm toán hàng năm; Các vấn đề về nghiệp vụ của Khối KTNB trong báo cáo kết quả kiểm toán; Kiểm tra và giám sát kế hoạch kiểm toán nội bộ, tính hiệu quả của hoạt động kiểm toán nội bộ; Xem xét các kết quả trọng yếu thu được từ việc kiểm toán nội bộ và các phản hồi từ Tổng Giám đốc Tập đoàn, các Giám đốc Khối chức năng của Tập đoàn và các Tổng Giám đốc Công ty con do Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100% vốn điều lệ.

• Đề xuất với Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt để đảm bảo Khối Kiểm toán nội bộ có đủ nguồn lực tổ chức thực hiện việc kiểm toán.

• Đánh giá các báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Bảo Việt hàng năm và giữa niên độ về việc tuân thủ các chuẩn mực kiểm toán, các quy định về niêm yết và các yêu cầu của pháp luật liên quan đến báo cáo tài chính. Thực hiện việc phối hợp với Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt về công tác liên quan đến lập báo cáo tài chính và Kiểm toán độc lập

THÀNH PHẦN CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Trong năm 2015, Ủy ban Kiểm toán tiếp tục hoạt động với thành phần bao gồm 01 Chủ nhiệm và 02 Ủy viên. Trong đó, Chủ nhiệm Ủy ban là thành viên HĐQT độc lập – đại diện của Cổ đông SCIC, 01 Ủy viên Thường trực, 01 Ủy viên là đại diện của Cổ đông chiến lược Sumitomo Life. Các Ủy viên UBKT đều có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán, tài chính, bảo hiểm và đầu tư.

Ông Nguyễn Quốc Huy
Chủ nhiệm

Chức vụ hiện tại:
Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ QTKD

Kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính:
24 năm (từ năm 1992)

Ông Nguyễn Quang Vinh
Ủy viên thường trực

Chức vụ hiện tại:
Phó Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ kinh tế

Kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính:
27 năm (từ năm 1989)

Ông Yukihira Yoshiharu
Ủy viên

Chức vụ:
Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt đến ngày 27/03/2016

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ QTKD

Kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính:
25 năm (từ năm 1991)

Nhân sự Ủy ban Kiểm toán tại thời điểm 31/12/2015

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2015

Năm 2015, UBKT đã thực hiện các công việc chính theo chức năng và quyền hạn như sau:

- Tham gia chỉ đạo các hoạt động chuyên môn của KTNB nhằm đảm bảo chất lượng, tiến độ, hoàn thành 100% kế hoạch KTNB năm 2015 được HĐQT phê duyệt; Chỉ đạo Kiểm toán nội bộ Tập đoàn thực hiện 20 cuộc kiểm toán nội bộ về lĩnh vực bảo hiểm tại Trụ sở chính và các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ và 04 cuộc kiểm toán hoạt động đầu tư, môi trường kiểm soát, rủi ro thanh khoản tại Tập đoàn Bảo Việt, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt, Trụ sở chính Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ. Các cuộc kiểm toán nội bộ đã phát hiện kịp thời những điểm yếu trong việc thực hiện các quy định nội bộ của Tập đoàn; quy chế, quy trình nghiệp vụ của các Tổng Công ty/Công ty, đưa ra các khuyến nghị thuyết phục, khả thi. Bên cạnh đó KTNB còn có những đánh giá về việc thực hiện các quy định của nhà nước trong các lĩnh vực kinh doanh, giúp các đơn vị được kiểm toán tăng cường tính tuân thủ. Thông qua kết quả kiểm toán, HĐQT, Tổng Giám đốc Tập đoàn đã có những chỉ đạo kịp thời nhằm tăng cường công tác quản trị, nâng cao hiệu quả quản lý.

• Thực hiện đánh giá các Báo cáo tài chính: trong năm 2015 UBKT đã có 8 Báo cáo đánh giá, trình HĐQT thông qua các Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Tập đoàn, bao gồm các báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và các báo cáo theo Chuẩn mực kế toán Quốc tế (IFRS). UBKT chú trọng đánh giá việc tuân thủ quy định về lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán, tuân thủ các quy định về thuyết minh và công

bố thông tin báo cáo tài chính của công ty niêm yết, đảm bảo báo cáo tài chính công bố phù hợp với quy định pháp luật.

- Triển khai các hoạt động phối hợp của UBKT và KTNB với các bộ phận liên quan trong Tập đoàn và các công ty con, đảm bảo hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Tham gia Dự án hợp tác chuyển giao kỹ thuật giữa Tập đoàn Bảo Việt và SML - cấu phần Kiểm toán nội bộ: Tích cực phối hợp với đối tác chiến lược Sumitomo Life trao đổi kinh nghiệm của Nhật Bản và quốc tế, triển khai dự án; Chú trọng về xây dựng mô hình phù hợp, tăng cường mối liên hệ giữa các bộ phận trong hệ thống kiểm soát nhằm nâng cao năng lực, tăng cường hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, nâng cao vị thế của hoạt động kiểm toán nội bộ.

Để thực hiện nhiệm vụ trên, UBKT đã triển khai họp, thảo luận, tham gia ý kiến về các Báo cáo định kỳ cũng như các Báo cáo đánh giá Báo cáo tài chính của Ủy ban trước khi trình HĐQT. Trong năm 2015 UBKT đã tiến hành 8 phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản các Ủy viên Ủy ban về các vấn đề quan trọng như: Sửa đổi Quy định chức năng, nhiệm vụ của UBKT và Khối KTNB; Quy định về phối hợp công tác giữa UBKT, Khối KTNB với các bên liên quan; các vấn đề về Kế hoạch kiểm toán nội bộ, về công tác nhân sự và các vấn đề quan trọng khác trước khi trình Hội đồng quản trị quyết định.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

Năm 2016, với nền tảng kinh nghiệm trong nước và quốc tế về kiểm toán, tài chính, bảo hiểm và đầu tư, Ủy ban Kiểm toán tiếp tục thực hiện chức năng tư vấn cho HĐQT với mục đích:

- Đảm bảo hệ thống kiểm soát hiệu quả;
- Chỉ đạo công tác chuyên môn của kiểm toán nội bộ đảm bảo hoàn thành kế hoạch do HĐQT giao;
- Thực hiện tốt nhiệm vụ liên quan đến Báo cáo tài chính và tổ chức kiểm toán độc lập;
- Tăng cường phối hợp với các bộ phận của Tập đoàn và các công ty con;
- Tăng cường hợp tác với đối tác chiến lược Sumitomo Life trong việc trao đổi các kinh nghiệm về tổ chức, triển khai hoạt động của Ủy ban Kiểm toán.

UBKT sẽ tiếp tục nỗ lực hoàn thành tốt kế hoạch công tác năm 2016 nhằm phát huy hơn nữa vai trò của Ủy ban Kiểm toán trong việc đảm bảo hệ thống kiểm soát hiệu quả, ngăn ngừa rủi ro, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, góp phần tích cực trong việc đạt các mục tiêu kinh doanh năm 2016 của Tập đoàn.

ỦY BAN THÙ LAO VÀ BỔ NHIỆM

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, do HĐQT quyết định thành lập. Chức năng chính của Ủy ban là:

- Tham mưu, tư vấn cho Hội đồng Quản trị Tập đoàn trong việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt;
- Kiến nghị Hội đồng Quản trị xem xét, phê duyệt những vấn đề cơ bản về:
  + Mô hình tổ chức bộ máy và mô hình quản trị doanh nghiệp;
  + Chính sách quản lý lao động và tiền lương của Tập đoàn;
  + Chính sách quản lý cán bộ của Tập đoàn.

THÀNH PHẦN ỦY BAN THÙ LAO VÀ BỔ NHIỆM

Năm 2015, Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm tiếp tục duy trì các hoạt động của Ủy ban với thành phần bao gồm 01 Chủ nhiệm và 02 Ủy viên Ủy ban là các thành viên HĐQT, Lãnh đạo Khối/Ban chức năng của Tập đoàn với năng lực, kinh nghiệm và hiểu biết sâu sắc về quản trị nguồn nhân lực và công tác thù lao, lương, thưởng nhằm phát huy có hiệu quả vai trò tư vấn, giúp việc cho HĐQT trong việc đưa ra các chiến lược phát triển nguồn nhân lực cũng như các chính sách nhân sự, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Ông Đậu Minh Lâm
Chủ nhiệm

Chức vụ hiện tại:
Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt; Chủ tịch HĐTV kiêm Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng

Kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính:
15 năm (từ năm 2001)

Ông Phan Tiến Nguyên
Ủy viên thường trực

Chức vụ hiện tại:
Chuyên gia cao cấp, Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Kinh tế - Tài chính

Kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính:
36 năm (từ năm 1980)

Ông Nguyễn Anh Tuấn
Ủy viên

Chức vụ:
Phó Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động, Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng

Kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính:
15 năm (từ năm 2001)

Nhân sự Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm tại thời điểm 31/12/2015

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN THÙ LAO VÀ BỔ NHIỆM NĂM 2015

Trong năm 2015, Ủy ban Thù lao và bổ nhiệm đã tổ chức ***02 cuộc họp trực tiếp*** với các nội dung:

- Đánh giá công việc năm 2014 và kế hoạch thực hiện công việc trong năm 2015;
- Phân công nhiệm vụ các Ủy viên Ủy ban;
- Thảo luận về định hướng xây dựng các Quy chế của Tập đoàn Bảo Việt trong lĩnh vực quản trị nhân sự.

Bên cạnh đó, Ủy ban đã tiến hành ***08 phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản*** để thẩm định, đánh giá các đề xuất của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ để Hội đồng Quản trị xem xét, quyết định những vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản trị nhân sự cơ bản sau đây:

- Công tác Bổ nhiệm Lãnh đạo cấp cao: Thẩm định và cho ý kiến về việc bổ nhiệm lãnh đạo cấp Khối của Tập đoàn & bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- Quỹ lương: cho ý kiến về việc quyết toán quỹ lương năm 2015 và giao quỹ lương năm 2015 tại Công ty Mẹ và các công ty con Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ.
- Thù lao: đề xuất định mức thù lao cụ thể cho thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát Tập đoàn căn cứ trên ngân sách đã được ĐHĐCĐ phê duyệt trong năm; cho ý kiến về mức thù lao của thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên của Tập đoàn tại các Công ty con Tập đoàn đầu tư 100% vốn.
- Các Quy chế và Quy định: Thẩm định và cho ý kiến về các Quy chế Bổ nhiệm; Quy chế Luân chuyển và Điều động cán bộ; Quy chế Đào tạo; Quy định về Hệ thống thang bảng lương; Quy định xếp lương và nâng bậc lương của Tập đoàn Bảo Việt.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

Năm 2016, Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt, tư vấn tham mưu cho Hội đồng Quản trị xem xét, phê duyệt/quyết định các chính sách phát triển và hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy, mô hình quản trị doanh nghiệp và các chính sách về quản trị nhân sự trong phạm vi toàn Tập đoàn, bám sát định hướng phát huy vai trò quản trị tập trung, xuyên suốt của Tập đoàn Bảo Việt đối với các đơn vị thành viên trong lĩnh vực quản trị nhân sự.

Đồng thời, trong năm 2016, Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm tiếp tục tham mưu, tư vấn cho Hội đồng Quản trị Tập đoàn trong việc quyết định các chính sách chế độ, quy trình, quy định liên quan đến công tác nhân sự đang áp dụng tại Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên.

ỦY BAN CHIẾN LƯỢC VÀ ĐẦU TƯ

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Ủy ban Chiến lược và Đầu tư là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, do HĐQT quyết định thành lập. Chức năng chính của Ủy ban là hỗ trợ cho Hội đồng Quản trị Tập đoàn thông qua việc tư vấn và tham mưu về các nội dung liên quan đến lĩnh vực chiến lược và đầu tư.

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN CHIẾN LƯỢC VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2015

Trong năm 2015, Ủy ban Chiến lược và Đầu tư đã tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp với các nội dung:

- Tổng kết công tác năm 2014 và kế hoạch năm 2015;
- Phân công nhiệm vụ các Ủy viên Ủy ban;
- Thảo luận về việc sửa đổi Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban.

Bên cạnh đó, Ủy ban đã tiến hành 04 phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản liên quan đến các nội dung sau:

- Thẩm định kế hoạch đầu tư mua sắm Tài sản cố định, Công nghệ thông tin và Xây dựng cơ bản năm 2015 của Tập đoàn Bảo Việt;
- Thẩm định Kế hoạch đầu tư năm 2015 của Tập đoàn Bảo Việt;
- Kiện toàn nhân sự của Ủy ban Chiến lược và Đầu tư;
- Thẩm định Dự án thiết lập trung tâm dự phòng thảm họa Bảo Việt.

Trong năm 2015, Ủy ban Chiến lược và Đầu tư đã tích cực tham gia công tác thẩm định, tư vấn HĐQT về việc triển khai Đề án tái cơ cấu của Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt, trong đó có Dự án tăng vốn điều lệ, đánh giá kết quả thực hiện chiến lược phát triển giai đoạn 2011 - 2015 và cho ý kiến về việc xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020 của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên. Bên cạnh đó, Ủy ban đã có các ý kiến thẩm định, tư vấn trong lĩnh vực đầu tư liên quan tới các khoản đầu tư chiến lược, đầu tư tài chính và các dự án đầu tư khác của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên theo phương châm an toàn, hiệu quả, phát triển bền vững.

THÀNH PHẦN ỦY BAN CHIẾN LƯỢC VÀ ĐẦU TƯ

Trong năm 2015, để nâng cao hiệu quả hoạt động, HĐQT đã tiếp tục tiến hành kiện toàn đội ngũ bộ máy nhân sự của Ủy ban Chiến lược và Đầu tư. Ủy ban Chiến lược và Đầu tư trong năm 2015 hoạt động với 01 Chủ nhiệm và 03 Ủy viên là các Thành viên HĐQT, Lãnh đạo Khối Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn và chuyên gia của Sumitomo Life với kinh nghiệm chuyên môn vững vàng trong lĩnh vực xây dựng chiến lược và thực hiện các dự án đầu tư nhằm nâng cao vai trò tham mưu, đề xuất HĐQT trong các quyết định xây dựng chiến lược phát triển và các hoạt động đầu tư của Tập đoàn.

Bà Thân Hiền Anh
Chủ nhiệm

Chức vụ hiện tại:
Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt; Chủ tịch HĐTV kiêm TGĐ TCT Bảo Việt Nhân thọ

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ QTKD

Kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính:
20 năm (từ năm 1996)

Ông Yukihira Yoshiharu
Ủy viên

Chức vụ hiện tại:
Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt (đến ngày 27/3/2016)

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ QTKD

Kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính:
25 năm (từ năm 1991)

Ông Nguyễn Minh Hoàng
Ủy viên

Chức vụ hiện tại:
Giám đốc Khối Chiến lược và Đầu tư, Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ QTKD

Kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính:
18 năm (từ năm 1996)

Bà Trần Thị Phương Thảo
Ủy viên

Chức vụ hiện tại:
Phó Giám đốc Khối Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ QTKD

Kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính:
09 năm (từ năm 2007)

Nhân sự Ủy ban Chiến lược và Đầu tư tại thời điểm 31/12/2015

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2016

Năm 2016 là năm bản lề trong việc thực hiện Kế hoạch Chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020 của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên. Với vai trò là Ủy ban tư vấn HĐQT đối với các vấn đề liên quan đến xây dựng chiến lược và đầu tư, trong năm 2016, Ủy ban Chiến lược và Đầu tư sẽ tiếp tục chủ động theo sát việc lập Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020, đánh giá tình hình thực hiện chiến lược định kỳ; đồng thời cho ý kiến thẩm định đối với các khoản đầu tư chiến lược của Tập đoàn thuộc phân cấp của Hội đồng Quản trị theo Quy chế đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt.

ỦY BAN QUẢN LÝ TÀI SẢN NỢ - TÀI SẢN CÓ (ALCO)

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Nhiệm vụ chính của Ủy ban ALCO bao gồm:

- Giám sát và xem xét các nội dung liên quan tới quản lý và bảo đảm sự cân đối giữa tài sản có và tài sản nợ trên bảng tổng kết tài sản của toàn Tập đoàn, đảm bảo tính thanh khoản;
- Đánh giá các rủi ro có khả năng ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh và Bảng Cân đối Kế toán của Tập đoàn Bảo Việt cũng như tại các đơn vị thành viên nhằm đưa ra các khuyến nghị về chính sách, chiến lược, kế hoạch quản lý tài sản, quản lý rủi ro, nhằm đảm bảo cơ cấu và hiệu quả quản lý tài sản với mục đích sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính và đảm bảo khả năng thanh toán cho Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

THÀNH PHẦN ỦY BAN ALCO

Ủy ban ALCO gồm mười sáu (16) thành viên cơ cấu theo chức danh, trong đó: Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt là Chủ nhiệm Ủy ban, Giám đốc Khối Quản lý Tài chính là Thành viên Thường trực, ba (3) thành viên là Thư ký Ủy Ban, mười một (11) thành viên còn lại từ các Khối/Ban chức năng của Tập đoàn và đại diện của các đơn vị thành viên.

- Rà soát danh mục đầu tư và đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư của Tập đoàn và các đơn vị thành viên;
- Đánh giá tình hình tài chính và KPIs của các đơn vị; tình hình sử dụng vốn; biên khả năng thanh toán; sự phù hợp giữa tài sản và nợ; tóm tắt các vấn đề trọng yếu của từng đơn vị thành viên và các đề xuất thực hiện;
- Đánh giá rủi ro liên quan tới các biến động trên Tài sản nợ và Tài sản có, đưa ra giải pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tài sản cho toàn Tập đoàn.

Những bước tiến cơ bản trong hoạt động của Ủy ban ALCO trong năm 2015:

- Chất lượng và công tác chuẩn bị các tài liệu báo cáo cho các cuộc họp của Ủy ban ALCO được nâng cao và hoàn thiện, tập trung vào những vấn đề cần lưu ý và cần ưu tiên tại các đơn vị thành viên;
- Tập trung đánh giá định kỳ hàng Quý việc thực hiện các khuyến nghị của Ủy ban ALCO đối với Tập đoàn và các đơn vị thành viên để giám sát việc thực hiện các khuyến nghị;
- Có mối liên hệ chặt chẽ giữa việc phân tích khác biệt số liệu giữa Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) và Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) từ đó đem lại các góc nhìn tổng thể và đa chiều về các Tài sản Nợ • Tài sản Có;
- Tăng cường mối quan hệ trong trao đổi thông tin và chia sẻ ý kiến giữa Ủy ban ALCO và các Ủy ban, bộ phận chức năng khác như: Hội đồng Quản lý Rủi ro (RMC), Khối Chiến lược và Đầu tư, Khối Quản lý Tài chính, Kiểm toán nội bộ, Actuary, Ủy ban ALCO và RMC tại các đơn vị thành viên ... Mối quan hệ chặt chẽ này đã tạo sự liên kết và trao đổi thông tin giữa các Ủy Ban của Tập đoàn và các đơn vị thành viên góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tài chính của các đơn vị.

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NĂM 2015

Năm 2015, Ủy ban ALCO đã tiến hành các phiên họp trực tiếp định kỳ hàng Quý với sự tham gia của đầy đủ các thành viên Ủy ban tại Tập đoàn Bảo Việt và đại diện các đơn vị thành viên. Tại các cuộc họp, Ủy ban tiến hành đánh giá các tác động ảnh hưởng đến lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn và các đơn vị thành viên, cụ thể như bảng tại trang 219.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2016

Năm 2016, Ủy ban ALCO Tập đoàn Bảo Việt định hướng nâng cao hơn nữa chất lượng công tác quản lý tài sản của toàn Tập đoàn cũng như tại các đơn vị; đánh giá các rủi ro nhằm đưa ra các khuyến nghị, cung cấp các thông tin quản trị một cách kịp thời và hiệu quả, cụ thể:

- Tăng cường công tác đánh giá, quản lý, cân đối tài sản Nợ - tài sản Có tại từng đơn vị thành viên cũng như trên toàn Tập đoàn;
- Kết hợp cùng với các bộ phận chuyên môn như quản lý rủi ro, pháp chế tuân thủ, đầu tư tài chính, kiểm toán nội bộ để đánh giá và đưa ra khuyến nghị về chính sách, chiến lược và kế hoạch quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có tại Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên cho từng thời kỳ khác nhau;
- Xem xét, đánh giá và khuyến nghị các giải pháp nhằm bảo đảm cơ cấu Tài sản Nợ, Tài sản Có, cân đối tốc độ tăng trưởng của tài sản trên Bảng Cân đối Kế toán với kế hoạch, chiến lược phát triển kinh doanh, quy mô vốn chủ sở hữu.

Một số khuyến nghị của Ủy ban ALCO trong năm 2015:

STT	Nội dung khuyến nghị	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Tập trung xử lý, thu hồi nợ xấu tại Công ty Mẹ và các ĐVTV; xây dựng phương án trích lập dự phòng đối với các khoản nợ xấu.	Tập đoàn Bảo Việt và các ĐVTV	Năm 2015
2	Thực hiện triển khai họp Ủy ban ALCO định kỳ hàng quý tại các đơn vị theo kế hoạch đã đặt ra nhằm: • Đưa ra các nhiệm vụ trọng tâm, khuyến nghị giải pháp khắc phục; • Gửi báo cáo thực hiện khuyến nghị; báo cáo các cuộc họp Ủy ban ALCO của đơn vị về Ủy Ban ALCO Tập đoàn.	Tập đoàn Bảo Việt và các ĐVTV	Năm 2015
3	Nghiên cứu đầu tư trái phiếu chính phủ; tăng cường đầu tư và các trái phiếu doanh nghiệp tốt, có bảo lãnh.	Tập đoàn Bảo Việt và các ĐVTV	Năm 2015
4	Tiếp tục triển khai định hướng đầu tư hỗ trợ hoạt động bancassurance, lựa chọn các Ngân hàng tiềm năng để đặt vấn đề hợp tác.	Tập đoàn Bảo Việt và các ĐVTV	Năm 2015
5	Xây dựng cơ cấu hạn mức danh mục đầu tư của Tập đoàn và các ĐVTV.	Tập đoàn Bảo Việt và các ĐVTV	Năm 2015
6	Tiếp tục chú ý vấn đề nợ phí và đẩy mạnh việc xử lý nợ phí, hạn chế phát sinh thêm nợ phí mới; • Tiếp tục nghiên cứu, tính toán kỹ các giải pháp để tăng biên khả năng thanh toán, đáp ứng nhu cầu kinh doanh.	TCT Bảo hiểm Bảo Việt	Năm 2015
7	Đánh giá ảnh hưởng của việc giảm lãi suất đến hoạt động đầu tư & xây dựng phương án khắc phục.	TCT Bảo Việt Nhân thọ	Năm 2015
8	Nâng cao hiệu quả các quỹ đầu tư hiện tại (BVFED, BVIF); Tiếp tục rà soát danh mục đầu tư cổ phiếu để có kế hoạch ứng phó với các biến động của thị trường chứng khoán.	Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt	Năm 2015
9	• Tiếp tục tăng cường quản lý các khoản phải thu, đặc biệt là các khoản phải thu đối với hoạt động cho vay margin; • Thực hiện các biện pháp giữ và gia tăng thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ.	Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt	Năm 2015

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2015

TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tập đoàn Bảo Việt tuân thủ khung quản trị công ty tại Luật Doanh nghiệp 2014, các quy định cụ thể hướng dẫn về Quản trị Công ty tại Thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính, quy định về niêm yết và giám sát niêm yết của Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Bên cạnh việc xây dựng một cơ cấu quản trị vững mạnh trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam kết hợp với việc vận dụng các thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp, Tập đoàn Bảo Việt đã xây dựng và ban hành hệ thống các quy chế nội bộ nhằm tạo ra một cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự hài hòa với lợi ích của các bên liên quan bao gồm cổ đông, khách hàng, người lao động và cộng đồng.

Trong năm 2015, Tập đoàn Bảo Việt đã triển khai mạnh mẽ việc tái cơ cấu cơ chế quản trị nội bộ của Tập đoàn trong đó đã thực hiện rà soát và hoàn thiện các Quy chế liên quan tới hoạt động của HĐQT, hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT; hoàn thiện và ban hành các Quy chế quản trị nội bộ quan trọng như: Quy chế Người đại diện vốn tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tập đoàn, Quy chế Đầu tư, Quy chế Quản lý rủi ro, Quy chế luân chuyển, điều động cán bộ, ...; tiến hành rà soát, sửa đổi Điều lệ, Quy chế Quản trị Tập đoàn Bảo Việt và Điều lệ các công ty con Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ trên cơ sở phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014.

Các thông tin liên quan đến hình hình quản trị, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, và các thông tin bất thường đều được Tập đoàn Bảo Việt công bố thông tin theo đúng thời hạn quy định, đảm bảo tính minh bạch với tất cả các cổ đông và nhà đầu tư.

NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ CÔNG TY TRÊN CƠ SỞ VẬN DỤNG CÁC THÔNG LỆ QUỐC TẾ TỐT NHẤT

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác quản trị doanh nghiệp, HĐQT xác định nâng cao chất lượng và năng lực quản trị công ty là một nội dung quan trọng trong định hướng chiến lược của Bảo Việt nhằm xây dựng một hệ thống quản trị vững mạnh trên cơ sở vận dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất, kết hợp với sức mạnh tổng thể của các nguồn lực trong toàn hệ thống để kiểm soát, giám sát các hoạt động của doanh nghiệp một cách có trách nhiệm, minh bạch và hiệu quả.

Bên cạnh đó, nhằm nâng cao năng lực quản trị, điều hành doanh nghiệp, Tập đoàn Bảo Việt đã kiện toàn bộ máy lãnh đạo cấp cao tại Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ, kiện toàn nhân sự và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT và Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt nhằm hỗ trợ cho hoạt động quản trị của HĐQT.

Với cam kết thực hiện quản trị công ty trên cơ sở vận dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất, Tập đoàn Bảo Việt thường xuyên cập nhật các kiến thức, thông lệ quốc tế về quản trị công ty trong và ngoài nước, đồng thời chủ động chia sẻ các thông tin liên quan đến quản trị doanh nghiệp và mô hình tổ chức bộ máy với đối tác chiến lược nước ngoài Sumitomo Life để tận dụng kinh nghiệm của Sumitomo Life trong việc phát triển mô hình quản trị doanh nghiệp theo chuẩn mực quản trị quốc tế.

NÂNG CAO NĂNG LỰC THỰC HÀNH QUẢN TRỊ CHO CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ THÔNG QUA CÁC KHÓA ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các thành viên HĐQT (bao gồm các thành viên HĐQT người nước ngoài là đại diện của cổ đông chiến lược - Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo), thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Thư ký Công ty, các cán bộ quản lý khác đã tham gia Khóa học Quản trị Công ty do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức theo quy định tại Thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính. Các thành viên nêu trên, bao gồm cả các thành viên được bổ nhiệm mới trong năm 2015 đã được cấp chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Thông tin về các thành viên được liệt kê tại danh sách Cổ đông nội bộ tại mục Sở hữu của đông nội bộ, trang 41 Báo cáo này.

Bên cạnh các khóa đào tạo theo quy định, trong năm

2015, Chủ tịch HĐQT, Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt và Thư ký Công ty đã tham gia Diễn đàn Quản trị Công ty hướng tới Hội nhập ASEAN; Tập huấn Soạn thảo tài liệu cổ đông hướng đến các thông lệ Quản trị công ty tốt nhất (theo thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN) do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phối hợp với Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức; Hội thảo Quốc tế về Hoạch định và triển khai Chiến lược theo Balanced Scorecard, chủ động sử dụng công cụ Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN để nâng cao chuẩn mực và thực tiễn thực hành quản trị của Tập đoàn Bảo Việt.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG QUẢN TRỊ CÔNG TY HƯỚNG ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nhằm nâng cao chất lượng quản trị công ty hướng đến phát triển bền vững, thực hiện tốt các cam kết với cổ đông, khách hàng và người lao động, Tập đoàn Bảo Việt đã đặt ra các mục tiêu cần tiếp tục tập trung triển khai và hoàn thiện trong giai đoạn tiếp theo như sau:

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị nhằm tăng cường sự phối hợp giữa Tập đoàn với các đơn vị thành viên, và giữa các đơn vị thành viên với nhau trên cơ sở xây dựng các quy chế, quy định đảm bảo sự thống nhất, tăng cường tính tuân thủ trên toàn hệ thống và triển khai mạnh mẽ Đề án Hợp lực Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt.

- Phát huy vai trò quản trị tập trung, xuyên suốt của Tập đoàn Bảo Việt đối với các đơn vị thành viên về tài chính, nhân sự - đào tạo, công nghệ thông tin, thương hiệu, đầu tư, xây dựng cơ bản trong toàn Tập đoàn; Hoàn thiện hệ thống quy định về cơ chế quản trị nội bộ xuyên suốt toàn Tập đoàn theo hướng tăng cường vai trò điều phối của Công ty Mẹ, tạo ra sự kết nối bền chặt và phát huy tối đa nguồn lực của các đơn vị trong Tập đoàn; tập trung triển khai nâng cao hiệu quả các hoạt động kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro, tuân thủ trên toàn hệ thống;

- Thường xuyên cập nhật các kiến thức, thông lệ quốc tế về quản trị công ty trong và ngoài nước, chia sẻ những thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị doanh nghiệp và kinh nghiệm trong quản trị công ty với đối tác chiến lược nước ngoài Sumitomo Life để vận dụng vào thực tiễn hoạt động của Bảo Việt;

- Áp dụng Công cụ Thẻ điểm quản trị công ty Khu vực Asean để nâng cao năng lực và thực hành quản trị công ty của Tập đoàn Bảo Việt tại Việt Nam và vươn ra khu vực;

- Đẩy mạnh công tác quản lý rủi ro và kiểm toán nội bộ để cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động quản trị doanh nghiệp;

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hội đồng/Ủy ban giúp việc của Hội đồng Quản trị.

Tập đoàn Bảo Việt đã xây dựng và ban hành hệ thống các quy chế nội bộ nhằm tạo ra một cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả.

Danh mục tài liệu, quy chế, quy định đã được ban hành trong năm 2015 và đầu năm 2016

STT	TÊN VĂN BẢN
I	**LĨNH VỰC QUẢN TRỊ CÔNG TY**
1	Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt 2016
2	Quyết định số 109/2016/QĐ-HĐQT ngày 15/01/2016 về việc ban hành Quy chế Quản trị của Tập đoàn Bảo Việt
3	Quyết định số 126/2016/QĐ-TĐBV ngày 18/01/2016 về việc ban hành Bộ Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt
4	Sổ tay Văn hóa Tập đoàn Bảo Việt 2015
5	Quyết định số 977/2016/QĐ-HĐQT ngày 25/3/2016 về việc ban hành Quy chế Tuân thủ của Tập đoàn Bảo Việt
II	**LĨNH VỰC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÁC ĐƠN VỊ**
6	Quyết định 881/2015/QĐ-TĐBV ngày 19/6/2015 về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Khối QLHĐ và các Ban thuộc Khối Quản lý Hoạt động
7	Quyết định số 1039/2015/QĐ-HĐQT ngày 24/7/2015 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Khối Kiểm toán nội bộ
8	Quyết định số 882/2015/QĐ-TĐBV ngày 19/6/2015 về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Khối Quản lý Tài chính và các ban thuộc Khối Quản lý Tài chính
9	Quyết định số 883/2015/QĐ-TĐBV ngày 19/6/2015 về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Khối Chiến lược và đầu tư và các Ban thuộc Khối Chiến lược và Đầu tư
10	Quyết định số 1258/2015/QĐ-TĐBV ngày 31/8/2015 về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các Ban thuộc Trung tâm CNTT Bảo Việt
11	Quyết định số 1135/2015/QĐ-TĐBV ngày 11/8/2015 về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Công nghệ thông tin Bảo Việt
12	Quyết định số 882/2015/QĐ-TĐBV ngày 19/6/2015 về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Khối Quản lý Tài chính và các ban thuộc Khối Quản lý Tài chính
13	Quyết định số 883/2015/QĐ-TĐBV ngày 19/6/2015 về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Khối Chiến lược và đầu tư và các Ban thuộc Khối Chiến lược và Đầu tư
14	Quyết định số 1714/2015/QĐ-HĐQT ngày 29/10/2015 ban hành Quy chế Quản lý hoạt động Công nghệ Thông tin của Tập đoàn Bảo Việt
III	**LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, NHÂN SỰ, TIỀN LƯƠNG**
	LAO ĐỘNG
15	Nội quy lao động 2015 ban hành kèm theo Quyết định số 1629/2015/QĐ-TGĐ ngày 19/10/2015
16	Thỏa ước lao động tập thể 2015
	NHÂN SỰ
17	Quyết định số 760/2015/QĐ-HĐQT ngày 27/5/2015 về việc ban hành Quy chế luân chuyển, điều động cán bộ của Tập đoàn Bảo Việt
18	Quyết định số 57/2016/QĐ-HĐQT ngày 12/01/2016 về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo chế độ chuyên trách tại Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên do Tập đoàn Bảo Việt sở hữu 100% vốn điều lệ
19	Quyết định số 58/2016/QĐ-HĐQT ngày 12/01/2016 về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm cán bộ giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý theo chế độ chuyên trách thuộc TĐBV
20	Quyết định số 717/2016/QĐ-HĐQT ngày 02/02/2016 về việc ban hành Quy chế Tuyển dụng nhân sự của Tập đoàn Bảo Việt
	TIỀN LƯƠNG
21	Quyết định số 66/2016/QĐ-TĐBV ngày 13/01/2016 về việc ban hành Quy định xếp lương và nâng bậc lương của Tập đoàn Bảo Việt
22	Quyết định số 65/2016/QĐ-TĐBV ngày 13/01/2016 về việc ban hành hệ thống thang bảng lương, phụ cấp lương của Tập đoàn Bảo Việt
IV	**LĨNH VỰC KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH**
23	Quyết định số 1713/2015/QĐ-HĐQT ngày 29/10/2015 về việc ban hành Quy định về chế độ thù lao, tiền thưởng và chi phí hoạt động đối với Kiểm soát viên, Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt
24	Quyết định số 1875/2015/QĐ-TĐBV ngày 23/11/2015 về việc ban hành Quy định về quản lý chi phí hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt
V	**LĨNH VỰC ĐẦU TƯ**
25	Quyết định số 762/2015/QĐ-HĐQT ngày 27/5/2015 về việc ban hành Quy chế Đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt
26	Quyết định số 761/2015/QĐ-HĐQT ngày 27/5/2015 về việc ban hành Quy chế Người đại diện vốn tại Doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt
27	Quyết định số 128/2016/QĐ-HĐQT ngày 20/01/2016 về việc ban hành Quy chế Giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai tài chính đối với các Doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt.
VI	**LĨNH VỰC TRUYỀN THÔNG THƯƠNG HIỆU**
28	Quyết định số 1342/2015/QĐ-HĐQT ngày 14/9/2015 về việc ban hành Quy chế Quản lý thương hiệu của TĐBV
VII	**LĨNH VỰC VĂN THƯ, LƯU TRỮ**
29	Công văn số 769/TĐBV-QLHĐ ngày 28/5/2015 về việc hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản tại Tập đoàn Bảo Việt
VIII	**LĨNH VỰC QUẢN LÝ RỦI RO**
30	Quyết định số 1093/QĐ-HĐQT ngày 31/7/2015 về việc ban hành Quy chế Quản lý rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt
31	Quyết định số 1094/QĐ-HĐQT ngày 31/7/2015 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt về việc Thành lập Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt và Quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt.
IX	**CÁC QUY CHẾ, QUY ĐỊNH KHÁC**
32	Quyết định số 1451/2015/QĐ-TGĐ ngày 22/09/2015 về việc ban hành Quy định quản lý công tác Thi đua – Khen thưởng của Tập đoàn Bảo Việt
33	Quyết định số 149/2016/QĐ-HĐQT ngày 25/01/2016 về việc ban hành Quy chế Đào tạo của Tập đoàn Bảo Việt

PHÂN TÍCH QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

"Quản trị công ty tốt có thể làm tăng giá trị doanh nghiệp bằng cách nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua quản lý hiệu quả, phân bổ tài sản tốt hơn, các chính sách lao động tốt hơn cũng như cải thiện các hiệu suất khác. Quản trị công ty kém có thể ảnh hưởng đến sự vận hành của các thị trường tài chính của một đất nước và khối lượng đầu tư nước ngoài"

S. Claessens và B.Yurtoglu, Quản trị công ty và phát triển

GIỚI THIỆU VỀ THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

Tổng quan về thẻ điểm quản trị công ty Khu vực ASEAN

Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN là bộ câu hỏi được xây dựng dựa trên các quy tắc quản trị công ty của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) và các thông lệ quản trị công ty tốt nhất trong khu vực nhằm đánh giá thông lệ quản trị công ty của 100 công ty niêm yết lớn nhất trong 06 quốc gia thành viên ASEAN tham gia dự án, bao gồm: Malaysia, Singapore, Thái Lan, Indonesia, Philippines và Việt Nam .

5 lĩnh vực được đánh giá tại Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN: (i) Quyền của cổ đông; (ii) Đối xử công bằng với các cổ đông; (iii) Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan; (iv) Công bố thông tin và minh bạch; và (v) Trách nhiệm của HĐQT.

Các tổ chức đánh giá xếp hạng gồm: Viện Quản trị công ty Indonesia, Tổ chức Bảo vệ nhà đầu tư thiểu số Malaysia, Viện Quản trị công ty Philippines, Viện Quản trị công ty Singapore, Viện Quản trị công ty Thái Lan, Trung tâm Nghiên cứu quản trị công ty, định chế và tổ chức - Trường đại học Quốc gia Singapore và nhóm chuyên gia về quản trị công ty từ Việt Nam, đứng đầu là TS. Nguyễn Thu Hiền, Giám đốc Chương trình Maastricht MBA, Trường đại học Bách khoa TP. HCM.

Mục tiêu thẻ điểm quản trị công ty nhằm:

(1) Cung cấp cơ sở mang tính chuẩn mực và hệ thống cho phép cơ quan quản lý và các nhà đầu tư có thể đánh giá hiện trạng quản trị công ty của doanh nghiệp

(2) Cho phép công ty tự đánh giá chất lượng quản trị công ty của bản thân và thúc đẩy các công ty cải thiện thực tiễn quản trị công ty của mình

(3) Xây dựng một hệ thống phân tích, quản trị công ty theo ngành nghề và hy vọng hệ thống này có thể hỗ trợ việc cải thiện các thông lệ quản trị công ty tại Việt Nam.

(4) Hỗ trợ cơ quan quản lý trong việc xác định điểm mạnh, điểm yếu của luật lệ và thực tiễn quản trị công ty, từ đó, đề ra cải cách phù hợp.

(5) Đánh giá tiến triển của công tác quản trị công ty qua các năm

(6) Hỗ trợ nâng cao nhận thức và hiểu biết về các thông lệ quản trị công ty tốt.

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

Sau bốn năm tham gia Dự án đánh giá Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN, điểm số của các doanh nghiệp niêm yết Việt Nam đã từng bước cải thiện nhưng vẫn đạt điểm thấp nhất và dưới mức trung bình so với các nước tham gia đánh giá trong khu vực ASEAN (bao gồm: Thái Lan, Malaysia, Singapore, Indonesia, Philippines và Việt Nam). Năm 2014, Việt Nam đạt tổng điểm trung bình là 35,1 điểm, tăng 1,2 điểm so với năm 2013, tuy nhiên vẫn còn cách biệt rất xa so với điểm số của nước đạt điểm cao nhất là Thái Lan với 84,5 điểm. Trong đó, điểm số liên quan đến trách nhiệm của Hội đồng Quản trị của doanh nghiệp niêm yết Việt Nam chỉ đạt trên 20% và là điểm số thấp nhất trong số năm lĩnh vực được đánh giá.

Nhìn chung, đối chiếu với tiêu chí tại thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN, Bảo Việt đã có những nỗ lực trong việc cải thiện tình hình quản trị công ty trong những năm vừa qua và đang tiệm cần dần với các chuẩn mực quản trị công ty khu vực, cụ thể như sau:

PHẦN A – QUYỀN CỔ ĐÔNG

Thực hiện tốt thông lệ | Thực hiện chưa đủ thông lệ | Chưa thực hiện theo thông lệ

Mã	Tiêu chí	Hiện trạng đến năm 2015	Đánh giá đến năm 2015	Ghi chú/Đề xuất từ năm 2016
A.1.1	Trả cổ tức trong vòng 30 ngày sau khi công bố hoặc sau khi được thông qua bởi ĐHĐCĐ.		Bảo Việt đang thực hiện tốt thông lệ này	
A.3.3	Cổ đông có quyền bỏ phiếu cho từng ứng cử viên HĐQT		Bảo Việt đã thực hiện tốt nguyên tắc này: đối với chương trình nghị sự bầu thành viên HĐQT đều có Quy chế bầu cử quy định thể lệ bầu cử rõ ràng cho cổ đông.	Công bố tài liệu họp bằng tiếng Anh từ ĐHĐCĐ thường niên 2016
A.3.5	Biên bản họp có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và nêu vấn đề tại ĐHĐCĐ.		Biên bản các kỳ ĐHĐCĐ trước đã ghi nhận Phần thảo luận với các cổ đông, tuy nhiên chưa tường thuật chi tiết nội dung câu hỏi và trả lời.	Công bố Biên bản họp bằng tiếng Anh từ ĐHĐCĐ thường niên 2016
A.3.6	Biên bản họp có tường thuật lại câu hỏi của các cổ đông và câu trả lời tương ứng.		Bảo Việt đã ghi nhận các câu hỏi trong phần thảo luận, tuy nhiên chưa tường thuật chi tiết câu hỏi của cổ đông và phần trả lời tương ứng trong Biên bản tại các kỳ họp ĐHĐCĐ 2015 về trước.	Bảo Việt sẽ triển khai ghi chi tiết các câu hỏi của cổ đông và phần trả lời của Đoàn Chủ tịch tại Biên bản họp từ kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên 2016.
A.3.7	Công ty có công bố Nghị quyết đại hội bằng tiếng Anh.		Bảo Việt chưa thực hiện công bố Nghị quyết Đại hội bằng tiếng Anh trong các kỳ ĐHĐCĐ từ năm 2015 về trước.	Bảo Việt sẽ thực hiện công bố Nghị quyết bằng tiếng Anh từ kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2016.
A.3.8	Trong Nghị quyết/ Biên bản họp nêu rõ tỷ lệ phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trắng cho từng mục.		Bảo Việt đã nêu rõ tỷ lệ phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trắng trong Biên bản Đại hội, tuy nhiên mới chỉ nêu tỷ lệ phiếu thông qua trong Nghị quyết.	Bảo Việt sẽ cập nhật đầy đủ các nội dung này trong Nghị quyết và Biên bản ĐHĐCĐ thường niên 2016 và sẽ thực hiện công bố cả bằng tiếng Việt và tiếng Anh.
A.3.9	Công ty có công bố danh sách thành viên HĐQT tham dự ĐHĐCĐ không.		Bảo Việt đã nêu rõ danh sách thành viên HĐQT tham dự trong Biên bản họp ĐHĐCĐ.	Cần công bố Biên bản bằng tiếng Anh để được ghi nhận thực hiện điểm này.
A.3.10	Chủ tịch HĐQT có tham dự ĐHĐCĐ không.		Bảo Việt thực hiện tốt các điểm này trong nhiều năm liền và các Lãnh đạo cao cấp của Tập đoàn như Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, Trưởng ban Kiểm soát luôn tham dự các kỳ đại hội.	
A.3.11	Tổng Giám đốc có tham dự ĐHĐCĐ không.			
A.3.12	Trưởng ban kiểm soát có tham dự ĐHĐCĐ không.			
A.3.15	Tất cả các nghị quyết ở ĐHĐCĐ đều được biểu quyết thông qua bằng cách bỏ phiếu, không phải bằng cách giơ tay.		Bảo Việt thực hiện tốt nội dung này.	Cần bổ sung thêm Biên bản họp tiếng Anh.
A.3.16	Công ty có cử một bên thứ ba độc lập kiểm phiếu hoặc giám sát quá trình kiểm phiếu tại ĐHĐCĐ.		Bảo Việt đã thực hiện điểm này với sự tham gia của đại diện đơn vị tư vấn tổ chức Đại hội - Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt, tuy nhiên chưa đưa vào Biên bản Đại hội.	Bảo Việt sẽ bổ sung thành phần độc lập trong Biên bản Đại hội từ ĐHĐCĐ thường niên 2016.
A.3.17	Kết quả kiểm phiếu được công bố rộng rãi ngay ngày làm việc tiếp theo sau ĐHĐCĐ.		Bảo Việt luôn tuân thủ công bố Nghị quyết và Biên bản họp trong vòng 24 giờ và ghi rõ thời gian công bố trên website.	Cần bổ sung công bố Nghị quyết và Biên bản bằng tiếng Anh.

A.3.18	Các tờ trình cần thiết được công bố ít nhất 21 ngày trước khi diễn ra ĐHĐCĐ.		Bảo Việt đã thực hiện công bố các tờ trình, tài liệu tại Đại hội 15 ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ từ kỳ ĐHĐCĐ 2015 về trước	Bảo Việt đã công bố thông báo mời họp, các giấy tờ ủy quyền, chương trình và nội dung Đại hội 22 ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ thường niên 2016 và sẽ cố gắng công bố các tài liệu liên quan theo chuẩn đánh giá này.
A.3.19	Các tờ trình trong tài liệu ĐHĐCĐ cung cấp đầy đủ thông tin về vấn đề cần được thông qua trong ĐHĐCĐ.		Tài liệu tại ĐHĐCĐ của Bảo Việt đã cung cấp đầy đủ thông tin và cơ sở về các vấn đề trình ĐHĐCĐ thông qua.	Công bố các tài liệu bằng tiếng Anh.
A.4.1	Trong trường hợp sát nhập và hợp nhất cần phải thông qua sự chấp thuận của ĐHĐCĐ, HĐQT có cử một bên độc lập đánh giá xem xét tính công bằng của giao dịch này.		Tại Bảo Việt chưa xảy ra trường hợp này.	
A.5.1	Công ty có công bố chính sách và các hoạt động nhằm khuyến khích các cổ đông, đặc biệt là cổ đông tổ chức, tham dự ĐHĐCĐ và tham gia vào các quyết định quan trọng của công ty.		Bảo Việt đã công bố rất chi tiết nội dung này trên báo cáo thường niên (mục quan hệ cổ đông, các chính sách về việc khuyến khích cổ đông thực hiện các quyền của mình, tạo điều kiện cho cổ đông tham dự bỏ phiếu, biểu quyết các vấn đề quan trọng).	

PHẦN B – ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG

Thực hiện tốt thông lệ Thực hiện chưa đủ thông lệ Chưa thực hiện theo thông lệ

Mã	Tiêu chí	Hiện trạng đến năm 2015	Đánh giá đến năm 2015	Ghi chú/Đề xuất từ năm 2016
B.1.1	Mỗi cổ phiếu phổ thông của công ty có một phiếu biểu quyết		Bảo Việt đã thực hiện điểm này.	
B.1.2	Trong trường hợp công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, công ty có công bố quyền bỏ phiếu tương ứng cho từng loại cổ phiếu.		Bảo Việt công bố rõ nội dung "công ty chỉ có một loại cổ phiếu thường" trong thông báo chốt danh sách, báo cáo tài chính và báo cáo thường niên.	
B.2.1	Mỗi một Nghị quyết được thông qua chỉ chứa một nội dung.		Bảo Việt đã cơ bản thực hiện tốt tiêu chí này.	Từ ĐHĐCĐ 2016, Bảo Việt sẽ thực hiện tách các Nghị quyết ĐHĐCĐ theo các nhóm vấn đề cụ thể.
B.2.2	Tài liệu ĐHĐCĐ được dịch sang tiếng Anh và được công bố cùng ngày với tài liệu ĐHĐCĐ bằng tiếng Việt.		Bảo Việt đã cơ bản thực hiện tốt tiêu chí này.	
B.2.3	Tài liệu ĐHĐCĐ có công bố tiểu sử của các ứng cử viên cho HĐQT (bao gồm các thông tin: tuổi, bằng cấp, lần bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm, và các vị trí HĐQT đang nắm giữ tại các công ty niêm yết khác).		Bảo Việt có thực hiện công bố SYLL của ứng viên.	Cần bổ sung thêm bản tiếng Anh

B.2.4	Tài liệu họp nêu danh sách công ty kiểm toán để lựa chọn.		Bảo Việt thực hiện tốt nội dung này theo Tờ trình ĐHĐCĐ về việc phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán độc lập.	Cần bổ sung thêm bản tiếng Anh.
B.2.5	Tài liệu họp ĐHĐCĐ có giải thích về chính sách chia cổ tức.		Bảo Việt có xây dựng chính sách chia cổ tức tuy nhiên chưa đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ trong các kỳ họp từ năm 2015 về trước.	Từ ĐHĐCĐ năm 2016 Bảo Việt sẽ cập nhật các nội dung giải thích về chính sách chia cổ tức trong Tờ trình ĐHĐCĐ về phân phối lợi nhuận sau thuế để tuân thủ chuẩn đánh giá này.
B.2.6	Tài liệu họp ĐHĐCĐ có công bố cụ thể mức chia cổ tức.		Bảo Việt đã nêu rõ tỷ lệ và số tiền chia cổ tức.	Cần cung cấp tài liệu bằng tiếng Anh.
B.2.7	Giấy ủy quyền ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng		Bảo Việt thực hiện tốt nội dung này	
B.3.1	Công ty có chính sách và/hoặc quy định cấm thành viên HĐQT và nhân viên không được kiếm lợi từ những kiến thức không được công bố ra bên ngoài		Bảo Việt thực hiện tốt nội dung này	
B.3.2	Thành viên HĐQT được yêu cầu báo cáo về giao dịch cổ phiếu của họ trong vòng 3 ngày làm việc.		Bảo Việt đã thực hiện tiêu chí này theo quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC và thông tư 155/2015/TT-BTC.	Bảo Việt cần quy định cụ thể điểm này tại Quy chế nội bộ của Công ty.
B.4.1	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với công ty không?		Bảo Việt thực hiện tốt nội dung này (Quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị Tập đoàn)	
B.4.2	Công ty có quy định yêu cầu phải có một ban các thành viên HĐQT độc lập xem xét các giao dịch quan trọng để xác định rằng chúng có lợi cho công ty và cho cổ đông.		Bảo Việt chưa có quy định cụ thể về vấn đề này đến năm 2015.	Bảo Việt cần bổ sung Quy định này trong Điều lệ, Quy chế quản trị để tuân thủ yêu cầu này.
B.4.3	Công ty có quy định yêu cầu thành viên HĐQT có quyền lợi liên quan không được bỏ phiếu biểu quyết.		Bảo Việt thực hiện tốt nội dung này (Quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị Tập đoàn);	Cần công bố bản tiếng Anh Điều lệ Tập đoàn.
B.4.4	Công ty có chính sách về khoản vay cho thành viên HĐQT, trong đó quy định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng các khoản vay được thực hiện trên cơ sở giao dịch hợp lý theo lãi suất thị trường		Bảo Việt thực hiện tốt (Quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị Tập đoàn).	
B.5.1	Công ty có bất kỳ hỗ trợ tài chính nào cho bên thứ 3 không phải là công ty con.		• Bảo Việt không có hỗ trợ tài chính nào cho bên thứ 3 không phải công ty con với mục đích để kiểm soát hoặc thu lợi nhuận. • Bảo Việt đã nêu rõ nội dung này trong phần giao dịch với Bên liên quan tại Báo cáo thường niên.	
B.5.2	Công ty có khẳng định tính công bằng và minh bạch trong giao dịch với các bên thứ ba.		Bảo Việt có nêu chính sách về việc đảm bảo công bằng và minh bạch trong giao dịch với các bên liên quan tại Báo cáo thường niên.	

PHẦN C – VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thực hiện tốt thông lệ Thực hiện chưa đủ thông lệ Chưa thực hiện theo thông lệ

Mã	Tiêu chí	Hiện trạng đến năm 2015	Đánh giá đến năm 2015	Ghi chú/Đề xuất từ năm 2016
C.1.1	Công ty có công bố chính sách về bảo vệ lợi ích của khách hàng.		Bảo Việt đã công bố chính sách này trên BCTN và PTBV	
C.1.2	Công ty có giải thích về nguyên tắc lựa chọn nhà cung cấp của mình.		Bảo Việt thực hiện tốt nội dung này, chi tiết nếu trong báo cáo phát triển bền vững 2015 và PWC Việt Nam đã đảm bảo cho chỉ tiêu này.	
C.1.3	Công ty có công bố chính sách đảm bảo chuỗi giá trị thân thiện với môi trường và hướng đến phát triển bền vững.		Bảo Việt đã công bố chính sách này trong Báo cáo phát triển bền vững.	
C.1.4	Công ty có chính sách rõ ràng trong việc hỗ trợ cộng đồng.		Bảo Việt đã công bố chiến lược và chính sách rõ ràng liên quan đến nội dung này trong Báo cáo phát triển bền vững	
C.1.5	Công ty có công bố về chương trình và quy trình chống tham nhũng.		• Bảo Việt đã xây dựng Quy chế Tuân thủ và Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp trong đó có nội dung liên quan đến chống tham nhũng, rửa tiền. • Đã ban hành và đưa Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp trên website của Công ty	Cần bổ sung bản tiếng Anh
C.1.6	Công ty có công bố chính sách bảo vệ các chủ nợ		Bảo Việt chưa xây dựng chính sách này do đặc thù hoạt động kinh doanh chưa phát sinh các khoản nợ lớn	Sẽ xây dựng chính sách tùy thuộc vào thực tiễn hoạt động kinh doanh của Bảo Việt
C.1.7	Công ty nêu các hành động cụ thể nhằm bảo vệ lợi ích của khách hàng.		Bảo Việt đã công bố chính sách này trên BCTN và PTBV	
C.1.8	Công ty nêu cụ thể các tiêu chí tuyển chọn nhà cung cấp.		Bảo Việt nêu cụ thể trong báo cáo phát triển bền vững.	
C.1.9	Công ty nêu cụ thể về việc thực hiện chuỗi giá trị thân thiện với môi trường và hướng đến phát triển bền vững.		Bảo Việt đã công bố chính sách này trong Báo cáo phát triển bền vững.	
C.1.10	Công ty nêu rõ các hoạt động hỗ trợ cộng đồng.		Bảo Việt trình bày rất cụ thể và minh họa cho các hoạt động vì cộng đồng	
C.1.11	Công ty nêu rõ các hoạt động trong chương trình chống tham nhũng.		Bảo Việt đã có các chương trình phòng chống tham nhũng, tuy nhiên chưa công bố thông tin lên website.	
C.1.12	Công ty nêu rõ hoạt động cụ thể nhằm bảo vệ lợi ích của chủ nợ.		Bảo Việt nêu cụ thể trong báo cáo phát triển bền vững.	
C.1.13	Công ty có mục riêng về trách nhiệm xã hội (trong Báo cáo thường niên hoặc tách thành một báo cáo riêng)		Bảo Việt thực hiện tốt mục này.	

C.2.1	Công ty có cung cấp thông tin liên lạc của người/ phòng ban chịu trách nhiệm để các bên liên quan có thể liên hệ khi có thắc mắc hay cần khiếu nại.		Bảo Việt đã nêu rõ đầu mối liên lạc và bộ phận Quan hệ cổ đông trên Bảo cáo thường niên và website Tập đoàn.	
C.3.1	Công ty nêu rõ các chính sách về sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho nhân viên.		Bảo Việt đã nêu rõ trong BCTN và Báo cáo phát triển bền vững hàng năm	
C.3.2	Công ty công bố các số liệu cụ thể liên quan đến sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho nhân viên.		Bảo Việt đã thực hiện tốt và nêu đầy đủ trong báo cáo phát triển bền vững	
C.3.3	Công ty có chương trình đào tạo, huấn luyện và phát triển cho nhân viên.		Bảo Việt đã công bố đầy đủ trong báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững	
C.3.4	Công ty công bố số liệu cụ thể về chương trình đào tạo, huấn luyện và phát triển cho nhân viên.		Bảo Việt đã công bố đầy đủ trong báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững	
C.3.5	Công ty có chính sách khen thưởng dựa vào kết quả hoạt động của công ty trong dài hạn.		Bảo Việt đã xây dựng kế hoạch phát hành ESOP cho cán bộ nhân viên, dự kiến trình ĐHĐCĐ thường niên 2016 thông qua.	
C.4.1	Công ty có quy trình để nhân viên tố giác về các hành vi vi phạm trong công ty.		• Bảo Việt đã có quy định trong Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp về nội dung này. • Đã upload Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp trên website của Công ty, tuy nhiên cần bổ sung bản tiếng Anh để được ghi nhận các nội dung này.	Cần bổ sung bản tiếng Anh .
C.4.2	Công ty có chính sách bảo vệ nhân viên tố giác về các hành vi vi phạm trong công ty.			

PHẦN D – CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Thực hiện tốt thông lệ Thực hiện chưa đủ thông lệ Chưa thực hiện theo thông lệ

Mã	Tiêu chí	Hiện trạng đến năm 2015	Đánh giá đến năm 2015	Ghi chú/Đề xuất từ năm 2016
D.1.1	Công bố thông tin sở hữu: danh tính cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phần trở lên		Bảo Việt đã thực hiện nội dung này	
D.1.2	Công bố thông tin sở hữu: cả số cổ phần trực tiếp và gián tiếp mà cổ đông lớn nắm giữ		Bảo Việt đã thực hiện công bố rất cụ thể trong Báo cáo thường niên, báo cáo quản trị bán niên và hàng năm theo quy định.	
D.1.3	Công bố thông tin sở hữu: cả số cổ phần trực tiếp và gián tiếp mà các thành viên hội đồng quản trị nắm giữ		Bảo Việt đã thực hiện công bố rất cụ thể trong Báo cáo thường niên, báo cáo quản trị bán niên và hàng năm theo quy định.	
D.1.4	Công bố thông tin sở hữu: cả số cổ phần trực tiếp và gián tiếp mà các thành viên ban điều hành nắm giữ		Bảo Việt đã thực hiện công bố rất cụ thể trong Báo cáo thường niên, báo cáo quản trị bán niên và hàng năm theo quy định.	

D.1.5	Công bố thông tin chi tiết của các công ty con, liên kết, liên doanh: cả tên và số cổ phần mà công ty nắm giữ ở các công ty này		Bảo Việt đã thực hiện công bố rất cụ thể trong Báo cáo thường niên	
D.2.1	Báo cáo thường niên có công bố: Các rủi ro chủ yếu của công ty ngoài các rủi ro tài chính		Bảo Việt đã thực hiện công bố rất cụ thể trong Báo cáo thường niên	
D.2.2	Báo cáo thường niên có công bố: Mục tiêu của công ty		Bảo Việt công bố rất chi tiết	
D.2.3	Báo cáo thường niên có công bố: Các chỉ số tài chính, ví dụ như một trong các chỉ tiêu căn bản sau: ROI, ROS, ROE và EPS		Bảo Việt công bố rất đầy đủ	
D.2.4	Báo cáo thường niên có công bố: Các chỉ số phi tài chính, ví dụ như thị phần hoặc chỉ số hài lòng khách hàng		Bảo Việt công bố rất đầy đủ	
D.2.5	Báo cáo thường niên có công bố: Chính sách cổ tức, cụ thể về chính sách chi trả, tỷ lệ cổ tức dự kiến		Bảo Việt công bố rất đầy đủ	
D.2.6	Báo cáo thường niên có công bố: Chính sách tố giác sai phạm của công ty		• Bảo Việt đã có quy định trong Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp về nội dung này và Quy trình xử lý nội bộ của công ty liên quan đến Chính sách tố giác sai phạm. • Đã công bố trên website của Tập đoàn	Công bố bản tiếng Anh
D.2.7	Báo cáo thường niên có công bố: Lý lịch thành viên HĐQT bao gồm đầy đủ các thông tin sau: tuổi tác, bằng cấp, ngày bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm liên quan và các vị trí trong HĐQT mà thành viên đó nắm giữ ở các công ty niêm yết khác		Bảo Việt đã công bố đầy đủ trên Báo cáo thường niên 2015.	
D.2.8	Báo cáo thường niên có công bố: Các chương trình đào tạo, tập huấn mỗi thành viên HĐQT tham gia trong năm đánh giá		Bảo Việt có công bố trong nội dung Báo cáo quản trị của Báo cáo thường niên 2015.	
D.2.9	Báo cáo thường niên có công bố: Số lần họp của HĐQT		Bảo Việt đã công bố đầy đủ trong Báo cáo thường niên.	
D.2.10	Báo cáo thường niên có công bố: Chi tiết tham dự các cuộc họp HĐQT của mỗi thành viên HĐQT		Bảo Việt đã thực hiện công bố số cuộc họp HĐQT, chi tiết thành phần tham dự của HĐQT.	
D.2.11	Báo cáo thường niên có công bố: Chi tiết thù lao của mỗi thành viên HĐQT		Bảo Việt đã thực hiện công bố thù lao, của các thành viên Hội đồng quản trị cụ thể trong chương Quản trị doanh nghiệp của Báo cáo thường niên	

D.2.12	Báo cáo thường niên có công bố: Lời xác nhận của công ty về việc thực đã thi đầy đủ quy định Quản Trị Công Ty, trường hợp chưa thực hiện được thì nêu rõ vấn đề và giải thích nguyên nhân		Bảo Việt đã tuyên bố thực thi các quy định về quản trị công ty trong phần Báo cáo quản trị/ Báo cáo thường niên.	
D.3.1	Yêu cầu công ty nêu chính sách xem xét và phê duyệt các giao dịch trọng yếu của các bên liên quan		Bảo Việt đã thực hiện đầy đủ trong báo cáo phát triển bền vững	
D.3.2	Thực hiện công bố thông tin về giao dịch trong yếu của các bên liên quan: Tên và mối quan hệ giữa công ty với các bên liên quan		Bảo Việt công bố rất cụ thể trên báo cáo thường niên	
D.3.3	Thực hiện công bố thông tin về giao dịch trong yếu của các bên liên quan: bản chất và giá trị của mỗi giao dịch trọng yếu giữa công ty và các bên liên quan.		Bảo Việt công bố rất cụ thể trên báo cáo thường niên	
D.4.1	Công bố giao dịch cổ phần của cổ đông nội bộ.		Bảo Việt công bố rất cụ thể trên báo cáo thường niên và công bố thông tin về Báo cáo quản trị công ty định kỳ theo luật định.	
D.5.1	Công bố phí kiểm toán		Bảo Việt công bố thông tin về ký kết hợp đồng với công ty kiểm toán nhưng chưa công bố mức phí.	
D.5.2	Công bố phí phi kiểm toán		Công ty không có phí phi kiểm toán	
D.5.3	Công ty có phí phi kiểm toán nhiều hơn phí kiểm toán		Công ty không có phí phi kiểm toán	
D.6.1	Báo cáo quý		Bảo Việt công bố rất đầy đủ	
D.6.2	Trang web công ty		Bảo Việt đã bổ sung các nội dung tiếng Anh tại website của Công ty song song với các nội dung tiếng Việt.	
D.6.3	Ý kiến của chuyên gia phân tích		Bảo Việt có thực hiện nhưng quy mô nhỏ, để tổ chức	
D.6.4	Thông tin trên phương tiện truyền thông/họp báo.		Bảo Việt đã quảng bá thông tin về doanh nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng.	
D.7.1	Báo cáo tài chính được công bố trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính		Bảo Việt tuân thủ tốt quy định này.	
D.7.2	Báo cáo thường niên được công bố trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính		Bảo Việt thực hiện tốt nội dung này.	
D.7.3	Lời xác nhận trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất từ HĐQT và các cá nhân liên quan		Bảo Việt có công bố đầy đủ nội dung này	

D.8	Website của Công ty. Công ty có website công bố thông tin cập nhật về:			
D.8.1	Hoạt động kinh doanh	●	Cung cấp đầy đủ thông tin và cập nhật thường xuyên	
D.8.2	Báo cáo tài chính năm hiện tại và các năm trước	●		
D.8.3	Tài liệu được cung cấp trong các báo cáo gửi chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông	●		
D.8.4	Cấu trúc sở hữu	●		
D.8.5	Cơ cấu tổ chức	●		
D.8.6	Báo cáo thường niên có thể tải được	●		
D.8.7	Thông báo, Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường	●		
D.8.8	Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường	●		
D.8.9	Điều lệ công ty	●		
D.9.1	Công bố chi tiết liên hệ của nhân viên phụ trách Quan hệ cổ đông (điện thoại, fax và email)	●	Bảo Việt đã công bố trên BCTN tuy nhiên cần bổ sung trên website	

PHẦN E – TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

● Thực hiện tốt thông lệ ● Thực hiện chưa đủ thông lệ ● Chưa thực hiện theo thông lệ

Mã	Tiêu chí	Hiện trạng	Đánh giá và Đề xuất	Ghi chú
E.1.1	Công bố chính sách Quản trị công ty, điều lệ hoạt động HĐQT	●	Bảo Việt đã công bố Quy chế quản trị công ty lên website;	Cần bổ sung bản tiếng Anh
E.1.2	Các loại quyết định phải có phê duyệt của thành viên HĐQT có được công bố công khai	●	Các quyết định được công bố công khai theo luật định	
E.1.3	Vai trò và trách nhiệm của HĐQT có được quy định rõ ràng	●	Bảo Việt có công bố đầy đủ nội dung này trong Báo cáo thường niên và quy chế Quản trị công ty	
E.1.4	Công ty có tuyên bố về tầm nhìn và sứ mệnh	●	Bảo Việt có công bố đầy đủ nội dung này trong Báo cáo thường niên.	
E.1.5	HĐQT có xem xét tầm nhìn và sứ mệnh/chiến lược trong năm tài chính gần nhất?	●	Bảo Việt có thực hiện rà soát chiến lược định kỳ hàng năm.	
E.1.6	Thành viên HĐQT có giám sát/theo dõi việc thực hiện chiến lược của Công ty?	●	Bảo Việt tuân thủ nội dung này, HĐQT chỉ đạo việc xây dựng chiến lược và giám sát việc thực hiện, rà soát chiến lược định kỳ tại các kỳ họp HĐQT.	
E.2.1	Công ty công bố chi tiết bộ Quy tắc đạo đức	●	Bảo Việt đã công bố nội dung Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp trên website;	Cần bổ sung bản tiếng Anh.
E.2.2	Công ty nêu rõ rằng: tất cả HĐQT, thành viên Ban điều hành và nhân viên được yêu cầu tuân thủ bộ Quy tắc ứng xử	●		
E.2.3	Công ty nêu rõ cách thực thi và kiểm soát việc tuân thủ bộ Quy tắc ứng xử	●		
E.2.4	HĐQT có tối thiểu 50% thành viên độc lập	●	Bảo Việt chưa đáp ứng được yêu cầu này, tuy nhiên Bảo Việt đang xây dựng lộ trình để dần tiệm cận với tiêu chí này.	Bảo Việt đang xây dựng lộ trình để dần tiệm cận với tiêu chí này.
E.2.5	Thành viên HĐQT độc lập có độc lập với ban lãnh đạo và cổ đông lớn không?	●	Thành viên HĐQT độc lập tại HĐQT Bảo Việt đảm bảo yêu cầu này.	
E.2.6	Công ty có quy định giới hạn nhiệm kỳ của thành viên HĐQT độc lập không quá 9 năm	●	Bảo Việt đang thực hiện theo quy định tại Điều lệ với nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm	Bổ sung trong điều lệ Công ty
E.2.7	Công ty có đặt ra chính sách: mỗi thành viên HĐQT độc lập / không điều hành được giữ tối đa 5 vị trí HĐQT cùng 1 lúc trong các công ty niêm yết khác	●	Bảo Việt đã quy định cụ thể về chính sách này tại Quy chế quản trị của Tập đoàn Bảo Việt.	Công bố bản tiếng Anh Quy chế Quản trị
E.2.8	Công ty có thành viên HĐQT độc lập nào đang nắm giữ tổng cộng hơn 5 chức vụ trong HĐQT ở các công ty niêm yết	●	Bảo Việt không có trường hợp này	
E.2.9	Công ty có thành viên HĐQT điều hành nào đang nắm giữ hơn 2 chức vụ trong HĐQT ở các công ty niêm yết khác ngoài tập đoàn	●		
E.2.10	Công ty có tiểu ban nhân sự	●	Bảo Việt có Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm thuộc HĐQT	
E.2.11	Thành viên trong Tiểu ban nhân sự phần lớn là thành viên HĐQT độc lập (hơn 50%)	●	Bảo Việt chưa thực hiện tốt yêu cầu này do số lượng thành viên HĐQT độc lập còn hạn chế.	
E.2.12	Chủ tịch tiểu ban nhân sự là thành viên HĐQT độc lập	●	Bảo Việt chưa thực hiện tốt yêu cầu này do còn số lượng thành viên HĐQT độc lập còn hạn chế	
E.2.13	Công ty có công bố vai trò, nhiệm vụ, và điều lệ hoạt động của tiểu ban nhân sự	●	Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này trong Báo cáo thường niên.	
E.2.14	Tiểu ban nhân sự họp ít nhất hai lần trong năm	●	Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên.	

E.2.15	Công bố chi tiết tham dự cuộc họp của các thành viên tiểu ban nhân sự		Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên.	
E.2.16	Công ty có tiểu ban lương thưởng		Bảo Việt có Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm thuộc HĐQT	
E.2.17	Thành viên trong Tiểu ban lương thưởng phần lớn là thành viên HĐQT độc lập (hơn 50%)		Bảo Việt chưa thực hiện tốt yêu cầu này do số lượng thành viên HĐQT độc lập còn hạn chế.	
E.2.18	Chủ tịch tiểu ban lương thưởng là thành viên HĐQT độc lập		Bảo Việt chưa thực hiện tốt yêu cầu này do còn số lượng thành viên HĐQT độc lập còn hạn chế	
E.2.19	Công ty có công bố vai trò, nhiệm vụ, và điều lệ hoạt động của tiểu ban lương thưởng		Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này trong Báo cáo thường niên.	
E.2.20	Tiểu ban lương thưởng họp ít nhất hai lần trong năm		Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên.	
E.2.21	Công bố chi tiết tham dự cuộc họp của các thành viên tiểu ban lương thưởng		Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên.	
E.2.22	Công ty có Tiểu ban kiểm toán		Bảo Việt có Ủy ban Kiểm toán thuộc Hội đồng Quản trị	
E.2.23	Tiểu ban Kiểm toán có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT không điều hành với đa số thành viên/ủy viên HĐQT độc lập		• Ủy ban Kiểm toán Bảo Việt bao gồm Chủ nhiệm Ủy ban là t/v HĐQT độc lập, 01 thành viên HĐQT không điều hành và 01 Ủy viên độc lập không phải thành viên HĐQT. • Các thành viên HĐQT không điều hành khác phụ trách các Ủy ban khác của HĐQT, đã được báo cáo cụ thể tại Báo cáo thường niên.	
E.2.24	Chủ nhiệm của Tiểu ban Kiểm toán có phải là thành viên HĐQT độc lập		Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm toán là t/v HĐQT độc lập	
E.2.25	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/điều lệ của Tiểu ban Kiểm toán		Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên.	
E.2.26	BCTN có công bố lý lịch và chuyên môn của các thành viên Tiểu ban Kiểm toán		Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên.	
E.2.27	Có ít nhất 1 thành viên HĐQT độc lập của Tiểu ban có chuyên môn về kế toán (bằng cấp hoặc kinh nghiệm kế toán)		Ủy ban Kiểm toán của Bảo Việt có 01 thành viên HĐQT độc lập – đồng thời là Chủ nhiệm Ủy ban đảm bảo tiêu chí này.	
E.2.28	Tiểu ban Kiểm toán có họp tối thiểu bốn lần 1 năm		Năm 2015 Ủy ban đã thực hiện họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản 08 lần trong năm.	
E.2.29	Công bố chi tiết tham dự cuộc họp của các thành viên Tiểu ban Kiểm toán		Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên.	

E.2.30	Tiểu ban Kiểm toán có nhiệm vụ chính trong việc đưa ra khuyến nghị về bổ nhiệm, và miễn nhiệm kiểm toán độc lập		Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên	
E.3.1	Họp HĐQT có được lập kế hoạch trước năm tài chính		Bảo Việt đã thực hiện lập kế hoạch họp HĐQT trước năm tài chính, tuy nhiên đối với năm 2016 đã phê duyệt kế hoạch trong tháng 02/2016, và không thực hiện công bố thông tin rộng rãi trên website kế hoạch này.	
E.3.2	HĐQT họp ít nhất 6 lần trong năm		Năm 2015 HĐQT Bảo Việt thực hiện 05 cuộc họp HĐQT trực tiếp và hơn 100 phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để giải quyết các vấn đề trong năm. Đã báo cáo tại Báo cáo thường niên.	
E.3.3	Mỗi thành viên HĐQT tham gia ít nhất 75% tổng số cuộc họp HĐQT trong năm đánh giá		Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên.	
E.3.4	Công ty có yêu cầu tỉ lệ biểu quyết thông qua là tối thiểu 2/3 trong các quyết định của HĐQT?		Hiện tại Bảo Việt đang yêu cầu tỷ lệ là quá bán theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ, tuy nhiên trên thực tế, các nghị quyết của HĐQT đều được sự tán thành của ít nhất 7/9 thành viên HĐQT, đa số đạt được đồng thuận tuyệt đối 9/9 phiếu đồng ý.	Cân nhắc sửa đổi trong quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị
E.3.5	Có ít nhất 1 cuộc họp giữa các thành viên HĐQT không điều hành mà không có mặt các thành viên điều hành trong năm đánh giá		Bảo Việt chưa thực hiện quy định này;	Cân nhắc thực hiện trong năm 2016 và báo cáo tại Báo cáo thường niên 2016.
E.3.6	Tài liệu họp HĐQT được gửi tới các thành viên tối thiểu 5 ngày làm việc trước khi cuộc họp diễn ra		Bảo Việt tuân thủ quy định này.	Cần công bố quy định này bằng Tiếng Anh.
E.3.7	Công ty có nêu rõ trách nhiệm quan trọng của thư ký công ty trong việc hỗ trợ HĐQT thực hiện vai trò của mình		Bảo Việt đã nêu rõ trong Điều lệ và BCTN	
E.3.8	Thư ký công ty có chuyên môn về luật, kế toán hoặc thư ký		Bảo Việt đảm bảo yêu cầu này.	
E.3.9	Công ty công bố tiêu chuẩn lựa chọn thành viên HĐQT mới		Bảo Việt có thực hiện	
E.3.10	Công ty công bố quy trình bổ nhiệm thành viên HĐQT mới		Bảo Việt có đưa ra quy chế bầu thành viên HĐQT	
E.3.11	Tất cả các thành viên HĐQT phải được bầu lại tối thiểu ba năm một lần		Nhiệm kỳ thành viên HĐQT tại Tập đoàn Bảo Việt là 05 năm.	Cân nhắc thực hiện tiêu chí này trong những năm tới.
E.3.12	Công bố chính sách/thông lệ về thù lao (phí, trợ cấp bằng hiện vật và các khoản thù lao khác) đối với t/v HĐQT điều hành và TGĐ.		Bảo Việt đã công bố trong báo cáo thường niên	
E.3.13	Công bố cấu trúc thù lao của thành viên HĐQT ko điều hành			

E.3.14	Cổ đông và HĐQT có thông qua thù lao của ban điều hành		Bảo Việt có thực hiện nội dung này	
E.3.15	Thành viên độc lập không điều hành có nhận quyền chọn và thưởng cổ phần hoặc các loại thưởng khác		Trên thực tế, thành viên HĐQT độc lập không điều hành không nhận quyền chọn và thưởng cổ phần hoặc các loại thưởng khác.	
E.3.16	Công ty có bộ phận kiểm toán nội bộ độc lập		Bảo Việt có Khối Kiểm toán nội bộ	
E.3.17	Công bố danh tính của Trưởng ban kiểm toán nội bộ, hoặc trường hợp thuê dịch vụ bên ngoài thì nêu lên tên công ty dịch vụ độc lập		Bảo Việt đã thực hiện các nội dung này trong Báo cáo thường niên – công bố Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ, đồng thời đã thực hiện công bố thông tin lý lịch và người có liên quan của Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ.	
E.3.18	Việc bổ nhiệm và bãi nhiệm của nhân viên kiểm toán nội bộ phải thông qua Tiểu ban Kiểm toán		Bảo Việt đã thực hiện các nội dung này đối với việc bổ nhiệm Lãnh đạo Khối/Ban thuộc Khối Kiểm toán nội bộ.	
E.3.19	Công ty công bố quy trình kiểm soát nội bộ và hệ thống quản lý rủi ro thích hợp		Bảo Việt thực hiện tốt nội dung này	
E.3.20	HĐQT tiến hành kiểm tra, xem xét các lĩnh vực trọng yếu cần kiểm soát (hoạt động, tài chính, tuân thủ) và hệ thống quản lý rủi ro của cty trong năm		Bảo Việt thực hiện tốt nội dung này	
E.3.21	Công ty công bố các rủi ro chính cần được kiểm soát, ngoài rủi ro tài chính		Bảo Việt thực hiện tốt nội dung này	
E.3.22	BCTN của công ty có lời xác nhận từ HĐQT hoặc BKS rằng hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả và chính xác		HĐQT và BKS có đánh giá và yêu cầu của liên quan đến hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ.	Bảo Việt cần bổ sung nội dung xác nhận này
E.4.1	Chủ tịch HĐQT và TGĐ không cùng 1 người đảm nhiệm		Bảo Việt đáp ứng tiêu chí này	
E.4.2	Chủ tịch HĐQT là thành viên độc lập		Bảo Việt chưa đáp ứng tiêu chí này	
E.4.3	Chủ tịch HĐQT là TGĐ của công ty trong vòng 3 năm trước đây		Bảo Việt không có tình trạng này	
E.4.4	Công ty công bố vai trò và trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT		Bảo Việt công bố tại Quy chế quản trị và Báo cáo thường niên	
E.4.5	Công ty có thành viên HĐQT không điều hành có kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực hoạt động chính của công ty		Bảo Việt đáp ứng tiêu chí này	
E.4.6	Công ty công bố chính sách đa dạng hóa thành phần HĐQT		Bảo Việt chưa đáp ứng tiêu chí này	Cần xây dựng và công bố chính sách cụ thể
E.5.1	Công ty có chương trình định hướng cho các thành viên HĐQT mới		Bảo Việt có tiến hành đánh giá hoạt động của HĐQT và công bố trên báo cáo thường niên theo các đề mục cụ thể, tuy nhiên cần công bố tiêu chuẩn, quy trình đánh giá hoạt động hàng năm. Ngoài ra, cần đối chiếu và bổ sung các nội dung tại mục E.5 trong năm 2016.	
E.5.2	Công ty có chính sách khuyến khích các thành viên HĐQT tham gia các chương trình đào tạo chuyên môn/quản trị cao hơn			
E.5.3	Công ty có công bố kế hoạch HĐQT chuẩn bị cho thế hệ lãnh đạo tương lai (TGĐ và cán bộ điều hành chủ chốt)			
E.5.4	HĐQT có tiến hành đánh giá hoạt động hàng năm đối với TGĐ			
E.5.5	Công ty có tiến hành đánh giá hoạt động hàng năm đối với HĐQT			
E.5.6	Công ty có công bố quy trình đánh giá hoạt động hàng năm đối với HĐQT			
E.5.7	Công ty có công bố tiêu chuẩn đánh giá hoạt động hàng năm đối với HĐQT			
E.5.8	Công ty có tiến hành đánh giá hoạt động hàng năm đối với từng thành viên HĐQT			
E.5.9	Công ty có công bố quy trình đánh giá hoạt động hàng năm đối với từng thành viên HĐQT			
E.5.10	Công ty có công bố tiêu chuẩn đánh giá hoạt động hàng năm đối với từng thành viên HĐQT			
E.5.11	Công ty có tiến hành đánh giá hoạt động hàng năm đối với từng các tiểu ban HĐQT			

Đánh giá với tình hình thực hiện theo thẻ điểm quản trị Công ty của Tập đoàn Bảo Việt

Để đáp ứng tốt hơn chuẩn mực và nhu cầu tiếp cận thông tin của Nhà đầu Tư, Bảo Việt cần đầu tư và cải thiện để tiếp cận các tiêu chuẩn về quản trị công ty đảm bảo sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Trong 5 lĩnh vực quản trị công ty, có 2 lĩnh vực có trọng số tính điểm cao và cần được chú ý hơn là: phần E về trách nhiệm của HĐQT, phần D về công bố thông tin và minh bạch. Một số biện pháp cần thực hiện để nâng cao kết quả đánh giá quản trị theo thẻ điểm và năng lực thực hành quản trị tại Tập đoàn Bảo Việt như sau:

1. Bảo Việt cần hoàn thiện và đăng tải phiên bản tiếng Anh của Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT, Bộ quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp và các quy chế nội bộ quan trọng khác.

2. Xây dựng lộ trình cụ thể để tiệm cận yêu cầu về tỷ lệ thành viên HĐQT độc lập trong HĐQT theo yêu cầu tại Thẻ điểm quản trị ASEAN và Thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

3. Tăng cường sự tham gia của các thành viên độc lập trong các Ủy ban thuộc HĐQT để tư vấn, hỗ trợ hoạt động của HĐQT.

4. Xây dựng kế hoạch kế nhiệm, các chương trình định hướng và đào tạo dành cho các thành viên HĐQT mới và các thành viên đương nhiệm.

5. Tuân thủ các quy định về công bố và minh bạch thông tin theo yêu cầu tại Thông tư 155/2015/TT-BTC và các tiêu chí tại thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN; phấn đấu thực hiện tốt hơn các chuẩn mực quy định tại Thông tư 155 để cung cấp các thông tin đến cổ đông.

6. Công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ, Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ phiên bản tiếng Anh để các nhà đầu tư nước ngoài dễ dàng nghiên cứu, nắm bắt các thông tin về Doanh nghiệp.

7. Tiếp tục hoàn thiện những điểm chưa thực hiện tốt theo thông lệ và theo đánh giá tại Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN theo mục 2 nêu trên.

TĂNG CƯỜNG THỰC THI CÁC CHÍNH SÁCH ĐẢM BẢO QUYỀN, LỢI ÍCH CHO CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Chính sách quan hệ cổ đông và nhà đầu tư

Là doanh nghiệp niêm yết với hơn 7.000 cổ đông, Bảo Việt luôn xác định bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông, nhà đầu tư là một trong những vấn đề cốt lõi trong quản trị doanh nghiệp. Hoạt động quan hệ cổ đông của chúng tôi hướng tới việc bảo vệ và thực hiện đầy đủ quyền cổ đông, tuân thủ các qui định pháp luật, đảm bảo công bố thông tin minh bạch và đối xử bình đẳng với các cổ đông.

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ CỔ ĐÔNG NĂM 2015

Công tác quan hệ cổ đông năm 2015 của Bảo Việt hướng trọng tâm vào các mục tiêu sau:

Bảo vệ quyền lợi cổ đông và đảm bảo sự bình đẳng giữa các cổ đông: Việc thực thi các chính sách bảo vệ quyền lợi cổ đông và đảm bảo sự bình đẳng giữa cổ đông lớn và cổ đông thiểu số luôn được Bảo Việt chú trọng để đảm bảo các cổ đông được cung cấp thông tin như nhau, bao gồm các thông tin về thời gian và tỷ lệ chi trả cổ tức, thông tin về đợt phát hành, thông tin mời họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường, tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện quyền biểu quyết....

Bên cạnh đó, Bảo Việt luôn khuyến khích các cổ đông ý thức hơn về các quyền của mình bao gồm Quyền biểu quyết, quyền nhận cổ tức, quyền được đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, quyền thông qua báo cáo tài chính hàng năm và quyền tiếp cận các thông tin về hoạt động của Bảo Việt.

Tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho cổ đông trong việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chuẩn hóa quy trình về trình tự, thủ tục triệu tập họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, bố trí thời gian và địa điểm họp ở trung tâm, thuận tiện cho giao thông (Khách sạn Melia), đăng thông báo thông báo mời họp trên 03 kỳ liên tiếp của một tờ báo có phạm vi phát hành toàn quốc, đồng thời công bố đầy đủ tài liệu họp theo quy định trên website và hướng dẫn cổ đông truy cập các tài liệu làm cơ sở thảo luận và biểu quyết thông tại Đại hội.

DUY TRÌ CHÍNH SÁCH CỔ TỨC BẰNG TIỀN MẶT ĐỀU ĐẶN QUA CÁC NĂM

Bảo Việt hiểu rằng một trong những quyền quan trọng nhất của cổ đông là quyền được nhận cổ tức. Thông qua chính sách cổ tức bằng tiền mặt đều đặn kể từ khi niêm yết, Bảo Việt mong muốn đảm bảo các khoản cổ tức định kỳ và đảm bảo thu nhập ổn định cho cổ đông. Năm 2015, với việc dành 680 tỷ đồng chi trả cổ tức đã nâng tổng số tiền cổ tức Bảo Việt đã chi trả cho cổ đông kể từ khi niêm yết đến nay lên đến gần 6.000 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, Bảo Việt đã thực hiện chuẩn hóa quy trình chi trả cổ tức với thủ tục đơn giản, cung cấp đầy đủ thông tin giúp cổ đông hiểu rõ thủ tục chi trả cổ tức, sử dụng công ty chứng khoán chuyên nghiệp làm dịch vụ chi trả cổ tức nhanh và đúng hạn đối với các cổ phiếu chưa lưu ký, tạo điều kiện cho cổ đông nhận tiền mặt trực tiếp hoặc nhận qua chuyển khoản với thủ tục đơn giản.

NÂNG CAO LỢI ÍCH CHO CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ THÔNG QUA VIỆC ĐA DẠNG HÓA `CÁC KÊNH CUNG CẤP THÔNG TIN

Thông tin là nền tảng của mọi quyết định đầu tư vì vậy Bảo Việt luôn nỗ lực đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các kênh cung cấp thông tin nhằm tạo điều kiện cho cổ đông và nhà đầu tư được tiếp cận thông tin đầy đủ, kịp thời về định hướng chiến lược, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình quản trị doanh nghiệp…

Các kênh cung cấp thông tin cho cổ đông và nhà đầu tư

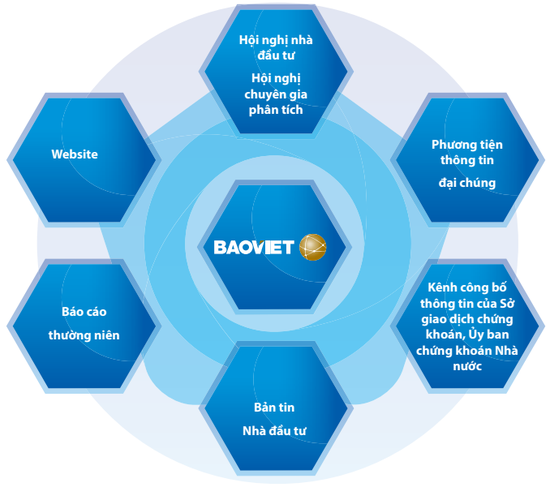

Năm 2015, Bảo Việt đã chủ động truyền thông các thông tin tài chính và phi tài chính thông qua các bài viết truyền thông, phát hành thông cáo báo chí định kỳ tại các thời điểm công bố kết quả kinh doanh giúp nhà đầu tư nắm bắt kịp thời về tình hình kinh doanh và các yếu tố ảnh hưởng đến việc tăng giảm doanh thu lợi nhuận trong kỳ.

Việc duy trì phát hành Bản tin Nhà đầu tư (IR Newsletter) song ngữ Việt – Anh với nhiều thông tin phân tích về các chỉ tiêu nghiệp vụ đặc thù trong hoạt động kinh doanh của Bảo Việt đã nhận được nhiều phản hồi tích cực từ nhà đầu tư và chuyên gia phân tích do cung cấp cái nhìn cận cảnh về hoạt động kinh doanh tại Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên.

Ngoài ra, nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, Bảo Việt đã tiến hành nâng cấp chuyên trang dành cho cổ đông song ngữ Anh/Việt trên website của Tập đoàn Bảo Việt với nhiều thông tin bổ ích và tăng tính tương tác và hiệu quả hỗ trợ cổ đông.

NÂNG CAO TÍNH MINH BẠCH VÀ MỨC ĐỘ TIN CẬY CỦA THÔNG TIN

Nhằm nâng cao mức độ tin cậy của số liệu, Bảo Việt đã duy trì việc lập Báo cáo tài chính theo hai chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và chuẩn mực lập và trình bày báo cáo tài chính quốc tế (IFRS). Bên cạnh việc tuân thủ quy định về việc lập và soát xét đối với Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán đối với báo cáo tài chính năm, Bảo Việt còn thực hiện soát xét đối với báo cáo quý để đảm bảo mức độ tin cậy của các số liệu cung cấp ra thị trường.

Ngoài việc thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC và Thông tư số 155/2015/TT-BTC, Bảo Việt còn chủ động công bố kịp thời các thông tin được đánh giá là trọng yếu, có thể ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư để nhà đầu tư có thể nắm bắt kịp thời các thông tin liên quan đến hoạt động của Bảo Việt.

Bước sang năm 2016, công tác quan hệ cổ đông của Bảo Việt sẽ được hoàn thiện theo định hướng ngày càng chuyên nghiệp, năng động, và minh bạch hơn.

Phụ trách công bố thông tin:

Ông Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc phụ trách Khối Quản lý Tài Chính
Email: congbothongtin@baoviet.com.vn
Điện thoại: 04 3 928 9999 (Số máy lẻ: 312)

Bộ phận quan hệ cổ đông:

Email: investorbvh@baoviet.com.vn
Điện thoại: 04 3 928 9999 (Số máy lẻ: 337)

Website: www.baoviet.com.vn

THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

Về chế độ tiền thưởng của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

Ngoài chế độ thù lao cho các thành viên HĐQT và Kiểm soát viên không chuyên trách, các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên cũng nhận được quỹ tiền thưởng được lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn căn cứ vào kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2015 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Về các chế độ đãi ngộ khác đối với thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

- Chế độ sử dụng ô tô của Tập đoàn: Chế độ ô tô đưa đón hàng ngày được áp dụng đối với Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Tập đoàn. Ngoài ra, các Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát được sử dụng ô tô của Tập đoàn để thực hiện công tác quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo quyền hạn và trách nhiệm của từng thành viên tương ứng.
- Chế độ sử dụng điện thoại: Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Tập đoàn và Trưởng Ban Kiểm soát được Tập đoàn trang bị 01 số máy điện thoại di động và 01 số máy điện thoại cố định tại nhà riêng và được chi trả theo chi phí thực tế phát sinh (bao gồm chi phí lắp đặt, bảo dưỡng và hoạt động của các số điện thoại này).
- Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các loại hình bảo hiểm khác:

+ Các Thành viên HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách, Tổng Giám đốc Tập đoàn và các Kiểm soát viên làm việc theo chế độ chuyên trách: được thực hiện chế độ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế áp dụng theo hệ thống thang, bảng lương của công ty mẹ trong Tập đoàn kinh tế do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập theo Nghị định 51/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2013.

+ Các Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tập đoàn và các Kiểm soát viên được tham gia bảo hiểm sức khoẻ, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp và được chi trả theo chi phí phát sinh thực tế.

- Chế độ Khám sức khỏe định kỳ: Các Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tập đoàn và các Kiểm soát viên được khám sức khỏe định kỳ hàng năm tại bệnh viện y tế chất lượng cao tại Việt Nam và được chi trả theo chi phí phát sinh thực tế.
- Chế độ công tác phí áp dụng cho các Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tập đoàn và các Kiểm soát viên:

+ Chi phí đi lại: vé hạng thương gia, áp dụng đối với tất cả các phương tiện đường không, đường sắt, đường thuỷ và đường bộ và được chi trả theo chi phí phát sinh thực tế.

+ Chi phí thuê phòng nghỉ khách sạn (trong và ngoài nước): khách sạn 4 hoặc 5 sao, theo chi phí phát sinh thực tế.

+ Công tác phí khoán: Ngoài các khoản chi phí nêu trên, các Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tập đoàn và các Kiểm soát viên đi công tác được hưởng thêm phụ cấp lưu trú để bù đắp chi phí khác phát sinh theo các mức như sau:

Ở Việt Nam:

- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Trưởng Ban Kiểm soát: 1.000.000 đồng/người/ngày;
- Kiểm soát viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm: 800.000 đồng/người/ngày.

Ở nước ngoài: áp dụng mức chi phí gấp 2 lần so với quy định hiện hành của Bộ Tài chính tuỳ thuộc vào quốc gia đến.

Tổng Quỹ thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát được phê duyệt trong năm 2015

Tổng Quỹ thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát của Tập đoàn Bảo Việt năm 2015 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của Tập đoàn phê duyệt theo tỷ lệ phần trăm (%) trên Lợi nhuận sau thuế thực hiện của Tập đoàn Bảo Việt, cụ thể như sau:

- Thù lao đối với HĐQT: 0,15% lợi nhuận sau thuế thực hiện.
- Thù lao đối với Ban Kiểm soát: 0,04% lợi nhuận sau thuế thực hiện.

Nguyên tắc chi trả

Việc chi trả thù lao hàng tháng cho các thành viên tuân thủ theo định mức quy định tại Quy định về chế độ thù lao, tiền thưởng và chi phí hoạt động đối với các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên Tập đoàn Bảo Việt do HĐQT ban hành.

Tại thời điểm 31/12/2015 Tập đoàn Bảo Việt có 09 thành viên HĐQT trong đó thành viên chuyên trách 02 người; thành viên không chuyên trách 07 người và Ban Kiểm soát có 04 thành viên, trong đó chuyên trách: 01 người, không chuyên trách: 03 người.

Thù lao chi trả trong năm 2015

Căn cứ vào định mức thù lao nêu trên và dựa vào số thành viên HĐQT, Kiểm soát viên thực tế tại từng thời điểm trong năm 2015, tình hình chi trả thù lao đối với các thành viên HĐQT và Kiểm soát viên năm 2015 cụ thể như sau:

Bảng chi trả thù lao đối với các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2015

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Tỉ lệ thù lao /LNST (%)	LNST thực hiện năm 2015 (Tỷ đồng)	Kế hoạch LNST do ĐHĐCĐ thông qua (Tỷ đồng)	Quỹ Thù lao HĐQT và BKS năm 2015		
					Thực hiện năm 2015 (đồng	Đã chi trả (bao gồm thuế TNCN) (đồng)	Chưa sử dụng (đồng)
1	Thù lao HĐQT	0,15	1.002	980	1.503.557.855	886.211.764	617.346.091
2	Thù lao của BKS	0,04	1.002	980	400.948.761	217.870.370	183.078.391
	Cộng	**0,19**			**1.904.506.616**	**1.104.082.134**	**800.424.482**

Phần thù lao chưa sử dụng 800.424.482 đồng được để lại để bổ sung vào lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm tài chính 2015 của Tập đoàn Bảo Việt.

Mức chi trả Thù lao đối với các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm 2015

Đơn vị: Đồng

STT	Họ và tên	Chuyên trách	Không chuyên trách	Nhiệm kỳ	Ngày bắt đầu/ Không còn là t/v HĐQT	Mức thù lao theo tháng (sau thuế)
1	Ông Đào Đình Thi	x		Nhiệm kỳ 2012 - 2017	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT 23/12/2014	Hưởng lương
2	Ông Nguyễn Quang Phi		x	Nhiệm kỳ 2012 - 2017	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT 25/6/2014	10.000.000
3	Bà Thân Hiển Anh		x	Nhiệm kỳ 2012 - 2017	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT 23/12/2014	10.000.000
4	Ông Phan Kim Bằng		x	Nhiệm kỳ 2012 - 2017	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT 23/12/2014	10.000.000
5	Ông Đậu Minh Lâm		x	Nhiệm kỳ 2012 - 2017	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT 23/12/2014	10.000.000
6	Ông Yukihira Yoshiharu		x	Nhiệm kỳ 2007- 2012, 2012 - 2017	Không còn là thành viên từ 28/03/2016	10.000.000

STT	Họ và tên	Chuyên trách	Không chuyên trách	Nhiệm kỳ	Ngày bắt đầu/ Không còn là t/v HĐQT	Mức thù lao theo tháng (sau thuế)
7	Ông Muneo Sasagawa		x	Nhiệm kỳ 2012 - 2017	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT 02/07/2015	10.000.000
8	Ông Nguyễn Đức Tuấn	x		Nhiệm kỳ 2007- 2012, 2012 - 2017	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT 04/10/2007 Chuyên trách từ ngày 26/12/2014	Hưởng lương
9	Ông Nguyễn Quốc Huy		x	Nhiệm kỳ 2007- 2012, 2012 - 2017	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT 23/09/2009	10.000.000
10	Ông Kono Shinzo		x	Nhiệm kỳ 2012 - 2017	Từ nhiệm từ ngày 01/07/2015	10.000.000

Mức chi trả thù lao đối với các Kiểm soát viên trong năm 2015

Đơn vị: Đồng

STT	Họ và tên	Chuyên trách	Không chuyên trách	Nhiệm kỳ	Ngày bắt đầu/ Không còn là t/v BKS	Mức thù lao theo tháng (sau thuế)
1	Ông Nguyễn Ngọc Thụy	x		Nhiệm kỳ 2012 - 2017	Bổ nhiệm ngày 25/12/2014	Hưởng lương
2	Ông Đặng Thái Quý		x	Nhiệm kỳ 2012 - 2017	Bổ nhiệm ngày 29/11/2012	5.000.000
3	Ông Ông Tiến Hùng		x	Nhiệm kỳ 2012 - 2017	Bổ nhiệm ngày 29/11/2012	5.000.000
4	Bà Phí Thị Quỳnh Nga		x	Nhiệm kỳ 2012 - 2017	Bổ nhiệm ngày 17/04/2015	5.000.000
5	Ông Yagi Nobuyuki		x	Nhiệm kỳ 2012 - 2017	Từ nhiệm ngày 02/07/2015	5.000.000

Bảng thống kê thù lao đã chi qua các năm từ năm 2009 đến năm 2015

STT	Nội dung	2015		2014		2013		2012		2011		2010		2009	
		Đã chi (Triệu đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)	Đã chi (Triệu đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)	Đã chi (Triệu đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)	Đã chi (Triệu đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)	Đã chi (Triệu đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)	Đã chi (Triệu đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)	Đã chi (Triệu đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)
1	Thù lao HĐQT	886.21		870,2	0,09	957,3	0,087	1.130,6	0,104	979,9	0,108	816,7	0,096	390,6	0,048
2	Thù lao Ban Kiểm soát	217.87		275, 0	0,03	296,6	0,027	294,3	0,027	275,0	0,030	275,0	0,032	110,0	0,014
	Cộng	**1.104**		**1.145,2**		**1.253,9**		**1.424,9**		**1.254,9**		**1.091,7**		**500,9**	

GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Năm 2015, Tập đoàn Bảo Việt không có giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ bao gồm Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Kế toán Trưởng, Người được ủy quyền công bố thông tin, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan.

SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2015

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Số cổ phần nắm giữ		Tổng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ
			Đại diện sở hữu	Sở hữu cá nhân		
	Thành viên Hội đồng Quản trị					
1	Ông Đào Đình Thi	Chủ tịch HĐQT	175.707.452	0	175.707.452	25,82%
2	Ông Nguyễn Quang Phi	Thành viên HĐQT / Tổng Giám đốc	111.411.578	1.194	111.411.578	16,37%
3	Ông Yukihira Yoshiharu	Thành viên HĐQT	122.509.091	0	122.509.091	18,00%
4	Ông Muneo Sasagawa	Thành viên HĐQT	0	0	0	0
5	Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên HĐQT	48.851.200	3.200	48.851.200	7,18%
6	Ông Phan Kim Bằng	Thành viên HĐQT	48.848.000	500	48.848.500	7,18%
7	Ông Đậu Minh Lâm	Thành viên HĐQT	48.848.000	0	48.848.000	7,18%
8	Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT	22.154.400	0	22.154.400	3,26%
9	Bà Thân Hiền Anh	Thành viên HĐQT	48.848.000	0	48.848.000	7,18%
	Thành viên Ban Kiểm soát					
1	Ông Nguyễn Ngọc Thụy	Trưởng Ban Kiểm soát	0	318	318	0,00005%
2	Ông Ông Tiến Hùng	Thành viên Ban Kiểm soát	0	0	0	0,00000%
3	Ông Đặng Thái Quý	Thành viên Ban Kiểm soát	0	0	0	0,00000%
4	Bà Phí Thị Quỳnh Nga	Thành viên Ban Kiểm soát	0	0	0	0,00000%
	Thành viên Ban Điều hành, Kế toán trưởng và Người được ủy quyền Công bố thông tin					
1	Ông Đỗ Trường Minh	Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động	0	0	0	0,00000%
2	Bà Trần Thị Diệu Hằng	Giám đốc Khối Kiểm toán Nội bộ	0	0	0	0,00000%
3	Ông Nguyễn Minh Hoàng	Giám đốc Khối Chiến lược và Đầu tư	0	0	0	0,00000%
4	Ông Phạm Ngọc Tú	Phó Giám đốc Phụ trách Khối Quản lý Tài chính kiêm Người được Ủy quyền CBTT	0	0	0	0,00000%
5	Ông Nguyễn Xuân Hòa	Kế toán trưởng kiêm Trưởng Ban Kế toán	0	0	0	0,00000%

GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt đã tiến hành giao dịch với các bên liên quan thông qua hoạt động đầu tư góp vốn. Các bên liên quan có giao dịch với Tập đoàn Bảo Việt trong năm tài chính 2015 cụ thể như sau:

Đơn vị: VND

STT	Các bên liên quan	Giao dịch	Số tiền
	Cổ đông sáng lập		
1	Bộ Tài chính	Cổ tức đã trả	482.509.800.000
2	Tổng Công ty Kinh doanh vốn Nhà nước	Cổ tức đã trả	22.154.400.000
	Cổ đông chiến lược		
1	Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo	Cổ tức đã trả	122.509.091.000
	Công ty Con		
1	Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ	Lợi nhuận chuyển về	578.200.000.000
		Phí cung cấp dịch vụ CNTT	22.031.585.818
2	Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	Lợi nhuận chuyển về	228.000.000.000
		Phí cung cấp dịch vụ CNTT	19.138.734.779
3	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt	Lợi nhuận chuyển về	10.900.000.000
		Phí cung cấp dịch vụ CNTT	409.182.752
		Doanh thu cho thuê nhà	2.494.301.040
4	Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt	Phí cung cấp dịch vụ CNTT	2.449.301.381
		Doanh thu cho thuê nhà	6.805.476.153
		Chi phí từ dịch vụ tư vấn ĐHĐ Cổ đông, quản lý Sổ cổ đông, phát hành cổ phiếu…	637.244.612
		Chi phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	194.856.967
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt	Cổ tức nhận được	14.300.000.000
		Phí cung cấp dịch vụ CNTT	76.651.127
		Doanh thu cho thuê nhà và khai thác bãi xe	53.249.393.896
	Công ty Con		
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt	Phí quản lý toà nhà và thù lao uỷ thác cho thuê nhà	11.006.426.414
		Chi phí năng lượng	5.676.189.001
	Công ty liên doanh, liên kết		
1	Công ty Bảo hiểm Bảo Việt Tokio Marine	Cổ tức nhận được	25.853.851.312
2	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Cổ tức nhận được	31.200.000.000
		Doanh thu từ hoạt động đầu tư	57.088.571.581
		Phí cung cấp dịch vụ CNTT	1.860.928.091
		Doanh thu cho thuê trụ sở làm việc, phí giữ xe	5.971.985.885
3	Công ty CP đầu tư và xây dựng quốc tế VIGEBA	Cổ tức nhận được	20.881.550.723

BAN KIỂM SOÁT

Là doanh nghiệp niêm yết với hơn 7.000 cổ đông, Bảo Việt luôn xác định bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông, nhà đầu tư là một trong những vấn đề cốt lõi trong quản trị doanh nghiệp. Hoạt động quan hệ cổ đông của chúng tôi hướng tới việc bảo vệ và thực hiện đầy đủ quyền cổ đông, tuân thủ các qui định pháp luật, đảm bảo công bố thông tin minh bạch và đối xử bình đẳng với các cổ đông.

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT

• Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt (BKS) là một bộ phận trong mô hình quản trị doanh nghiệp, được Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Bảo Việt bầu ra, hoạt động của BKS tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt và các quy định của pháp luật có liên quan.

• Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt, BKS có các quyền và nhiệm vụ chính như sau:

- Thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị (HĐQT), Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác trong việc quản lý và điều hành Tập đoàn; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) trong thực hiện các nhiệm vụ được giao nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Tập đoàn và cổ đông.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và việc lập các báo cáo tài chính.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và quý của Tập đoàn; Thực hiện đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị; Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Tập đoàn và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị lên Đại hội đồng Cổ đông thường niên.
- Đề xuất việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.

NHÂN SỰ CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Kết thúc ĐHĐCĐ thường niên năm 2015, BKS có 05 thành viên. Ngày 01 tháng 6 năm 2015, BKS đã nhận được đơn của ông Nobuyuki Yagi - Kiểm soát viên về việc xin từ chức Kiểm soát viên Tập đoàn Bảo Việt từ ngày 02 tháng 7 năm 2015.
- Hiện tại, BKS có 04 thành viên. Các Kiểm soát viên đều đáp ứng đủ tư cách, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về Kế toán, Tài chính, Pháp luật và đủ năng lực để thực thi nhiệm vụ của mình. Các Kiểm soát viên đều hoạt động độc lập, không giữ các chức vụ quản lý Tập đoàn, không làm việc tại bộ phận Kế toán, Kiểm toán của Tập đoàn hoặc Kiểm toán viên độc lập kiểm toán báo cáo tài chính của Tập đoàn.
- Kiểm soát viên tại các thời điểm trong năm 2015 và đến nay cụ thể như sau:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Ngày được bầu /Ngày từ nhiệm Kiểm soát viên
1	Ông Nguyễn Ngọc Thụy	Trưởng ban Kiểm soát	Ngày 04/10/2007 được bầu Kiểm soát viên. Ngày 25/12/2014 được bầu Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Đặng Thái Quý	Kiểm soát viên	Ngày 29/11/2012 được bầu Kiểm soát viên
3	Ông Ông Tiến Hùng	Kiểm soát viên	Ngày 29/11/2012 được bầu Kiểm soát viên
4	Bà Phí Thị Quỳnh Nga	Kiểm soát viên	Ngày 17/04/2015 được bầu Kiểm soát viên
5	Ông Yagi Nobuyuki	Kiểm soát viên	Ngày 24/04/2013 được bầu Kiểm soát viên. Ngày 02/07/2015 từ nhiệm Kiểm soát viên

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2015

Trên cơ sở quyền hạn và nhiệm vụ đã được quy định, BKS đã phát huy tốt chức năng của mình trong việc giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác trong việc quản trị và điều hành Tập đoàn; thẩm định, nhận xét, đánh giá báo cáo tài chính năm 2015 và đề xuất, kiến nghị với HĐQT để hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, nâng cao năng lực quản trị Tập đoàn, mang lại quyền và lợi ích hợp pháp, tối đa cho Tập đoàn và cổ đông. Hoạt động của BKS trong năm 2015 đã đạt được một số quả cơ bản như sau:

Giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT, Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt

Qua việc giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT, Ban điều hành trong năm 2015, BKS thấy rằng:

Năm 2015, mặc dù nền kinh tế Việt Nam trên đà phục hồi, có nhiều chuyển biến tích cực, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chịu tác động của tỷ lệ lãi suất đầu tư trên thị trường tài chính giảm mạnh so với năm 2014 và sự cạnh tranh ngày các khốc liệt giữa các doanh nghiệp. Trước những thuận lợi và khó khăn như trên, dưới sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của HĐQT, sự điều hành năng động sáng tạo của Tổng Giám đốc, trong năm 2015, Tập đoàn đã hoàn thành nhiều nhiệm vụ quan trọng có tính chất đột phá, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển nhanh và bền vững trong thời gian tới, trọng tâm là:

- Cơ bản hoàn thành Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Bảo Việt đã được Bộ Tài chính phê duyệt, sắp xếp lại tổ chức, cán bộ, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, nâng cao hiệu quả của hoạt động kiểm toán nội bộ và quản lý rủi ro;
- Triển khai mạnh mẽ và có hiệu quả Đề án Hợp lực Tập đoàn Tài chính - BHBV nhằm khơi thông các nguồn lực, khơi thông các tiềm năng sẵn có của toàn bộ Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng bền vững;
- Cơ bản hoàn thiện các quy định quản trị nội bộ, tạo ra hành lang quản trị thống nhất, toàn diện để đảm bảo sự quản lý tập trung xuyên suốt từ Tập đoàn đến các đơn vị thành viên;
- Rà soát, đánh giá kết quả thực hiện chiến lược 2011-2015 và xây dựng chiến lược 2016-2020;
- Tiếp tục hợp tác chặt chẽ và phát huy kinh nghiệm, thế mạnh của cổ đông chiến lược Sumitomo Life, đã hoàn thành Dự án Hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực giai đoạn II, tiếp tục triển khai Dự án Hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực giai đoạn III.
- Các kiểm soát viên đã tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT; Trưởng BKS đã tham dự các phiên họp giao ban định kỳ do TĐBV tổ chức để nắm bắt tình hình và làm cơ sở cho việc giám sát việc quản trị, điều hành Tập đoàn.
- HĐQT đã tổ chức duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ hàng quý, ngoài ra để ban hành kịp thời các nghị quyết, quyết định, HĐQT thường xuyên lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản. Trong các phiên họp HĐQT nói riêng và hoạt động của HĐQT nói chung, các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, đã ra các nghị quyết, quyết định kịp thời để ban hành sửa đổi bổ sung Điều lệ, các quy chế, quy định quản trị Tập đoàn, để định hướng, chỉ đạo kinh doanh theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2015, quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn. HĐQT đã hoạt động theo đúng quyền hạn và nhiệm vụ quy định trong Điều lệ Tập đoàn. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT đã được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn phù hợp với thực tiễn kinh doanh, đáp ứng được yêu cầu quản trị và nhu cầu phát triển kinh doanh cũng như chiến lược của Tập đoàn.
- Trong năm 2015, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã có sự nỗ lực rất lớn trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên để đưa ra các giải pháp kinh doanh trên tinh thần chủ động sáng tạo, khắc phục khó khăn, quyết tâm thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2015 đã được ĐHĐCĐ thường niên 2015 thông qua và các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Trong quá trình điều hành Tổng Giám đốc đã tuân thủ phân cấp quản trị tại Điều lệ, Quy chế Quản trị, các quy chế nội bộ của Tập đoàn cũng như các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo đúng các định hướng, chỉ đạo của HĐQT.

Giám sát quá trình tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2015, ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 và việc thông qua các nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường, ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 của Tập đoàn Bảo Việt

Qua giám sát BKS thấy rằng ĐHĐCĐ bất thường năm 2015, ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 và việc thông qua các nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường và ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 của Tập đoàn Bảo Việt đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2015: Tập đoàn đã thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 như sau:

Năm 2015, Tập đoàn đã hoàn thành và hoàn thành vượt kế hoạch các chỉ tiêu kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 TĐBV thông qua, kết quả cụ thể như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	Tỷ lệ TH/KH2015
1. Tổng doanh thu	1.316,27	1.316,77	100,04%
2. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	979,99	1.002,37	102,28%
3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên vốn điều lệ (%).	14,40%	14,73%	102,29%

- Về tổng tài sản và tổng nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2015 của Công ty Mẹ là 12.156,25 tỷ đồng, tăng 427,61 tỷ đồng và bằng 103,65% so với cùng thời điểm năm 2014.
- Về vốn chủ sở hữu của Công ty Mẹ tại thời điểm 31/12/2015 là 11.758,51 tỷ đồng, tăng 219,87 tỷ đồng và bằng 101,91% so với cùng thời điểm năm 2014.
- Tập đoàn đã hoàn thành việc chi trả cổ tức năm tài chính 2014 theo tỷ lệ 10% (1.000 đồng/cổ phiếu) tính trên vốn điều lệ 6.804.714.340.000 đồng với tổng số tiền đã chi trả là 680.471.434.000 đồng và sử dụng lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2014 để trích lập các quỹ theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015.
- Năm 2015, Tập đoàn đã thành lập Chi nhánh Trung tâm Công nghệ thông tin trên cơ sở cơ cấu lại Trung tâm Công nghệ thông tin hoạt động theo mô hình chi nhánh và đã bổ sung ngành nghề kinh doanh đối với Chi nhánh này.
- Tập đoàn đã hoàn thành việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt lần thứ 6.
- Đối với việc tăng vốn điều lệ: Thực hiện Nghị quyết số 02/2014/NQ-ĐHĐCĐ-TĐBV ngày 24/4/2014 và Nghị quyết số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ-TĐBV ngày 17/4/2015 của Đại hội đồng Cổ đông, HĐQT đã chỉ đạo Tập đoàn Bảo Việt thực hiện quyết liệt các giải pháp tìm kiếm nhà đầu tư có kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, dịch vụ tài chính để hỗ trợ Tập đoàn phát triển bền vững và tăng cường hiệu quả kinh doanh. Trong năm 2015, Tập đoàn đã làm việc với một số nhà đầu tư tiềm năng để xúc tiến triển khai việc tăng vốn điều lệ. Tuy nhiên, Tập đoàn vẫn chưa lựa chọn được nhà đầu tư phù hợp trên cơ sở đảm bảo quyền và lợi ích của Tập đoàn và các cổ đông. Nguyên nhân chính là do nhà đầu tư tiềm năng đưa ra các điều khoản, điều kiện chưa phù hợp.

Thẩm định báo cáo tài chính (BCTC), báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh

- Năm 2015 BKS đã kết hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi với kiểm toán viên độc lập, Khối Quản lý Tài chính và các bộ phận có liên quan để thẩm định việc lập và kiểm toán báo cáo tài chính (BCTC) riêng và BCTC hợp nhất năm 2015.
- Tổ chức xem xét, thẩm định các BCTC riêng và hợp nhất bán niên và BCTC riêng và hợp nhất năm 2015 của Tập đoàn đã được soát xét, kiểm toán. Qua thẩm định BCTC, Ban Kiểm soát thấy:
- Các BCTC riêng của Công ty Mẹ và BCTC hợp nhất năm 2015 đã được lập trên cơ sở lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán, thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý, thận trọng và tuân thủ các quy định, các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam;
- Các BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2015 đã được trình bày rõ ràng các thông tin về các sự kiện trong năm tài chính 2015 theo đúng chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam;
- BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2015 đã được kiểm toán bởi EY Việt Nam và không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán;
- BKS thống nhất về các số liệu đã được thể hiện trong BCTC riêng và hợp nhất năm 2015 của Tập đoàn đã được EY Việt Nam kiểm toán.

Các hoạt động khác của Ban Kiểm soát

Ngoài các hoạt động như đã nêu trên, BKS và các kiểm soát viên đã tiến hành các hoạt động khác như sau:

- Hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014 và phù hợp với Điều lệ Tập đoàn đã sửa đổi bổ sung lần thứ sáu.
- Giám sát nội dung, phạm vi, tiến độ soát xét và kiểm toán các BCTC năm 2015 theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán đã ký kết với EY Việt Nam.
- Tham gia ý kiến để hoàn thiện Dự thảo Điều lệ Tập đoàn sửa đổi, bổ sung lần thứ 6, Dự thảo Điều lệ Tập đoàn sửa đổi, bổ sung lần thứ 7, các quy chế quản trị nội bộ của Tập đoàn, báo cáo tình hình quản trị Tập đoàn 6 tháng đầu năm 2015 và cả năm 2015.
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán độc lập và rà soát, theo dõi thực hiện của HĐQT và Tổng Giám đốc.
- Tham gia ý kiến về Kế hoạch triển khai Dự án Hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực giai đoạn III giữa Sumitomo Life và TĐBV.
- Thông qua Báo cáo của BKS tại ĐHĐCĐ thường niên 2016 và chương trình hoạt động của BKS giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2016-2017.

SỰ PHỐI HỢP CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Giữa hai kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2015 - 2016, BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp, tối đa của Tập đoàn, của cổ đông và theo đúng các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tập đoàn.
- Các kiểm soát viên đều được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thông qua công tác giám sát, BKS đã có những kiến nghị, đề xuất với HĐQT để tăng cường công tác quản trị, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh doanh. Các đề xuất, kiến nghị của BKS đã được HĐQT, Tổng Giám đốc quan tâm chỉ đạo, thực hiện.
- Để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, BKS thường xuyên gặp gỡ, trao đổi, email với Ủy ban Kiểm toán, các Khối, Ban chức năng của Tập đoàn để nắm bắt kịp thời các thông tin về việc quản trị, điều hành của HĐQT và Tổng Giám đốc.

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG NĂM 2016:

- Năm 2016, Việt Nam tiếp tục hội nhập sâu, rộng vào kinh tế thế giới, gia nhập Khối Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), Hiệp định Đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP)..., để phù hợp với hội nhập sâu, rộng với kinh tế thế giới, Tập đoàn đã có phương châm "Đầu tư chiều sâu vì sự phát triển bền vững", để hoàn thành tốt vai trò, nhiệm vụ của mình, góp phần nâng cao năng lực và mức cẩn trọng trong quản trị, điều hành, nâng cao tính minh bạch nhằm mang lại quyền lợi hợp pháp, tối đa cho Tập đoàn và cổ đông, BKS sẽ tập trung thực hiện các nội dung sau:
  - Tích cực thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ mà Pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Ban Kiểm soát đã quy định.
  - Nghiên cứu, trao đổi để đổi mới phương thức hoạt động giám sát có hiệu quả trên cở sở tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Tập đoàn.
  - Nghiên cứu, cập nhật kịp thời các cơ chế chính sách mới ban hành, giám sát, kiến nghị sửa đổi bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp để đảm bảo tuân thủ đầy đủ, kịp thời các quy định của pháp luật.

Với trọng trách được cổ đông giao phó, với đội ngũ Lãnh đạo cấp cao trẻ, có trình độ, năng lực trong quản trị, điều hành và nhiệt huyết, năng động, sáng tạo trong công việc, năm 2015 với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT và sự cố gắng của Ban điều hành, Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 đề ra, BKS tin tưởng rằng với chủ trương "Đoàn kết - Chia sẻ - Hợp lực - Đổi mới - Tiên phong" Tập đoàn sẽ thực hiện tốt các mục tiêu, kế hoạch mà ĐHĐCĐ thường niên 2016 đã thông qua.

KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ

"Hệ thống kiểm soát nội bộ có thể xem như lá chắn phòng vệ của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tự bảo vệ trước các rủi ro và ứng phó linh hoạt với các nguy cơ và các mối đe dọa ảnh hưởng đến sự phát triển của doanh nghiệp. Tại Bảo Việt, việc phát triển và củng cố hệ thống kiểm soát nội bộ luôn được chú trọng nhằm hiện thực hóa chiến lược phát triển bền vững của Tập đoàn. Trong đó, Khối Kiểm toán nội bộ, Ban Quản lý rủi ro, Ban Pháp chế và Tuân thủ - Khối Quản lý hoạt động là trợ thủ đắc lực của Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc đảm bảo cho hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động một cách hiệu quả."

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

KHÁI NIỆM

Theo Quy chế Quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, kiểm soát nội bộ (KSNB) là quy trình do Tập đoàn Bảo Việt ban hành, được áp dụng trong phạm vi Tập đoàn Bảo Việt, được thực hiện và duy trì để tạo ra sự đảm bảo hợp lý về khả năng đạt được mục tiêu của Tập đoàn Bảo Việt trong việc:

- Đảm bảo hiệu quả, hiệu suất hoạt động;
- Đảm bảo độ tin cậy của báo cáo tài chính;
- Tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan.

CÁC CẤU PHẦN

Hệ thống kiểm soát nội bộ Tập đoàn Bảo Việt bao gồm 05 cấu phần chính: Môi trường kiểm soát, Đánh giá rủi ro, Hoạt động kiểm soát, Thông tin và truyền thông, Giám sát.

Mục tiêu	Cấu phần chính của Hệ thống KSNB	Mô tả
• Hiệu quả và hiệu suất hoạt động, bao gồm kết quả hoạt động và kết quả tài chính, tài sản được bảo vệ; • Các báo cáo tài chính và phi tài chính tin cậy, kịp thời, minh bạch; • Tuân thủ các quy định pháp lý liên quan.	Môi trường kiểm soát	Tập đoàn Bảo Việt: • Cam kết ủng hộ tính chính trực và các giá trị đạo đức thông qua việc ban hành Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp. • Thể hiện cam kết thu hút, duy trì và phát triển đội ngũ cán bộ có năng lực thông qua hệ thống tuyển dụng, đào tạo và hệ thống lương, thưởng, phúc lợi cạnh tranh. • Quy định rõ trách nhiệm kiểm soát nội bộ của các bộ phận, cá nhân trong Quy chế quản trị: › Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trong việc giám sát tính đầy đủ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ. › Ban điều hành chịu trách nhiệm trong việc xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả xuyên suốt toàn Tập đoàn: thiết lập cơ cấu tổ chức, cơ chế báo cáo, phân định quyền hạn và trách nhiệm, sự phối hợp giữa các bộ phận trong hệ thống kiểm soát nội bộ. › Tất cả cán bộ có trách nhiệm quản lý rủi ro và thực hiện kiểm soát đối với chính công việc của mình.
• Hiệu quả và hiệu suất hoạt động, bao gồm kết quả hoạt động và kết quả tài chính, tài sản được bảo vệ; • Các báo cáo tài chính và phi tài chính tin cậy, kịp thời, minh bạch; • Tuân thủ các quy định pháp lý liên quan.	Đánh giá rủi ro	• Tập đoàn thiết lập các mục tiêu chiến lược, mục tiêu kinh doanh và mục tiêu quản lý rủi ro hàng năm xuyên suốt từ Tập đoàn đến các đơn vị thành viên để đảm bảo hỗ trợ cho việc nhận diện, đánh giá và xử lý các rủi ro. • Quy chế quản lý rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt đã được ban hành nhằm nhận diện, kiểm soát và báo cáo về các rủi ro chính, bao gồm: rủi ro bảo hiểm, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và các rủi ro khác. • Quy chế quản lý rủi ro quy định rõ cơ cấu tổ chức, quyền hạn và trách nhiệm của các cấp (Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các bộ phận chức năng và từng cán bộ, nhân viên) trong công tác quản lý rủi ro; cách thức nhận diện các rủi ro trọng yếu và các chuẩn mực quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con. • Các vấn đề liên quan đến rủi ro (các yếu tố tác động từ môi trường bên ngoài như chính sách, cơ chế, chính trị...) được phản ánh trong các Báo cáo Ban điều hành đồng thời được phân tích, đánh giá và xử lý tại các cuộc họp định kỳ của Hội đồng Quản lý rủi ro (RMC) và Ủy ban Tài sản Nợ - Tài sản có (ALCO).
• Hiệu quả và hiệu suất hoạt động, bao gồm kết quả hoạt động và kết quả tài chính, tài sản được bảo vệ; • Các báo cáo tài chính và phi tài chính tin cậy, kịp thời, minh bạch; • Tuân thủ các quy định pháp lý liên quan.	Hoạt động kiểm soát	• Các biện pháp kiểm soát được thiết lập và vận hành đối với mọi hoạt động của Tập đoàn tại tất cả các cấp (Công ty Mẹ, Tổng/Công ty thành viên, phòng ban, hoạt động…) và được lồng ghép trong tất cả các quy trình nghiệp vụ và các tác ng-hiệp hàng ngày để đảm bảo xử lý được các rủi ro có khả năng ảnh hưởng đến việc hoàn thành mục tiêu của các đơn vị. • Các nguyên tắc kiểm soát cơ bản bao gồm: › Phân cấp uỷ quyền rõ ràng, minh bạch, đảm bảo tách bạch nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân, các bộ phận; tránh các xung đột lợi ích và các hành vi gian lận, trục lợi. › Kiểm tra, giám sát chéo giữa các cá nhân, các bộ phận trong quá trình xử lý quy trình nghiệp vụ. › Phân tách trách nhiệm: mỗi một công việc được thực hiện và kiểm tra bởi ít nhất hai người. Không một cá nhân nào được phép thực hiện và quyết định một quy trình nghiệp vụ, một giao dịch cụ thể, ngoại trừ những giao dịch cho phép phù hợp với quy định của pháp luật (Nguyên tắc kiểm soát kép). • Các loại hình kiểm soát chính bao gồm: Kiểm soát định hướng, Kiểm soát phòng ngừa, Kiểm soát phát hiện; Kiểm soát thủ công, Kiểm soát tự động; trong đó Kiểm soát tự động thông qua hệ thống công nghệ thông tin đóng vai trò quan trọng nhằm hạn chế sai sót và tác động của con người tới hiệu quả của kiểm soát. • Các biện pháp kiểm soát chính bao gồm: rà soát kết quả hoạt động của Ban điều hành cấp cao, của từng phòng ban; thẩm định, phê duyệt; phân tích các chỉ số KPIs…

Mục tiêu	Cấu phần chính của Hệ thống KSNB	Mô tả
• Hiệu quả và hiệu suất hoạt động, bao gồm kết quả hoạt động và kết quả tài chính, tài sản được bảo vệ; • Các báo cáo tài chính và phi tài chính tin cậy, kịp thời, minh bạch; • Tuân thủ các quy định pháp lý liên quan.	Thông tin & truyền thông	• Ban điều hành Tập đoàn Bảo Việt duy trì một cơ chế trao đổi thông tin cởi mở, đảm bảo các thông tin cần thiết được truyền đạt một cách thông suốt, kịp thời và hiệu quả giữa các cấp, bộ phận và cá nhân có liên quan. • Các thông tin do Tập đoàn Bảo Việt cung cấp ra bên ngoài cho khách hàng, đối tác, cổ đông, cơ quan quản lý nhà nước được Ban điều hành ủy quyền cho Lãnh đạo Khối Quản lý Tài chính - Người được ủy quyền Công bố thông tin và Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động - Người phát ngôn của Tập đoàn Bảo Việt. • Các thông tin bên ngoài có liên quan hoặc ảnh hưởng đến Tập đoàn Bảo Việt được thường xuyên theo dõi, tổng hợp, phân tích, đánh giá và xử lý tại Ban Truyền thông - Thương hiệu.
	Giám sát	Tại Tập đoàn Bảo Việt, việc giám sát hiệu quả của hoạt động kiểm soát nội bộ được thực hiện thông qua các biện pháp sau: • Giám sát thường xuyên: lãnh đạo các bộ phận kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động kiểm soát của cán bộ, nhân viên dưới quyền trong các tác nghiệp hàng ngày. • Giám sát độc lập/định kỳ: Việc giám sát định kỳ được thực hiện thông qua Ủy ban Kiểm toán. Ủy ban Kiểm toán cung cấp cho Hội đồng quản trị các đánh giá về tính đầy đủ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn, của bộ phận Kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại các Đơn vị thành viên, và của Kiểm toán độc lập (đánh giá kiểm soát nội bộ đối với việc lập báo cáo tài chính), từ đó có các giải pháp chung để hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.

CÁC TẦNG PHÒNG VỆ

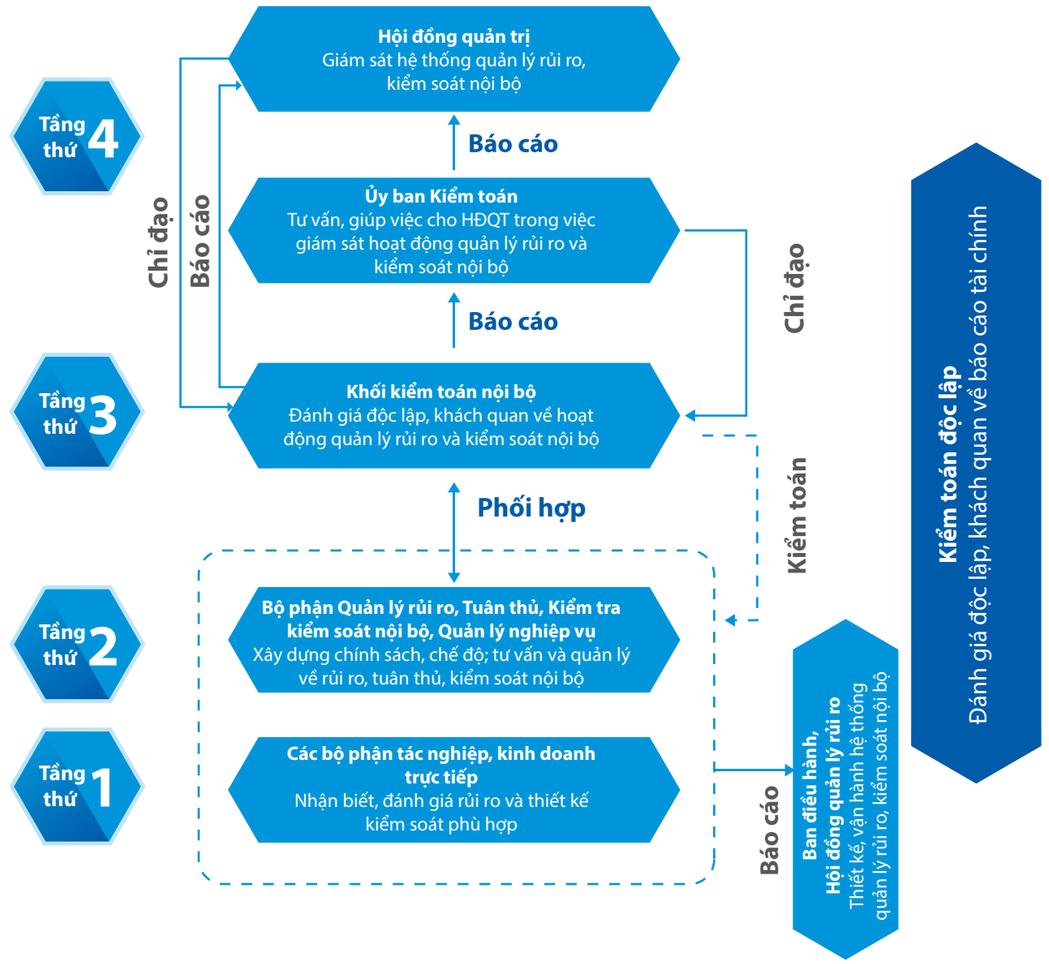

ĐÁNH GIÁ CỦA KHỐI KIỂM TOÁN NỘI BỘ VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt thực hiện đánh giá tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ xuyên suốt toàn Tập đoàn theo 17 nguyên tắc tương ứng với 05 cấu phần của khung kiểm soát nội bộ COSO 2013.

(Bảng dưới đây mô tả phương pháp đánh giá của Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt. Kết quả đánh giá chỉ có tính chất minh họa)

Cấu phần	Nguyên tắc đánh giá	Kết luận
Môi trường kiểm soát	1. Cam kết về tính chính trực và các giá trị đạo đức	⬢
	2. Thực hiện giám sát	⬢
	3. Thiết lập cơ cấu tổ chức, cơ chế báo cáo và phân định quyền hạn và trách nhiệm	⬢
	4. Cam kết về năng lực	⬢
	5. Đảm bảo trách nhiệm kiểm soát nội bộ	⬢
Đánh giá rủi ro	6. Cụ thể hóa các mục tiêu	⬢
	7. Nhận diện và phân tích rủi ro	⬢
	8. Xem xét các nguy cơ gian lận	⬢
	9. Nhận diện và đánh giá thay đổi	⬢
Các hoạt động kiểm soát	10. Lựa chọn và phát triển các hoạt động kiểm soát	⬢
	11. Lựa chọn và phát triển kiểm soát chung đối với công nghệ	⬢
	12. Triển khai kiểm soát thông qua chính sách và thủ tục	⬢
Thông tin & truyền thông	13. Sử dụng các thông tin chất lượng, liên quan	⬢
	14. Truyền thông nội bộ	⬢
	15. Truyền thông ra bên ngoài	⬢
Giám sát	16. Đánh giá liên tục và/hoặc riêng lẻ	⬢
	17. Đánh giá và truyền thông về các điểm yếu kiểm soát	⬢

Ghi chú

⬢ *Hiệu lực* ⬢ *Khu vực cải thiện tiềm năng* ⬢ *Không thỏa đáng*

HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Khối Kiểm toán nội bộ - Vị trí và mối quan hệ với các bên liên quan trong mô hình quản trị của Tập đoàn Bảo Việt

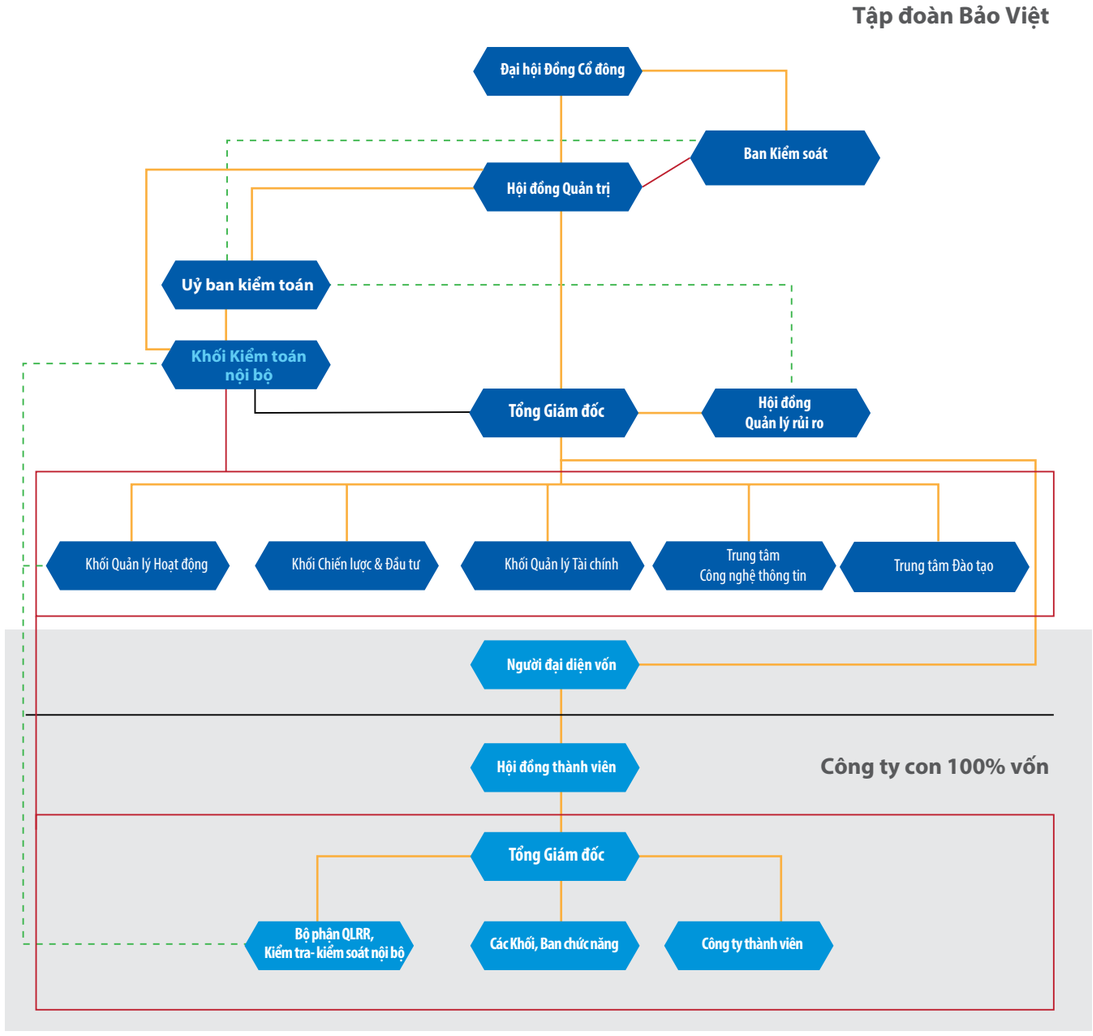

Ghi chú:

Báo cáo chức năng
Báo cáo hành chính
Kiểm toán, kiểm tra, kiểm soát
Phối hợp

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ

Cung cấp những đánh giá độc lập, khách quan về tính đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp của các đối tượng kiểm toán cho Ủy ban Kiểm toán, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt dựa trên hoạt động đảm bảo và tư vấn nhằm hỗ trợ Tập đoàn đạt được các mục tiêu.

CƠ CẤU TỔ CHỨC

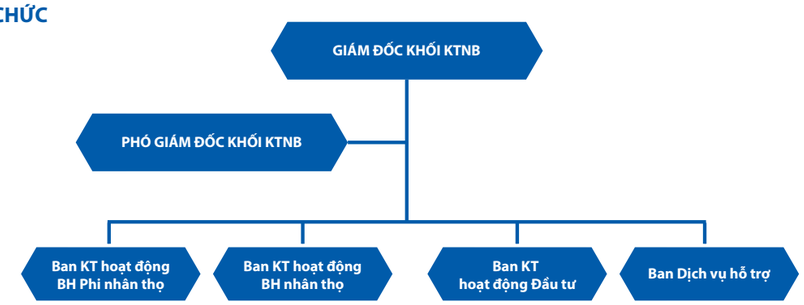

Bà Trần Thị Diệu Hằng

Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ

Ông Nguyễn Quang Vinh

Phó Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ
Uỷ viên Thường trực Uỷ Ban Kiểm toán

Ông Phạm Anh Tuấn

Trưởng Ban Kiểm toán hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ

Bà Vũ Thị Kim Phương

Phó Trưởng ban phụ trách Ban Dịch vụ hỗ trợ

Bà Vũ Thị Hạnh

Trưởng ban Kiểm toán hoạt động đầu tư

Ông Nguyễn Minh Hoàng

Trưởng ban Kiểm toán hoạt động bảo hiểm nhân thọ

PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN

Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt sử dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro (Phương pháp ORCA) để thực hiện các hoạt động kiểm toán, theo đó Khối Kiểm toán nội bộ căn cứ vào kết quả đánh giá rủi ro để xác định mục tiêu, đối tượng kiểm toán, phạm vi kiểm toán và cách thức thực hiện kiểm toán.

Phương pháp ORCA

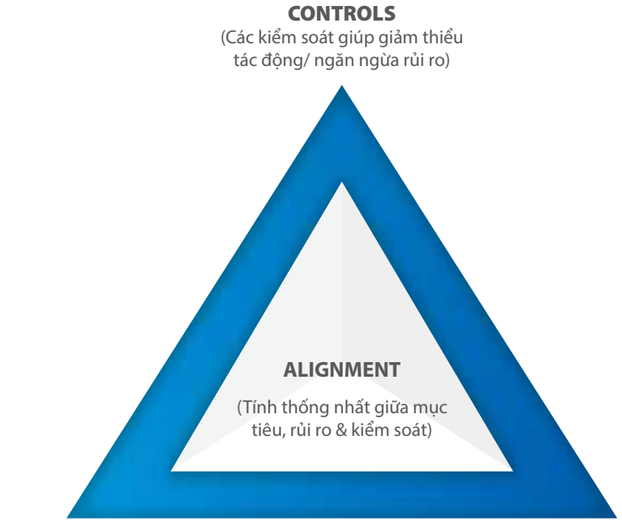

QUY TRÌNH KIỂM TOÁN NỘI BỘ

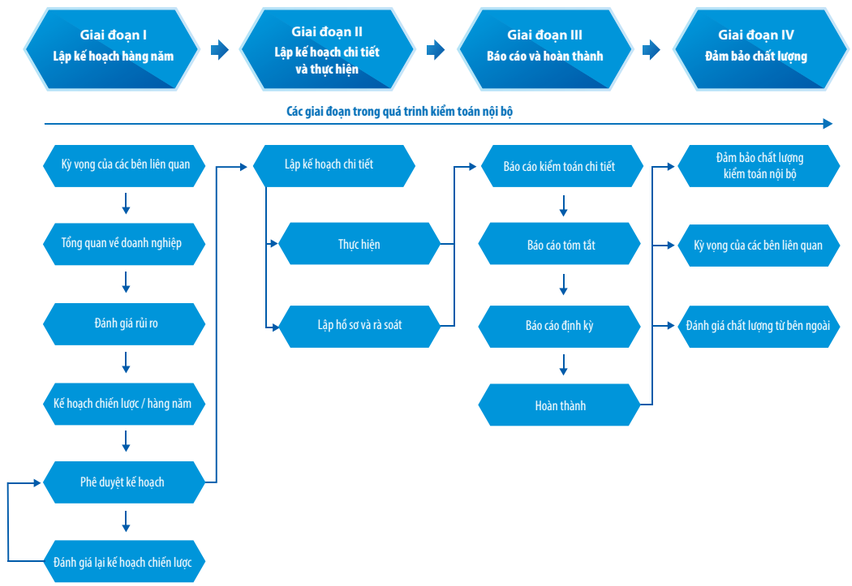

CHUẨN MỰC HOẠT ĐỘNG

Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt được tổ chức và hoạt động theo các chuẩn mực và thông lệ quốc tế, phù hợp với Khung thực hành nghề quốc tế chuyên nghiệp (International Professional Practices Framework – IPPF) của Viện Kiểm toán viên nội bộ Hoa Kỳ (The Institute of Internal Auditors – IIA).

Thực hiện một số Chuẩn mực thuộc Khung hành nghề IPPF của IIA của Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt

Số hiệu chuẩn mực	Tiêu đề chuẩn mực	Thực hiện chuẩn mực
1000	Mục đích, quyền hạn, và trách nhiệm	Quy chế tổ chức hoạt động của Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt đã xác định mục đích, quyền hạn và trách nhiệm của Khối phù hợp với Định nghĩa về Kiểm toán nội bộ, Chuẩn mực đạo đức và Chuẩn mực hành nghề trong khung IPPF của IIA.
1110	Tính độc lập về tổ chức	Tính độc lập của Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt được thể hiện qua vị trí của Khối trong mô hình quản trị của Tập đoàn Bảo Việt: • Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ báo cáo chức năng tới cấp quản trị cao nhất của Tập đoàn - Hội đồng Quản trị. • Kế hoạch kiểm toán trung – dài hạn và kế hoạch kiểm toán thường niên của Khối Kiểm toán nội bộ do Hội đồng Quản trị phê duyệt.
1210	Năng lực chuyên môn	• Đã xây dựng và triển khai chương trình đào tạo cơ bản cho các Trợ lý Kiểm toán viên và Kiểm toán viên mới tuyển dụng; đào tạo thường xuyên trên công việc (on-the-job training) cho đội ngũ Kiểm toán viên. • Đào tạo tập trung định kỳ hàng năm với các đối tác tư vấn uy tín thuộc Big 4. • Đào tạo thông qua các chứng chỉ nghề nghiệp (CIA, CFA, ACCA, CPA Việt Nam).
1300	Chương trình đảm bảo và cải tiến chất lượng	• Đánh giá nội bộ thường xuyên thông qua khảo sát mức độ hài lòng của đơn vị được kiểm toán sau mỗi cuộc kiểm toán. • Đánh giá nội bộ định kỳ thông qua việc rà soát, báo cáo kết quả hoạt động hàng quý tới Ủy ban Kiểm toán và Hội đồng Quản trị.
2010	Lập kế hoạch	Kế hoạch kiểm toán trung – dài hạn, kế hoạch kiểm toán thường niên và kế hoạch kiểm toán chi tiết (cho từng cuộc kiểm toán) được xây dựng dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tổng thể và kết quả đánh giá rủi ro chi tiết đối với từng đơn vị được kiểm toán.
2060	Báo cáo Hội đồng quản trị và bộ phận quản lý cấp cao	• Báo cáo kiểm toán của từng cuộc kiểm toán được phát hành tới Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Tổng giám đốc Tập đoàn. • Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ định kỳ hàng quý báo cáo tình hình hoạt động của Khối cho Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Tổng giám đốc Tập đoàn trong các phiên họp Hội đồng Quản trị. • Các hạn chế về nguồn lực ảnh hưởng tới hoạt động của Khối Kiểm toán nội bộ được báo cáo tới Ủy ban Kiểm toán và Hội đồng Quản trị.

CÔNG CỤ HỖ TRỢ KIỂM TOÁN

Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt hiện đang sử dụng 02 công cụ sau để hỗ trợ hoạt động kiểm toán:

- Hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung online: quản lý tập trung toàn bộ văn bản, bao gồm các văn bản pháp luật của cơ quan nhà nước, quy định/quy chế/quy trình nội bộ của Tập đoàn và các công ty thành viên cùng toàn bộ hồ sơ kiểm toán. Hệ thống giúp cho việc truy xuất, tìm kiếm văn bản, hồ sơ được nhanh chóng, đồng thời hỗ trợ bảo mật thông tin, đảm bảo thông tin không bị đánh cắp và sử dụng bởi những người không có thẩm quyền.

- Ngân hàng dữ liệu rủi ro, kiểm soát và khuyến nghị: tập hợp tất cả các rủi ro, các biện pháp kiểm soát và các khuyến nghị của Kiểm toán nội bộ theo từng lĩnh vực kiểm toán và theo từng mảng quy trình, hoạt động, nhằm hỗ trợ các Kiểm toán viên trong việc nhận diện và đánh giá rủi ro, xác định biện pháp kiểm soát và đưa ra các khuyến nghị phù hợp cho các đơn vị được kiểm toán.

Ngoài ra, Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt đã và đang tiếp cận các giải pháp phần mềm hàng đầu thế giới về quản trị, quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ nói chung và hoạt động kiểm toán nội bộ nói riêng như giải pháp RSA – Archer Audit Management của EMC, Accelus Audit Management của Thomson Reuters … nhằm đánh giá khả năng ứng dụng các giải pháp công nghệ hiện đại này trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động của Khối Kiểm toán nội bộ.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2015

Hoàn thành 100% kế hoạch kiểm toán được HĐQT phê duyệt

Hoàn thành 24 cuộc kiểm toán, trong đó:

- 08 cuộc kiểm toán tại Trụ sở chính và các công ty thành viên trực thuộc Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt;

- 13 cuộc kiểm toán tại Trụ sở chính và các công ty thành viên trực thuộc Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ;

- 02 cuộc kiểm toán tại Tập đoàn Bảo Việt;

- 01 cuộc kiểm toán tại Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt.

Các khuyến nghị của Khối Kiểm toán nội bộ được thực hiện đầy đủ và đúng thời hạn đã góp phần ngăn chặn/ giảm thiểu kịp thời các rủi ro có khả năng ảnh hưởng đến việc hoàn thành mục tiêu của các đơn vị

Hầu hết các khuyến nghị của Khối Kiểm toán nội bộ được Lãnh đạo các đơn vị đánh giá cao và đã được các đơn vị hoàn thành trong khoảng thời gian quy định. Các khuyến nghị của Khối Kiểm toán nội bộ được thực hiện đã góp phần cải thiện đáng kể hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và công tác quản lý, điều hành tại các đơn vị.

Tiếp tục kiện toàn, củng cố cơ cấu tổ chức và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định, quy trình

- Đổi tên từ "Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt" thành "Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt" và thành lập 04 Ban trực thuộc (Ban Kiểm toán hoạt động Bảo hiểm Phi nhân thọ, Ban Kiểm toán hoạt động Bảo hiểm Nhân thọ, Ban Kiểm toán hoạt động Đầu tư, Ban Dịch vụ hỗ trợ);

- Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Khối, Quy định chức năng nhiệm vụ của 04 Ban trực thuộc;

- Sửa đổi/ban hành mới các quy trình hướng dẫn thực hiện công việc: Quy trình kiểm toán nội bộ, Quy trình đánh giá thực hiện khuyến nghị, Quy trình rà soát báo cáo kiểm toán nội bộ, Quy trình lập báo cáo định kỳ, Quy trình lưu trữ hồ sơ kiểm toán.

Tăng cường phối hợp với các bộ phận đảm bảo khác trong Tập đoàn

Quy chế phối hợp giữa Khối Kiểm toán nội bộ với các bộ phận đảm bảo khác trong Tập đoàn (bao gồm Ban Kiểm soát, bộ phận Quản lý rủi ro, Pháp chế - Tuân thủ tại Công ty Mẹ, bộ phận Kiểm tra – kiểm soát nội bộ tại các Công ty con 100% vốn, các Kiểm soát viên của Công ty Mẹ tại các Công ty con 100% vốn) đã được ban hành và triển khai với mục tiêu phân định rõ trách nhiệm, phạm vi công việc giữa các bộ phận, tránh chồng chéo/ bỏ sót, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả của việc sử dụng các nguồn lực và nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ xuyên suốt toàn Tập đoàn.

Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kiểm toán 2011-2015, xây dựng mục tiêu kiểm toán 2016-2020 gắn với chiến lược phát triển của Tập đoàn Bảo Việt

Năm 2015 là năm cuối thực hiện kế hoạch kiểm toán 2011-2015. Khối Kiểm toán nội bộ đã tiến hành đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kiểm toán 2011-2015 làm cơ sở xây dựng mục tiêu kiểm toán giai đoạn 2016-2020.

Mục tiêu kiểm toán 2016-2020 được xây dựng dựa trên việc phân tích chi tiết điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của hoạt động kiểm toán nội bộ (phân tích SWOT), gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển, danh mục rủi ro trọng yếu của Tập đoàn trong giai đoạn 2016-2020 và xu hướng phát triển của kiểm toán nội bộ trên thế giới.

Phân tích SWOT

Điểm mạnh - Strengths

- Tính độc lập, khách quan luôn được duy trì và đảm bảo
- Cơ cấu tổ chức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ
- Đội ngũ Kiểm toán viên có năng lực chuyên môn, ý thức tuân thủ chuẩn mực hành nghề
- Phương pháp kiểm toán tiệm cận với thông lệ quốc tế

Điểm yếu - Weaknesses

- Số lượng Kiểm toán viên còn mỏng so với chức năng, nhiệm vụ được giao
- Hạn chế trong việc ứng dụng công nghệ, công cụ hỗ trợ để quản lý hoạt động kiểm toán nội bộ do chi phí lớn

Cơ hội - Opportunities

Vai trò của kiểm toán nội bộ ngày càng gia tăng và được coi trọng trong các tổ chức, doanh nghiệp

Thách thức - Threats

Đổi mới phương pháp luận và kỹ thuật kiểm toán để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các bên liên quan và để bắt kịp xu hướng vận động của hoạt động kiểm toán nội bộ trên thế giới

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

Năm 2016 là năm đầu tiên thực hiện mục tiêu kiểm toán 2016-2020, là năm tạo tiền đề cho sự phát triển của hoạt động kiểm toán nội bộ trong giai đoạn tới. Các công việc trọng tâm bao gồm:

- Hoàn thành kế hoạch kiểm toán năm 2016, triển khai các giải pháp thực hiện mục tiêu kiểm toán 5 năm 2016-2020;
- Xây dựng và triển khai hệ thống cấp bậc, năng lực, đào tạo chuyên môn phù hợp với hệ thống năng lực chuyên môn chung của Tập đoàn, hệ thống năng lực của IIA (Career Map) và mục tiêu kiểm toán 2016-2020;
- Xây dựng hệ thống chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động chính của Khối (KPIs);
- Triển khai hoạt động tư vấn (tư vấn hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro cho Công ty thành viên). Đây là lần đầu tiên Khối Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng tư vấn.
- Đổi mới phương pháp luận và ứng dụng các kỹ thuật kiểm toán mới vào hoạt động KTNB (phương pháp kiểm toán liên tục, tập trung vào quản lý rủi ro và quản trị, kỹ thuật phân tích dữ liệu lớn "big data"…).

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ RỦI RO

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ RỦI RO TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

- Tư vấn cho Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt trong việc xây dựng chiến lược và chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt, các quy định về quản lý rủi ro.
- Giám sát việc thực hiện quản lý rủi ro đảm bảo tính liên tục và thống nhất trong Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt.
- Xây dựng văn hóa quản lý rủi ro trong Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt.
- Tham gia ý kiến, tư vấn cho các bộ phận chức năng khác của Tập đoàn Bảo Việt về hoạt động quản lý rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Phê duyệt, giám sát việc thực hiện mô hình, công cụ đo lường và hạn mức rủi ro.
- Rà soát và đánh giá các tổn thất, xác định các rủi ro cụ thể để chú trọng xử lý các lĩnh vực có mức độ rủi ro cao.
- Xem xét các nội dung có liên quan đến quản lý rủi ro trong thuyết minh Báo cáo tài chính, Báo cáo Actuary và báo cáo của các Khối, Trung tâm, Ban chức năng có liên quan.
- Đánh giá mức độ rủi ro, rủi ro tập trung/tích tụ, nhận dạng và phòng ngừa các rủi ro mới.
- Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo về hoạt động quản lý rủi ro theo yêu cầu của Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt.
- Các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt giao.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QLRR NĂM 2015

Năm 2015, Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con đã tổ chức các phiên họp trực tiếp định kỳ hàng Quý để tư vấn việc xây dựng Chiến lược Quản lý rủi ro giai đoạn 2016 - 2020 và chính sách quản lý rủi ro hàng năm, Quy chế Quản lý rủi ro sửa đổi, bổ sung và các quy định về quản lý rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con. Thông qua những cuộc họp Hội đồng Quản lý rủi ro, các vấn đề được đề cập, xử lý bao gồm:

Cập nhật các quy định về quản lý rủi ro	Thảo luận nội dung mang tính chiến lược như: Khẩu vị rủi ro, Tuyên bố Khẩu vị rủi ro, Khung Khẩu vị rủi ro…
Rà soát, phân tích, đánh giá các loại rủi ro	Đề xuất các biện pháp kiểm soát phù hợp như rủi ro bảo hiểm, rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động và một số rủi ro trọng yếu khác.
Đề xuất các giải pháp triển khai thực hiện Đề án Hợp lực về quản lý rủi ro	Tập đoàn phối hợp với các đơn vị thành viên trong xây dựng văn hóa QLRR, chia sẻ thông tin, thống nhất áp dụng mô hình, công cụ quản lý rủi ro…

Hoạt động kiểm soát rủi ro cũng được thực hiện thông qua việc phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng Quản lý rủi ro với các Ủy ban, các Khối, Trung tâm, Ban chức năng tại Tập đoàn Bảo Việt cũng như giữa Tập đoàn Bảo Việt với các Công ty con.

- Phối hợp với Ủy ban Chiến lược và Đầu tư trao đổi thông tin, số liệu và đưa ra các kiến nghị, giải pháp liên quan đến quản lý rủi ro trong lĩnh vực chiến lược và đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt;
- Phối hợp với Ủy ban Kiểm toán rà soát các lĩnh vực rủi ro trọng yếu tiềm tàng, đặc biệt rủi ro liên quan đến tuân thủ chính sách, chuẩn mực, quy trình và các quy định pháp luật có liên quan để kịp thời đưa ra phương án xử lý phù hợp.
- Phối hợp với Uỷ ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO) để trao đổi thông tin về rủi ro liên quan đến cân đối Tài sản Nợ - Tài sản Có tại các cuộc họp Hội đồng Quản lý rủi ro. Đại diện Hội đồng Quản lý rủi ro được mời tham dự các cuộc họp định kỳ của ALCO để tham gia ý kiến và đưa ra các khuyến cáo về các rủi ro liên quan.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

Năm 2016, Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục thực hiện chức năng tư vấn hoàn thiện khung pháp lý quản lý rủi ro tại Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con hướng tới thông lệ và chuẩn mực quốc tế, đồng thời phối hợp và giám sát hoạt động quản lý rủi ro tại các Công ty con nhằm đáp ứng hiệu quả yêu cầu quản trị doanh nghiệp.

Tập đoàn Bảo Việt triển khai thực hiện Chiến lược quản lý rủi ro giai đoạn 2016 - 2020 của Tập đoàn, nghiên cứu xây dựng Khung Khẩu vị rủi ro của Tập đoàn; chú trọng việc đánh giá và xử lý các loại rủi ro; tiếp nhận các kinh nghiệm, kỹ năng quản lý rủi ro được cổ đông chiến lược nước ngoài chuyển giao theo Thỏa thuận hỗ trợ kỹ thuật TSCTA nhằm nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro và góp phần hoàn thành kế hoạch kinh doanh của Tập đoàn.

QUẢN LÝ RỦI RO

Năm 2015, song hành cùng việc tiếp tục hoàn thiện Khung pháp lý về quản lý rủi ro, các biện pháp quản lý rủi ro mạnh mẽ, toàn diện cũng được triển khai từ Tập đoàn Bảo Việt đến các Đơn vị thành viên. Với định hướng "Khơi thông mọi nguồn lực, phát huy sức mạnh tổng thể", trong năm qua, hoạt động quản lý rủi ro đã kiểm soát hiệu quả những rủi ro phát sinh, góp phần thực hiện mục tiêu chiến lược, đảm bảo sự tăng trưởng mạnh mẽ và phát triển bền vững.

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là trong giai đoạn Việt Nam đã tham gia Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), Cộng đồng Kinh tế Asean (AEC), Khu vực mậu dịch tự do Asean (AFTA)... mang đến cho Việt Nam rất nhiều thời cơ thuận lợi nhưng cũng tạo ra không ít những thách thức, khó khăn. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp Việt Nam phải đối diện với áp lực cạnh tranh gia tăng trên thị trường và nhiều vấn đề tiêu cực khác phát sinh, đòi hỏi các doanh nghiệp phải đổi mới từ bên trong bằng cải tổ phương pháp quản trị, cách thức triển khai công việc, khai phá lĩnh vực mới để hình thành ưu thế cạnh tranh, đồng thời phải nỗ lực duy trì sự hiện diện trên thị trường ngày càng cạnh tranh khốc liệt. Do đó, các doanh nghiệp muốn tăng trưởng ổn định và phát triển bền vững cần nhận thức rõ hơn tầm quan trọng của việc sử dụng các nguồn lực để quản trị và điều hành doanh nghiệp một cách an toàn, hiệu quả.

Cùng với những thời cơ và thách thức của hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là diễn biến phức tạp và hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, vấn đề nâng cao khả năng quản lý rủi ro, hạn chế đến mức thấp nhất có thể những rủi ro tiềm ẩn của doanh nghiệp đang ngày càng trở nên cấp thiết, đặc biệt là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính như Bảo Việt.

Trong xu thế đó, Tập đoàn Bảo Việt đã tăng cường hệ thống quản lý rủi ro doanh nghiệp tại Tập đoàn và các Công ty con, xác định, phân loại và đánh giá các rủi ro một cách hệ thống, đảm bảo tất cả các rủi ro được quản lý kịp thời, hiệu quả. Tập đoàn tiếp tục đẩy mạnh việc nghiên cứu, xây dựng tuyên bố khẩu vị rủi ro, đánh giá hoạt động kinh doanh và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn của Tập đoàn và các Công ty con, đảm bảo sự cân bằng giữa rủi ro và lợi nhuận.

Năm 2015, thực hiện Đề án Tái cơ cấu Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt, Đề án Hợp lực để "khơi thông mọi nguồn lực, phát huy sức mạnh tổng thể", Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về quản lý rủi ro, xác định các rủi ro trọng yếu cần tập trung quản lý, tăng cường các chính sách, biện pháp, mô hình để đánh giá và giảm thiểu rủi ro một cách hệ thống, đảm bảo tất cả các rủi ro được quản lý kịp thời, hiệu quả. Chúng tôi đã xây dựng và ban hành chiến lược, chính sách quản lý rủi ro; các quy định đánh giá rủi ro trên phạm vi toàn Tập đoàn và áp dụng những quy trình hoạt động chuyên nghiệp theo thông lệ quốc tế, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con đạt hiệu quả cao nhất. Đồng thời, nâng cao nhận thức và hình thành văn hóa quản lý rủi ro, bảo đảm Ban Lãnh đạo, toàn thể cán bộ, nhân viên của Tập đoàn Bảo Việt và Công ty con luôn chủ động xem xét yếu tố rủi ro trong các quyết định kinh doanh và quản lý hàng ngày.

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ RỦI RO

Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt quyết định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy quản lý rủi ro; ban hành chiến lược, chính sách quản lý rủi ro và giám sát hoạt động quản lý rủi ro tại Tập đoàn Bảo Việt.

Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách quản lý rủi ro; cung cấp các nguồn lực phù hợp với yêu cầu của hoạt động quản lý rủi ro; ban hành các quy định, quy trình quản lý rủi ro và giám sát thực hiện bảo đảm hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt an toàn và hiệu quả, tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt.

Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt (gọi tắt là RMC) là Hội đồng trực thuộc Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt, thực hiện chức năng tư vấn, giúp việc cho Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt để triển khai công tác quản lý rủi ro.

Các Công ty con thuộc Tập đoàn Bảo Việt thực hiện quản lý rủi ro riêng thông qua việc xây dựng chiến lược, chính sách quản lý rủi ro của mình phù hợp với chiến lược, chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt.

Sơ đồ: Cơ cấu tổ chức Quản lý rủi ro - Tập đoàn Bảo Việt

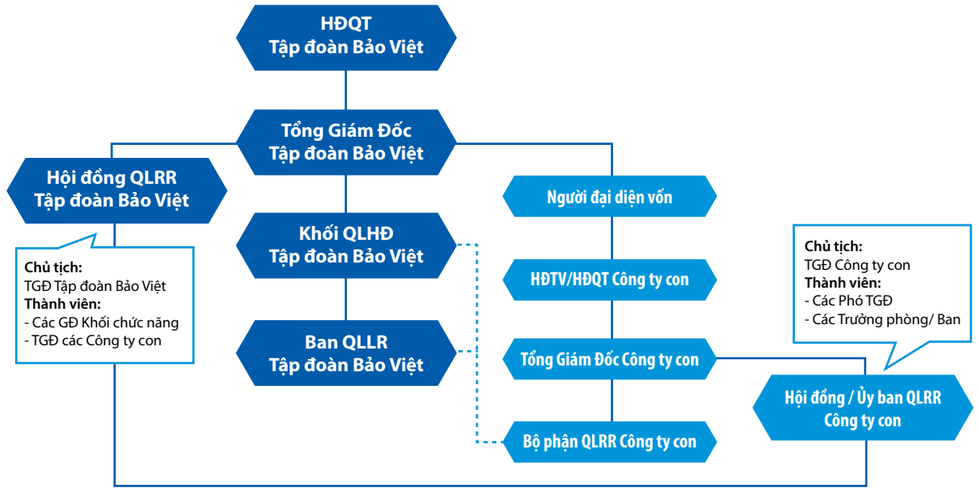

Trong quá trình hoạt động, Tập đoàn Bảo Việt luôn sẵn sàng đối mặt với các rủi ro, xác định các rủi ro trọng yếu cần chú trọng quản lý, đồng thời từng bước đánh giá toàn diện tất cả các loại rủi ro, bao gồm rủi ro mới phát sinh từ những thay đổi về môi trường, xã hội, tăng cường các biện pháp để quản lý các rủi ro có thể định lượng như thiệt hại kinh tế và các rủi ro định tính như rủi ro tính liên tục của hoạt động kinh doanh và rủi ro danh tiếng.

CÁC RỦI RO ĐƯỢC CHÚ TRỌNG QUẢN LÝ

Rủi ro bảo hiểm: Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của Tập đoàn do vậy các biện pháp nhằm giảm thiểu và xử lý các rủi ro có thể phát sinh trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm được chú trọng.

Rủi ro hoạt động

Rủi ro công nghệ thông tin

Số lượng các phần mềm hỗ trợ hoạt động kinh doanh nhiều, các phần mềm mới đưa vào sử dụng cần được theo dõi thường xuyên để xử lý kịp thời các rủi ro có thể phát sinh.

Tập đoàn định hướng tiếp tục thực hiện quản lý tập trung công nghệ thông tin. Các rủi ro có thể phát sinh khi vận hành tập trung hệ thống công nghệ thông tin gây gián đoạn hoạt động kinh doanh, ảnh hưởng lớn đến năng lực cạnh tranh và danh tiếng của Tập đoàn.

Rủi ro pháp lý, tuân thủ

Tập đoàn Bảo Việt là công ty niêm yết, do đó các rủi ro phát sinh trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, các nghĩa vụ đối với nhà đầu tư, cổ đông và khách hàng luôn được chú trọng quản lý, giám sát.

Rủi ro chính sách, quy trình

Rủi ro có thể phát sinh khi quy trình hoạt động chưa phù hợp hoặc chưa đầy đủ dẫn tới việc quản lý không hiệu quả.

Số lượng quy trình cần ban hành theo yêu cầu quản lý.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro do mất cân đối về kỳ hạn của dòng tiền để đáp ứng nghĩa vụ thanh toán tại bất cứ thời điểm nào có thể xảy ra sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến trạng thái cân đối thanh khoản của toàn Tập đoàn.

CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ TRONG DÀI HẠN

Rủi ro chiến lược

Rủi ro không đạt được mục tiêu chiến lược: rủi ro chủ yếu do kế hoạch kinh doanh xây dựng hàng năm có thể chưa gắn kết với các mục tiêu chiến lược đặt ra.

Rủi ro chiến lược không phù hợp: Khi xây dựng chiến lược chưa dự báo hết được các yếu tố chủ quan, khách quan hoặc chiến lược không được rà soát thường xuyên để điều chỉnh thích ứng các thay đổi của môi trường kinh doanh.

CÁC RỦI RO CÓ MỨC ĐỘ ƯU TIÊN TRUNG BÌNH

Rủi ro tích tụ

Rủi ro của việc đầu tư quá tập trung vào một ngành, hoặc một công ty/nhóm công ty có cùng chủ sở hữu.

Rủi ro tín dụng

Việc đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, cho vay margin hoặc gửi tiền tại các ngân hàng/định chế tài chính phi ngân hàng sẽ gặp phải rủi ro tín dụng, tuy nhiên trên góc độ toàn Tập đoàn, ảnh hưởng của rủi ro này không lớn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro do biến động của tỷ giá, giá cổ phiếu, lãi suất giảm làm ảnh hưởng đến thu nhập đầu tư. Lãi suất được đánh giá là không có biến động lớn nên không ảnh hưởng nhiều đến kết quả kinh doanh toàn Tập đoàn. Danh mục đầu tư cổ phiếu chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ trong danh mục tài sản đầu tư tài chính toàn Tập đoàn nên ảnh hưởng bởi biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh là không đáng kể.

Rủi ro danh tiếng

Rủi ro danh tiếng của Bảo Việt phát sinh khi các phương tiện thông tin đại chúng đưa ra các thông tin bất lợi cho Tập đoàn hoặc các sản phẩm dịch vụ của Bảo Việt không đáp ứng được nhu cầu của khách hàng, nhà đầu tư... Rủi ro này trong năm 2015 đã được kiểm soát tốt, cần được tiếp tục giám sát, quản lý thường xuyên.

Rủi ro phát triển bền vững

Quản lý rủi ro phát triển bền vững là việc xây dựng và thực hiện một chiến lược kinh doanh gắn mục tiêu lợi nhuận với các chính sách môi trường và xã hội của một doanh nghiệp.

Tập đoàn Bảo Việt quản lý rủi ro phát triển bền vững dựa trên ba khía cạnh sau:

- Các tác động ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững trong hệ thống Bảo Việt;
- Các tác động của môi trường, xã hội đối với Bảo Việt;
- Các tác động từ hoạt động kinh doanh của Bảo Việt đối với môi trường, xã hội;

Mô phỏng Khung quản lý rủi ro

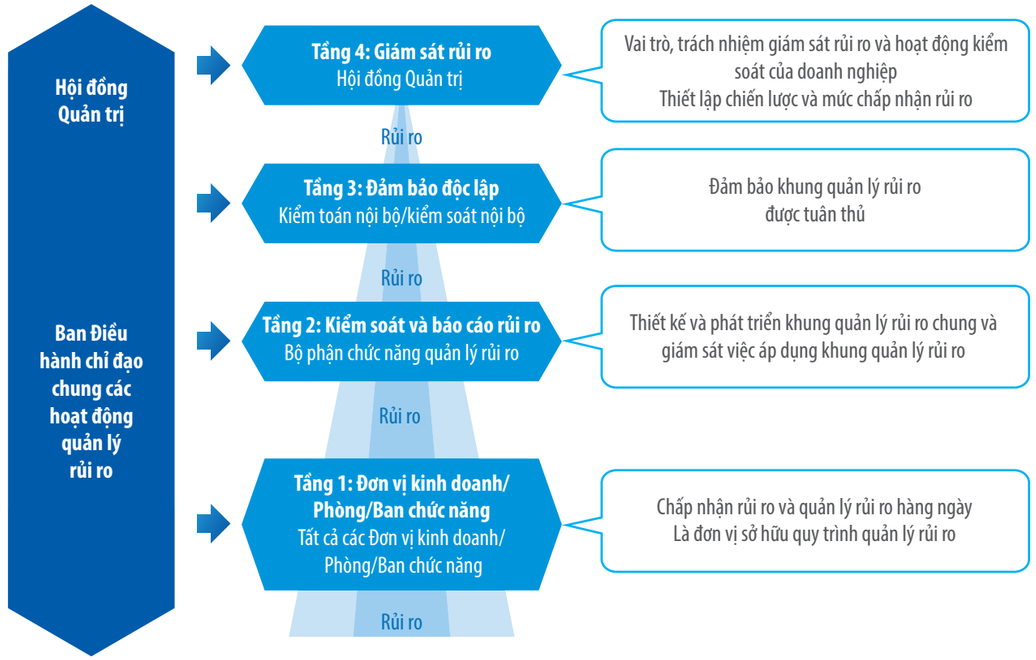

KHẨU VỊ RỦI RO

Một trong những điều kiện đảm bảo khung quản lý rủi ro hiệu quả cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế, đó là mỗi một tổ chức cần ban hành Khung khẩu vị rủi ro, thể hiện các loại rủi ro mà tổ chức sẵn sàng chấp nhận để đạt mục tiêu chiến lược. Nhận thức được tầm quan trọng của Khung khẩu vị rủi ro, trong Quy chế Quản lý rủi ro sửa đổi, bổ sung ban hành vào tháng 7/2015, Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt đã quy định về Khẩu vị rủi ro. Theo đó, các nội dung liên quan của Khẩu vị rủi ro bao gồm:

Khẩu vị rủi ro phải đảm bảo

- Thể hiện được triết lý kinh doanh, phù hợp với chiến lược của Tập đoàn Bảo Việt.
- Bao quát đầy đủ các hoạt động của Tập đoàn trong ngắn, trung và dài hạn.
- Các rủi ro được đánh giá thông qua các tiêu chí định tính, định lượng.
- Cập nhật theo quy định hiện hành và chuẩn mực quốc tế trên cơ sở điều kiện về nguồn lực và hạ tầng kỹ thuật quản lý rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt.

Khẩu vị rủi ro bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây

- Tuyên bố về khẩu vị rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt.
- Xác định, nhận dạng các loại rủi ro sẵn sàng chấp nhận.
- Xác định mức rủi ro mục tiêu, ngưỡng cảnh báo, ngưỡng chấp nhận rủi ro đảm bảo phù hợp với chiến lược và kế hoạch kinh doanh hàng năm.
- Xác định biện pháp xử lý rủi ro theo mức cảnh báo.
- Các nội dung có liên quan khác.

Khung khẩu vị rủi ro được xây dựng sẽ căn cứ vào môi trường bên ngoài như kinh tế vĩ mô, môi trường kinh doanh, áp lực cạnh tranh và các nhân tố bên trong như chiến lược kinh doanh, kế hoạch tài chính, kỳ vọng của cổ đông và các bên liên quan… Sau đó, căn cứ vào quy trình 6 bước chính để xác định các ngưỡng chấp nhận rủi ro cho từng lĩnh vực rủi ro tác động đến mục tiêu chiến lược. Khi xác định được khẩu vị rủi ro thì đó là định hướng, cơ sở để xây dựng phân bổ tài sản, quản lý thanh khoản, xây dựng các chỉ tiêu đo lường hiệu quả cho Tập đoàn…

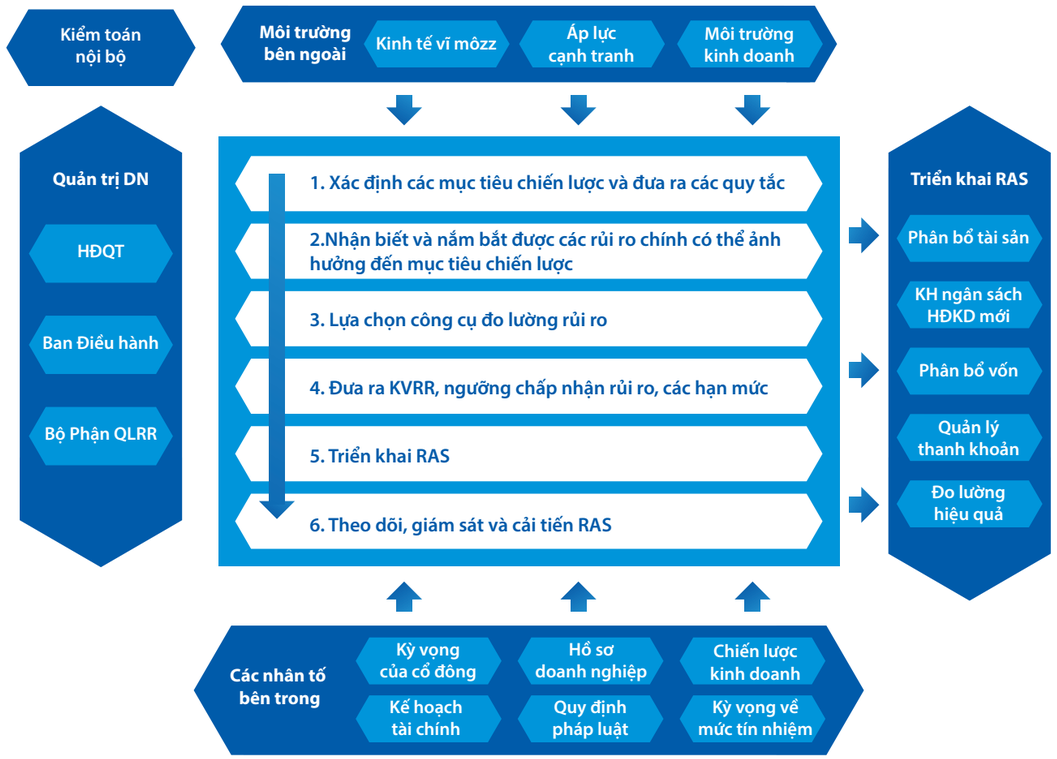

Hiện tại, các ngưỡng rủi ro được chia theo 3 mức độ Cao, Trung bình và Thấp, tương ứng với ba màu sắc Đỏ, Vàng và Xanh.

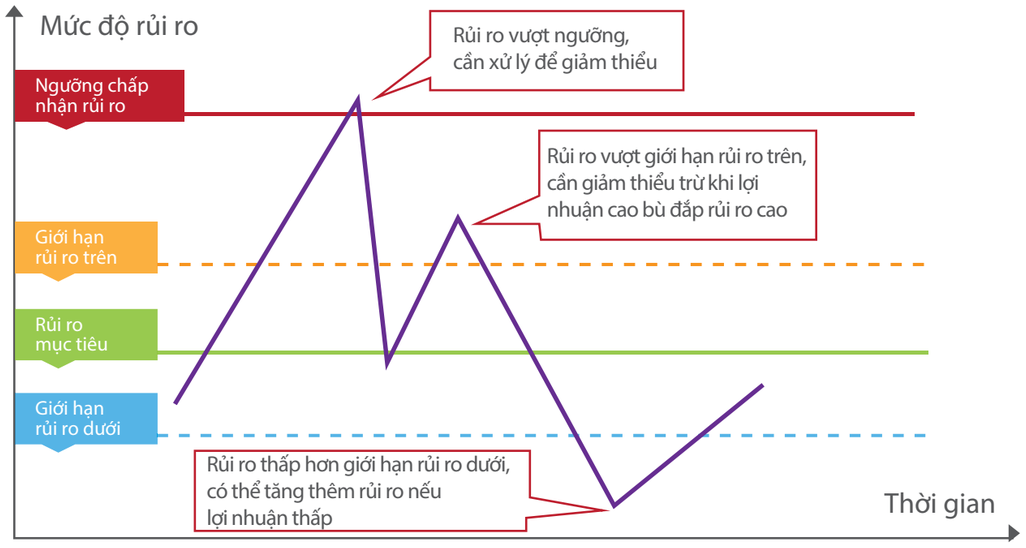

QUY TRÌNH QUẢN LÝ RỦI RO

Quy trình quản lý rủi ro được thiết kế đồng bộ và có sự gắn kết với việc xây dựng và thực thi chiến lược kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt. Quy trình quản lý rủi ro bao gồm các giai đoạn hoặc các bước công việc cơ bản như sau:

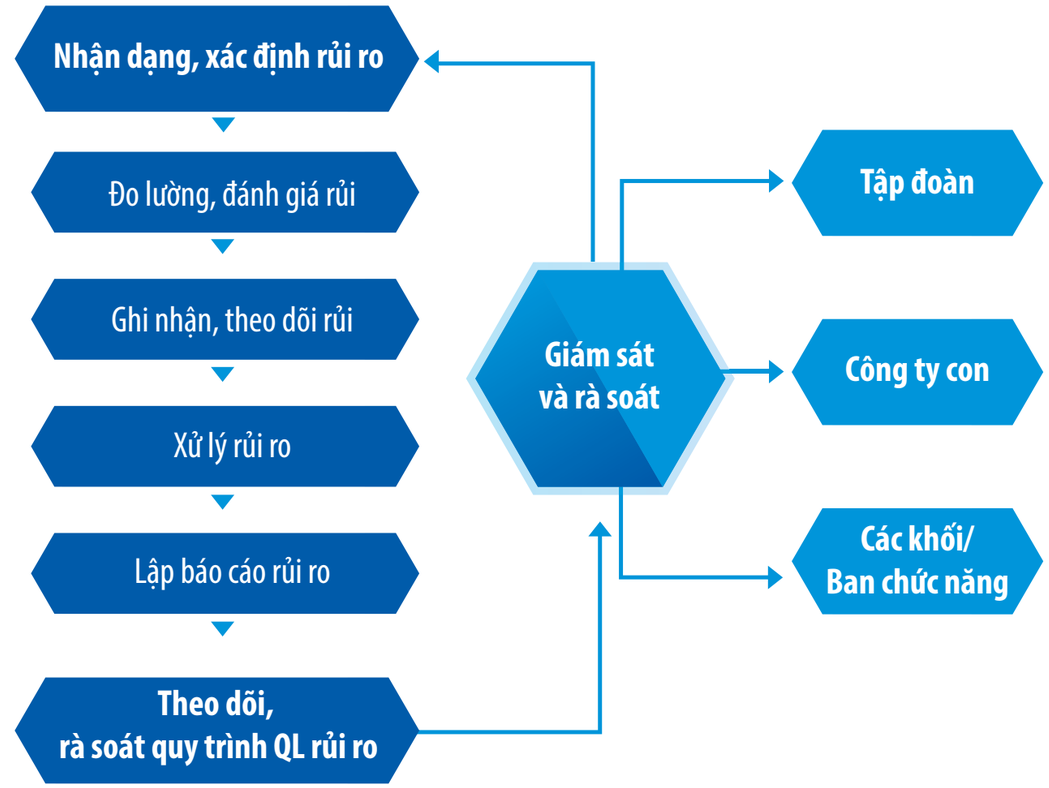

CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ RỦI RO CHỦ YẾU ĐÃ THỰC HIỆN TRONG NĂM 2015

Để đạt được mục tiêu của Tập đoàn hướng tới các chuẩn mực quốc tế về khung Quản lý rủi ro doanh nghiệp (ERM), Tập đoàn Bảo Việt đã từng bước xây dựng và không ngừng cải thiện các công cụ quản lý rủi ro:

- Tập đoàn đã thiết lập các hạn mức rủi ro và chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động, tích hợp văn hóa quản lý rủi ro vào văn hóa doanh nghiệp. Đây là nền tảng tốt cho sự phát triển mạnh mẽ, ổn định trong hoạt động kinh doanh và phát triển bền vững của Tập đoàn;
- Tập đoàn tiếp tục nghiên cứu, xây dựng tuyên bố khẩu vị rủi ro phù hợp với chiến lược kinh doanh;
- Tập đoàn tăng cường đánh giá rủi ro tích tụ, xây dựng các chính sách quản lý rủi ro, báo cáo rủi ro nhằm nâng cao năng lực quản lý rủi ro tổng thể trong hoạt động kinh doanh;
- Tập đoàn sử dụng các công cụ và phương pháp như bảng đánh giá rủi ro, phân tích kịch bản "stress-testing", hạn mức rủi ro để quản lý các rủi ro trọng yếu;
- Tập đoàn thiết lập một cơ chế cảnh báo rủi ro hiệu quả, cung cấp thông tin cảnh báo kịp thời các rủi ro phát sinh trong từng lĩnh vực kinh doanh nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực và rủi ro tiềm ẩn;
- Tập đoàn Bảo Việt quản lý rủi ro tại các Công ty con thông qua báo cáo hợp nhất, báo cáo của người đại diện vốn và tăng cường các công cụ kiểm soát rủi ro tại các Công ty con; tiếp tục hoàn thiện và tối ưu hóa các kỹ thuật, mô hình quản lý rủi ro.

QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm được triển khai tại hai Công ty con của Tập đoàn Bảo Việt là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (Bảo hiểm Bảo Việt) và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (Bảo Việt Nhân thọ). Bảo hiểm cũng là một trong những lĩnh vực kinh doanh chính của Tập đoàn.

Lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ

Công tác quản lý rủi ro bảo hiểm luôn được Bảo Việt Nhân thọ chú trọng ở tất cả các khâu của quá trình hoạt động kinh doanh. Rủi ro bảo hiểm có thể liên quan đến tình trạng sức khỏe, rủi ro tài chính, tổn thất do tai nạn của người được bảo hiểm hoặc rủi ro khác phát sinh từ các sự kiện bảo hiểm, các sự kiện này không xác định về thời điểm cũng như mức độ xảy ra. Do đó, Bảo Việt Nhân thọ đã giám sát chặt chẽ rủi ro bảo hiểm thông qua việc áp dụng đầy đủ các biện pháp đánh giá rủi ro trong thiết kế sản phẩm bảo hiểm mới, khai thác, giám định và trả tiền hoặc bồi thường bảo hiểm, xây dựng những giả định phù hợp về tổn thất dự kiến liên quan đến đối tượng được bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm; thường xuyên rà soát các giả định quan trọng (bảng tỷ lệ tử vong, lãi suất kỹ thuật; các thông số về tổn thất), rà soát các rủi ro nhận bảo hiểm và đối tượng bảo hiểm hợp lý; theo dõi kinh nghiệm triển khai thông qua việc đánh giá sản phẩm về lợi nhuận, doanh số, phân tích kịch bản để kịp thời hoàn thiện sản phẩm, định phí lại khi thấy thực tế khác với giả định.

Dự phòng nghiệp vụ của BVNT năm 2015

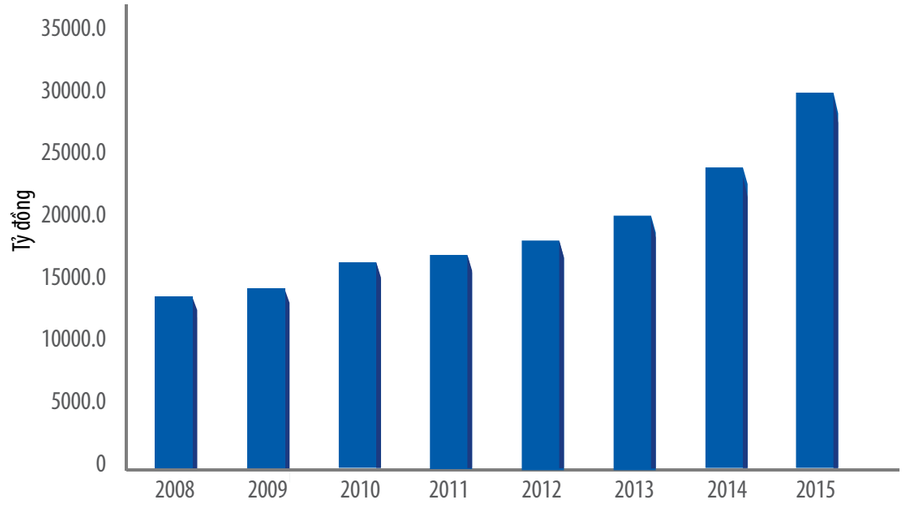

Quy trình xây dựng các giả định của Bảo Việt Nhân thọ nhằm đưa ra các ước tính thận trọng và ổn định về kết quả tương lai để tránh các biến động bất lợi trong thực tiễn kinh doanh. Hoạt động kiểm tra, đánh giá được thực hiện định kỳ nhằm đảm bảo số bồi thường thực tế so với giả định áp dụng nằm trong giới hạn chấp nhận được, qua đó đảm bảo khả năng thanh toán quyền lợi bảo hiểm, đem lại giá trị cao nhất cho khách hàng và đáp ứng mục tiêu kinh doanh của Bảo Việt Nhân thọ.

Bảo Việt Nhân thọ đã đưa ra các quy định chặt chẽ trong hoạt động thiết kế sản phẩm nhằm hạn chế tối đa rủi ro trục lợi bảo hiểm. Đồng thời, đưa ra các quy định về triển khai sản phẩm như quy định đối tượng được chấp nhận bảo hiểm, số tiền bảo hiểm tối đa, sản phẩm được bảo hiểm, bệnh viện được chấp thuận thanh toán quyền lợi bảo hiểm… Các phương pháp, công cụ được Bảo Việt Nhân thọ sử dụng để đánh giá và giám sát rủi ro bảo hiểm như mô hình đo lường rủi ro, các phân tích về độ nhạy, phân tích kịch bản "stress-testing".

Bên cạnh đó, Bảo Việt Nhân thọ còn quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình/thủ tục phê duyệt những giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc giao dịch vượt hạn mức khai thác bảo hiểm; quy định nguyên tắc tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh... nhằm quản lý các rủi ro bảo hiểm hiệu quả cũng như tối đa hoá lợi nhuận của Tổng Công ty.

Công tác đánh giá rủi ro và chấp nhận bảo hiểm, giám định và giải quyết quyền lợi bảo hiểm đã được tăng cường thông qua việc hoàn thiện các quy định, quy trình nghiệp vụ cụ thể; đào tạo cán bộ và xây dựng mối quan hệ hợp tác hiệu quả với các đối tác… Đặc biệt, những công việc này đã được thực hiện tập trung và quản lý thống nhất trong toàn hệ thống.

Bảo Việt Nhân thọ cũng thực hiện chính sách quản lý rủi ro thông qua tái bảo hiểm, chuyển giao một phần rủi ro của hợp đồng bảo hiểm cho công ty nhận tái bảo hiểm. Mức giữ lại phụ thuộc vào khả năng tài chính và mức độ rủi ro được bảo hiểm. Để giảm thiểu rủi ro nhà nhận tái bảo hiểm không có khả năng thực hiện trách nhiệm, Bảo Việt Nhân Thọ chỉ thực hiện tái bảo hiểm với những công ty nhận tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá xếp hạng theo quy định hiện hành.

Lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ

Để quản lý rủi ro bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt đã thiết lập, hoàn thiện và áp dụng đầy đủ các quy trình đánh giá rủi ro trước khi chấp nhận bảo hiểm, quy trình chuyển giao rủi ro bảo hiểm (tái bảo hiểm), quy trình giám định tổn thất và quy trình giải quyết bồi thường. Ngoài ra, từ năm 2015, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy trình nghiên cứu, phát triển và điều chỉnh sản phẩm.

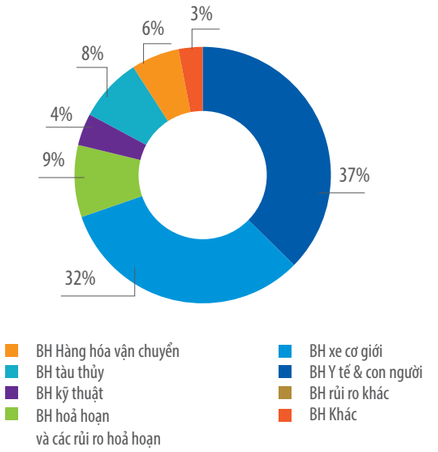

Mục tiêu quản lý rủi ro bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt là kiểm soát được quy mô và mức độ tổn thất phát sinh từ các rủi ro bảo hiểm và đảm bảo rằng với mức chi phí quản lý, chi phí bán hàng, chi phí khác hợp lý, Bảo hiểm Bảo Việt có lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Các cơ chế và quy trình quản lý rủi ro tại Bảo hiểm Bảo Việt bao gồm:

• Thực hiện chính sách phát triển sản phẩm hiệu quả và xây dựng các điều kiện và điều khoản chặt chẽ cho các hợp đồng bảo hiểm để kiểm soát các rủi ro phát sinh trong hoạt động định giá sản phẩm;

• Thực hiện các chính sách, nguyên tắc quy trình bồi thường hiệu quả để kiểm soát và giảm thiểu các rủi ro trục lợi bảo hiểm hoặc gian lận;

• Thiết lập các tỷ lệ giữ lại khác nhau tùy thuộc vào rủi ro và chuyển giao các rủi ro lớn cho công ty tái bảo hiểm với mức xếp hạng tín dụng cao để hạn chế các khoản bồi thường lớn và bồi thường rủi ro thiên tai;

• Áp dụng mô hình tính toán và kỹ thuật thống kê để hỗ trợ việc tính toán phí bảo hiểm và xác định giá trị dự phòng;

• Định kỳ cập nhật dữ liệu rủi ro chính xác và đáng tin cậy, tiến hành các bước kiểm định và nghiên cứu xu hướng rủi ro làm cơ sở cho việc điều chỉnh, định phí và tính toán các giả định bảo hiểm.

Đối với hoạt động khai thác bảo hiểm, ngoài việc chủ động đa dạng hóa loại hình rủi ro bảo hiểm hướng tới khách hàng cá nhân và qua kênh bán lẻ, Bảo hiểm Bảo Việt áp dụng các tiêu chí đánh giá, phân loại và lựa chọn đối tượng bảo hiểm. Đối với các đối tượng bảo hiểm có khả năng xảy ra tổn thất cao hoặc có nguy cơ bị trục lợi cao, Bảo hiểm Bảo Việt cân nhắc các khả năng quản lý rủi ro: Kiểm soát, đề phòng hạn chế tổn thất và chia sẻ rủi ro trước khi chấp nhận bảo hiểm. Bảo hiểm Bảo Việt cũng tăng cường đánh giá rủi ro tích tụ và đưa ra các quy định về chấp nhận bảo hiểm phù hợp với từng nghiệp vụ, từng nhóm sản phẩm, từng địa phương khác nhau để hạn chế tích tụ rủi ro và đánh giá được mức độ tích tụ rủi ro ở cấp độ toàn Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

Đối với các đơn bảo hiểm đã cấp, Bảo hiểm Bảo Việt đã đặt ra yêu cầu tính toán, phân tích các tỉ lệ kinh nghiệm, làm cơ sở cho việc điều chỉnh tỷ lệ phí bảo hiểm, điều chỉnh phạm vi bảo hiểm nhằm giảm thiểu khả năng phí bảo hiểm không đủ chi trả. Bảo hiểm Bảo Việt áp dụng các giải pháp chuyển giao rủi ro để chia sẻ rủi ro với các công ty bảo hiểm khác thông qua đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm và chia sẻ rủi ro với chính người tham gia bảo hiểm thông qua bảo hiểm một phần giá trị, áp dụng mức miễn thường. Đối với các nghiệp vụ có tỷ lệ tổn thất đảm bảo lợi nhuận, Bảo hiểm Bảo Việt chủ trương tăng tỷ trọng khai khai thác để gia tăng thị phần, gia tăng dòng tiền vào để sinh lợi từ hoạt động đầu tư tài chính.

Đối với các tổn thất xảy ra, việc giám định tổn thất và giải quyết bồi thường được Bảo hiểm Bảo Việt thực hiện theo hai cấp. Những vụ tổn thất lớn, có tính chất phức tạp đều đã được xử lý và bồi thường tập trung tại Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt thông qua đội ngũ giám định, giải quyết bồi thường của Tổng công ty và giám định viên chuyên nghiệp ngoài Bảo hiểm Bảo Việt; chỉ những vụ tổn thất nhỏ, có tính chất đơn giản, phù hợp với điều kiện và khả năng, Công ty thành viên của Bảo hiểm Bảo Việt xử lý tại chỗ. Bảo hiểm Bảo Việt đã triển khai phần mềm InsureJ và xây dựng mô hình Trung tâm cấp đơn và giám định bồi thường ở một số công ty thành viên và ở các nghiệp vụ, dịch vụ có khả năng xảy ra tổn thất lớn (phải chia sẻ rủi ro thông qua tái bảo hiểm) để đánh giá rủi ro và giải quyết bồi thường tập trung.

QUẢN LÝ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Các loại rủi ro hoạt động chủ yếu bao gồm: rủi ro liên quan đến Báo cáo và Kiểm soát tài chính; Pháp chế và Tuân thủ; Con người; Quy trình và Quy chế; Hệ thống và Thông tin; Tính liên tục của hoạt động kinh doanh. Tập đoàn Bảo Việt sử dụng phương pháp tiếp cận định tính, định lượng hoặc kết hợp cả hai để đánh giá và xử lý các rủi ro hoạt động phát sinh.

Chính sách quản lý Rủi ro hoạt động được RMC Tập đoàn Bảo Việt phê duyệt và triển khai từ năm 2012 nhằm kiểm soát rủi ro hoạt động một cách hệ thống. Chính sách quản lý rủi ro hoạt động này đã được truyền thông đến các Công ty con.

Các rủi ro hoạt động được báo cáo trong bảng đánh giá rủi ro tại các cuộc họp RMC Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con. Mỗi loại rủi ro hoạt động chính đều có các tiêu chí nhận diện, đánh giá cụ thể, Các rủi ro trọng yếu trong kỳ được phân tích và đưa ra hành động cần thực hiện nhằm giảm thiểu tổn thất từ rủi ro này.

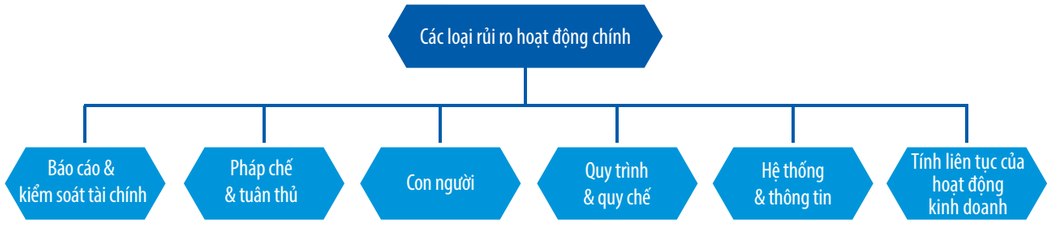

Năm 2015, Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con tiếp tục tăng cường quản lý tập trung về công nghệ thông tin, tăng cường các biện pháp an ninh bảo mật, đảm bảo tính liên tục trong hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con. Tập Đoàn Bảo Việt tiếp tục duy trì việc áp dụng và cải tiến hệ thống quản lý an ninh thông tin (ISMS - Information Security Management System) theo Tiêu chuẩn ISO 27001:2005 tại Trung tâm Công nghệ thông tin để giúp Ban Lãnh đạo Tập đoàn Bảo Việt thực hiện việc giám sát, quản lý và tăng cường an ninh bảo mật, giảm thiểu rủi ro cho hệ thống thông tin, đáp ứng các mục tiêu phát triển bền vững của Tập đoàn. Thực hiện giám sát, đánh giá an toàn hệ thống CNTT định kỳ tại Tập đoàn, trụ sở chính Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ. Bước đầu triển khai Dự án chống thất thoát dữ liệu cho người dùng cuối tại Tập đoàn nhằm giảm thiểu các rủi ro liên quan tới tuân thủ và con người.

Tập Đoàn Bảo Việt tiếp tục hoàn thiện nâng cấp hệ thống quy trình hoạt động cũng như các công cụ hỗ trợ cho các hoạt động nội bộ của hệ thống công nghệ thông tin; xây dựng các phương án sao lưu dự phòng cho các dịch vụ công nghệ thông tin, rà soát các kế hoạch đảm bảo tính liên tục trong hoạt động kinh doanh đối với một số hệ thống dịch vụ công nghệ thông tin thiết yếu (trung tâm dữ liệu, hệ thống email Lotus Notes); tiến hành thử nghiệm khả năng phối hợp và ứng phó nhằm giảm thiểu thiệt hại khi hệ thống website của Bảo Việt bị tấn công; xây dựng kế hoạch và hoàn thiện phương án dự phòng cho các dịch vụ quan trọng khác trong thời gian tới.

Bảo Việt là một trong những đơn vị tiên phong áp dụng các tiêu chuẩn ISO. Bảo Việt xác định, phiên bản mới ISO 9001:2015 có nhiều bước thay đổi đột phá, chứng minh với các khách hàng rằng Bảo Việt cam kết luôn cung cấp các sản phẩm và dịch vụ với chất lượng tốt nhất. Bên cạnh đó, việc áp dụng phiên bản ISO 9001:2015 sẽ giúp Bảo Việt tạo ra động lực sẵn sàng đổi mới, phát triển và đi vào quản lý thực chất trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu.

Bên cạnh đó, khi áp dụng các tiêu chuẩn 5S (Sàng lọc, Sắp xếp, Sạch sẽ, Săn sóc, Sẵn sàng), Bảo Việt còn tạo ra một môi trường làm việc thông thoáng và khoa học, khuyến khích sự sáng tạo và cải tiến của các cán bộ, nhân viên; phòng ngừa các rủi ro một cách chủ động, giảm thiểu các chi phí hoạt động từ đó nâng cao ưu thế cạnh tranh; tạo dựng, củng cố và nâng cao hình ảnh chuyên nghiệp của Bảo Việt trong mắt khách hàng.

Năm 2015, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục tăng cường kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro: hoàn thiện khung pháp lý quản lý rủi ro toàn Tập đoàn, thực hiện phân định trách nhiệm và phối hợp giữa các tầng phòng vệ trong hoạt động quản lý rủi ro; thiết lập và duy trì hoạt động hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, bao gồm: quản lý rủi ro, quản lý tuân thủ và kiểm toán nội bộ; kiểm soát hiệu quả quản lý rủi ro, đảm bảo sự phát triển bền vững của Tập đoàn; nâng cao nhận thức về văn hóa quản lý rủi ro từ lãnh đạo Tập đoàn cho tới nhân viên theo cách tiếp cận từ trên xuống và từ dưới lên, tạo nền tảng vững chắc cho sự duy trì hiệu quả quản lý rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN, KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Mục tiêu của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con là đảm bảo cân đối các dòng tiền và các cam kết tài chính được thực hiện khi đến hạn. Để ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro này, Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con đã xây dựng và áp dụng những biện pháp, cách thức phòng ngừa và ứng phó với các trường hợp rủi ro thanh khoản; duy trì mức thanh khoản hợp lý để bảo đảm có thể thực hiện được đầy đủ các cam kết tài chính của Tập đoàn trong điều kiện kinh doanh bình thường. Tập đoàn và các Công ty luôn chủ động đánh giá, rà soát chất lượng tài sản chất lượng tín dụng, đa dạng hóa danh mục đầu tư đảm bảo phù hợp giữa tài sản nợ và tài sản có, quản lý thanh khoản và quản lý kỳ hạn để đạt được mục tiêu lợi nhuận đầu tư phù hợp với khẩu vị rủi ro.

Mức độ thanh khoản/ khả năng thanh toán của Tập đoàn và các Công ty con được định kỳ xem xét và báo cáo cho Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO). Ủy ban này có trách nhiệm xem xét và kiểm soát các chiến lược đầu tư để phù hợp với chính sách quản lý về Tài sản nợ - Tài sản có, rà soát mức độ đáp ứng yêu cầu về khả năng thanh toán, hiệu quả đầu tư và xác định các hành động phù hợp.

Trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, yêu cầu về khả năng thanh toán phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ đã được Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ duy trì để đáp ứng các nghĩa vụ nợ và các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Các yêu cầu về đảm bảo khả năng thanh toán áp dụng cho Bảo Việt thọ được quy định trong Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt luôn duy trì trạng thái biên khả năng thanh toán phù hợp để đáp ứng những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự kiến do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên, đảm bảo doanh nghiệp hoạt động hiệu quả và đảm bảo lợi ích của các chủ hợp đồng.

QUẢN LÝ RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn có thể phát sinh từ hoạt động đầu tư tài chính (tiền gửi, trái phiếu), hoạt động kinh doanh bảo hiểm (chủ yếu tại Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt) và hoạt động kinh doanh khác. Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con đã áp dụng đồng bộ các biện pháp để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

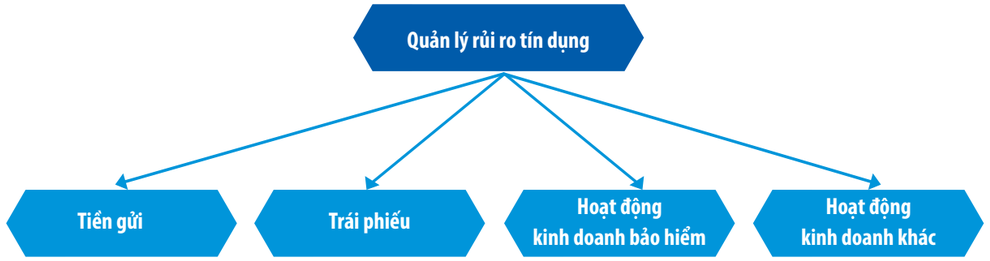

Quản lý rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tiền gửi

Tập đoàn Bảo Việt đã xây dựng và triển khai việc đánh giá, phân loại các tổ chức tín dụng dựa trên mô hình phân tích tín dụng nội bộ, làm căn cứ để RMC Tập đoàn Bảo Việt xác định hạn mức tín dụng đối với mỗi tổ chức tín dụng mà Tập đoàn và các Công ty con được phép gửi tiền. Các hạn mức này được rà soát, cập nhật định kỳ hàng năm. Mô hình phân tích tín dụng nội bộ không ngừng được hoàn thiện cho phù hợp với tình hình kinh tế, tài chính, chính sách vĩ mô và các quy định của pháp luật. Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con thiết lập các biện pháp giám sát nhằm hạn chế rủi ro tích tụ trong hoạt động đầu tư tiền gửi, đồng thời đưa ra hành động kịp thời khi đối tác xuất hiện các dấu hiệu suy giảm chất lượng tín dụng. Rủi ro tín dụng được theo dõi và đánh giá trong Báo cáo rủi ro hàng tháng.

Ngoài ra, để linh hoạt cho hoạt động kinh doanh, cũng như nhằm cụ thể hóa chiến lược hợp lực, hợp tác kinh doanh trong hệ thống tập đoàn, một cơ chế trao đổi hạn mức cũng được ban hành kèm theo giúp các đơn vị tối ưu hóa lợi nhuận nhưng vẫn kiểm soát được rủi ro.

Quản lý rủi ro tín dụng từ đầu tư trái phiếu

Trong hoạt động đầu tư trái phiếu, rủi ro tín dụng chủ yếu xuất phát từ danh mục trái phiếu doanh nghiệp. Tuy nhiên, trái phiếu Chính phủ đang chiếm tỷ trọng lớn trong tổng danh mục đầu tư trái phiếu (85%) nên hoạt động đầu tư trái phiếu được đánh giá là có mức độ rủi ro trung bình thấp.

Tập đoàn Bảo Việt xây dựng kế hoạch, phê duyệt hạn mức đầu tư từng loại trái phiếu phù hợp với chiến lược đầu tư và cơ cấu tổng tài sản, xem xét thận trọng khi đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, tuân thủ quy trình thẩm định, phê duyệt các khoản đầu tư trái phiếu mới.

Mặc dù danh mục chịu rủi ro của trái phiếu doanh nghiệp ở mức thấp, nhưng Tập đoàn đã chủ động nghiên cứu đánh giá chất lượng tín nhiệm của các tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp dựa trên các tiêu chí lựa chọn trái phiếu doanh nghiệp đầu tư. Dự kiến, sẽ được chính thức triển khai trong các năm tiếp theo.

Các hạn mức đầu tư cũng đã được xây dựng nhằm đảm bảo nguồn vốn đầu tư không quá tập trung vào một tổ chức, một ngành.

Quản lý rủi ro tín dụng bảo hiểm

Nợ phí bảo hiểm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty bảo hiểm. Trong khi không thu được phí bảo hiểm, công ty bảo hiểm vẫn phải gánh chịu chi phí quản lý, chi phí bán hàng, chi phí tái bảo hiểm (trường hợp nghiệp vụ phải tái bảo hiểm). Đồng thời, khi có phát sinh bồi thường công ty bảo hiểm vẫn phải chi trả theo trách nhiệm cam kết của hợp đồng bảo hiểm. Đối với các hợp đồng bảo hiểm đang có hiệu lực, nếu người tham gia bảo hiểm mất khả năng nộp phí bảo hiểm cũng phát sinh rủi ro tín dụng.

Năm 2015, Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt (BHBV) đã loại trừ rủi ro tín dụng trong việc đóng phí của khách hàng bằng những quy định chặt chẽ hơn về gia hạn đóng phí bảo hiểm và từ chối bảo hiểm, hoặc chấm dứt hiệu lực hợp đồng đối với những trường hợp không có khả năng đóng phí bảo hiểm đúng thời hạn.

Mặc dù điều kiện, điều khoản hợp đồng bảo hiểm luôn quy định nghĩa vụ và thời hạn đóng phí bảo hiểm của người tham gia bảo hiểm nhưng trên thực tế, người tham gia bảo hiểm không thực hiện được đầy đủ và đúng hạn việc đóng phí bảo hiểm là không tránh khỏi. Để hạn chế tình trạng này, BHBV đã ban hành và yêu cầu các bên, các bộ phận liên quan tuân thủ chặt chẽ quy trình đóng phí, gia hạn đóng phí bảo hiểm. Cụ thể: các công ty thành viên chỉ được gia hạn đóng phí cho các khoản phí nhỏ (phù hợp với từng loại rủi ro bảo hiểm và xếp hạng của công ty thành viên). Đối với các khoản phí bảo hiểm lớn, chỉ Tổng Công ty được cho phép gia hạn. Người tham gia bảo hiểm còn khả năng đóng phí hoặc có triển vọng là khách hàng chiến lược của BHBV mới được gia hạn đóng phí bảo hiểm.

Việc nhượng tái bảo hiểm chỉ được thực hiện đối với các ty công ty bảo hiểm được xếp hạng tín dụng cao bởi các tổ chức xếp hạng hàng đầu thế giới. Đối với các công ty nhận tái bảo hiểm trong nước chưa được xếp hạng tín dụng, BHBV có những đánh giá riêng và theo dõi chặt chẽ diễn biến khả năng tài chính của họ.

Trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, các thỏa thuận tái bảo hiểm được xây dựng và thực hiện từ năm 2012 cho những hợp đồng có số tiền bảo hiểm lớn nhằm chấp nhận mức rủi ro cao hơn, đồng thời kiểm soát tốt các rủi ro này khi sự kiện bảo hiểm xảy ra, đảm bảo khả năng tài chính của doanh nghiệp. Đồng thời, hợp tác tái bảo hiểm giúp Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ (BVNT) tiếp cận với tiêu chuẩn và kinh nghiệm quốc tế, qua đó giúp thiết lập và hoàn thiện các quy trình, quy định nội bộ, có thêm thông tin trong định phí và phát triển sản phẩm, xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh…

Quản lý rủi ro tín dụng từ hoạt động giao dịch ký quỹ

Trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, năm 2015 Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) tiếp tục duy trì đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng định kỳ hàng quý để quản lý rủi ro từ hoạt động giao dịch ký quỹ. Các khách hàng đều được đánh giá về điều kiện xếp loại và hạn mức vay ký quỹ tương ứng trước khi Tổng Giám đốc phê duyệt. Ngoài ra, rủi ro tín dụng còn được quản lý thông qua các biện pháp xây dựng tiêu chuẩn cho các cổ phiếu nằm trong danh mục cho vay ký quỹ định kỳ hàng tháng, xây dựng tỷ lệ ký quỹ an toàn, đề ra các biện pháp thực hiện xử lý tài sản đảm bảo nhằm đảm bảo an toàn nguồn vốn phục vụ cho vay ký quỹ của BVSC. Năm 2015, rủi ro tín dụng của hoạt động giao dịch ký quỹ ở mức thấp khi các khoản vay giao dịch ký quỹ luôn được kiểm soát và được thanh toán đúng hạn, tỷ lệ tài sản đảm bảo được duy trì ở mức độ an toàn, không xảy ra trường hợp /sự kiện rủi ro tín dụng này.

QUẢN LÝ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro lãi suất

Danh mục tiền gửi và trái phiếu của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con chịu ảnh hưởng của biến động lãi suất. Lãi suất thay đổi có thể ảnh hưởng đến giá trị hợp lý của danh mục đầu tư (tiền gửi và trái phiếu), thu nhập lãi và việc tái đầu tư. Ngoài ra, rủi ro lãi suất còn ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong việc đưa ra biện pháp phù hợp như điều chỉnh tỷ lệ lãi suất của sản phẩm nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và quyền lợi của chủ hợp đồng, nhà đầu tư.

Trong năm 2015, lãi suất đã giảm từ 7% xuống 6,5% đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm, và từ 6,1% xuống 5,6% đối với các kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng và từ 5,1% xuống 4,75% đối với các kỳ hạn dưới 3 tháng.

Lãi suất bình quân các ngân hàng trên thị trường

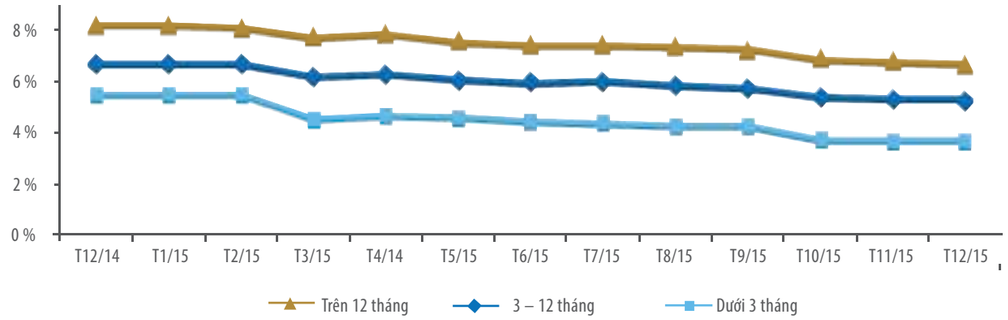

Ghi chú: (*) Bình quân lãi suất tiền gửi thị trường 1 của 22 ngân hàng Việt Nam được cung cấp trên Website của các Ngân hàng.

Năm 2015, rủi ro này được đánh giá là có ảnh hưởng không đáng kể đến Tập đoàn Bảo Việt.

Hiện tại, Tập đoàn sử dụng các thước đo Duration và PVO1 để đánh giá độ nhạy của danh mục tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu đối với lãi suất. Trong năm 2015, PVO1 và Duration của danh mục trái phiếu tăng do quy mô danh mục và kỳ hạn trái phiếu tăng, đồng thời lãi suất giảm cũng làm PVO1 và Duration tăng lên.

PV01 toàn danh mục đầu tư lãi suất cố định

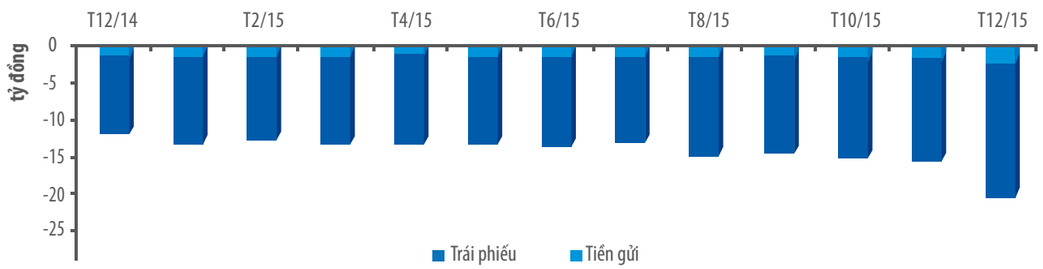

Tập đoàn Bảo Việt thường xuyên rà soát và lựa chọn kỳ hạn tái đầu tư hợp lý để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất trong khi vẫn đảm bảo mục tiêu lợi nhuận.

Đối với các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, rủi ro lãi suất liên quan đến các sản phẩm bảo hiểm truyền thống và có thể được giảm thiểu thông qua việc chia sẻ thu nhập với người tham gia bảo hiểm theo cơ chế các hợp đồng có cấu phần không đảm bảo.

Rủi ro giá cổ phiếu

Danh mục đầu tư cổ phiếu toàn Tập đoàn bao gồm các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Danh mục các cổ phiếu niêm yết chịu ảnh hưởng trực tiếp của biến động giá. Danh mục cổ phiếu chưa niêm yết có thể thay đổi bất lợi nếu điều kiện thị trường và tình hình tài chính của doanh nghiệp xấu đi. Danh mục cổ phiếu của Tập đoàn được đầu tư đa dạng hóa theo các ngành, lĩnh vực khác nhau và tỷ trọng đầu tư cổ phiếu giữ ở mức tương đối thấp trong toàn danh mục đầu tư.

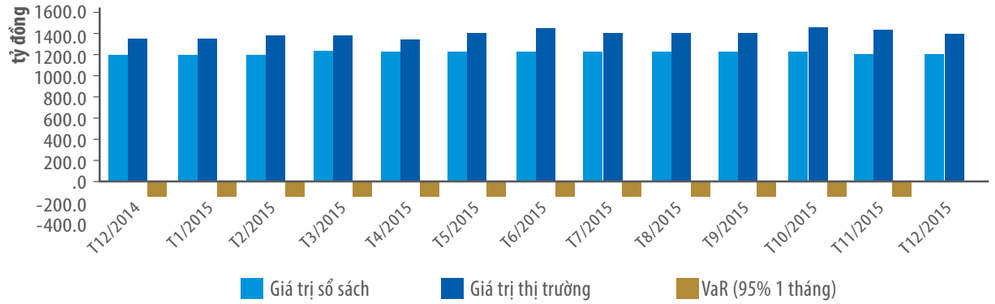

Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con sử dụng thước đo Giá trị rủi ro ("VaR") để giám sát và giới hạn rủi ro cổ phiếu niêm yết. Thước đo VaR dùng để ước tính tổn thất tối đa có thể xảy ra khi có những biến động bất lợi trong khoảng thời gian nhất định (1 ngày, 1 tuần, 1 tháng), với mức độ tin cậy cho trước (95%).

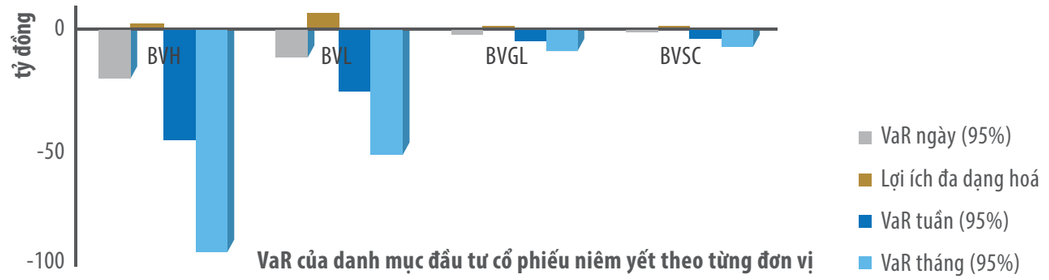

VaR của danh mục đầu tư cổ phiếu niêm yết theo từng đơn vị

Ngoài ra, Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con sử dụng phương pháp phân tích kịch bản "stress-testing" để đánh giá những ảnh hưởng đối với danh mục đầu tư trong các điều kiện thị trường khác nhau. Các kịch bản này được cập nhật và theo dõi thông qua Báo cáo rủi ro hàng tháng.

Đối với danh mục cổ phiếu chưa niêm yết, cùng với việc cập nhật giá thị trường của cổ phiếu (nếu có), Tập đoàn sử dụng phương pháp phân tích cơ bản, theo dõi, giám sát tình hình tài chính và phi tài chính của các công ty Tập đoàn góp vốn đầu tư thông qua những người đại diện phần vốn góp của Tập đoàn tại các công ty đó. Các thông tin liên quan đến các công ty trong danh mục cổ phiếu chưa niêm yết sẽ được cập nhật trong Báo cáo rủi ro hàng tháng, là cơ sở giúp Ban lãnh đạo ra các quyết định kịp thời.

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro thiệt hại về tài chính do biến động của tỷ giá ngoại tệ. Biến động tỷ giá giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con. Đơn vị chịu rủi ro ngoại tệ chủ yếu là BHBV, tuy nhiên mức độ chịu ảnh hưởng không đáng kể.

Trong danh mục nợ của BHBV, một phần công nợ tái bảo hiểm được quy đổi và chốt theo đồng đô la Mỹ. Hình thức thanh toán được áp dụng chủ yếu là thanh toán bù trừ và chỉ thực chi phần chênh lệch. Năm 2015, tỷ giá giữa đồng đô la Mỹ và đồng Việt Nam có những thời điểm biến động khá cao tuy nhiên mức độ ảnh hưởng không đáng kể vì BHBV luôn có đủ một nguồn dự trữ ngoại tệ.

QUẢN LÝ RỦI RO DANH TIẾNG

Rủi ro danh tiếng là hình thức rủi ro chủ yếu do khủng hoảng truyền thông liên quan đến chất lượng và uy tín của doanh nghiệp.

Rủi ro danh tiếng của Bảo Việt có thể phát sinh khi các phương tiện thông tin đại chúng đưa các thông tin bất lợi cho Tập đoàn hoặc các sản phẩm dịch vụ của Bảo Việt chưa đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng, nhà đầu tư...

- Rủi ro này trong năm 2015 đã được kiểm soát tốt, cần được tiếp tục giám sát và quản lý thường xuyên;
- Đào tạo nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết về tầm quan trọng của quản trị danh tiếng.
- Tăng cường quản trị thương hiệu, xây dựng quy trình ứng phó với những rủi ro có thể xảy ra với thương hiệu Bảo Việt.
- Xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu hợp lý cùng với kế hoạch ứng phó rủi ro đầy đủ nhất cho các tình huống có thể xảy ra...

QUẢN LÝ RỦI RO CHIẾN LƯỢC

Rủi ro chiến lược chủ yếu được nhận diện với hai loại chính:

- Rủi ro không đạt được mục tiêu chiến lược: rủi ro chủ yếu do kế hoạch kinh doanh xây dựng hàng năm có thể chưa gắn kết với các mục tiêu chiến lược đã đặt ra.
- Rủi ro chiến lược không phù hợp: Khi xây dựng chiến lược chưa dự báo hết được các yếu tố chủ quan, khách quan hoặc chiến lược không được rà soát thường xuyên để điều chỉnh thích ứng với các thay đổi của môi trường kinh doanh.

Để quản lý hiệu quả rủi ro chiến lược, Tập đoàn Bảo Việt đã thường xuyên giám sát, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu chiến lược; tăng cường công tác nghiên cứu chiến lược, rà soát và cập nhật thường xuyên các yếu tố vĩ mô tác động đến việc thực hiện chiến lược phát triển của Tập đoàn và kịp thời đề xuất điều chỉnh phù hợp; xác định rõ các mục tiêu, chính sách, phân bổ nguồn lực hợp lý và phương châm hành động thiết thực nhằm đạt được mục tiêu dài hạn, đồng thời phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu, vượt qua những thách thức và đón nhận những cơ hội mới.

QUẢN LÝ RỦI RO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu quản lý rủi ro phát triển bền vững của Tập đoàn Bảo Việt là duy trì và phát triển doanh nghiệp gắn với hoạt động bảo vệ môi trường và đóng góp xây dựng cộng đồng, xã hội.

Năm 2015, Bảo Việt đã chú trọng quản lý rủi ro phát triển bền vững trên ba khía cạnh:

Các tác động ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững trong hệ thống Bảo Việt

Chiến lược phát triển bền vững: Chúng tôi xây dựng và tích hợp tầm nhìn về phát triển bền vững của Tập đoàn vào chiến lược kinh doanh, đảm bảo mục tiêu lợi nhuận của doanh nghiệp, cổ tức cho các cổ đông và mục tiêu phát triển bền vững.

Báo cáo tài chính và báo cáo quản trị: Chúng tôi xây dựng các cơ chế cung cấp thông tin phi tài chính và tài chính nhằm tăng cường tính minh bạch của các thông tin cung cấp cho các bên liên quan, thiết lập hình ảnh tích cực về doanh nghiệp trong mắt các nhà đầu tư và công chúng. Ngoài ra, thông tin phục vụ quản trị của các phòng ban luôn được thông suốt, đảm bảo các thông tin hoạt động, thông tin tài chính được báo cáo tới Lãnh đạo Tập đoàn kịp thời, chính xác.

Tuân thủ và kiểm soát nội bộ: Cùng với hệ thống kiểm soát nội bộ, việc đánh giá các rủi ro tuân thủ giúp Bảo Việt thực hiện chiến lược phát triển bền vững trong từng lĩnh vực kinh doanh của Bảo Việt và xuyên suốt trong toàn hệ thống. Chúng tôi đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, các quy định nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt, các quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động của Tập đoàn như lương thưởng và các chính sách nhân sự. Mặt khác, Bảo Việt luôn tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin, đặc biệt là nghĩa vụ đối với các công ty đại chúng nhằm tạo niềm tin của nhà đầu tư vào một thị trường minh bạch. Thông tin chính xác, kịp thời không chỉ mang ý nghĩa với thị trường, các nhà đầu tư mà còn giúp cho các doanh nghiệp có cơ hội tạo dựng, nâng cao uy tín của mình và hướng đến sự phát triển bền vững.

Bảo mật thông tin: Trong quá trình giao dịch với khách hàng, Tập đoàn Bảo Việt và các Đơn vị thành viên có được rất nhiều thông tin khách hàng, đó là những thông tin liên quan đến quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, tình hình tài chính hay những thông tin cá nhân của khách hàng… Những thông tin này nhạy cảm, cần phải được bảo vệ để không bị khai thác, sử dụng trái phép. Việc không giữ bí mật thông tin khách hàng thường sẽ làm mất niềm tin của khách hàng, giảm uy tín của Bảo Việt. Ý thức được tầm quan trọng của việc bảo mật thông tin cho Bảo Việt và khách hàng, chúng tôi đã áp dụng các biện pháp chống thất thoát dữ liệu và an toàn hệ thống nhằm hỗ trợ sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.

Tập đoàn Bảo Việt đã đầu tư xây dựng Hệ thống quản lý an toàn thông tin nhằm đảm bảo tính bí mật (confidentiality), tính toàn vẹn (integrity) và tính sẵn sàng (availability) đối với tài sản thông tin của Tập đoàn và các Công ty con. Năm 2015, Trung tâm Công nghệ thông tin Bảo Việt đã thực hiện chuyển đổi Hệ thống quản lý an toàn thông tin từ phiên bản năm 2005 (cấu trúc tiêu chuẩn phiên bản cũ bao gồm 11 lĩnh vực liên quan) lên phiên bản năm 2013 (cấu trúc tiêu chuẩn phiên bản mới bao gồm 14 lĩnh vực liên quan). Việc đạt được chứng nhận theo ISO 27001:2013 đã góp phần làm cho hệ thống công nghệ thông tin được an toàn hơn, bảo mật hơn giúp cho hệ thống được vận hành liên tục cũng như giảm thiểu các rủi ro về việc thất thoát dữ liệu. Kết quả trên đã giúp tăng cường sự tin cậy của các khách hàng và nâng cao hình ảnh của Tập đoàn.

Các tác động của môi trường, xã hội đối với Bảo Việt

Bảo Việt là Tập đoàn kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính. Do vậy, các rủi ro từ môi trường xã hội có tác động trực tiếp đến các nghiệp vụ kinh doanh của Bảo Việt, đặc biệt là nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm. Mục tiêu quản lý rủi ro bảo hiểm của Bảo Việt là kiểm soát được quy mô và mức độ tổn thất phát sinh từ các rủi ro bảo hiểm và đảm bảo rằng, với mức chi phí hợp lý, kết quả sẽ thu được lợi nhuận từ hoạt động bảo hiểm.

Sự biến đổi khí hậu kèm theo hiện tượng ấm lên toàn cầu là một trong những nguyên nhân gây ra thiên tai, lũ lụt, ảnh hưởng trực tiếp lên tỷ lệ bồi thường của các doanh nghiệp bảo hiểm. Bảo Việt sử dụng mô hình đánh giá rủi ro thiên tai (Catastrope modeling - CAT modeling) nhằm quản lý hiệu quả những rủi ro không xảy ra thường xuyên nhưng có sức tàn phá mạnh do thiên tai. Mô hình này sử dụng các kiến thức khoa học về những hiểm họa để ước tính tổn thất tài chính do các sự kiện có thể xảy ra trong khu vực nghiên cứu. Kết quả này cho phép Bảo Việt xác định mức tái bảo hiểm cần mua phù hợp với mức độ tổn thất với xác suất nhất định.

Các tác động từ hoạt động kinh doanh của Bảo Việt đối với môi trường, xã hội

Mục tiêu quản lý rủi ro phát triển bền vững là giảm thiểu tác động của Bảo Việt đến môi trường và xã hội. Bảo Việt chú trọng xử lý các tác động môi trường của từng quá trình kinh doanh riêng lẻ và sau đó tìm cách để giảm thiểu chúng. Việc xác định các tác động (trực

tiếp và gián tiếp) từ hoạt động kinh doanh của Bảo Việt đến môi trường, xã hội giúp Bảo Việt giảm thiểu được các rủi ro có thể phát sinh từ hai yếu tố này, từ đó góp phần hiện thực hóa chiến lược phát triển bền vững và đảm bảo lợi ích lâu dài cho nhà đầu tư, khách hàng, người lao động và cộng đồng.

Bảo Việt không tham gia trực tiếp vào các hoạt động sản xuất, do vậy chúng tôi đánh giá tác động từ hoạt động của Bảo Việt đối với môi trường, xã hội là rất nhỏ, chủ yếu tập trung vào các tác động gián tiếp từ chuỗi giá trị của Bảo Việt (bao gồm các nhà cung cấp, cung ứng đầu vào và các dự án đầu tư của Bảo Việt).

Quản lý rủi ro trong chuỗi giá trị:

Thực hiện đánh giá các rủi ro liên quan đến môi trường và xã hội của nhà cung cấp: Bảo Việt xây dựng các tiêu chí đánh giá chất lượng nhà cung cấp dựa trên việc đánh giá các rủi ro có thể liên quan đến vấn đề quản trị, môi trường và xã hội của nhà cung cấp. Tùy thuộc vào loại hình dịch vụ hoặc sản phẩm của nhà cung cấp mà các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp (ESG) được chúng tôi đánh giá theo tỷ trọng khác nhau. Mục tiêu của việc đánh giá này là giảm thiểu các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình hợp tác với các đơn vị cung ứng; đồng thời hạn chế các tác động gián tiếp của Bảo Việt lên môi trường, xã hội từ việc sử dụng các nguồn cung ứng đầu vào. Khi lựa chọn đối tác, Bảo Việt luôn lựa chọn những nhà cung ứng có ý thức về bảo vệ môi trường, đảm bảo quyền lợi cho người lao động, có đạo đức kinh doanh. Việc đánh giá các rủi ro liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị trong chuỗi cung ứng không chỉ quan trọng với Bảo Việt mà còn với nhà đầu tư và khách hàng. Việc lồng ghép hoạt động quản lý rủi ro bền vững trong các quyết định mua sắm giúp Bảo Việt bám sát các mục tiêu phát triển bền vững hơn, đặc biệt đối với các vấn đề về môi trường.

Thực hiện đánh giá các rủi ro trong các dự án đầu tư: Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính, do vậy việc đảm bảo tính bền vững trong các dự án đầu tư của Bảo Việt đóng vai trò rất quan trọng. Việc đánh giá và xử lý các rủi ro của dự án đầu tư giúp cho Bảo Việt nhìn nhận và giảm thiểu những rủi ro tiềm ẩn có thể gây ra các tác động tiêu cực đối với môi trường và xã hội. Chúng tôi không chỉ quan tâm đến các giá trị kinh tế của dự án, những lợi ích lâu dài mà dự án đem lại cho cộng đồng, khu vực dân cư cũng là tiêu chí quan trọng để đánh giá tổng thể hiệu quả mà dự án mang lại.

Thực hiện đánh giá các rủi ro đối với khách hàng tham gia bảo hiểm: Tập đoàn Bảo Việt và các Đơn vị thành viên chú trọng đánh giá tiêu chí bền vững khi cấp đơn bảo hiểm cho khách hàng doanh nghiệp. Với các khách hàng thuộc khối sản xuất và thương mại, Bảo Việt quan tâm tới khía cạnh hoạt động kinh doanh của khách hàng phải đảm bảo an toàn đối với môi trường, xã hội trong quá trình hoạt động. Các khía cạnh được cân nhắc bao gồm xả rác thải ra môi trường, làm ô nhiễm nguồn nước và xả lượng lớn khí carbon dioxit (CO_2). Bảo Việt sẽ từ chối bảo hiểm cho những doanh nghiệp không đáp ứng được tiêu chí bảo vệ môi trường và xã hội.

Quản lý rủi ro trong hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt đối với môi trường và xã hội, bao gồm các tác động từ hoạt động khai thác, sử dụng các trụ sở, văn phòng làm việc của Bảo Việt. Thông qua việc theo dõi các tác động môi trường từ hoạt động xả thải và tiêu thụ năng lượng tại các đơn vị, Bảo Việt đã thực hiện các biện pháp phù hợp nhằm tiết giảm chi phí hoạt động và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường, xã hội và cộng đồng.

Chúng tôi đặt mục tiêu giảm tác động tiêu cực đối với môi trường hàng năm qua các dự án truyền thông nội bộ như sử dụng tiết kiệm điện, tiết kiệm nước, tiết kiệm và tái sử dụng giấy, hạn chế sử dụng bao bì ni-lon và thay thế bằng các loại vật liệu tái chế, thân thiện với môi trường, đồng thời tiến tới sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng hoặc thiết bị sử dụng năng lượng tái tạo. Những dự án này không những nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống mà còn giảm thiểu đáng kể các tác động đối với môi trường và xã hội.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục tăng cường hệ thống quản lý rủi ro doanh nghiệp thông qua các giải pháp trọng tâm sau:

- Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý quản lý rủi ro tại Tập đoàn Bảo Việt và các Đơn vị thành viên.
- Sử dụng phương pháp định tính và định lượng để xác định, đánh giá rủi ro, nâng cao khả năng quản lý rủi ro tổng thể, hỗ trợ hiệu quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính.
- Tăng cường hệ thống công nghệ thông tin, tiếp tục triển khai các biện pháp an ninh, bảo mật và tính an toàn của hệ thống, nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.
- Tăng cường quản lý rủi ro để nâng cao hiệu quả kinh doanh, duy trì tốc độ tăng trưởng tích cực, ổn định, đảm bảo phát triển bền vững.

Năm 2016 là năm bản lề cho giai đoạn trung hạn tiếp theo thực hiện chiến lược phát triển 2016-2020. Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục rà soát, hoan thiện sản phẩm bảo hiểm gắn kết với các chính sách an sinh xã hội của Nhà nước như bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm tài sản công, bảo hiểm thiên tai, bảo hiểm công trình quy mô lớn, phức tạp; bảo hiểm công nghệ cao, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, bảo hiểm trách nhiệm hàng hóa xuất khẩu, bảo hiểm ô nhiễm môi trường. Đồng thời, phát triển, đa dạng hóa sản phẩm và kênh phân phối, tiếp tục mở rộng dịch vụ khách hàng, tăng cường quản lý rủi ro để nâng cao hiệu quả kinh doanh, duy trì tốc độ tăng trưởng tích cực, đảm bảo phát triển bền vững.

PHÁP CHẾ VÀ TUÂN THỦ

Công tác pháp chế và tuân thủ tại Tập đoàn Bảo Việt được triển khai thực hiện ngay sau khi cổ phần hóa Tổng Công ty Bảo Hiểm Việt Nam vào năm 2007. Pháp chế và tuân thủ là một cấu phần quan trọng giúp tối ưu hóa hệ thống kiểm soát nội bộ thông qua việc xây dựng và thực thi các cơ chế để doanh nghiệp có thể kiểm soát các nguy cơ phát sinh rủi ro trong quá trình tổ chức, điều hành mọi mặt hoạt động của doanh nghiệp. Do đó, công tác pháp chế và tuân thủ tại Bảo Việt hướng đến mục tiêu kiểm soát tuân thủ toàn hệ thống Tập đoàn và Công ty con thông qua việc triển khai xây dựng cơ chế và kế hoạch kiểm soát tuân thủ tiệm cận các chuẩn mực quốc tế về quản trị và giám sát tuân thủ.

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Căn cứ Quyết định số 432/2015/QĐ-HĐQT ngày 02/4/2015 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt về việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức Tập đoàn Bảo Việt; Quyết định số 881/2015/QĐ-TĐBV ngày 19/6/2015 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Khối Quản lý Hoạt động và các Ban thuộc Khối Quản lý Hoạt động, theo đó giao chức năng, nhiệm vụ về công tác pháp chế và tuân thủ cho Khối Quản lý Hoạt động, Ban Pháp chế và Tuân thủ với các chức năng, nhiệm vụ chủ yếu sau:

Tham mưu, tư vấn về công tác pháp chế cho Lãnh đạo Tập đoàn, Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động, các Khối/Trung tâm/Đơn vị phụ thuộc trong Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt trong quá trình tổ chức, điều hành mọi mặt hoạt động của Tập đoàn và trong hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tập đoàn.

Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, các quy định nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt, đồng thời báo cáo, khuyến nghị, đề xuất thường xuyên, định kỳ và đột xuất đến Lãnh đạo Tập đoàn, Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động, các Khối/Trung tâm, Công ty Con và các đơn vị thành viên khác thuộc Tập đoàn Bảo Việt về những nguy cơ có thể xảy ra vi phạm trong quá trình tổ chức và hoạt động để hạn chế các rủi ro pháp lý, thiệt hại.

CÔNG TÁC PHÁP CHẾ VÀ TUÂN THỦ NĂM 2015

Với chức năng, nhiệm vụ như trên, trong năm 2015, Ban Pháp chế và Tuân thủ, Khối Quản lý Hoạt động đã hoàn thành các nhiệm vụ pháp chế, tuân thủ chính như sau:

Là đầu mối công tác văn bản với việc tham gia dự thảo hoặc thẩm định pháp lý khoảng gần 60 văn bản, trong đó có gần 29 văn bản quan trọng như Điều lệ Tập đoàn, Quy chế Quản trị, Điều lệ Công ty con, các quy chế, quy định khác… và 27 quy trình ISO điều chỉnh quá trình tác nghiệp của các nghiệp vụ quan trọng trong Tập đoàn, góp phần hoàn thiện hành lang "pháp lý" về quản trị, điều hành và tác nghiệp cho Tập đoàn . Tập đoàn Bảo Việt đã được cấp chứng chỉ ISO 9001 - 2015, Chứng chỉ thực hành 5S…

Thực hiện tư vấn cho lãnh đạo Tập đoàn, các Khối/Trung tâm/Ban nhiều vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình quản lý, điều hành, kinh doanh của Tập đoàn.

Phối hợp với các Khối/Ban liên quan nhằm nâng cao hiệu quả giám sát: Ban Pháp chế và Tuân thủ, Khối Quản lý Hoạt động đã phối hợp với Khối Kiểm toán nội bộ xây dựng thành công Quy chế phối hợp trong các lĩnh vực pháp chế, tuân thủ, quản lý rủi ro và kiểm toán nội bộ, tạo hành lang pháp lý cho việc triển khai phối hợp công tác trong năm 2015, 2016 và các năm tiếp theo.

Trong công tác tuân thủ, Ban Pháp chế Tuân thủ, Khối Quản lý Hoạt động đã chủ động phối hợp với các đơn

vị trong Tập đoàn thực hiện việc dự thảo Quy chế tuân thủ và trình Hội đồng quản trị Tập đoàn xem xét ban hành để làm cơ cở cho việc triển khai công tác tuân thủ tại Tập đoàn và các Công ty con; Ban hành được Bộ Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp làm cơ sở đầu tiên cho việc truyền thông, đào tạo và áp dụng các quy định về ứng xử, đạo đức nghề nghiệp trong Tập đoàn; Ban hành Sổ tay văn hóa làm cơ sở cho việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa ứng xử của cán bộ, nhân viên Tập đoàn; Tiên phong tổ chức lớp đào tạo ISO 19600 (Tiêu chuẩn về tuân thủ mới nhất của Tổ chức chứng nhận Quốc tế) cho các cán bộ, nhân viên có liên quan của Tập đoàn.

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2016

Trong năm 2016, công tác pháp chế và tuân thủ của Tập đoàn Bảo Việt sẽ tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Phát huy vai trò dẫn dắt trong việc nghiên cứu các quy định, chính sách mới để từ đó tư vấn cho lãnh đạo Tập đoàn, các Khối, Trung tâm, Ban trước các vấn đề phát sinh;
- Tham gia đào tạo kiến thức pháp lý, nội dung của các luật mới, có ảnh hưởng đến Tập đoàn cho các cán bộ, nhân viên có liên quan; tham gia sâu hơn vào các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn một cách chuyên nghiệp, hiệu quả hơn nữa.
- Hoàn thành việc trình ban hành Quy chế tuân thủ của Tập đoàn, xây dựng Sổ tay tuân thủ để áp dụng tại Tập đoàn và tham gia vào việc đóng góp xây dựng Quy chế tuân thủ/Sổ tay tuân thủ tại Công ty con.
- Từng bước triển khai việc xây dựng cơ chế và kế hoạch kiểm soát tuân thủ cụ thể, hướng đến mục tiêu kiểm soát tuân thủ toàn hệ thống Tập đoàn và Công ty con theo đúng các chuẩn mực về quản trị tuân thủ của thế giới trong những năm sắp tới.

05

LAN TỎA GIÁ TRỊ

THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

- CÁC ẢNH HƯỞNG TỪ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TỚI BẢO VIỆT
- CÁC KẾT QUẢ CHÍNH TRONG NĂM 2015
- THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI
- GẮN KẾT MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG

LAN TỎA GIÁ TRỊ

Từ các giá trị được kiến tạo trong quá trình hoạt động, Bảo Việt hiểu rằng cần phải đóng góp cho môi trường và xã hội để bồi đắp nên những giá trị bền vững trong dài hạn. Các giá trị khi được sẻ chia, lan tỏa trong cộng đồng sẽ tạo ra những giá trị mới, to lớn và bền vững hơn. Các giá trị này sẽ góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội, từ đó giúp doanh nghiệp phát triển vững bền và tiếp tục kiến tạo nên những giá trị mới.

LAN TỎA GIÁ TRỊ

BÁO CÁO ĐƯỢC ĐẢM BẢO BỞI PWC VIỆT NAM

Năm 2015, Bảo Việt lần đầu tiên triển khai dịch vụ bảo đảm cho báo cáo phát triển bền vững. Năm (05) chỉ tiêu được lựa chọn kiểm toán nằm trong các lĩnh vực trọng yếu mà Bảo Việt đã đầu tư thực hiện trong năm.

05 chỉ tiêu bao hàm các vấn đề về đóng góp gián tiếp về kinh tế, trách nhiệm của nhà cung cấp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, và các kiểm soát về tiêu thụ năng lượng.

Thông tin chi tiết xem tại bản đầy đủ của Báo cáo Phát triển Bền vững Bảo Việt 2015.

Hội nghị Thượng đỉnh Liên Hiệp Quốc COP21 về chống biến đổi khí hậu diễn ra tại Paris (Pháp), tháng 12/2015 đã trở thành dấu mốc quan trọng của lịch sử thế giới khi Bản thỏa thuận chống biến đổi khí hậu toàn cầu đã được chính thức thông qua.Việt Nam cùng hơn 190 quốc gia khác đã cam kết cắt giảm lượng phát thải khí carbon với mục tiêu giữ mức tăng nhiệt độ toàn cầu trong thế kỷ này dưới 2°C, tiến tới giảm xuống còn 1,5 độ C so với thời kỳ tiền công nghiệp trong tương lai. Tại Hội nghị, Việt Nam đã cam kết giảm 8% lượng phát thải khí nhà kính vào năm 2030. Cam kết thể hiện sự quyết tâm và chung tay cùng cộng đồng quốc tế xây dựng một tương lai bền vững và ổn định hơn.

Bảo Việt mong muốn cùng góp sức vì mục tiêu chung của quốc gia, biến cam kết thành các hành động cụ thể. Chúng tôi đã và đang hoàn thiện các chỉ tiêu nhằm kiểm soát, đo lường lượng năng lượng tiêu thụ và xây dựng các biện pháp tiết giảm phù hợp tại các văn phòng, trụ sở làm việc. Năm 2015, Bảo Việt đã gắn kết yếu tố bền vững trong quy trình lựa chọn đánh giá nhà thầu, áp dụng các nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm trong quá trình đầu tư góp vốn, chuẩn mực hóa các quy tắc ứng xử và văn hóa doanh nghiệp… với mục tiêu xây dựng chuỗi giá trị bền vững từ bên trong và lan tỏa đến các doanh nghiệp, tổ chức và các bên liên quan trong mạng lưới hoạt động.

Việc xây dựng một tương lai bền vững cho Việt Nam nói riêng và cho toàn thế giới nói chung đòi hỏi sự tham gia của cả cộng đồng bao gồm các cá nhân và tổ chức. Mỗi chúng ta đều giữ vai trò quan trọng trong việc hiện thực hóa mục tiêu này. Hãy cũng nhau lan tỏa những giá trị của niềm tin về một thế giới tốt đẹp hơn, của tinh thần quyết tâm hành động để hiện thực hóa cam kết của Việt Nam, vì cuộc sống khỏe mạnh hơn, tốt đẹp hơn cho chính chúng ta và thế hệ tương lai.

CÁC ẢNH HƯỞNG TỪ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TỚI BẢO VIỆT

"Trong xu hướng phát triển bền vững, Bảo Việt nhìn nhận một số rủi ro và thách thức có thể tác động tới hoạt động của Bảo Việt. Các thách thức và rủi ro này được đánh giá theo mức độ ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Bảo Việt và lợi ích của các bên liên quan"

THÁCH THỨC TỪ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

"Việt Nam không phải là nước phát thải nhiều, nhưng nếu mực nước biển dâng thêm 1m, 40% diện tích của đồng bằng sông Cửu Long, vựa lúa lớn nhất nước, sẽ bị nhấn chìm" – Ông Phạm Bình Minh, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam phát biểu tại hội nghị thượng đỉnh Khí hậu do Liên Hợp quốc tổ chức tại New York.

Theo báo cáo của Liên Hợp quốc, nguyên nhân của hiện tượng biến đổi khí hậu 90% là do con người gây ra, 10% là do tự nhiên. Những tác động từ biến đổi khí hậu đã khiến nhiệt độ toàn cầu tăng từ 2-5°C trong thế kỷ 21 kèm theo hậu quả tiêu cực cho con người và môi trường.

Hội nghị COP21 về phòng chống biến đổi khí hậu diễn ra tại Paris vừa qua có sự tham gia của 196 quốc gia. Việt Nam - một trong những nước sẽ chịu ảnh hưởng nặng nề bởi biến đổi khí hậu - đã cam kết cắt giảm 8% lượng khí thải nhà kính vào năm 2030.

Tổng thiệt hại kinh tế của nước ta trong thời gian qua do ô nhiễm môi trường gây ra tối thiểu từ 1,5% - 3% GDP: Những thiệt hại của biến đổi khí hậu lên nền kinh tế của quốc gia gây ra rủi ro cho hoạt động kinh doanh của Bảo Việt xét ở khía cạnh thu nhập của người dân giảm và các ưu tiên dành cho bảo hiểm có thể được thay thế cho những nguy cơ khác cấp bách hơn của khách hàng nhằm phục vụ cho các mục tiêu ngắn hạn.

Biến đổi khí hậu gây ngập úng và nhiễm mặn, gây rủi ro cho bảo hiểm nông nghiệp và thủy sản:

Lượng mưa tăng lên cùng với mức nước biển dâng gây ra hiện tượng ngập úng và nhiễm mặn tại các vùng, đặc biệt là các vùng như Đồng bằng Sông Cửu Long. Việc này ảnh hưởng đến canh tác nông nghiệp của bà con khi cây trồng bị ngập úng; sản lượng từ nuôi trồng thủy sản bị giảm sút do nhiễm mặn…Những thiệt hại này là nguy cơ lớn ảnh hướng đến sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp và bảo hiểm thủy sản của Bảo Việt.

Thiên tai lũ lụt gia tăng: Thiên tai lũ lụt với những cơn bão mạnh hơn nhiều lần gây ra thiệt hại tài sản và con người. Trung bình mỗi năm Việt Nam có 392 người chết và thiệt hại hơn 1% GDP do các thảm họa liên quan đến biến đổi khí hậu. Các rủi ro về con người, tài sản cũng ảnh hưởng tới Bảo Việt với các chi phí bồi thường gia tăng.

Hạn hán kéo dài làm gia tăng nguy cơ cháy nổ: Nắng nóng gay gắt với nền nhiệt cao kỷ lục ở Bắc Bộ đến Nam Trung Bộ khiến hơn 190.000 ha bị hạn hán và hơn 44.000 gia súc, gia cầm bị chết. Hạn hán kéo dài làm gia tăng các nguy cơ cháy rừng, cháy nổ các nhà máy. Đây cũng là rủi ro cho Bảo Việt khi thực hiện bảo hiểm về lâm nghiệp hay các bảo hiểm nhà xưởng cho doanh nghiệp.

Bệnh tật và sức khỏe con người bị suy giảm: Biến đổi khí hậu tác động gián tiếp lên sức khỏe con người thông qua nguồn gây bệnh, làm tăng khả năng bùng phát và lan truyền các bệnh dịch, gây ra các rủi ro từ gói bảo hiểm y tế và bảo hiểm sức khỏe của Bảo Việt.

Theo kịch bản biến đổi khí hậu vào cuối thế kỷ này (năm 2100), nhiệt độ trung bình của nước ta sẽ tăng từ 2-3 độ C, 10% dân số của Việt Nam sẽ chịu tác động trực tiếp từ biến đổi khí hậu, thiệt hại hàng năm khoảng 9% GDP. Với hơn 130 sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ cung cấp cho 17 triệu khách hàng trên toàn quốc, Bảo Việt đối diện với các thách thức từ biến đổi khí hậu gây ra cho sức khỏe con người, thiệt hại tài sản của cá nhân và doanh nghiệp.

Việc thích nghi và ứng phó với biến đổi khí hậu là vấn đề cấp bách mang tính toàn cầu. Để làm được điều này cần sự quyết tâm của Chính phủ, sự hỗ trợ của quốc tế và đặc biệt là sự chung tay của cộng đồng doanh nghiệp trong việc đẩy mạnh sử dụng nguồn năng lượng xanh, thay thế cho nhiên liệu hóa thạch. Bảo Việt nhìn nhận rõ trách nhiệm của mình trong việc chung tay bảo vệ môi trường.

NẮM BẮT CƠ HỘI TỪ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nâng cao vị thế và uy tín của Bảo Việt trên thị trường với trách nhiệm của doanh nghiệp với sự phát triển chung của cộng đồng cũng như góp phần xây dựng thương hiệu của Bảo Việt trên thị trường đầu tư thông qua việc thực hiện Báo cáo phát triển bền vững.

Các yếu tố nhân khẩu học với dân số trẻ, lực lượng lao động lớn, cơ cấu dân số vàng, tỉ lệ đô thị hóa và tầng lớp trung lưu gia tăng nhanh chóng, dự báo sẽ đem lại cơ hội rất lớn cho lĩnh vực dịch vụ tài chính bán lẻ, đặc biệt là ngành bảo hiểm. Trong khi đó, mật độ bảo hiểm cũng như tỉ lệ thâm nhập bảo hiểm ở Việt Nam khá thấp so với mức trung bình các nước trong khu vực. Đây sẽ là cơ hội dành cho các tổ chức tài chính quy mô lớn như Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt, với khả năng cung cấp nhiều sản phẩm, dịch vụ tích hợp với nhau, sẽ có nhiều lợi thế trong khai thác tiềm năng thị trường, đặc biệt là thị trường bán lẻ.

Thay đổi hành vi tiêu dùng của khách hàng: Cùng với sự mở cửa nền kinh tế, sự hội nhập văn hóa cũng đang diễn ra trên diện rộng, người dân có nhiều cơ hội tiếp xúc với tư tưởng tiến bộ từ các nước phát triển. Điều này dẫn tới sự thay đổi trong hành vi tiêu dùng của khách hàng, họ ngày càng yêu cầu khắt khe, đa dạng hơn với sản phẩm dịch vụ, đòi hỏi doanh nghiệp phải nghiên cứu kỹ thị trường, tạo ra các sản phẩm tích hợp để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của tầng lớp dân cư, đặc biệt là tầng lớp trung lưu ngày một gia tăng nhanh chóng.

Phát triển bền vững ngày càng được chú ý hơn: Là cơ hội để Bảo Việt xây dựng chuỗi giá trị bền vững thông qua việc đưa ra các yêu cầu đối với trách nhiệm của nhà cung cấp; xây dựng tiêu chí khi đánh giá các dự án đầu tư với mức độ sâu sát hơn về vấn đề quản trị - xã hội - môi trường.

Kiểm toán báo cáo phát triển bền vững: Tiên phong đi đầu trong việc thực hiện kiểm toán cho báo cáo phát triển bền vững, Bảo Việt đã tiếp cận và trao đổi sâu với các chuyên gia về cách thức thu thập dữ liệu theo những tiêu chí thống nhất. Đây là cơ hội để chúng tôi chuẩn hóa các dữ liệu thu thập và báo cáo trên toàn hệ thống, từ đó có cơ sở để kiểm soát và lượng hóa các chỉ tiêu đo lường một cách rõ ràng, cụ thể và minh bạch hơn.

CON SỐ & SỰ KIỆN

1 Tiên phong thực hiện đảm bảo đối với báo cáo phát triển bền vững năm 2015

Việc thực hiện đảm bảo đối với báo cáo phát triển bền vững thể hiện quyết tâm của Bảo Việt trong việc minh bạch hóa thông tin bao gồm các thông tin tài chính và phi tài chính của doanh nghiệp.

Bảo Việt đã lựa chọn PwC Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập cho Báo cáo năm 2015, theo đó, PwC Việt Nam đã tiến hành rà soát lại báo cáo hiện thời của Bảo Việt dựa trên những thông lệ thực hành tốt nhất nhằm đưa ra các cải thiện hoạt động và cung cấp đảm bảo độc lập đối với các chỉ số hoạt động được lựa chọn trong báo cáo phát triển bền vững của Bảo Việt. Tiêu chuẩn đảm bảo được áp dụng là chuẩn mực ISAE3000 được ban hành bởi Liên đoàn Kế toán Quốc tế (IFAC).

2 Bổ sung các yếu tố bền vững trong quy trình nội bộ và thỏa thuận hợp tác

Năm 2015, Bảo Việt đã bổ sung thêm các yếu tố về Quản trị – Xã hội – Môi trường (ESG) trong các quy trình về đầu tư thẩm định dự án, các thỏa thuận với nhà thầu cũng như các quy định nội bộ và ràng buộc bên ngoài khác liên quan đến vấn đề phát triển bền vững. Đây là mục tiêu của Bảo Việt nhằm từng bước hiện thực hóa và lồng ghép nội dung phát triển bền vững trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Thông qua việc trao đổi, đàm phán với các bên, Bảo Việt đã chia sẻ về các mục tiêu và định hướng về phát triển bền vững với mong muốn các đối tác đồng lòng, vì mục tiêu chung và cùng góp phần xây dựng chuỗi cung ứng bền vững của Bảo Việt.

3 Thành lập nhóm thường trực về phát triển bền vững của Bảo Việt

Năm 2015, Tập đoàn Bảo Việt đã xây dựng nhóm thường trực, phụ trách vấn đề phát triển bền vững của Bảo Việt với các phân công nhiệm vụ cụ thể, chi tiết tới từng phòng ban; gắn kết trong mục tiêu công việc của từng cá nhân.

Các hoạt động chính bao gồm việc gặp gỡ, trao đổi với các bên liên quan; xây dựng các KPIs theo dõi các chỉ tiêu hoạt động liên quan đến xã hội và môi trường; triển khai các hoạt động truyền thông nội bộ và bên ngoài nhằm nâng cao nhận thức về phát triển bền vững; báo cáo định kỳ với Lãnh đạo về tiến độ triển khai thực hiện và đề xuất các sáng kiến, giải pháp nhằm triển khai hiệu quả.

4 Ban hành Bộ Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt

Năm 2015, Bảo Việt đã ban hành Bộ Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp nhằm tăng cường sự minh bạch trong các chính sách quản lý và các nguyên tắc kinh doanh đối với các bên liên quan (bao gồm nội bộ và bên ngoài). Bộ Quy tắc gồm 3 chương và 32 điều với các quy định cụ thể về trách nhiệm giữa cán bộ nhân viên và Bảo Việt trong việc tuân thủ các chuẩn mực đạo đức, chống phân biệt đối xử, bảo mật thông tin, chống hối lộ, phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố…; trách nhiệm của cán bộ nhân viên với đồng nghiệp và trách nhiệm đối với khách hàng, đối tác, nhà cung cấp và các bên liên quan khác.

Đây là nỗ lực của Bảo Việt trong việc triển khai các hoạt động có trách nhiệm, đảm bảo phát triển bền vững thông qua việc công bố những tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng cho toàn thể Lãnh đạo, cán bộ nhân viên Bảo Việt. Đặc biệt, tại điều 28 và 29 – Chương II của Bộ Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp, Bảo Việt đã đề cập cụ thể về trách nhiệm của cá nhân đối với cộng đồng, xã hội và môi trường.

Bộ Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt được công bố rộng rãi trên website của Bảo Việt. Quý vị quan tâm có thể truy cập vào địa chỉ sau:
http://goo.gl/cYX4kr

5

Tích cực tham gia các hoạt động phát triển bền vững: nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp và kiến thức chuyên môn cho cán bộ chuyên trách

Đồng hành cùng Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD) – là thành viên của VBCSD, Bảo Việt tích cực tham gia các chương trình của Hội trong năm. Tại Diễn đàn doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam tổ chức vào tháng 4/2015, với tư cách là một trong những doanh nghiệp tiên phong thị trường, đại diện Bảo Việt đã có buổi chia sẻ kinh nghiệm thực hiện báo cáo phát triển bền vững, những thách thức cũng như quá trình triển khai thực tế của doanh nghiệp. Buổi chia sẻ đã nhận được sự quan tâm của nhiều doanh nghiệp với các phản hồi liên quan đến vấn đề triển khai thực tế tại đơn vị.

GRI Certified Training Program Certificate
NGUYEN THANH HOA (Ms.)
has successfully completed the
GRI Certified SME Training Course
based on G4 reporting Guidelines
provided by PwC Malaysia, PwC Thailand, PwC Indonesia and PwC Vietnam
Held in Ho Chi Minh, Vietnam on 27 August 2015 - 28 August 2015
Amsterdam, 28 August 2015
Ásthildur Hjaltadóttir
Director Services
GRI
Certificate number: TR104623

GRI Certified Training Program Certificate
NGUYEN HONG LIEN (Ms.)
has successfully completed the
GRI Certified SME Training Course
based on G4 reporting Guidelines
provided by PwC Malaysia, PwC Thailand, PwC Indonesia and PwC Vietnam
Held in Ho Chi Minh, Vietnam on 27 August 2015 - 28 August 2015
Amsterdam, 28 August 2015
Ásthildur Hjaltadóttir
Director Services
GRI
Certificate number: TR104623

Doanh nghiệp được cấp chứng chỉ của GRI quốc tế về thực hành Báo cáo phát triển bền vững: Năm 2015, Bảo Việt đã cử cán bộ chuyên trách tham dự khóa đào tạo thực hiện báo cáo theo tiêu chuẩn của Tổ chức Sáng kiến toàn cầu (Global Reporting Initiative – GRI). Khóa học đã giúp Bảo Việt rà soát, đánh giá lại báo cáo phát triển bền vững dựa trên các hướng dẫn đảm bảo chất lượng báo cáo cũng như tối đa hóa các lợi ích từ báo cáo theo tiêu chuẩn GRI.

6

Ra mắt sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện – góp phần xây dựng hệ thống an sinh xã hội tương đối toàn diện, đầy đủ, đa dạng

Trước thực tế số lượng người cao tuổi tăng nhanh tạo ra thách thức và sức ép lớn các vấn đề an sinh xã hội và quỹ bảo hiểm xã hội, Bảo Việt đã đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện nhằm cung cấp giải pháp tài chính giúp khách hàng bổ sung nguồn thu nhập để có thể ổn định và nâng cao mức sống khi đến tuổi nghỉ hưu.

Tháng 11/2015, Bảo Việt Nhân thọ đã ra mắt sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện với tên gọi Bảo hiểm Hưu Trí Vững Nghiệp. Sản phẩm nhằm bổ sung cho bảo hiểm hưu trí bắt buộc, tạo nên một hệ thống an sinh xã hội tương đối toàn diện, đầy đủ, đa dạng, đáp ứng cơ bản nhu cầu bảo hiểm hưu trí của người lao động thuộc mọi thành phần kinh tế. Ngoài ra, thông qua việc huy động nguồn phí bảo hiểm từ người lao động và chủ sử dụng lao động, các doanh nghiệp sẽ tập hợp được nguồn vốn lớn và dài hạn, góp phần thúc đẩy đầu tư, tăng trưởng kinh tế - xã hội.

7

Đóng góp gần 9.000 tỷ đồng cho ngân sách Nhà nước - TOP 50 doanh nghiệp đóng thuế nhiều nhất

Là doanh nghiệp luôn có mặt trong Bảng xếp hạng V1000 trong 6 năm qua, Bảo Việt được Ban tổ chức V1000 vinh danh trong "Top 50 doanh nghiệp thành tựu xuất sắc", bao gồm các doanh nghiệp nộp thuế thu nhập xuất sắc và ổn định, liên tục hiện diện trong top 1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam trong giai đoạn 5 năm 2011-2015.

Nộp thuế nói chung và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp nói riêng không chỉ là việc thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước mà đó cũng là thước đo hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Mặc dù bối cảnh kinh tế vĩ mô và môi trường kinh doanh còn nhiều biến động, Bảo Việt vẫn duy trì vị trí là một trong những doanh nghiệp có đóng góp lớn cho ngân sách Nhà nước trong 5 năm qua (2011-2015).

8

Ưu tiên ngân sách cho hoạt động phát triển giáo dục thông qua việc hợp tác với các trường đại học uy tín, hàng đầu cả nước

Năm 2015 Tập đoàn Bảo Việt đã ký hợp tác với các trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Học viện Tài chính; cam kết trao học bổng cho các em sinh viên có thành tích học tập xuất sắc, sinh viên nghèo vượt khó với tổng giá trị học bổng tài trợ tối đa là 10 tỷ đồng trong giai đoạn 2015-2020. Bên cạnh đó, Bảo Việt cũng đẩy mạnh các chương trình phối hợp với 2 trường đại học trong công tác đào tạo, nghiên cứu nhằm tăng cường các kiến thức về quản trị doanh nghiệp, nghiên cứu các đề tài mang tính ứng dụng cao trong từng lĩnh vực kinh doanh cụ thể, hỗ trợ cho công tác chuyên môn của cán bộ và đóng góp cho chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho Bảo Việt trong dài hạn.

Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ và Đại học FPT đã ký thỏa thuận tài trợ 1 tỷ đồng cho Cuộc thi giải toán trên mạng ViOlympic năm học 2015 - 2016. Đây là năm thứ 2 Bảo Việt Nhân thọ đồng hành cùng chương trình thi toán trên mạng Internet ViOlympic - một chương trình giàu tính cộng đồng, hướng đến sự phát triển niềm đam mê toán học và công nghệ cho lớp trẻ Việt Nam.

CON SỐ & SỰ KIỆN

122.223
giờ đào tạo
cho cán bộ nhân viên

02 Quy trình
quản lý dự án và quy trình đầu tư góp vốn cổ phần được bổ sung thêm tiêu chí đánh giá về xã hội và môi trường

150 tỷ đồng
đầu tư cho cơ sở hạ tầng và điều kiện sống căn bản của bà con hai huyện Pắc Nặm (Bắc Kạn) và Quế Phong (Nghệ An) giai đoạn 2009-2015

26.557 giờ
đào tạo chuyên môn nghiệp vụ

02 Quy định
trách nhiệm với môi trường và xã hội được lồng ghép trong Bộ quy tắc ứng xử và Đạo đức nghề nghiệp được chính thức ban hành toàn hệ thống

16 tỷ đồng
đầu tư cho Chương trình học bổng An sinh giáo dục từ năm 2005

395 cán bộ
tuyển dụng mới trong năm 2015

Sổ tay
văn hóa doanh nghiệp
gắn kết người lao động cùng xây dựng văn hóa Bảo Việt vững mạnh

865 lượt
cán bộ nhân viên tham gia vào hoạt động cộng đồng năm 2015

1.000 poster
truyền thông về việc sử dụng hợp lý nguồn năng lượng được đặt tại Trụ sở, chi nhánh, văn phòng giao dịch của Bảo Việt trên toàn hệ thống

BAOVIET GOGREEN

TẠO THÓI QUEN NHỎ CHO HIỆU QUẢ LỚN

Thay đổi một thói quen không phải là điều dễ dàng,
nhưng nếu thực sự muốn chúng ta đều có thể làm được

TIẾT KIỆM NƯỚC, BẢO VỆ RỪNG

Sử dụng nguồn nước hợp lý là bạn đã và đang bảo vệ môi trường
và góp phần hiện thực hóa chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt

50 1965 - 2015 BẢO VIỆT
VÌ NHỮNG NIỀM TIN CỦA BẠN

BAOVIET

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Cùng với mục tiêu tăng trưởng vững chắc về kinh tế, chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt hướng tới cân bằng các lợi ích cho cộng đồng và môi trường, chính vì vậy thực hiện trách nhiệm xã hội là trọng tâm hướng tới của Bảo Việt.

Xuất phát từ ý nghĩa nhân văn của sản phẩm bảo hiểm là cùng chia sẻ gánh nặng về tài chính với khách hàng khi gặp rủi ro, Bảo Việt đầu tư phát triển các sản phẩm vi mô như bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm học sinh, bảo hiểm xe cơ giới nhằm giúp khách hàng thu nhập thấp, ở các khu vực nông thôn có thể tiếp cận các dịch vụ bảo hiểm cho cuộc sống và hoạt động sản xuất, nông nghiệp. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng san sẻ với xã hội khi nghiên cứu và phát triển sản phẩm bảo hiểm hưu trí, đem lại nguồn thu nhập ổn định của người lao động sau khi về hưu, gắn kết doanh nghiệp với người lao động đồng thời góp phần giảm bớt áp lực về ngân sách bảo hiểm xã hội của Nhà nước.

Với mong muốn đem lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng, Bảo Việt cũng thực hiện đầu tư vào các dự án vì cộng đồng. Với Bảo Việt, thực hiện các hoạt động vì cộng đồng là đầu tư dài hạn cho doanh nghiệp. Chúng tôi thay mặt cho các cổ đông, thực hiện các dự án phát triển cộng đồng, nhằm đem lại đem lại lợi ích cho cộng đồng và cho chính Bảo Việt thông qua việc tối đa hóa giá trị của các dự án cộng đồng mang lại cho người dân địa phương và mức độ ảnh hưởng của Bảo Việt tại địa phương đó.

RA MẮT SẢN PHẨM BẢO HIỂM HƯU TRÍ VỮNG NGHIỆP

Ngày 19/11/2015, Bảo Việt Nhân thọ (đơn vị thành viên của Bảo Việt) đã ra mắt sản phẩm Hưu trí vững nghiệp. Đây là giải pháp bảo hiểm hưu trí tự nguyện nhóm dành cho doanh nghiệp/tổ chức nhằm giúp các doanh nghiệp/tổ chức xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp cùng một chế độ phúc lợi hấp dẫn và dài hạn nhằm gia tăng sự gắn kết của nhân viên, là chiến lược trọng tâm của nhiều doanh nghiệp hiện nay.

Với quyền lợi hưu trí định kỳ của Hưu trí vững nghiệp, người lao động sẽ được nhận những khoản thu nhập đều đặn và ổn định khi nghỉ hưu. Để tránh sụt giảm thu nhập đột ngột khi bắt đầu bước vào tuổi hưu, bên cạnh quyền lợi hưu trí định kỳ, người lao động có thể linh hoạt chọn thêm Lựa chọn đặc biệt đón tuổi hưu để nhận ngay một phần giá trị tài khoản tại thời điểm bắt đầu nghỉ hưu nhằm phục vụ cho kế hoạch hưu trí khi bước sang giai đoạn mới của cuộc sống. Đồng thời, quyền lợi bảo vệ toàn diện giúp gia đình và thành viên thêm an tâm tài chính trước những rủi ro trong cuộc sống. Đặc biệt, ngay cả trong trường hợp thành viên gặp rủi ro trong giai đoạn chi trả quyền lợi hưu trí định kỳ, giá trị tài khoản tích lũy không mất đi mà sẽ được chuyển toàn bộ cho người thụ hưởng.

Ngoài ra cả Doanh nghiệp và Người lao động đều được hưởng chính sách ưu đãi thuế bởi đóng góp của Doanh nghiệp cho Người lao động sẽ được tính vào chi phí theo quy định của pháp luật cho Doanh nghiệp. Người lao động sẽ chỉ chịu Thuế thu nhập cá nhân vào thời điểm chi trả.

Có thể nói, Hưu trí vững nghiệp ra đời không chỉ chia sẻ sức ép về ngân sách và quỹ bảo hiểm xã hội của Nhà nước mà còn đem lại cho doanh nghiệp phương thức gắn kết chặt chẽ hơn với người lao động nhằm ổn định tổ chức, thu hút lực lượng nhân sự chất lượng cao.

DUY TRÌ SẢN PHẨM BẢO HIỂM VI MÔ CHO NGƯỜI DÂN THU NHẬP THẤP

Những sản phẩm bảo hiểm vi mô bao gồm các sản phẩm với mức phí đóng thấp dành cho số đông người dân. Mức đóng góp doanh thu từ các nghiệp vụ bảo hiểm này chỉ chiếm tỷ lệ thấp trong tổng doanh thu phí bảo hiểm nhưng Bảo Việt vẫn duy trì qua các năm với mục đích bảo vệ, hỗ trợ cuộc sống của những gia đình nghèo và cận nghèo ở khu vực nông thôn cũng như khu vực thành thị.

Bảo hiểm học sinh – Hỗ trợ công tác khuyến học của nhà trường

Tỷ lệ bồi thường cho sản phẩm bảo hiểm học sinh khá cao so với tổng thu phí bảo hiểm do các em học sinh đang ở độ tuổi khá hiếu động và thích khám phá dẫn đến những rủi ro liên quan đến tai nạn học đường của các em học sinh. Tuy nhiên Bảo Việt vẫn tích cực đẩy mạnh sản phẩm bảo hiểm học sinh tại các trường học trên cả nước với mục đích nhân văn và hỗ trợ cho công tác khuyến học, khuyến tài tại địa phương.

Năm học vừa qua, Bảo Việt đã giải quyết, chi trả bồi thường cho hơn 200.000 vụ tai nạn của học sinh, giáo viên với số tiền bồi thường gần 200 tỷ đồng. Ngoài ra, Bảo Việt thực hiện bảo hiểm miễn phí cho toàn bộ học sinh, sinh viên là con em đối tượng chính sách, thương bệnh binh, gia đình liệt sĩ; giảm 50% phí bảo hiểm cho học sinh tàn tật, mồ côi, không nơi nương tựa và học sinh nghèo. Việc áp dụng miễn, giảm phí được thực hiện như một chính sách xã hội, góp phần tích cực vào phát triển sự nghiệp giáo dục.

Bảo hiểm xe cơ giới – Giảm thiểu rủi ro khi tham gia giao thông

Số vụ tai nạn giao thông tại Việt Nam đang ngày một gia tăng với mức độ ngày càng nghiêm trọng hơn. Việc nâng cao ý thức của người tham gia giao thông và giảm thiểu những thiệt hại vật chất khi tai nạn xảy ra là vấn đề được Bảo Việt xem xét khi cung cấp sản phẩm bảo hiểm xe cơ giới.

Hiện tại, Bảo Việt bảo hiểm cho hơn 3,5 triệu xe máy và ô tô trên toàn quốc với phạm vi bảo hiểm liên quan tới cháy nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của chủ xe và bảo hiểm tai nạn người ngồi trên xe.

Nhằm nâng cao ý thức của người tham gia giao thông, Nhằm giảm thiểu các rủi ro trong quá trình lưu thông trên đường, chúng tôi tích cực truyền thông nâng cao ý thức của người tham gia giao thông dưới nhiều hình thức khác nhau: truyền thông trên bảng biển ngoài trời, trên các trục đường chính, các tuyến đường trọng yếu; lắp đặt các gương phản chiếu trên đoạn đường cua nguy hiểm, đặc biệt là tại các địa hình đồi núi hiểm trở…

Chỉ tiêu tỷ lệ hoạt động đầu tư gắn kết cộng đồng được đảm bảo bởi PwC (G4 - SO1)

G4 - SO1

Bảo Việt đóng góp cho sự phát triển bền vững của xã hội thông qua việc tập trung vào các lĩnh vực cụ thể,
khuyến khích sự tham gia của cán bộ nhân viên trong hệ thống. Bảo Việt ưu tiên đầu tư cho các dự án thuộc phạm vi: Xóa đói giảm nghèo; Đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ; Tri ân anh hùng liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng; Khắc phục hậu quả thiên tai và các hoạt động khác

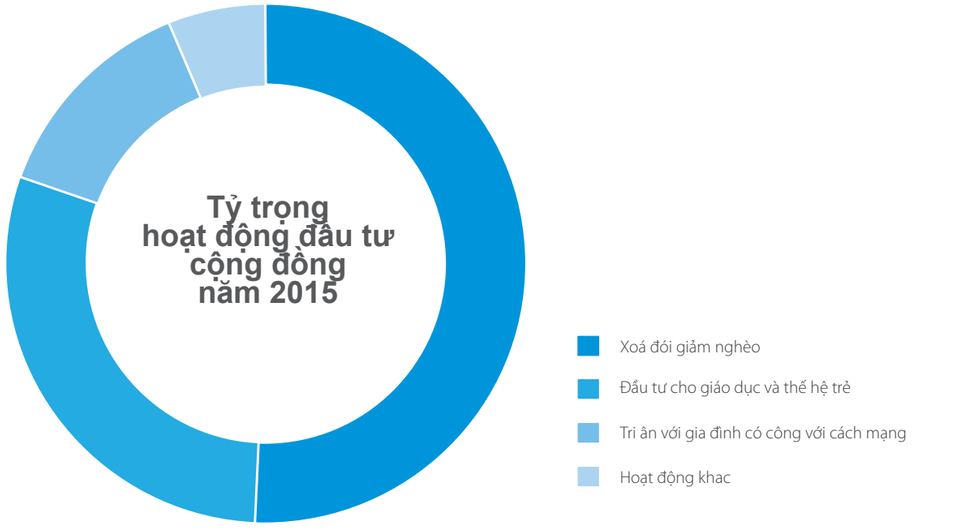

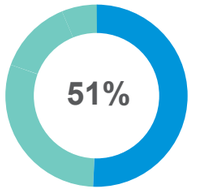

Xoá đói giảm nghèo

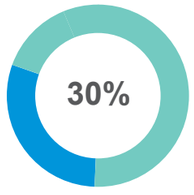

Đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ

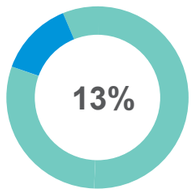

Tri ân với gia đình có công với cách mạng

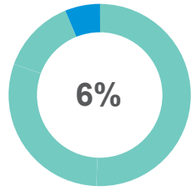

Hoạt động khac

Năm 2015, Bảo Việt đã dành gần 28 tỷ đồng cho hoạt động cộng đồng, tăng 37% so với năm 2014, trong đó chúng tôi đầu tư hơn 8 tỷ đồng cho hoạt động giáo dục và thế hệ trẻ bao gồm các chương trình trao tặng học bổng cho học sinh sinh viên có thành tích học tập xuất sắc, các em học sinh nghèo vượt khó. Bên cạnh đó, Bảo Việt cũng đầu tư xây dựng 02 trường học tại Định Biên (Thái Nguyên) và Cao Tân (Bắc Kạn) nhằm hỗ trợ địa phương có thêm cơ sở dạy học cho các em học sinh, cùng với trang thiết bị dạy học và phòng chức năng đầy đủ, hỗ trợ các thầy cô giáo trong công tác giảng dạy.

Đơn vị: Đồng

Trọng tâm	Nội dung hỗ trợ	Chi phí thực hiện (tính đến thời điểm 31/12/2015)
XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO	Hỗ trợ an sinh xã hội tỉnh Kiên Giang	5.000.000.000
	Công trình do huyện tự chọn (Trạm y tế Thị trấn Kim Sơn)	1.609.980.307
	Bổ sung vốn cho Trường Tiểu học Cao Tân	7.500.000.000
ĐẦU TƯ CHO GIÁO DỤC VÀ THẾ HỆ TRẺ	Xây dựng Trường Tiểu học xã Định Biên- Định Hóa	5.232.643.600
	Trao học bổng "Niềm tin thắp sáng tương lai" cho sinh viên Học viện tài chính	166.000.000
	Trao học bổng "Niềm tin thắp sáng tương lai" cho sinh viên trường Đại học Kinh tế Quốc dân	326.000.000
	Trao học bổng "An Sinh Giáo Dục"	1.680.000.000
	Đồng tài trợ cuộc thi giải toán trên Internet Violympic do Bộ GDĐT và FPT	512.000.000
	Tặng xe đạp học sinh tỉnh Ninh Thuận	220.000.000
	Trao tặng quà, học bổng cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, có thành tích cao trong học tập do các BVNT địa phương thực hiện	52.500.000
	Tặng học bổng cho Quán quân "Đô Re Mi" - Xuất học tiếng anh & Học bổng	10.500.000
	Bảo Việt cùng em đến trường	48.000.000
TRI ÂN GIA ĐÌNH CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG	Hỗ trợ xây dựng công trình nâng cấp nơi hóa vàng mã Di tích Thành cổ Quảng Trị	1.128.716.500
	Hỗ trợ Ban Kinh tài Miền Nam	500.000.000
	Tặng nhà tình nghĩa tại một số CTTV	44.400.000
	Hỗ trợ chiến sỹ Thành Cổ Quảng Trị	20.000.000
	Thăm trung tâm điều dưỡng thương bệnh binh tại Phú Thọ	36.000.000
KHÁC	Hỗ trợ huyện Đảo Trường Sa tàu cứu trợ y tế	3.600.000.000
	Hỗ trợ Ban Dân vận tặng quà Huyện đảo Trường Sa	100000000
	Tặng quà cho 2 bệnh nhi ung thư máu là con của chiến sỹ Biên phòng đang công tác tại Đồn Biên phòng Cô Ba - Cao Bằng	10.000.000
	Tham gia chương trình Terry Fox	29.000.000
		27.825.740.407

GÓP PHẦN CẢI THIỆN KINH TẾ CHO NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG

Bảo Việt đầu tư hơn 1 tỷ đồng cho hoạt động an sinh xã hội tại Hà Giang

Bên cạnh việc hỗ trợ các huyện nghèo huyện Quế Phong và Pác Nặm theo cam kết của Bảo Việt đối với Nghị quyết 30A về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo, Bảo Việt cũng tích cực triển khai các dự án xóa đói giảm nghèo tại các huyện nghèo khác, ngoài chủ trương chung của Nhà nước.

Trao bò giống, xây tương lai

Nằm ở vùng núi xa xôi phía Bắc Việt Nam, đời sống của bà con các dân tộc Mông, Tày, Nùng, Dao, Lô Lô,… thuộc tỉnh Hà Giang còn nhiều khó khăn thiếu thốn. Với quan điểm "trao cần câu thay vì con cá", Bảo Việt mong muốn đóng góp một phần kinh phí vào việc giảm nghèo trên địa bàn thông qua việc trao tặng cho bà con các công cụ để người dân tự phát triển kinh tế.

Tháng 12/2015, Bảo Việt đã trao tặng 10 con bò giống cho các hộ nghèo thuộc các xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang. Thông qua việc trao tặng cho mỗi hộ dân 01 con bò giống sinh sản, Bảo Việt đã trao cho người dân địa phương cơ hội thoát nghèo bền vững.

Bảo tồn văn hóa, thu hút du lịch

Nhằm góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của đồng bào dân tộc Lô Lô; qua đó thúc đẩy công tác quảng bá và thu hút du lịch vùng cao tới khách du lịch, tạo điều kiện phát triển kinh tế cho địa phương, Bảo Việt đã đầu tư xây dựng Nhà văn hóa dân tộc Lô Lô. Công trình thuộc thôn Lô Lô Chải, Xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang và dự kiến hoàn thành trong Quý I/2016 với tổng trị giá 700 triệu đồng.

Trong dịp này, Tập đoàn Bảo Việt cũng hỗ trợ kinh phí 50 triệu đồng cùng với nguồn kinh phí hỗ trợ của địa phương và sự trợ giúp của bà con thôn làng để xây dựng 01 nhà tình nghĩa tặng hộ nghèo trong xã.

Tiếp tục thực hiện cam kết của Bảo Việt đối với 2 huyện Quế Phong và Pác Nặm theo NQ30A, năm 2015, Bảo Việt đã đầu tư hơn 9 tỷ đồng cho các công trình xây dựng trạm y tế thị trấn Kim Sơn thuộc huyện Quế Phong và trường tiểu học Cao Tân thuộc huyện Pác Nặm.

Như vậy, sau 7 năm triển khai chương trình xóa đói giảm theo chủ trương của Chính phủ, Bảo Việt đã đầu tư hơn 137 tỷ đồng. Với mục tiêu "giảm bớt tác động của nền kinh tế lên sự phát triển bất cân đối giữa các khu vực thành thị và nông thôn thông qua việc đầu tư cơ sở hạ tầng cho đồng bào các tỉnh khó khăn, giúp họ yên tâm lao động sản xuất để nuôi sống bản thân và gia đình", các dự án xóa đói giảm nghèo của Bảo Việt còn đến với người dân các tỉnh như Nam Định, Vĩnh Phúc, Quảng Trị, Phú Yên, Kiên Giang, Bến Tre,…

- Ủng hộ xóa nhà tạm dột nát xã Cà Lúi, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên
- Xây dựng Trường Mầm non xã Nam Dương huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
- Lớp học mầm non Thôn Ngầu 1, xã Hùng Mỹ, huyện Chiêm Hóa
- Xây dựng Trường Mầm non Thành cổ Quảng Trị…

KẾT QUẢ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2009-2015 THEO NGHỊ QUYẾT 30A/2008/NQ-CP

1.	**Hỗ trợ 2 huyện nghèo Dỡ bỏ nhà dột nát cho các hộ chính sách và làm mới 910 căn nhà**	**4,5 tỷ đồng**
2.	**Cải tạo và xây dựng mới 31 công trình trường học, trạm y tế của các xã khó khăn**	**72,8 tỷ đồng**
	Huyện Pác Nặm: Tài trợ 21 công trình - Nhà nội trú dân nuôi: 01 công trình; - Nhà bếp cho học sinh bán trú: 05 công trình; - Mua sắm 02 hạng mục thiết bị cho học sinh Tiểu học và Trung học cơ sở; - Trường Mầm non: 02 công trình. - Trường Tiểu học: 03 công trình. - San nền tạo mặt bằng xây dựng: 01 công trình. - Trạm Y tế xã: 07 công trình	48,6 tỷ đồng
	Huyện Quế Phong: Tài trợ 10 công trình - Nhà bán trú dân nuôi: 04 công trình - Nhà ở nội trú Trường DTNT: 01 công trình - Trạm Y tế xã: 04 công trình - Trường tiểu học: 01 công trình	24,2 tỷ đồng
3.	Hỗ trợ các địa phương khác: 26 công trình	60 tỷ đồng
TỔNG CỘNG		**137,3 tỷ đồng**

LAN TỎA NIỀM TIN, XÂY ĐẮP TƯƠNG LAI

Thực hiện lời dạy của Bác Hồ: "Hiền tài là nguyên khí quốc gia", Bảo Việt luôn chú trọng đầu tư cho công tác giáo dục và phát triển thế hệ trẻ hướng đến một thế hệ tương lai xuất sắc với những đóng góp thiết thực cho công cuộc xây dựng và phát triển nước nhà.

Học bổng "Bảo Việt – Niềm tin thắp sáng tương lai" dành tặng cho đại diện ưu tú của thế hệ tương lai đất nước

Năm 2015, Bảo Việt đã ký thỏa thuận với hai cơ sở đào tạo đại học hàng đầu cả nước là trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Học viện Tài chính. Trong khuôn khổ hợp tác, Bảo Việt cam kết tài trợ học bổng cho các em có thành tích học tập xuất sắc và hỗ trợ các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn của trường.

"Niềm tin thắp sáng tương lai" sẽ tiếp tục hành trình của mình đến với các đại diện ưu tú để trao cho các em niềm tin, niềm hi vọng vào một tương lai tốt đẹp cho tất cả chúng tôi.

Trong khuôn khổ dự án, hai bên cũng sẽ đẩy mạnh các chương trình nghiên cứu, đào tạo, tuyển dụng, cung cấp sản phẩm dịch vụ. Thỏa thuận hợp tác sẽ kéo dài trong vòng 05 năm (2015-2020) với tổng giá trị học bổng tài trợ đối đa là 5 tỷ đồng nhằm khuyến khích tinh thần học tập và phấn đấu vươn lên của các em.

Bảo Việt đã tổ chức các buổi đón tiếp các em tại Trụ sở chính của Tập đoàn Bảo Việt. Tại đây, Tổng Giám đốc cùng các Lãnh đạo Tập đoàn Bảo Việt đã chia sẻ và bày tỏ mong muốn học bổng "Bảo Việt – Niềm tin thắp sáng Tương lai" sẽ giúp các em sinh viên phát huy được những tinh hoa của bản thân nhằm xây dựng tương lai cho chính các em cũng như cho nhà trường và đất nước sau này. Ông cũng hi vọng các em sinh viên có mặt ngày hôm nay sẽ là cầu nối, là tấm gương lan tỏa tinh thần học tập của các em cho các bạn sinh viên khác để học bổng Bảo Việt sẽ đến được với nhiều em nữa trong những năm học tiếp theo.

Không chỉ dừng lại ở chương trình trao học bổng cho các em sinh viên, Bảo Việt đã và đang triển khai các kế hoạch tuyển dụng, chương trình thực tập sinh, đẩy mạnh các chương trình hợp tác nghiên cứu chuyên ngành tài chính – bảo hiểm nhằm thu hút nhân tài, tạo cơ hội để các em phát huy năng lực từ những trải nghiệm thực tế ngay khi còn đang ngồi trên ghế nhà trường.

Xây dựng Trường Tiểu học xã Định Biên- Định Hóa

Định Biên là một trong những xã đặc biệt khó khăn của huyện Định Hóa, tỷ lệ hộ nghèo trong xã chiếm gần 25%, trong đó đồng bào dân tộc chiếm trên 90%, thu nhập của người dân chủ yếu từ sản xuất nông ng-hiệp, đời sống còn nhiều khó khăn. Trường Tiểu học của xã hiện nay chỉ có một nhà 2 tầng với 8 phòng học, còn lại là hệ thống nhà tạm, không đảm bảo cho việc dạy và học của cô và trò trong tình hình mới, đồng thời cũng khó khăn trong việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

Tập đoàn Bảo Việt đã đầu tư 5,3 tỷ đồng hỗ trợ xây trường Tiểu học Định Biên góp phần kiên cố hóa trường lớp để đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn. Sau 4 tháng thi công, ngày 5/8/2015, Lễ khánh thành công trình xây dựng Trường Tiểu học Định Biên, xã Định Biên, tỉnh Thái Nguyên đã được tổ chức. Công trình đạt trường chuẩn Quốc gia về diện tích và quy mô xây dựng với các hạng mục kèm theo trang thiết bị nội thất đồng bộ, cùng các cơ sở vật chất cần thiết phục vụ nhu cầu học tập cho các em học sinh, tạo điều kiện để các em có điều kiện học tập thuận lợi hơn.

Các hạng mục được xây mới bao gồm: Nhà lớp học hai tầng với 6 phòng học chức năng, có tổng diện tích sàn xây dựng là 483m2; Nhà hiệu bộ một tầng tầng; hệ thống thiết bị, nội thất của các phòng học và phòng giáo viên; một số công trình phụ trợ khác.

Tiếp tục đồng hành cùng Cuộc thi giải toán qua mạng - ViOlympic năm học 2015-2016

Là nhà tài trợ chính thức của ViOlympic từ năm học 2014, Bảo Việt Nhân thọ xác định gắn bó lâu dài với ViOlympic để cùng Đại học FPT góp phần thúc đẩy tình yêu toán học của thế hệ trẻ Việt Nam. Cuộc thi là sân chơi toán học bổ ích, khơi dậy niềm đam mê, yêu thích môn toán, giúp các em học sinh nâng cao kiến thức, phát triển tư duy và tiếp cận với tin học hiện đại.

Với độ bao phủ rộng khắp ba miền Bắc – Trung – Nam, ViOlympic liên tục khẳng định vị thế dẫn đầu của mình trong việc phổ cập, đồng hành và cùng phát triển bộ môn Toán học cho học sinh Việt Nam. Năm 2013, Vi-Olympic chính thức ra mắt cuộc thi giải toán bằng tiếng Anh. Năm học 2014 – 2015, ViOlympic đã đạt mốc 20 triệu lượt thành viên, chính thức trở thành thương hiệu được tin cậy nhất về thi Toán trên Internet.

Với mục đích giúp các em học sinh có thể luyện thi để làm quen và làm tốt với các dạng bài thi, trong năm học 2014 – 2015, Bảo Việt đã ra mắt website Luyện thi Vi-olympic: http://baovietnhantho.violympic.vn - website luyện thi Violympic dành cho tất cả các em học sinh trên toàn quốc. Với thủ tục tham gia đơn giản, website Luyện thi Violympic giúp các em học sinh có thể chọn bất cứ vòng thi nào trong toàn bộ 19 vòng thi để luyện tập các bài thi mà không bị bất kỳ giới hạn nào.

Học bổng An sinh Giáo dục – Xe đạp đến trường 2015

Mỗi năm Việt Nam có hơn 200.000 trẻ em phải bỏ học, trong đó nguyên nhân chủ yếu là gia đình khó khăn và các em phải đi bộ quá xa để đến trường. Những khó khăn này tác động đáng kể đến kết quả học tập và tương lai của các em. Hơn 10 năm đồng hành cùng Quỹ Bảo trợ Trẻ em Việt Nam trong chương trình Học bổng An sinh Giáo dục, Bảo Việt đã trao hàng chục ngàn suất học bổng An sinh Giáo dục và quà tới trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn trên cả nước. Tính riêng trong năm 2015, Bảo Việt đã trao tặng gần 1.500 chiếc xe đạp cho trẻ em nghèo có thành tích học tập tốt tại hơn 60 tỉnh thành.

Bảo Việt hy vọng các suất học bổng trong chương trình "Học bổng An sinh Giáo dục – Xe đạp đến trường" sẽ khích lệ thêm tinh thần học tập, phấn đấu vươn lên của các em vì một cuộc sống tốt đẹp của chính các em và qua đó cũng góp phần dựng xây đất nước ngày một giàu đẹp hơn.

Tri ân các anh hùng liệt sỹ tại tỉnh Quảng Trị

Thực hiện Quyết định của UBND tỉnh Quảng Trị về việc tôn tạo di tích Chi khu quân sự Mai Lĩnh, theo đề nghị của chính quyền địa phương, từ năm 2010, Bảo Việt đã hỗ trợ địa phương xây dựng, tôn tạo 4 hạng mục công trình di tích, gồm bia tưởng niệm liệt sỹ, nhà bia tưởng niệm, bia lưu danh K10 Đặc công Quảng Trị, lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng và trồng cây lưu niệm...

Bảo Việt tiếp tục hỗ trợ địa phương 370 triệu đồng để tôn tạo di tích và tổ chức Lễ đón nhận Bằng công nhận di tích lịch sử Chi khu quân sự Mai Lĩnh, khánh thành vào ngày 09/3/2015, đúng vào ngày kỷ niệm 40 năm trận đánh cuối cùng của bộ đội đặc công K10 vào Chi khu quân sự Mai Lĩnh và là ngày xã Hải Phú tổ chức đón nhận Bằng công nhận Chi khu quân sự Mai Lĩnh là di tích lịch sử cấp tỉnh.

Nhân dịp này, thay mặt lãnh đạo Tập đoàn Bảo Việt, ông Đào Đình Thi và ông Nguyễn Quang Phi, Phó Bí thư Đảng ủy - Tổng giám đốc Tập đoàn đã tặng 10 suất quà cho 10 gia đình thương binh, liệt sỹ của xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

Trước đó, ngày 08/3/2015, Đoàn cán bộ Tập đoàn Bảo Việt đã có hoạt động tri ân tại tỉnh Thừa Thiên - Huế. Đoàn đã đến thăm và tặng quà cho gia đình bà Trần Thị Lý là thanh niên xung phong chống Mỹ ở xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền và gia đình ông Dương Bền, là gia đình liệt sỹ chống Mỹ ở thôn Hiền An, xã Phong Sơn huyện Phong Điền. Năm 2014, Công đoàn Tập đoàn Bảo Việt đã hỗ trợ mỗi hộ 50 triệu đồng xây dựng nhà ở. Nhân dịp chuyến thăm, Lãnh đạo Tập đoàn Bảo Việt đã tặng mỗi hộ 01 ti vi màn hình phẳng trị giá 5 triệu đồng.

Năm 2015, Bảo Việt cũng đã tiến hành xây dựng Đền hóa vàng trong khuôn viên thành cổ Quảng Trị nhằm phục vụ nhân dân và du khách thập phương có điều kiện tốt hơn đến thăm viếng di tích đặc biệt quan trọng này.

Bên cạnh đó Bảo Việt cũng tổ chức các chuyến thăm hỏi và tặng quà các chiến sỹ tại Trung tâm điều dưỡng thương bệnh binh tại Phú Thọ; các chiến sỹ tại Thành cổ Quảng Trị; trao tặng nhà tình nghĩa cho mẹ Việt Nam anh hùng và các gia đình có công với cách mạng tại một số địa phương nhân dịp kỷ niệm ngày thương binh liệt sỹ 27/7 cùng nhiều hoạt động ý nghĩa khác.

CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Hướng về biển đảo quê hương - Đoàn công tác Bảo Việt trao Tàu CQ cùng quà tặng tới các cán bộ chiến sỹ quân dân huyện đảo

Nhận thức được sự hy sinh không quản gian khổ ngày đêm bảo vệ từng tấc đất của Tổ quốc, mang lại cuộc sống hòa bình cho người dân của các chiến sỹ nơi đảo xa, kể từ năm 2014, Bảo Việt đã thực hiện các chương trình nhằm kêu gọi tinh thần dân tộc của cán bộ nhân viên trong hệ thống, cùng ủng hộ các chiến sỹ nơi đảo xa. Điển hình là chương trình Niềm tin Việt – chụp ảnh dưới lá cờ tổ quốc; chung tay vì biển đảo quê hương – quyên góp ủng hộ các chiến sỹ đảo xa; triển khai bảo hiểm khai thác thủy sản – hỗ trợ ngư dân vươn khơi bám biển, phát triển khai thác thủy, hải sản.

Tiếp nối các chương trình hướng về biển đảo tổ quốc, sáng ngày 15/5/2015, Tập đoàn Bảo Việt tổ chức Lễ xuất quân dành cho đoàn công tác của Bảo Việt đến thăm và cổ vũ tinh thần cho các chiến sỹ tại Trường Sa. Tại buổi lễ, ông Đào Đình Thi - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt đã trao tặng cho các cán bộ, chiến sỹ đảo Trường Sa 01 chiếc tàu CQ trị giá 3,5 tỷ đồng. Được biết, đoàn công tác của Bảo Việt đã đến thăm 11 điểm đảo, trao tặng tiền mặt và quà tặng cho các chiến sỹ quần đảo Trường Sa với tổng số tiền là 250 triệu đồng.

Cán bộ Bảo Việt chung tay hiến máu cứu người vì một cuộc sống tốt đẹp hơn

Hiến máu nhân đạo là chương trình được Bảo Việt phối hợp với Viện huyết học truyền máu Trung ương tổ chức thường xuyên nhằm bổ sung lượng máu cần thiết kịp thời cứu chữa cho các bệnh nhân cấp cứu. Thông qua chương trình, Bảo Việt mong muốn tiếp thêm niềm tin, tinh thần lạc quan vào cuộc sống cho các bệnh nhân nói riêng và cộng đồng nói chung.

Năm 2015 là năm thứ 3 Bảo Việt phát động chương trình Hiến máu tình nguyện tại trụ sở của Tập đoàn Bảo Việt. Chương trình đã nhận được sự quan tâm và tham gia của hơn 300 cán bộ nhân viên, đại lý và tư vấn viên của Bảo Việt trên địa bàn Hà Nội, thu về ước tính khoảng 350 đơn vị máu đóng góp cho Viện huyết học truyền máu Trung ương.

Trong khuôn khổ chương trình, Tập đoàn Bảo Việt cũng đã dành tặng 10 triệu đồng cùng quà tặng cho 2 bệnh nhi Nguyễn Khả Trọng Anh và Nguyễn Khả Nhật Khánh – hai cháu là con của anh Nguyễn Khả Nghĩa, chiến sỹ đang công tác tại đồn Biên phòng Cô Ba – Cao Bằng. Hai cháu bị ung thư máu thường xuyên phải điều trị tại Viện Huyết học và Truyền máu Trung ương. Đây là tấm lòng của cán bộ nhân viên Bảo Việt gửi đến gia đình chiến sỹ đang thực hiện nhiệm vụ bảo vệ của tổ quốc

Đánh giá hiệu quả các dự án cộng đồng

Năm 2015, Bảng đánh giá hiệu quả dự án cộng đồng (Score Matrix) được áp dụng cho các dự án đầu tư cộng đồng với tỷ lệ áp dụng là 80% . Bảng đánh giá được bổ sung thêm các tiêu chí bền vững bao gồm mức độ ảnh hưởng tới cộng đồng xung quanh và các ảnh hưởng có thể có lên hệ sinh thái và môi trường sống tại nơi mà dự án thực hiện.

Bảng đánh giá hiệu quả dự án cộng đồng bao gồm 20 tiêu chí khác nhau trên thang điểm 100 bao gồm đánh giá tổng quan về mục tiêu và phạm vi thực hiện của dự án; lợi ích dự án đối với cộng đồng; số lượng đối tượng được hưởng lợi từ dự án; khả năng duy trì mức độ ảnh hưởng của dự án sau khi khai thác hết nguồn vốn tài trợ; các tác động môi trường của dự án…

GẮN KẾT MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Là doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ tài chính, các hoạt động kinh doanh của Bảo Việt tác động không đáng kể đến môi trường. Vì vậy đối với hoạt động nội bộ, chúng tôi chú trọng vào việc nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; thực hiện kiểm soát hệ thống xử lý chất thải tại các tòa nhà của Bảo Việt – đảm bảo đạt các tiêu chuẩn môi trường cho phép; giảm thiểu việc sử dụng nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên qua đó góp phần giảm thiểu cường độ phát thải khí nhà kính.

Đối với các bên liên quan, vấn đề môi trường được đưa vào trong các nội dung trao đổi liên quan đến phát triển bền vững và đánh giá dựa trên mức độ quan tâm của các bên. Đặc biệt, tiêu chí về môi trường cũng được xem xét trong Quản trị chuỗi cung ứng và đánh giá các dự án đầu tư của Bảo Việt.

Hướng đến mục tiêu xây dựng chuỗi giá trị bền vững

Năm 2015, các vấn đề Quản trị - Xã hội và Môi trường được Bảo Việt chú trọng lồng ghép trong hoạt động đánh giá chuỗi cung ứng; đầu tư dự án và đánh giá rủi ro hoạt động thông qua việc gắn kết các ràng buộc trách nhiệm trong các hợp đồng thương thảo với nhà thầu chính; các quy trình quản lý đầu tư dự án và quy trình đầu tư góp vốn cổ phần. Năm 2016, nội dung bảo vệ môi trường sẽ được áp dụng rộng rãi trong nhiều hoạt động với mục tiêu xây dựng chuỗi giá trị bền vững của Bảo Việt.

Chúng tôi tin rằng, mục tiêu môi trường của Bảo Việt sẽ trở dễ dàng hơn khi các bên liên quan, đặc biệt là các bên nằm trong chuỗi giá trị của Bảo Việt cùng tham gia thực hiện mục tiêu này.

G4 - EN3

Theo dõi và kiểm soát số liệu năng lượng tiêu thụ

Chỉ tiêu tiêu thụ năng lượng (GJ) được đảm bảo bởi PwC (G4 - EN3)

Nhằm kiểm soát tốt hơn tiêu thụ năng lượng trong quá trình hoạt động, Bảo Việt đã thực hiện theo dõi tiêu thụ điện năng và xăng dầu định kỳ hàng tháng. Số liệu thống kê được kiểm toán năm 2015 giới hạn trong phạm vi Công ty Mẹ Tập đoàn.

Tổng lượng xăng tiêu thụ của Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt năm 2015 là 32.735 lít, tương ứng với 4.092 GJ. Nguồn tiêu thụ xăng của Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt chủ yếu là từ các xe ô tô chở các đoàn cán bộ công tác tại các tỉnh thành phố trên cả nước, tập trung tại khu vực phía Bắc và các tỉnh miền Trung theo các chương trình an sinh xã hội.

Năng lượng điện: Năng lượng điện tiêu thụ của Bảo Việt được xét tại 3 địa điểm: Tòa nhà Trụ sở chính Công ty Mẹ (Số 8, Lê Thái Tổ, Hà Nội), tòa nhà Chi nhánh Trung tâm Công nghệ thông tin (trực thuộc Tập đoàn Bảo Việt, số 71 Ngô Sĩ Liên, Hà Nội) và bộ phận trực thuộc Chi nhánh Trung tâm Công nghệ thông tin tại Tòa nhà Bảo Việt - 233 Đồng Khởi, tp.HCM. Theo đó, tổng lượng điện tiêu thụ của Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt năm 2015 là 1.847.993 Kwh tương ứng với 6.652 GJ.

Như vậy, trong năm 2015, tổng năng lượng tiêu thụ của Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt là 10.744 GJ. Việc thực hiện báo cáo đảm bảo đọc lập đối với chỉ số tiêu thụ năng lượng năm 2015 là cơ hội để Bảo Việt xây dựng hệ thống tiêu chuẩn các dữ liệu báo cáo liên quan đến việc thống kê năng lượng tiêu thụ tại toàn bộ 168 chi nhánh và 700 điểm giao dịch bảo hiểm trên toàn hệ thống; từ đó có cơ sở kiểm soát tốt hơn với các chỉ tiêu tiết giảm cụ thể trong những năm sau.

Số lượng điện và xăng dầu tiêu thụ tại Tập đoàn Bảo Việt năm 2015 (quy đổi sang GJ)

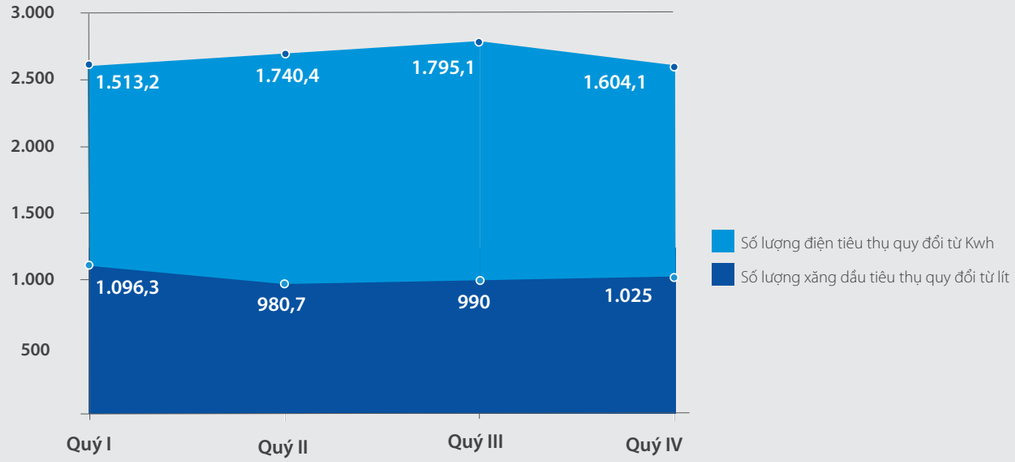

CÁC GIẢI PHÁP GIẢM TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG GÓP PHẦN GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Tiết kiệm điện trong các toà nhà

Theo số liệu Báo cáo tóm tắt về sử dụng năng lượng hợp lý tại các tòa nhà của Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững thế giới, tại hầu hết các nước, các tòa nhà tiêu thụ ít nhất 40% nguồn năng lượng, góp phần gia tăng cường độ phát thải khí nhà kính. Chính vì vậy, Bảo Việt đã đẩy mạnh việc tiết kiệm điện năng tại các tòa nhà văn phòng của Bảo Việt trên hệ thống.

Nguồn tiêu thụ điện năng	Giải pháp tiêu thụ điện hiệu quả
Hệ thống điều hoà không khí (tiêu thụ 40-60% điện năng)	- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị - Duy trì nhiệt độ ở mức 25-27 độ C, tránh chênh lệch nhiệt độ trong và ngoài không gian điều hoà, bố trí các phòng lạnh tiếp xúc trực tiếp với các bức xạ mặt trời… - Tắt toàn bộ hệ thống điều hòa sau 17h30
Hệ thống chiếu sáng (tiêu thụ 15-20%)	- Thay thế hệ thống chiếu sáng hiệu suất thấp (bóng sợi đốt, đèn huỳnh quang chấn lưu sắt từ…) bằng các thiết bị chiếu sáng tiết kiệm điện (bóng compact tiết kiệm điện, chấn lưu điện tử…)
Hệ thống nước nóng (5 – 10%)	- Đối với các thiết bị chiếu sáng ngoài trời, điều khiển tắt bật theo các chế độ tự động (theo thời gian, theo độ sáng của môi trường…) - Thay thế việc sử dụng các bình đun nước nóng cục bộ bằng việc sử dụng các trung tâm cấp nước nóng sử dụng dầu D.O cấp nước nóng cho toàn bộ toà nhà

ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÒA NHÀ

Năm 2015, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục duy trì hoạt động đánh giá các tác động tới môi trường từ hoạt động của các tòa nhà Bảo Việt trên địa bàn Hà Nội. Các đánh giá này bao gồm:

- Phân tích tình hình sử dụng năng lượng bao gồm tiêu thụ điện và nhiên liệu trong năm 2015
- Báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở trong thời gian qua bao gồm biện pháp khống chế môi trường không khí, ô nhiễm môi trường nước, xử lý chất thải rắn, chất thải rắn nguy hại; lực lượng và phương tiện PCCC tại chỗ.

Đề án bảo vệ môi trường của Bảo Việt (được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt năm 2014) tiếp tục được triển khai tại các Tòa nhà của Bảo Việt. Đề án này bao gồm các nội dung liên quan đến giải pháp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước thải thông qua việc bổ sung chế phẩm vi sinh, dọn dẹp hệ thống cống thoát nước để đảm bảo thông thoáng sạch sẽ; kiểm tra định kỳ hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước thải tránh hiện tượng tắc nghẽn trên các dòng thải.

Nội dung tóm tắt các biện pháp xử lý đối với nguồn chất thải có khả năng gây hại tới môi trường trong Đề án của Bảo Việt như sau:

Nguồn chất thải có khả năng gây hại tới môi trường	Biện pháp xử lý kỹ thuật	Các giải pháp môi trường
Nguồn chất thải rắn thông thường: Chất thải rắn phát sinh chủ yếu là từ hoạt động văn phòng của cán bộ nhân viên trong tòa nhà. Thành phần chất thải rắn bao gồm giấy in hỏng, bút hết mực, giấy bìa carton, vỏ hoa quả	+ Tại mỗi tầng của tòa nhà, Bảo Việt đều trang bị 01 thùng compsit lớn và 01 thùng đựng rác nhỏ ở cuối cầu thang để thu gom rác. + Hàng ngày, nhân viên vệ sinh tòa nhà dọn dẹp trong mỗi phòng của công ty thuê và quét dọn hành lang, khu vực xung quanh tòa nhà. + Cuối giờ làm việc, nhân viên vệ sinh của tòa nhà sẽ thu gom tất cả rác trong thùng rác ở các tầng ra điểm rác trước cửa tòa nhà. + Ký kết hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt với Xí nghiệp môi trường đô thị số 2 để xử lý.	+ Truyền thông nâng cao nhận thức của cán bộ trong việc in ấn tài liệu nhằm giảm thiểu lượng giấy in. + Tái sử dụng các văn phòng phẩm bao gồm các loại bút và đồ dùng văn phòng bằng nhựa
Nguồn chất thải khí Khí thải từ các phương tiện giao thông: + Từ các phương tiện giao thông (sử dụng xăng và dầu DO) ra vào Tòa nhà. + Từ các phương tiện tham gia giao thông trên tuyến phố Lê Thái Tổ + Bụi và khí thải của các phương tiện giao thông trong dự án góp phần làm gia tăng mức độ môi trường không khí khu vực nếu không có biện pháp giảm thiểu + Sự gia tăng mức độ ô nhiễm môi trường không khí sẽ kéo theo các tác động với sức khỏe cộng đồng dân cư sinh sống trong đô thị và khu vực xung quanh	+ Đặt các chậu cây cảnh để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí. + Yêu cầu các phương tiện giao thông đi vào tòa nhà tắt máy trước khi cổng tòa nhà. + Tổ chức sắp xếp, hướng dẫn chỗ để xe của khách đến làm việc tại tòa nhà. + Hàng ngày, vệ sinh sạch sẽ khu vực tòa nhà. + Bố trí quạt thông gió tại tầng hầm gửi xe của tòa nhà đảm bảo không khí thông thoáng.	+ Khởi động chương trình Trồng cây của thanh niên trong năm đầu tiên nhằm giảm bớt lượng cây xanh trong các khu vực mà Bảo Việt hoạt động + Tiếp tục đẩy mạnh chương trình 5S: xây dựng môi trường lao động xanh, sạch và khoa học.
Chất thải nguy hại Chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang cháy khoảng 1 kg/tháng; mực in thải khoảng 1 kg/tháng; giẻ lau dính dầu khoảng 1 kg/tháng. Tổng khối lượng chất thải nguy hại khoảng 3 kg/tháng.	Do lượng chất thải này phát sinh rất ít, nhưng để đảm bảo vệ sinh môi trường và thực hiện theo đúng quy định của nhà nước, các tòa nhà của Bảo Việt tiến hành lưu giữ, phân loại và thu gom theo đúng thông tư 12/2011/TT-BNTMT ngày 18 tháng 4 năm 2011 về quản lý chất thải nguy hại. Theo đó, chất thải nguy hại được đựng trong thùng riêng biệt, có khu vực lưu giữ riêng và dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại. Tiếp đó, Bảo Việt ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại của Tòa nhà. Thời gian lưu trữ chất thải nguy hại tại tòa nhà không quá 1 năm theo đúng quy định 12/2011/TT_BTNMT.	

BÁO CÁO ĐẢM BẢO ĐỘC LẬP CÓ GIỚI HẠN

Gửi Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt

Chúng tôi đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đảm bảo độc lập có giới hạn với Tập đoàn Bảo Việt về các chỉ số phi tài chính được lựa chọn (sau đây được gọi là "các Chỉ số Bền vững được lựa chọn") được báo cáo bởi Tập đoàn Bảo Việt trong Báo cáo Phát triển Bền vững của Bảo Việt năm 2015.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt

Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo Phát triển Bền vững của Bảo Việt năm 2015 trong đó bao gồm các Chỉ số Bền vững được lựa chọn. Trách nhiệm này bao gồm việc chọn lựa và áp dụng các phương pháp phù hợp cho Báo cáo Phát triển Bền vững của Bảo Việt năm 2015 cũng như việc xây dựng, thực hiện và duy trì các hệ thống và quy trình liên quan đến công tác lập và trình bày báo cáo. Ngoài ra, trách nhiệm này còn bao gồm việc sử dụng các giả thiết và ước tính hợp lý trong từng trường hợp cụ thể, cho các thuyết minh được soạn lập bởi Tập đoàn Bảo Việt.

Trách nhiệm của chúng tôi

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về các Chỉ số Bền vững được lựa chọn dựa trên các thủ tục thu thập bằng chứng được thực hiện theo Chuẩn mực Quốc tế về Dịch vụ Đảm bảo (ISAE) 3000 "Hợp đồng Dịch vụ Đảm bảo ngoài Dịch vụ Kiểm toán và Soát xét Thông tin tài chính quá khứ". Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện dịch vụ bảo đảm trên cơ sở trọng yếu nhằm đưa ra kết luận bảo đảm có giới hạn của mình.

Tính chính xác và đầy đủ của các Chỉ số Bền vững được lựa chọn phụ thuộc vào những hạn chế tiềm tàng do bản chất, phương pháp xác định, tính toán và ước tính các chỉ số đó. Vì vậy, báo cáo đảm bảo của chúng tôi cần được xem xét cùng với các quy trình báo cáo bền vững của Tập đoàn Bảo Việt. Trong hợp đồng dịch vụ đảm bảo có giới hạn, các thủ tục thu thập bằng chứng là ít hơn, và do đó đạt được mức độ đảm bảo thấp hơn, so với hợp đồng dịch vụ đảm bảo hợp lý.

Đối tượng

Các Chỉ số Bền vững được lựa chọn mà chúng tôi cung cấp dịch vụ đảm bảo có giới hạn bao gồm:

- Tiêu thụ năng lượng (GJ) (trang 310);
- Tỷ lệ tham gia vào cấp quản lý từ địa phương (%) (trang 119);
- Đánh giá nhà cung cấp về thực hành lao động (%) (trang 134);
- Đánh giá nhà cung cấp về thực hành môi trường (%) (trang 134)
- Đào tạo và giáo dục cho người lao động (theo giờ) (trang 119); và
- Tỷ lệ hoạt động đầu tư gắn kết cộng đồng (VNĐ) (trang 301).

Tiêu chí

Các quy định của Tập đoàn Bảo Việt về báo cáo bền vững nội bộ, để tiến hành thu thập, đối chiếu và tổng hợp các Chỉ số Bền vững được lựa chọn.

Các thủ tục bảo đảm chính

Công việc của chúng tôi, không bao gồm việc độc lập kiểm tra các thông tin tài chính nào, gồm có các thủ tục sau:

- Phỏng vấn các cá nhân có trách nhiệm báo cáo bền vững nội bộ và thu thập dữ liệu về các Chỉ số Bền vững được lựa chọn ở cấp doanh nghiệp, và khi cần thiết, ở cấp bộ phận;
- Kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu các tài liệu, báo cáo nội bộ và các hóa đơn từ Tập đoàn Bảo Việt và các nhà cung cấp dịch vụ bên ngoài;
- Xem xét tính phù hợp của các quy trình quản lý, báo cáo và kiểm tra các Chỉ số Bền vững được lựa chọn, đánh giá việc thu thập và báo cáo số liệu ở cấp doanh nghiệp và, khi cần thiết, ở cấp bộ phận;

Kết luận

Dựa trên các thủ tục đã thực hiện mô tả ở trên, chúng tôi không nhận thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng, các Chỉ số Bền vững được lựa chọn, đã không được trình bày hợp lý, dựa trên các khía cạnh trọng yếu, theo quy định về báo cáo bền vững nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt cho năm kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Sử dụng báo cáo này

Báo cáo này chỉ dành cho Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt và cho mục đích báo cáo các Chỉ số Bền vững trong Báo cáo Phát triển bền vững năm 2015 của Tập đoàn Bảo Việt. Chúng tôi không chịu trách nhiệm cho bất kỳ ai khác ngoài Ban Điều hành của Tập đoàn Bảo Việt về nội dung của báo cáo này.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

Nguyễn Phi Lan
Phó Tổng Giám Đốc
Chữ ký được ủy quyền

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 14 tháng 4 năm 2016

PricewaterhouseCoopers (Vietnam) Ltd.
16th Floor, Keangnam Hanoi Landmark 72, Pham Hung Road, Nam Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
T: +84 4 3946 2246, www.pwc.com/vn

06

GIA TĂNG GIÁ TRỊ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT THEO CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM (VAS)
- BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG THEO CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM (VAS) (TÓM TẮT)
- BÁO CÁO TÀI CHÍNH THEO CHUẨN MỰC KẾ TOÁN QUỐC TẾ (IFRS) (TÓM TẮT)

GIA TĂNG GIÁ TRỊ

Việc liên tục hình thành và gia tăng giá trị
sẽ giúp Bảo Việt duy trì vị trí Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm
hàng đầu tại Việt Nam và lan tỏa ra khu vực và thế giới,
nhằm tối đa hóa lợi ích cho khách hàng, đảm bảo lợi ích cho cổ đông,
người lao động và cộng đồng đúng như sứ mệnh và tầm nhìn của Bảo Việt.

TẬP ĐOÀN

Tập đoàn Bảo Việt (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") trước đây là một doanh nghiệp nhà nước đã được cổ phần hóa và trở thành một doanh nghiệp cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh đã được đăng ký thay đổi 8 lần, lần thứ 8 vào ngày 12 tháng 08 năm 2015.Tập đoàn niêm yết toàn bộ số cổ phần thuộc vốn điều lệ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Một số thông tin về Tập đoàn theo đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 12 tháng 08 năm 2015 như sau:

Mã số doanh nghiệp:	0100111761
Tên doanh nghiệp:	Tập đoàn Bảo Việt
Địa chỉ trụ sở chính:	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh:	Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết; kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; hoạt động kinh doanh bất động sản; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin; dịch vụ hỗ trợ giáo dục …
Vốn điều lệ:	6.804.714.340.000 đồng Việt Nam
Số cổ phần đã đăng ký:	680.471.434
Cổ đông sáng lập:	Bộ Tài chính, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC), HSBC Insurance (Asia - Pacific) Holdings Limited

Chi tiết của các công ty con và các đơn vị hạch toán phụ thuộc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày dưới đây:

CÔNG TY CON	ĐỊA CHỈ	LĨNH VỰC KINH DOANH	TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA TẬP ĐOÀN
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt ("Bảo hiểm Bảo Việt")	35 Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm và bảo hiểm con người, kinh doanh tái bảo hiểm, giám định tổn thất	100%
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ ("Bảo Việt Nhân thọ")	Tầng 37 Keangnam Hà Nội Landmark Tower, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm	100%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt ("BVF")	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	100%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC")	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Môi giới và lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán	59,92%
Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc ("Bảo Việt – Âu Lạc")	Hà Liễu, Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh hướng nghiệp lái xe	60%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt ("BVInvest")	71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, tư vấn đầu tư xây dựng, cung cấp máy móc thiết bị	95%

ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHU THUỘC	ĐỊA CHỈ
Trung tâm Đào tạo Bảo Việt	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ban Quản lý các Dự án Đầu tư Xây dựng Cơ bản Bảo Việt ("PMU")	71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội
Chi nhánh Trung tâm Công nghệ Thông tin Tập đoàn Bảo Việt	71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội

TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có các công ty liên doanh, liên kết sau:

CÔNG TY ĐƯỢC ĐẦU TƯ	VỐN ĐIỀU LỆ	VỐN TẬP ĐOÀN ĐÃ GÓP	TỶ LỆ
	VND	VND	%
Công ty liên kết			
Công ty CP Khách sạn và Du lịch Bảo Việt (Baoviet Resort)	60.000.000.000	21.000.000.000	35
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEBA (VIGEBA)	180.000.000.000	54.000.000.000	30
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Long Việt	65.043.200.000	29.269.440.000	45
Công ty Cổ phần Đầu tư SCIC – Bảo Việt (Bảo Việt SCIC)	140.000.000.000	70.000.000.000	50
Ngân hàng TMCP Bảo Việt (BaovietBank)	3.150.000.000.000	1.560.000.000.000	49,52
Công ty liên doanh			
Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt - Tokio Marine (Bảo Việt Tokio Marine)	300.000.000.000	153.000.000.000	51
		1.887.269.440.000	

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày lập báo cáo này, Tập đoàn có các sự kiện quan trọng sau:

- Ngày 17 tháng 04 năm 2015, Tập đoàn Bảo Việt đã tổ chức thành công Đại hội Đồng Cổ đông bất thường năm 2015 và thông qua danh sách bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và danh sách bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2012 - 2017.

- Ngày 17 tháng 04 năm 2015, Tập đoàn Bảo Việt đã tổ chức thành công Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2015 và thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức cho năm tài chính 2014 là 10% (1.000 đồng/cổ phiếu) tính trên vốn điều lệ 6.804.714.340.000 đồng Việt Nam tương đương với số tiền 680.471.434.000 đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

TÊN	VỊ TRÍ	NGÀY BỔ NHIỆM	NGÀY MIỄN NHIỆM
Ông Đào Đình Thi	Chủ tịch	23 tháng 12 năm 2014	
Ông Nguyễn Quang Phi	Thành viên	25 tháng 06 năm 2014	
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên	04 tháng 10 năm 2007	
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên	23 tháng 09 năm 2009	
Ông Yukihira Yoshiharu	Thành viên	24 tháng 04 năm 2013	28 tháng 03 năm 2016
Ông Muneo Sasagawa	Thành viên	02 tháng 07 năm 2015	
Ông Shuichi Sakai	Thành viên	28 tháng 03 năm 2016	
Ông Đậu Minh Lâm	Thành viên	23 tháng 12 năm 2014	
Ông Phan Kim Bằng	Thành viên	23 tháng 12 năm 2014	
Bà Thân Hiền Anh	Thành viên	23 tháng 12 năm 2014	
Ông Shinzo Kono	Thành viên	24 tháng 04 năm 2013	01 tháng 07 năm 2015

TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

TÊN	VỊ TRÍ	NGÀY BỔ NHIỆM	NGÀY MIỄN NHIỆM
Ông Nguyễn Ngọc Thụy	Trưởng Ban	25 tháng 12 năm 2014	
Ông Đặng Thái Quý	Thành viên	29 tháng 11 năm 2012	
Ông Ông Tiến Hùng	Thành viên	29 tháng 11 năm 2012	
Bà Phí Thị Quỳnh Nga	Thành viên	17 tháng 04 năm 2015	
Ông Yagi Nobuyuki	Thành viên	24 tháng 04 năm 2013	02 tháng 07 năm 2015

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

TÊN	VỊ TRÍ	NGÀY BỔ NHIỆM	NGÀY MIỄN NHIỆM
Ông Nguyễn Quang Phi	Tổng Giám đốc	25 tháng 06 năm 2014	
Ông Đỗ Trường Minh	Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động	07 tháng 04 năm 2015	
Ông Phạm Ngọc Tú	Phó Giám đốc Phụ trách Khối Quản lý Tài chính	18 tháng 05 năm 2015	
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Giám đốc Khối Chiến lược và Đầu tư	01 tháng 09 năm 2015	
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Kế toán trưởng	13 tháng 01 năm 2016	
Ông Nguyễn Thanh Hải	Kế toán trưởng	03 tháng 03 năm 2009	13 tháng 01 năm 2016
Ông Đậu Minh Lâm	Giám đốc Đầu tư	25 tháng 12 năm 2014	02 tháng 04 năm 2015
Ông Phan Tiến Nguyên	Giám đốc Nguồn Nhân lực	30 tháng 06 năm 2008	02 tháng 04 năm 2015
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Giám đốc Bất động sản	11 tháng 07 năm 2012	02 tháng 04 năm 2015
Bà Thân Hiền Anh	Giám đốc Chiến lược và Quản lý rủi ro	26 tháng 08 năm 2014	06 tháng 02 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quang Phi, chức danh: Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Tập đoàn.

Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành Tập đoàn ("Ban Điều hành") chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:

Ông Đào Đình Thi
Chủ tịch
Ngày 30 tháng 03 năm 2016

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Building a better working world

Số tham chiếu: 60780870/17122728-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Tập đoàn Bảo Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2016 và được trình bày từ trang 326 đến trang 423, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Tập đoàn

Ban Điều hành Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Building a better working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Saman Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2036-2013-004-1

Trịnh Hoàng Anh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2071-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2016

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

MÃ SỐ	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**22.163.065.317.844**	**20.746.692.302.304**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**5**	**2.256.691.436.043**	**1.424.818.218.079**
111	1. Tiền		794.330.869.093	888.582.238.243
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.462.360.566.950	536.235.979.836
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**		**14.882.101.197.172**	**14.287.017.825.862**
121	1. Chứng khoán kinh doanh	14.1	1.747.304.210.969	1.800.946.274.580
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	14.1	(404.600.653.219)	(434.945.963.067)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.2	13.539.397.639.422	12.921.017.514.349
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**	**6**	**3.500.291.385.982**	**3.207.037.379.135**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		2.775.359.664.688	2.541.662.112.710
131.1	*1.1 Phải thu về hoạt động bảo hiểm*		*996.104.945.231*	*1.024.350.822.043*
131.2	*1.2 Phải thu về hoạt động đầu tư tài chính*		*1.779.254.719.457*	*1.517.311.290.667*
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		23.739.842.786	38.232.919.846
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		800.636.014.909	691.200.395.207
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		268.834.491.340	245.165.457.835
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(368.491.592.709)	(309.436.471.431)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		212.964.968	212.964.968
140	**IV. Hàng tồn kho**	**7**	**103.010.911.121**	**175.834.608.041**
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**414.130.578.088**	**479.292.448.796**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		352.618.039.974	355.830.387.676
151.1	*1.1 Chi phí hoa hồng chưa phân bổ*	*8*	*307.028.258.405*	*294.424.717.991*
151.2	*1.2 Chi phí trả trước ngắn hạn khác*		*45.589.781.569*	*61.405.669.685*
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.338.528.906	292.081.594
155	3. Tài sản ngắn hạn khác	9	59.174.009.208	123.169.979.526
190	**VI. Tài sản tái bảo hiểm**		**1.006.839.809.438**	**1.172.691.822.391**
191	1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	22.1	516.636.365.145	551.077.133.757
192	2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	22.2	490.203.444.293	621.614.688.634

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

MÃ SỐ	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**36.389.499.190.933**	**26.821.773.239.668**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**40.044.256.836**	**38.315.757.679**
216	1. Phải thu dài hạn khác		40.044.256.836	38.315.757.679
216.1	*1.1 Ký quỹ bảo hiểm*		*18.862.496.457*	*18.862.496.457*
216.2	*1.2 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán*		*21.181.760.379*	*19.453.261.222*
220	**II. Tài sản cố định**		**1.678.491.603.232**	**1.613.381.169.352**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	840.816.714.658	828.237.324.885
222	*Nguyên giá*		*1.790.944.079.137*	*1.675.503.708.489*
223	*Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(950.127.364.479)*	*(847.266.383.604)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	837.674.888.574	785.143.844.467
228	*Nguyên giá*		*1.102.012.336.024*	*1.002.787.585.824*
229	*Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(264.337.447.450)*	*(217.643.741.357)*
230	**III. Bất động sản đầu tư**	**12**	**23.448.947.000**	**23.448.947.000**
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**		**191.987.610.818**	**307.501.420.979**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	191.987.610.818	307.501.420.979
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**		**34.352.193.347.678**	**24.752.748.896.431**
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	14.3.1	2.091.160.536.985	2.131.508.558.580
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.3.2	563.527.138.423	365.928.261.225
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	14.3.2	(54.239.974.693)	(43.068.720.189)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.2	31.751.745.646.963	22.298.380.796.815
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**103.333.425.369**	**86.377.048.227**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		48.518.305.909	42.072.590.174
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	16.2	32.909.174.875	21.056.965.443
268	3. Tài sản dài hạn khác		21.905.944.585	23.247.492.610
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**58.552.564.508.777**	**47.568.465.541.972**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

MÃ SỐ		NGUỒN VỐN	THUYẾT MINH	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014
300	**C.**	**NỢ PHẢI TRẢ**		**45.354.373.261.929**	**34.751.644.468.959**
310	**I.**	**Nợ ngắn hạn**		**10.855.723.087.317**	**6.078.796.246.571**
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	1.126.082.627.920	1.056.835.762.377
312	2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	8.228.873.607	10.223.801.033
313	3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	96.679.287.168	90.998.179.270
314	4.	Phải trả người lao động		621.422.411.172	465.165.061.497
315	5.	Chi phí phải trả ngắn hạn		51.159.635.780	47.777.057.235
318	6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		58.895.268.900	63.016.058.656
318.1	7.	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	17	95.318.882.134	88.354.037.365
319	8.	Phải trả ngắn hạn khác	18	405.716.995.604	360.782.231.289
320	9.	Vay và thuê tài chính ngắn hạn	19	29.800.759.917	2.423.774.546
322	10.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	109.969.996.853	129.099.449.921
324	11.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	21	8.252.448.348.262	3.764.120.833.382
330	**II.**	**Nợ dài hạn**		**81.118.146.928**	**61.842.683.283**
337	1.	Phải trả dài hạn khác		74.806.099.908	60.748.933.283
338	2.	Vay và thuê tài chính dài hạn	19	1.360.550.000	1.093.750.000
341	3.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	16.2	4.951.497.020	-
350	**III.**	**Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm**	**22**	**34.417.532.027.684**	**28.611.005.539.105**
351	1.	Dự phòng phí chưa được hưởng		3.140.292.894.461	3.052.932.046.850
352	2.	Dự phòng toán học		28.462.331.338.355	22.751.838.888.341
353	2.	Dự phòng bồi thường		1.239.012.550.325	1.354.340.693.437
354	4.	Dự phòng dao động lớn		159.554.338.690	103.589.577.559
355	5.	Dự phòng chia lãi		1.357.955.906.231	1.298.094.354.302
356	6.	Dự phòng đảm bảo cân đối		58.384.999.622	50.209.978.616

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

MÃ SỐ		NGUỒN VỐN	THUYẾT MINH	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014
400	**D.**	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**13.198.191.246.848**	**12.816.821.073.013**
410	I.	Vốn chủ sở hữu	23	13.198.191.246.848	12.816.821.073.013
411	1.	Vốn góp của chủ sở hữu		6.804.714.340.000	6.804.714.340.000
411a	-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*6.804.714.340.000*	*6.804.714.340.000*
411b	-	*Cổ phiếu ưu đãi*		-	-
412	2.	Thặng dư vốn cổ phần		3.184.332.381.197	3.184.332.381.197
417	3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		16.075.608.000	16.075.608.000
418	4.	Quỹ đầu tư phát triển		142.369.277.946	21.712.503.565
420	5.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		103.568.802.818	103.568.802.818
421	6.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.038.471.565.269	1.867.073.385.965
421a	-	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		*912.957.536.284*	*576.705.528.175*
421b	-	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*		*1.125.514.028.985*	*1.290.367.857.790*
423	7.	Quỹ dự trữ bắt buộc hoạt động bảo hiểm		292.449.189.772	246.015.752.941
429	8.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		616.210.081.846	573.328.298.527
440		**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**58.552.564.508.777**	**47.568.465.541.972**

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Người lập
Kế toán Trưởng

Ông Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc Phụ trách
Khối Quản lý Tài chính

Ông Nguyễn Quang Phi
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014
01	**Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 02 + 03 + 04)**	**24**	**16.206.341.123.766**	**13.908.570.112.354**
02	Phí bảo hiểm gốc	24.1	15.943.461.828.362	13.613.450.590.452
03	Phí nhận tái bảo hiểm	24.2	338.994.106.846	337.831.262.703
04	Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		(76.114.811.442)	(42.711.740.801)
05	**Phí nhượng tái bảo hiểm (05 = 06 + 07)**		**(1.110.122.686.264)**	**(1.244.455.862.694)**
06	Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	25	(1.075.681.917.652)	(1.101.757.421.476)
07	Giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		(34.440.768.612)	(142.698.441.218)
08	**Doanh thu phí bảo hiểm thuần (08 = 01+ 05)**		**15.096.218.437.502**	**12.664.114.249.660**
09	**Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (09 = 10 + 11)**		**230.334.708.024**	**118.491.032.024**
10	Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm		188.040.634.200	103.710.467.297
11	Thu nhập khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (11 = 12 + 13 + 14)		42.294.073.824	14.780.564.727
12	*Thu khác nhận tái bảo hiểm*		*16.663.303.127*	*2.253.353.476*
13	*Thu khác nhượng tái bảo hiểm*		*460.048.248*	*629.605.515*
14	*Thu hoạt động khác*		*25.170.722.449*	*11.897.605.736*
15	**Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm (15 = 08 + 09)**		**15.326.553.145.526**	**12.782.605.281.684**
16	**Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn**	**26.1**	**(5.908.181.291.969)**	**(5.857.997.058.548)**
17	**Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm**	**26.2**	**(175.660.994.859)**	**(191.531.688.856)**
18	**Các khoản giảm trừ chi phí (18 = 19 + 20)**		**32.020.103.108**	**3.753.347.011**
19	Thu đòi người thứ ba		29.159.452.809	2.352.658.590
20	Thu xử lý hàng bồi thường 100%		2.860.650.299	1.400.688.421
21	**Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm**	**26.3**	**412.871.394.428**	**590.688.073.583**
22	**Tăng dự phòng toán học**		**(5.721.738.486.144)**	**(4.078.011.210.613)**
23	**Giảm/(tăng) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm**		**115.328.143.112**	**(124.848.656.545)**
24	**Giảm/(tăng) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm**		**(131.411.244.341)**	**31.005.598.951**
25	**Tổng chi bồi thường bảo hiểm (25 = 16 + 17 + 18 + 21 + 22 + 23 + 24)**		**(11.376.772.376.665)**	**(9.626.941.595.017)**
26	**Chi bồi thường từ quỹ dao động lớn**		**46.000.000.000**	**-**
27	**Trích dự phòng dao động lớn**		**(101.964.761.130)**	**(97.921.509.054)**
28	**Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (28 = 29 + 35 + 36)**		**(3.470.111.005.347)**	**(2.825.099.283.182)**
29	Chi khác hoạt động bảo hiểm gốc (29 = 30 + 31 + 32 + 33 + 34)		(3.391.262.935.375)	(2.806.420.005.492)
30	*Chi hoa hồng*		*(1.590.676.319.790)*	*(1.180.412.549.080)*
31	*Chi đề phòng hạn chế tổn thất*		*(77.851.626.985)*	*(75.881.635.697)*
32	*Chi giám định, chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm, chi khác*		*(283.349.127.698)*	*(168.267.739.689)*
33	*Chi phí bán hàng*		*(603.548.774.126)*	*(512.755.070.237)*
34	*Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm*		*(835.837.086.776)*	*(869.103.010.789)*
35	Chi nhận tái bảo hiểm khác		(76.733.945.577)	(4.091.689.038)
36	Chi nhượng tái bảo hiểm khác		(2.114.124.395)	(14.587.588.652)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014
37	**Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (37 = 25 + 26 + 27 + 28)**		**(14.902.848.143.142)**	**(12.549.962.387.253)**
38	**Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (38 = 15 + 37)**		**423.705.002.384**	**232.642.894.431**
39.1	Thu nhập từ hoạt động ngân hàng		-	756.312.526.915
39.2	Chi phí của hoạt động ngân hàng		-	(556.841.581.888)
39	**Thu nhập thuần từ hoạt động ngân hàng (39 = 39.1 + 39.2)**		**-**	**199.470.945.027**
40.1	Doanh thu hoạt động khác		380.720.387.095	381.022.877.626
40.2	Chi phí hoạt động khác		(311.841.951.585)	(313.054.604.311)
40	**Thu nhập thuần từ các hoạt động khác (40 = 40.1 + 40.2)**	**27**	**68.878.435.510**	**67.968.273.315**
41	**Chi phí quản lý doanh nghiệp (41 = 41.1 + 41.2 + 41.3)**	**28**	**(2.011.740.532.968)**	**(1.887.130.943.926)**
41.1	Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hoạt động bảo hiểm		(1.642.896.766.177)	(1.473.465.751.814)
41.2	Chi phí quản lý liên quan trực tiếp đến hoạt động ngân hàng		-	(120.204.588.097)
41.3	Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan đến các lĩnh vực khác		(368.843.766.791)	(293.460.604.015)
42.1	**Lỗ thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (42.1 = 38 + 41.1)**		**(1.219.191.763.793)**	**(1.240.822.857.383)**
	Trong đó:			
	- Lỗ thuần từ hoạt động bảo hiểm nhân thọ		*(1.310.138.026.037)*	*(1.257.924.310.120)*
	- Lãi thuần từ hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ		*90.946.262.244*	*17.101.452.737*
42.2	**Lợi nhuận thuần hoạt động ngân hàng (42.2 = 39 + 41.2)**		**-**	**79.266.356.930**
42.3	**Lỗ thuần từ các hoạt động khác (42.3 = 40 + 41.3)**		**(299.965.331.281)**	**(225.492.330.700)**
43	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**29.1**	**3.792.751.239.962**	**3.679.557.715.587**
44	**Chi phí hoạt động tài chính**	**29.2**	**(902.875.801.850)**	**(823.337.077.107)**
45	**Lợi nhuận hoạt động tài chính (45 = 43 + 44)**		**2.889.875.438.112**	**2.856.220.638.480**
46	**Thu nhập hoạt động khác**		**9.722.047.264**	**15.348.571.228**
47	**Chi phí hoạt động khác**		**(4.754.363.380)**	**(5.475.388.777)**
48	**Lợi nhuận từ hoạt động khác (48 = 46+47)**	**30**	**4.967.683.884**	**9.873.182.451**
49	**Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, đơn vị kinh doanh đồng kiểm soát**		**93.205.829.716**	**148.260.435.519**
50	**TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (50 = 42.1 + 42.2 + 42.3 + 45 + 48 + 49)**		**1.468.891.856.638**	**1.627.305.425.297**
51	**Dự phòng bảo đảm cân đối**		**(8.175.021.006)**	**(7.550.598.372)**
52	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**		**(292.686.127.870)**	**(299.585.828.339)**
53	**Chi phí thuế thu nhập hoãn lại**		**6.900.712.412**	**11.099.556.842**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014
54	LỢI NHUẬN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (54 = 50 + 51 + 52 + 53)		1.174.931.420.174	1.331.268.555.428
55	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		46.924.275.754	72.711.673.813
56	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA CHỦ SỞ HỮU TẬP ĐOÀN (56 = 54 - 55)		1.128.007.144.420	1.258.556.881.615
57	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	1.658	1.718

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Người lập
Kế toán Trưởng

Ông Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc Phụ trách
Khối Quản lý Tài chính

Ông Nguyễn Quang Phi
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

MÃ SỐ		CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014
I.		**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
01	**1.**	**Lợi nhuận trước thuế**		**1.468.891.856.638**	**1.627.305.425.297**
	2.	**Điều chỉnh cho các khoản**		**2.928.578.290.862**	**1.186.648.076.922**
02	-	Khấu hao TSCĐ		158.323.745.833	148.559.426.441
03	-	Các khoản dự phòng		5.983.182.996.807	4.448.320.231.841
04	-	Lãi chênh lệch tỉ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(4.782.030.076)	(2.608.710.751)
05	-	Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.431.723.815.825)	(3.640.010.063.211)
06	-	Chi phí lãi vay		223.577.394.123	232.387.192.602
08	**3.**	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**4.397.470.147.500**	**2.813.953.502.219**
09	-	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		118.470.490.972	(2.060.607.894.851)
10	-	Tăng hàng tồn kho		(94.009.033.080)	(13.609.008.852)
11	-	Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		218.102.147.001	6.964.345.916.736
12	-	Tăng chi phí trả trước		(3.233.368.033)	(285.074.667.415)
13	-	Giảm chứng khoán kinh doanh		112.366.056.141	95.751.322.003
14	-	Tiền lãi vay đã trả		(167.024.839.413)	(239.517.144.210)
15	-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(274.892.086.257)	(359.348.577.046)
17	-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(114.407.606.966)	(154.096.070.568)
20		**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**4.192.841.907.865**	**6.761.797.378.016**
II.		**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
21	1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(108.040.074.269)	(145.508.165.710)
22	2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.055.555.257	4.971.525.933
23	3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(13.542.772.264.140)	(9.058.381.027.193)
24	4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		3.534.899.361.649	2.193.775.256.163
25	5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(197.598.877.198)	-
27	6	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.107.618.426.268	3.474.335.713.100
28	7	Phát sinh từ việc thay đổi phương pháp hợp nhất Baoviet Bank		-	(7.670.212.570.700)
30		**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(7.204.837.872.433)**	**(11.201.019.268.407)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
32	1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(39.013.395.859)
33	2. Tiền thu từ đi vay (bao gồm hoạt động repo)		16.897.026.534.657	17.879.010.021.796
34	3. Tiền trả nợ gốc vay (bao gồm hoạt động repo)		(12.373.735.516.055)	(18.230.628.390.000)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu Tập đoàn và các cổ đông không kiểm soát		(681.281.899.550)	(1.063.159.934.400)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính**		**3.842.009.119.052**	**(1.453.791.698.463)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**830.013.154.484**	**(5.893.013.588.854)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**1.424.818.218.079**	**7.318.047.598.296**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.860.063.480	(215.791.363)
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**5**	**2.256.691.436.043**	**1.424.818.218.079**

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Người lập
Kế toán Trưởng

Ông Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc Phụ trách
Khối Quản lý Tài chính

Ông Nguyễn Quang Phi
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2016

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Bảo Việt (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") trước đây là một doanh nghiệp nhà nước đã được cổ phần hóa và trở thành một doanh nghiệp cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh được đăng ký thay đổi 8 lần, lần 8 vào ngày 12 tháng 08 năm 2015.

Tập đoàn niêm yết toàn bộ số cổ phần thuộc vốn điều lệ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Một số thông tin về Tập đoàn theo đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 12 tháng 08 năm 2015 như sau:

Mã số doanh nghiệp:	0100111761
Tên doanh nghiệp:	Tập đoàn Bảo Việt
Địa chỉ trụ sở chính:	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Ngành nghề kinh doanh:	Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết; kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; và hoạt động kinh doanh bất động sản; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin; dịch vụ hỗ trợ giáo dục …
Vốn điều lệ:	6.804.714.340.000 đồng Việt Nam
Số cổ phần đã đăng ký:	680.471.434
Cổ đông sáng lập:	Bộ Tài chính, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC), HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited
Người đại diện theo pháp luật:	Ông Nguyễn Quang Phi Chức danh: Tổng Giám đốc

Cơ cấu vốn cổ phần của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NẮM GIỮ	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
Bộ Tài chính	482.509.800	70,91
Sumitomo Life	122.509.091	18,00
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	22.154.400	3,26
Các cổ đông khác	53.298.143	7,83
Tổng cộng	**680.471.434**	**100**

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Chi tiết của các Công ty con, các đơn vị hạch toán phụ thuộc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày dưới đây:

Các Công ty con

CÔNG TY CON	ĐỊA CHỈ	LĨNH VỰC KINH DOANH	TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA TẬP ĐOÀN
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt ("Bảo hiểm Bảo Việt")	35 Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm và bảo hiểm con người, kinh doanh tái bảo hiểm, giám định tổn thất	100%
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ ("Bảo Việt Nhân thọ")	Tầng 37 Keangnam Hà Nội Landmark Tower, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm	100%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt ("BVF")	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	100%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC")	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn và lưu ký chứng khoán	59,92%
Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc ("Bảo Việt - Âu Lạc")	Hà Liễu, Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh hướng nghiệp lái xe	60%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt ("BVInvest")	71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, tư vấn đầu tư xây dựng, cung cấp máy móc thiết bị	95%

- Bảo hiểm Bảo Việt được thành lập ngày 21 tháng 06 năm 2004 theo Quyết định số 1296/QĐ/BTC của Bộ Tài chính và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01/GPĐC3/KDBH do Bộ Tài chính cấp cùng ngày. Sau khi Tập đoàn được cổ phần hóa, vào ngày 23 tháng 11 năm 2007, Bộ Tài chính đã cho phép Tập đoàn được thành lập lại Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 45GP/KDBH. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ của Bảo hiểm Bảo Việt là 2.000 tỷ VND.

- Bảo Việt Nhân thọ được thành lập ngày 04 tháng 12 năm 2003 theo Quyết định số 3668/QĐ/BTC của Bộ Tài chính. Sau khi Tập đoàn được cổ phần hóa, vào ngày 23 tháng 11 năm 2007, Bộ Tài chính đã cho phép Tập đoàn được thành lập lại Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ dưới hình thức chuyển đổi từ Bảo hiểm Nhân thọ Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 46/GP/KDBH. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ của Bảo hiểm Nhân thọ là 2.000 tỷ VND.

- BVF được thành lập vào ngày 22 tháng 08 năm 2005 theo Quyết định số 911/2005/QĐ/HDQT-BV của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam và Giấy phép Kinh doanh số 0104000256 ban hành ngày 22 tháng 08 năm 2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội và giấy phép điều chỉnh số 27/UBCK-GPĐCQLQ ngày 22 tháng 09 năm 2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ của BVF là 100 tỷ VND.

- BVSC được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với mức vốn điều lệ là 43.000.000.000 đồng Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ của BVSC là 722.339.370.000 VND.

- Bảo Việt - Âu Lạc được thành lập vào ngày 18 tháng 02 năm 2009 theo Quyết định số 2300373648 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ của Bảo Việt - Âu Lạc là 60.660.000.000 VND.

- BVInvest được thành lập vào ngày 09 tháng 01 năm 2009 theo Giấy phép Kinh doanh số 0103034168 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ của BVInvest là 200 tỷ VND.

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Trong đó, vốn góp trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn vào BVInvest như sau:

	SỐ VỐN GÓP CAM KẾT VND	% TRÊN VỐN ĐIỀU LỆ	SỐ VỐN ĐÃ GÓP VND
Đầu tư trực tiếp của Công ty Mẹ	165.000.000.000	55	110.000.000.000
Đầu tư gián tiếp qua các Công ty con	120.000.000.000	40	80.000.000.000
- *Bảo Việt Nhân thọ*	60.000.000.000	20	40.000.000.000
- *Bảo hiểm Bảo Việt*	60.000.000.000	20	40.000.000.000
	285.000.000.000	**95**	**190.000.000.000**

Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt (BVIF)

BVIF được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đóng theo giấy phép số 233/TB-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2015. Thời gian hoạt động ban đầu của Quỹ là 08 năm kể từ ngày được cấp giấy phép.

Quỹ được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt là công ty con của Tập đoàn Bảo Việt. Ngân hàng giám sát của Quỹ BVIF là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn góp trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn vào BVIF như sau:

	SỐ VỐN GÓP (VND)	TỶ LỆ TRÊN VỐN ĐIỀU LỆ
Đầu tư trực tiếp của Công ty Mẹ	420.000.000.000	42%
Đầu tư gián tiếp qua các Công ty con		
- *Bảo Việt Nhân thọ*	350.000.000.000	35%
- *Bảo hiểm Bảo Việt*	150.000.000.000	15%
- *Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt*	80.000.000.000	8%
	1.000.000.000.000	**100%**

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC	ĐỊA CHỈ
Trung tâm Đào tạo Bảo Việt	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ban Quản lý các Dự án Đầu tư Xây dựng Cơ bản Bảo Việt ("PMU")	71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội
Chi nhánh Trung tâm Công nghệ Thông tin Tập đoàn Bảo Việt	71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Các công ty liên doanh liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có các công ty liên doanh, liên kết sau:

CÔNG TY ĐƯỢC ĐẦU TƯ	VỐN ĐIỀU LỆ (VND)	VỐN TẬP ĐOÀN ĐÃ GÓP (VND)	TỶ LỆ (%)
Công ty liên kết			
Công ty CP Khách sạn và Du lịch Bảo Việt (Baoviet Resort)	60.000.000.000	21.000.000.000	35
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEBA (VIGEBA)	180.000.000.000	54.000.000.000	30
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Long Việt	65.043.200.000	29.269.440.000	45
Công ty Cổ phần Đầu tư SCIC – Bảo Việt (Bảo Việt SCIC)	140.000.000.000	70.000.000.000	50
Ngân hàng TMCP Bảo Việt (BaovietBank)	3.150.000.000.000	1.560.000.000.000	49,52
Công ty liên doanh			
Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt - Tokio Marine (Bảo Việt Tokio Marine)	300.000.000.000	153.000.000.000	51
		1.887.269.440.000	

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Mẹ Tập đoàn và các Công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4);
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty Mẹ Tập đoàn là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư tài chính và lập báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200"). Tuy nhiên, do Công ty Mẹ Tập đoàn và các công ty con có các hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập dựa trên Thông tư số 200, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 202") và có tham khảo đến các nội dung hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ ban hành kèm theo Quyết định số 1296 TC/QĐ/CĐKT ngày 31 tháng 12 năm 1996 của Bộ Tài chính và Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp bảo hiểm và Thông tư số 232/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012 - Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài ("Thông tư 232").

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Mẹ Tập đoàn, các công ty con và BVIF (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty Mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty Mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty Mẹ Tập đoàn có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty con nhằm thu lợi ích từ hoạt động này.

Báo cáo tài chính của Công ty Mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn, được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tập đoàn là Chứng từ ghi sổ.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Tập đoàn thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam ("VND").

2.5 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Ngoài ra, Tập đoàn còn lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng quý.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Điều hành Tập đoàn cam kết đã lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Tập đoàn cũng đồng thời tuân thủ chính sách kế toán về ghi nhận giá trị định giá lại quyền sử dụng đất như được trình bày tại Thuyết minh số 4.6.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi sau:

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Tập đoàn cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 39.

Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007, và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Tập đoàn áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định tại Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

Thông tư số 194/2014/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 124/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính

Ngày 17 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 194/2014/TT-BTC ("Thông tư 194") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 124/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 và Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 ngày 7 năm 2012 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

Thông tư 194 yêu cầu thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ, Bảo hiểm Bảo Việt hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và chỉ hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của các kỳ đóng phí bảo hiểm tiếp theo khi bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm sẽ tự chấm dứt hiệu lực khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 như sau:

THỜI GIAN QUÁ HẠN	MỨC TRÍCH DỰ PHÒNG
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Tập đoàn chủ yếu bao gồm ấn chỉ của các công ty con hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm và hàng hóa bất động sản của BVInvest được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

Hàng hóa bất động sản của BVInvest

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của BVInvest, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- Chi phí mua đất, tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu;
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Hoa hồng không hoàn lại thanh toán cho nhân viên kinh doanh hay tiếp thị để bán bất động sản được tính vào chi phí khi thanh toán.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình dựa trên giá trị định giá lại do chuyên gia thẩm định giá thực hiện đối với các lô đất mà Tập đoàn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc đang trong thời gian chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005 nhằm phục vụ mục đích cổ phần hóa của Công ty Mẹ Tập đoàn.

4.7 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
Máy móc thiết bị	03 - 07 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 08 năm
Trang thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	04 năm
Phần mềm tin học	03 - 05 năm
Tài sản cố định vô hình khác	03 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	theo thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Tập đoàn không trích khấu hao liên quan đến các giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn hạn theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

4.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất có thời hạn	Theo thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
Nhà cửa	06 - 50 năm
Tài sản khác	05 - 10 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

4.10 Các khoản đầu tư chứng khoán

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể mà không phải dưới hình thức công ty con hay công ty liên doanh. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi đầu tư.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Danh sách các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 14.3.1

Đầu tư vào liên doanh

Khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Các khoản đầu tư chứng khoán (tiếp theo)

Đầu tư vào liên doanh (tiếp theo)

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận/(lỗ) của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi của quỹ dự trữ sau khi mua được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên doanh. Cổ tức được nhận từ công ty liên doanh được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Góp vốn trong các hoạt động liên doanh tài sản được đồng kiểm soát

Phần vốn góp của Tập đoàn trong các hoạt động liên doanh tài sản được đồng kiểm soát được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất bằng cách hạch toán:

- phần chia của Tập đoàn/Nhóm Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản;
- các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Tập đoàn/Nhóm Công ty;
- phần sở hữu của Tập đoàn/Nhóm Công ty trong các khoản nợ phải trả cùng chịu với các bên liên doanh khác;
- thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ sản lượng hoặc khối lượng dịch vụ của đơn vị liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- các khoản chi phí của Tập đoàn/Nhóm Công ty phát sinh từ việc góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Tùy theo mục đích nắm giữ, các khoản đầu tư chứng khoán được phân loại thành các nhóm: chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

- Chứng khoán kinh doanh: bao gồm chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán và các loại chứng khoán, công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá mua thực tế trừ đi dự phòng giảm giá.
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản tiền gửi kỳ hạn, cho vay kỳ hạn và các khoản đầu tư khác được nắm giữ tới ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ban đầu được ghi nhận theo giá gốc và sau đó được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: bao gồm các khoản đầu tư vào vốn chủ sở hữu của đơn vị khác nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế trừ dự phòng giảm giá trị.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Các khoản đầu tư chứng khoán (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Dự phòng giảm giá trị được lập theo các quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 5 Thông tư 228 ("Thông tư 89"), Thông tư số 146/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ ("Thông tư 146") và các quy định khác có liên quan. Chi tiết cơ sở đánh giá sự giảm giá của các khoản mục đầu tư được trình bày như dưới đây:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán} = \text{Số lượng chứng khoán bị giảm giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán} \times \left[\text{Giá chứng khoán hạch toán trên sổ sách} - \text{Giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán}\right]$$

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và chứng khoán đăng ký giao dịch tại UpCom, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

  Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên hoặc các chứng khoán OTC đã được lập dự phòng năm trước nhưng năm nay không thu thập đủ 03 báo giá, Tập đoàn không thực hiện trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập dựa theo hướng dẫn của Thông tư 228. Tập đoàn sẽ đánh giá khả năng thu hồi của các khoản đầu tư này và trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, Tập đoàn sẽ ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu do Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy ("Vinashin" – nay là SBIC) phát hành, căn cứ vào lịch sử trả nợ gốc và lãi, Tập đoàn đã dừng ghi nhận doanh thu lãi trái phiếu và thực hiện theo dõi ngoại bảng đối với lãi trái phiếu chưa thu được từ các khoản đầu tư này. Đối với các khoản trái phiếu đã quá hạn thanh toán gốc mà chưa thu được, Tập đoàn đã trích lập dự phòng theo Thông tư 228. Đối với các khoản trái phiếu đáo hạn năm 2017, bắt đầu từ năm tài chính 2015, Tập đoàn thực hiện trích lập dự phòng theo tỷ lệ 20%/năm trong vòng 05 năm trên 100% số dư nợ gốc. Từ năm 2015, Tập đoàn cũng đồng thời đưa toàn bộ số lãi dự thu đã ghi nhận trước đó cùng với dự phòng có liên quan ra theo dõi ngoại bảng.

Tương tự, đối với các khoản đầu tư tiền gửi vào Công ty Tài chính Công nghiệp Tàu thủy ("VFC") và Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn II ("ALCII") đã quá hạn, căn cứ tình hình tài chính và khả năng trả nợ gốc và lãi của các hợp đồng tiền gửi này, Tập đoàn đã trích lập dự phòng 100% đối với phần gốc đã quá hạn theo Thông tư 228, đồng thời dừng ghi nhận doanh thu lãi tiền gửi, thực hiện theo dõi ngoại bảng đối với lãi dự thu chưa thu được theo hướng dẫn tại Thông tư 200. Bắt đầu từ năm tài chính 2015, Tập đoàn đưa toàn bộ số lãi dự thu đã ghi nhận trước đó cùng với dự phòng có liên quan ra theo dõi ngoại bảng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Các khoản đầu tư chứng khoán (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đối với các khoản vốn góp của doanh nghiệp vào các tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của pháp luật và các khoản đầu tư dài hạn khác phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo quy định tại Thông tư 228 và Thông tư 89.

Mức trích cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức được quy định trong Thông tư 89 như sau:

$$\text{Mức trích dự phòng cho mỗi khoản đầu tư tài chính} = \left[\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế} - \text{Vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế}\right] \times \frac{\text{Số vốn đầu tư của Tập đoàn}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Căn cứ để lập dự phòng là khi vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

4.11 Tạm ứng từ giá trị giải ước

Người tham gia bảo hiểm có hợp đồng bảo hiểm đã đóng phí đủ từ 24 tháng trở lên và có giá trị giải ước có quyền được yêu cầu tạm ứng từ giá trị giải ước theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với giá trị tối đa bằng 80% giá trị giải ước và lãi tích lũy đến thời điểm tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

Tạm ứng từ giá trị giải ước được ghi nhận theo giá gốc và được trình bày trong mục "Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lãi suất cho từng hợp đồng sẽ do Bảo Việt Nhân thọ thông báo trong từng thời kỳ. Phần tiền lãi phát sinh từ các hợp đồng này được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hợp nhất trong kỳ.

4.12 Chứng khoán bán và mua lại theo hợp đồng có kỳ hạn ("hợp đồng repo")

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được phân bổ vào chi phí trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại theo phương pháp đường thẳng.

4.13 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.14 Lợi ích nhân viên

Các khoản trợ cấp hưu trí

Trợ cấp hưu trí cho các nhân viên của Tập đoàn sau khi nghỉ hưu do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam chi trả. Theo quy định, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, hàng tháng Tập đoàn sẽ đóng góp vào quỹ lương hưu cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo mức 18% trên mức lương cơ bản của nhân viên. Tập đoàn cũng trích 3% mức lương cơ bản để tham gia bảo hiểm y tế. Ngoài ra, Tập đoàn không có nghĩa vụ nào khác liên quan đến trợ cấp hưu trí.

Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

- *Trợ cấp thôi việc tự nguyện:* theo quy định tại Điều 42, Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2012, Tập đoàn có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc tự nguyện, với mức tương đương là nửa tháng lương cơ bản cho mỗi năm làm việc cộng với các khoản thù lao khác (nếu có) tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của 6 tháng gần nhất tính đến thời điểm kết thúc năm kế toán;

- *Trợ cấp mất việc:* theo quy định tại Điều 17 Bộ Luật Lao động, Tập đoàn có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho các nhân viên mất việc do việc chuyển đổi cơ cấu hoặc do thay đổi về công nghệ. Trong trường hợp này, Tập đoàn sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng lương.

Theo quy định tại Thông tư số 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012, từ năm 2012, Tập đoàn không trích lập hay duy trì Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, theo quy định mới của luật Bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11 ban hành ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ, người lao động đóng bằng 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện việc thu, chi, quản lý Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.15 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo Thông tư số 125/2012/TT-BTC ("Thông tư 125") do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 07 năm 2012. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ của Tập đoàn bao gồm:

DỊCH VỤ BẢO HIỂM NHÂN THỌ	DỊCH VỤ BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ
Dự phòng toán học	Dự phòng phí chưa được hưởng
Dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng	Dự phòng bồi thường
Dự phòng bồi thường	Dự phòng dao động lớn
Dự phòng chia lãi	
Dự phòng đảm bảo cân đối	

Chi tiết về các quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ được trình bày dưới đây:

4.15.1 Các quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ

- Dự phòng toán học là phần chênh lệch giữa giá trị hiện tại của các khoản bảo hiểm phải trả trong tương lai và giá trị hiện tại của phí bảo hiểm thuần được điều chỉnh theo phương pháp Zillmer đối với các khoản phải thu phí bảo hiểm trong tương lai. Dự phòng toán học được tính toán cho các đơn bảo hiểm có thời hạn trên một (01) năm với các công thức tính toán bảo hiểm cụ thể và những nhân tố cho mỗi loại sản phẩm đã được đăng ký và chấp nhận bởi Bộ Tài chính. Dự phòng toán học cho những sản phẩm của bảo hiểm liên kết chung được Bảo Việt Nhân thọ tính toán theo các quy định và hướng dẫn của Bộ Tài chính ban hành theo Quyết định số 96/2007/QD-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 và theo Thông tư 125 và theo các nguyên tắc và công thức tính toán được chấp nhận rộng rãi trên toàn thế giới. Phương pháp và cơ sở để xác định số liệu dự phòng nghiệp vụ đối với sản phẩm liên kết chung của Bảo Việt Nhân thọ đã đăng ký và được Bộ Tài chính phê duyệt.

- Dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng là dự phòng cho thu nhập chưa được hưởng của những khoản đã trả vào ngày lập báo cáo tài chính và được tính toán trên phí bảo hiểm gộp cho tất cả các đơn bảo hiểm có thời hạn từ một năm trở xuống còn hiệu lực vào ngày lập báo cáo.

- Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết và dự phòng cho các tổn thất đã xảy ra nhưng chưa thông báo.

  - Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết: được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.

  - Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường (IBNR) chỉ được áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ một năm trở xuống.

- Dự phòng chia lãi là khoản dự phòng cho phần lãi tích luỹ chưa trả đối với các hợp đồng bảo hiểm được chia lãi. Dự phòng chia lãi được tính trên phần chênh lệch giữa tỷ lệ lãi suất đầu tư thực hiện đã thông báo cho các hợp đồng được chia lãi và lãi suất kỹ thuật của hợp đồng đó.

- Dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập bằng một phần trăm (1%) của lợi nhuận trước thuế, được trích lập hàng năm cho đến khi dự phòng này bằng năm phần trăm (5%) của phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính của Bảo Việt Nhân thọ.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.15 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

4.15.2 Các quỹ dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm hoặc theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể:

- Đối với bảo hiểm hàng hoá, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập bằng 25% trên tổng phí.
- Đối với các loại hình bảo hiểm khác, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo phương pháp 1/8. Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm phát hành trong một quý của doanh nghiệp bảo hiểm phân bổ đều giữa các tháng trong quý, hay nói một cách khác, toàn bộ hợp đồng bảo hiểm của một quý cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa quý đó. Dự phòng phí chưa được hưởng sẽ được tính theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \text{Phí bảo hiểm} \times \text{Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng}$$

- Đối với các đơn bảo hiểm có thời hạn dài hơn một năm, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo phương pháp từng ngày theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \frac{\text{Phí bảo hiểm x Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm}}$$

- Các khoản dự phòng phí chưa được hưởng của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí chưa được hưởng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

(ii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm: dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết được xác định dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ, sau khi trừ đi phần thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm; và
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại (IBNR) xác định theo quy định tại Thông tư 125, theo đó:

$$\text{Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại của năm tài chính} = \frac{\text{Tổng số tiền BT cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi BT của 3 năm TC trước liên tiếp}}{\text{Tổng số tiền BT phát sinh của 3 năm TC trước liên tiếp}} \times \text{Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại} \times \frac{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm TC hiện tại}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm TC trước}} \times \frac{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi BT bình quân của năm TC hiện tại}}{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi BT bình quân của năm TC trước}}$$

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.15 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

4.15.2 Các quỹ dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ (tiếp theo)

(ii) Dự phòng bồi thường (tiếp theo)

- Các khoản dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc, dự phòng dao động lớn và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

(iii) Dự phòng dao động lớn

- Dự phòng dao động lớn được trích mỗi năm cho đến khi dự phòng đạt được mức 100% mức phí giữ lại trong năm tài chính và được trích lập trên cơ sở phí bảo hiểm giữ lại. Bảo hiểm Bảo Việt sử dụng dự phòng dao động lớn để bồi thường khi có dao động lớn về tổn thất hoặc tổn thất lớn xảy ra mà tổng phí bảo hiểm giữ lại trong năm tài chính sau khi đã trích lập dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết không đủ để chi trả tiền bồi thường đối với phần trách nhiệm giữ lại Bảo hiểm Bảo Việt.

4.15.3 Quy định về trích lập dự phòng theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam – Chuẩn mực về hợp đồng bảo hiểm (VAS 19)

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành bốn chuẩn mực kế toán ("CMKT") mới, bao gồm CMKT số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối là không cần thiết do dự phòng này phản ánh "các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tuy nhiên, do Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng CMKT số 19 và theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 03 năm 2007 về việc quy định chế độ tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, Tập đoàn hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối trên báo cáo tài chính hợp nhất .

Tỷ lệ trích lập dự phòng dao động lớn của Bảo hiểm Bảo Việt hiện tại là 2% tổng phí giữ lại của từng loại hình bảo hiểm theo Thông tư 125 và tỷ lệ trích lập dự phòng đảm bảo cân đối của Bảo Việt Nhân thọ là 1% lợi nhuận trước thuế hàng kỳ.

4.16 Quỹ dự trữ bắt buộc

Các quỹ dự trữ bắt buộc dưới đây được trích lập phù hợp với các quy định hiện hành mà Tập đoàn và các Công ty con đang hoạt động trong từng lĩnh vực cụ thể:

Hoạt động bảo hiểm

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế mỗi kỳ kế toán và số dư tối đa là 10% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 03 năm 2007. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt đã trích 5% lợi nhuận sau thuế vào quỹ dự trữ bảo hiểm bắt buộc.

Hoạt động chứng khoán, quản lý quỹ

BVSC và BVF là Công ty con của Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán và quản lý quỹ sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Thông tư 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Quỹ dự trữ bắt buộc (tiếp theo)

Hoạt động chứng khoán, quản lý quỹ (tiếp theo)

	MỨC TRÍCH LẬP TỪ LỢI NHUẬN SAU THUẾ	MỨC TRÍCH LẬP TỐI ĐA
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

4.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Bảo hiểm nhân thọ

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với Thông tư 125. Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận khi bên mua bảo hiểm đã chấp nhận và đóng phí bảo hiểm. Phí bảo hiểm đóng một lần được ghi nhận là doanh thu kể từ khi hợp đồng có hiệu lực. Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến thời điểm hiệu lực tại ngày cuối kỳ kế toán được ghi nhận ở phần "Phí bảo hiểm tạm thu" và được thể hiện ở mục" Người mua trả tiền trước ngắn hạn" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất .

Tổng phí thu được từ các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung được ghi nhận là doanh thu. Giá trị quỹ liên kết chung được các Chuyên gia định phí của Bảo Việt Nhân thọ tính toán và được ghi nhận thông qua "Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Bảo hiểm phi nhân thọ

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT/BTC ngày 30 tháng 07 năm 2012 ("Thông tư 125") do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và Thông tư số 194/2014/TT-BTC ("Thông tư 194") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 124/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 và Thông tư số 125.

Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng được những điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; (2) có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm và (3) hợp đồng bảo hiểm được giao kết và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm thì doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm vẫn phải hạch toán vào thu nhập khoản tiền cho bên mua bảo hiểm nợ mặc dù bên mua bảo hiểm chưa đóng phí bảo hiểm. Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực trong trường hợp đóng phí bảo hiểm một lần và cho kỳ phí đầu tiên trong trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ. Trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ, Bảo hiểm Bảo Việt hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và chỉ hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của các kỳ đóng phí bảo hiểm tiếp theo khi bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Bảo hiểm phi nhân thọ (tiếp theo)

Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm sẽ tự chấm dứt hiệu lực khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối kỳ kế toán được ghi nhận vào "Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn" hoặc "Doanh thu chưa thực hiện dài hạn" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Đối với trái phiếu, doanh thu tiền lãi bao gồm cả số phân bổ theo phương pháp đường thẳng các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của trái phiếu và giá trị của trái phiếu khi đáo hạn. Khi tiền lãi chưa thu của một khoản đầu tư trái phiếu đã được dồn tích trước khi Tập đoàn mua lại khoản trái phiếu đó, thì khi thu được tiền lãi từ khoản đầu tư trái phiếu, Tập đoàn phân bổ vào cả các kỳ trước khi nó được mua. Chỉ có phần tiền lãi của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua mới được ghi nhận là doanh thu của Tập đoàn. Phần tiền lãi của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí lưu ký, phí thưởng hoạt động, phí môi giới, bảo lãnh phát hành, v.v... được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện được một phần và doanh thu có thể được xác định một cách chắc chắn.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Lãi từ kinh doanh chứng khoán được tính từ phần chênh lệch giữa giá bán và giá gốc bình quân của chứng khoán.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức hay lợi nhuận được chia của Tập đoàn với tư cách là nhà đầu tư được xác định. Theo quy định tại Thông tư 200, Tập đoàn không ghi nhận doanh thu đối với phần cổ tức được trả bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu theo dõi ngoại bảng.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.18 Ghi nhận chi phí

Chi bồi thường và chi trả đáo hạn

Đối với bảo hiểm nhân thọ, chi bồi thường và chi trả đáo hạn được ghi nhận khi nghĩa vụ thanh toán đối với chủ hợp đồng theo điều khoản hợp đồng được xác lập.

Đối với bảo hiểm phi nhân thọ, chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Bảo hiểm Bảo Việt chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng theo đề nghị của khách hàng thì số tiền bồi thường đã thanh toán cũng được ghi nhận vào chi phí bồi thường. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối kỳ được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Chi hoa hồng

Đối với bảo hiểm nhân thọ, chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ nhất định phù hợp với Thông tư số 124/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 07 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thi hành Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 về Luật Kinh doanh Bảo hiểm ("Thông tư 124").

Đối với bảo hiểm phi nhân thọ, Bảo hiểm Bảo Việt tính toán hoa hồng phải chi trả của mỗi loại sản phẩm bảo hiểm theo tỷ lệ phần trăm nhất định trên doanh thu phí bảo hiểm gốc phù hợp với các tỷ lệ quy định tại Thông tư 124 và chỉ ghi nhận vào chi phí kinh doanh bảo hiểm cho phần chi phí hoa hồng được phân bổ trong năm theo tỷ lệ phù hợp với phần doanh thu phí được hưởng. Phần hoa hồng chưa được phân bổ sẽ được ghi nhận như là một khoản chi phí trả trước và sẽ được phân bổ vào chi phí kinh doanh bảo hiểm cho các kỳ tiếp theo.

Giá vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Giá vốn đất đã chuyển nhượng bao gồm toàn bộ các chi phí phát sinh trực tiếp cho các hoạt động phát triển đất hoặc các chi phí có thể phân bổ trên cơ sở hợp lý cho các hoạt động này bao gồm:

- Toàn bộ các chi phí về đất và phát triển đất;
- Các chi phí bắt buộc, không thu hồi được khác phát sinh trong quá trình hình thành bất động sản liên quan đến các hoạt động phát triển đất hiện tại và trong tương lai của dự án.

Tài sản đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

4.19 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

(i) Nhượng tái bảo hiểm

- Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.19 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm (tiếp theo)

(i) Nhượng tái bảo hiểm (tiếp theo)

- Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.
- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận. Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp phải xác định khoản doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được tính doanh thu kỳ này tương ứng với phí bảo hiểm nhượng tái chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau.

(ii) Nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định

- Thu nhập và chi phí liên quan đến các hoạt động nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, doanh thu và chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của Bảo hiểm Bảo Việt.

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

- Thu nhập phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bản kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm;
- Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm; và
- Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thỏa thuận nhận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm. Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp phải xác định khoản chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm chưa được tính chi phí kỳ này tương ứng với phí bảo hiểm nhận tái chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau.

4.20 Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Số tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của một hợp đồng xây dựng đã được ghi nhận cho đến thời điểm báo cáo và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ đến cùng thời điểm được ghi nhận vào khoản phải thu/phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.22 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ Đầu tư và Phát triển: được trích lập cho mục đích đầu tư mở rộng quy mô hoạt động, đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.
- Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi: được trích lập cho mục đích khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho người lao động, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Quỹ An sinh xã hội: được trích lập cho mục đích hỗ trợ các hoạt động an sinh, xã hội, vì cộng đồng.

4.23 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán.
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.23 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư.
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.24 Các khoản mục ngoại bảng

Theo Chế độ kế toán doanh nghiệp bảo hiểm, các hợp đồng bảo hiểm đã được ký kết nhưng chưa phát sinh trách nhiệm đối với các doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không cần phải phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi phí bảo hiểm đã được thu hoặc đơn bảo hiểm có hiệu lực.

Ngoài ra, Tập đoàn hoạt động trên các lĩnh vực chứng khoán, quản lý quỹ, ... do vậy một số thông tin liên quan đến các khoản mục như chứng khoán lưu ký và chưa lưu ký, cam kết ngoại bảng, danh mục ủy thác đầu tư... cũng được trình bày ngoại bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các yêu cầu luật định áp dụng cho các hoạt động này.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

CHỈ TIÊU	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 VND
Tiền mặt tại quỹ	51.716.826.934	48.684.110.623
Tiền gửi ngân hàng	697.033.665.556	796.336.061.071
Tiền đang chuyển	45.580.376.603	43.562.066.549
Các khoản tương đương tiền (*)	1.462.360.566.950	536.235.979.836
Tổng	**2.256.691.436.043**	**1.424.818.218.079**

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các hợp đồng tiền gửi tại các tổ chức tài chính có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

CHỈ TIÊU	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 VND
Phải thu về hoạt động bảo hiểm		
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	516.988.143.537	636.731.557.905
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	172.196.603.679	83.065.288.237
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	175.015.194.780	197.641.327.159
Phải thu khác hoạt động bảo hiểm	671.493.355	1.426.402.171
Phải thu liên quan đến đồng bảo hiểm	131.233.509.880	105.486.246.571
	996.104.945.231	**1.024.350.822.043**
Phải thu về hoạt động đầu tư tài chính		
Phải thu cổ tức	2.750.169.900	49.389.300
Lãi tiền gửi ngân hàng	416.800.368.514	384.743.941.595
Phải thu lãi trái phiếu	1.111.935.723.745	877.963.541.352
Tạm ứng phí tự động	59.739.622.526	56.875.491.528
Lãi phải thu liên quan đến tạm ứng từ giá trị giải ước	186.080.494.154	193.328.667.003
Phải thu đầu tư khác	1.948.340.618	4.350.259.889
	1.779.254.719.457	**1.517.311.290.667**
Trả trước cho người bán ngắn hạn	**23.739.842.786**	**38.232.919.846**
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Phải thu từ hoạt động margin và ứng trước	753.468.593.441	642.491.387.726
Cho vay ủy thác	47.167.421.468	48.709.007.481
	800.636.014.909	**691.200.395.207**
Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	17.456.549.028	12.801.490.426
Phải thu phí quản lý quỹ	4.520.789.409	3.621.651.669
Phải thu từ hoạt động xây lắp, quản lý tòa nhà, cho thuê nhà	96.969.088.126	113.614.143.440
Phải thu ngắn hạn khác	149.888.064.777	115.128.172.300
	268.834.491.340	**245.165.457.835**
Tài sản thiếu chờ xử lý	**212.964.968**	**212.964.968**
Tổng cộng các khoản phải thu	**3.868.782.978.691**	**3.516.473.850.566**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(368.491.592.709)	(309.436.471.431)
Giá trị thuần của các khoản phải thu ngắn hạn	**3.500.291.385.982**	**3.207.037.379.135**

7. HÀNG TỒN KHO

CHỈ TIÊU	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 VND
Ấn chỉ	18.942.234.808	16.656.290.361
Vật liệu, văn phòng phẩm	16.871.008.313	12.776.107.303
Thiết bị, dụng cụ	564.643.053	952.042.872
Chi phí xây dựng dở dang (*)	66.633.024.947	145.450.167.505
Tổng cộng hàng tồn kho	**103.010.911.121**	**175.834.608.041**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	**103.010.911.121**	**175.834.608.041**

(*) Số dư 66.633.024.947 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện chi phí xây dựng dở dang của các bất động sản đầu tư của BVInvest. Các khoản này đang được ghi nhận là hàng tồn kho cho đến khi được bán và chuyển vào giá vốn hàng bán.

Số dư 145.450.167.505 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm 166.744.075.599 VND là phần vốn góp của BVInvest vào Dự án Khu đô thị "Thành phố Giao lưu". Trong năm 2015, các bên đầu tư vào dự án này đã ký thỏa thuận sửa đổi bổ sung, theo đó, dự án này được đầu tư dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát. Do đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 khoản đầu tư này, bao gồm số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và các khoản phát sinh thêm trong năm 2015 đã được phân loại lại từ Hàng tồn kho (Thuyết minh 7) sang Các khoản đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh 14.3.2)

8.CHI PHÍ HOA HỒNG CHƯA PHÂN BỔ

CHỈ TIÊU	BẢO HIỂM NHÂN THỌ VND	BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ VND	TỔNG CỘNG VND
Tại ngày 01/01/2015	**-**	**294.424.717.991**	**294.424.717.991**
Phát sinh trong năm	936.711.660.131	738.623.531.414	1.675.335.191.545
Phân bổ vào chi phí trong năm	(936.711.660.131)	(726.019.991.000)	(1.662.731.651.131)
Tại ngày 31/12/2015	**-**	**307.028.258.405**	**307.028.258.405**

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Bao gồm các khoản phải thu khác liên quan đến hoạt động bảo hiểm và các khoản đặt cọc liên quan đến hoạt động kinh doanh của BVInvest.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC VND	MÁY MÓC THIẾT BỊ VND	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, THIẾT BỊ TRUYỀN DẪN VND	TRANG THIẾT BỊ VĂN PHÒNG VND	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC VND	TỔNG CỘNG VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2015	999.033.164.933	48.962.238.801	374.460.005.000	251.001.533.079	2.046.766.676	1.675.503.708.489
Tăng trong năm	80.321.778.803	2.363.533.829	29.885.840.942	11.693.329.156	148.280.000	124.412.762.730
Mua sắm	*47.828.727.793*	*786.806.948*	*28.276.096.715*	*10.385.933.856*	*148.280.000*	*87.425.845.312*
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	*32.493.051.010*	*1.576.726.881*	*1.609.744.227*	*1.223.766.800*	-	*36.903.288.918*
Phân loại lại	-	-	-	*83.628.500*	-	*83.628.500*
Giảm trong năm	-	(577.574.230)	(6.527.833.486)	(1.866.984.366)	-	(8.972.392.082)
Thanh lý, nhượng bán	-	*(493.945.730)*	*(6.527.833.486)*	*(1.866.984.366)*	-	*(8.888.763.582)*
Phân loại lại	-	*(83.628.500)*	-	-	-	*(83.628.500)*
Tại ngày 31/12/2015	1.079.354.943.736	50.748.198.400	397.818.012.456	260.827.877.869	2.195.046.676	1.790.944.079.137
Hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2015	338.711.778.981	38.220.646.468	270.086.833.943	199.158.634.632	1.088.489.580	847.266.383.604
Tăng trong năm	39.750.226.963	5.375.578.862	44.627.547.400	21.615.139.799	271.588.131	111.640.081.155
Khấu hao trong năm	*39.750.226.963*	*5.375.578.862*	*44.627.547.400*	*21.605.098.384*	*271.588.131*	*111.630.039.740*
Phân loại lại	-	-	-	*10.041.415*	-	*10.041.415*
Giảm trong năm	-	(503.987.145)	(6.427.535.021)	(1.847.578.114)	-	(8.779.100.280)
Thanh lý, nhượng bán	-	*(493.945.730)*	*(6.427.535.021)*	*(1.847.578.114)*	-	*(8.769.058.865)*
Phân loại lại	-	*(10.041.415)*	-	-	-	*(10.041.415)*
Tại ngày 31/12/2015	378.462.005.944	43.092.238.185	308.286.846.322	218.926.196.317	1.360.077.711	950.127.364.479
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2015	660.321.385.952	10.741.592.333	104.373.171.057	51.842.898.447	958.277.096	828.237.324.885
Tại ngày 31/12/2015	700.892.937.792	7.655.960.215	89.531.166.134	41.901.681.552	834.968.965	840.816.714.658

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

CHỈ TIÊU	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VND	PHẦN MỀM MÁY TÍNH VND	TÀI SẢN KHÁC VND	TỔNG CỘNG VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2015	769.590.801.434	229.269.866.651	3.926.917.739	1.002.787.585.824
Tăng trong năm	-	99.224.750.200	-	99.224.750.200
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	769.590.801.434	328.494.616.851	3.926.917.739	1.102.012.336.024
Khấu hao luỹ kế:				
Tại ngày 01/01/2015	53.359.098.242	160.707.810.255	3.576.832.860	217.643.741.357
Tăng trong năm	7.577.579.259	38.839.136.378	276.990.456	46.693.706.093
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	60.936.677.501	199.546.946.633	3.853.823.316	264.337.447.450
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2015	716.231.703.192	68.562.056.396	350.084.879	785.143.844.467
Tại ngày 31/12/2015	708.654.123.933	128.947.670.218	73.094.423	837.674.888.574

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Là khoản đầu tư vào Dự án khu biệt thự nhà vườn Quang Minh tại khu vực Đồng Đìa, Cửa Cuống, Mả Vàng thuộc thôn Gia Tân, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, các dự án này vẫn đang được nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc bán dự án.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

CHỈ TIÊU	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 VND
Mua sắm tài sản cố định	5.066.980.771	102.454.542.156
Xây dựng cơ bản dở dang	186.774.258.698	203.935.911.436
Sửa chữa lớn tài sản cố định	146.371.349	1.110.967.387
	191.987.610.818	**307.501.420.979**

Xây dựng cơ bản dở dang gồm các tòa nhà, văn phòng làm việc đang trong quá trình xây dựng. Sửa chữa lớn tài sản cố định gồm việc cải tạo, nâng cấp các tòa nhà, văn phòng hiện hữu.

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 VND
Chứng khoán kinh doanh	**14.1**		
Cổ phiếu niêm yết		1.165.931.566.940	1.168.681.173.986
Cổ phiếu chưa niêm yết		444.338.998.664	461.611.489.894
Chứng chỉ quỹ		137.033.645.365	170.653.610.700
		1.747.304.210.969	**1.800.946.274.580**
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		**(404.600.653.219)**	**(434.945.963.067)**
		1.342.703.557.750	**1.366.000.311.513**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	**14.2**		
Ngắn hạn		13.539.397.639.422	12.921.017.514.349
- Tiền gửi		*13.242.141.089.373*	*12.591.202.811.170*
- Trái phiếu		*297.256.550.049*	*329.814.703.179*
Dài hạn		31.751.745.646.963	22.298.380.796.815
- Tiền gửi		*1.686.000.000.000*	*3.738.076.354.841*
- Trái phiếu		*29.262.780.262.406*	*17.845.425.096.532*
- Tạm ứng từ giá trị giải ước		*802.965.384.557*	*714.879.345.442*
		45.291.143.286.385	**35.219.398.311.164**
Đầu tư tài chính dài hạn khác	**14.3**		
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	14.3.1	2.091.160.536.985	2.131.508.558.580
Đầu tư dài hạn khác	14.3.2	563.527.138.423	365.928.261.225
Dự phòng đầu tư dài hạn khác	14.3.2	(54.239.974.693)	(43.068.720.189)
		2.600.447.700.715	**2.454.368.099.616**
Giá trị thuần các khoản đầu tư tài chính		**49.234.294.544.850**	**39.039.766.722.293**

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14.1 Chứng khoán kinh doanh

Đơn vị: VND

	TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015			TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014		
	GIÁ GỐC	GIÁ TRỊ THUẦN	DỰ PHÒNG	GIÁ GỐC	GIÁ TRỊ THUẦN	DỰ PHÒNG
Cổ phiếu niêm yết						
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	173.655.554.129	173.655.554.129	-	185.993.105.309	185.216.903.174	(776.202.135)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	144.000.084.700	50.540.884.700	(93.459.200.000)	144.000.084.700	30.188.862.300	(113.811.222.400)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	108.815.050.570	82.181.355.470	(26.633.695.100)	131.646.927.735	72.290.948.270	(59.355.979.465)
Cổ phiếu niêm yết khác	739.460.877.541	580.585.027.279	(158.875.850.262)	707.041.056.242	566.684.200.658	(140.356.855.584)
	1.165.931.566.940	**886.962.821.578**	**(278.968.745.362)**	**1.168.681.173.986**	**854.380.914.402**	**(314.300.259.584)**
Cổ phiếu chưa niêm yết						
Tập đoàn SSG	225.000.000.000	225.000.000.000	-	225.000.000.000	225.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT	63.250.000.000	13.026.090.800	(50.223.909.200)	63.250.000.000	10.155.935.200	(53.094.064.800)
Khác	156.088.998.664	83.066.292.607	(73.022.706.057)	173.361.489.894	111.404.974.313	(61.956.515.581)
	444.338.998.664	**321.092.383.407**	**(123.246.615.257)**	**461.611.489.894**	**346.560.909.513**	**(115.050.580.381)**
Chứng chỉ quỹ						
BVFED	65.000.000.000	65.000.000.000	-	65.000.000.000	63.447.866.298	(1.552.133.702)
VF1	33.152.865.365	33.152.865.365	-	67.745.660.700	67.745.660.700	-
E1VFVN30	20.972.830.000	20.972.830.000	-	20.000.000.000	18.800.000.000	(1.200.000.000)
Khác	17.907.950.000	15.522.657.400	(2.385.292.600)	17.907.950.000	15.064.960.600	(2.842.989.400)
	137.033.645.365	**134.648.352.765**	**(2.385.292.600)**	**170.653.610.700**	**165.058.487.598**	**(5.595.123.102)**
	1.747.304.210.969	**1.342.703.557.750**	**(404.600.653.219)**	**1.800.946.274.580**	**1.366.000.311.513**	**(434.945.963.067)**

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị: VND

	TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015		TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014	
	GIÁ GỐC	GIÁ TRỊ GHI SỔ	GIÁ GỐC	GIÁ TRỊ GHI SỔ
Ngắn hạn				
Tiền gửi (*)	13.684.741.089.373	13.242.141.089.373	13.033.802.811.170	12.591.202.811.170
Trái phiếu (***)	467.256.550.049	297.256.550.049	449.814.703.179	329.814.703.179
	14.151.997.639.422	**13.539.397.639.422**	**13.483.617.514.349**	**12.921.017.514.349**
Dài hạn				
Tiền gửi (**)	1.686.000.000.000	1.686.000.000.000	3.738.076.354.841	3.738.076.354.841
Trái phiếu (***)	29.357.730.725.706	29.262.780.262.406	17.845.425.096.532	17.845.425.096.532
Tạm ứng từ giá trị giải ước (****)	802.965.384.557	802.965.384.557	714.879.345.442	714.879.345.442
	31.846.696.110.263	**31.751.745.646.963**	**22.298.380.796.815**	**22.298.380.796.815**
	45.998.693.749.685	**45.291.143.286.385**	**35.781.998.311.164**	**35.219.398.311.164**

(*) Ngoài các hợp đồng tiền gửi tại ALCII, VFC đã quá hạn, các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng có thời hạn gốc trên ba (03) tháng và thời gian đáo hạn không quá một (01) năm có mức lãi suất từ 4,9% - 8,1%/năm.

(**) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn trên một (01) năm có mức lãi suất từ 6,3% - 12%/năm.

(***) Ngoài các trái phiếu Vinashin, các trái phiếu mà Tập đoàn đầu tư có lãi suất từ 6,4% - 15%/năm với kỳ hạn từ 03 - 30 năm.

(****) Bao gồm khoản tạm ứng từ giá trị giải ước theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ được ghi nhận theo giá gốc. Người tham gia bảo hiểm có hợp đồng bảo hiểm đã đóng phí đủ từ 24 tháng trở lên và có giá trị giải ước có quyền được yêu cầu tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với giá trị tối đa bằng 80% giá trị giải ước và lãi tích lũy đến thời điểm tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14.3 Đầu tư tài chính dài hạn khác

14.3.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐẦU TƯ	TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015				TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014
	VỐN ĐIỀU LỆ VND	VỐN TẬP ĐOÀN ĐÃ GÓP (THEO GIÁ GỐC) VND	TỶ LỆ %	GIÁ TRỊ KHOẢN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG PHÁP VỐN CHỦ SỞ HỮU VND	GIÁ TRỊ KHOẢN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG PHÁP VỐN CHỦ SỞ HỮU VND
Công ty CP Khách sạn và Du lịch Bảo Việt (Baoviet Resort)	60.000.000.000	21.000.000.000	35	21.000.000.000	21.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEBA (VIGEBA)	180.000.000.000	54.000.000.000	30	64.802.582.976	132.632.058.179
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Long Việt (Long Việt)	65.043.200.000	29.269.440.000	45	32.348.407.145	32.112.305.216
Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt - Tokio Marine (Bảo Việt Tokio Marine)	300.000.000.000	153.000.000.000	51	234.450.897.728	218.003.519.508
Công ty Cổ phần Đầu tư SCIC – Bảo Việt (Bảo Việt SCIC)	140.000.000.000	70.000.000.000	50	74.355.873.406	72.274.341.819
Ngân hàng TMCP Bảo Việt (BaovietBank)	3.150.000.000.000	1.560.000.000.000	49,52	1.664.202.775.730	1.655.486.333.858
		1.887.269.440.000		**2.091.160.536.985**	**2.131.508.558.580**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn không có cam kết góp thêm vốn vào các công ty liên doanh, liên kết này.

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14.3 Đầu tư tài chính dài hạn khác (tiếp theo)

14.3.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

Đơn vị: VND

	KHÁCH SẠN DU LỊCH BẢO VIỆT	VIGEBA	LONG VIỆT	BẢO VIỆT TOKIO MARINE	BẢO VIỆT - SCIC	NGÂN HÀNG BẢO VIỆT	TỔNG
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2015	**21.000.000.000**	**132.632.058.179**	**32.112.305.216**	**218.003.519.508**	**72.274.341.819**	**1.655.486.333.858**	**2.131.508.558.580**
Cổ tức thu được/Lợi nhuận đã phân phối	-	(76.500.000.000)	-	(25.853.851.311)	-	(31.200.000.000)	(133.553.851.311)
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm thuộc về Tập đoàn	-	8.670.524.797	236.101.929	42.301.229.531	2.081.531.587	39.916.441.872	93.205.829.716
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	**21.000.000.000**	**64.802.582.976**	**32.348.407.145**	**234.450.897.728**	**74.355.873.406**	**1.664.202.775.730**	**2.091.160.536.985**

14.3.2 Đầu tư dài hạn khác

Đơn vị: VND

	TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015			TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014		
	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG	GIÁ TRỊ THUẦN	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG	GIÁ TRỊ THUẦN
Dự án TT1 – Thành phố Giao lưu	166.832.730.000	-	166.832.730.000	-	-	-
Dự án Tháp Tài chính Quốc tế (IFT)	118.937.361.456	-	118.937.361.456	118.937.361.456	-	118.937.361.456
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	125.000.000.000	(8.231.250.517)	116.768.749.483	125.000.000.000	-	125.000.000.000
Thủy điện Bắc Hà	75.000.000.000	(37.452.000.000)	37.548.000.000	75.000.000.000	(37.002.000.000)	37.998.000.000
Khác	77.757.046.967	(8.556.724.176)	69.200.322.791	46.990.899.769	(6.066.720.189)	40.924.179.580
	563.527.138.423	**(54.239.974.693)**	**509.287.163.730**	**365.928.261.225**	**(43.068.720.189)**	**322.859.541.036**

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

CHỈ TIÊU	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 VND
Phải trả hoạt động bảo hiểm		
Bảo hiểm nhân thọ	***313.452.163.997***	***265.935.049.962***
Phải trả bồi thường và trả tiền bảo hiểm	61.646.386.035	59.859.031.990
Phải trả thu nhập đại lý	241.688.782.662	196.689.012.642
Lãi phải trả cho chủ hợp đồng	10.116.995.300	9.387.005.330
Bảo hiểm phi nhân thọ	***675.680.960.489***	***612.979.225.390***
Phải trả hoa hồng	60.627.584.461	62.745.736.184
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc phi nhân thọ	114.062.319.467	141.070.178.213
Phải trả nhận tái bảo hiểm phi nhân thọ	111.138.075.798	57.127.490.515
Phải trả nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ	266.717.729.567	280.191.881.227
Phải trả đồng bảo hiểm	123.135.251.196	71.843.939.251
	989.133.124.486	**878.914.275.352**
Phải trả hoạt động tài chính		
Lãi trái phiếu nhận trước	-	7.252.841.100
Lãi tiền gửi nhận trước	2.282.572.044	4.009.354.690
Phải trả tạm ứng cổ tức	11.168.940.490	73.881.550.723
Phải trả khác hoạt động tài chính	-	3.573.695.068
	13.451.512.534	**88.717.441.581**
Phải trả người bán và nhà cung cấp dịch vụ		
Phải trả nhà cung cấp	106.938.623.005	85.535.037.779
Phải trả cho công ty phát hành chứng khoán	14.103.367.895	3.169.007.665
Phải trả khác	2.456.000.000	500.000.000
	123.497.990.900	**89.204.045.444**
	1.126.082.627.920	**1.056.835.762.377**

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

CHỈ TIÊU	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 VND
Tạm ứng từ khách hàng để giao dịch chứng khoán	2.165.200.000	2.029.550.000
Phí bảo hiểm tạm thu	6.063.673.607	8.194.251.033
	8.228.873.607	**10.223.801.033**

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

CHỈ TIÊU	NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2015 VND	TĂNG TRONG NĂM VND	NỘP NGÂN SÁCH TRONG NĂM VND	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND
Thuế phải nộp Nhà nước				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	25.043.162.825	311.358.132.721	(310.643.094.878)	25.758.200.668
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.680.471.259	292.746.065.606	(274.892.086.257)	52.534.450.608
Thuế thu nhập cá nhân	16.108.135.636	120.015.635.258	(124.229.608.011)	11.894.162.883
Tiền thuê đất	(314.074.112)	9.126.698.774	(8.950.758.600)	(138.133.938)
Các loại thuế khác	15.480.483.662	62.809.238.210	(71.659.114.925)	6.630.606.947
	90.998.179.270	**796.055.770.569**	**(790.374.662.671)**	**96.679.287.168**

16.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Trong năm 2015, ngoại trừ trường hợp của BVF và Bảo Việt - Âu Lạc, Công ty Mẹ Tập đoàn và các Công ty con có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 22% lợi nhuận thu được.

Đối với dịch vụ đào tạo của Bảo Việt - Âu Lạc mức thuế TNDN áp dụng là 10%.

BVF có trách nhiệm nộp thuế TNDN với thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế trong 10 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh và với thuế suất 22% trong các năm tiếp theo, được miễn trừ thuế TNDN trong hai (02) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế TNDN trong ba (03) năm tiếp theo. Theo đó, từ năm 2008 đến năm 2010, BVF có nghĩa vụ nộp thuế 10%. Từ năm 2011, BVF có nghĩa vụ nộp thuế 20%.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn và các Công ty con chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật thuế và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

16.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế và dự phòng đảm bảo cân đối	**1.468.891.856.638**	**1.627.305.425.297**
Điều chỉnh lợi nhuận chịu thuế		
Các khoản điều chỉnh tăng	151.109.773.893	64.892.998.093
- Chênh lệch tạm thời chi phí dự phòng tài chính	*94.950.463.300*	*-*
- Hoa hồng dự trả ước tính năm nay	*26.660.978.769*	*34.902.976.098*
- Lỗ do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	*-*	*2.300.285.736*
- Chi phí dự phòng phải thu không được khấu trừ	*24.039.481.573*	*22.580.265.011*
- Chi phí không hợp lệ cho mục đích tính thuế	*5.458.850.251*	*5.109.471.248*
Các khoản điều chỉnh giảm	(160.501.676.196)	(131.823.888.001)
- Thu nhập không chịu thuế từ cổ tức, lợi nhuận được chia	*(88.908.585.623)*	*(69.336.829.973)*
- Hoàn nhập chi phí hoa hồng ước tính năm trước	*(34.902.976.098)*	*(37.162.210.910)*
- Hoàn nhập lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá chênh lệch tỷ giá năm trước	*(2.300.285.736)*	*-*
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	*(24.759.070.358)*	*(510.561)*
- Hoàn nhập chi phí chưa được khấu trừ năm trước	*(9.630.758.381)*	*(25.324.336.557)*
Các khoản không chịu thuế phát sinh từ các bút toán điều chỉnh hợp nhất	(85.120.361.565)	(32.327.204.018)
Chuyển lỗ từ năm trước và các khoản không chịu thuế	(95.975.097.818)	(159.268.458.037)
Tổng điều chỉnh đối với lợi nhuận trước thuế	**(190.487.361.686)**	**(258.526.551.963)**
Dự phòng đảm bảo cân đối	(8.175.021.006)	(7.550.598.372)
Thu nhập chịu thuế ("TNCT") ước tính	**1.270.229.473.946**	**1.361.228.274.962**
Trong đó:		
- TNCT chịu thuế suất 22%	*1.251.039.907.818*	*1.346.166.817.950*
- TNCT chịu thuế suất ưu đãi 20%	*19.189.566.128*	*15.061.457.012*
- TNCT chịu thuế suất ưu đãi 10%	*-*	*-*
Thuế TNDN hiện hành ước tính	**279.066.692.946**	**299.168.991.351**
Điều chỉnh số thuế phải nộp của các kỳ trước theo quyết định của cơ quan thuế	13.619.434.924	416.836.988
Thuế TNDN ước tính trong năm	**292.686.127.870**	**299.585.828.339**
Thuế TNDN phải trả đầu năm	34.680.471.259	94.319.438.760
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	59.937.736	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(274.892.086.257)	(359.348.577.046)
Điều chỉnh do thay đổi phương pháp ghi nhận khoản đầu tư vào BaovietBank	-	123.781.206
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	**52.534.450.608**	**34.680.471.259**

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

16.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi tiết các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Tập đoàn năm nay và năm trước được trình bày dưới đây:

	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT		BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	
	TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND	TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 VND	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.909.174.875	21.056.965.443	11.852.209.432	10.305.523.368
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(4.951.497.020)	-	(4.951.497.020)	794.033.474
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			**6.900.712.412**	**11.099.556.842**

16.2.1 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	22%
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	164.545.874.374	95.713.479.287
Trong đó:		
- Hoa hồng phải trả trên phí bảo hiểm phải thu	*28.519.589.770*	*36.458.762.098*
- Chi phí dự phòng thu hồi các khoản hoa hồng	*32.112.570.785*	*22.267.125.405*
- Dự phòng trái phiếu Vinashin trích trước	*94.950.463.302*	
- Lỗ đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	*-*	*2.300.285.736*
- Dự phòng cho cổ phiếu	*8.231.250.517*	*-*
- Khác	*732.000.000*	*34.687.306.048*
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	**32.909.174.875**	**21.056.965.443**

16.2.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	22%
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	24.757.485.100	-
Trong đó:		
Lãi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	*24.757.485.100*	*-*
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	**4.951.497.020**	**-**

17. DOANH THU HOA HỒNG CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG

	BẢO HIỂM NHÂN THỌ VND	BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ VND	TỔNG CỘNG VND
Tại ngày 01/01/2015	**-**	**88.354.037.365**	**88.354.037.365**
Phát sinh trong năm	928.412.355	194.077.066.614	195.005.478.969
Phân bổ vào doanh thu trong năm	(928.412.355)	(187.112.221.845)	(188.040.634.200)
Tại ngày 31/12/2015	**-**	**95.318.882.134**	**95.318.882.134**

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	9.455.540	12.053.180
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	2.247.199.749	2.910.895.373
Phải trả các tổ chức theo nghiệp vụ chứng khoán	1.594.540.397	11.502.904.720
Kinh phí cho các chương trình An sinh xã hội chờ giải ngân (*)	43.590.082.337	35.234.433.387
Tạm ứng từ đối tác liên quan đến các hợp đồng hợp tác kinh doanh	134.774.300.248	97.050.174.866
Phải trả khác	223.502.417.333	214.071.769.763
	405.716.995.604	**360.782.231.289**

(*) Chi phí chương trình 30A của Chính phủ và các chương trình An sinh xã hội đang chờ giải ngân theo tiến độ các công trình tài trợ.

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 VND
Vay ngắn hạn		
- Vay thấu chi	29.150.839.917	-
- Vay ngân hàng	649.920.000	2.423.774.546
	29.800.759.917	**2.423.774.546**
Vay dài hạn		
- Vay ngân hàng	1.360.550.000	1.093.750.000
	1.360.550.000	**1.093.750.000**
	31.161.309.917	**3.517.524.546**

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2015	**129.099.449.921**
Tăng trong năm	95.282.518.817
Sử dụng trong năm	(114.411.971.885)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	**109.969.996.853**

21. GIAO DỊCH MUA BÁN LẠI TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các khoản phải trả liên quan đến hợp đồng bán và cam kết mua lại trái phiếu với các ngân hàng thương mại cổ phần như sau:

	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 VND
Hợp đồng repo (*)		
Ngân hàng TMCP Quân đội	2.801.684.024.836	2.197.491.324.721
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	2.542.719.837.825	438.476.812.292
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	988.852.683.891	159.185.772.417
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	937.534.618.562	-
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	981.657.183.148	968.966.923.952
	8.252.448.348.262	**3.764.120.833.382**

(*) Bao gồm khoản phải trả hợp đồng repo có lãi suất 4,4% – 5,5%/năm với đối với các trái phiếu Chính phủ mà Tập đoàn đã bán và cam kết sẽ mua lại trong thời gian dưới 01 năm.

22. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM

	DỰ PHÒNG PHÍ CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG VND	DỰ PHÒNG TOÁN HỌC VND	DỰ PHÒNG BỒI THƯỜNG VND	DỰ PHÒNG DAO ĐỘNG LỚN VND	DỰ PHÒNG CHIA LÃI VND	DỰ PHÒNG ĐẢM BẢO CÂN ĐỐI VND	TỔNG CỘNG VND
Bảo hiểm nhân thọ							
Tại ngày 01/01/2015	76.626.642.827	22.751.838.888.341	21.737.794.841	-	1.298.094.354.302	50.209.978.616	24.198.507.658.927
Thay đổi trong năm	11.246.036.169	5.710.492.450.014	9.194.760.539	-	59.861.551.929	8.175.021.006	5.798.969.819.657
Tại ngày 31/12/2015	87.872.678.996	28.462.331.338.355	30.932.555.380	-	1.357.955.906.231	58.384.999.622	29.997.477.478.584
Bảo hiểm phi nhân thọ							
Tại ngày 01/01/2015	2.976.305.404.023	-	1.332.602.898.596	103.589.577.559	-	-	4.412.497.880.178
Thay đổi trong năm	76.114.811.442	-	(124.522.903.651)	55.964.761.131	-	-	7.556.668.922
Tại ngày 31/12/2015	3.052.420.215.465	-	1.208.079.994.945	159.554.338.690	-	-	4.420.054.549.100
Tổng cộng tại ngày 01/01/2015	**3.052.932.046.850**	**22.751.838.888.341**	**1.354.340.693.437**	**103.589.577.559**	**1.298.094.354.302**	**50.209.978.616**	**28.611.005.539.105**
Tổng cộng tại ngày 31/12/2015	**3.140.292.894.461**	**28.462.331.338.355**	**1.239.012.550.325**	**159.554.338.690**	**1.357.955.906.231**	**58.384.999.622**	**34.417.532.027.684**

Chi tiết thay đổi dự phòng nghiệp vụ hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ như sau:

22.1 Dự phòng phí chưa được hưởng – Bảo hiểm phi nhân thọ

	CÁC NGHĨA VỤ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM GỐC VÀ NHẬN TÁI BẢO HIỂM VND	CÁC NGHĨA VỤ HỢP ĐỒNG TÁI BẢO HIỂM (TÀI SẢN TÁI BẢO HIỂM) VND	CÁC NGHĨA VỤ THUẦN VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2015	**2.976.305.404.023**	**(551.077.133.757)**	**2.425.228.270.266**
Số trích lập thêm/(hoàn nhập) trong năm	76.114.811.442	34.440.768.612	110.555.580.054
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	**3.052.420.215.465**	**(516.636.365.145)**	**2.535.783.850.320**

22. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM (tiếp theo)

22.2 Dự phòng bồi thường – Bảo hiểm phi nhân thọ

	CÁC NGHĨA VỤ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM GỐC VÀ NHẬN TÁI BẢO HIỂM VND	CÁC NGHĨA VỤ HỢP ĐỒNG TÁI BẢO HIỂM (TÀI SẢN TÁI BẢO HIỂM) VND	CÁC NGHĨA VỤ THUẦN VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2015	**1.332.602.898.596**	**(621.614.688.634)**	**710.988.209.962**
Số trích lập thêm/(hoàn nhập) trong năm	(124.522.903.651)	131.411.244.341	6.888.340.690
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	**1.208.079.994.945**	**(490.203.444.293)**	**717.876.550.652**

22.3 Dự phòng dao động lớn – Bảo hiểm phi nhân thọ

	VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2015	**103.589.577.559**
Trích lập trong năm	55.964.761.131
Sử dụng trong năm	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	**159.554.338.690**

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU VND	THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN VND	CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI (*) VND	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VND	QUỸ KHÁC THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU (**) VND	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI VND	QUỸ DỰ TRỮ BẮT BUỘC HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM VND	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT VND	TỔNG CỘNG VND
Tại ngày 01/01/2015	**6.804.714.340.000**	**3.184.332.381.197**	**16.075.608.000**	**21.712.503.565**	**103.568.802.818**	**1.867.073.385.965**	**246.015.752.941**	**573.328.298.527**	**12.816.821.073.013**
Cổ tức chia cho cổ đông	-	-	-	-	-	(680.471.434.000)	-	(1.300.000.000)	(681.771.434.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2014 (***)	-	-	-	-	-	(56.067.524.963)	-	-	(56.067.524.963)
Trích quỹ phúc lợi nhân kỷ niệm 50 năm thành lập Bảo Việt (***)		-	-	-	-	(33.640.514.978)	-	-	(33.640.514.978)
Trích quỹ phục vụ hoạt động An sinh xã hội (***)	-	-	-	-	-	(11.213.504.993)	-	-	(11.213.504.993)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (***)	-	-	-	112.135.049.926	-	(112.135.049.926)	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	1.128.007.144.420	-	46.924.275.754	1.174.931.420.174
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2015	-	-	-	-	-	(5.574.478.876)	-	(2.724.057.357)	(8.298.536.233)
Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Tập đoàn và các Công ty con	-	-	-	-	-	(2.493.115.434)	-	(22.800.000)	(2.515.915.434)
Trích lập các quỹ dự trữ	-	-	-	8.521.724.455	-	(54.955.161.286)	46.433.436.831	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(58.180.660)	-	4.364.922	(53.815.738)
Tại ngày 31/12/2015	**6.804.714.340.000**	**3.184.332.381.197**	**16.075.608.000**	**142.369.277.946**	**103.568.802.818**	**2.038.471.565.269**	**292.449.189.772**	**616.210.081.846**	**13.198.191.246.848**

(*) Số dư 16.075.608.000 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện Quỹ chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán của Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt – Tokio Marine từ đô la Mỹ sang VND từ ngày 01 tháng 01 năm 2008.

(**) Số dư Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện phần lợi ích còn lại của Tập đoàn trong thặng dư vốn cổ phần của BVSC phát sinh do hợp nhất báo cáo tài chính.

(***) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2015, Tập đoàn trích 3% lợi nhuận sau thuế 2014 tương đương với số tiền 33.640.514.978 VND cho Quỹ khen thưởng nhân kỷ niệm 50 năm thành lập Bảo Việt, trích 5% lợi nhuận sau thuế 2014 tương đương với số tiền 56.067.524.963 VND cho Quỹ khen thưởng phúc lợi của Tập đoàn, trích 1% lợi nhuận sau thuế 2014 tương đương với số tiền 11.213.504.993 VND cho Quỹ phục vụ hoạt động An sinh xã hội và trích 10% lợi nhuận sau thuế 2014 tương đương với số tiền 112.135.049.926 VND cho Quỹ đầu tư phát triển.

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015			NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014		
	CỔ PHIẾU THƯỜNG VND	CỔ PHIẾU ƯU ĐÃI VND	TỔNG SỐ VND	CỔ PHIẾU THƯỜNG VND	CỔ PHIẾU ƯU ĐÃI VND	TỔNG SỐ VND
Số vốn góp của cổ đông	6.804.714.340.000	-	6.804.714.340.000	6.804.714.340.000	-	6.804.714.340.000
Thặng dư vốn cổ phần	3.184.332.381.197	-	3.184.332.381.197	3.184.332.381.197	-	3.184.332.381.197
TỔNG CỘNG	**9.989.046.721.197**	**-**	**9.989.046.721.197**	**9.989.046.721.197**	**-**	**9.989.046.721.197**

23.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

Không có giao dịch về vốn nào với chủ sở hữu được thực hiện trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

23.4 Cổ tức

Ngày 17 tháng 04 năm 2015, tại Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2015, các cổ đông đã thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức cho năm tài chính 2014 là 10% (1.000 đồng/cổ phiếu) tính trên vốn điều lệ 6.804.714.340.000 đồng Việt Nam tương đương với số tiền 680.471.434.000 đồng.

24. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

24.1 Phí bảo hiểm gốc

	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 VND
Bảo hiểm nhân thọ		
Bảo hiểm hỗn hợp	3.931.984.617.124	3.477.936.078.660
Bảo hiểm liên kết chung	5.690.491.055.490	4.132.470.704.798
Bảo hiểm tử kỳ	14.088.476.698	3.215.530.000
Bảo hiểm trọn đời	4.609.617.800	5.571.924.200
Niên kim nhân thọ	139.670.985.000	86.917.313.111
Điều khoản riêng	347.165.855.511	263.474.290.762
Bảo hiểm liên kết ngân hàng	1.015.561.100	802.632.199
Các khoản giảm trừ	(14.201.546.477)	(12.406.294.556)
	10.114.824.622.246	**7.957.982.179.174**
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	366.185.251.574	384.271.151.934
Bảo hiểm Tàu thủy	468.101.304.351	454.566.044.057
Bảo hiểm Dầu khí	-	838.674.148
Bảo hiểm Hàng không	106.239.503.915	138.083.433.310
Bảo hiểm Kỹ thuật	220.744.275.957	246.602.671.827
Bảo hiểm Hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt	554.610.509.370	498.367.931.958
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	94.254.291.727	96.447.673.576
Bảo hiểm Nông nghiệp	7.690.540.620	9.184.201.875
Bảo hiểm Xe cơ giới	1.897.165.240.805	1.765.692.698.608
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và Bảo hiểm con người	2.181.905.604.238	2.103.931.837.406
Các khoản giảm trừ	(68.259.316.441)	(42.517.907.421)
	5.828.637.206.116	**5.655.468.411.278**
	15.943.461.828.362	**13.613.450.590.452**

24.2 Phí nhận tái bảo hiểm

	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 VND
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	22.836.149.736	13.428.462.415
Bảo hiểm Tàu thủy	28.380.469.988	35.054.661.738
Bảo hiểm Dầu khí	9.777.898.494	12.755.263.143
Bảo hiểm Hàng không	6.374.718.966	7.534.718.565
Bảo hiểm Kỹ thuật	38.810.324.686	34.686.159.759
Bảo hiểm Hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt	167.227.208.343	221.547.845.366
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	52.442.835.698	12.824.151.717
Bảo hiểm Nông nghiệp	2.863.027.374	-
Bảo hiểm Xe cơ giới	333.254.824	-
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và bảo hiểm con người	9.948.218.737	-
	338.994.106.846	**337.831.262.703**

25. TỔNG PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 VND
Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm nhân thọ		
Bảo hiểm hỗn hợp	314.829.692	331.561.442
Bảo hiểm liên kết chung	4.321.809.456	2.751.697.433
Bảo hiểm tử kỳ	14.996.916	18.299.090
Bảo hiểm trọn đời	10.963.687	13.047.003
Niên kim nhân thọ	18.355.962	2.444.476
Điều khoản riêng	1.607.705.489	1.134.185.535
	6.288.661.202	**4.251.234.979**
Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	69.225.813.050	52.606.078.140
Bảo hiểm Tàu thủy	214.380.253.544	255.536.994.978
Bảo hiểm Dầu khí	352.929.291	1.160.481.029
Bảo hiểm Hàng không	93.975.236.395	134.083.127.087
Bảo hiểm Kỹ thuật	114.699.410.738	108.463.881.619
Bảo hiểm Hỏa hoạn, các rủi ro đặc biệt và bảo hiểm Trách nhiệm chung	482.476.498.410	455.821.763.139
Bảo hiểm Nông nghiệp	3.373.597.734	1.426.364.914
Bảo hiểm Xe cơ giới	1.612.628.858	-
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và Bảo hiểm con người	89.296.888.430	88.407.495.591
	1.069.393.256.450	**1.097.506.186.497**
	1.075.681.917.652	**1.101.757.421.476**

26. CHI PHÍ TRỰC TIẾP LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

26.1 Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn

	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 VND
Bảo hiểm nhân thọ		
Chi trả đáo hạn	1.305.989.608.472	1.369.200.876.930
Chi giá trị giải ước	346.170.249.050	429.387.040.500
Chi bồi thường	1.404.080.263.638	1.076.657.120.834
	3.056.240.121.160	**2.875.245.038.264**
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	152.293.852.668	122.827.895.320
Bảo hiểm Tàu thủy	262.619.191.492	375.699.286.832
Bảo hiểm Dầu khí	-	-
Bảo hiểm Hàng không	34.475.536.662	22.226.506.117
Bảo hiểm Kỹ thuật	41.502.997.969	43.568.832.117
Bảo hiểm Hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt	189.128.785.618	262.705.055.174
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	4.803.093.757	5.701.862.448
Bảo hiểm Nông nghiệp	940.145.743	48.090.825.729
Bảo hiểm Xe cơ giới	953.229.400.453	939.535.994.416
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và Bảo hiểm con người	1.212.948.166.447	1.162.395.762.131
	2.851.941.170.809	**2.982.752.020.284**
	5.908.181.291.969	**5.857.997.058.548**

26.2 Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm

	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 VND
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	4.161.624.440	1.030.798.185
Bảo hiểm Tàu thủy	24.677.241.583	38.942.047.495
Bảo hiểm Dầu khí	3.018.594.373	9.413.243.029
Bảo hiểm Hàng không	1.710.206.042	4.203.132.391
Bảo hiểm Kỹ thuật	21.715.028.957	25.241.625.985
Bảo hiểm Hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt	95.773.674.702	102.833.070.506
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	16.758.958.472	9.867.771.265
Bảo Hiểm Nông Nghiệp	37.898.630	-
Bảo hiểm Xe cơ giới	27.756.444	-
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và Bảo hiểm con người	7.780.011.216	-
	175.660.994.859	**191.531.688.856**

26. CHI PHÍ TRỰC TIẾP LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM (tiếp theo)

26.3 Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm

	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 VND
Bảo hiểm nhân thọ		
Thu từ nhượng tái bảo hiểm	2.600.656.750	-
	2.600.656.750	**-**
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	37.670.043.146	16.877.234.246
Bảo hiểm Tàu thủy	102.894.420.498	234.487.417.259
Bảo hiểm Dầu khí	20.595.120	723.631.184
Bảo hiểm Hàng không	34.947.522.264	23.017.617.806
Bảo hiểm Kỹ thuật	43.404.470.670	40.788.921.067
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	768.477.958	842.862.389
Bảo hiểm Hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt	148.161.086.112	250.611.955.587
Bảo hiểm Nông nghiệp	32.249.615	(3.060.558.149)
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và Bảo hiểm con người	42.371.872.295	26.398.992.194
	410.270.737.678	**590.688.073.583**
	412.871.394.428	**590.688.073.583**

27. THU NHẬP THUẦN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 VND
Thu nhập từ các hoạt động khác		
Hoạt động môi giới chứng khoán	78.210.563.437	100.379.084.045
Hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán	1.028.025.755	77.928.484
Dịch vụ tư vấn đầu tư	9.212.733.596	5.537.945.455
Dịch vụ lưu ký chứng khoán	3.006.747.785	2.553.141.085
Quản lý danh mục đầu tư	1.957.994.427	814.526.896
Quản lý bất động sản	13.764.998.107	9.919.770.383
Dịch vụ đào tạo	16.259.320.956	14.172.155.472
Hoạt động xây lắp và kinh doanh thiết bị vật liệu xây dựng	187.213.438.991	181.403.868.323
Doanh thu cho thuê nhà	50.216.379.123	52.304.920.565
Các dịch vụ khác	19.850.184.918	13.859.536.918
	380.720.387.095	**381.022.877.626**
Chi phí từ các hoạt động khác		
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	(73.046.115.332)	(75.384.894.666)
Chi phí bảo lãnh, phát hành chứng khoán	(133.263.604)	(51.873.271)
Dịch vụ tư vấn đầu tư	(6.986.796.645)	(5.723.060.572)
Dịch vụ lưu ký chứng khoán	(7.779.697.694)	(7.886.168.091)
Quản lý danh mục đầu tư	(9.846.798)	(22.934.284)
Quản lý bất động sản	(35.695.704.242)	(40.682.908.874)
Hoạt động xây lắp và kinh doanh thiết bị vật liệu xây dựng	(165.853.439.749)	(161.058.298.934)
Các dịch vụ khác	(22.337.087.521)	(22.244.465.619)
	(311.841.951.585)	**(313.054.604.311)**
	68.878.435.510	**67.968.273.315**

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hoạt động bảo hiểm		
Chi phí nhân công	987.417.207.416	791.443.155.331
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	110.143.488.336	126.568.203.908
Chi phí khấu hao tài sản cố định	69.580.907.898	59.356.674.277
Thuế và chi phí lệ phí	11.565.663.135	5.209.130.931
Chi phí dịch vụ mua ngoài	190.447.613.958	199.133.546.136
Chi phí dự phòng	38.964.144.607	60.804.491.431
Chi phí khác	234.777.740.827	230.950.549.800
	1.642.896.766.177	**1.473.465.751.814**
Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hoạt động ngân hàng (*)		
Chi phí nhân công	-	54.726.532.633
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	1.990.641.396
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	7.769.523.582
Thuế và chi phí lệ phí	-	320.831.808
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	47.367.427.850
Chi phí khác	-	8.029.630.828
	-	**120.204.588.097**
Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan đến các lĩnh vực khác		
Chi phí nhân công	157.225.026.520	145.834.304.668
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.447.606.309	3.027.317.501
Chi phí khấu hao tài sản cố định	54.912.863.043	33.930.352.040
Thuế và chi phí lệ phí	13.350.741.921	10.503.580.129
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.393.147.241	64.587.369.908
Chi phí dự phòng	21.674.860.356	611.452.143
Chi phí khác	42.839.521.401	34.966.227.626
	368.843.766.791	**293.460.604.015**
	2.011.740.532.968	**1.887.130.943.926**

(*) Từ ngày 24 tháng 09 năm 2014, do ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt tại Baoviet Bank, khoản đầu tư vào Baoviet Bank được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu áp dụng cho công ty liên kết.

29. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

29.1 Doanh thu hoạt động tài chính

	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 VND
Lãi tiền gửi	1.228.878.869.420	1.274.065.776.604
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	1.980.743.611.297	1.809.108.375.773
Thu nhập từ tạm ứng giá trị giải ước	111.822.416.225	107.028.212.828
Cổ tức được chia	88.908.585.623	69.336.829.973
Lãi chênh lệch tỷ giá	25.039.631.998	10.464.787.525
Lãi đầu tư chứng khoán	272.890.182.701	342.931.686.524
Doanh thu hoạt động tài chính khác	84.467.942.698	66.622.046.360
	3.792.751.239.962	**3.679.557.715.587**

29.2 Chi phí hoạt động tài chính

	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 VND
Dự phòng chia lãi	59.861.551.929	67.642.185.548
Chênh lệch tỷ giá	20.257.601.922	7.856.076.774
Chi phí repo và lãi vay	223.577.394.123	232.387.192.602
Trả lãi cho chủ hợp đồng	314.475.768.386	309.012.611.600
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	33.071.473.228	109.916.832.565
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng	124.200.495.548	(29.119.238.751)
Các chi phí khác	127.431.516.714	125.641.416.769
	902.875.801.850	**823.337.077.107**

30. LỢI NHUẬN HOẠT ĐỘNG KHÁC

	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản	1.011.199.999	4.621.154.542
Thu nhập khác	8.710.847.265	10.727.416.686
	9.722.047.264	**15.348.571.228**
Chi phí khác		
Chi thanh lý tài sản	(75.349.459)	(1.163.168.709)
Chi phí khác	(4.679.013.921)	(4.312.220.068)
	(4.754.363.380)	**(5.475.388.777)**
Lợi nhuận thuần hoạt động khác	**4.967.683.884**	**9.873.182.451**

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Tập đoàn đã tiến hành các giao dịch với các công ty có liên quan qua hoạt động đầu tư góp vốn. Như trình bày dưới đây, giao dịch giữa Tập đoàn và các công ty có liên quan thông qua quan hệ đầu tư/nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung.

Các bên liên quan với Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày bao gồm:

CÁC BÊN LIÊN QUAN	QUAN HỆ
Bộ Tài chính	Cổ đông sáng lập
SCIC	Cổ đông sáng lập
Sumitomo Life	Cổ đông chiến lược
Bảo Việt Tokio Marine	Công ty liên doanh
BaovietBank	Công ty liên kết
Bảo Việt SCIC	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long Việt	Công ty liên kết
Baoviet Resort	Công ty liên kết
VIGEBA	Công ty liên kết

Các giao dịch quan trọng với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 gồm:

CÁC BÊN LIÊN QUAN	GIAO DỊCH	NĂM 2015 VND	NĂM 2014 VND
Cổ đông sáng lập			
Bộ Tài chính	Cổ tức đã trả	482.509.800.000	723.764.700.000
SCIC	Cổ tức đã trả	22.154.400.000	33.231.600.000
Cổ đông chiến lược			
Sumitomo Life	Cổ tức đã trả	122.509.091.000	183.763.636.500
	Chi phí dự án Hỗ trợ và Chuyển giao Năng lực Kỹ thuật	15.808.441.442	8.497.753.058
Công ty liên doanh			
Bảo Việt Tokio Marine	Phần lợi nhuận được chia	25.853.851.312	29.210.056.957
Công ty liên kết			
Bảo Việt SCIC	Tăng vốn trong năm	-	30.000.000.000
BaovietBank	Cổ tức được nhận	31.200.000.000	46.800.000.000
	Doanh thu lãi tiền gửi	217.580.460.982	88.296.682.611
	Doanh thu cho thuê trụ sở làm việc, phí giữ xe	12.817.598.525	19.223.845.148
	Phí dịch vụ CNTT	1.860.928.091	2.109.845.825
	Chi phí repo và lãi vay	49.509.264.785	56.057.648.115
VIGEBA	Tạm ứng cổ tức	8.100.000.000	20.880.000.000
	Doanh thu từ hoạt động xây lắp	20.184.096.528	25.925.221.066

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

CÁC BÊN LIÊN QUAN	PHẢI THU/(PHẢI TRẢ)	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 VND
Công ty liên doanh			
Bảo Việt Tokio Marine	Phải thu phí quản lý quỹ	404.422.106	82.832.020
Công ty liên kết			
Baovietbank	Số dư tiền gửi và lãi dự thu	4.376.926.016.034	2.659.911.466.830
	Số dư trái phiếu và lãi dự thu	1.304.230.339.097	-
	Số dư các hợp đồng mua bán lại trái phiếu chính phủ	981.657.183.148	968.966.923.952
	Phải thu phí CNTT	2.047.020.900	2.320.830.407
	Phải trả tiền đặt cọc thuê nhà	(583.927.840)	(631.924.300)
	Số dư khoản vay	(2.010.470.000)	(1.468.750.000)
VIGEBA	Phải thu liên quan đến hoạt động xây lắp	37.380.915.504	23.007.019.823
	Đặt cọc tham gia dự án TT3 – Thành phố Giao lưu	10.000.000.000	10.000.000.000
	Phải trả tiền mua các căn hộ thuộc dự án Thành phố Giao lưu	(76.089.775.001)	(36.728.486.787)
	Phải trả tạm ứng cổ tức	(8.100.000.000)	(73.881.550.723)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành Tập đoàn

	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành Tập đoàn	12.627.315.674	16.120.663.081
	12.627.315.674	**16.120.663.081**

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 (TRÌNH BÀY LẠI (*)) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.128.007.144.420	1.258.556.881.615
Trừ Quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	(89.708.039.941)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.128.007.144.420	1.168.848.841.674
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	680.471.434	680.471.434
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.658	1.718

(*) Số liệu so sánh được trình bày lại do tính đến ảnh hưởng của việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2015 tới lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.

(**) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn chưa có kế hoạch phân chia Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2015.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính Tập đoàn không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông xảy ra trong khoảng thời gian này có thể làm pha loãng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau. Ban Điều hành theo dõi kết quả hoạt động của từng đơn vị kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho quá trình ra quyết định về việc phân bổ nguồn lực và đánh giá hoạt động.

Nhằm mục đích quản trị, Tập đoàn được tổ chức theo từng đơn vị kinh doanh dựa trên sản phẩm và dịch vụ mà các đơn vị này cung cấp. Tập đoàn có thể báo cáo theo 5 bộ phận hoạt động như sau:

- Dịch vụ bảo hiểm nhân thọ cung cấp các dịch vụ: bảo hiểm trọn đời; bảo hiểm sinh kỳ; bảo hiểm tử kỳ; bảo hiểm hỗn hợp; bảo hiểm liên kết ngân hàng, bảo hiểm trả tiền định kỳ; bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người bổ trợ cho bảo hiểm nhân thọ và các loại hình bảo hiểm nhân thọ khác; nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người.

- Dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ cung cấp các dịch vụ: bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người; bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại; bảo hiểm hàng hóa vận chuyển; bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu; bảo hiểm trách nhiệm chung; bảo hiểm hàng không; bảo hiểm xe cơ giới; bảo hiểm cháy nổ; bảo hiểm nông nghiệp và các loại hình bảo hiểm phi nhân thọ khác; nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.

- Dịch vụ tài chính bao gồm các dịch vụ quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư, môi giới và kinh doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư, v.v… Dịch vụ quản lý đầu tư cung cấp dịch vụ quản lý đầu tư cho chủ hợp đồng bảo hiểm thông qua các dịch vụ do BVF cung cấp. BVSC cung cấp các dịch vụ môi giới, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và kinh doanh chứng khoán.

- Dịch vụ ngân hàng bao gồm nhận các khoản tiền gửi của cá nhân, công ty và các tổ chức tín dụng, đồng thời cung cấp dịch vụ cho vay khách hàng, dịch vụ thấu chi, các dịch vụ liên quan đến thẻ tín dụng và chuyển khoản thông qua Baoviet Bank.

- Các hoạt động về bất động sản và các hoạt động khác bao gồm các dịch vụ cho thuê văn phòng và các dịch vụ liên quan đối với tòa nhà Bảo Việt tại số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội, tòa nhà 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và một số khu vực khác. Ngoài ra, Tập đoàn đang tiến hành xây dựng các dự án bất động sản như xây dựng tòa nhà Bảo hiểm Nhân thọ ở Hà Nội, dự án ở thành phố Hồ Chí Minh và các dự án bất động sản khác trong nước.

Giá chuyển nhượng giữa các bộ phận kinh doanh được quyết định dựa trên giá thị trường tương tự như giao dịch với bên thứ ba khác. Doanh thu bộ phận, chi phí bộ phận và kết quả kinh doanh bộ phận bao gồm doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động chuyển giao giữa các bộ phận với nhau. Các giao dịch chuyển giao này được loại bỏ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo khu vực địa lý

Báo cáo tài chính hợp nhất này không trình bày các thông tin bộ phận theo khu vực địa lý bởi vì phạm vi hoạt động của Tập đoàn chỉ nằm trên lãnh thổ Việt Nam và các khu vực địa lý đó đều không khác biệt nhiều về mức độ rủi ro và khả năng sinh lời.

Theo lĩnh vực kinh doanh

Các bảng biểu sau trình bày thông tin về tình hình tài chính và về doanh thu và lợi nhuận liên quan đến các bộ phận kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, cụ thể như sau:

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Đơn vị: triệu đồng

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015	BẢO HIỂM NHÂN THỌ	BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ	HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	HOẠT ĐỘNG BẤT ĐỘNG SẢN VÀ HOẠT ĐỘNG KHÁC	CÁC BÚT TOÁN ĐIỀU CHỈNH	TỔNG
Doanh thu phí bảo hiểm	10.114.825	6.091.517	-	-	-	16.206.342
Phí nhượng tái bảo hiểm	(6.289)	(1.103.834)	-	-	-	(1.110.123)
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	928	229.406	-	-	-	230.334
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**10.109.464**	**5.217.089**	**-**	**-**	**-**	**15.326.553**
Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn	(3.056.240)	(2.851.941)	-	-	-	(5.908.181)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	-	(175.661)	-	-	-	(175.661)
Các khoản thu giảm trừ chi phí	-	32.020	-	-	-	32.020
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	2.601	410.271	-	-	-	412.872
Tăng dự phòng toán học	(5.721.738)	-	-	-	-	(5.721.738)
Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(9.195)	124.523	-	-	-	115.328
Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	-	(131.411)	-	-	-	(131.411)
Chi bồi thường từ quỹ dự phòng dao động lớn	-	46.000	-	-	-	46.000
Trích dự phòng dao động lớn	-	(101.965)	-	-	-	(101.965)
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(1.592.309)	(1.897.073)	-	-	19.272	(3.470.110)
Tổng chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**(10.376.881)**	**(4.545.237)**	**-**	**-**	**19.272**	**(14.902.846)**
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**(267.417)**	**671.852**	**-**	**-**	**19.272**	**423.707**
Thu nhập thuần từ các hoạt động khác	-	-	172.426	33.754	(137.302)	68.878
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(1.075.317)	(611.495)	(358.793)	(31.448)	65.312	(2.011.741)
Lợi nhuận hoạt động tài chính	2.156.041	305.621	1.354.398	2.697	(928.881)	2.889.876
Lợi nhuận khác	4.195	3.201	1.703	(442)	(3.691)	4.966
Phần lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	93.206	93.206
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**817.502**	**369.179**	**1.169.734**	**4.561**	**(892.084)**	**1.468.892**

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014:

Đơn vị: triệu đồng

CHO NĂM TÀI CHÍN H KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014	BẢO HIỂM NHÂN THỌ	BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ	HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG	HOẠT ĐỘNG BẤT ĐỘNG SẢN VÀ HOẠT ĐỘNG KHÁC	CÁC BÚT TOÁN ĐIỀU CHỈNH	TỔNG
Doanh thu phí bảo hiểm	7.938.133	5.970.437	-	-	-	-	13.908.570
Phí nhượng tái bảo hiểm	(4.251)	(1.240.205)	-	-	-	-	(1.244.456)
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	672	117.819	-	-	-	-	118.491
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**7.934.554**	**4.848.051**	**-**	**-**	**-**	**-**	**12.782.605**
Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn	(2.875.245)	(2.982.752)	-	-	-	-	(5.857.997)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	-	(191.532)	-	-	-	-	(191.532)
Các khoản thu giảm trừ chi phí	-	3.753	-	-	-	-	3.753
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	-	590.688	-	-	-	-	590.688
Tăng dự phòng toán học	(4.078.011)	-	-	-	-	-	(4.078.011)
Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(6.623)	(118.226)	-	-	-	-	(124.849)
Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	-	31.006	-	-	-	-	31.006
Trích dự phòng dao động lớn	-	(97.922)	-	-	-	-	(97.922)
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(1.313.237)	(1.511.863)	-	-	-	-	(2.825.100)
Tổng chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**(8.273.116)**	**(4.276.848)**	**-**	**-**	**-**	**-**	**(12.549.964)**
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**(338.562)**	**571.203**	**-**	**-**	**-**	**-**	**232.641**
Thu nhập thuần từ hoạt động ngân hàng	-	-	-	175.691	-	23.780	199.471
Thu nhập thuần từ các hoạt động khác	-	-	136.955	-	28.339	(97.325)	67.969
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(929.040)	(565.025)	(300.139)	(131.515)	(10.199)	48.785	(1.887.133)
Lợi nhuận hoạt động tài chính	2.017.072	307.602	1.530.379	-	3.747	(1.002.580)	2.856.220
Lợi nhuận khác	5.591	5.757	1.342	86	405	(3.303)	9.878
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-	148.260	148.260
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**755.061**	**319.537**	**1.368.537**	**44.262**	**22.292**	**(882.383)**	**1.627.306**

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về tình hình tài chính theo bộ phận của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Đơn vị: triệu đồng

31 THÁNG 12 NĂM 2015	BẢO HIỂM NHÂN THỌ	BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ	HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	HOẠT ĐỘNG BẤT ĐỘNG SẢN VÀ HOẠT ĐỘNG KHÁC	CÁC BÚT TOÁN ĐIỀU CHỈNH	TỔNG
TÀI SẢN						
Tiền và các khoản tương đương tiền	643.970	524.084	990.970	92.343	5.324	2.256.691
Các khoản phải thu từ hoạt động tái bảo hiểm	-	347.212	-	-	-	347.212
Các khoản phải thu từ hoạt động bảo hiểm	25.908	622.985	-	-	-	648.893
Tài sản tái bảo hiểm	-	1.006.840	-	-	-	1.006.840
Các khoản phải thu khác	1.535.333	64.049	484.186	102.903	(442.879)	1.743.592
Đầu tư tài chính	37.117.427	5.488.447	12.787.802	166.833	(6.326.215)	49.234.294
Phải thu về cho vay	1.111	-	734.431	-	65.094	800.636
Tài sản cố định hữu hình	280.823	246.119	279.733	24.763	9.378	840.816
Tài sản cố định vô hình	325.515	449.681	47.839	14.640	-	837.675
Các tài sản khác	99.923	520.793	72.303	121.426	21.470	835.915
TỔNG TÀI SẢN	**40.030.010**	**9.270.210**	**15.397.264**	**522.908**	**(6.667.828)**	**58.552.564**
NỢ PHẢI TRẢ						
Nợ phải trả ngắn hạn	7.468.550	2.646.215	1.067.944	247.131	(574.118)	10.855.722
Nợ dài hạn	73.284	6.473	-	1.361	-	81.118
Quỹ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	29.997.477	4.420.055	-	-	-	34.417.532
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**37.539.311**	**7.072.743**	**1.067.944**	**248.492**	**(574.118)**	**45.354.372**
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**2.490.699**	**2.197.467**	**14.329.320**	**274.416**	**(6.093.710)**	**13.198.192**
TỔNG NGUỒN VỐN	**40.030.010**	**9.270.210**	**15.397.264**	**522.908**	**(6.667.828)**	**58.552.564**

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về tình hình tài chính theo bộ phận của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

Đơn vị: triệu đồng

31 THÁNG 12 NĂM 2014	BẢO HIỂM NHÂN THỌ	BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ	HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	HOẠT ĐỘNG BẤT ĐỘNG SẢN VÀ HOẠT ĐỘNG KHÁC	CÁC BÚT TOÁN ĐIỀU CHỈNH	TỔNG
TÀI SẢN						
Tiền và các khoản tương đương tiền	857.662	149.723	762.224	79.720	(424.511)	1.424.818
Các khoản phải thu từ hoạt động tái bảo hiểm	-	280.707	-	-	-	280.707
Các khoản phải thu từ hoạt động bảo hiểm	20.602	723.042	-	-	-	743.644
Tài sản tái bảo hiểm	-	1.172.692	-	-	-	1.172.692
Các khoản phải thu khác	1.499.553	157.441	672.154	142.296	(941.636)	1.529.808
Đầu tư tài chính	27.557.026	4.602.254	11.179.856	-	(4.299.369)	39.039.767
Phải thu về cho vay	1.111	45.492	630.217	-	14.380	691.200
Tài sản cố định hữu hình	256.591	213.419	322.014	26.834	9.379	828.237
Tài sản cố định vô hình	341.043	375.552	53.908	14.640	-	785.143
Các tài sản khác	94.761	626.068	53.501	261.069	37.051	1.072.450
TỔNG TÀI SẢN	**30.628.349**	**8.346.390**	**13.673.874**	**524.559**	**(5.604.706)**	**47.568.466**
NỢ PHẢI TRẢ						
Nợ phải trả ngắn hạn	4.001.832	1.842.296	740.759	221.677	(727.768)	6.078.796
Nợ dài hạn	59.323	1.396	-	1.123	-	61.842
Quỹ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	24.198.508	4.412.498	-	-	-	28.611.006
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**28.259.663**	**6.256.190**	**740.759**	**222.800**	**(727.768)**	**34.751.644**
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**2.368.686**	**2.090.200**	**12.933.115**	**301.759**	**(4.876.938)**	**12.816.822**
TỔNG NGUỒN VỐN	**30.628.349**	**8.346.390**	**13.673.874**	**524.559**	**(5.604.706)**	**47.568.466**

34. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

34.1 Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động bao gồm các tài sản là văn phòng, trụ sở làm việc không hủy ngang như sau:

	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 VND
Tổng số tiền thuê theo các hợp đồng không hủy ngang sẽ đến hạn trong vòng:		
- Dưới 1 năm	77.169.573.911	81.204.372.796
- Từ 1 đến 5 năm	225.749.143.787	212.185.593.891
- Trên 5 năm	32.029.842.541	15.801.166.941
	334.948.560.239	**309.191.133.628**

34.2 Các thông tin khác về các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

CHỈ TIÊU	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 VND
1. Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm (VND)	331.716.061.146	376.382.411.665
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	6.269.014.133	6.269.014.133
3. Ngoại tệ (USD)	5.519	1.890.847
4. Chứng khoán lưu ký (VND)	22.470.316.240.000	18.164.461.480.000
5. Chứng khoán chưa lưu ký (VND)	1.851.590.450.000	2.291.083.380.000
6. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác (VND)	10.782.557.674	9.811.997.042
7. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác (VND)	431.232.763.618	364.331.088.335
8. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác (VND)	18.151.396.529	17.189.486.605
9. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác (VND)	(169.525.585.527)	(110.439.859.050)
10. Phải thu lãi tiền gửi, trái phiếu (VND)	847.418.213.248	711.551.171.747

35. CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các khoản tranh chấp, kiện tụng

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Bảo hiểm Bảo Việt hiện đang có các vụ tranh chấp, kiện tụng với khách hàng liên quan đến các khoản yêu cầu đòi bồi thường từ phía khách hàng nhưng Bảo hiểm Bảo Việt không chấp nhận toàn phần, hoặc chỉ chấp nhận một phần trách nhiệm bảo hiểm. Tổng số yêu cầu đòi bồi thường từ phía khách hàng liên quan đến các vụ việc nêu trên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 45,7 tỷ đồng Việt Nam, trong đó phần ước tính thuộc trách nhiệm của Bảo hiểm Bảo Việt là 40,7 tỷ đồng Việt Nam. Ảnh hưởng cuối cùng của các vụ tranh chấp, kiện tụng nêu trên chỉ có thể được xác định dựa trên kết quả cuối cùng của các Ủy ban hòa giải hay của Tòa án và do đó, Bảo hiểm Bảo Việt hiện chưa trích lập dự phòng nợ phải trả cho các yêu cầu đòi bồi thường này.

Các ảnh hưởng tiềm tàng khác

Trong năm 2015, cơ quan chức năng đã hoàn thành công tác điều tra liên quan đến một số hoạt động trong giai đoạn 2007 - 2013 tại một số Công ty thành viên trực thuộc Bảo hiểm Bảo Việt và đã có kết luận sơ bộ gửi cho các cơ quan hữu quan để xem xét. Một số cá nhân liên quan đến vụ việc đã có hành động nộp tiền khắc phục vào tài khoản của Bảo hiểm Bảo Việt. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, do Bảo hiểm Bảo Việt chưa nhận được các yêu cầu hay khuyến nghị chính thức từ các cơ quan hữu quan về việc xử lý tài chính cũng như trách nhiệm cụ thể của các cá nhân liên quan, vì vậy, dựa trên các tài liệu được các đơn vị thành viên báo cáo về Bảo hiểm Bảo Việt, các thông tin nhận được từ các cơ quan hữu quan, dựa trên các quy định của Luật kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Bảo hiểm Bảo Việt đã thực hiện một số hạch toán và điều chỉnh số liệu kế toán mà Bảo hiểm Bảo Việt đánh giá là cần thiết và hợp lý nhất và các điều chỉnh này đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính năm 2015 của Bảo hiểm Bảo Việt. Bảo hiểm Bảo Việt sẽ tiếp tục theo dõi sát sao và khi có kết luận chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Bảo hiểm Bảo Việt sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết trong các kỳ báo cáo tiếp theo.

Bảo lãnh thanh toán

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, BVSC hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, có thực hiện các nghiệp vụ hợp tác cho vay thanh toán tiền mua chứng khoán với các ngân hàng thương mại. Theo đó, BVSC sẽ thay mặt ngân hàng để quản lý tài sản đảm bảo là số dư tài khoản tiền gửi của nhà đầu tư mở tại các ngân hàng và số dư chứng khoán được chấp thuận bởi BVSC trong tài khoản của nhà đầu tư đó tại BVSC, khi các nhà đầu tư vay vốn tại ngân hàng để thanh toán tiền mua chứng khoán đã khớp lệnh. BVSC được hưởng phí từ việc quản lý và toàn quyền xử lý tài sản đảm bảo của khách hàng. Trong trường hợp nhà đầu tư không trả được nợ gốc và lãi khi đến hạn thì ngân hàng có quyền yêu cầu BVSC trích tiền trong tài khoản của BVSC mở cho nhà đầu tư tại ngân hàng để thanh toán nợ.

Chi tiết dư nợ của các nhà đầu tư tại các ngân hàng mà BVSC đang thực hiện quản lý tài sản đảm bảo và cam kết thanh toán nợ thay như sau:

	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 VND	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 VND
Ngân hàng/ Công ty tài chính	331.760.211.021	328.021.930.523
Tổng giá trị	**331.760.211.021**	**328.021.930.523**

36. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO

Mục tiêu của hoạt động Quản lý rủi ro (QLRR) tại Tập đoàn và các Công ty con nhằm phòng ngừa, giảm thiểu những rủi ro, thiệt hại có thể xảy ra để góp phần duy trì hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và các Công ty con theo phương châm ổn định, an toàn, hiệu quả; góp phần tạo ra môi trường quản lý minh bạch; bảo vệ tài sản và uy tín của Tập đoàn và các Công ty con.

Hoạt động QLRR được thực hiện thống nhất từ Ban Lãnh đạo Tập đoàn đến từng bộ phận chức năng, cán bộ tại Tập đoàn và các Công ty con theo một nguyên tắc chung nhằm chủ động phát hiện, đánh giá và kiểm soát tác động của các loại rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị Tập đoàn (HĐQT) chịu trách nhiệm quyết định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của hệ thống quản lý rủi ro Tập đoàn ban hành chiến lược, chính sách quản lý rủi ro Tập đoàn và thực hiện giám sát hoạt động QLRR toàn Tập đoàn.

Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn quản lý rủi ro nội bộ, tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách quản lý rủi ro đã được HĐQT phê duyệt. Các chính sách và hệ thống QLRR được rà soát định kỳ nhằm phản ánh kịp thời những biến động của thị trường và các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn (HĐQLRR) là cơ quan giúp việc của Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt để triển khai công tác quản lý rủi ro. Các cuộc họp của HĐQLRR được tổ chức định kỳ nhằm đánh giá mức độ rủi ro tập trung toàn Tập đoàn, đánh giá nhận dạng các rủi ro mới và biện pháp phòng ngừa; phê duyệt mô hình, công cụ đo lường, hạn mức các loại rủi ro; giám sát việc thực hiện các hạn mức rủi ro đã được phê duyệt.

Tại thuyết minh này, Tập đoàn trình bày cách thức cơ bản về hoạt động QLRR nói chung và các mục tiêu, chính sách, quy trình, phương pháp quản lý, đo lường các loại rủi ro cụ thể liên quan tới việc sử dụng các công cụ tài chính nói riêng.

Quản lý vốn

Mục tiêu ưu tiên của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con trong việc quản lý vốn là luôn luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ phát triển kinh doanh và bù đắp các rủi ro cố hữu. Ngoài ra, việc quản lý vốn tuân theo các yêu cầu về khả năng thanh toán theo luật định và các yêu cầu chiến lược của Tập đoàn.

Tập đoàn Bảo Việt nhận thức được những tác động của mức độ vốn đã góp đối với lợi nhuận của cổ đông . Các Công ty quản lý vốn của mình để phát triển hoạt động kinh doanh, đáp ứng yêu cầu luật định đồng thời phù hợp với kế hoạch vốn của Tập đoàn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn và các Công ty con đều đáp ứng tất cả các yêu cầu về vốn.

Các cơ quan quản lý chủ yếu quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của chủ hợp đồng bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả vì lợi ích của các chủ hợp đồng này. Các cơ quan quản lý đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo các công ty bảo hiểm có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để ứng phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự kiến do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

36. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

Quản lý vốn (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày biên khả năng thanh toán của Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ:

	BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN (TRIỆU VND)	BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN TỐI THIỂU (TRIỆU VND)	TỶ LỆ BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN
Bảo hiểm Bảo Việt			
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.433.570	1.274.560	112,5%
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.293.503	1.223.948	106%
Bảo Việt Nhân thọ			
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.981.629	1.643.504	121%
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.831.231	1.268.882	144%

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán của các Công ty con kinh doanh bảo hiểm là một chỉ số về khả năng thanh toán chung đối với các hoạt động bảo hiểm có liên quan, được tính toán theo các hướng dẫn tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu chịu sự tác động của các loại rủi ro sau:

- Rủi ro bảo hiểm
- Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu trong các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Để đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa thiệt hại do rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro, Ban Điều hành Tập đoàn liên tục theo dõi hoạt động quản lý rủi ro của Tập đoàn để bảo đảm sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và lợi nhuận. Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

37.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm

Rủi ro bảo hiểm là rủi ro liên quan đến tổn thất mà công ty bảo hiểm có thể phải gánh chịu do mức phí bảo hiểm không đủ để chi trả cho các sự kiện bảo hiểm. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm được thực hiện bởi hai Công ty con của Tập đoàn Bảo Việt là Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt (Bảo hiểm Bảo Việt) và Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ (Bảo Việt Nhân thọ).

37.1.1 Các mục tiêu, chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm

Mục tiêu quản lý rủi ro của Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt là kiểm soát phạm vi và mức độ tổn thất phát sinh nhằm đảm bảo phạm vi và mức độ này nằm trong giới hạn chấp nhận rủi ro đã thiết lập.

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo Việt Nhân thọ

Bảo Việt Nhân thọ quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới, khai thác, giám định, bồi thường hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, nguyên tắc tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

37.1.1 Các mục tiêu, chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo Việt Nhân thọ (tiếp theo)

Bảo Việt Nhân thọ sử dụng nhiều phương pháp để đánh giá và giám sát rủi ro bảo hiểm đối với các loại rủi ro cụ thể và rủi ro chung. Các phương pháp này bao gồm mô hình đo lường rủi ro nội bộ, các phân tích về độ nhạy, phân tích tình huống và phương pháp phân tích kịch bản "stress testing". Các lý thuyết xác suất được áp dụng để xác định mức phí bảo hiểm và danh mục các loại sản phẩm bảo hiểm có thể cung cấp.

Quy trình xây dựng các giả định của Bảo Việt Nhân thọ nhằm đưa ra các ước tính thận trọng và ổn định về kết quả tương lai. Điều này được đảm bảo thông qua việc áp dụng giả định thận trọng để tránh các biến động bất lợi trong thực tiễn. Hoạt động kiểm tra hàng năm được thực hiện nhằm đảm bảo mức chênh lệch giữa giả định áp dụng và ước tính khả thi nhất với kết quả trong tương lai nằm trong giới hạn chấp nhận được.

Các giả định cơ bản sử dụng trong tính toán dự phòng cho các hợp đồng dài hạn bao gồm:

(i) Bảng tỷ lệ tử vong

Bảng tỷ lệ tử vong sử dụng trong tính toán dự phòng dựa trên cơ sở toán học được phê duyệt và tuân thủ theo quy định của pháp luật. Bảo Việt Nhân thọ đang sử dụng Bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980.

(ii) Bảng phân loại bệnh tật

Tỷ lệ xảy ra bệnh tật trong tính toán dự phòng dựa trên cơ sở toán học được phê duyệt. Tỷ lệ xảy ra bệnh tật chủ yếu bao gồm các căn bệnh nguy hiểm và thương tật được tính toán từ thống kê về thanh toán quyền lợi được chi trả và phí bảo hiểm bình quân năm.

Thêm vào đó, với những hợp đồng người được bảo hiểm có rủi ro lớn hơn mức tiêu chuẩn (tức có phí bảo hiểm phụ trội), dự phòng bổ sung được trích lập tương ứng với rủi ro tăng thêm.

(iii) Lãi suất

Bảo Việt Nhân thọ sử dụng tỷ lệ lãi suất cho nhóm sản phẩm bảo hiểm truyền thống, cụ thể là 4,25% đối với sản phẩm tham gia chia lãi và 4,5% với sản phẩm không chia lãi.

Bảo Việt Nhân thọ cũng thực hiện chính sách quản lý rủi ro thông qua tái bảo hiểm, chuyển giao một phần rủi ro của hợp đồng bảo hiểm cho công ty nhận tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá xếp hạng theo quy định hiện hành. Mức giữ lại phụ thuộc vào khả năng tài chính, mức độ rủi ro của đối tượng bảo hiểm. Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm, bên nhận tái bảo hiểm có trách nhiệm chi trả số tiền tương ứng đã nhận tái bảo hiểm trong trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo hiểm Bảo Việt

Để đạt mục tiêu của hoạt động quản lý rủi ro bảo hiểm, bên cạnh công tác triển khai các hoạt động kinh doanh, Bảo hiểm Bảo Việt đã nhận thấy tầm quan trọng của công tác phát triển sản phẩm và từng bước đưa công tác này trở thành một trong các công tác được ưu tiên thực hiện. Bảo hiểm Bảo Việt đã thiết lập, dần hoàn thiện và áp dụng đầy đủ các quy trình đánh giá rủi ro trước khi chấp nhận bảo hiểm, quy trình chuyển giao rủi ro bảo hiểm (tái bảo hiểm), quy trình giám định tổn thất và quy trình giải quyết bồi thường. Ngoài ra, từ năm 2015, Bảo hiểm Bảo Việt đã đặt mục tiêu rà soát, hoàn thiện quy trình nghiên cứu, phát triển, và điều chỉnh sản phẩm.

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

37.1.1 Các mục tiêu, chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo hiểm Bảo Việt (tiếp theo)

Đối với hoạt động khai thác bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt áp dụng các tiêu chí đánh giá, phân loại và lựa chọn đối tượng bảo hiểm. Đối với các đối tượng bảo hiểm có khả năng xảy ra tổn thất cao hoặc có nguy cơ bị trục lợi cao, Bảo hiểm Bảo Việt cân nhắc các khả năng quản lý rủi ro: kiểm soát, để phòng hạn chế tổn thất và chia sẻ rủi ro trước khi chấp nhận bảo hiểm. Bảo hiểm Bảo Việt cũng tăng cường đánh giá rủi ro tích tụ và đưa ra các quy định về chấp nhận bảo hiểm phù hợp với từng nghiệp vụ khác nhau, từng nhóm sản phẩm, từng địa phương khác nhau để hạn chế tích tụ rủi ro, và đánh giá được mức độ tích tụ rủi ro ở cấp độ toàn Bảo hiểm Bảo Việt.

Dựa trên các đơn bảo hiểm đã cấp, Bảo hiểm Bảo Việt đã đặt ra yêu cầu tính toán, phân tích các tỉ lệ kinh nghiệm (theo dữ liệu quá khứ), lấy đó làm cơ sở cho việc điều chỉnh tỷ lệ phí bảo hiểm, điều chỉnh phạm vi bảo hiểm nhằm đảm bảo giảm thiểu tỷ lệ bồi thường. Bảo hiểm Bảo Việt áp dụng các giải pháp chuyển giao rủi ro để chia sẻ rủi ro với các công ty bảo hiểm khác thông qua đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm và chia sẻ rủi ro với chính người tham gia bảo hiểm, áp dụng miễn thường.

Đối với các tổn thất xảy ra, việc giám định tổn thất và giải quyết bồi thường đã được Bảo hiểm Bảo Việt thực hiện theo hai cấp. Những vụ tổn thất lớn, có tính chất phức tạp đều đã được xử lý và bồi thường tập trung tại Bảo hiểm Bảo Việt thông qua đội ngũ giám định, giải quyết bồi thường của Bảo hiểm Bảo Việt và giám định viên chuyên nghiệp ngoài Bảo hiểm Bảo Việt; chỉ để những vụ tổn thất nhỏ, có tính chất đơn giản, phù hợp với điều kiện và khả năng của các Công ty thành viên của Bảo hiểm Bảo Việt để xử lý tại chỗ. Bảo hiểm Bảo Việt đã triển khai phần mềm InsureJ và xây dựng mô hình Trung tâm cấp đơn và giám định bồi thường ở một số công ty thành viên và ở các nghiệp vụ, dịch vụ có khả năng xảy ra tổn thất lớn (phải chia sẻ rủi ro thông qua tái bảo hiểm) để đánh giá rủi ro và giải quyết bồi thường tập trung.

37.1.2 Quản lý dòng tiền phát sinh từ hoạt động bảo hiểm

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm của Bảo Việt Nhân thọ là đa dạng hóa nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh và dựa trên một danh mục đủ lớn với những rủi ro tương tự trong một số năm, và như vậy, làm giảm sự biến động của kết quả kinh doanh. Dưới đây là mô tả chi tiết các sản phẩm bảo hiểm chính của Bảo Việt Nhân thọ và cách thức Bảo Việt Nhân thọ quản lý các rủi ro liên quan.

Các đặc tính sản phẩm - Đặc điểm cơ bản của hoạt động bảo hiểm truyền thống dài hạn là cung cấp quyền lợi bảo hiểm tử vong được đảm bảo được xác định từ thời điểm phát hành hợp đồng. Các sản phẩm bảo hiểm có yếu tố tiết kiệm đều được đảm bảo quyền lợi đáo hạn và quyền lợi nhận giá trị giải ước, số tiền bảo hiểm giảm khi dừng đóng phí bảo hiểm và quyền lợi định kỳ (đối với một số sản phẩm). Đối với một số sản phẩm (sản phẩm dành cho trẻ em), người tham gia bảo hiểm sẽ được hưởng quyền lợi miễn nộp phí bảo hiểm khi người tham gia bảo hiểm chết hoặc trong tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn hoặc khi người được bảo hiểm trong tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn. Quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn cũng được chi trả trong trường hợp người được bảo hiểm bị lâm vào tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn đối với sản phẩm cho trẻ em và các sản phẩm khác.

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống với cấu phần không đảm bảo cho phép người tham gia bảo hiểm được tham gia chia lãi trên cơ sở quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ chia lãi. Các quỹ này đưa ra mức chia lãi hàng năm tùy chọn dưới dạng tiền mặt tích lũy vào cuối năm tài chính và dưới dạng phải trả các chủ hợp đồng bảo hiểm tại ngày kỷ niệm hợp đồng cho mỗi giai đoạn năm (05) năm.

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

37.1.2 Quản lý dòng tiền phát sinh từ hoạt động bảo hiểm (tiếp theo)

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống (tiếp theo)

Các nguyên tắc phân chia lợi nhuận giữa các chủ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ:

(i) Phản ánh tình hình tài chính của Bảo Việt Nhân thọ;

(ii) Xem xét kỳ vọng thích đáng của các chủ hợp đồng bảo hiểm;

(iii) Cân bằng lợi ích giữa chủ hợp đồng bảo hiểm và chủ sở hữu; và

(iv) Tuân thủ các quy định liên quan.

Bảo Việt Nhân thọ được toàn quyền quyết định mức chia lãi công bố theo hợp đồng trên cơ sở tuân thủ đúng và đầy đủ quy định hiện hành. Trên thực tế, Bảo Việt Nhân thọ sẽ xem xét các kỳ vọng thích đáng khi đặt ra mức chia lãi. Mục đích của Bảo Việt Nhân thọ là duy trì tỷ lệ lãi ổn định và hợp lý dựa trên tỷ suất lợi tức dài hạn. Công việc soát xét hàng năm sẽ được thực hiện để đảm bảo tỷ lệ lãi chia là hợp lý khi xem xét kinh nghiệm tổng thể về các khoản đầu tư, bồi thường, chi phí hoạt động và chi phí hủy hợp đồng.

Rủi ro đầu tư được quản lý thông qua việc cân đối giữa tài sản và các khoản công nợ. Các chiến lược đầu tư được xây dựng nhằm đáp ứng hợp lý mức lợi suất đầu tư kỳ vọng của các chủ hợp đồng bảo hiểm trên cơ sở tuân thủ đúng và đầy đủ quy định hiện hành. Rủi ro tử vong, thương tật, bệnh tật được quản lý thông qua việc thực hiện đúng quy trình phát hành/cấp đơn bảo hiểm, giám định và giám sát bồi thường.

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ liên kết chung

Các đặc tính sản phẩm – Bảo Việt Nhân thọ hiện đang cung cấp các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung với cả hai yếu tố bảo vệ và đầu tư trong quỹ liên kết chung bao gồm sản phẩm bảo hiểm liên kết chung hỗn hợp có thời hạn bảo hiểm 15, 20 hoặc 25 năm và sản phẩm bảo hiểm liên kết chung trọn đời.

Bên mua bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm liên kết chung có thể lựa chọn quyền lợi rủi ro (tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn) số lớn hơn giữa giá trị tài khoản và số tiền bảo hiểm gia tăng hoặc giá trị tài khoản cộng với số tiền bảo hiểm gia tăng và quyền lợi đáo hạn là giá trị tài khoản của người tham gia hợp đồng bảo hiểm. Hợp đồng bảo hiểm liên kết chung cung cấp lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu trong trường hợp xảy ra rủi ro được bảo hiểm (như tử vong), hủy hợp đồng bảo hiểm và khi hợp đồng bảo hiểm đáo hạn.

Phí bảo hiểm thu được sẽ được chuyển vào quỹ liên kết chung của Bảo Việt Nhân thọ sau khi trừ đi các loại phí phân bổ. Các phí khác như phí bảo hiểm rủi ro, phí quản lý hợp đồng và phí quản lý quỹ sẽ được khấu trừ từ giá trị tài khoản hợp đồng.

Các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ

Đối với dòng tiền từ phí bảo hiểm phi nhân thọ (dòng tiền vào), Bảo hiểm Bảo Việt quy định bên tham gia bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm ngay sau khi hợp đồng bảo hiểm được ký kết hoặc trong thời hạn đóng phí do Bảo hiểm Bảo Việt quy định. Trong một số trường hợp, Bảo hiểm Bảo Việt có thể kéo dài thời hạn đóng phí bảo hiểm. Từ tháng 3/2015, Bảo hiểm Bảo Việt yêu cầu toàn hệ thống tuân thủ đầy đủ quy định về nợ phí bảo hiểm không quá 30 ngày của Bộ Tài chính (Thông tư 194/2014/TT-BTC) qua đó đã làm giảm đáng kể rủi ro tín dụng trong trường hợp khách hàng chậm đóng phí bảo hiểm, đồng thời hạn chế tranh chấp.

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

37.1.2 Quản lý dòng tiền phát sinh từ hoạt động bảo hiểm (tiếp theo)

Các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ (tiếp theo)

Đối với dòng tiền thanh toán bồi thường (dòng tiền ra), thời gian và độ lớn của dòng tiền này không được quy định trong điều kiện và điều khoản của hợp đồng và thực tế cũng rất khó dự báo trước bằng các tỉ lệ kinh nghiệm (theo dữ liệu quá khứ). Tuy vậy, Bảo hiểm Bảo Việt có đánh giá và luôn tìm giải pháp kiểm soát mức bồi thường tối đa nên ngay cả trong trường hợp xảy ra rủi ro tích tụ, rủi ro thảm họa, Bảo hiểm Bảo Việt vẫn có thể tự chủ được với khả năng lớn nhờ các hợp đồng tái bảo hiểm vượt mức bồi thường và các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ. Mặt khác, do đặc thù các vụ tổn thất lớn thường cần nhiều thời gian để đánh giá, giám định tổn thất cũng như xác định, thỏa thuận mức bồi thường Bảo hiểm Bảo Việt có đủ thời gian để cân đối dòng tiền trước các nhu cầu thanh toán.

37.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm

Ảnh hưởng đến lợi nhuận báo cáo và vốn chủ sở hữu

Trong cơ cấu tổng lợi nhuận của Bảo hiểm Bảo Việt, kết quả kinh doanh của hoạt động bảo hiểm đóng góp tỷ trọng nhỏ trong tổng lợi nhuận nhưng kết quả kinh doanh bảo hiểm thường có biên độ biến động lớn nên trong trường hợp lợi nhuận hoạt động bảo hiểm có thay đổi, tổng lợi nhuận của Bảo hiểm Bảo Việt sẽ bị tác động đáng kể. Năm 2015, Bảo hiểm Bảo Việt đạt 60 tỷ đồng lợi nhuận hoạt động bảo hiểm (trong tổng 375 tỷ đồng tổng lợi nhuận), so với chỉ xấp xỉ 6 tỷ đồng của năm 2014. Trong khi các chi phí ngoài chi phí bồi thường có độ ổn định và ít có biến động bất thường thì tỷ lệ tổn thất là chỉ số khó dự báo trước và có tác động trực tiếp đến lợi nhuận hoạt động bảo hiểm. Cơ chế quản lý rủi ro hiện tại của Bảo hiểm Bảo Việt bao gồm các quy trình kiểm soát chặt chẽ như đánh giá rủi ro khi nhận bảo hiểm, tái bảo hiểm, giám định tổn thất và giải quyết bồi thường đã đảm bảo kiểm soát được tỷ lệ tổn thất trong mức độ chấp nhận được.

Đối với Bảo Việt Nhân thọ, lợi nhuận từ hoạt động bảo hiểm phụ thuộc rất lớn vào các rủi ro như lãi suất chiết khấu, tỷ lệ tử vong. Bảo Việt Nhân thọ đã thực hiện thử nghiệm các mô hình định giá dựa trên các giả định khác nhau. Việc phân tích độ nhạy với từng tình huống cho thấy cái nhìn rõ hơn với các rủi ro chính mà Bảo Việt Nhân thọ có thể gặp phải.

Bảng trình bày dưới đây chỉ ra độ nhạy của các ước tính nghĩa vụ bảo hiểm, lợi nhuận và vốn chủ sở hữu đối với từng thay đổi cụ thể trong các giả định sử dụng các giả định phi tài chính. Một số biến nhất định dự kiến sẽ ảnh hưởng đến các nghĩa vụ bảo hiểm hơn các biến khác, và vì vậy dự kiến sẽ có độ nhạy lớn hơn đối với các biến này.

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

37.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Ảnh hưởng đến lợi nhuận báo cáo và vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Ảnh hưởng tới lợi nhuận báo cáo do ảnh hưởng của các biến số chính:

	THAY ĐỔI BIẾN %	THAY ĐỔI NGHĨA VỤ ĐƯỢC BẢO HIỂM (TRIỆU VND)	ẢNH HƯỞNG ĐẾN LỢI NHUẬN SAU THUẾ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TRIỆU VND)
Ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Tỷ lệ chiết khấu	+0,25	(193.710)	149.583
Tỷ lệ chiết khấu	-0,25	258.301	(199.460)
Tỷ lệ tử vong	+10	12.414	(9.586)
Tỷ lệ tử vong	-10	(5.480)	4.232
Tỷ lệ tử vong	+20	32.862	(25.376)
Tỷ lệ tử vong	-20	(3.095)	2.390
Ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Tỷ lệ chiết khấu	+0.25	(151.005)	116.606
Tỷ lệ chiết khấu	-0.25	172.106	(132.900)
Tỷ lệ tử vong	+10	(1.934)	1.493
Tỷ lệ tử vong	-10	2.673	(2.064)
Tỷ lệ tử vong	+20	(3.161)	2.441
Tỷ lệ tử vong	-20	6.164	(4.760)

Phân tích trên được lập với giả định các giả định khác không đổi khi thay đổi biến số và bỏ qua thay đổi về giá trị của các tài sản liên quan.

Rủi ro tích tụ

Rủi ro bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt bao gồm hầu hết các loại rủi ro bảo hiểm phi nhân thọ như rủi ro bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, rủi ro bảo hiểm tàu thủy, rủi ro bảo hiểm hàng không, rủi ro bảo hiểm dầu khí, rủi ro bảo hiểm tài sản, rủi ro bảo hiểm con người, rủi ro bảo hiểm kỹ thuật,… Do vậy ngoài rủi ro tích tụ cùng loại rủi ro, Bảo hiểm Bảo Việt còn đối mặt với rủi ro tích tụ các loại rủi ro liên quan, chẳng hạn như bảo hiểm đồng thời tàu và hàng, bảo hiểm đồng thời tài sản và con người,… Bảo hiểm Bảo Việt đã có quy định về quản lý rủi ro tích tụ và mua các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ để giới hạn mức trách nhiệm khi xảy ra sự kiện rủi ro tích tụ hoặc thảm họa.

Những rủi ro chính đối với Bảo Việt Nhân thọ như rủi ro tử vong, rủi ro bệnh tật, rủi ro tuổi thọ, rủi ro từ hoạt động đầu tư, rủi ro chi phí, rủi ro từ việc ra quyết định của người được bảo hiểm không có khác biệt lớn giữa các vùng miền, theo loại hình được bảo hiểm hay theo ngành.

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

37.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Rủi ro tích tụ (tiếp theo)

Chiến lược khai thác bảo hiểm nhân thọ của Bảo Việt Nhân thọ được thiết kế nhằm đảm bảo những rủi ro bảo hiểm được đa dạng cả về loại hình và mức độ của các quyền lợi bảo hiểm. Điều này phần lớn đạt được thông qua việc khai thác bảo hiểm trên tất cả ngành, vùng lãnh thổ địa lý, sử dụng các chương trình y tế để đảm bảo việc định giá sản phẩm đã tính đến các điều kiện sức khỏe hiện tại và tiền sử sức khỏe của gia đình, đặc thù nghề nghiệp những người làm việc trong từng ngành, rà soát thường xuyên các vụ bồi thường thực tế và quy trình định giá các sản phẩm bảo hiểm cũng như quy trình giải quyết bồi thường. Các hạn mức khai thác được thực hiện nhằm đảm bảo các tiêu chí lựa chọn rủi ro phù hợp. Ví dụ, Bảo Việt Nhân thọ có quyền không tái tục các hợp đồng riêng lẻ, có thể áp dụng các mức khấu trừ và có quyền từ chối thanh toán các khiếu nại gian lận. Hợp đồng bảo hiểm cũng cho phép Bảo Việt Nhân thọ quyền thu đòi các bên thứ ba một phần hoặc toàn bộ các chi phí. Bảo Việt Nhân thọ củng cố chính sách chủ động quản lý và thu đòi bồi thường để giảm các rủi ro không dự đoán trước được trong tương lai có thể ảnh hưởng không tốt trực tiếp đến Bảo Việt Nhân thọ.

Ước tính quyền lợi bảo hiểm

Bảng dưới đây thể hiện mức độ tập trung của các khoản phải trả hợp đồng bảo hiểm nhân thọ theo loại hình hợp đồng:

	NGHĨA VỤ CÁC HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM VÀ ĐẦU TƯ CÓ CẤU PHẦN KHÔNG ĐẢM BẢO VND	NGHĨA VỤ CÁC HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM KHÔNG CÓ CẤU PHẦN KHÔNG ĐẢM BẢO VND	TỔNG VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Điều khoản riêng	2.987.602.497	152.008.339.553	154.995.942.050
Trọn đời	85.840.099.877	-	85.840.099.877
Tử kỳ	-	8.936.782.066	8.936.782.066
Hỗn hợp	8.791.280.391.660	11.335.613.886.173	20.126.894.277.833
Liên kết chung	-	9.102.279.004.126	9.102.279.004.126
Niên kim	453.689.322.426	-	453.689.322.426
Tổng	**9.333.797.416.460**	**20.598.838.011.918**	**29.932.635.428.378**
Ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Điều khoản riêng	3.329.894.166	116.727.947.447	120.057.841.613
Trọn đời	82.267.897.985	-	82.267.897.985
Tử kỳ	-	5.092.202.103	5.092.202.103
Hỗn hợp	8.343.993.227.286	9.554.264.213.609	17.898.257.440.895
Liên kết chung	-	5.694.808.598.261	5.694.808.598.261
Niên kim	347.471.930.152	-	347.471.930.152
Khác	341.769.302	-	341.769.302
Tổng	**8.777.404.718.891**	**15.370.892.961.420**	**24.148.297.680.311**

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

37.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Ước tính bồi thường

Để quản lý hiệu quả rủi ro bảo hiểm, quy trình tiếp nhận thông tin tổn thất, ước tính, thống kê và quản lý dữ liệu bồi thường là một công tác được Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt chú trọng.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục hoàn thiện thêm quy trình thống kê và quản lý bồi thường để ước tính và trích vào chi phí đúng kỳ các khoản chi trả bồi thường có thể phát sinh. Quy trình này đã được Bảo hiểm Bảo Việt thực hiện từ nhiều năm và ước tính bồi thường ngày càng sát với các khoản chi trả thực tế. Quy trình thống kê bồi thường của Bảo hiểm Bảo Việt là một quy trình đầy đủ và chi tiết từ tiếp nhận khai báo tổn thất đến giải quyết bồi thường, được áp dụng cho từng loại rủi ro bảo hiểm. Khi có thông tin về tổn thất, những thông tin ban đầu của vụ tổn thất cũng như ước tính số tiền phải bồi thường được ghi nhận vào bảng thống kê tổn thất. Khi có thêm thông tin có thể làm thay đổi số ước bồi thường, số tiền phải bồi thường ước tính sẽ được cập nhật. Khi thực hiện tạm ứng hoặc chi trả bồi thường, thông tin về ngày tháng và số tiền tạm ứng, chi trả được cập nhật vào bảng thống kê bồi thường để làm giảm số ước còn phải bồi thường. Khi đã thanh toán bồi thường đầy đủ, hồ sơ vụ tổn thất sẽ được đóng lại.

Dự phòng tổn thất chưa giải quyết của Bảo Việt Nhân thọ được trích lập cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết. Thông tin tổn thất sẽ được cập nhật vào hệ thống quản lý nghiệp vụ khi Bảo Việt Nhân thọ nhận được thông báo tổn thất từ phía khách hàng. Số tiền ước tính thường không chênh lệch lớn so với chi phí bồi thường thực trả do tổn thất ước tính được xác định dựa trên thông tin tổn thất và tỷ lệ bồi thường quy định theo từng loại sản phẩm bảo hiểm.

37.2 Quản lý rủi ro tài chính

Các giao dịch công cụ tài chính có thể mang rủi ro tài chính cho Tập đoàn và các Công ty con. Những rủi ro này bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Điều hành Tập đoàn xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

37.2.1 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng được định nghĩa là nguy cơ xảy ra tổn thất - do khả năng trả nợ của bên vay hoặc đối tác có những thay đổi bất lợi.

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn có thể phát sinh từ hoạt động tín dụng bảo hiểm (chủ yếu là Bảo hiểm Bảo Việt), hoạt động đầu tư tài chính (tiền gửi, trái phiếu và các công cụ tài chính khác), và hoạt động kinh doanh khác.

Tín dụng bảo hiểm

Rủi ro tín dụng bảo hiểm là nguy cơ người tham gia bảo hiểm không thực hiện được đầy đủ và đúng hạn việc đóng phí bảo hiểm theo các điều kiện và điều khoản được quy định trong hợp đồng bảo hiểm. Rủi ro này phát sinh chủ yếu tại Bảo hiểm Bảo Việt, trong khi Bảo hiểm Bảo Việt chưa thu được phí bảo hiểm nhưng do hợp đồng bảo hiểm đã phát sinh hiệu lực nên Bảo hiểm Bảo Việt vẫn phải nộp thuế GTGT, phát sinh chi phí phát hành và quản lý hợp đồng, chuyển phí nhượng tái bảo hiểm và nếu tổn thất phát sinh Bảo hiểm Bảo Việt vẫn phải thanh toán bồi thường.

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

37.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tín dụng bảo hiểm (tiếp theo)

Để làm giảm thiểu rủi ro này, Bảo hiểm Bảo Việt đã ban hành và yêu cầu các bên, các bộ phận liên quan tuân thủ chặt chẽ quy trình đóng phí, gia hạn đóng phí bảo hiểm. Theo đó, chỉ phân cấp cho các công ty thành viên được gia hạn đóng phí các khoản phí nhỏ (phù hợp với từng loại rủi ro bảo hiểm và xếp hạng của công ty thành viên). Các khoản phí bảo hiểm lớn, chỉ Hội sở chính Bảo hiểm Bảo Việt được cho gia hạn. Chỉ những người tham gia bảo hiểm còn khả năng đóng phí hoặc có triển vọng là khách hàng chiến lược mới được gia hạn đóng phí bảo hiểm. Những người tham gia bảo hiểm bị đánh giá tín dụng thấp, không có khả năng đóng phí sẽ bị chấm dứt hiệu lực hợp đồng và tiếp tục theo dõi công nợ để làm các thủ tục đòi hoặc xóa nợ sau này. Trong quá trình phí bảo hiểm được gia hạn, Bảo hiểm Bảo Việt có thể áp dụng lãi phát sinh trên số phí gia hạn. Đối với các khoản phí bảo hiểm không đóng đúng thời hạn, Bảo hiểm Bảo Việt theo dõi trích lập dự phòng theo quy định đối với nợ quá hạn và làm thủ tục xóa nợ nếu có đầy đủ cơ sở.

Trong các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm, sau khi phân bổ trách nhiệm đối với tổn thất cho các nhà nhận tái bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt cũng phải đối mặt với rủi ro tín dụng khi các nhà nhận tái bảo hiểm này không thanh toán được phần trách nhiệm của họ cho Bảo hiểm Bảo Việt. Bảo hiểm Bảo Việt đã rất chú trọng việc kiểm soát rủi ro này khi tập trung nhượng tái bảo hiểm cho các nhà bảo hiểm được xếp hạng tín dụng cao bởi các tổ chức xếp hạng hàng đầu thế giới. Đối với các nhà nhận tái bảo hiểm trong nước không được xếp hạng tín dụng, Bảo hiểm Bảo Việt cũng có những đánh giá riêng và theo dõi chặt chẽ diễn biến khả năng tài chính của họ.

Các khoản đầu tư tiền gửi

Rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi được hiểu là nguy cơ không thu hồi được cả gốc và lãi theo thời hạn đã ấn định trong hợp đồng xảy ra do tổ chức tín dụng phá sản, bị tụt hạng tín dụng hoặc mất khả năng thanh khoản.

Để phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính, Tập đoàn đã xây dựng và triển khai mô hình đánh giá, phân loại các tổ chức tín dụng dựa trên mô hình phân tích tín dụng nội bộ. Hội đồng QLRR Tập đoàn Bảo Việt xác định hạn mức tín dụng tại các ngân hàng mà Tập đoàn được phép gửi tiền và các hạn mức này được rà soát định kỳ. Tập đoàn cũng thiết lập các biện pháp giám sát đầu tư nhằm đảm bảo kịp thời hành động khi phía đối tác xuất hiện các biểu hiện suy giảm chất lượng tín dụng. Hội đồng QLRR Tập đoàn rà soát mức độ rủi ro và đề xuất các biện pháp xử lý phù hợp.

Đầu tư trái phiếu

Rủi ro tín dụng đối với các khoản đầu tư trái phiếu là nguy cơ không thu hồi được nợ của bên phát hành trái phiếu khi đến hạn thanh toán. Để quản lý rủi ro tín dụng từ đầu tư trái phiếu, Tập đoàn xây dựng kế hoạch, phê duyệt hạn mức đầu tư từng loại trái phiếu phù hợp với chiến lược đầu tư và cơ cấu tổng tài sản; thận trọng khi đầu tư thêm trái phiếu doanh nghiệp trong năm 2015; tuân thủ quy trình thẩm định, phê duyệt các khoản đầu tư.

Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán, Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con sẽ tiến hành xử lý tài sản đảm bảo. Trái phiếu Chính phủ ít rủi ro hơn trái phiếu doanh nghiệp và đang chiếm tỷ trọng lớn tổng danh mục đầu tư trái phiếu nên hoạt động đầu tư trái phiếu được đánh giá là có mức độ rủi ro trung bình thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

37.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Hoạt động giao dịch ký quỹ

Rủi ro tín dụng trong hoạt động giao dịch ký quỹ xảy ra khi khách hàng không thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi của số tiền vay dù đã bán hết chứng khoán là tài sản đảm bảo. BVSC thực hiện chính sách đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng để quản lý rủi ro này. Các khách hàng đều được đánh giá trước khi đàm phán về điều kiện xếp loại và hạn mức vay ký quỹ tương ứng. Ngoài ra rủi ro tín dụng còn được quản trị thông qua các biện pháp như xây dựng tiêu chuẩn cho các cổ phiếu nằm trong danh mục cho vay ký quỹ, xây dựng tỷ lệ ký quỹ an toàn, để ra các biện pháp thực hiện xử lý tài sản đảm bảo nhằm đảm bảo an toàn nguồn vốn phục vụ cho vay ký quỹ của BVSC.

Rủi ro tín dụng của hoạt động giao dịch ký quỹ năm 2015 ở mức thấp khi các khoản vay giao dịch ký quỹ được thanh toán đúng hạn, tỷ lệ tài sản đảm bảo được duy trì ở mức an toàn.

Phải thu khách hàng khác

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Do các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến các khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định. Tập đoàn thực hiện trích lập dự phòng dựa trên tổn thất ước tính khi có bằng chứng các khoản phải thu không có khả năng thu hồi.

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015	CHƯA QUÁ HẠN VÀ KHÔNG GIẢM GIÁ TRỊ VND	QUÁ HẠN NHƯNG KHÔNG GIẢM GIÁ TRỊ RIÊNG BIỆT VND	BỊ GIẢM GIÁ TRỊ RIÊNG BIỆT (*) VND	TỔNG VND
TÀI SẢN				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.256.691.436.043	-	-	2.256.691.436.043
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	360.008.616.566	35.673.751.336	39.410.793.433	435.173.161.335
Phải thu tái bảo hiểm	347.211.798.459	-	-	347.211.798.459
Tài sản tái bảo hiểm	1.006.839.809.438	-	-	1.006.839.809.438
Các khoản phải thu khác	43.479.426.736	-	-	43.479.426.736
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	*40.729.256.836*	-	-	*40.729.256.836*
- Phải thu cổ tức	*2.750.169.900*	-	-	*2.750.169.900*
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	45.600.044.520.511	-	409.801.853.201	46.009.846.373.712
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	*15.337.873.837.512*	-	-	*15.337.873.837.512*
- Trái phiếu	*30.262.170.682.999*	-	*409.801.853.201*	*30.671.972.536.200*
Các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng	1.804.893.259.922	1.220.219.369	2.279.129.439	1.808.392.608.730
Các tài sản khác	243.392.720.539	3.781.799.102	18.785.457.371	265.959.977.012
TỔNG CỘNG	**51.662.561.588.214**	**40.675.769.807**	**470.357.233.444**	**52.173.594.591.465**

(*) Số liệu trình bày bao gồm các khoản dự phòng đã trích lập

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

37.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014	CHƯA QUÁ HẠN VÀ KHÔNG GIẢM GIÁ TRỊ VND	QUÁ HẠN NHƯNG KHÔNG GIẢM GIÁ TRỊ RIÊNG BIỆT VND	BỊ GIẢM GIÁ TRỊ RIÊNG BIỆT (*) VND	TỔNG VND
TÀI SẢN				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.424.818.218.079	-	-	1.424.818.218.079
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	400.178.346.908	98.675.729.173	58.914.689.421	557.768.765.502
Phải thu tái bảo hiểm	280.706.615.396	-	-	280.706.615.396
Tài sản tái bảo hiểm	1.172.691.822.391	-	-	1.172.691.822.391
Các khoản phải thu khác	39.061.146.979	-	-	39.061.146.979
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	*39.011.757.679*	-	-	*39.011.757.679*
- Phải thu cổ tức	*49.389.300*	-	-	*49.389.300*
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	35.200.435.620.454	-	554.752.316.504	35.755.187.936.958
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	*16.709.237.436.988*	-	-	*16.709.237.436.988*
- Trái phiếu	*18.491.198.183.466*	-	*554.752.316.504*	*19.045.950.499.970*
Các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng	1.649.889.609.649	907.930.936	138.334.594	1.650.935.875.179
Các tài sản khác	313.052.616.009	2.092.668.166	888.135.183	316.033.419.358
TỔNG CỘNG	**40.480.833.995.865**	**101.676.328.275**	**614.693.475.702**	**41.197.203.799.842**

(*) Số liệu trình bày bao gồm các khoản dự phòng đã trích lập

Các tài sản của Tập đoàn chưa quá hạn và không giảm giá trị bao gồm các khoản đầu tư chứng khoán; các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác chưa quá hạn và không giảm giá trị theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

Trong đó:

- **Chưa quá hạn và không giảm giá trị:** các tài sản hoặc các khoản cho vay với lãi suất và nợ gốc chưa tới ngày đáo hạn và không có bằng chứng của việc suy giảm giá trị.
- **Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng biệt:** các tài sản với lãi suất và nợ gốc đã quá hạn nhưng Tập đoàn tin rằng các khoản này không bị giảm giá trị vì chúng được đảm bảo bởi các tài sản thế chấp và tin tưởng vào mức độ tin cậy tín dụng và các biện pháp đảm bảo tín dụng khác của khách hàng.
- **Bị giảm giá trị riêng biệt:** các công cụ nợ và các khoản cho vay khách hàng mà Tập đoàn cho rằng không thể thu hồi đầy đủ lãi và nợ gốc theo các điều khoản của hợp đồng.

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

37.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tập đoàn trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá các khoản phải thu theo quy định tại Thông tư 228 và Thông tư 89. Trong tổng tài sản quá hạn, có những khoản nợ Tập đoàn đang làm thủ tục xóa nợ vì không thu được trong khi đã đủ cơ sở xóa nợ. Có những khoản nợ không thu được nhưng chưa đủ cơ sở xóa nợ, Tập đoàn đang làm các thủ tục khởi kiện. Có những khoản nợ mà bên nợ vẫn có khả năng trả nợ, Tập đoàn đã làm các thủ tục xác nhận nợ và xúc tiến việc thu nợ.

37.2.2 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro không thực hiện được các cam kết tài chính do mất cân đối giữa tài sản và nợ phải trả trong ngắn hạn.

Mục tiêu của Tập đoàn Bảo Việt là đảm bảo cân đối các luồng tiền và các cam kết tài chính được thực hiện khi đến hạn. Để ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro này, Tập đoàn tiếp tục tiến hành phân tích thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính và thông tin về luồng tiền ước tính. Phân tích các nhu cầu thanh khoản trong quá khứ để thấy những biến động về nhu cầu này và các nhân tố ảnh hưởng. Mức độ thanh khoản của Tập đoàn được định kỳ xem xét và báo cáo cho Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO). Ủy ban sẽ rà soát mức độ thanh khoản, hiệu quả đầu tư và xác định các hành động phù hợp.

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

37.2.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Đơn vị: triệu đồng

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015	QUÁ HẠN	KHÔNG KỲ HẠN XÁC ĐỊNH	ĐẾN 01 NĂM	TỪ 01 - 05 NĂM	TRÊN 5 NĂM	TỔNG CỘNG
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	2.256.691	-	-	2.256.691
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	75.165	-	360.009	-	-	435.174
Phải thu tái bảo hiểm	-	-	347.212	-	-	347.212
Tài sản tái bảo hiểm	-	-	1.006.840	-	-	1.006.840
Các khoản phải thu khác	-	-	43.479	-	-	43.479
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	*-*	*-*	*40.729*	*-*	*-*	*40.729*
- Phải thu cổ tức	*-*	*-*	*2.750*	*-*	*-*	*2.750*
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30.000	-	18.098.705	17.867.314	37.746.959	73.742.978
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	*-*	*-*	*13.957.883*	*1.940.206*	*214.631*	*16.112.720*
- Trái phiếu	*30.000*	*-*	*4.140.822*	*15.927.108*	*37.532.328*	*57.630.258*
Chứng khoán kinh doanh	-	1.342.703	-	-	-	1.342.703
-Cổ phiếu niêm yết	*-*	*886.963*	*-*	*-*	*-*	*886.963*
- Cổ phiếu chưa niêm yết	*-*	*321.092*	*-*	*-*	*-*	*321.092*
- Chứng chỉ quỹ	*-*	*134.648*	*-*	*-*	*-*	*134.648*
Đầu tư tài chính khác	-	223.517	-	-	-	223.517
Cho vay và tạm ứng khách hàng	3.499	-	1.804.893	-	-	1.808.392
Các tài sản khác	22.567	-	243.393	-	-	265.960
TỔNG CỘNG	**131.231**	**1.566.220**	**24.161.222**	**17.867.314**	**37.746.959**	**81.472.946**

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

37.2.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các khoản nợ tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu và thời gian ước tính của các luồng tiền phát sinh từ các nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm vào ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Đơn vị: triệu đồng

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015	QUÁ HẠN	KHÔNG KỲ HẠN XÁC ĐỊNH	ĐẾN 01 NĂM	TỪ 01 - 05 NĂM	TRÊN 5 NĂM	TỔNG CỘNG
NỢ TÀI CHÍNH						
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	6.807	-	(2.170.561)	(4.201.955)	61.444.354	55.078.645
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	-	-	611.277	-	-	611.277
Phải trả tái bảo hiểm	-	-	377.856	-	-	377.856
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	-	-	8.544.476	1.361	-	8.545.837
- Nhận ký quỹ	*-*	*-*	*74.806*	*-*	*-*	*74.806*
- Khác	*-*	*-*	*8.469.670*	*1.361*	*-*	*8.471.031*
TỔNG CỘNG	**6.807**	**-**	**7.363.048**	**(4.200.594)**	**61.444.354**	**64.613.615**

Không có các khác biệt trọng yếu giữa dự kiến sử dụng tài sản và thanh toán công nợ trong ngắn hạn như theo Thuyết minh ở trên.

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

37.2.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2014:

Đơn vị: triệu đồng

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014	QUÁ HẠN	KHÔNG KỲ HẠN XÁC ĐỊNH	ĐẾN 01 NĂM	TỪ 01 - 05 NĂM	TRÊN 5 NĂM	TỔNG CỘNG
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	1.424.818	-	-	1.424.818
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	157.591	-	400.178	-	-	557.769
Phải thu tái bảo hiểm	-	-	280.707	-	-	280.707
Tài sản tái bảo hiểm	-	-	1.172.692	-	-	1.172.692
Các khoản phải thu khác	-	-	39.061	-	-	39.061
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	-	*39.012*	-	-	*39.012*
- Phải thu cổ tức	-	-	*49*	-	-	*49*
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	80.000	-	15.499.598	13.885.043	19.386.714	48.851.355
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	-	-	*13.571.192*	*3.588.730*	*752.601*	*17.912.523*
- Trái phiếu	*80.000*	-	*1.928.406*	*10.296.313*	*18.634.113*	*30.938.832*
Chứng khoán kinh doanh	-	1.800.946	-	-	-	1.800.946
-Cổ phiếu niêm yết	-	*1.168.681*	-	-	-	*1.168.681*
- Cổ phiếu chưa niêm yết	-	*461.611*	-	-	-	*461.611*
- Chứng chỉ quỹ	-	*170.654*	-	-	-	*170.654*
Đầu tư tài chính khác	-	246.991	-	-	-	246.991
Cho vay và tạm ứng khách hàng	1.046	-	1.649.890	-	-	1.650.936
Các tài sản khác	2.981	-	313.053	-	-	316.034
TỔNG CỘNG	**241.618**	**2.047.937**	**20.779.997**	**13.885.043**	**19.386.714**	**56.341.309**

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

37.2.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các khoản nợ tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu và thời gian ước tính của các luồng tiền phát sinh từ các nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm vào ngày 31 tháng 12 năm 2014:

Đơn vị: triệu đồng

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014	QUÁ HẠN	KHÔNG KỲ HẠN XÁC ĐỊNH	ĐẾN 01 NĂM	TỪ 01 - 05 NĂM	TRÊN 5 NĂM	TỔNG CỘNG
NỢ TÀI CHÍNH						
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	352	-	(796.428)	(1.698.165)	47.371.260	44.877.019
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	-	-	549.789	-	-	549.789
Phải trả tái bảo hiểm	-	-	337.319	-	-	337.319
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	-	-	3.971.037	-	-	3.971.037
- Nhận ký quỹ	-	-	*60.749*	-	-	*60.749*
- Khác	-	-	*3.910.288*	-	-	*3.910.288*
TỔNG CỘNG	**352**	**-**	**4.061.717**	**(1.698.165)**	**47.371.260**	**49.735.164**

Không có các khác biệt trọng yếu giữa dự kiến sử dụng tài sản và thanh toán công nợ trong ngắn hạn như theo Thuyết minh ở trên.

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

37.2.3 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của một công cụ tài chính thay đổi do sự biến động của các nhân tố chủ yếu như lãi suất, giá cổ phiếu và tỷ giá hối đoái hay giá cả hàng hóa.

Mục tiêu của Tập đoàn là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro thị trường nhằm cân bằng giữa lợi nhuận và rủi ro bằng cách duy trì danh mục rủi ro thị trường nhất quán với chiến lược đầu tư của Tập đoàn.

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro thiệt hại về tài chính do biến động của tỷ giá ngoại tệ. Biến động của tỷ giá ngoại tệ giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Đơn vị chịu rủi ro ngoại tệ chủ yếu là Bảo hiểm Bảo Việt tuy nhiên mức độ chịu ảnh hưởng không đáng kể.

Bảng sau minh họa ảnh hưởng của biến động tỷ giá ngoại tệ giữa đồng đô la Mỹ và đồng Việt Nam đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất với giả định là các yếu tố khác không đổi:

BIẾN ĐỘNG	ẢNH HƯỞNG LÊN LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ VND
31 tháng 12 năm 2015	
+5%	1.101.771.858
- 5%	(1.101.771.858)
31 tháng 12 năm 2014	
+5%	2.005.839.109
- 5%	(2.005.839.109)

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

37.2.3 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Trong danh mục đầu tư toàn Tập đoàn, các khoản đầu tư trái phiếu và tiền gửi có lãi suất cố định chiếm tỷ trọng lớn và được nắm giữ phù hợp để đáp ứng các khoản phải trả trong tương lai. Trong năm 2015, do lãi suất trần có xu hướng khá ổn định nên rủi ro này được đánh giá là có ảnh hưởng không trọng yếu. Mặt khác, các khoản đầu tư tiền gửi với kỳ hạn ngắn đã được thay thế bởi các khoản đầu tư trái phiếu có kỳ hạn dài, để phù hợp với kỳ hạn của công nợ và kiểm soát tốt rủi ro lãi suất.

Đối với các sản phẩm của Bảo Việt Nhân thọ, rủi ro lãi suất liên quan đến các loại hình bảo hiểm truyền thống có thể được giảm thiểu thông qua việc chia sẻ thu nhập với người tham gia bảo hiểm theo cơ chế các hợp đồng có cấu phần không đảm bảo.

Rủi ro giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu là nguy cơ xảy ra giá cổ phiếu niêm yết, giá cổ phiếu OTC biến động mạnh trên thị trường chứng khoán. Rủi ro giá cổ phiếu có nguy cơ khi đầu tư quá nhiều vào một ngành, một công ty hoặc một nhóm công ty có chung chủ sở hữu. Tập đoàn quản lý rủi ro này bằng xây dựng quy định hạn mức vào một ngành hoặc một công ty hoặc nhóm công ty; phân tích rủi ro hệ thống đến danh mục khi có biến động lớn của thị trường. Nhằm giảm thiểu các tác động do thay đổi bất lợi của thị trường và lĩnh vực đầu tư, danh mục đầu tư cổ phiếu của Tập đoàn được đa dạng hóa và tỷ trọng đầu tư cổ phiếu được duy trì ở mức tương đối thấp trong toàn danh mục đầu tư.

Tập đoàn sử dụng công cụ Giá trị rủi ro ("VaR") để giám sát và giới hạn rủi ro giá cổ phiếu niêm yết. VaR là phương pháp ước tính tổn thất tối đa có thể xảy ra khi có những biến động của thị trường và giá trong khoảng thời gian nhất định, với mức độ tin cậy cho trước.

Đơn vị: VND

GIÁ TRỊ RỦI RO CỦA DANH MỤC CỔ PHIẾU NIÊM YẾT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015	HOSE	HNX	TỔNG
Giá trị sổ sách	998.741.069.402	234.044.374.738	1.232.785.444.140
Giá trị thị trường	906.036.178.300	516.048.299.600	1.422.084.477.900
VaR (95%, 1 ngày)	(15.377.565.225)	(15.459.076.038)	(30.836.641.263)
Mức độ đa dạng hóa VaR (95%)	12.743.072.284	8.954.804.139	21.697.876.423
VaR (95%, 1 tuần)	(34.385.281.171)	(34.567.544.890)	(68.952.826.061)
VaR (95%, 1 tháng)	(72.127.174.278)	(72.509.493.881)	(144.636.668.159)
VaR (95%, 1 năm)	(244.111.280.128)	(245.405.224.171)	(489.516.504.299)

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

37.2.3 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro giá cổ phiếu (tiếp theo)

Đơn vị: VND

GIÁ TRỊ RỦI RO CỦA DANH MỤC CỔ PHIẾU NIÊM YẾT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014	HOSE	HNX	TỔNG
Giá trị sổ sách	1.079.157.551.726	129.048.522.260	1.208.206.073.986
Giá trị thị trường	866.885.438.535	484.596.624.388	1.351.482.062.923
VaR (95%, 1 ngày)	(14.311.778.708)	(19.187.487.846)	(33.499.266.554)
Mức độ đa dạng hóa VaR (95%)	12.576.393.174	6.542.678.535	19.119.071.709
VaR (95%, 1 tuần)	(32.002.110.069)	(42.904.527.140)	(74.906.637.209)
VaR (95%, 1 tháng)	(67.128.192.402)	(89.997.295.383)	(157.125.487.785)
VaR (95%, 1 năm)	(227.192.443.678)	(304.591.926.743)	(531.784.370.421)

Giá trị rủi ro VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 30,8 tỷ đồng, nghĩa là với xác suất 95%, mức tổn thất tối đa của danh mục cổ phiếu niêm yết trong một ngày là 30,8 tỷ đồng.

VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 nhỏ hơn VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014; tỷ lệ phần trăm của VaR so với giá thị trường của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (2,2%) nhỏ hơn tỷ lệ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (2,5%).

Tập đoàn còn sử dụng phương pháp phân tích kịch bản "stress testing" để đánh giá những ảnh hưởng tiềm ẩn đối với danh mục đầu tư trong các điều kiện thị trường khác nhau. Phân tích dưới đây cho thấy, khi có sự biến động của chỉ số thị trường (chỉ số VN-Index hoặc HNX Index), các yếu tố còn lại không đổi, lợi nhuận trước thuế sẽ bị ảnh hưởng. Mối tương quan của các biến số cũng tác động đáng kể trong việc giảm thiểu rủi ro về giá:

	BIẾN ĐỘNG CỦA GIÁ THỊ TRƯỜNG	ẢNH HƯỞNG LÊN LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ CỦA DANH MỤC CỔ PHIẾU NIÊM YẾT (*) VND
31 tháng 12 năm 2015		
Kịch bản 1	+10%	29.800.815.164
Kịch bản 2	-10%	(34.479.774.560)
31 tháng 12 năm 2014		
Kịch bản 1	+10%	22.053.696.122
Kịch bản 2	-10%	(33.739.644.735)

(*) Lưu ý: Số liệu được tính toán áp dụng chính sách trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán theo quy định tại Thông tư 228 và Thông tư 89 do đó ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế của việc biến động giá cổ phiếu chỉ tính tới các cổ phiếu niêm yết mà giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính giảm xuống dưới giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập Thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Tập đoàn vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Tập đoàn theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các công cụ kỳ hạn cố định, công cụ vốn niêm yết và không niêm yết, các khoản cho vay và phải thu khách hàng, và các khoản phải thu tài chính khác. Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- **Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:**

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

   i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;

   (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

   (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;

c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

38. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

- **Các khoản cho vay và phải thu:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

- **Tài sản sẵn sàng để bán:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;

b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc

c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản nợ và vay. Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- **Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

   (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;

   (i) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

   (ii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

38. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

- **Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ**

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	GIÁ TRỊ GHI SỔ			GIÁ TRỊ HỢP LÝ
31 THÁNG 12 NĂM 2015	**NGUYÊN GIÁ VND**	**DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ TRỊ VND**	**TỔNG VND**	**VND**
TÀI SẢN TÀI CHÍNH				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	46.717.396.837.012	(707.550.463.300)	46.009.846.373.712	48.075.012.135.943
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	*15.780.473.837.512*	*(442.600.000.000)*	*15.337.873.837.512*	*15.519.719.755.299*
- Trái phiếu	*30.936.922.999.500*	*(264.950.463.300)*	*30.671.972.536.200*	*32.555.292.380.644*
Chứng khoán kinh doanh	1.747.304.210.969	(404.600.653.219)	1.342.703.557.750	1.613.277.485.297
- Cổ phiếu niêm yết	*1.165.931.566.940*	*(278.968.745.362)*	*886.962.821.578*	*1.251.599.638.700*
- Cổ phiếu chưa niêm yết	*444.338.998.664*	*(123.246.615.257)*	*321.092.383.407*	*211.686.993.197*
- Chứng chỉ quỹ	*137.033.645.365*	*(2.385.292.600)*	*134.648.352.765*	*149.990.853.400*
Đầu tư tài chính khác	277.757.046.968	(54.239.974.693)	223.517.072.275	368.139.076.783
Cho vay và tạm ứng cho khách hàng	1.849.421.516.146	(94.633.062.266)	1.754.788.453.880	1.754.788.453.880
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	648.893.146.772	(213.719.985.437)	435.173.161.335	443.805.457.375
Phải thu tái bảo hiểm	347.211.798.459	-	347.211.798.459	347.211.798.459
Tài sản tái bảo hiểm	1.006.839.809.438	-	1.006.839.809.438	1.006.839.809.438
Phải thu khác	369.577.948.754	(60.138.545.006)	309.439.403.748	309.439.403.748
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	*40.729.256.836*	-	*40.729.256.836*	*40.729.256.836*
- Phải thu cổ tức	*2.750.169.900*	-	*2.750.169.900*	*2.750.169.900*
- Khác	*326.098.522.018*	*(60.138.545.006)*	*265.959.977.012*	*265.959.977.012*
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.256.691.436.043	-	2.256.691.436.043	2.256.691.436.043
TỔNG CỘNG	**55.221.093.750.561**	**(1.534.882.683.921)**	**53.686.211.066.640**	**56.175.205.056.966**

38. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

31 THÁNG 12 NĂM 2014	GIÁ TRỊ GHI SỔ			GIÁ TRỊ HỢP LÝ
	NGUYÊN GIÁ VND	DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ TRỊ VND	TỔNG VND	VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	36.317.787.936.958	(562.600.000.000)	35.755.187.936.958	38.166.982.821.275
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	*17.151.837.436.988*	*(442.600.000.000)*	*16.709.237.436.988*	*16.944.672.897.574*
- Trái phiếu	*19.165.950.499.970*	*(120.000.000.000)*	*19.045.950.499.970*	*21.222.309.923.701*
Chứng khoán kinh doanh	1.800.946.274.580	(434.945.963.067)	1.366.000.311.513	1.597.480.179.837
- Cổ phiếu niêm yết	*1.168.681.173.986*	*(314.300.259.584)*	*854.380.914.402*	*1.170.268.893.500*
- Cổ phiếu chưa niêm yết	*461.611.489.894*	*(115.050.580.381)*	*346.560.909.513*	*246.577.802.499*
- Chứng chỉ quỹ	*170.653.610.700*	*(5.595.123.102)*	*165.058.487.598*	*180.633.483.838*
Đầu tư tài chính khác	246.990.899.767	(43.068.720.189)	203.922.179.578	404.920.315.563
Cho vay và tạm ứng cho khách hàng	1.658.312.456.949	(85.483.187.749)	1.572.829.269.200	1.572.829.269.200
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	743.644.206.647	(185.875.441.145)	557.768.765.502	522.726.132.013
Phải thu tái bảo hiểm	280.706.615.396	-	280.706.615.396	280.706.615.396
Tài sản tái bảo hiểm	1.172.691.822.391	-	1.172.691.822.391	1.172.691.822.391
Phải thu khác	392.489.615.481	(38.077.842.537)	354.411.772.944	354.411.772.944
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	*39.011.757.679*	*-*	*39.011.757.679*	*39.011.757.679*
- Phải thu cổ tức	*49.389.300*	*-*	*49.389.300*	*49.389.300*
- Khác	*353.428.468.502*	*(38.077.842.537)*	*315.350.625.965*	*315.350.625.965*
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.424.818.218.079	-	1.424.818.218.079	1.424.818.218.079
TỔNG CỘNG	**44.038.388.046.248**	**(1.350.051.154.687)**	**42.688.336.891.561**	**45.497.567.146.698**

38. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn:

31 THÁNG 12 NĂM 2015	GIÁ TRỊ GHI SỔ VND	GIÁ TRỊ HỢP LÝ VND
Nợ phải trả tài chính		
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	31.218.854.133.601	31.218.854.133.601
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	611.277.319.121	611.277.319.121
Phải trả tái bảo hiểm	377.855.805.365	377.855.805.365
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	8.545.836.865.654	8.545.836.865.654
- Nhận ký quỹ	*74.806.099.908*	*74.806.099.908*
- Khác	*8.471.030.765.746*	*8.471.030.765.746*
Tổng cộng	**40.753.824.123.741**	**40.753.824.123.741**

31 THÁNG 12 NĂM 2014	GIÁ TRỊ GHI SỔ VND	GIÁ TRỊ HỢP LÝ VND
Nợ phải trả tài chính		
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	25.507.863.513.639	25.507.863.513.639
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	549.789.154.643	549.789.154.643
Phải trả tái bảo hiểm	337.319.371.742	337.319.371.742
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	3.971.036.679.190	3.971.036.679.190
- Nhận ký quỹ	*60.748.933.283*	*60.748.933.283*
- Khác	*3.910.287.745.907*	*3.910.287.745.907*
Tổng cộng	**30.366.008.719.214**	**30.366.008.719.214**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

38. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Tập đoàn sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư kỳ hạn cố định có lãi suất cố định hay thả nổi được Tập đoàn đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, độ rủi ro của dự án được tài trợ và khả năng trả nợ vay của từng khách hàng. Tập đoàn ước tính giá trị hiện tại của các luồng tiền trong tương lai bằng cách chiết khấu theo lãi suất thị trường.

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn được giao dịch tích cực trên thị trường tài chính có tổ chức được xác định theo giá công bố, nếu có, tại ngày lập báo cáo.

- Với các khoản đầu tư vốn không có thị trường tích cực, giá trị hợp lý được xác định bằng các phương pháp định giá phù hợp. Các phương pháp này bao gồm chiết khấu luồng tiền, so sánh với các công cụ tài chính tương đồng có giá thị trường, giá trị tài sản ròng và các mô hình định giá liên quan.

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và các khoản ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ hạn ngắn.

- Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn đánh giá xem liệu có tồn tại các bằng chứng khách quan về việc suy giảm giá trị của từng tài sản tài chính riêng biệt trong trường hợp các suy giảm riêng lẻ đó là đáng kể, hoặc đánh giá chung các tài sản tài chính trong trường hợp các suy giảm riêng lẻ không đáng kể.

- Đối với các tài sản bị giảm giá trị riêng lẻ, lỗ do suy giảm giá trị được xác định là chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hiện tại của các dòng tiền ước tính trong tương lai chiết khấu theo lãi suất thực tế ban đầu.

- Đối với đánh giá chung, các tài sản được phân nhóm dựa trên đặc tính rủi ro tín dụng. Lỗ do giảm giá trị được đánh giá tổng thể dựa trên kinh nghiệm tổn thất trong quá khứ của các tài sản với đặc tính tương tự.

Đối với các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

39. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG DO ÁP DỤNG THÔNG TƯ 200

Trong năm 2015, do ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán và yêu cầu trình bày báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, Tập đoàn đã thực hiện điều chỉnh, phân loại và trình bày lại một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho phù hợp với cách trình bày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ này. Chi tiết như sau:

Đơn vị: VND

MÃ SỐ	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT		NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 (ĐÃ ĐƯỢC TRÌNH BÀY TRƯỚC ĐÂY)	TRÌNH BÀY LẠI	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 (ĐƯỢC TRÌNH BÀY LẠI)
	Đầu tư ngắn hạn	(1)	15.010.454.563.443	(15.010.454.563.443)	(**)
121	Chứng khoán kinh doanh	(1),(6)	(*)	1.800.946.274.580	1.800.946.274.580
	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2)	(1.492.423.517.936)	1.492.423.517.936	(**)
122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(2),(7)	(*)	(434.945.963.067)	(434.945.963.067)
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(1),(2)	(*)	12.921.017.514.349	12.921.017.514.349
	Tạm ứng	(3)	40.094.558.276	(40.094.558.276)	(**)
131.2	Phải thu về hoạt động đầu tư	(4)	2.579.403.322.877	(1.062.092.032.210)	1.517.311.290.667
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	(1),(4)	(*)	691.200.395.207	691.200.395.207
136	Phải thu ngắn hạn khác	(4)	237.648.214.856	7.517.242.979	245.165.457.835
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2)	(241.647.371.398)	(67.789.100.033)	(309.436.471.431)
155	Tài sản ngắn hạn khác	(3)	83.043.421.250	40.126.558.276	123.169.979.526
	Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	(3)	32.000.000	(32.000.000)	(**)
	Tài sản ký quỹ dài hạn	(5)	38.315.757.679	(38.315.757.679)	(**)
216.1	Ký quỹ bảo hiểm	(5)	(*)	18.862.496.457	18.862.496.457
216.2	Phải thu dài hạn khác	(5)	(*)	19.453.261.222	19.453.261.222
	Đầu tư dài hạn khác	(6)	23.003.684.478.040	(23.003.684.478.040)	(**)
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(6)	(*)	365.928.261.225	365.928.261.225
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(7)	(44.620.853.891)	1.552.133.702	(43.068.720.189)
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(6)	(*)	22.298.380.796.815	22.298.380.796.815
	Phải trả thương mại	(8)	4.747.075.045.036	(4.747.075.045.036)	(**)
311	Phải trả người bán ngắn hạn	(8),(9)	(*)	1.056.835.762.377	1.056.835.762.377
319	Phải trả ngắn hạn khác	(9)	434.663.782.012	(73.881.550.723)	360.782.231.289
320	Vay và thuê tài chính ngắn hạn	(10)	3.517.524.546	(1.093.750.000)	2.423.774.546
324	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	(8)	(*)	3.764.120.833.382	3.764.120.833.382
	Ký quỹ, ký cược dài hạn	(11)	60.748.933.283	(60.748.933.283)	(**)
337	Phải trả dài hạn khác	(11)	(*)	60.748.933.283	60.748.933.283
338	Vay và thuê tài chính dài hạn	(10)	(*)	1.093.750.000	1.093.750.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	(12)	10.532.317.597	11.180.185.968	21.712.503.565
	Quỹ dự phòng tài chính	(12)	11.180.185.968	(11.180.185.968)	(**)

(*) Các chỉ tiêu mới của Bảng cân đối kế toán theo Thông tư 200.
(**) Các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán không còn được trình bày theo Thông tư 200.

39. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG DO ÁP DỤNG THÔNG TƯ 200 (tiếp theo)

(1) Phân loại đầu tư ngắn hạn sang chứng khoán kinh doanh (1.461.570.854.580 VND), phải thu về cho vay ngắn hạn (65.266.194.514 VND) và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (13.483.617.514.349 VND).

(2) Phân loại lại dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn sang dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (67.789.100.033 VND), dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (433.393.829.365 VND), đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – mã số 123 (562.600.000.000) và điều chỉnh hồi tố dự phòng lãi dự thu từ tiền gửi tại ALCII và VFC (359.917.724.833 VND) và trái phiếu Vinashin (68.722.863.705 VND).

(3) Phân loại tạm ứng (40.094.558.276 VND), các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn (32.000.000 VND) sang tài sản ngắn hạn khác (40.126.558.276 VND).

(4) Phân loại lại phải thu về hoạt động đầu tư sang phải thu về cho vay ngắn hạn (620.072.551.819 VND), sang phải thu ngắn hạn khác (7.517.242.979 VND) và điều chỉnh hồi tố lãi dự thu từ ALCII, VFC (359.917.724.833 VND) và trái phiếu Vinashin (68.722.863.705 VND).

(5) Tách tài sản ký quỹ dài hạn (38.315.757.679 VND) thành ký quỹ bảo hiểm (18.862.496.457 VND) và phải thu dài hạn khác (19.453.261.222 VND).

(6) Phân loại lại đầu tư dài hạn khác sang chứng khoán kinh doanh (339.375.420.000 VND), đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – mã số 255 (22.298.380.796.815 VND) và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (365.928.261.225 VND).

(7) Phân loại lại dự phòng đầu tư tài chính dài hạn sang dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (1.552.133.702 VND).

(8) Tách phải trả thương mại (4.747.075.045.036 VND) thành phải trả người bán ngắn hạn (982.954.211.654 VND) và giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ (3.764.120.833.382 VND).

(9) Phân loại lại phải trả ngắn hạn khác thành phải trả người bán ngắn hạn (73.881.550.723 VND).

(10) Phân loại lại vay và thuê tài chính ngắn hạn sang vay và thuê tài chính dài hạn (1.093.750.000 VND).

(11) Phân loại lại ký quỹ, ký cược dài hạn thành phải trả dài hạn khác (60.748.933.283 VND).

(12) Nhập quỹ dự phòng tài chính (11.180.185.968 VND) vào quỹ đầu tư phát triển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG DO ÁP DỤNG THÔNG TƯ 200 (tiếp theo)

Ngoài ra, Tập đoàn thực hiện trình bày lại số liệu liên quan đến các khoản lãi dự thu từ tiền gửi tại ALCII, VFC và trái phiếu Vinashin như sau:

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU (*)	TẠI NGÀY 31/12/2014 (ĐÃ ĐƯỢC TRÌNH BÀY TRƯỚC ĐÂY)	TRÌNH BÀY LẠI	TẠI NGÀY 31/12/2014 (ĐƯỢC TRÌNH BÀY LẠI)
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	744.661.666.428	(359.917.724.833)	384.743.941.595
Dự phòng giảm giá tiền gửi	(802.517.724.833)	359.917.724.833	(442.600.000.000)
Phải thu lãi dự thu trái phiếu	946.686.405.057	(68.722.863.705)	877.963.541.352
Dự phòng giảm giá trái phiếu	(188.722.863.705)	68.722.863.705	(120.000.000.000)

(*) Số liệu được điều chỉnh hồi tố theo yêu cầu của Thông tư 200 về ghi nhận doanh thu khi không chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu đã bị phân loại là quá hạn cần phải trích lập dự phòng và Điều 127 - Điều khoản hồi tố của Thông tư 200.

Ngoài ra, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại theo phương pháp gián tiếp (thay vì phương pháp trực tiếp) do yêu cầu của Thông tư 202.

40. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài những thông tin đã công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Ông Nguyễn Xuân Hòa	**Ông Phạm Ngọc Tú**	**Ông Nguyễn Quang Phi**
Người lập	Phó Giám đốc Phụ trách	Tổng Giám đốc
Kế toán Trưởng	Khối Quản lý Tài chính	

Ngày 30 tháng 03 năm 2016

06

GIA TĂNG GIÁ TRỊ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG THEO CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM (VAS) (TÓM TẮT)

Toàn văn Báo cáo tài chính Riêng của Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt được cung cấp tại các địa chỉ sau:

http://baoviet.com.vn/Quan-he-co-dong/Cac-bao-cao/Bao-cao-tai-chinh

http://baoviet.com.vn/Quan-he-co-dong/Cong-bo-thong-tin

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 60780870/17880303-SMY

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT

Kính gửi: Các cổ đông
Tập đoàn Bảo Việt

Báo cáo tài chính riêng tóm tắt kèm theo được lập ngày 30 tháng 03 năm 2016 và được trình bày từ trang 428 đến trang 432, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tóm tắt và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng tóm tắt cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trích từ báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt ("Tập đoàn") đã được kiểm toán. Chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng này tại báo cáo kiểm toán lập ngày 30 tháng 3 năm 2016. Báo cáo tài chính riêng này và báo cáo tài chính riêng tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính riêng tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính riêng tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Tập đoàn

Ban Điều hành Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng tóm tắt của Tập đoàn, cho mục đích lập báo cáo thường niên theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 810 – "Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt".

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng tóm tắt - được trích từ báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tập đoàn đã được kiểm toán – đã được phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán, phù hợp với quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Saman Bandara	Trịnh Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2036-2013-004-1	Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2071-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2016

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG TÓM TẮT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**2.710.116.548.654**	**3.934.260.797.622**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***102.066.332.942***	***51.106.195.242***
111	1. Tiền	102.066.332.942	51.106.195.242
120	***II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn***	***2.175.368.486.154***	***3.398.540.726.339***
121	1. Chứng khoán kinh doanh	832.092.093.361	849.923.454.039
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(247.723.607.207)	(260.382.727.700)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.591.000.000.000	2.809.000.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***	***420.406.982.110***	***480.227.591.969***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	415.776.977.056	478.506.168.229
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	4.630.005.054	1.721.423.740
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***	***12.274.747.448***	***4.386.284.072***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11.275.044.638	3.072.863.661
155	2. Tài sản ngắn hạn khác	999.702.810	1.313.420.411
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**	**9.446.129.887.149**	**7.794.372.829.401**
220	***I. Tài sản cố định***	***323.494.050.985***	***370.401.160.929***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	275.766.224.563	317.040.135.814
222	*Nguyên giá*	*569.087.607.260*	*566.602.478.900*
223	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*(293.321.382.697)*	*(249.562.343.086)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	47.727.826.422	53.361.025.115
228	*Nguyên giá*	*128.078.050.156*	*126.392.449.456*
229	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*(80.350.223.734)*	*(73.031.424.341)*
240	***II. Tài sản dở dang dài hạn***	***45.322.742.955***	***44.685.588.684***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	45.322.742.955	44.685.588.684
250	***III. Đầu tư tài chính dài hạn***	***9.073.524.713.209***	***7.379.286.079.788***
251	1. Đầu tư vào công ty con và BVIF	5.361.291.148.720	4.891.291.148.720
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.737.000.000.000	1.737.000.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(153.223.980)	(496.381.589)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.975.386.788.469	751.491.312.657
260	***IV. Tài sản dài hạn khác***	***3.788.380.000***	***-***
262	1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	3.788.380.000	-
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**	**12.156.246.435.803**	**11.728.633.627.023**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG TÓM TẮT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**	**397.739.317.623**	**190.000.425.470**
310	***I. Nợ ngắn hạn***	***397.739.317.623***	***190.000.425.470***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	5.782.492.606	3.873.215.117
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	850.168.780	10.078.250.244
314	3. Phải trả người lao động	17.434.858.724	23.262.504.338
318	4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	1.050.000.057
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	56.516.913.154	123.029.082.374
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	42.095.343.304	28.707.373.340
324	7. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	275.059.541.055	-
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**11.758.507.118.180**	**11.538.633.201.553**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***11.758.507.118.180***	***11.538.633.201.553***
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	6.804.714.340.000	6.804.714.340.000
411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*6.804.714.340.000*	*6.804.714.340.000*
411b	*Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	3.184.332.381.197	3.184.332.381.197
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	112.135.049.926	-
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.657.325.347.057	1.549.586.480.356
421a	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*	*656.058.451.496*	*429.381.245.268*
421b	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*	*1.001.266.895.561*	*1.120.205.235.088*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**	**12.156.246.435.803**	**11.728.633.627.023**

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Người lập
Kế toán Trưởng

Ông Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc Phụ trách
Khối Quản lý Tài chính

Ông Nguyễn Quang Phi
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG TÓM TẮT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015*	*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014*
21	1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	1.315.499.323.457	1.339.138.314.179
22	2. Chi phí hoạt động kinh doanh	(41.374.514.517)	40.258.998.004
24	**3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh**	**1.274.124.808.940**	**1.379.397.312.183**
26	4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(255.168.458.474)	(204.959.548.654)
30	**5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**1.018.956.350.466**	**1.174.437.763.529**
31	6. Thu nhập khác	1.271.450.311	1.016.965.953
32	7. Chi phí khác	465.661.032	-
40	**8. Lợi nhuận khác**	**1.737.111.343**	**1.016.965.953**
50	**9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**1.020.693.461.809**	**1.175.454.729.482**
51	**10. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**(22.110.864.114)**	**(53.068.030.227)**
52	**11. Thu nhập/(Chi phí) thuế TNDN hoãn lại**	**3.788.380.000**	**(1.036.200.000)**
60	**12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**1.002.370.977.695**	**1.121.350.499.255**

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Người lập
Kế toán Trưởng

Ông Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc Phụ trách
Khối Quản lý Tài chính

Ông Nguyễn Quang Phi
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG TÓM TẮT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015*	*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	891.059.576.022	796.476.564.827
03	2. Tiền chi trả cho người lao động	(93.700.263.742)	(79.571.443.920)
05	3. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(22.347.413.129)	(81.488.273.444)
06	4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	105.722.238.791	70.215.576.628
07	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(302.863.173.282)	(198.323.130.511)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**	**577.870.964.660**	**507.309.293.580**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(5.464.435.771)	(19.779.781.655)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	17.790.909	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(4.772.190.809.197)	(2.558.290.850.187)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	5.130.101.656.999	2.841.974.833.181
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(470.000.000.000)	(15.000.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	65.593.241.600
30	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư**	**(117.535.797.060)**	**314.497.442.939**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
33	1. Tiền thu từ hoạt động repo	558.394.000.000	328.561.500.000
34	2. Tiền chi trả hoạt động repo	(287.788.724.814)	(306.717.000.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(679.981.899.550)	(1.019.959.934.400)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**	**(409.376.624.364)**	**(998.115.434.400)**
50	**IV. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)**	**50.958.543.236**	**(176.308.697.881)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG TÓM TẮT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015*	*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014*
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	**51.106.195.242**	**227.414.382.562**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	1.594.464	510.561
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**102.066.332.942**	**51.106.195.242**

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Người lập
Kế toán Trưởng

Ông Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc Phụ trách
Khối Quản lý Tài chính

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Ông Nguyễn Quang Phi
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2016

06

GIA TĂNG GIÁ TRỊ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- BÁO CÁO TÀI CHÍNH THEO CHUẨN MỰC KẾ TOÁN QUỐC TẾ (IFRS) (TÓM TẮT)

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thông tin tài chính bổ sung này được trích dẫn từ Báo cáo Tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán của Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con ("Tập đoàn") được lập theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế ("IFRS").

Ban Lãnh đạo Tập đoàn tin tưởng rằng việc thuyết minh các thông tin tài chính bổ sung sẽ giúp cho người sử dụng Báo cáo thường niên hiểu rõ hơn về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế được áp dụng rộng rãi trên thế giới.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu phí bảo hiểm	16.282.455.935.208	13.951.281.853.155
Trừ: Phí nhượng tái bảo hiểm	(1.075.681.917.652)	(1.101.757.421.476)
Thu ròng về phí bảo hiểm	15.206.774.017.556	12.849.524.431.679
Thay đổi quỹ dự phòng phí chưa được hưởng	(121.801.616.223)	(185.410.182.019)
Phí bảo hiểm ròng được hưởng	**15.084.972.401.333**	**12.664.114.249.660**
Hoa hồng từ hoạt động nhượng tái	**188.040.634.200**	**103.710.467.297**
Thu nhập khác từ hoạt động bảo hiểm	**42.294.073.824**	**14.780.564.726**
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**15.315.307.109.357**	**12.782.605.281.683**
Thu nhập thuần từ hoạt động ngân hàng	-	169.641.889.545
Thu nhập từ hoạt động đầu tư	3.700.305.958.969	3.502.015.520.754
Thu nhập hoạt động khác	390.442.434.359	396.371.448.854
Tổng doanh thu khác	**4.090.748.393.328**	**4.068.028.859.153**
TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG	**19.406.055.502.685**	**16.850.634.140.836**
Chi bồi thường bảo hiểm gốc và các quyền lợi bảo hiểm	(6.190.636.957.246)	(6.163.256.323.137)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	(175.660.994.859)	(191.531.688.856)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	412.871.394.428	590.688.073.583
Thay đổi gộp về nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm	(5.949.743.995.728)	(4.492.454.138.314)
Thay đổi về nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm đã nhượng cho công ty tái bảo hiểm	39.874.168.448	157.662.393.377
Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại	**(11.863.296.384.957)**	**(10.098.891.683.347)**
Chi hoa hồng và chi phí khai thác hoạt động bảo hiểm	(1.951.877.074.473)	(1.385.126.037.219)
Chi nhận tái bảo hiểm khác	(76.733.945.577)	(43.527.576.285)
Chi nhượng tái bảo hiểm khác	(2.114.124.395)	(14.587.588.653)
Chi phí bán hàng	(603.548.774.126)	(512.755.070.237)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(2.813.649.342.972)	(2.719.171.937.805)
Chi phí tài chính	(340.990.486.562)	(358.038.906.885)
Chi phí hoạt động khác	(316.596.314.965)	(318.529.993.088)
Tổng hoa hồng và chi phí	**(6.105.510.063.070)**	**(5.351.737.110.172)**
TỔNG CHI TRẢ ĐÁO HẠN, CHI BỒI THƯỜNG VÀ CÁC CHI PHÍ KHÁC	**(17.968.806.448.027)**	**(15.450.628.793.519)**
LỢI NHUẬN TRƯỚC PHẦN LỢI NHUẬN Ở CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH	**1.437.249.054.658**	**1.400.005.347.317**
Phân chia (lỗ)/lợi nhuận từ công ty liên kết, liên doanh	(74.812.817.068)	148.260.435.519
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	**1.362.436.237.590**	**1.548.265.782.836**
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(291.193.461.505)	(269.727.291.313)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	**1.071.242.776.085**	**1.278.538.491.523**

BÁO CÁO THU NHẬP TỔNG HỢP HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	**1.071.242.776.085**	**1.278.538.491.523**
Thu nhập tổng hợp khác trong năm		
Tài sản đầu tư sẵn sàng để bán: Thay đổi ròng của quỹ đánh giá lại tài sản sẵn sàng để bán theo giá trị hợp lý	(251.480.050.580)	1.297.808.654.470
Thuế thu nhập liên quan đến các khoản thu nhập tổng hợp khác	97.599.441.010	(288.198.339.211)
(Lỗ)/Thu nhập tổng hợp khác đã trừ thuế thu nhập doanh nghiệp	**(153.880.609.570)**	**1.009.610.315.259**
Tổng thu nhập tổng hợp trong năm đã trừ thuế thu nhập doanh nghiệp	**917.362.166.515**	**2.288.148.806.782**
Tổng thu nhập tổng hợp trong năm thuộc về:		
Cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt	872.049.904.831	2.131.822.581.957
Lợi ích cổ đông thiểu số	45.312.261.684	156.326.224.825

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND
Tài sản		
Tài sản cố định hữu hình	999.750.062.726	1.005.336.185.214
Bất động sản đầu tư	23.448.947.000	23.448.947.000
Tài sản cố định vô hình	587.196.294.681	624.435.969.217
Chi phí hoãn lại	307.028.258.405	294.424.717.991
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	1.685.727.091.117	1.894.093.759.496
Các khoản đầu tư có kỳ hạn cố định		
- *Sẵn sàng để bán*	*28.882.111.862.410*	*18.627.542.155.069*
- *Cho vay và phải thu*	*19.012.365.327.018*	*19.278.590.256.469*
Đầu tư cổ phiếu		
- *Sẵn sàng để bán*	*1.814.731.281.231*	*1.738.441.905.996*
- *Phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo lãi lỗ*	*166.685.280.850*	*200.512.089.403*
Tạm ứng từ giá trị giải ước	1.048.785.501.237	965.083.503.977
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	243.228.844.064	207.806.151.641
Phải thu về hoạt động bảo hiểm	874.746.952.052	801.815.489.519
Tài sản tái bảo hiểm	1.625.098.091.689	1.619.664.691.853
Các khoản trả trước và tài sản khác	1.618.426.968.603	1.675.802.000.335
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.256.691.436.043	1.424.818.218.079
TỔNG TÀI SẢN	**61.146.022.199.126**	**50.381.816.041.259**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
	VND	VND
Vốn chủ sở hữu		
Vốn điều lệ đã góp	6.804.714.340.000	6.804.714.340.000
Thặng dư vốn cổ phần	3.184.332.381.197	3.184.332.381.197
Lợi nhuận chưa phân phối	571.120.660.093	499.725.125.765
Quỹ đánh giá lại tài sản sẵn sàng để bán	1.645.496.148.299	1.801.450.742.911
Quỹ chênh lệch tỷ giá	16.075.608.000	16.075.608.000
Quỹ đầu tư phát triển	142.369.277.946	21.712.503.565
Quỹ dự trữ bắt buộc	292.449.189.772	246.015.752.941
Quỹ khác	103.568.802.818	103.568.802.818
Tổng vốn chủ sở hữu	**12.760.126.408.125**	**12.677.595.257.197**
Lợi ích cổ đông thiểu số	**613.911.979.743**	**572.642.210.495**
TỔNG VỐN	**13.374.038.387.868**	**13.250.237.467.692**
Nợ phải trả		
Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm	36.543.498.969.746	30.633.613.888.521
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	55.513.325.431	53.056.432.109
Doanh thu hoãn lại	95.318.882.134	88.354.037.365
Các khoản phải trả các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác	31.161.309.917	3.517.524.546
Người mua trả tiền trước	8.228.873.607	10.223.801.033
Thuế và các khoản phải trả nhà nước	96.679.287.168	90.998.179.270
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	243.364.350.859	307.033.765.811
Phải trả hoạt động bảo hiểm	989.133.124.486	878.914.275.352
Phải trả thương mại và các khoản phải trả khác	9.709.085.687.910	5.065.866.669.560
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**47.771.983.811.258**	**37.131.578.573.567**
TỔNG VỐN VÀ NỢ PHẢI TRẢ	**61.146.022.199.126**	**50.381.816.041.259**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đánh giá lại tài sản sẵn sàng để bán	Quỹ chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự trữ bắt buộc	Quỹ khác	Tổng cộng	Lợi ích cổ đông thiểu số	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	**6.804.714.340.000**	**3.184.332.381.197**	**499.725.125.765**	**1.801.450.742.911**	**16.075.608.000**	**21.712.503.565**	**246.015.752.941**	**103.568.802.818**	**12.677.595.257.197**	**572.642.210.495**	**13.250.237.467.692**
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.028.004.499.444	-	-	-	-	-	1.028.004.499.444	43.238.276.641	1.071.242.776.085
Cổ tức trả cho cổ đông	-	-	(680.471.434.000)	-	-	-	-	-	(680.471.434.000)	(1.300.000.000)	(681.771.434.000)
Trích lập cho các quỹ dự trữ	-	-	(167.090.211.212)	-	-	120.656.774.381	46.433.436.831	-	-	-	-
Trích lập quỹ An sinh xã hội	-	-	(11.213.504.993)	-	-	-	-	-	(11.213.504.993)	-	(11.213.504.993)
Trích quỹ phúc lợi nhân kỷ niệm 50 năm thành lập Bảo Việt	-	-	(33.640.514.978)	-	-	-	-	-	(33.640.514.978)	-	(33.640.514.978)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(61.642.003.839)	-	-	-	-	-	(61.642.003.839)	(2.724.057.357)	(64.366.061.196)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(2.493.115.434)	-	-	-	-	-	(2.493.115.434)	(22.800.000)	(2.515.915.434)
Thay đổi giá trị hợp lý các khoản đầu tư sẵn sàng để bán	-	-	-	(155.954.594.612)	-	-	-	-	(155.954.594.612)	2.073.985.042	(153.880.609.570)
Tăng khác giảm khác	-	-	(58.180.660)	-	-	-	-	-	(58.180.660)	4.364.922	(53.815.738)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	**6.804.714.340.000**	**3.184.332.381.197**	**571.120.660.093**	**1.645.496.148.299**	**16.075.608.000**	**142.369.277.946**	**292.449.189.772**	**103.568.802.818**	**12.760.126.408.125**	**613.911.979.743**	**13.374.038.387.868**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đánh giá lại tài sản sẵn sàng để bán	Quỹ chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự trữ bắt buộc	Quỹ khác	Tổng cộng	Lợi ích cổ đông thiểu số	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	**6.804.714.340.000**	**3.184.332.381.197**	**557.928.916.468**	**756.797.967.206**	**16.075.608.000**	**58.884.941.380**	**204.006.060.361**	**103.568.802.818**	**11.686.309.017.430**	**2.005.695.837.690**	**13.692.004.855.120**
Điều chỉnh do thay đổi phương pháp hợp nhất với Baoviet Bank	-	-	32.419.498.237	-	-	(39.141.537.713)	-	-	(6.722.039.476)	(1.494.564.780.169)	(1.501.286.819.645)
Giảm vốn góp của cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(41.834.180.494)	(41.834.180.494)
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.087.169.806.251	-	-	-	-	-	1.087.169.806.251	191.368.685.272	1.278.538.491.523
Trích lập cho các quỹ dự trữ	-	-	(43.978.792.478)	-	-	1.969.099.898	42.009.692.580	-	-	(6.204.959.518)	(6.204.959.518)
Cổ tức trả cho cổ đông	-	-	(1.020.707.151.000)	-	-	-	-	-	(1.020.707.151.000)	(43.200.000.000)	(1.063.907.151.000)
Trích lập quỹ An sinh xã hội	-	-	(11.043.076.006)	-	-	-	-	-	(11.043.076.006)	-	(11.043.076.006)
Lợi nhuận phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(98.082.362.830)	-	-	-	-	-	(98.082.362.830)	(2.975.691.839)	(101.058.054.669)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(3.373.190.815)	-	-	-	-	-	(3.373.190.815)	(600.240.000)	(3.973.430.815)
Thay đổi giá trị hợp lý các khoản đầu tư sẵn sàng để bán	-	-	-	1.044.652.775.705	-	-	-	-	1.044.652.775.705	(35.042.460.447)	1.009.610.315.258
Tăng khác giảm khác	-	-	(608.522.062)	-	-	-	-	-	(608.522.062)	-	(608.522.062)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	**6.804.714.340.000**	**3.184.332.381.197**	**499.725.125.765**	**1.801.450.742.911**	**16.075.608.000**	**21.712.503.565**	**246.015.752.941**	**103.568.802.818**	**12.677.595.257.197**	**572.642.210.495**	**13.250.237.467.692**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Tiền thu phí bảo hiểm và thu lãi	16.312.475.445.773	14.689.967.839.777
Tiền trả cho người bán, người cung cấp dịch vụ	(14.600.397.968.264)	(9.993.747.601.888)
Tiền chi trả cho người lao động	(1.275.284.621.442)	(1.230.833.323.160)
Tiền chi trả lãi vay	(1.135.242.404)	(540.675.477)
Tiền nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(274.892.086.257)	(359.348.577.046)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	32.058.443.497.030	20.144.187.493.214
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(32.382.671.777.668)	(17.029.143.979.389)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**(163.462.753.232)**	**6.220.541.176.031**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	(57.695.630.527)	(112.563.644.344)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.318.518.181	4.212.495.450
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	(16.823.034.052.391)	(18.312.427.024.359)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác	17.667.905.319.611	14.131.798.756.079
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	-	(74.237.901.515)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	-	313.897.951.355
Tiền thu lãi cho vay, trái tức và lợi nhuận được chia	589.014.592.105	664.286.552.445
Tiền và tương đương tiền giảm do thay đổi phương pháp hợp nhất Ngân hàng Bảo Việt	-	(7.670.212.570.700)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	**1.377.508.746.979**	**(11.055.245.385.589)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Năm 2015	*Năm 2014*
	VND	*VND*
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền chi trả cho cổ đông thiểu số	-	(39.013.395.859)
Tiền thu từ đi vay (bao gồm hoạt động repo)	14.697.016.602.744	509.179.625.306
Tiền trả nợ gốc vay (bao gồm hoạt động repo)	(14.399.867.542.457)	(508.515.674.343)
Tiền chi trả cổ tức	(681.181.899.550)	(1.019.959.934.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính	**(384.032.839.263)**	**(1.058.309.379.296)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**830.013.154.484**	**(5.893.013.588.854)**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	1.424.818.218.079	7.318.047.598.296
Ảnh hưởng của biến động tỷ giá	1.860.063.480	(215.791.363)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	**2.256.691.436.043**	**1.424.818.218.079**

NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

1. ĐỐI CHIẾU NHỮNG KHÁC BIỆT VỀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN GIỮA CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM (VAS) VÀ CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (IFRS)

(i) Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn Bảo Việt

	2015	2014
	VNĐ	VNĐ
Theo VAS	**1.468.891.856.638**	**1.627.305.425.297**
1. Tài sản tài chính		
Định giá cổ phiếu	(1.508.490.465)	47.374.945.736
Đầu tư có kỳ hạn xác định	96.611.204.445	(230.486.130.489)
Các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng	-	301.808.404.110
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	(168.018.646.785)	(237.414.799.084)
2. Các khoản mục bảo hiểm		
Điều chỉnh dự phòng bồi thường bảo hiểm phi nhân thọ	(123.432.724.147)	(95.295.291.184)
Hoàn nhập dự phòng dao động lớn	55.964.761.131	97.921.509.054
Điều chỉnh dự phòng phải thu bảo hiểm	42.747.918.107	62.967.958.889
3. Các khoản mục khác		
Hàng tồn kho ghi nhận vào BCKQKD	(5.993.445.638)	51.877.149
Các điều chỉnh khác	(2.826.195.696)	(25.968.116.642)
Theo IFRS và được báo cáo trên Thông tin tài chính bổ sung này	**1.362.436.237.590**	**1.548.265.782.836**

NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

1. ĐỐI CHIẾU NHỮNG KHÁC BIỆT VỀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN GIỮA CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM (VAS) VÀ CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (IFRS) (tiếp theo)

(ii) Tài sản ròng của Tập đoàn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
	VNĐ	VNĐ
Theo VAS	**13.198.191.246.848**	**12.816.821.073.013**
1. Tài sản tài chính		
Định giá cổ phiếu	415.195.930.457	432.479.370.606
Đầu tư có kỳ hạn xác định	1.884.630.816.020	2.150.944.474.581
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	(405.433.445.868)	(237.414.799.084)
2. Các khoản mục bảo hiểm		
Điều chỉnh dự phòng bồi thường bảo hiểm phi nhân thọ	(1.725.647.998.166)	(1.729.435.036.129)
Hoàn nhập dự phòng dao động lớn	217.939.338.312	153.799.556.175
Dự phòng phải thu bảo hiểm	6.402.586.553	(36.345.331.553)
3. Các khoản mục khác		
Hàng tồn kho ghi nhận vào BCKQKD	(36.377.886.174)	(30.384.440.536)
Các điều chỉnh khác	(152.769.015.464)	(149.942.819.768)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp		
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(28.093.184.650)	(120.284.579.613)
Theo IFRS và được báo cáo trên Thông tin tài chính bổ sung này	**13.374.038.387.868**	**13.250.237.467.692**

NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

2 MÔ TẢ NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CÁCH THỨC ĐO LƯỜNG VÀ GHI NHẬN THU NHẬP GIỮA VAS VÀ IFRS

Khoản mục	*VAS*	*IFRS*
Tài sản tài chính	Các khoản đầu tư vào chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo nguyên giá. Các khoản đầu tư ngắn hạn là các chứng khoán niêm yết và các chứng khoán thanh khoản khác luôn sẵn sàng để bán và dự định nắm giữ ít hơn một năm. Các khoản đầu tư dài hạn bao gồm các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết ("OTC"), trái phiếu chính phủ, các khoản cho vay và cho vay ủy thác, tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, tất cả đều được dự định nắm giữ hơn một năm.	i) Các tài sản tài chính xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ là các tài sản tài chính được lựa chọn khi ghi nhận lần đầu xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ. ii) Các khoản đầu tư được dự định tiếp tục nắm giữ được phân loại là sẵn sàng để bán và được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý cộng với chi phí giao dịch trực tiếp hoặc chỉ phát sinh khi có giao dịch xảy ra. Tại mỗi lần khóa sổ, giá trị hợp lý được xác định lại, các khoản lãi lỗ sẽ được ghi nhận vào khoản mục Các thu nhập tổng hợp khác và lãi, lỗ lũy kế được trình bày riêng rẽ ở mục quỹ dự trữ hợp lý thuộc vốn chủ sở hữu cho đến khi khoản đầu tư được bán hoặc giảm giá trị. Khi các khoản đầu tư sẵn sàng để bán được bán, các thu nhập hoặc lỗ lũy kế đã được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu trước đây sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. iii) Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản được trả đã được xác định trước và không được báo giá trên thị trường tích cực. Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, và đây là giá trị hợp lý của giá trị trả ra để có được khoản đầu tư. Tất cả các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua cũng được cộng vào giá gốc của đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay và phải thu được xác định giá trị theo giá trị phân bổ, sử dụng phương pháp lãi suất thực tế. Lãi và lỗ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các khoản đầu tư được dừng ghi nhận hoặc bị giảm giá trị, cũng như qua việc phân bổ giá trị.

NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

2 MÔ TẢ NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CÁCH THỨC ĐO LƯỜNG VÀ GHI NHẬN THU NHẬP GIỮA VAS VÀ IFRS (tiếp theo)

Khoản mục	*VAS*	*IFRS*
Dự phòng giảm giá trị	Dự phòng giảm giá cổ phiếu được ghi nhận nếu như chi phí mua vượt quá giá thị trường tại ngày khóa sổ báo cáo.	Dự phòng giảm giá trị được ghi nhận đối với các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán, đối với tài sản này thay đổi về giá trị hợp lý được ghi nhận vào Thu nhập tổng hợp khác. Lỗ suy giảm giá trị trước đây của các công cụ nợ Sẵn sàng để bán (tài sản tiền tệ) được hoàn nhập vào thu nhập khi giá trị hợp lý tăng. Đối với các công cụ vốn Sẵn sàng để bán (các tài sản phi tiền tệ), các khoản lỗ suy giảm giá trị trước đây được hoàn nhập vào vốn chủ sở hữu.
Công ty liên kết	Các khoản đầu tư vào công ty liên kết không phải là đối tượng đánh giá suy giảm giá trị theo như chuẩn mực VAS 7.	Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được điều chỉnh theo những thay đổi về giá trị sau này đối với phần sở hữu của Tập đoàn trong công ty liên kết. Giá trị ghi nhận này sẽ bị ghi giảm khi có bằng chứng về tổn thất.
Các khoản phải thu	Các khoản phải thu phản ánh theo giá trị phải thu đến hạn từ khách hàng và các con nợ khác và trừ đi dự phòng nợ khó đòi. Dự phòng nợ khó đòi là khoản thiệt hại ước tính phát sinh từ các khoản nợ không còn khả năng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo. Phần dự phòng này được tính theo tỷ lệ khác nhau dựa trên tuổi nợ của các khoản phải thu.	Các khoản phải thu được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi các dự phòng nợ khó đòi.
Tài sản cố định	Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Định giá lại hoặc ghi giảm khi có tổn thất là không được phép, trừ phi có quyết định riêng từ Bộ Tài chính.	Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế và bất kỳ dự phòng giảm giá nào.
Các tài sản vô hình	Các tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Việc đánh giá lại hoặc ghi giảm do tổn thất là không được phép.	Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế và bất cứ tổn thất lũy kế nào.Nếu tài sản vô hình có thời hạn sử dụng vô thời hạn thì IAS 38 yêu cầu không tiến hành trích khấu hao cho tài sản.

NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

2 MÔ TẢ NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CÁCH THỨC ĐO LƯỜNG VÀ GHI NHẬN THU NHẬP GIỮA VAS VÀ IFRS (tiếp theo)

Khoản mục	*VAS*	*IFRS*
Dự phòng bảo hiểm nhân thọ	Dự phòng đảm bảo cân đối được trích dựa trên lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ.	IFRS 4 không cho phép trích lập các khoản dự phòng cho các hợp đồng chưa tồn tại tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán (như dự phòng đảm bảo cân đối).
Dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ	Quỹ dự phòng tổn thất nhưng chưa báo cáo tại Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt được tính theo công thức mà Bộ Tài chính ban hành. Dự phòng dao động lớn được trích dựa trên phí giữ lại và kinh nghiệm của lãnh đạo công ty.	Toàn bộ dự phòng được trích cho các ước tính về tổn thất đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết tại ngày khóa sổ và các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại. IFRS 4 không cho phép trích lập các khoản dự phòng cho các nghĩa vụ chưa tồn tại tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán (như dự phòng dao động lớn).
Thuế thu nhập	VAS 17 không quy định về các chênh lệch tạm thời và việc ghi nhận thuế hoãn lại liên quan đến hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại, các tài sản ghi nhận theo giá trị hợp lý và các khoản hỗ trợ từ chính phủ.	Các tài sản và nghĩa vụ thuế hoãn lại phát sinh từ các chênh lệch được khấu trừ hoặc chịu thuế là các chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản, nghĩa vụ vì mục đích báo cáo tài chính và mục đích tính thuế. Các tài sản thuế hoãn lại cũng phát sinh từ các các khoản lỗ thuế chưa sử dụng hoặc các khoản khấu trừ chưa sử dụng của thuế, nếu có. Giá trị của khoản thuế hoãn lại được ghi nhận dựa trên dự kiến về cách thức thực hiện hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các tài sản và nghĩa vụ, sử dụng các mức thuế đã ban hành hoặc có hiệu lực ban hành vào thời điểm khóa sổ.

CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

1	AFYP	Doanh thu khai thác mới quy năm
2	ALCO	Uỷ ban Quản lý Tài sản nợ - Tài sản có
3	AUM	Tổng tài sản quản lý
4	BANCASURANCE	Bán chéo các sản phẩm bảo hiểm qua hệ thống ngân hàng
5	BCTC	Báo cáo tài chính
6	BCTN	Báo cáo thường niên
7	BCPTBV	Báo cáo phát triển bền vững
8	BKS	Ban Kiểm soát
9	BH	Bảo hiểm
10	BHBV	Bảo hiểm Bảo VIệt
11	BVB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt
12	BVINVEST	Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt
13	BVF	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
14	BVFED	Quỹ đầu tư cổ phiếu năng động Bảo Việt
15	BVF1	Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt
16	BVH	Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt
17	BVNT	Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ
18	BVSC	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
19	CAGR	Tỷ lệ tăng trưởng bình quân hàng năm
20	CAR	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu
21	CAT	Mô hình đánh giá rủi ro thiên tai
22	CNTT	Công nghệ thông tin
23	COC	Mô hình kinh doanh tập trung
24	CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
25	ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
26	ĐVTV/CTTV	Đơn vị thành viên/ Công ty thành viên
27	EPS	Lãi cơ bản trên cổ phiếu
28	E&Y	Công ty kiểm toán Ernst & Young
29	KPI	Chỉ tiêu hoạt động cơ bản
30	KTM	Khai thác mới
31	FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
32	FED	Cục Dự trữ Liên bang Mỹ
33	KLGD	Khối lượng giao dịch
34	KTNB	Kiểm toán nội bộ
35	GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
36	HĐQT/HĐTV	Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên
37	HNX	Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
38	HOSE/HSX	Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
39	HSBC	HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited
40	IR	Quan hệ nhà đầu tư
41	M&A	Thâu tóm và sáp nhập
42	LACP	Hiệp hội Truyền thông chuyên nghiệp Hoa Kỳ
43	LN	Lợi nhuận
44	LNST	Lợi nhuận sau thuế
45	NPL	Tỷ lệ nợ xấu
46	LNTT	Lợi nhuận trước thuế
47	NHNN	Ngân hàng nhà nước
48	NSNN	Ngân sách Nhà nước
49	ODA	Viện trợ phát triển chính thức
50	P/E	Hệ số giá trên thu nhập của cổ phiếu

51	QLGSBH	Cục Quản lý và Giám sát Bảo hiểm
52	PVIF	Giá trị lợi nhuận trong tương lai cảu các hợp đồng đang có hiệu lực
53	QE3	Chương trình nới lỏng định lượng của Chính phủ Mỹ
54	QLRR	Quản lý rủi ro
55	ROA	Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản
56	ROE	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
57	RMC	Hộ đồng Quản lý rủi ro
58	SCIC	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
59	SP	Sản phẩm
60	TCT	Tổng công ty
61	TNHH/CTCP	Trách nhiệm hữu hạn/ Công ty Cổ phần
62	TNDS	Trách nhiệm dân sự
63	TTCK	Thị trường chứng khoán
64	TTLK	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
65	TSCTA	Thoả thuận Hỗ trợ kỹ thật và Chuyển giao năng lực
66	UBKT	Uỷ ban Kiểm toán
67	UNCKNN	Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước
68	UPCOM	Thị trường giao dịch các cổ phiếu chưa niêm yết
69	VAS	Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam
70	VCSH	Vốn chủ sở hữu
71	VĐL	Vốn điều lệ
72	VN-INDEX	Chỉ số giá chứng khoán VN-Index
73	VPĐD	Văn phòng đại diện
74	WB	Ngân hàng Thế giới

BAOVIET

FSC
100%
From well-managed forest
Cert no.SGS-COC-001401
www.fsc.org
© 1995 Forest Stewardship Council

Những ấn bản đẹp thường được in trên giấy có nguồn gốc từ thên nhiên.
Sợi giấy làm từ gỗ đàn hồi và bền bỉ với thời gian.
Báo cáo tích hợp của Bảo Việt được in trên giấy có chứng chỉ fse.
Bảo Việt cam kết ý thức hài hòa môi trường sống.
Hãy cùng chúng tôi nỗ lực vì hành tinh xanh

designed by Meteor® www.meteorcorp.com

BAOVIET

BẢO HIỂM • ĐẦU TƯ • DỊCH VỤ TÀI CHÍNH